François

Varillon

Tin yêu
Và vui sống

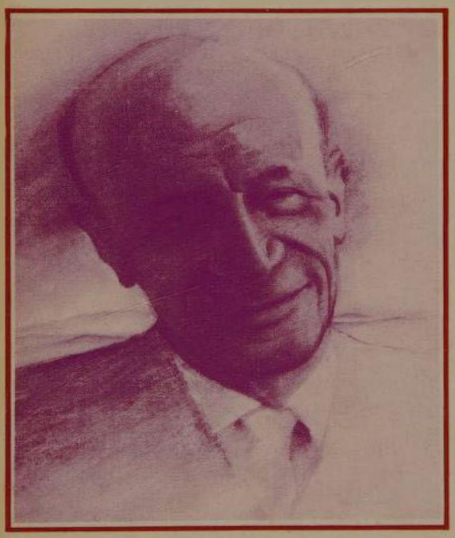

le centurion

TIN YÊU VÀ VUI SỐNG

FRANCOIS VARILLON

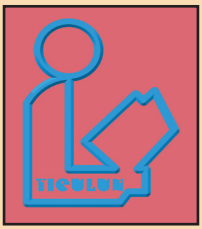

Lời Nói Đầu

Cha Varillon, con người, tu sĩ, nhà văn

Có những cuốn sách mà không cần biết tác giả. Có những cuốn sách khác mà trí tuệ của chúng được soi sáng bởi những gì ta có thể biết về người đã sáng tác chúng. Có lẽ điều này càng đúng hơn đối với những tác phẩm hậu thế mà tác giả không còn ở đó để giải thích ý định của mình. Đây là trường hợp của cuốn sách hiện tại, trong đó văn bản đã được biên soạn sau khi cha Varillon qua đời dựa trên các ghi chú được thực hiện bởi các thính giả. Nhà xuất bản đã cho rằng việc đọc các bài giảng của cha nên được bắt đầu bằng một vài thông tin về con người, tu sĩ, nhà văn, nhằm mục đích cho những ai chưa có cơ hội tiếp cận và nghe diễn giả.

Người bạn đã được yêu cầu vẽ chân dung của Cha Varillon ở đây. Tôi đã có vinh dự, cùng với nhiều người khác, được biết cha từ lâu : hơn một phần ba thế kỷ.

Trước khi gặp cha, tôi đã đọc một vài bài phê bình văn học mà, khi còn là một tu sĩ trẻ, cha đã gửi cho tạp chí Études.

Tôi đã quen biết cha khi ngài còn là phó tổng tuyên úy của ACJF, và từ đó tôi có thể nói rằng con đường

của chúng tôi chưa bao giờ tách rời ; có vô số cơ hội để chúng tôi làm việc cùng nhau. Cha luôn đáp lại lời mời của tôi tham gia các buổi hội thảo hoặc tuần lễ của Trung tâm Trí thức Công giáo. Cha đã từng, cha đã trở thành bạn của gia đình chúng tôi, của các con chúng tôi. Cha đã bước vào cuộc sống của chúng tôi.

Việc cha đã là một trong những người bạn thân nhất của chúng tôi trong hơn một phần tư thế kỷ không làm cho nhiệm vụ của tôi dễ dàng hơn : thật khó để thoát khỏi tính chủ quan ảnh hưởng không thể tránh khỏi đến các mối quan hệ cá nhân và liên quan đến hoàn cảnh mà các mối quan hệ này được thiết lập. Vì vậy, điều mà người ta mong đợi từ tôi là một lời chứng hơn là một phân tích. Và nếu tôi giữ lại, trong phần kết luận, việc cố gắng, với tư cách là một nhà sử học, để đo lường vai trò và ảnh hưởng của cha, điều cốt yếu vẫn sẽ là một lời chứng về con người.

Hai nét vẽ làm phức tạp nhiệm vụ của người vẽ chân dung, nhưng chúng đã như những nét cọ đầu tiên được vẽ lên bức tranh.

Trước hết, đó là sự kín đáo tuyệt đối đối với mọi thứ liên quan đến bản thân cha. Cha rất ít khi nói về bản thân mình. Cha tương đối keo kiệt trong việc chia sẻ những điều riêng tư và phải kiên trì để moi ra từ

cha, trong những năm cuối đời, một vài chi tiết về tình trạng sức khỏe của cha, về điều mà cha gọi là «sự mong manh» của mình. Charles Ehlinger, người đã có cơ hội có những cuộc trò chuyện dài với cha vài tuần trước khi cha qua đời, trong bài viết rất đẹp mà ông đã dành cho cha ngay sau khi cha qua đời, nói : «Cha chỉ nói về mình với sự hài hước và khiêm tốn.» Khiêm tốn, chắc chắn, nhưng cần phải định nghĩa trên lĩnh vực tâm linh : sự kín đáo này, sự dè dặt này là biểu hiện của sự từ bỏ bản thân và sự vô tư hoàn toàn. François Varillon hoàn toàn tận tụy với người khác, với công việc của mình, với sứ mệnh của mình.

Tất cả những ai đã tiếp xúc với cha đều bị ấn tượng và xúc động bởi sự chú ý mà cha dành cho họ : cha chia sẻ những mối quan tâm của họ, cha biết cách tìm ra những từ ngữ để diễn đạt điều đó, bằng lời nói hoặc bằng văn bản. Những ý tưởng chiếm một vị trí rất quan trọng trong cuộc sống của cha.

Cha cũng rất chăm sóc đến những trách nhiệm mà cha đảm nhận : ngôi nhà của Châtelard trong thời gian cha làm giám đốc.

Khó khăn thứ hai, những người không tiếp xúc trực tiếp với cha cũng biết rõ như những người bạn thân thiết của cha : đó là sự phong phú phi thường của tính cách

cha, và tôi không nghĩ rằng đó là một cách diễn đạt quá mức. Làm thế nào để nắm bắt, tập hợp những khía cạnh đa dạng như vậy ? Những sự tò mò của cha rất đa dạng. François Varillon quan tâm đến hầu hết mọi thứ : đến sự chuyển động của các ý tưởng, đến những tác phẩm văn học mới nhất, đến thơ ca, đến âm nhạc, đến điện ảnh. Sự tò mò này không khiến cha xa rời thực tại : cha quan tâm đến các sự kiện, đến chính trị. Cha đã theo dõi với sự cảm thông kinh nghiệm của Pierre Mendès France : ký ức của ông để lại cho cha một chút hoài niệm. Cha quan tâm đến lịch sử đang được tạo ra. Đa dạng cả khả năng và tài năng của cha : ngoài tôn giáo và viết lách, còn phải thêm «nhà soạn nhạc», không chỉ là người yêu âm nhạc, mà là người chơi piano các bản nhạc bốn tay với Urs von Balthasar vào thời kỳ Fourvière. Qua người diễn thuyết, nhà triết học, nhà thần học, người ta cảm nhận được sự thống nhất sâu sắc của con người, không bao giờ có cảm giác về một nhân cách bị phân tán. Sự thống nhất xuất phát từ một nguồn cảm hứng thống nhất : linh mục, người của Chúa, người tìm kiếm Chúa và công bố Ngài cho người khác.

Tôi sẽ bắt đầu bằng khía cạnh mà vào năm 1974, Giải thưởng Văn học Công giáo đã thu hút sự chú ý của công chúng đối với một cuốn sách thuộc về văn hóa tinh thần hơn là văn học : Khiêm nhường của Thiên

Chúa. Nhà văn, François Varillon đã từ khi còn thanh thiếu niên, rất quan tâm đến việc viết lách. Suốt cuộc đời, ông đã quan tâm đến văn học. Là một tu sĩ trẻ, cha đã dạy môn này tại Mongré, Sainte-Hélène. Tôi nhớ lại các nghiên cứu phê bình trong các Tạp chí mà qua đó tên tuổi của cha bắt đầu được biết đến ngay trước chiến tranh. Gần như đến cuối đời, cha đã thực hiện phê bình văn học bằng miệng trong các buổi hội thảo hàng tháng mà ông tổ chức ở Lyon, Genève, Paris, nơi cha báo cáo về các sự kiện hiện tại, đọc mỗi tháng năm, sáu, bảy tiểu thuyết hoặc tiểu luận, thực hiện một sứ mệnh tương tự như Bremond hoặc Cha Blanchet.

Khía cạnh nổi tiếng nhất, chắc chắn, là người bình luận và biên tập viên của Claudel. Cha đã phát hiện ra Claudel, một sinh viên trẻ vào những năm hai mươi, vào thời điểm mà những người hâm mộ Claudel không nhiều. Sự quen biết với Claudel đối với cha là một sự khai sáng đồng thời với sự ra đời của ơn gọi của cha và quyết định gia nhập Dòng Tên. Với Claudel, đó là hơi thở của thiên tài thơ ca, một tầm nhìn công giáo về thế giới, vẻ đẹp của sự sáng tạo, bi kịch của sự Chuộc tội, một nguồn cảm hứng sâu sắc tôn giáo mà chính cha cũng hòa hợp. Cha sau đó đã làm quen cá nhân với Claudel ở Brangues và nhận từ ông nhiệm vụ biên tập sau khi ông qua đời cuốn Nhật ký mà ông đã giữ

trong nhiều năm. Trong việc chuẩn bị cho ấn bản này, François Varillon, với sự chứng kiến của tất cả bạn bè cha, đã dành tất cả những khoảnh khắc có sẵn trong nhiều năm. Và chỉ những ai có kinh nghiệm với loại biên tập phê bình này mới có thể đo lường những gì đã yêu cầu từ cha, những gì đại diện cho một khối lượng công việc và nghiên cứu kiên nhẫn như việc giải mã bản thảo, thiết lập văn bản, làm sáng tỏ các trích dẫn. Người khác chỉ cần xuất bản cuốn Nhật ký cũng đủ để thiết lập danh tiếng như những học giả. Nhưng mối quan tâm của François Varillon trong việc cung cấp một công cụ để hiểu biết tốt hơn về tác giả của «Soulier de satin» đã mang lại cho chúng ta một Claudel trong bộ sưu tập «Les Écrivains devant Dieu».

Sự trung thành claudélienne này, mà cha chưa bao giờ rời bỏ trong năm mươi năm tồn tại kể từ phát hiện ban đầu và đặt lên môi mình một cách tự nhiên những câu trích dẫn của Claudel, không phải là độc quyền : Cha Varillon không phải là người của một nhà văn duy nhất. Cha không hề có tính bè phái. Và điều này trong tất cả các lĩnh vực, không chỉ đối với những sự ngưỡng mộ văn học. Tôi sẽ không sử dụng từ «tính tạp nham», từ này thường có nghĩa tương đối, tôi sẽ nói đến «tính đại đồng» hơn.

Trong sở thích văn hóa, sự tò mò về văn học, và sự đồng cảm nghệ thuật của ông có một tinh thần đại kết phi thường ; trong âm nhạc, cha cũng thích Bach và Schoenberg và hòa giải Mozart và Wagner... tuy nhiên, với một chút nghi ngờ, cha tự trách mình vì niềm vui mà cha tìm thấy ở Wagner, mà cha thấy hơi đáng ngờ, như Mauriac trong một «ngụm thuốc độc», được ghi lại trong Nhật ký của cha.

Phạm vi sở thích của cha vẽ nên những cấu trúc trí tuệ bất ngờ. Vì vậy, vị trí của Fénelon có thể gây ngạc nhiên, ông ấy khác biệt với Claudel. Và có lý do về mặt tinh thần cho điều đó : ở Fénelon, chính là sự thần bí của tình yêu thuần khiết đã quyến rũ Cha Varillon. Cha định nghĩa như vậy về điều mà cha gọi là phép lạ fénelonien : «Phép lạ fénelonien nằm ở sự tương phản kỳ diệu giữa độ dày đặc về tinh thần của điều được diễn đạt và sự thanh thoát hài hòa của cách diễn đạt.» Và trong bài viết mà tôi đã đề cập trước đó, đăng ngay sau cái chết của François Varillon, Charles Ehlinger tiếp tục : «Phải chăng đó cũng là phép màu của Varillon? và, nhường lời cho François Varillon người đã nói về Fénelon : «Nhà triết học, nhà thần học, nhân văn, nhà thơ... một người đàn ông thực sự hoàn thiện», ông ấy vào «Tất cả những điều đó, và hơn thế nữa : thêm vào âm nhạc, và bức chân dung có phải là của François

Varillon không ?»

Chắc chắn có những mối liên hệ giữa tổng giám mục Cambrai và vị giám mục Dòng Tên ở Lyon. François Varillon đã đóng góp, trong một cuốn sách nhỏ xuất bản trong bộ sưu tập «Maîtres spirituels» mang tên Fénelon et le pur amour, để khôi phục lại hình ảnh thật sự của Fénelon, thoát khỏi những huyền thoại đã làm mờ đi khuôn mặt của ông và làm rối loạn kỷ niệm.

Nhà văn, François Varillon không chỉ là nhà văn vì cha quan tâm đến các nhà văn. Cha là một nhà văn theo đúng nghĩa của từ này, chú ý đến số lượng của câu, thưởng thức âm nhạc của từ ngữ, nhạy cảm với sự chính xác của một tính từ, trọng lượng của một thuật ngữ, hình thức của các hình ảnh, không ngừng tìm kiếm cho bản thân mình sự diễn đạt chính xác nhất, ngắn gọn nhất, rõ ràng nhất, làm việc với các văn bản viết và cả nói của mình, vì cha viết tất cả các bài giảng của mình, không khoan nhượng với sự cầu kỳ và các trò chơi chữ, và hướng tới một sự hòa quyện càng sâu sắc càng tốt giữa tư tưởng và diễn đạt.

Dựa trên những ghi chép này và khi nhắc đến nhà văn, những người không có cơ hội tiếp cận cha, không có đặc quyền được nghe cha, đừng tưởng tượng cha là một linh mục nhà văn, một trong những giáo sĩ tinh tế

thường lui tới các salon văn học và giảm bớt sứ mệnh của mình chỉ còn lại việc giao du với những người viết văn. François Varillon trước hết, về bản chất, là một linh mục, một tu sĩ, một người của Chúa. Văn học chưa bao giờ được cha coi như một trò giải trí. Nó không làm cha xa rời khỏi chức vụ của mình, và điều này cần được lưu ý - rằng cha cũng không bao giờ làm cho nó xa rời mục đích riêng của nó và đã cố gắng biến nó thành một công cụ biện hộ. Cha đã tuân theo tầm nhìn thế giới của mình hoặc thần học về các thực tại trần thế bằng cách tôn trọng sự phân biệt giữa các trật tự thực tại và xem xét tính đặc thù của các hoạt động. Trên hết, ông là một người của Chúa : mọi thứ đều được sắp xếp và xoay quanh điều cần thiết duy nhất.

Vì vậy, thời điểm đã đến để cố gắng định nghĩa hình thức bộ vụ nguyên bản này mà cả hoàn cảnh cũng như ơn gọi và các điều kiện cá nhân, nhưng hoàn cảnh, phải chăng đó là cách mà Chúa hành động trong các cuộc sống cá nhân ? đã chỉ định cho nó. Một chức vụ kết hợp trong một sự cân bằng khá hiếm giữa lời nói và hành động, giảng dạy và hoạt động. Lời nói truyền cảm hứng cho hành động, không phải hành động trực tiếp, ít nhất là hiếm khi, nhưng được phát biểu cho những người đã tham gia vào hành động, dù họ là giáo dân hay giáo sĩ, và thuật ngữ «linh mục» khá tốt để minh họa cho

điều này, vì đó là danh hiệu của cha trong các hội đoàn Giáo hội khác nhau, như ACJF hoặc MICIAC. Đó là một trong những đặc điểm nguyên bản của Công giáo Pháp những năm 1930-1970, sự xuất hiện và phát triển của một bộ phận mục vụ, tức là một bộ phận gần gũi, có ảnh hưởng ; một thẩm quyền đạo đức theo một cách nào đó, bên cạnh những người có trách nhiệm và tham gia vào các công việc của Giáo hội hoặc các công việc công dân.

François Varillon cũng đã điều hành các cộng đồng gia đình, được thành lập dựa trên ý chí sống trọn vẹn tình yêu hôn nhân và ân sủng của bí tích hôn nhân, thực hiện một sứ vụ gần gũi với người đồng môn của mình là Henri Caffarel, người sáng lập các Nhóm Notre-Dame. Năm động từ - cho, tha thứ, tặng, xin, nhận được đề xuất cho các gia đình này đã định nghĩa một tinh thần tâm linh của người giáo dân. Cha đã tham gia vào sự đổi mới này, một trong những sức mạnh của Công giáo Pháp giữa thế kỷ 20.

Cha đã có mặt từ đầu, vào đầu cuộc chiếm đóng, của cuốn Cahier de Témoignage chrétien đầu tiên. Chính cha, người đã nhận được sự tin tưởng những lo ngại của một số nhà hoạt động, đã đến gặp Cha Chaillet, đã báo động ngài và là người khởi xướng cuốn Cahiers

đầu tiên, cuốn do Gaston Fessard viết, Nước Pháp, hãy cẩn thận đừng đánh mất linh hồn của mình... Giữa năm 1941 và 1944, cha đã tham gia vào nhóm «các nhà thần học không có mệnh lệnh» đã đóng một vai trò lớn trong việc hình thành các tín hữu Công giáo Pháp đối mặt với những khó khăn và vấn đề của chiến tranh. Đặc biệt, cha đã đóng một vai trò quan trọng trong các phong trào thanh niên của Hành động Công giáo chuyên biệt, trong suốt khoảng mười năm, với tư cách là tuyên úy tổng phụ tá của ACJF từ năm 1945 cho đến khi hiệp hội lớn này biến mất vào năm 1956.

Cha thích nói rằng những năm tháng đó đối với cha là một trải nghiệm không thể so sánh được. Đối với vị linh mục Dòng Tên khoảng bốn mươi tuổi này, đó là sự khám phá, hoặc sự nhận thức, về một loạt các vấn đề đã để lại dấu ấn sâu sắc trong tầm nhìn của cha về thế giới và mối quan hệ giữa Tin Mừng và thế kỷ. Cha sẽ gắn bó với điều đó suốt đời, và cho đến ngày cuối cùng, trung thành với những tình bạn mà cha đã kết nối trong dịp đó.

Đóng góp của cha khó đánh giá, vì khó phân biệt với một trải nghiệm tập thể, nhưng cho phép người đã chứng kiến hàng ngày trong nhiều năm nói ở đây : nó rất đáng kể.

Cha đã tham gia với lòng hy sinh và vị tha vào một cuộc tìm kiếm chung do các giáo dân và linh mục thực hiện, nhằm kết hợp đức tin và hành động, đồng thời thúc đẩy sự sâu sắc về tinh thần và cam kết trong cuộc sống.

Chưa bao giờ, trong tư tưởng cũng như trong thực hành của François Varillon, có sự phân tách nào giữa cái mà ngày nay đôi khi người ta gọi là ngang và dọc. Hai điều này kết hợp và hòa quyện sâu sắc với nhau, và sự can thiệp của cha nằm chính xác tại điểm giao thoa của cả hai với sự kín đáo, khiêm tốn mà cha chia sẻ với hầu hết các anh em linh mục Dòng Tên của mình ; không ai ít mang tính giáo sĩ hơn cha. Cha tin tưởng sâu sắc vào sự cần thiết phải đào tạo những Kitô hữu trưởng thành, những người đàn ông có trách nhiệm, và rằng không có phương pháp giáo dục nào khác - một thuật ngữ mà cha không thường xuyên sử dụng, nhưng mà thực tế thì cha rất quen thuộc - ngoài việc khuyến khích họ nhận trách nhiệm. Cha lắng nghe, cha nhắc lại ý nghĩa, lòng tốt, cảm hứng của hành động, và hướng dẫn việc tìm kiếm Chúa.

Một phần nhờ vào trải nghiệm này mà cha đã phải tự hỏi về cách công bố Chúa, làm cho lời Ngài được biết đến với những người nghe thời đó.

So với thời gian này, hai mối lo lắng đè nặng lên cha, hai yêu cầu thúc đẩy cha, những yêu cầu này là hệ quả của những mối lo lắng đầu tiên.

Điều đầu tiên : được mọi người hiểu, dễ tiếp cận với tất cả, tìm một ngôn ngữ cho phép hòa nhập với các khán giả đa dạng nhất. Và tôi đã có kinh nghiệm về sự đa dạng của những khán giả này : tôi đã thấy cha, tôi đã nghe cha nói chuyện với các nhà hoạt động công đoàn, các kỹ sư, các nhà hoạt động nông thôn không có học vấn; trong mọi hoàn cảnh, cha đều triển khai một phương pháp sư phạm hiệu quả tuyệt vời vì giản dị và lắng nghe người khác. Sự quan tâm này đã dẫn dắt cha đến việc xây dựng, trước tiên, cùng với Cha Congar, các tờ ghi chép về văn hóa tôn giáo, mà sau này đã trở thành «Các yếu tố của giáo lý Kitô giáo» được đưa vào bộ sưu tập «Sách đời sống».

Lo ngại thứ hai thuộc về lĩnh vực trí thức : khá hiếm khi thấy cùng một người đặt ra vấn đề về sự phổ biến và tính nghiêm túc trí thức, và cố gắng không hy sinh bất kỳ điều nào trong hai điều đó.

Cha là một trong những người đầu tiên - tôi không nói là người đầu tiên, vì Henri de Lubac và Gaston Fessard đã mở đường cho cha - nghiêm túc xem xét sự không tin tưởng hiện đại ; xem xét, dưới ảnh hưởng

chính xác của Cha de Lubac mà cha dành sự ngưỡng mộ kính trọng, chủ nghĩa vô thần, từ chối sự tha hóa mà theo mắt nhiều người, niềm tin vào Chúa mang lại cho con người, từ chối một «Chúa Jupiter» như cha đã nói. Cha công nhận điều hợp lý trong ý muốn của con người được tự chủ và cha không ngừng, từ khi mối lo ngại này thức dậy cho đến ngày cuối cùng của mình, đọc các triết gia, cả cổ điển và hiện đại, Hegel, Nietzsche hay Marx, các triết gia của sự nghi ngờ, Sartre, các triết gia hiện sinh.

Cha cố gắng xây dựng những câu trả lời ở cùng mức độ suy nghĩ và yêu cầu trí tuệ như những sự phản đối đối với Kitô giáo. Cha sâu sắc tin tưởng vào sự cần thiết cho Giáo hội và các tín hữu Kitô giáo phải lắng nghe những câu hỏi được đặt ra bởi trí tuệ đương đại và tìm ra những câu trả lời thích hợp. Tin tưởng vào giá trị của nỗ lực trí tuệ, cha không phải là người tin rằng có thể tiết kiệm suy nghĩ và rằng có thể chuyển từ một trải nghiệm thực tiễn sang chiều sâu tâm linh mà không có sự chuyển tiếp. Chủ nghĩa tín ngưỡng đối với cha là một mối đe dọa đáng sợ... như tất cả các «chủ nghĩa» khác. Sự trung gian của trí tuệ là, theo quan điểm của cha, một bước không thể thiếu. Không phải là có một triết lý Kitô giáo trong Kinh Thánh, nhưng hoạt động triết học là một điểm dừng chân bắt buộc, một bước cho

mọi nền văn hóa tôn giáo. Và chính cha đã kết hợp giữa suy tư triết học và phương pháp thần học, chúng ta hiểu rõ hơn kể từ khi cha xuất bản hai tác phẩm gần đây nhất của mình.

Về vấn đề này, đối với mối quan hệ giữa trí tuệ và đức tin, giữa suy tư thần học và tuyên bố giáo điều, cha tin rằng không thể nói về Thiên Chúa một cách đầy đủ : ở điểm này, cha đã là một người tiên phong, vừa đi trước thời đại của chúng ta vừa hòa hợp với nó. Cha là một trong những người đầu tiên lên án sự mơ hồ, sự không chính xác của một số cách diễn đạt, và nguy cơ của những sự gần đúng. Tôi nhớ đã nghe cha, từ năm 1943, truy đuổi những hình ảnh sai lầm, cảnh báo về những định nghĩa quá học thuật của một giáo lý cổ điển, đặc biệt là về các thuộc tính của Chúa. Cha vẫn tin rằng cần phải nói về Chúa, mặc dù không thể làm điều đó một cách chính xác. Nói về Chúa, đối với cha không chỉ là một nhiệm vụ trong trách nhiệm của mình, mà còn là một nhu cầu nói về Đấng mà cha sống, với Đấng mà cha sống, Đấng là nguyên tắc của hành động của cha, hoặc, để sử dụng một công thức mà chắc chắn không ai trong số những người đã nghe thấy đã quên, «sáng kiến của những sáng kiến của chúng ta». Tôi trích dẫn cha trong L'humilité de Dieu : «Thật khó để nói một cách nghiêm túc về Chúa. Tuy nhiên, điều đó là cần thiết.

Không biết nói về Chúa với người khác, khi mà mình không ngừng nói về Ngài với chính mình, thật là chua chát !

Không hơn thế, cha không đối lập việc loan báo về Chúa với hành động trong thế giới. Cha hòa giải giữa chiều dọc và chiều ngang, và xin đừng trách tôi khi tôi trích dẫn cha một lần nữa : «Thật vậy, cần phải thay đổi cuộc sống.» Nhưng không vì thế mà phải từ bỏ việc nói về Chúa. Thay đổi cuộc sống theo cách tốt nhất có thể. Nói về Chúa càng ít tệ càng tốt.

Mối quan tâm này về việc nói về Thiên Chúa và làm rõ tầm nhìn mà chúng ta có về Ngài từ những cách diễn đạt quá nhân hình hóa, xúc phạm đến sự siêu việt của Thiên Chúa, đã dẫn cha đến việc viết một Tóm tắt đức tin được xuất bản trong tạp chí Études vào năm 1967, mà cha rất coi trọng. Cha đã cố gắng tóm tắt những gì là «cốt lõi của cốt lõi», theo cách diễn đạt của cha. Mối quan tâm này về việc đáp ứng những câu hỏi của thế giới đương đại và cung cấp một câu trả lời phù hợp với những yêu cầu và khát vọng của nó đã dẫn cha đến việc thực hiện một bộ phận nguyên bản của lời nói, mà cha đã dành toàn bộ mười năm cuối cùng của cuộc đời mình. Bộ trưởng nguyên bản, vì khác với giảng thuyết truyền thống. Không phải là cha không quan tâm đến điều đó

: cha đã xuất bản một tác phẩm về giảng thuyết hợp tác với Cha Michonneau. Nhưng cha đã tạo ra, theo một cách nào đó, một thể loại mới kết hợp giữa suy ngẫm, tham chiếu chặt chẽ đến Kinh Thánh, tuyên bố những chân lý thiết yếu, và đối thoại với tư tưởng đương đại. Để nói theo cách của Claudel, các bài giảng giáo lý của cha đã kêu gọi đồng thời là animus và anima ; đó không phải là một bài giảng tâm linh hay một bài thuyết trình giáo lý, mà là cả hai trong một tổng hợp mật thiết và chặt chẽ. Cảm giác khẩn cấp của sứ vụ này đã dẫn dắt cha đáp ứng vô số lời mời từ công chúng Paris và các tỉnh.

Tại Paris, cha đã chọn cư trú tại Notre-Dame de Belleville, nơi cha nói chuyện với một khán giả phổ thông và công nhân. Và cũng vào sáng Chủ nhật với một công chúng thuộc tầng lớp thượng lưu trong khuôn khổ của nhóm giáo phận *Action catholique*. Và cũng ở ngoại ô Paris (một trong những buổi thuyết trình cuối cùng mà tôi nghe từ cha là ở Viroflay), ở các tỉnh thành phố miền Đông Nam và Tây Nam, trong những năm gần đây. Chương trình của cha được lên lịch rất chặt chẽ : cha kể một cách vui vẻ rằng cha thường phải chuyển từ chuyến tàu này sang chuyến tàu khác và ngủ trong mười tám chiếc giường khác nhau trong cùng một tháng, bất chấp sức khỏe của cha, đã nhiều lần khiến

những người thân thiết với cha lo lắng nghiêm trọng.

Các bài giảng của cha tiêu tốn rất nhiều thời gian của cha, vì cha làm mới chúng từ năm này sang năm khác. Tôi hiếm khi thấy ai có sự quan tâm đến việc làm phong phú thêm suy nghĩ của mình và tích hợp, trong giảng dạy của mình, hàng năm, trạng thái mới nhất của các bài đọc và suy tư của mình. Nếu cha ở lại Châtelard, đó là để giảng các khóa tĩnh tâm và các Excercices hay các buổi tu nghiệp.

Cha có tài năng thực sự trong việc diễn thuyết, điều mà không dễ dàng để định nghĩa. Nhưng bất kỳ ai đã nghe cha một lần đều không thể quên được giọng nói trầm ấm ấy, cách phát âm tách biệt các từ, nhấn mạnh các ý tưởng, cách diễn đạt làm nổi bật các ý tưởng, không có hiệu ứng hùng biện, không tìm kiếm gì khác ngoài việc diễn đạt phục vụ cho một văn bản dày đặc, bản thân nó được sắp xếp để thông báo điều cốt lõi.

Liên tục được nhắc lại, vô hạn được làm mới trong cách diễn đạt của chúng, một vài chủ đề thiết yếu quay trở lại trong các bài giảng của cha. Mặc dù chúng khó có thể được tóm tắt, tôi sẽ liệt kê một vài điểm mà chúng ta đã nghe cha phát triển rất nhiều lần mà chúng ta mang ơn cha để hiểu biết về những điều cốt yếu.

Chúa là một hữu thể cá nhân, Chúa là tình yêu. Tình yêu không phải là một thuộc tính của Thiên Chúa. Thật vậy, người ta có thể nói rằng Chúa là vĩ đại, rằng Chúa là toàn năng, rằng Chúa là vô hạn ; nhưng tình yêu không nằm ở cùng một cấp độ, nó không phải là một thuộc tính của Chúa, mà là bản thể của Chúa. Vì vậy, cần thay thế từ «Thiên Chúa» bằng từ «tình yêu». Đó là Tình Yêu vô hạn, Tình Yêu toàn năng, Tình Yêu siêu việt.

Chúa cá nhân này không ghen tị với tự do của chúng ta, Ngài tôn trọng. Đó là ngài đã tạo tự do của chúng ta, ngài đã muốn chúng ta tự do. Đó là nguyên tắc của hành động của chúng ta. Vì vậy, không có sự mâu thuẫn nào giữa việc công nhận Chúa và việc khẳng định sự tự chủ của con người, vì Ngài là nguyên tắc cơ bản của việc thực hiện tự do của chúng ta, Ngài là nguồn gốc của những sáng kiến của chúng ta. Ngài kêu gọi chúng ta «sống bằng chính cuộc sống của Ngài». Chúng ta được kêu gọi tham gia vào điều là cuộc sống của Thiên Chúa để lan tỏa nó ra thế giới phục vụ cho người khác. Thiên Chúa và lịch sử không phải là kẻ thù, họ không tách rời nhau. Cha thích trích dẫn lời của thánh Irénée : «Vinh quang của Thiên Chúa là con người sống.»

Giáo huấn này, trực giác này đã tìm thấy sự diễn đạt sâu sắc và phát triển của nó trong hai cuốn sách nhỏ

Khiêm nhường của Thiên Chúa, Đau khổ của Thiên Chúa, với những tiêu đề có lẽ đã từng gây bối rối cách đây ba mươi năm, vì chúng đi ngược lại với ý tưởng truyền thống về sự uy nghi, quyền năng của Thiên Chúa, nhưng lại thể hiện một trực giác sâu sắc, có lẽ cũng là một trải nghiệm thần bí của người mà những lời cuối cùng đã là: «Tôi phó thác như một đứa trẻ ...», biểu hiện của khẳng định cơ bản rằng Thiên Chúa là Tình Yêu.

Nếu Thiên Chúa là Tình Yêu, thì Ngài không phải là một vị thần ghen tuông, không phải là một vị thần thống trị, không phải là Jupiter. Giữa hai con người, ai là người bất lực hơn, phụ thuộc hơn ? Người yêu nhiều nhất. Trong mối quan hệ giữa Thiên Chúa và con người, chính Thiên Chúa là người phụ thuộc nhiều nhất và là người khiêm nhường. Jean-François Six đã nói rằng ông đã thực hiện «một bước đột phá thần học». Étienne Borne đã nói về «sự táo bạo thần học». Thực vậy, với hai cuốn sách của mình, François Varillon đã chứng tỏ mình là một nhà thần học vĩ đại và là một nhà thần học của tương lai. Người ta có thể nghĩ rằng, dựa trên hoạt động diễn thuyết lưu động của cha, cha là người phổ biến tư tưởng của người khác. Trên thực tế, nó đã được tiếp thu sâu sắc, suy nghĩ lại, trở nên độc đáo. Hai cuốn sách của cha là kết quả của một hành trình, chúng tóm tắt một tư tưởng và một cuộc đời.

François Varillon đã qua đời trong khi thực hiện nhiệm vụ giảng viên mà cha đã hoàn thành cho đến ngày cuối cùng. Trong nhiều năm qua, sức khỏe của cha đã có những dấu hiệu nghiêm trọng đáng lo ngại ; cha đã gặp một tai nạn vào lễ Phục sinh năm 1978 và, theo lời khuyên thân tình, kiên quyết của các bác sĩ và đồng nghiệp, cha đã quyết định từ bỏ hầu hết các hoạt động của mình. Sự dịu dàng của Chúa đã cứu cha khỏi tuổi già. Cha cũng đã rời xa tình thương của chúng tôi. Nhưng nhờ ơn Chúa, ánh sáng của cha vẫn chưa tắt hẳn, vì hai tác phẩm hậu thế vẫn giữ được sự hiện diện của cha giữa chúng ta, và thậm chí sẽ mở rộng ảnh hưởng của tư tưởng cha ra ngoài vòng tay của những người đã tiếp xúc và yêu mến cha. Bằng một hoàn cảnh mà người ta có thể coi là dấu hiệu của định mệnh, Charles Ehlinger đã có thể, vài tuần trước khi cha qua đời, phỏng vấn cha trong chín ngày và thu thập từ miệng cha một khối lượng kỷ niệm, suy tư, mà cuốn sách xuất bản năm 1980 với tiêu đề tuyệt vời «Vẻ đẹp của thế giới và nỗi khổ của con người» đã truyền đạt những điều cốt yếu. Cuốn sách hiện tại, với nội dung là các bài giảng về văn hóa tôn giáo mà cha đã thuyết giảng trên khắp nước Pháp, sẽ đảm bảo sự trường tồn của giáo huấn của cha.

Nếu, sau khi hồi tưởng này, nhân chứng và người bạn lùi bước trước nhà sử học và yêu cầu ông ta cố gắng

đánh giá vai trò của Cha Varillon và xác định vị trí của cha trong lịch sử tôn giáo, ông sẽ nghĩ đến ảnh hưởng mà cha đã tác động lên hàng trăm nhà hoạt động mà cha đã đóng góp rất nhiều vào việc hình thành, lên hàng nghìn thính giả mà giáo huấn của cha đã nuôi dưỡng, làm phong phú, và cho họ thấy một Thiên Chúa của tình yêu. Trước đây, khi phác thảo một chân dung của François Varillon cho các Thông tin Công giáo quốc tế nhân dịp trao Giải thưởng Văn học Công giáo, tôi đã nghĩ rằng mình có thể viết : «Có khoảng mười lăm hoặc hai mươi tu sĩ, dòng Tên hoặc dòng Đaminh, những người có ảnh hưởng quyết định và không có họ, hình ảnh của Công giáo Pháp sẽ không như nó đã từng trong ba mươi năm qua.» Nhấn mạnh thêm vào đánh giá này, Charles Ehlinger đã viết trong La Croix ngay sau khi cha qua đời : «Mỗi thế hệ nhận được một vài người đàn ông và phụ nữ mà tác phẩm, tên tuổi, sự hiện diện của họ đánh dấu vào lương tâm, gợi lên một cách sống nhất định của con người và của người Kitô hữu.» Không do dự, tôi đặt François Varillon vào số mười hoặc mười hai nhân vật mà chúng ta coi là những tham chiếu lớn của mình.

Liệu tôi có thể tái hiện những nét đặc trưng của con người cha cho những người đã biết cha, gợi ý chúng cho những người khác không ? Những người đầu tiên

đã mất một người bạn mà sự mất mát đó là không thể bù đắp. Hãy để những người khác biết cha là người như thế nào, người mà tư tưởng và sự tồn tại của cha đã giữ một vị trí không thể so sánh trong lịch sử trí thức và tôn giáo của đất nước chúng ta.

René RÉMOND.

Lời Mở Đầu

Chúng tôi vừa chiêm ngưỡng những con hẻm tuyệt đẹp của thành phố Cordes ở Tarn. Trời mưa phùn nhẹ nhàng. Cha Varillon, ngày càng kém nhanh nhẹn để đi bộ, đã trú ẩn dưới mái hiên của hội trường lớn, trong khi tôi đi lấy xe ở cuối làng. Tôi thấy cha tựa lưng vào thành giếng, mệt mỏi nhưng đầy ngạc nhiên. Và tôi nghe thấy cha đọc một bài thơ kết thúc bằng những câu thơ này : «Tôi cảm nhận được hương vị của sự vĩnh cửu.» Đó là ngày 15 tháng 3 năm 1978, ngày cuối cùng tôi ở bên cạnh cha. Vài ngày sau, một cơn đau tim nghiêm trọng đã buộc cha phải giảm bớt các hoạt động của mình. Một cơn đau tim thứ hai đã đánh gục ông vào ngày 17 tháng 7 cùng năm.

Tôi đã bắt đầu biết đến tác phẩm của cha khi khám phá bài viết «Tóm tắt đức tin Công giáo» của cha, một bài viết dài khoảng hai mươi trang. Văn bản này chắc chắn là hơi khó hiểu. Nhưng ngẫu nhiên đã đưa đẩy tôi nghe được lời giải thích mà chính cha đã trình bày cho các linh mục đang họp qua một bản ghi âm. Trong bài thuyết trình về «điều cốt lõi của Kitô giáo», tôi đã bị ấn tượng bởi sự thuyết phục trong lời nói của cha, sức mạnh của trí tuệ cha và tầm nhìn rộng lớn của cha. Tôi

đã là linh mục được ba năm, nhưng chính vào lúc đó tôi mới cảm nhận rõ hơn về sự vĩ đại và vẻ đẹp của đức tin. Sự nhiệt thành này đối với Đức Kitô phục sinh đã sâu sắc hơn bốn năm sau đó, trong tháng Thao luyện thiêng liêng của thánh Ignace mà tôi đã nhận từ Cha Varillon, tại nhà của các tu sĩ Dòng Tên ở Châtelard. Ngài đã vui lòng đến Pau, mặc dù tuổi tác đã khiến ngài mệt mỏi và phải rời xa Lyon, tổ chức các buổi thuyết giảng tôn giáo, từ tháng 4 năm 1974 đến tháng 2 năm 1978. Đó là lúc tôi gặp cha nhiều hơn và thật sự là một «cuộc gặp gỡ» ! Thật là mãnh liệt trong cuộc trò chuyện của cha, không có chút hình thức hay tiểu tiết nào ! Xa lánh cảm giác bị áp đảo bởi phẩm chất của tính cách cha, ngược lại, tôi bị ấn tượng bởi sự khiêm tốn của cha, không nói đến sự khiêm nhường của cha. Như nhiều bạn bè của cha, tôi đã vui mừng chào đón tình bạn của cha, ngạc nhiên khi cha kết thúc một trong những bức thư của mình bằng câu này : «Xin hãy coi tôi là một trong những người bạn tốt nhất của các bạn.» Tôi biết rằng đó không phải là một công thức xã giao tầm thường. Như tôi hiểu rằng một người đàn ông tinh tế như vậy đã có thể viết rằng không chỉ chúng ta cầu nguyện với Chúa mà chính Chúa cũng cầu nguyện với chúng ta.

Tôi cũng đã ngạc nhiên khi một linh mục có tầm vóc như cha dám nói, ở độ tuổi hơn bảy mươi, rằng cha vẫn

chưa hiểu rõ ý nghĩa của câu nói : «Đức Kitô đã chết vì tội lỗi của chúng ta.» Không chỉ hài lòng với những công thức có sẵn, dù là của Giáo hội, mà muốn đào sâu chúng trong sự trung thành với Truyền thống chân chính để dịch lại bằng một ngôn ngữ phù hợp với văn hóa đương đại, đó chính là mối quan tâm thường trực của cha. Khi nói về những người trẻ mà cha gặp, cha đã lặp lại với tôi : «Giả sử một trong số họ có một ước mơ trở thành triết gia !» Nếu anh ta đã hiểu đức tin Kitô giáo từ bên trong, anh ta sẽ không nói lại, như nhiều người khác, rằng đó là một sự tha hóa !

Tình yêu của cha dành cho Chúa Giê-su Ki-tô đã phát triển trong cha một niềm đam mê tương tự đối với Thiên Chúa và con người. Cha rất quan tâm đến mọi thứ mà đàn ông và phụ nữ ngày nay quan tâm, trong tất cả các lĩnh vực của cuộc phiêu lưu nhân loại. Đó là lý do nhiều người đã biết cha nói về nền văn hóa rộng lớn của của cha : không phải là học thức mà là sự phong phú của kinh nghiệm con người của cha, sự sâu sắc của nhân tính của cha.

Trong tính cách của mình cũng như trong chức vụ và các cuốn sách của mình, cha có phải không thể hiện được «sự hợp nhất của những điều đối lập» mà Công đồng Vatican II đã làm một trong những điểm nổi bật

của sự đổi mới của Giáo hội ? Vừa khiêm tốn vừa kiên định, vừa truyền thống vừa táo bạo, vừa huyền bí vừa thực tế, tất cả những thái độ này không mâu thuẫn với nhau ở cha mà hòa hợp một cách hài hòa.

Những thính giả đông đảo của cha ở Pau, trong sự đa dạng của các hình thức Giáo hội mà họ thuộc về : giáo dân, thành viên của các phong trào, giáo lý viên, người hướng dẫn thanh thiếu niên và chuẩn bị cho hôn nhân, v.v., đã rất thích thú với các bài giảng của cha. Sau cái chết bất ngờ của cha, chúng ta có thế nào không liều lĩnh xuất bản những bài giảng ấy, để tiếp tục hưởng lợi từ một biểu hiện của đức tin như vậy, vì, khi còn sống, cha đã cho phép rất nhiều người làm sâu sắc thêm đức tin của họ ? Vào tháng Giêng năm 1979, tôi đã chia sẻ dự án này với Charles Ehlinger. Ông đã giới thiệu cho tôi các tu sĩ Dòng Tên ở Châtelard, những người đã tiếp đón tôi với sự tin tưởng và cho phép tôi xem xét tất cả các bản thảo và sổ ghi chép cá nhân của Cha Varillon.

Tôi đã sắp xếp, một phần là các bản thảo của cha (hoặc được viết hoàn toàn, đặc biệt là trong những năm gần đây, hoặc chỉ ghi lại một kế hoạch và kèm theo các tóm tắt đánh máy của các bài đọc của cha); một phần khác, là một số bản sao chép được các thính giả của cha thực hiện tại các thành phố khác nhau ở Pháp. Tôi đã tái

tạo mười một bộ, mỗi bộ bao gồm năm hoặc sáu chủ đề. Từ khối tài liệu mà tôi đã biên soạn và phân tích, dần dần đã nổi lên những ý tưởng chính sau đây :

- Tính nhất quán trong hành trình của cha : nó xoay quanh một trục mà cha định nghĩa là «cốt lõi của cốt lõi» : Thiên Chúa đã trở thành người để con người trở thành Thiên Chúa. Hoặc, điều này cũng giống như vậy nhưng có lẽ nói lên nhiều hơn về trải nghiệm của mỗi người : con người có khả năng yêu thương như Chúa yêu thương, tức là một tình yêu chỉ là tình yêu. Đó là trong bài giảng của cha về địa ngục, mặc dù nghịch lý rất mạnh mẽ, ông đã khẳng định : «Nếu có bất kỳ điểm nào trong giáo lý Kitô giáo xuất hiện như không liên quan đến tình yêu hoặc mâu thuẫn với tình yêu hoặc không phải là điều kiện hoặc hệ quả của tình yêu, chúng ta có quyền từ chối nó.» Sự nhất quán nhưng không phải là tổng hợp hay giáo lý của tất cả các chân lý đức tin. Một số chân lý đức tin bị thiếu, vì cha không còn cảm thấy có khả năng nói về chúng trong bối cảnh hiện tại.

- Chủ nghĩa trung tâm Kitô của cha : nếu «nhiệm vụ của nhà thơ, theo Saint-John Perse, là sự thấu hiểu sâu sắc về bí ẩn của con người» [1], niềm tin của Cha Varillon là một sự thâm nhập như vậy chỉ có thể được thực hiện từ bí ẩn của Thiên Chúa (bí ẩn không phải theo nghĩa của một câu đố mà ta không thể hiểu mà theo nghĩa của một thực tại mà ta chưa bao giờ khám phá hết). Cả hai sự thâm nhập này chỉ có thể diễn ra dưới ánh sáng của Chúa Giê-su Ki-tô, hoàn toàn là Thiên Chúa và hoàn toàn là con người. Đức Kitô - Thiên Chúa làm người để con người trở thành Thiên Chúa - là bí tích của Thiên Chúa và bí tích của con người. Sự thống nhất của con người và Thiên Chúa trong Đức Kitô là trung tâm mang lại Ý nghĩa cho nhân loại. Chắc chắn là phải tránh mọi sự nhầm lẫn, khi suy gẫm, như Étienne Borne đã viết, «khi Chúa làm người thì càng là Chúa hơn và một người được nên như Chúa thì càng hoàn toàn là người hơn» [2]. Nhưng liệu chúng ta đã khám phá được trái tim của đức tin khi chưa nhìn thấy trong Chúa Giê-su Ki-tô Thiên Chúa của tình yêu khiêm nhường và dễ bị tổn thương ? Ngài không phải là Thiên Chúa của công lý báo thù đòi hỏi hy sinh của Con, cũng không phải là Thiên Chúa của chủ nghĩa duy tâm gia trưởng hài lòng với sự tầm thường của con người.

1 Sự khiêm nhường của Chúa, nxb Centurion, tr. 41

2 Etienne Borne, La Crois số ngày 27/06/1980

- *Chủ nghĩa hiện thực tinh thần* của cha với sự từ chối tất cả các trừu tượng mà người ta thường nhầm lẫn với cuộc sống Kitô giáo. Điều này là một cuộc chiến đấu liên tục chống lại cám dỗ luôn hiện hữu của cái trừu tượng. Mối quan tâm của cha về việc suy nghĩ liên tục từ kinh nghiệm cho phép Cha Varillon diễn đạt với sự đơn giản, vừa sáng sủa vừa sâu sắc, đặc trưng cho phong cách của cha. Đơn giản mà không bao giờ đơn điệu. Chính là sự thực tế tâm linh này cho phép cha thực hiện phương pháp sư phạm của mình. Cha mời gọi các thính giả của mình tham gia vào một hành trình, dựa trên những phản đối thông thường, cho phép họ dần dần loại bỏ chúng để bén rễ trên những nền tảng vững chắc. Vì vậy, cha thường nhấn mạnh về «nguồn gốc của đức tin của các tông đồ mà chúng ta cần tìm lại, bằng cách đọc kỹ các sách phúc âm, nếu chúng ta muốn khẳng định thiên tính của Chúa Giê-su Ki-tô không chỉ là một khái niệm trừu tượng».

- *Sự thanh thản* của cha không vội vàng hiểu mọi thứ và giải quyết mọi thứ. Một trong những quy luật của Vương quốc là sự kiên nhẫn, cho phép thời gian cho sự nảy mầm và trưởng thành. Cha Varillon muốn làm rõ điều cốt yếu của đức tin mà không làm rối loạn con đường bằng những câu hỏi thứ yếu, nếu không muốn nói là thứ yếu. Định nghĩa con người, với toàn

bộ Truyền thống, như là điều có thể trở nên thiên tính, là trao cho họ niềm tin vào tương lai. Đây thực sự là một tinh thần của những người xây dựng nền văn minh. Không phải là một sự lạc quan ngây thơ và hạnh phúc (thế giới nếu đẹp đẽ thì cũng bi thảm, nỗi đau của con người là có thật) mà là một hy vọng dựa trên món quà vô cùng của sự thần thánh hóa được ban tặng cho mọi người và toàn nhân loại. «Như chúng ta phải cố gắng nói tốt về con người, chúng ta cũng phải cố gắng nói tốt về Thiên Chúa. Vậy có lẽ nỗi đau vô tận và vô hình này sẽ nguôi ngoai ở phương Tây, nơi người ta khẳng định, bất chấp bí ẩn của Đức Kitô, rằng Thiên Chúa đã vắng mặt trong những nỗi đau của chúng ta vì quyền Tối cao... Phải cố gắng nói cho những người đàn ông này, những người tự ghê tởm bản thân vì không được yêu thương, họ nghĩ rằng, bởi Đấng mà các Kitô hữu vẫn tiếp tục gọi là chính Tình yêu của thế giới». [3]

3 Martelet, Cuộc sống đời sau được tìm thấy, nxb Desclée, 1975, tr. 37.

Dần dần, khi khám phá ra những ý tưởng chủ chốt này, phương pháp của tôi đã được làm rõ hơn. Trong suốt mười tám tháng làm việc này, tôi đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ và khích lệ từ Charles Ehlinger và Cha J. de Mauroy. Tôi chân thành cảm ơn các ngài. Như tôi cảm ơn những người đã cho tôi những nhận xét thân thiện, giúp tôi làm rõ việc thực hiện hồ sơ này. Với một số lượng nhất định các tín hữu này, tôi đã nhận được rất nhiều từ Cha Varillon cũng như từ ACI (Hành Động Công Giáo của Các Tầng lớp Độc lập), nơi tôi hiện đang thực hiện chức vụ của mình với niềm vui. Có phải không, trí tuệ của đức tin và hành động của Công Giáo, thay vì loại trừ nhau, kêu gọi và làm phong phú lẫn nhau ? Dưới đây là một số chỉ dẫn về cách tôi đã thực hiện việc định hình các bài giảng này.

Khi các bản thảo gốc đã được hoàn thành, tôi không bỏ bớt gì cả, nhưng nhờ vào các bản sao mà tôi có, tôi đã thêm vào những giải thích chi tiết cho các câu rất ngắn gọn. Tôi đã buộc phải xóa bỏ khá nhiều đoạn để tránh những sự lặp lại tẻ nhạt, tuy nhiên tôi đã giữ lại sự diễn đạt của những niềm tin chủ đạo, mong rằng sự nhấn mạnh của chúng, ngay cả trong những bối cảnh khác nhau, sẽ không làm người đọc chán ngán. Những sự xóa bỏ cần thiết này, đã làm mất cân bằng nhiều văn bản đã được soạn thảo hoặc sao chép, đã buộc tôi phải

tái cấu trúc chúng. Các thính giả sẽ không nhất thiết tìm thấy các bài giảng như Cha Varillon đã tự mình trình bày ở mỗi thành phố mà cha đã nói chuyện. Hơn nữa, một chủ đề giống nhau đã nhận được từ cha nhiều bài thuyết trình (và do đó nhiều tiêu đề) phù hợp với các khán giả khác nhau. Vì vậy, tôi đã phải sắp xếp các phát triển đa dạng này để biên soạn cái nào có ý nghĩa nhất đối với tôi. Các thính giả cũng sẽ không tìm thấy, ngay cả khi được tóm tắt, tất cả các bài giảng mà Cha Varillon đã thực hiện trong suốt cuộc đời của ngài. Tôi đã chọn những bài giảng trong mười năm qua nhưng theo hướng đã chọn cho cuốn sách này : trình bày sự nhất quán của đức tin Kitô giáo.

Tôi đã trình bày lại một số so sánh mà, khi nói miệng, có thể được trình bày với một chút hài hước và khi viết ra, có thể gây ra sự châm biếm. Cha Varillon, với niềm đam mê của mình trong việc làm cho một công chúng lớn hiểu được, đã sử dụng chúng, vì đức tin là dành cho tất cả mọi người chứ không chỉ cho một vài người được chọn. Rõ ràng trong phong cách viết của cha thiếu sự tinh tế. Độc giả hơi khó chịu bởi một số cách diễn đạt, hãy nhớ lại những nhận xét của cha : «Khi tôi làm các buổi thuyết trình thuần túy tôn giáo, đó không phải là nghệ thuật, đó là một sứ mệnh tôn giáo.» Tôi viết hoặc tôi nói để nhiều người nhất, có thể, hiểu biết được.

- *Các tín chính yếu* : cho phép tìm hiểu sâu sắc về Thiên Chúa là ai, con người là ai và mối quan hệ giữa con người và Thiên Chúa có thể là gì. Ngài nhấn mạnh một sự hiểu biết đúng đắn về giáo lý Sáng thế : chính Thiên Chúa đích thực là Đấng Tạo Hóa đã đặt nền tảng cho tự do của chúng ta và do đó là phẩm giá con người của chúng ta.

- *Một số tiêu chí để phân định cho việc hoàn hiện nhiệm vụ con người* : đặt mối quan hệ với Đức Kitô vào trung tâm của các động lực con người, không phải bên cạnh chúng, cũng không phải thay thế chúng; sống Tin Mừng là một lời kêu gọi đến đức tin và tự do; cầu nguyện, vì ân huệ của Thiên Chúa là một nhiệm vụ cần thực hiện; chiến đấu chống lại điều ác và nỗi khổ, thay vì cam chịu chịu đựng chúng.

- *Kết luận,* hay đúng hơn, tóm tắt lại mọi thứ, Thánh Thể : «nguồn gốc và đỉnh cao của đời sống Kitô hữu», theo cách diễn đạt của Công đồng Vatican II, được nhắc lại trong Đại hội Thánh Thể quốc tế tháng 7 năm 1981.

Có vẻ như tôi cuối cùng đã đi đúng hướng của sự năng động này khi đặt tiêu đề cho cuốn sách này là *Tin Yêu Và Vui Sống*, những niềm vui được khơi dậy trong tất cả những ai đã thưởng thức các bài giảng này và đã nỗ lực để tiếp thu chúng. Tôi hoàn thành công việc này

vào ngày 3 tháng 12 năm 1980, vào lễ thánh Phanxicô Xaviê : vững chắc bám rễ trong văn hóa xứ Basque và đức tin Công giáo của mình, cha đã không ngần ngại bước vào những thế giới mới của thời đại mình, phải chăng đó cũng là bước đi của François Varillon ? Và tôi đọc trong Tông huấn của Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II về giáo lý rằng «món quà quý giá nhất mà Giáo hội có thể mang lại cho thế giới hiện nay, đang lúng túng và lo lắng, là đào tạo những Kitô hữu vững vàng trong điều cốt lõi và khiêm tốn hạnh phúc trong đức tin của họ» : có phải đây là chân dung của Cha Varillon không ?

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Cha Jacques Guillet, người đã đồng ý «kiểm tra» bản thảo trong trạng thái cuối cùng của nó, và đến René Rémond, người đã đồng ý để cuốn sách này bắt đầu bằng một chân dung của Cha Varillon.

B. H.

Phần giới thiệu

BẢN CHẤT CỦA ĐỨC TIN

Ý NGHĨA VÀ PHI NGHĨA [4]

Một tình huống khủng hoảng như chúng ta đang trải qua hiện nay là có lợi. Tôi biết rằng một cuộc khủng hoảng có thể gây chết người, nhưng cũng có những cuộc khủng hoảng của sự trưởng thành.

Péguy phân biệt, trong cuộc sống cá nhân của chúng ta cũng như trong lịch sử của các nền văn minh, các giai đoạn và các thời kỳ. Một thời kỳ là một khoảng thời gian mà không có gì lớn xảy ra, các cá nhân và tập thể sống theo quán tính của mình, họ không bị thúc đẩy đưa ra những quyết định quan trọng. Thời đại là một khoảng thời gian có điều gì đó đang diễn ra, nơi mà

4 Tài liệu của Cha Varillon : một kế hoạch 3 trang có tiêu đề «Ý nghĩa và phi nghĩa» ; «Suy ngẫm về đức tin» (năm 1976-1977, trang 6). Các bản sao được thực hiện tại Mâcon : «Điều cốt yếu của điều cốt yếu» (tháng 11 năm 1967); Le Péage-de-Roussillon : «Điều cốt yếu» (tháng 1 năm 1968); Boulogne : Hội thảo I và II mùa đông 1968-1969; Annecy : «Điều cốt yếu của đức tin» (ngày 4 tháng 5 năm 1970); «Chúa» (ngày 11 tháng 5 năm 1970); Grenoble : «Cuộc sống con người có ý nghĩa không ?» (tháng 11 năm 1971); Nantes : «Chúa?» Chúa nào ? (29 tháng 11 năm 1973); Pau : «Chúa của Đức Giê-su Kitô» (8 tháng 4 năm 1974); Montauban : «Những gì Đức Kitô nói với chúng ta về Thiên Chúa và con người» (tháng 11 năm 1974); Carcassonne : «Cuộc sống có ý nghĩa không ?» ; «Chúa Giê-su Ki-tô là ai ?» (tháng 10 và tháng 11 năm 1977).

tự do, điều cốt lõi của con người, bị kích thích, và họ không thể ngủ được. Một thời kỳ là một khoảnh khắc thực sự quan trọng của lịch sử, nơi mà phải bằng mọi giá thoát khỏi sự buồn ngủ. Không phải những kẻ ngủ mê sẽ vào Nước Trời.

Chúng ta đang sống trong một thời đại, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Chúng ta có những quyết định quan trọng phải đưa ra và chúng ta không thể né tránh chúng. Quyết định, đó là một từ mà bạn sẽ nghe tôi nói rất thường xuyên : giá trị của chúng ta tùy thuộc vào quyết định của chúng ta; dù nhỏ hay lớn, chính thông qua những quyết định của mình mà chúng ta mới thực sự là con người.

Một thời kỳ khủng hoảng như của chúng ta phải vừa cảnh giác (có những cuộc khủng hoảng chết người) vừa lạc quan. Hơn nữa, chúng ta đều biết rõ, tôi sẽ không nhấn mạnh thêm, cuộc khủng hoảng hiện tại không chỉ là khủng hoảng của Giáo hội, mà là một cuộc khủng hoảng của nền văn minh mà Giáo hội, như điều bình thường, phải chịu ảnh hưởng.

Nói ngắn gọn, điều đặc trưng cho cuộc khủng hoảng văn minh hiện nay là có một sự chênh lệch giữa sự kiểm soát ngày càng tăng của con người đối với tất cả các phương tiện của mình (kỹ thuật, kinh tế, chính trị, v.v.)

và một sự thiếu vắng ngày càng cảm nhận rõ ràng về các mục tiêu chung. Hiện nay có một trí tuệ, một sự tiến bộ ngày càng tăng về mặt phương tiện và một sự vô lý về mặt mục đích. Chúng ta đang đi lên mặt trăng, như André Malraux đã nói : nếu chỉ để tự sát, thì chẳng có ý nghĩa gì. Chúng ta theo đuổi hạnh phúc nhưng để làm gì ? để làm (hoặc để trở thành) gì ?

Cuộc sống có ý nghĩa không ? [5]

Câu hỏi đặt ra cho mỗi người là câu hỏi về ý nghĩa của sự tồn tại. Paul Ricoeur đã viết : «Quả thật là con người thiếu công lý và tình yêu nhưng có lẽ họ còn thiếu ý nghĩa hơn nữa.» Tất cả những điều này cuối cùng có nghĩa là gì ?

---

5 Như Ngài viết trong cuốn «*Sự khiêm nhường của Thiên Chúa*», tr. 34, Cha Varillon ở đây lấy cảm hứng từ một bài viết của Cha E. Pousset đăng trong tạp chí *Etudes* (tháng 9 năm 1967, tr. 266-268).

Câu hỏi cơ bản nhất của triết học là câu hỏi sau: tại sao lại có cái gì đó và không phải là không có gì? Về mặt thực tiễn, câu hỏi này trở thành : Tại sao phải có sự gia tăng, một sức mạnh, một sự tồn tại thêm ? Điều đó dẫn đến điều gì ? Và đó là toàn bộ câu hỏi về ý nghĩa và sự vô nghĩa của cuộc sống.

Ý nghĩa theo hai nghĩa của từ : nghĩa như hướng đi, như khi nói về hướng của một dòng sông hoặc đường một chiều; và nghĩa như ý nghĩa, như khi nói về ý nghĩa của một câu. Hướng đi của sự tồn tại của chúng ta là gì, chúng ta đang đi đâu ? Và ý nghĩa của nó là gì, điều đó có nghĩa là gì ?

Nhiều thứ có ý nghĩa và thật may mắn ! Tình bạn có một ý nghĩa, tình yêu có ý nghĩa, văn hóa có ý nghĩa, sự tiến bộ kinh tế và xã hội, sự tiến bộ của công lý trên thế giới, tất cả đều có ý nghĩa. Có ý nghĩa, đâu cũng có.

Nhưng cũng có điều vô nghĩa. Cô gái trẻ hai mươi tuổi mà tôi đến thăm ở bệnh viện cho tôi biết cô ấy đã hay về tình trạng sức khỏe của mình : cô bị ung thư và sẽ chết trong vài tháng tới, trong khi cô ấy rất xinh đẹp, đầy tài năng và đã được hứa hẹn một tương lai tươi đẹp. Đối với cô và những người thân của cô, việc bị cướp đi cuộc sống khi mới hai mươi tuổi là vô lý, không có ý nghĩa gì. Cô ấy nói với tôi : «Con nổi loạn.» Ngược lại

việc bị sốc bởi sự nổi loạn của cô ấy, tôi đáp lại : «Cha nổi loạn cùng con.» Cô ấy ngạc nhiên, nghĩ rằng tôi sẽ nói với cô ấy rằng sự nổi loạn là một tội lỗi. Trước sự vô nghĩa, trước sự phi lý, sự nổi dậy là điều lành mạnh.

Người cha của bốn đứa trẻ chết đột ngột vì một cú phanh vụng về trên con đường ướt át, thật là vô lý. Một cơn sóng thần và hàng nghìn nghìn người Pakistan bị đói, thật là vô lý, điều đó thật vô nghĩa.

Làm thế nào bạn muốn tránh đặt ra vấn đề về việc cái gì cuối cùng sẽ chiến thắng, ý nghĩa hay vô nghĩa ? Liệu điều vô nghĩa sẽ là kẻ chiến thắng ? Có phải cái chết là điểm kết thúc của mọi thứ không ? Cái chết có phải là cái chặn mà mọi thứ đã có ý nghĩa sẽ va chạm vào, và chúng ta có buộc phải nói như Paul Valéry : «Tất cả đều xuống đất và đi vào trò chơi» [6] không ? Trò chơi của tự nhiên : xác chết của chúng ta sẽ trở thành phân bón cho rau củ của cháu chắt chúng ta !

Nói một cách hơi triết lý, liệu tự do của chúng ta, cái tự do tuyệt vời cho phép chúng ta vượt lên trên các sinh vật của thiên nhiên, cuối cùng sẽ bị thiên nhiên đánh bại? Tôi không tin rằng chúng ta có thể tránh khỏi câu hỏi về ý nghĩa.

---

6 Paul Valery, Nghĩa trang biển

Chúng ta có thể không chú ý đến điều đó, tất nhiên, và chúng ta được bao quanh bởi những người sa lầy trong những ý nghĩa phần nào của sự tồn tại : tình yêu, tình bạn, văn hóa, tiến bộ kinh tế và chính trị. Pascal sẽ nói : họ đang vui đùa. Nói cách khác, họ sống một cách hời hợt. Chúng ta có thể không chú ý đến câu hỏi cơ bản nhưng nó sẽ đặt ra một cách không thể tránh khỏi ngay khi chúng ta chú ý.

Kitô giáo được trình bày như một câu trả lời cho câu hỏi này, câu hỏi định nghĩa chúng ta là con người. Là một Kitô hữu, tức là tin vào câu trả lời mà Thiên Chúa ban cho qua Chúa Giê-su Kitô đối với câu hỏi nhân loại này. Đức tin Kitô giáo biến chúng ta thành những kẻ đối kháng với điều vô lý hoặc vô nghĩa và thành những nhà tiên tri của ý nghĩa. Hoặc, nếu bạn muốn, những nhân chứng của ý nghĩa.

Là Kitô hữu, ta có thể mang lại một ý nghĩa thứ hai, sâu sắc hơn, cho những gì đã có ý nghĩa (như tình bạn, tình yêu, văn hóa, âm nhạc, thậm chí cả tình bạn đơn giản) và có thể mang lại ý nghĩa cho những gì không có ý nghĩa. Đó là điều tôi đã nói với cô gái trẻ ở bệnh viện, trong một thời điểm sau đó, sau khi tôi đã nổi loạn cùng cô ấy chống lại sự vô nghĩa của cái chết sớm của cô ấy: «Chúng ta sẽ dừng lại ở đây sao ?» Bạn có tin rằng bạn

có thể tự mình tạo ra ý nghĩa cho sự kiện cái chết này, mà thực ra là vô nghĩa và không có ý nghĩa không ? Có phải chính sự vĩ đại của tự do của chúng ta là ý nghĩa không nằm trong những thứ vật chất mà là nơi chúng ta phải tự tạo ra ý nghĩa cho những gì không có ý nghĩa ?

Phân biệt sự thờ ơ và nghi ngờ

Tôi muốn nơi đây, theo cách một dấu ngoặc, nhấn mạnh rõ ràng sự phân biệt mà chúng ta cần làm giữa sự thờ ơ và sự nghi ngờ. Chúng ta phải hiểu những người mà tôi gọi là những người hoài nghi chân thành, nói cách khác là những người đang «trong quá trình tìm kiếm». Người nghi ngờ không từ chối Đức Kitô, họ không biết, họ do dự.

Sự thờ ơ là một chuyện hoàn toàn khác. Không muốn biết đâu là mức độ tồn tại cao nhất, «giải trí» để thoát khỏi câu hỏi về ý nghĩa cuộc sống, để dập tắt tiếng nói của lương tâm mà chúng ta không thể không nghe thấy nếu chúng ta chú ý, đó chính là sự thờ ơ. Đừng phán xét ai cả, vì chúng ta không thể biết liệu ai đó có thực sự và hoàn toàn thờ ơ hay không. Chỉ nói rằng nếu người hoàn toàn thờ ơ tồn tại (Chỉ có Chúa mới biết), họ là vô nhân hoặc phi nhân hóa.

Về phần nghi ngờ, chúng ta phải rất thận trọng. Như Jean Lacroix đã nói, «nếu nhiều người đương đại của chúng ta giữ một sự không chắc chắn một phần, hoặc thậm chí hoàn toàn đối với các giáo điều (các 'chân lý' của đức tin), thì thường là vì họ không thể làm khác đi theo lương tâm của mình». Mọi hành động của con người, để được coi là con người, phải được biện minh, bao gồm và đặc biệt là hành động tin tưởng. Tất cả các nhà thần học đều khẳng định rằng việc chúng ta có trí tuệ về đức tin của mình, rằng chúng ta tìm cách hiểu những gì chúng ta tin là điều bình thường. Lý trí của chúng ta có phần của nó, và một phần quan trọng, trong hành động tin tưởng. Chúng tôi không phải là những người theo thuyết tín ngưỡng mù quáng, vì thuyết tín ngưỡng mù quáng là một thái độ cho rằng lý trí không có phần nào trong hành động đức tin.

Như Jean Lacroix đã viết : «Không có gì tồi tệ hơn một trí thức không có tinh thần nếu không phải là một tinh thần không có trí thức (đây không phải là một trí thức cao siêu dành riêng cho những tâm hồn đặc biệt thông minh, mà là trí thức đơn giản của người tìm cách xây dựng và biện minh cho đức tin của mình). Để phản ứng lại một chủ nghĩa trí thức khô cằn (đã từng là đặc trưng của một số giáo lý trong nhiều năm), nhiều người hôm nay kêu gọi trở lại một đức tin thuần khiết

mà không tìm kiếm bất kỳ loại biện minh nào... Đó là quên (và điều này là quan trọng) rằng các chủ nghĩa tín ngưỡng phá hủy đức tin cũng chắc chắn như các chủ nghĩa truyền thống phá hủy Truyền thống. Họ phủ nhận mọi cuộc đối thoại, và nhanh chóng chìm vào bạo lực và sự vô lý (hoặc sự ngớ ngẩn). [7]

Người nào, trong trạng thái hiện tại của những điều chắc chắn của mình, thực sự đã đặt toàn bộ sự trung thực của mình vào suy tư tôn giáo và không thấy rõ ràng cách nào để tin, không chỉ chúng ta không có quyền chỉ trích họ mà chúng ta còn phải nói : họ đúng. Một người không có quyền khẳng định những gì Giáo hội khẳng định nếu anh ta không thấy rằng trong lương tâm, anh ta có nghĩa vụ phải khẳng định điều đó.

Thánh Thomas Aquinas (ông vẫn là một tham chiếu quan trọng trong truyền thống thần học của Giáo hội) không ngần ngại nói : «Tin vào Đức Kitô là một điều tốt nhưng đó là một lỗi lầm về mặt đạo đức nếu lý trí cho rằng hành động đó là xấu, mỗi người phải tuân theo lương tâm của mình ngay cả khi nó sai lầm.» [8] Tất nhiên, điều này là hiển nhiên nhưng tốt hơn hết là nên nói rõ, sai lầm không nên là cố ý, dù chỉ gián tiếp qua

7 Jean Lacroix, Chủ nghĩa cá nhân như một phản hệ tư tưởng, PUF, 1972, tr. 160

8 Thánh Tôma Aquino, Ia IIae q. 19 art. 5

sự sơ suất.

Tôi nói về những người nghi ngờ vì họ trước hết muốn trung thực, với lòng dũng cảm mà sự trung thực đòi hỏi. Họ có thể là những nhân chứng đau đớn của sự tầm thường của các Kitô hữu : tầm thường trí thức, nếu chúng ta không làm việc để thanh lọc niềm tin của mình khỏi những khía cạnh huyền thoại mà chúng không thể tránh khỏi (bao nhiêu người, chẳng hạn, thể hiện sự tôn thờ Chúa mà thực chất chỉ là sự ngụy trang của sự tôn thờ quyền lực hoặc quyền lực !); tầm thường đạo đức, nếu chúng ta giải thích Tin Mừng theo nghĩa dễ dãi (bao nhiêu người, chẳng hạn, nhầm lẫn giữa bác ái và bố thí, hoặc giữa tình yêu và cảm xúc, và do đó không thể hiểu được ý nghĩa thực sự của lời của thánh Gioan : «Thiên Chúa là Tình Yêu » !).

Những người nghi ngờ vì lương tâm chân chính từ chối chấp nhận những chân lý của đức tin cho đến khi họ thấy rõ, họ từ chối hài lòng với một đức tin ngây thơ, và, theo một cách nào đó, tiền phê phán. Điều quan trọng là họ không bỏ qua dãy Himalaya bằng cách tuyên bố rằng không có gì đáng chú ý. Bởi vì không thể không công nhận rằng phong trào Do Thái - Kitô giáo lớn từ thời Abraham nắm giữ những giá trị đáng kể. Chúng ta phải yêu cầu họ ít nhất là có khả năng ngưỡng

mộ, nhưng đồng thời, chúng ta cũng phải hiểu rằng họ có thể ngưỡng mộ mà không bị thuyết phục và rằng sự do dự của họ không vì thế mà đáng nghi ngờ.

Người nghi ngờ chân thành không phải là người hoài nghi đặt sự nghi ngờ lên làm nguyên tắc, điều này là một căn bệnh của trí tuệ. Cũng không phải là người sợ cam kết và vì nỗi sợ đó, ta trú ẩn trong sự nghi ngờ lý thuyết : ở đó, đó là một căn bệnh của ý chí. Bạn có nghi ngờ vì bạn sợ cam kết không ? Đức tin là một cam kết, không chỉ là một ý kiến : chúng ta không tin rằng Chúa tồn tại như chúng ta tin rằng có đĩa bay hoặc không có đĩa bay. Nếu Chúa tồn tại, thì việc cam kết với Ngài là điều hoàn toàn cần thiết, cam kết với Ngài từ tận đáy lòng.

Rõ ràng là hiện nay có rất nhiều người bệnh về tinh thần và rất nhiều người bệnh về ý chí. Điều tồi tệ lớn nhất là không chú ý, không để cho câu hỏi cơ bản về ý nghĩa cuối cùng của sự tồn tại con người thoát ra khỏi bản thân mình hoặc, điều này cũng giống nhau, không tìm cách làm rõ điều cốt yếu của đức tin.

Điều cốt yếu của điều cốt yếu

Bởi vì có một điều cốt yếu. Không phải tôi nói điều đó, mà là Công đồng Vatican II gần đây : «Có một trật tự hoặc một hệ thống phân cấp các chân lý của giáo lý Công giáo do mối quan hệ khác nhau của chúng với nền tảng của đức tin Kitô giáo.» [9] Nói cách khác, không phải là mọi thứ đều ngang nhau. Tôi rất sẵn lòng tổ chức một buổi thuyết trình về các thiên thần nhưng trước tiên tôi sẽ nói với bạn rằng vấn đề về các thiên thần không quan trọng bằng mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi. Ngay cả các giáo điều liên quan đến Đức Trinh Nữ Maria cũng quan trọng hơn nhiều so với các thiên thần nhưng vẫn kém quan trọng hơn so với Ba Ngôi và Nhập Thể. Hoặc nếu Đức Trinh Nữ Maria quan trọng, vì dựa trên Chúa Ba Ngôi và Sự Nhập Thể vì Bà là mẹ của Chúa Giê-su Kitô.

Tôi không nói rằng có cái chính và cái phụ vì tôi nghĩ rằng, khi đã hiểu mọi thứ, không có cái phụ. Nhưng tôi nói rằng vẫn có cái thiết yếu và cái ít thiết yếu hơn, cái liên quan đến cái thiết yếu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp hơn. Tuy nhiên, điều mà hiện nay còn thiếu rất nhiều là khả năng tách biệt điều cốt yếu của đức tin, tôi sẽ nói rằng điều cốt yếu của điều cốt yếu.

---

9 Vatican II, Sắc lệnh về Liên Tôn, số 11.

Điều tôi muốn là các tín đồ Kitô giáo có thể trả lời trong hai dòng cho câu hỏi : cuối cùng, bạn tin vào điều gì ? Và, tương tự, tôi cũng muốn người không tín ngưỡng có thể trả lời trong hai dòng cho câu hỏi : bạn không tin vào điều gì ? bạn từ chối tin vào điều gì, cụ thể là gì ?

Điều chúng ta tin là câu trả lời mà Thiên Chúa dành cho câu hỏi không thể tránh khỏi về ý nghĩa của sự tồn tại ! Câu trả lời này hoàn toàn nằm trong một câu ngạn ngữ truyền thống trong Giáo hội từ những thế kỷ đầu tiên ; dường như người đầu tiên sử dụng nó là thánh Irénée, giám mục Lyon, qua đời khoảng năm 200 ; nó chưa bao giờ ngừng được lặp lại và bình luận bởi các Giáo phụ, cả ở phương Đông lẫn phương Tây.

Tôi trích dẫn cho bạn bằng tiếng Latinh, để nó có dấu ấn xác thực của nó : «Deus homo factus est ut homo fieret Deus», tức là : «Chúa đã làm người để con người làm Chúa» hoặc, nếu bạn muốn : «Chúa đã trở thành người để người trở thành Chúa.»

Có phải đây là điều cốt lõi trong đức tin của bạn không? Nếu, khi nghe câu nói nhỏ này, bạn nghĩ rằng có sự phóng đại, phản ứng như vậy có nghĩa là bạn vẫn chưa đạt được điều cốt lõi của đức tin. Thường thì người ta đặt câu hỏi : «Có phải chính tội nguyên tổ là

muốn trở thành Chúa không ?» Có một sự mơ hồ khủng khiếp ở đây : đúng, tội nguyên tổ là tự cho mình là có thể trở thành như Thiên Chúa bằng sức mạnh của chính mình. Nhưng điều không phải là tội nguyên tổ và thậm chí là bản chất của đức tin, đó là chúng ta phải chấp nhận món quà hoàn toàn kỳ diệu của việc trở thành thần thánh của chúng ta.

Bạn đã suy nghĩ đủ để hiểu rằng, nếu không phải như vậy, Sự Nhập Thể của Thiên Chúa chỉ là một chuyến thăm của Thiên Chúa trên trái đất, như chúng ta thấy trong tất cả các thần thoại ngoại giáo, nơi các vị thần «đi dạo» trên trái đất, dưới những bộ trang phục giả trang? Nếu không phải như vậy, thì phải nói rằng Chúa đã mượn bộ áo choàng nhân loại của chúng ta để xuất hiện giữa chúng ta trong một khoảng thời gian nhất định, để giảng dạy cho chúng ta một đạo đức mà người ta có thể nói rằng nó vượt trội hơn tất cả các đạo đức khác ; sau đó, Ngài đã trở về trời nơi đó Ngài theo dõi cách chúng ta hành động ở đây, để thưởng cho chúng ta nếu chúng ta thực hành các đức tính Kitô giáo hoặc trừng phạt chúng ta nếu chúng ta thích sống trong tội lỗi: chúng ta đang sống trong thần thoại !

Đừng ngạc nhiên khi những người cùng thời của chúng ta, đặc biệt là giới trẻ, hoàn toàn từ chối bước vào đó. Nếu đó là đức tin, nghĩa vụ của một người thông minh là thoát ra khỏi đó càng sớm càng tốt. Tôi không đùa và những gì tôi nói rất đau lòng, vì tôi sợ rằng vẫn còn những người đàn ông và phụ nữ, có thể cả những nhà hoạt động Công giáo, các linh mục và nữ tu, đang sống mà không nhận ra trong một thế giới đầy thần thoại.

Câu ngạn ngữ mà tôi đề xuất để diễn đạt điều cốt lõi của đức tin là điều truyền thống nhất trong Giáo hội. Để nói qua, đừng gọi là truyền thống những gì một số người trong chúng ta đã học vào đầu thế kỷ này. Có những sự nhầm lẫn mà chúng ta cần phải phá vỡ một cách mạnh mẽ. Nhiều người hiện nay tự cho mình là truyền thống khi nghĩ về những gì họ đã được dạy khi còn trẻ. Nhưng cần biết rằng năm mươi năm trước, chúng ta đã được giáo dục trong một thời kỳ mà Giáo hội khá xa rời Truyền thống của chính mình. Điều đó không có gì là gây sốc : trong đời sống của Giáo hội, có những lúc căng thẳng giảm xuống. Giống như trong tác phẩm của một nhà văn, chúng ta ngạc nhiên khi thấy trong một số phần của tác phẩm của họ những điều gần như ngu ngốc. Hoặc là, trong một bản nhạc của một nhạc sĩ vĩ đại, có những khoảnh khắc mà ta có cảm giác

như ông ta quên mất mình là ai, yếu ớt đến mức không thể tin được. Trong một tác phẩm vĩ đại, sự giảm căng thẳng như vậy là bình thường ; nói chung, nó không kéo dài, thiên tài nhanh chóng lấy lại phong độ.

Cũng vậy trong đời sống của Giáo hội, có những lúc chúng ta khá xa rời bản chất của Truyền thống. Hãy để những người lớn tuổi hơn trong số các bạn hồi tưởng lại : họ có được nghe nhiều về thánh Phaolô khi còn trẻ không ? Không nhiều lắm, chúng ta sợ tự do ! Đó chỉ là một ví dụ trong số hàng nghìn. Chúng ta phải rất cẩn thận để không nhầm lẫn Truyền thống của Giáo hội với những gì chúng ta đã được dạy, mà phần lớn, từ đó dẫn đến cuộc khủng hoảng hiện tại, tương đối xa lạ với Truyền thống thực sự của Giáo hội (tôi nói tương đối vì không nên phóng đại, một sự giảm sút căng thẳng không phải là một sai lầm).

Hai chân lý này là tương quan chặt chẽ với nhau, sự nhập thể của Thiên Chúa và sự thần hóa của con người. Điều này hoàn toàn truyền thống, đó là cốt lõi của đức tin, cái vĩnh cửu, cái bất biến, điều mà không bối cảnh văn hóa mới nào có thể thay đổi, điều mà Giáo hội sẽ không bao giờ đặt vấn đề, ngay cả khi Giáo hội đặt câu hỏi về cách diễn đạt, vì điều đó là cần thiết !

Người ta luôn nói với chúng ta điều đó, nhưng có thể người ta đã nói bằng những từ ngữ đã quá cũ kỹ, như người ta nói về một mảnh vải cũ rằng «nhìn thấy ánh sáng xuyên qua» :

ÂN SỦNG THÁNH HÓA : ân sủng có nghĩa là quà tặng ; và thánh hóa có nghĩa là thần thánh hóa. Thánh là tên của Chúa trong Cựu Ước (Thánh, thánh, thánh Chúa là Thiên Chúa...). Do đó, cái gì là thánh hóa, theo nghĩa nghiêm ngặt của từ này, là cái gì làm cho thần thánh. Chúng ta đều đã học rằng có ơn thánh hóa, có thể chúng ta đã bỏ qua việc làm rõ rằng đó là sự thánh hóa của chúng ta.

ƠN CỨU ĐỘ : có từ nào cũ kỹ hơn không ? Một trí thức theo chủ nghĩa Marx, Gilbert Mury, người đã giúp tôi, trong một tuần của các trí thức Công giáo tại Paris, làm rõ tư tưởng của chính mình về sự cứu rỗi. «Theo ý của tôi, ông ấy nói, từ này dẫn đến bốn câu hỏi :

«ai được cứu ?»
«ai cứu ?»
«cứu khỏi điều gì ?»
«được cứu để đạt được điều gì ?»

Đây là câu trả lời của chủ nghĩa Marx : ai được cứu ? con người ; ai cứu ? giai cấp vô sản tổ chức thành đảng; được cứu khỏi cái gì ? khỏi sự tha hóa (bất công, bóc lột, v.v.) ; để đạt được điều gì ? đến xã hội không giai cấp, đến thành phố hòa hợp và anh em.» Sau đó, tôi đã đưa ra câu trả lời Kitô giáo : «Ai được cứu ?» con người; ai cứu? Chúa Giê-su ; cứu khỏi cái gì ? của sự hữu hạn của thụ tạo (chúng ta là những sinh vật hữu hạn !) được nhân lên bởi tội lỗi, sự tha hóa sâu sắc hơn nhiều ; để đạt được điều gì ? không phải đến một xã hội không có giai cấp mà đến một cuộc sống vĩnh cửu được thần thánh hóa, điều này không loại trừ mục tiêu nhân văn của một xã hội công bằng và anh em hơn (nói thêm, chúng ta sẽ không được thần thánh hóa, chúng ta sẽ không lên thiên đàng theo cách nói của giáo lý cũ -, nếu bây giờ, chúng ta không làm việc, trong khả năng của mình, để tạo ra một thế giới công bằng hơn, anh em hơn, nhân văn hơn).» Người ta luôn nói với chúng ta về sự cứu rỗi, có lẽ đã bỏ qua việc làm rõ tất cả những điều này.

CON CÁI CỦA THIÊN CHÚA : từ này không chỉ có nghĩa là thụ tạo mà là sống cùng một cuộc sống với Thiên Chúa. Một người cha không chỉ ban cho con cái sự sống mà còn ban cho chúng cuộc sống của chính mình. Khi chúng ta nói rằng chúng ta là con cái của

Chúa, chúng ta nói rằng Chúa ban cho chúng ta chính cuộc sống của Ngài, tức là Ngài cho chúng ta tham gia vào thiên tính của Ngài, tức là chúng ta được thần thánh hóa, theo đúng nghĩa đen. Điều này nghiêm túc lắm, bạn biết không ! Tôi đang nói những điều rất quan trọng lúc này : việc phép rửa khiến chúng ta trở thành con cái của Chúa theo nghĩa sâu sắc, đó không phải là chuyện nhỏ đâu

CUỘC SỐNG SIÊU NHIÊN : hãy tiến hành một cuộc điều tra trong các môi trường của bạn, các giáo xứ, các trường học, các trường trung học : cụm từ này có nghĩa là gì ? Đối với một số người, sự hiện ra của Đức Mẹ Maria tại Lourdes là một hiện tượng siêu nhiên. Những người khác sẽ nói rằng điều siêu nhiên là những gì không thể được giải thích trong tự nhiên : một chiếc đĩa bay là một hiện tượng siêu nhiên. Hiện nay, có bao nhiêu tín hữu Kitô biết rằng từ này có nghĩa, theo cách chính xác nhất, là ơn gọi của con người để chia sẻ chính cuộc sống của Thiên Chúa, để được thần thánh hóa ?

Nếu những từ ngữ đã bị mòn, bị hư hỏng, đừng để mất đi thực tế đã được dạy, vì đó chính là điều cốt yếu.

Đức Kitô tiết lộ con người là ai và Thiên Chúa là ai.

Ý nghĩa sâu thẳm của sự tồn tại của con người là chúng ta được kêu gọi trở thành Thiên Chúa. Tôi muốn từ «thần hóa» hoặc «thần thánh hóa» được khôi phục trong Giáo hội. Ở đây cũng vậy, sẽ cần một cuộc điều tra : từ này có thể được chấp nhận không ? Chắc chắn cần có những điều chỉnh : chúng ta sẽ không mãi mãi là Thiên Chúa như Thiên Chúa là Thiên Chúa, chúng ta sẽ không vô hạn, tuyệt đối như Ngài nhưng chúng ta sẽ sống bằng cùng một Đời Sống với Ngài. Do đó, cần thiết phải biết cuộc sống này bao gồm những gì. Chúng ta có liên quan, không có ích gì khi lặp đi lặp lại rằng chúng ta phải sống vĩnh cửu từ chính cuộc sống của Thiên Chúa nếu chúng ta không biết cuộc sống đó là gì. Thiên Chúa không thể tiết lộ cho chúng ta rằng ơn gọi của chúng ta là trở thành như Ngài mà không cho chúng ta biết Ngài là ai ; nếu không, Ngài sẽ chế nhạo chúng ta.

Bí ẩn là gì ?

Từ «bí ẩn» cần được hiểu rõ. Khi tôi còn nhỏ, bạn có biết không, người ta nói với tôi rằng bí ẩn là những gì không thể hiểu được. À ! hồi đó tôi không thông minh

lắm ! Nếu tôi có một chút thông minh, tôi đã đáp lại : thật là kỳ lạ ! Nếu Chúa nói với tôi, đó là để tôi hiểu; thật kỳ lạ khi khẳng định rằng một mặt Chúa vì tình yêu mà tiết lộ cuộc sống của Ngài cho tôi và mặt khác, không thể hiểu được điều đó.

Chính xác như thể tôi nói với một trong số các bạn : tôi có rất nhiều tình bạn và sự cảm mến dành cho bạn, hãy cho tôi một chút thời gian và tôi sẽ kể cho bạn nghe toàn bộ cuộc đời tôi, những gì tôi thích, những gì tôi làm, những tình bạn của tôi, v.v. Bạn sẽ nói : thật sự rất tốt bụng, đó là một bằng chứng lớn về tình bạn mà anh ấy dành cho tôi. Nhưng nếu tôi bắt đầu nói tiếng Tàu, bạn sẽ nói gì ? Anh ta hoàn toàn điên rồ : một mặt, anh ta tuyên bố rằng vì tình yêu, anh ta sẽ cho tôi biết bí mật về cuộc sống của anh ta, và mặt khác, anh ta lại nói tiếng Tàu !

Tuy nhiên, đó chính xác là điều người ta nói khi khẳng định rằng bí ẩn là điều mà người ta không thể hiểu. Bạn nhận thấy qua một ví dụ cụ thể rằng đó có thể là một số giáo lý khi Giáo hội đã phần nào quên đi Truyền thống của chính mình. Bởi vì thánh Augustin chưa bao giờ định nghĩa mầu nhiệm như là điều mà người ta không thể hiểu mà luôn là điều mà người ta chưa bao giờ hiểu hết, điều này rất khác biệt.

Một người đàn ông đã kết hôn, rất hạnh phúc trong gia đình của mình, đến nói với tôi sau hai mươi năm kết hôn : «Cha biết đấy, thưa cha, vợ con vẫn còn là một bí ẩn đối với con.» Tôi trả lời anh ấy : « Điều đó không có nghĩa là cô ấy là một câu đố : điều đó có nghĩa là hai mươi năm sống chung chưa đủ để bạn thấu hiểu đến tận sâu thẳm của cô ấy.» Thật tốt, vì bạn sẽ còn khám phá những chiều sâu bất ngờ ở vợ mình.

Tương tự, đối với một tác phẩm của Bach, tôi hỏi bạn khi ra khỏi buổi hòa nhạc : bạn có thích bản concerto này hay bản fugue này không ? Bạn trả lời : nhẹ nhàng, sâu sắc, tôi phải nghe lại tác phẩm này hai lần, ba lần... Vậy thì, có lẽ đến lần thứ mười hai, vì Bach không phải là Chúa, sẽ không còn bí ẩn nữa nhưng cần có thời gian!

Thiên Chúa cho chúng ta thấu hiểu bí ẩn của Ngài. Chúng ta có liên quan : đây không phải là một vấn đề tò mò trí thức, không phải là để trả lời một câu hỏi triết học : Thiên Chúa là ai ? Đó là việc biết được sứ mệnh của chúng ta : chúng ta phải trở thành những gì Ngài là. Vì vậy, chúng ta phải biết Ngài là ai.

Nói cách khác, ý nghĩa của cuộc sống là mối quan hệ của chúng ta với Chúa, một mối quan hệ mà qua đó chúng ta sẽ sống mãi mãi từ cuộc sống của Ngài. Kitô giáo về cơ bản là sự thật của một mối quan hệ. Hiểu rằng điều

ngược lại của sự thật không chỉ là sai lầm (hai với hai là bốn, đó là sự thật ; hai và hai là năm, đó là một sai lầm) nhưng cũng là sự dối trá. Có những mối quan hệ chân thật và có những mối quan hệ giả dối. Một cách nói với một người phụ nữ rằng ta yêu cô ấy và thực hiện với cô ấy những hành động của tình yêu trong khi nghĩ đến một người phụ nữ khác khiến cho mối quan hệ của người đàn ông này với người phụ nữ ấy trở thành một mối quan hệ giả dối, không phải là một mối quan hệ thật sự.

Tất cả trong Kitô giáo tồn tại để mối quan hệ của chúng ta với Chúa là một mối quan hệ thật sự. Tất cả trong Kitô giáo (giáo lý, đạo đức, bí tích...) đều nhằm mục đích duy nhất là đảm bảo hoặc xác thực sự thật của mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Rõ ràng rằng, để mối quan hệ của chúng ta với Chúa là một mối quan hệ thật sự, chúng ta phải biết con người là ai và Thiên Chúa là ai, chúng ta phải biết sự thật về con người và sự thật về Thiên Chúa. Chúng ta không thể có một mối quan hệ thật sự với ai đó mà chúng ta không biết rõ họ ! Đó là Đức Kitô, người đã làm người để con người trở thành Thiên Chúa, người đã tiết lộ cho chúng ta con người là ai và Thiên Chúa là ai.

Con người là ai ?

Nếu bạn hỏi tôi con người là gì, tôi sẽ trả lời như thế này : con người là điều có thể thần thánh hóa. Đó là câu trả lời sâu sắc nhất, vượt lên trên tất cả những điều thú vị mà các khoa học nhân văn có thể nói với chúng ta. Chúng ta đều biết rằng sinh viên chen chúc ở cổng các khoa khoa học nhân văn : tâm lý học, xã hội học, tâm lý xã hội học, phân tâm học, v.v. Tất cả những điều này đều thú vị nhưng không đi đến tận cùng chiều sâu của con người, không cho chúng ta biết điều gì là bí ẩn của con người vì con người là một bí ẩn.

Tại sao con người lại có thể trở nên thần thánh ? Đơn giản là vì có một Thiên Chúa làm người. Một người đàn ông hoàn toàn là người : Phúc Âm và thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta rằng Đức Kitô là người hoàn toàn ngoại trừ tội lỗi. Nhưng chính vì Ngài không phải là kẻ tội lỗi mà Đức Kitô là người hoàn hảo. Điều ngăn cản chúng ta trở thành những người hoàn hảo chính là vì chúng ta là những kẻ tội lỗi.

Nếu thực sự có một thành viên của loài người, của giống người là Chúa, thì có nghĩa là trong tất cả mọi người đều có khả năng trở thành những gì là Chúa. Nếu một người là Chúa, thì tất cả mọi người đều có thể trở thành như vậy. Bí ẩn của mỗi con người, ý nghĩa của

con người, ý nghĩa của cuộc sống con người, chính là khả năng thiết yếu của con người để trở thành những gì mà Thiên Chúa là.

Nếu không, người ta sẽ phải nói rằng Đức Kitô không phải là một con người, mà là một dấu ngoặc trong lịch sử nhân loại, một thiên thạch, một hiện tượng rơi từ trên trời xuống. Nhưng Giáo hội đã chiến đấu trong nhiều thế kỷ để duy trì bằng mọi giá, bất chấp mọi thứ, nhân tính của Chúa Giê-su Kitô. Đức Kitô không phải là một dấu ngoặc, ngược lại, Ngài là Con Người trọn vẹn. Chắc chắn có con người theo Socrate, con người theo Nehru, v.v. Nhưng chúng ta, những Kitô hữu, chúng ta tin rằng chỉ có Đức Kitô mới nói cho chúng ta biết con người thật sự là gì. Chỉ có Đức Kitô mới thực hiện một cách hoàn hảo định nghĩa về con người : Ngài là Người và Người đó là Thiên Chúa. Vì vậy, chúng ta chỉ có thể trở thành những con người hoàn hảo khi chúng ta được thần thánh hóa.

Tôi gặp phải những phản đối như thế này : tôi không quan tâm đến việc tôi sẽ được thần thánh hóa, tôi chỉ yêu cầu được nhân hóa; trở thành Chúa không có ý nghĩa gì với tôi, trở thành một người thực sự, thì có. Đó là lúc cần cố gắng hiểu rằng, trong cùng một chuyển động, Đức Kitô làm cho chúng ta trở nên nhân loại và thần

thánh. Chúng ta không phải chọn giữa việc trở thành con người trọn vẹn và trở thành những gì là Thiên Chúa. Người ta đã muốn nhốt chúng ta vào một tình thế tiến thoái lưỡng nan : hoặc là con người hoặc là Thiên Chúa. Nếu tôi phải chọn giữa con người và Thiên Chúa theo cách mà một trong hai phải bị loại trừ, tôi sẽ chọn con người. Điều đó sẽ phù hợp với phẩm giá của tôi : tôi là một con người và tôi phải trở thành một con người. Tôi không thể tin vào một vị thần buộc tôi phải đưa ra lựa chọn này, vì vị thần đó chỉ có thể là một thần tượng. Trở thành những gì là Thiên Chúa không có nghĩa là chúng ta sẽ ngừng là con người.

Có những khác biệt nào giữa Đức Kitô và chúng ta? Có hai điều khác biệt. Điều đầu tiên là những gì Ngài là, chúng ta phải trở thành; việc không giống như Ngài ngay từ khi chúng ta được hình thành nhưng phải trở thành giống Ngài suốt cuộc đời chúng ta đủ để thiết lập giữa Ngài và chúng ta một sự khác biệt vô hạn sẽ kéo dài suốt cả cõi vĩnh hằng. Thứ hai, đó là chỉ qua Ngài và chỉ qua Ngài mà chúng ta trở nên như vậy. Người mà chúng ta cần trở nên là Đức Kitô, tiêu chuẩn tuyệt đối, hình mẫu của sự nhân hóa hoàn thiện. Chúng ta chỉ trở thành người qua Ngài.

Hai sự khác biệt này đủ để duy trì một sự phân biệt vĩnh viễn không thể giảm bớt giữa Đức Kitô và chúng ta. Chúa Giê-su là Người-Thiên Chúa duy nhất nhưng tất cả mọi người đều có thể trở nên thần thánh, chúng ta thực sự trở thành những gì Ngài là. Chúa Giê-su đã cho tôi thấy điều đó qua sự tồn tại duy nhất của Ngài như một Người-Thiên Chúa. Trước khi nghe những lời của Ngài, từ khoảnh khắc tôi tin rằng có một Người-Thiên Chúa, tôi tin rằng ơn gọi của tôi cũng là trở nên thần thánh, trở thành những gì mà Thiên Chúa là. Như G. Morel đã viết, «chúng ta trở nên bằng sự tham gia những gì Thiên Chúa là theo bản chất».

Thiên Chúa là ai ?

Chúa Giê-u tiết lộ cho chúng ta biết Thiên Chúa là ai : Thiên Chúa là Tình Yêu. Chúng ta biết điều đó, đúng ; nhưng chúng ta có nghiêm túc với tuyên bố này không ? Rõ ràng rằng nếu có một người là Thiên Chúa, thì Thiên Chúa là Tình Yêu. Chúng ta khó có thể tưởng tượng được Sự Nhập Thể nếu Thiên Chúa không phải là Tình Yêu. Thật vậy, xu hướng sâu sắc, chuyển động sâu sắc của tình yêu là trở thành người được yêu, không chỉ là được hợp nhất với người đó mà là trở thành một với người đó. Đó là một chuyển động đã tồn tại trong tình yêu con người nhưng không thể thực hiện đầy đủ.

Tôi nghĩ rằng không có niềm vui nào so sánh được với niềm vui của tình yêu, nó không thể so sánh với niềm vui của nghệ thuật hay nghiên cứu khoa học. Niềm vui của tình yêu là hoàn toàn độc nhất nhưng nó không thể thiếu đau khổ. Bước vào tình yêu, tức là bước vào niềm vui nhưng cũng bước vào nỗi đau, không chỉ vì luôn có nguy cơ phản bội, thói quen, sự suy giảm dần dần của tình cảm lẫn nhau, mà sâu xa hơn nhiều vì lời nguyện ước sâu sắc của tình yêu không thể được thực hiện ở trần gian này : không chỉ là bạn và tôi được kết hợp, mà là bạn và tôi trở thành một, một thể duy nhất.

Đó là điều mà Thiên Chúa thực hiện trong Sự Nhập Thể : Ngài trở thành một với tôi ; trong Chúa Giê-su Kitô, Thiên Chúa không chỉ liên kết với con người mà Ngài trở thành một với họ. Đó là tình yêu được hiện thực hóa một cách trọn vẹn. Vì vậy, khi Giáo hội nói với tôi rằng Đức Kitô vừa là Thiên Chúa vừa là Người, một người duy nhất, tôi đã biết rằng Thiên Chúa là tình yêu. Và toàn bộ Kinh Thánh phát triển điểm này.

Từ sức mạnh đến tình yêu

Toàn bộ lịch sử của Sự Mặc Khải là sự chuyển đổi dần dần từ một Thiên chúa được coi là sức mạnh sang một Thiên chúa được tôn thờ như tình yêu. Chính với góc nhìn này mà chúng ta cần đọc lại toàn bộ Kinh Thánh

và nghiên cứu lịch sử các tôn giáo. Thật bình thường khi con người trước tiên coi Thiên Chúa là Đấng Toàn Năng. Hãy đặt mình vào vị trí của những người nguyên thủy nhận ra rằng họ bị ném vào một thế giới nguy hiểm, rằng sự tồn tại của họ mong manh, bấp bênh, rằng họ phải đối mặt với tất cả các mối nguy hiểm từ thú dữ, bão tố, sóng thần, dịch bệnh : họ tự nhiên tìm kiếm một sức mạnh để bảo vệ họ. Người ngoại giáo đã thánh hóa tất cả những gì mang lại cảm giác quyền lực: sấm sét, mặt trời, cây cối, mặt trăng, v.v.

Nhưng ý tưởng về sức mạnh rất mơ hồ, một sức mạnh có thể làm rất nhiều điều tốt nhưng cũng có thể làm rất nhiều điều xấu : có những sức mạnh nghiền nát, thống trị, và hủy bỏ chúng ta. Hitler trong một thời gian đã rất quyền lực, Stalin cũng vậy. Bạn có định đầu hàng hoàn toàn trước loại quyền lực này không ? Vì vậy, những người ngoại giáo, trước sức mạnh mơ hồ này, cố gắng làm cho nó trở nên thuận lợi, hòa giải với nó bằng cách dâng hiến những lễ vật, những lời cầu nguyện.

Dần dần, đó là toàn bộ câu chuyện của Cựu Ước, đã có một sự chuyển đổi từ một Thiên Chúa quyền năng thành một Thiên Chúa tình yêu. Ở trung tâm của sự phát triển này, các nhà tiên tri tiết lộ rằng Thiên Chúa là ý chí công lý : các bạn tìm cách làm vừa lòng quyền

năng tối cao, các bạn tìm cách khiến quyền năng đó trở nên thuận lợi cho mình và để làm điều đó, các bạn đốt hương, các bạn dâng bò, dê, các bạn tổ chức nhiều lễ hội và nghi lễ, các bạn kỷ niệm các tuần trăng mới ; các bạn nói rằng chỉ có một cách để làm quyền năng tối cao thuận lợi cho mình, đó là thực hành công lý giữa các bạn, vì Thiên Chúa là ý muốn công lý. Đó là giai đoạn lớn của các tiên tri nơi trung tâm của Cựu Ước.

Sau cùng, Chúa Giê-su tiết lộ rằng Thiên Chúa là tình yêu. Câu chuyện về một sự chuyển đổi dần dần từ một vị Thiên Chúa toàn năng thành một Thiên chúa là Tình Yêu, không phải là câu chuyện của mỗi chúng ta hay sao ? Chúng ta không ngừng phải chuyển đổi về một Thiên Chúa chỉ là Tình Yêu sao ? Bởi vì nói rằng Thiên Chúa là Tình Yêu, tức là nói rằng Thiên Chúa chỉ là Tình Yêu.

Chúa chỉ là Tình Yêu

Tất cả đều nằm trong cụm từ «CHỈ LÀ». Tôi mời bạn đi qua ngọn lửa của sự phủ định vì chỉ có vượt qua đó, sự thật mới thực sự lộ ra. Chúa có phải là Toàn Năng không ? Không, Chúa chỉ là Tình Yêu, đừng đến nói với tôi rằng Ngài là Toàn Năng. Chúa có phải là Vô Hạn không ? Không, Chúa chỉ là Tình Yêu, đừng nói với tôi về điều gì khác. Chúa có khôn ngoan không ?

Không. Đây là điều tôi gọi là vượt qua ngọn lửa của sự phủ nhận, bạn phải trải qua điều đó một cách tuyệt đối. Đối với tất cả các câu hỏi bạn đặt ra cho tôi, tôi sẽ nói với bạn : không và không, Chúa chỉ là Tình Yêu.

Nói rằng Chúa là Toàn Năng, tức là đặt làm nền tảng một sức mạnh có thể được thực hiện qua sự thống trị, qua sự hủy diệt. Có những sinh vật mạnh mẽ để phá hủy (hãy hỏi Hitler, ông ta đã tiêu diệt sáu triệu người Do Thái !). Nhiều Kitô hữu đặt toàn năng làm nền tảng rồi thêm vào sau đó : Chúa là tình yêu, Chúa yêu chúng ta. Đó là sai lầm ! Toàn năng của Chúa là toàn năng của tình yêu, chính tình yêu là toàn năng !

Người ta thường nói : Chúa có thể làm mọi thứ! Không, Chúa không thể làm mọi thứ, Chúa chỉ có thể làm những gì Tình Yêu có thể. Vì Ngài chỉ là Tình Yêu. Và mỗi lần chúng ta ra khỏi phạm vi của tình yêu, chúng ta lầm tưởng về Chúa và đang tạo ra một vị thần Jupiter nào đó.

Tôi hy vọng bạn hiểu sự khác biệt cơ bản giữa một đấng toàn năng yêu chúng ta và một tình yêu toàn năng. Một tình yêu toàn năng, không chỉ không thể phá hủy bất cứ điều gì, mà còn có khả năng đến tận cái chết. Tôi yêu một số người, nhưng tình yêu của tôi không phải là vô hạn, tôi biết rất rõ rằng tôi không thể hy sinh tất cả

cho những người tôi yêu, tức là chết vì họ.

Trong Thiên Chúa, không có quyền năng nào khác ngoài quyền năng của tình yêu và Chúa Giê-su nói với chúng ta (Ngài là người tiết lộ cho chúng ta biết Thiên Chúa là ai) : «Không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống vì bạn bè mình» (Ga 15, 13). Ngài tiết lộ cho chúng ta toàn năng của tình yêu bằng cách đồng ý chết vì chúng ta. Khi Chúa Giê-su bị lính bắt, bị trói, bị siết cổ tại Vườn Cây Dầu, chính Ngài đã nói rằng Ngài có thể kêu gọi các đạo quân thiên thần để cứu Ngài khỏi tay lính. Ngài đã không làm như vậy vì điều đó sẽ tiết lộ cho chúng ta một vị thần giả, một vị thần toàn năng thay vì tiết lộ cho chúng ta vị thần thật, người sẵn sàng chết vì những người Ngài yêu thương. Cái chết của Đức Kitô cho chúng ta thấy quyền năng tuyệt đối của Thiên Chúa ; đó không phải là một quyền năng áp bức, thống trị, không phải là một quyền năng tùy tiện mà chúng ta sẽ nói : Ngài đang âm thầm làm gì trên cao, trong cõi vĩnh hằng của Ngài ? Không, Ngài chỉ là tình yêu nhưng tình yêu đó là toàn năng.

Tôi tái hợp nhất các thuộc tính của Chúa (toàn năng, trí tuệ, vẻ đẹp...) nhưng đó là các thuộc tính của tình yêu. Vì vậy, tôi đề xuất với bạn công thức này : «Tình yêu không phải là một thuộc tính của Chúa trong số các

thuộc tính khác của Ngài mà các thuộc tính của Chúa là các thuộc tính của tình yêu.»

Tình yêu là
vô biên
khôn ngoan
đẹp đẽ
vô hạn

Tình yêu nào là toàn năng ? Đó là một tình yêu đi đến tận cùng của tình yêu. Sự toàn năng của tình yêu là cái chết : đi đến cùng của tình yêu, tức là chết vì những người mình yêu. Và đó cũng là tha thứ cho họ. Nếu có ai trong số các bạn đã trải nghiệm đau đớn của sự cãi vã trong một gia đình hoặc một nhóm bạn, bạn biết rằng thật khó để tha thứ thực sự. Phải có tình yêu thật sự mạnh mẽ để tha thứ, điều mà thực sự được gọi là tha thứ. Cần phải có sức mạnh của tình yêu !

Tình yêu vô hạn là gì ? Đó là một tình yêu không có giới hạn. Tôi, tôi gặp phải những giới hạn trong tình yêu nhân loại của mình, trong tình bạn nhân loại của mình nhưng tình yêu của Chúa, Ngài, là vô hạn, vì vậy Ngài có khả năng trở thành người trong khi vẫn là Chúa. Ngài thực hiện những gì chúng ta không thể thực hiện, ngay cả trong những gia đình gắn bó sâu sắc nhất (tôi có đủ những lời tâm sự để biết rằng, trong cuộc sống hôn nhân, có những khoảnh khắc như những tia chớp,

tức là những khoảnh khắc nhanh chóng, thoáng qua khi người đàn ông và người phụ nữ cảm thấy như chỉ là một, nhưng khoảnh khắc đó không kéo dài lâu : chúng ta tách ra và lại trở thành hai người). Đó là lý do tại sao tôi nói với bạn rằng không thể bước vào tình yêu mà không bước vào đau khổ, nếu thực sự chúng ta yêu và nếu chúng ta nhận ra điều gì là yêu, muốn trở thành một với người khác. Vô hạn của Chúa không phải là một vô hạn trong không gian, một đại dương không đáy và không bờ bến, đó là một tình yêu không có giới hạn !

Các đặc điểm của tình yêu

Câu hỏi lại vang lên : tình yêu là gì ? Không phải là để trở nên tình cảm, mà là phải chiến đấu chống lại chủ nghĩa tình cảm cũng như chủ nghĩa lý trí. Một trong những lợi ích của thánh ca Gregoriano mà tôi là một tín đồ, là nó luôn kéo tôi ra khỏi chủ nghĩa lý trí khô khan cũng như chủ nghĩa tình cảm ngớ ngẩn. Lặp đi lặp lại từ yêu cuối cùng trở nên hơi «ngớ ngẩn».

Tình yêu = đón nhận và cho đi

Xoay chuyển mọi thứ như bạn muốn : tình yêu là cho đi và đón nhận. Nụ hôn là một biểu tượng rất đẹp của tình yêu, nó vừa là dấu hiệu của sự cho đi vừa là sự đón

nhận. Một nụ hôn chỉ thực sự được trao đi khi nó được đón nhận. Đôi môi bằng đá, một bức tượng, không tiếp nhận một nụ hôn, phải là đôi môi sống động. Nhưng đôi môi sống động là đôi môi tiếp nhận và cho đi cùng một lúc. Nụ hôn là là một cử chỉ đáng ngưỡng mộ và chính vì lý do đó mà không nên biến nó thành một thứ rẻ tiền, chơi đùa với nó, mà phải giữ gìn nó như một dấu hiệu của điều gì đó vô cùng sâu sắc (chúng ta đang ở trung tâm của tất cả những gì Giáo hội nghĩ về đạo đức tình dục). Nụ hôn là sự trao đổi hơi thở, có nghĩa là sự trao đổi những điều sâu thẳm nhất của chúng ta : tôi thổi hơi vào bạn, tôi thở ra vào bạn và tôi hút bạn vào tôi để tôi ở trong bạn và bạn ở trong tôi.

Có nghĩa là tôi tự rời khỏi chính mình để không còn là trung tâm của chính mình nữa, mà giờ đây trung tâm của tôi là bạn. Là người mà tôi yêu, người là trung tâm của tôi, tôi sống vì bạn và nhờ bạn ; tôi biết rằng bạn cũng đang tự rời khỏi chính mình, bạn không còn là trung tâm của chính mình nữa, bạn đang tập trung vào tôi. Anh tập trung vào em, tôi sống vì em. Em tập trung vào anh, em sống vì anh và cả hai chúng ta, chúng ta sống vì nhau. Yêu thương là sống vì người khác (đó là sự cho đi) và sống nhờ người khác (đó là sự đón nhận). Yêu là từ bỏ việc sống cho bản thân, vì bản thân và qua bản thân.

Đó là toàn bộ mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi. Nếu tình yêu là cho đi và đón nhận, thì chắc chắn phải có nhiều người trong Thiên Chúa. Chúng ta không tự cho mình, chúng ta không tự chào đón mình. Cuộc sống của Thiên Chúa là cuộc sống của sự chào đón và ban tặng. Người Cha chỉ là chuyển động hướng về Người Con, Ngài chỉ là nhờ Người Con. Thưa các bà, chính con cái của các bà đã cho các bà trở thành mẹ; nếu không có con cái, các bà sẽ không phải là mẹ. Nhưng Cha chỉ là cha, vì vậy Ngài chỉ tồn tại qua Con và chỉ vì Con. Con chỉ là Con, vì vậy chỉ vì Cha và bởi Cha. Và Chúa Thánh Thần là nụ hôn chung.

Cuộc sống của Thiên Chúa là cuộc sống của sự chào đón và cho đi, vì tôi phải trở thành những gì Thiên Chúa là, tôi sẽ không muốn trở thành một người cô đơn. Nếu tôi là một người cô đơn, tôi không giống như Chúa. Và nếu tôi không giống như Chúa, sẽ không có chuyện tôi chia sẻ cuộc sống của Ngài mãi mãi. Đó là điều người ta gọi là tội lỗi: không giống như Chúa, không cố gắng trở thành như Ngài, cho đi và đón nhận.

Nếu Thiên Chúa chỉ là tình yêu, Ngài nghèo nàn, phụ thuộc, khiêm nhường. Thoạt nhìn, điều đó có vẻ không thể, nhưng thực ra, có một câu nói của Đức Kitô chi phối tất cả, đó là hãy nghiêm túc với nó ! Khi tôi

thấy Chúa Giê-su quỳ gối bên chân các tông đồ với một chiếc khăn quanh thắt lưng và đang rửa chân cho họ, chính lúc đó tôi nghe Ngài nói với tôi : «Ai thấy Ta, thấy Cha», tức là: «Ai thấy Ta, thấy Thiên Chúa» (Ga 14, 9). Chắc chắn rằng nghịch lý này rất mạnh mẽ và có thể lý trí của chúng ta sẽ chao đảo và lung lay, nhưng tôi không thể làm gì khác. Chúa không hiện ra với chúng ta như là Thực Thể Vô Hạn. Thiên Chúa mà chúng ta tin không phải là Thiên Chúa của các triết gia, của Aristote hay Platon, mà là Thiên Chúa được mặc khải bởi Chúa Giê-su Kitô.

Hãy đào sâu vào suy gẫm từ trải nghiệm con người của chúng ta. Bởi vì nếu chúng ta không có bất kỳ kinh nghiệm nào về tình yêu, chúng ta không biết mình đang nói gì khi nói rằng Thiên Chúa chỉ là tình yêu. Phải nói về kinh nghiệm. Nếu không, nó sẽ trở nên trừu tượng, như thể bị «thả dù» xuống và giới trẻ ghét những gì được dạy, theo một cách nào đó, từ quyền lực, mà không có điểm gắn kết với kinh nghiệm.

Nghèo khó của Thiên Chúa

Trong kinh nghiệm con người của tôi, tôi thấy rằng không có tình yêu nào mà không có nghèo khó. Bạn có muốn thử trong vài khoảnh khắc để tưởng tượng một cái nhìn tình yêu chỉ có tình yêu không ? Điều đó rất

khó khăn vì trong mọi ánh nhìn của con người, luôn có điều gì khác ngoài tình yêu. Ngay cả trong ánh nhìn yêu thương nhất, luôn có một cái nhìn về bản thân. Tôi là một kẻ tội lỗi, điều đó có nghĩa là ngay cả khi tôi nói với bạn rằng tôi yêu bạn, tôi nên thêm vào, nếu tôi thực sự thành thật : vẫn có ai đó mà tôi thích hơn bạn và người đó chính là tôi. Đó là tội lỗi, bất kể nó mang hình thức nào. Tội nguyên tổ là sự bất lực của tôi trong việc yêu thương một cách thuần khiết ; đó là lý do khiến người khác không phải là tất cả đối với tôi (tất cả theo nghĩa nghiêm ngặt của từ này) ; đó là lý do khiến tôi không phải là chuyển động thuần khiết hướng về người khác (thuần khiết theo nghĩa chặt chẽ của từ này) như trong Ba Ngôi, Cha là chuyển động thuần khiết hướng về Con, Con là chuyển động thuần khiết hướng về Cha, và Thánh Thần là sự tương hỗ và động lực của chính chuyển động này.

Tuy nhiên, vẫn có thể tưởng tượng một cái nhìn yêu thương chỉ có tình yêu, vì tôi nghĩ rằng, trong trải nghiệm của tình yêu con người (dù là tình yêu vợ chồng, tình cảm anh em, tình yêu cha mẹ, lòng bác ái và sự cống hiến cho người khác, v.v.), có đủ tình yêu, dù có nhiều sự ích kỷ, để chúng ta hiểu được tình yêu là gì khi nó được sống trong Thiên Chúa, với tất cả sự thuần khiết và trọn vẹn.

Khi một người đàn ông nhìn vợ mình bằng ánh mắt yêu thương chỉ có tình yêu, anh ta có thể nói gì với cô ấy ? Câu nào mà anh ấy có thể nói để diễn đạt ánh nhìn yêu thương đó ? Tôi chỉ thấy một câu : «Em là tất cả đối với anh, em là niềm vui duy nhất của anh.» Đó là một lời nói của sự nghèo khó nếu chính em là tất cả, còn anh thì không có gì. Ngoài em, anh là người nghèo. Sự giàu có của tôi không nằm trong tôi, nó nằm trong bạn. Sự giàu có của tôi là bạn, và tôi thì nghèo.

Nếu điều đó đã đúng trong tình yêu con người, thì càng đúng hơn khi nói đến Thiên Chúa ! Chúa là Sự Nghèo Khó Tuyệt Đối ; trong Ngài, không có dấu vết của sự sở hữu, của sự chiếm hữu. Vĩnh viễn, Cha nói với Con : con là tất cả đối với Cha. Người Con đáp lại Cha : Ngài là tất cả đối với con. Và Chúa Thánh Thần chính là động lực của sự nghèo khó này. Đó là Thiên Chúa, Ngài là người nghèo nhất trong tất cả các sinh vật. Nếu lý trí của bạn dao động trước một viễn cảnh như vậy, thì hãy nói : Chúa là giàu có, nhưng ngay lập tức thêm vào : giàu có về tình yêu chứ không phải về tài sản. Tuy nhiên, giàu tình yêu và nghèo khó là hoàn toàn giống nhau. Chúa là một vô hạn của sự nghèo khó. Sở hữu là điều hoàn toàn trái ngược với Chúa.

Chắc chắn, trong sự phức tạp của những điều thuộc về con người, một tài sản nhất định là cần thiết ; người không có tài sản nào là kẻ ăn xin. Điều không may là, nếu không có tài sản nào, người đó sẽ gặp rất nhiều khó khăn để tồn tại, điều này có nghĩa là ở thế gian này, tồn tại mà không có tài sản là điều không thể. Đó là lý do tại sao Giáo hội nói rằng có quyền sở hữu : để con người tồn tại, một số tài sản nhất định là cần thiết. Nhưng trong Thiên Chúa thì hoàn toàn không. Và chúng ta sẽ chỉ bước vào Thiên Chúa khi chúng ta từ bỏ mọi thứ sở hữu. Sự nghèo khó vật chất của Bê-lem và Na-xa-rét chỉ là dấu hiệu của một sự nghèo khó sâu sắc hơn nhiều. Sự nghèo nàn vô cùng của Thiên Chúa, vô hạn, tuyệt đối, nếu không có điều đó chúng ta không thể nói rằng Thiên Chúa là tình yêu.

Ah ! Chúng ta còn xa mới đến được những hình ảnh về Chúa ! Hãy nghiêm túc : đây là trái tim của đức tin của chúng ta, không phải là trò đùa. Có những người vô thần không nghiêm túc nhưng cũng có những người Kitô hữu không nghiêm túc. Nếu muốn đứng ở vị trí đúng đắn, cần phải đối mặt với người Kitô hữu nghiêm túc và người vô thần nghiêm túc. Và Kitô hữu nghiêm túc là người khẳng định sự nghèo khó của Thiên Chúa.

Sự phụ thuộc của Thiên Chúa

Hãy thử tưởng tượng lại ánh mắt yêu thương của một người phụ nữ dành cho chồng mình, nơi chỉ có tình yêu và tiến hành theo cách phi lý. Người phụ nữ này có thể nói với chồng mình : anh yêu, nhưng rõ ràng là nếu tình huống của anh gọi anh đến Madagascar, thì tôi sẽ ở lại Pháp ? Nói cách khác, cùng lúc tôi bày tỏ tình yêu của tôi với bạn, tôi khẳng định sự độc lập của tôi với bạn. Rõ ràng là một thái độ như vậy là không thể, không tưởng. Yêu là muốn phụ thuộc, anh yêu em, anh sẽ theo em đến tận cùng thế giới, anh muốn phụ thuộc vào em.

Hơn nữa, trong mọi cộng đồng nhân loại, có câu ngầm hiểu này : tôi muốn phụ thuộc vào bạn. Tại sao có nhiều cộng đồng như vậy hiện nay, sinh ra và chết đi rất nhanh chóng ? Bởi vì không có khẳng định này về sự phụ thuộc lẫn nhau.

Nếu trong tình yêu con người, yêu là muốn phụ thuộc, thì càng đúng hơn khi nói về Thiên Chúa, nơi tình yêu được sống trọn vẹn. Chỉ cần đừng quên cái «chỉ» đó, đừng ra khỏi phạm vi của tình yêu. Nếu Thiên Chúa chỉ là tình yêu, Ngài là kẻ phụ thuộc nhất vào các sinh linh, Ngài là một vô hạn của sự phụ thuộc. Người cha của đứa con hoang đàng phụ thuộc vào con trai của mình ; nếu con trai của ông không trở về, ông sẽ khóc ; nếu

con trai của ông trở về, ông sẽ vui mừng (Lc 15).

Hãy chú ý đến một sự mơ hồ cần được giảm bớt, vì có hai loại phụ thuộc : là em bé phụ thuộc vào mẹ hay mẹ phụ thuộc vào em bé ? Về mặt tồn tại và cuộc sống, chính đứa trẻ phụ thuộc vào mẹ, nhưng về mặt tình yêu, không phải mẹ phụ thuộc vào đứa trẻ sao ? Sự phụ thuộc của đứa trẻ vào mẹ nó là điều xa lạ với tình yêu, với tự do. Nếu mẹ không có mặt để cho con bú, nó sẽ đói, tất nhiên rồi. Nhưng, trong tình yêu, chính người mẹ là người phụ thuộc vào đứa trẻ của mình, đó là lúc bà nói với nó : con là niềm vui duy nhất của mẹ. Và nếu đứa trẻ thở không tốt, nếu nó bị bệnh, nếu bác sĩ lo lắng, mẹ không còn sống nữa, vì bà phụ thuộc vào đứa trẻ của mình đến mức nào. Chúa là người phụ thuộc nhất trong tất cả các sinh vật, phụ thuộc trong Tình Yêu, không phải trong Sự Tồn Tại.

Khiêm nhường của Thiên Chúa

Chúa khiêm nhường và là người khiêm nhường nhất trong tất cả các sinh vật. Không chỉ có Chúa Giê-su mà chúng ta nói : «Chúa Giê-su hiền lành và khiêm nhường trong lòng, hãy làm cho trái tim con giống như trái tim Ngài», mà còn Thiên Chúa trong sự sâu thẳm của Ngài. Chắc chắn tôi cảnh báo một sự hiểu lầm : Thiên Chúa không khiêm nhường theo nghĩa là Ngài thiếu sót hoặc

yếu đuối. Chúng ta, chúng ta khiêm tốn khi nhận ra rằng chúng ta chỉ là những con người nghèo khổ. Đó không phải là theo nghĩa đó mà Thiên Chúa khiêm tốn, mà theo nghĩa rằng tình yêu không thể nhìn người khác từ trên cao xuống.

Một lần nữa, hãy bắt đầu từ trải nghiệm của tình yêu con người. Bạn có tin rằng một người đàn ông, trong chính hành động yêu thương, có thể nói với vợ mình : «Anh yêu em nhưng đừng quên rằng anh vượt trội hơn em, anh là giáo sư triết học và khoa học, còn em chỉ là một cô gái nhỏ với chứng chỉ học vấn» ? Bạn có tin rằng đó vẫn là tình yêu không ? Một cái nhìn từ trên cao hoặc một cái nhìn từ trên xuống có thể là một cái nhìn của tình yêu không ? Chắc chắn là không. Phải suy nghĩ về điều đó, cần thời gian, cần cả một đời để hiểu một một chút tình yêu là gì; chính xác, đó là đời sống Kitô hữu.

Khi Chúa Giê-su rửa chân cho các tông đồ vào tối thứ Năm Tuần Thánh, Ngài nhìn họ từ dưới lên và đó là lúc Ngài cho chúng ta biết Thiên Chúa là ai. Chúng ta tìm kiếm Chúa trên mặt trăng trong khi Ngài đang rửa chân cho chúng ta. Việc rửa chân là một bài học về tình yêu huynh đệ, tất nhiên rồi, nhưng sâu xa hơn, nó là một sự mặc khải, một sự bộc lộ về bản chất của Thiên

Chúa. Thiên Chúa không thể không ở vị trí thấp. Điều đó là không thể, nếu không chúng ta không thể nói rằng Thiên Chúa là tình yêu. Quay cuồng mọi thứ theo mọi hướng, bạn sẽ không thoát ra được. Khiêm nhường của Thiên Chúa chính là chiều sâu của Thiên Chúa.

Bạn sẽ nói với tôi : nhưng cuối cùng, Chúa lớn hơn chúng ta ! Tất nhiên, lớn hơn trong tình yêu, vì Ngài chỉ là tình yêu. Vì vậy, trong sự khiêm nhường, Thiên Chúa lớn hơn chúng ta, vì chúng ta sẽ không bao giờ khiêm nhường như Thiên Chúa khiêm nhường. Thiên Chúa mà chúng ta tin tưởng là vô cùng khiêm nhường, nói cách khác, Ngài đã từ bỏ mọi sự hào nhoáng. Uy tín luôn là điều không cần thiết. Trong chúng ta có một nhu cầu nhất định về uy tín, về giả tạo, về sự giả dối mà không tồn tại trong Chúa. Chúa là sự viên mãn của khiêm nhường.

Tôi nghe thấy tất cả những người trẻ tuổi này rất khó chịu với những lời trong phụng vụ : «Thuộc về Ngài, vương quyền, quyền năng và vinh quang», tôi rất hiểu họ. Tôi không nói rằng cần phải xóa bỏ những từ này vì chúng là truyền thống và chúng có ý nghĩa gì đó. Nhưng cần phải hiểu rằng cốt lõi của vinh quang là sự khiêm tốn, mà không có nó, tình yêu không thực sự là tình yêu. Tình yêu chỉ là tình yêu thì không bao giờ coi

thường người khác. Không có cái nhìn yêu thương nào là cái nhìn từ trên xuống dưới. Nhìn xuống dân chúng, đó không phải là yêu dân chúng. Cúi xuống với một đứa trẻ, tức là không yêu một đứa trẻ. Chúa không cúi xuống.

Điều cốt lõi trong trái tim của Chúa là sức mạnh của sự tự xóa bỏ. Theo ý kiến của bạn, có cần nhiều sức mạnh hơn để tự khẳng định mình hay để tự lùi lại ? Kinh nghiệm của tôi là cần nhiều sức mạnh hơn để tự lùi bước. Nhưng nếu Chúa là toàn năng và nếu tôi chỉ có thể hiểu điều gì đó về sức mạnh này từ kinh nghiệm của mình, tôi kết luận rằng Chúa là một Sức Mạnh Vô Hạn của việc tự xóa mình.

Hãy xem sự tôn thờ trở thành gì ! Tôi để lại cho bạn hình ảnh này, hãy nghĩ đến một cô gái trẻ rất đơn giản, một cô nông dân mười lăm tuổi. Hãy tưởng tượng một Don Juan nhìn thấy cô ấy, thấy cô ấy xinh đẹp và muốn quyến rũ cô ấy. Anh ta biết rằng cô ấy tên là Marie và cô ấy sống ở Nazareth. Càng lại gần, anh càng nhận ra từ cô ấy tỏa ra một vẻ uy nghi đến mức mọi nỗ lực quyến rũ đều trở nên vô nghĩa.

Đó là một sự uy nghi mà ta chỉ có thể cúi đầu, và kẻ quyến rũ quỳ gối trước sự khiêm nhường uy nghi của cô gái trẻ với chiếc khăn len. Để biết Thiên Chúa là ai,

tôi tiếp tục theo cùng một hướng và, vào lúc đó, tôi đến với Thiên Chúa : chúng ta xa rời Jupiter, chủ nghĩa gia trưởng và chủ nghĩa chiến thắng ! Chính Thiên Chúa đó Chúa Giê-su Kitô đã tiết lộ cho chúng ta.

TỬ NẠN VÀ PHỤC SINH [10]

Nếu chúng ta chỉ dừng lại ở những gì vừa được nói, chúng ta sẽ gặp phải một phản đối đáng sợ : việc trở nên thần thánh là điều không thể vì Thiên Chúa chính là điều mà con người không thể trở thành, và Thiên Chúa không thể làm điều không thể. Đó là một sai lầm khi tin rằng Thiên Chúa có thể làm bất cứ điều gì, Thiên Chúa không thể làm cho hai và hai thành năm hoặc sáu, điều đó là không thể ; khẳng định điều đó là nói mà không nói gì cả. Khi chúng ta nói rằng Thiên Chúa là siêu việt, chúng ta nói chính xác rằng Ngài là Đấng Khác Hẳn, hoàn toàn khác biệt và giữa Ngài và chúng ta, có một vực thẳm không thể vượt qua được. Do đó, dám khẳng định rằng sứ mệnh của

con người là trở thành như Thiên Chúa, dám khẳng định rằng ý nghĩa của sự tồn tại của con người là được thần

10 Không có bản thảo. - Bản sao được thực hiện tại Belleville : «Thánh Thể» (phần 1) (Thứ Ba Tuần Thánh 1967); Belleville : «Tử nạn và Phục sinh của Đức Kitô» (14 tháng 1 năm 1968); Boulogne : III, IV và V Hội thảo mùa đông 1968-1969; Mâcon : «Mầu nhiệm Phục Sinh» (22 tháng 1 năm 1970); Pau : «Tử nạn và Phục sinh» (9 tháng 4 năm 1974); Montauban : «Mầu nhiệm Phục sinh hoặc sự biến đổi cần thiết » (19 tháng 12 năm 1974); Carcassonne : « Mầu nghiệm Tử nạn và sự sống lại» (15 tháng 12 năm 1977).

thánh hóa, đó là nói điều gì đó có vẻ không thể.

Biến đổi

Đó là lý do tại sao tôi đề nghị bạn biến đổi câu : «Sứ mệnh của chúng ta là được thần thánh hóa» bằng câu sau: «Sứ mệnh của chúng ta là được biến đổi thần thánh.» Chúng ta không trở thành những gì Thiên Chúa là bằng cách tiến bước một cách bình thản trên một mặt phẳng nghiêng. Chúng ta không thể xuất hiện như chính mình trong cuộc sống của Thiên Chúa. Cần một sự biến đổi triệt để (tôi hiểu từ này theo nghĩa chặt chẽ nhất, nó xuất phát từ radix có nghĩa là gốc rễ). Để trở thành những gì Thiên Chúa là, con người phải được biến đổi một cách triệt để.

Và, cũng như cụm từ chính của hội nghị đầu tiên là : CHỈ LÀ, cụm từ chính của hội nghị này cũng là: BIẾN. Chúng ta tìm thấy tiền tố này trong biến-đổi, biến-hình, biến-dạng, biến-chuyến. Mỗi khi tiền tố biến xuất hiện, có sự chết của một cái gì đó và sự ra đời của một cái gì khác. Người hành khách được biến chuyển từ Paris đến Pau chết ở Paris, với cuộc sống Paris, để tái sinh ở Pau. Khi tôi biến chuyển từ Pau đến Lyon, tôi sẽ chết ở thủ đô của Béarn để tái sinh ở thành phố Lyon của tôi.

Không có «biến» nào mà không có cái chết của một cái gì đó và sự ra đời của một cái gì đó mới. Đó là lý do tại sao, nếu sứ mệnh của chúng ta là được thần thánh hóa, thì số phận của chúng ta chắc chắn sẽ mang hình thức của cái chết và sự phục sinh.

Điều quan trọng là phải định nghĩa hai thuật ngữ này. Khi tôi nói về cái chết, suốt bài thuyết trình này, không chỉ đơn thuần là cái chết cuối cùng của chúng ta, cái chết ở cuối cuộc đời, việc thở ra hơi thở cuối cùng. Đó là cái chết cần thiết suốt cuộc đời, cái chết của chính mình, cái chết của sự ích kỷ mà chúng ta gọi là hy sinh. Sinh ra một đứa trẻ và nuôi dạy nó, ai cũng biết rằng điều đó đòi hỏi những hy sinh. Khi tôi nói về sự phục sinh, không phải là sau khi chết, trở lại cuộc sống mà ta đã có trước khi chết. Phục sinh, đó là bước vào một cuộc sống hoàn toàn khác.

Điều tôi muốn chỉ cho bạn thấy là sự chuyển tiếp hoặc chuyển giao sang cuộc sống thần thánh, cuộc sống của chính Thiên Chúa, không chỉ diễn ra sau cái chết mà suốt cả cuộc đời, luôn bao gồm một cái chết và một sự tái sinh hoặc một sự phục sinh. Chúng ta hãy chọn những ví dụ từ cuộc sống đơn giản nhất. Điều quan trọng là hiểu rằng sự phát triển không phải là sự phình to mà luôn là một sự biến đổi. Sự phình to chỉ tồn tại

trong trật tự của các khoáng chất. Ngay khi chúng ta đang đối mặt với một sinh vật sống, dù là động vật, thì cũng có sự biến đổi. Tôi sẽ đưa ra ba ví dụ, đơn giản nhưng rất thuyết phục, theo tôi.

Cô bé trở thành phụ nữ

Người phụ nữ không phải là một cô bé lớn, một người phụ nữ mà là một cô bé lớn sẽ là một con quái vật. Cô ấy chỉ trở thành phụ nữ khi được biến đổi, tức là chết đi cái trạng thái, cái tình huống của một cô bé để tái sinh vào tình huống, vào trạng thái của một người phụ nữ trưởng thành.

Chúng ta đang chạm đến một điều gì đó rất quan trọng. Nếu tôi hỏi cô bé và nếu tôi hỏi cô bé rằng tôi có thể làm gì để làm cô ấy vui, cô ấy sẽ trả lời ngay lập tức: tôi muốn lớn lên, mập mạp như mẹ. Nhưng không hề nghĩ một giây rằng, để làm được điều đó, cô bé sẽ phải từ bỏ những con búp bê của mình, từ bỏ cuộc sống vô tư để bước vào một điều gì đó hoàn toàn mới mẻ, điều này sẽ không diễn ra mà không có nỗi đau. Cô ấy không biết rằng, để trở thành một người lớn, cô ấy phải chết đi cái trạng thái trẻ con của mình để tái sinh thành người lớn.

Nhận xét có vẻ vô hại, nhưng thực ra nó rất sâu sắc

vì có một khía cạnh của cái mà người ta gọi là, trong thế giới hiện đại, huyền thoại. Một trong những khía cạnh thiết yếu của huyền thoại là con người luôn có xu hướng dự đoán tương lai như hiện tại, mà không có sự biến đổi.

Theo nghĩa đó, chúng ta có thể nói rằng có một chút huyền thoại trong Kinh Thánh về mặt biểu đạt. Kinh Thánh, thực vậy, mô tả cuộc sống vĩnh cửu như một sự nghỉ ngơi và chúng ta có xu hướng tưởng tượng cuộc sống vĩnh cửu theo dòng chảy của sự nghỉ ngơi mà chúng ta giữ gìn trong cuộc sống trần gian khi chúng ta mệt mỏi. Khi chúng ta để cho trí tưởng tượng của mình lang thang mà không sửa đổi bằng suy nghĩ, chúng ta hình dung cuộc sống vĩnh cửu này như một loại nghỉ ngơi vĩnh cửu. Nghi lễ, các bạn sẽ nói với tôi, khuyến khích chúng ta điều đó, vì trong lễ cầu hồn, chúng ta nói: Xin Chúa ban cho họ sự nghỉ ngơi vĩnh cửu. Chỉ có điều, phụng vụ giả định rằng chúng ta thông minh, đó là điều cơ bản !

Chúng ta cũng được giới thiệu về cuộc sống vĩnh cửu như một bữa tiệc, một buổi liên hoan vì trong cuộc sống hiện tại, bữa ăn chung là dấu hiệu của tình huynh đệ, hòa bình và niềm vui. Khi nói về bữa tiệc vĩnh cửu, người ta khiến chúng ta hình dung tương lai như hiện

tại. Điều này thực sự mang tính huyền thoại và cần phải thừa nhận rằng Kinh Thánh, chính Phúc Âm, phụng vụ, có những khía cạnh huyền thoại cần được phê bình nghiêm túc.

Đừng bị sốc khi tôi nói rằng cách diễn đạt trong Kinh Thánh cần phải được phê phán. Lời Chúa là một lời nói của con người, Chúa Giê-su đã nói với những người đàn ông thời của Ngài và, muốn được họ hiểu, Ngài đã sử dụng những huyền thoại cũ có thể nói với họ. Đặc trưng của thần học là phê phán theo đúng nghĩa của từ này, tức là phê bình, suy ngẫm, hiểu những gì nằm dưới huyền thoại, để trí tưởng tượng của chúng ta không rơi vào cám dỗ trẻ con là dự đoán tương lai từ hiện tại mà không có sự biến đổi.

Chúng ta có xu hướng tưởng tượng hạnh phúc trên thiên đàng như một sự phóng đại của những gì chúng ta gọi là hạnh phúc ở trần gian (nghỉ ngơi, tiệc tùng, v.v.), trong khi thực tế, hạnh phúc trên thiên đàng chính là hạnh phúc của Thiên Chúa. Được thần thánh hóa, lên thiên đàng như giáo lý nói, không phải là leo lên một ngọn núi, không phải là đến một nơi nào đó, mà là tham gia vào cuộc sống thần thánh. Nhưng Thiên Chúa chỉ là tình yêu, vì vậy cuộc sống vĩnh cửu chỉ bao gồm việc yêu thương, ra khỏi bản thân, không nghĩ đến bản

thân, không co cụm, không uốn cong về bản thân, mà đặt người khác lên trước bản thân. Đó là hạnh phúc của thiên đường.

Sâu bướm biến thành bướm

Con sâu bướm không phải là một con sâu lớn, vì sự trưởng thành không bao giờ là sự phình to. Nhưng nếu sâu có ý thức và nếu tôi có thể nói chuyện với nó, như trong một câu chuyện cổ tích, tôi sẽ hỏi nó ước mơ của nó là gì. Chắc chắn nó sẽ trả lời tôi một cách huyền thoại rằng muốn trở thành con sâu bướm lớn nhất trong rừng, nữ hoàng, hoàng đế của các con sâu bướm, người mà bởi kích thước và trọng lượng của mình sẽ cai trị tất cả các con sâu bướm khác trong rừng.

Người ta gọi đó là ý chí quyền lực, không gì khác hơn là sự khuếch đại của những gì ta là, mà không có sự biến đổi. Con sâu không biết rằng, để trở thành những gì nó phải trở thành, nó phải lột bỏ cơ thể sâu bướm của mình và một cơ thể mới phải được trao cho nó. Bởi vì nếu nó tồn tại, đó là để trở thành một con bướm, đó là sứ mệnh của nó. Chỉ khi nó trở thành bướm thì nó mới thực sự là những gì nó phải trở thành.

Hạt lúa trở thành bông lúa

Không cần phải dừng lại ở những ví dụ cơ bản này, vì chính Đức Kitô Giê-su đã tự mình trong Tin Mừng chọn một ví dụ cực kỳ hùng hồn, ở chương 12 của Tin Mừng thánh Gioan, câu chuyện về hạt lúa mì. Chúa Giê-su không phát triển câu chuyện này, nhưng chúng ta rất dễ dàng làm điều đó. Nếu một trong số các bạn có chút tài năng văn chương, tôi sẽ rất vui lòng khuyên họ viết câu chuyện về hạt lúa mì. Một nhà văn Đan Mạch đã thử sức với điều đó trước đây, Joergensen, người là tác giả của một cuốn Tiểu sử thánh Phanxicô thành Assisi ; ông đã viết một ngụ ngôn tuyệt vời về câu chuyện của hạt lúa mì.

Hạt lúa mì rất hạnh phúc trong gác mái của nó. Không có máng xối, không có độ ẩm, những người bạn nhỏ trong đống lúa mì rất tốt bụng, không có cãi vã, thật hoàn hảo. Xin cho phép tôi nói : hạnh phúc nhỏ của hạt lúa trong một cái gác mái. Chuyển thể : hạnh phúc của con người, sự thịnh vượng tài chính chân chính, thành công trong kinh doanh, sức khỏe tốt và cứ thế... Chắc chắn chúng ta không nên khinh thường hạnh phúc của con người, tôi chúc tất cả các bạn hạnh phúc với hạnh phúc đó, hạnh phúc của một hạt lúa trong kho thóc của mình nhưng dù sao đi nữa ! hạnh phúc nhỏ bé so với

những gì chúng ta phải trở thành trong suốt cả vĩnh cửu.

Tôi tưởng tượng rằng hạt lúa mì này rất sùng đạo, nó cảm ơn Chúa: Lạy Chúa, con cảm ơn Ngài vì những gì Ngài ban cho con, hạnh phúc khiến con rất vui vẻ trong kho thóc của mình và con mong rằng điều này sẽ kéo dài mãi mãi ! Hạt lúa đúng khi cảm ơn Chúa. Chỉ có điều, hãy cẩn thận ! Không nên để hạt lúa này cầu nguyện một vị thần không tồn tại ! Nhưng Chúa chỉ là tác giả và người bảo đảm cho hạnh phúc nhỏ bé của hạt lúa mì trong kho thóc, ngay cả khi hạnh phúc đó hoàn toàn hợp pháp, tôi nói : Chúa như vậy không tồn tại, đó chỉ là một bụt thần. Đó chính là Chúa bị phủ nhận bởi nhiều người vô thần là những người cùng thời của chúng ta. Chúng ta có thể nói rằng họ sai không ? Và nếu hạt lúa kiên quyết hát những bài thánh ca, tôi cầm bút và viết một luận thuyết để nói về ảo tưởng của những người tín đồ.

Một ngày nọ, người ta chất đống lúa lên một chiếc xe và ra ngoài đồng. Cánh đồng còn đẹp và dễ chịu hơn cả gác mái. Cũng vậy, trước bầu trời xanh, mặt trời, hoa, cây cối, đồng bằng, núi non, hạt lúa cảm ơn Chúa một cách tuyệt vời hơn : Lạy Chúa, con cảm ơn Ngài, tất cả những điều này thật đẹp biết bao ! Hạt đúng có lý, chúng ta phải cảm ơn Chúa vì những điều đẹp đẽ ở trần

gian này. Nhưng nó vẫn là một hạt lúa mì : một Chúa sẽ khiến hạt lúa mì vẫn là hạt lúa mì, một Chúa sẽ giữ hạt lúa mì trong một gác xép, không có bất kỳ loại màu mỡ nào, một Chúa như vậy không hiện hữu.

Chúng ta đến trên mảnh đất vừa được cày xới. Chúng tôi đổ đống lúa mì xuống đất : một cơn rùng mình nhỏ, thật tươi mát ! Không sao cả, điều đó dễ chịu, đó là một cảm giác mới mẻ. Nhưng đây là lúc người ta chôn hạt lúa mì xuống đất. Nó không còn thấy gì nữa, không còn nghe thấy gì nữa, độ ẩm thấm vào tận bên trong nó. Hạt lúa mì, qua cái chết không thể tránh khỏi, đang được biến đổi, trở thành những gì nó phải trở thành, tức là một bông lúa đẹp, tiếc nuối cái gác mái nơi mà, thực sự, nó đã rất hạnh phúc nhưng hạnh phúc với một niềm hạnh phúc nhỏ bé của con người. Vào khoảnh khắc đó, nó nói điều mà hàng triệu người xung quanh chúng ta cũng nói : nếu Chúa tồn tại, những điều như vậy sẽ không xảy ra. Thật tiếc vì chính ở đó là vấn đề của Thiên Chúa thật : Thiên Chúa biến đổi để đưa nó từ trạng thái hạt giống sang trạng thái bông, điều này chỉ có thể xảy ra qua cái chết. Chúa duy nhất tồn tại là Chúa khiến chúng ta trưởng thành, chuyển từ một trạng thái chỉ là con người sang trạng thái con người được thần thánh hóa.

Đó là câu chuyện của tất cả chúng ta, đó là điều kiện của con người. Không có sự phát triển nào mà không có sự biến đổi, không có sự biến đổi nào mà không có cái chết và sự tái sinh mới. Điều đó nói lên rằng, trong lịch sử nhân loại, có ba loại cái chết và tái sinh, ba loại biến đổi, ba lễ Phục sinh điển hình.

Từ Pâque hoặc Pâques xuất phát từ một từ tiếng Do Thái có thể có nghĩa là «sự vượt qua» : pèsah trong tiếng Do Thái, pascha trong tiếng Hy Lạp, pasqua trong tiếng Latin, pâques trong tiếng Pháp với dấu mũ thay thế cho chữ «s» (nhưng chữ «s» vẫn được giữ trong tính từ «pascal»).

Trong cuộc sống của chúng ta, có hai giai đoạn :

Chặng đầu tiên là sự ra đời của chúng ta : chúng ta đã trải qua từ hư vô nơi chúng ta đã ở, chín tháng trước khi ra đời, đến tình trạng của đứa bé nhỏ trong nôi của nó. Chuyển tiếp kỳ diệu rồi, chuyển tiếp từ hư vô đến sự tồn tại của con người, một sự tồn tại thông minh và tự do. Nhưng sự chuyển mình đầu tiên này chỉ là điều kiện cho một sự chuyển mình thứ hai.

Sự chuyển tiếp thứ hai là từ một sự tồn tại con người đến một sự tồn tại thực sự là con người - thần thánh. Sự chuyển tiếp này là không thể so sánh với sự chuyển tiếp

đầu tiên, hoặc chúng ta không biết mình đang nói gì khi phát âm từ Thiên Chúa. Thật là khổng lồ khi chuyển từ từ hư vô đến sự tồn tại của con người, nhưng còn khủng khiếp hơn nhiều khi chuyển từ sự tồn tại của con người sang sự tồn tại của con người - thần thánh. Sự chuyển tiếp đầu tiên diễn ra mà không có sự đồng ý của chúng ta, người ta không hỏi ý kiến chúng ta trước khi đưa chúng ta vào thế giới này. Nhà thơ cổ đại La Mã Lucrèce - người đã là một kẻ bi quan - đã phàn nàn về điều đó trong một câu thơ tuyệt vời ông viết rằng ông đã bị ném từ «bụng mẹ ra bờ bến ánh sáng» và ông thêm vào : «Nhưng tất cả những điều đó đã xảy ra mà không có tôi !» Chặng đường thứ hai không diễn ra mà không có chúng ta, nó diễn ra suốt cuộc đời.

Nếu phải dịch sự khác biệt giữa hai đoạn này bằng thuật ngữ không gian, tôi sẽ nói rằng khoảng cách giữa hư vô và sự tồn tại của con người tương đương với khoảng cách giữa mặt đất và cái bàn này ; và khoảng cách giữa sự tồn tại của con người và sự tồn tại của con người - thần thánh tương đương với khoảng cách giữa trái đất và mặt trời. Và hơn nữa, so sánh của tôi sẽ rất khiên cưỡng vì khoảng cách từ trái đất đến mặt trời là có thể đo lường và đã được đo lường, trong khi khoảng cách đến Chúa thì không thể đo lường.

Nhân dịp này tôi nói với bạn rằng, theo Kitô giáo, sự tồn tại của con người thực sự là tuyệt vời. Trở thành những gì mà Chúa là, hãy suy nghĩ về điều đó ! Nhưng nếu sự tồn tại của con người là cao cả, thì nó cũng bi thảm và không thể nào khác được. Không có trung gian giữa việc được thần thánh hóa và bị đày đọa. Điều cao cả sẽ không thực sự cao cả nếu mặt trái của nó không bi thảm.

Lễ Vượt Qua là cuộc vượt qua thứ hai và có ba lễ Vượt Qua, ba cuộc vượt qua biến đổi hoặc biến hình trong lịch sử nhân loại.

Ba Lễ Vượt Qua hoặc những cuộc chuyển mình biến đổi

Lễ Vượt Qua của người Do Thái

Câu chuyện này được kể trong sách Xuất Hành, mà mọi tín đồ Kitô giáo nên đọc ít nhất vài chương, bởi vì cuốn sách này đọc như một tiểu thuyết.

Người Do Thái ở Ai Cập là một thiểu số bị áp bức. Chúng ta biết, tôi nghĩ, thiểu số là gì, thường xuyên bị khai thác (như người nhập cư Bồ Đào Nha, người Ả Rập...). Người Do Thái phải vận chuyển rơm và ngói để

xây dựng nhà cửa. Họ bị buộc phải làm việc khổ sai và lương của họ chỉ là một phần hành tỏi nhỏ bé, những củ hành nổi tiếng của Ai Cập mà ngày nay vẫn còn được bán ở góc phố Cairo, giống như ở Pháp, vào mùa đông, người ta bán hạt dẻ nóng. A ! Ở đó người ta biết thế nào là nghèo khổ. Tôi nhớ rõ tôi đã bối rối như thế nào vào ngày hôm đó, khi bước vào một cửa hàng thuốc lá, tôi ngây thơ hỏi mua một gói thuốc lá : tôi bị bao quanh bởi những người Ả Rập không mua một gói thuốc lá mà chỉ mua một điếu thuốc, tôi cảm thấy xấu hổ vì đủ giàu để mua hai mươi điếu thuốc cùng một lúc !

Một ngày nọ, Pharaoh quyết định, như chúng ta nói trong ngành công nghiệp, rằng biểu thức này vẫn còn hiện đại, tăng cường nhịp độ, tức là ra lệnh làm việc nhiều hơn mà không tăng lương. Mô-sê nói với Chúa (dịch : ông ấy có một trải nghiệm tâm linh, điều này được thể hiện trong Kinh Thánh dưới dạng đối thoại với Chúa). Ông nói với Ngài : «Điều này không thể chấp nhận được, dân của Ngài là một dân tộc nô lệ.» Chúa trả lời ông : «Ngươi có lý, ta không thể đối thoại với một dân tộc nô lệ. Ta muốn các con trai của ta trở thành những người đàn ông tự do. Điều định nghĩa con người là tự do. Ngươi sẽ dẫn họ từ Ai Cập của sự nô lệ đến Palestine của tự do. Palestine là vùng đất mà ta đã hứa với tổ tiên của ngươi, vùng đất nơi họ sẽ trở thành

những người tự do».

Chúng ta có thể đi xa hơn nữa và tự hỏi tự do là gì đối với một dân tộc. Chủ yếu là sự thịnh vượng kinh tế và độc lập chính trị. Nếu thiếu một trong hai điều đó, tự do sẽ không hoàn toàn. Đất Palestine sẽ thịnh vượng, Kinh Thánh nói rằng đó là một vùng đất «nơi có sữa và mật chảy». Về độc lập chính trị, mỗi khi nó bị đe dọa bởi người Ai Cập, người Babylon, người Assyria, Yahvé sẽ can thiệp và đó là toàn bộ lịch sử của dân tộc Do Thái như chúng ta biết.

Giữa Ai Cập của sự nô lệ, tức là tình trạng của một hạt lúa trong kho thóc và Palestine của tự do, có một sa mạc rộng lớn, Sinai. Phải mất bốn mươi năm để vượt qua, con số rõ ràng mang tính biểu tượng này có nghĩa là một khoảng thời gian rất dài. Càng tiến sâu vào sa mạc, người Do Thái càng giống như hạt lúa mì bị chôn xuống đất và họ càng nhớ về thời kỳ họ là nô lệ ở Ai Cập vì ít nhất họ còn có lương, phần hành tây ít ỏi của mình, trong khi giữa sa mạc không còn gì để ăn. Vì vậy, họ bắt đầu nổi loạn, Mô-sê phải làm dịu họ bằng phép lạ của chim cút, phép lạ của manna, phép lạ của nước phun ra từ đá. Càng tiến lên, đất càng bị thiêu rụi và họ muốn quay lại.

Hãy nhìn xem dân tộc này từng là nô lệ, đang tiến tới tự do và lại muốn quay trở lại làm nô lệ. Bạn có biết vở kịch tuyệt đẹp của Paul Claudel mang tên *Quyển sách của Christophe Colomb* ? Jean-Louis Barrault đã dàn dựng nó một cách tuyệt vời ở Paris, cách đây vài năm. Các thủy thủ nổi loạn giữa trung tâm Đại Tây Dương và muốn quay trở lại vì họ đói, vì họ khát và vì họ mệt mỏi.

Trong tác phẩm *Anh em nhà Karamazov*, một trong những tiểu thuyết vĩ đại nhất của tất cả các nền văn học, Dostoïevski để một nhân vật, Đại Thẩm phán, nói rằng: «Nếu cho dân chúng chọn giữa hạnh phúc và tự do, ôi ! họ có khả năng chọn hạnh phúc.» Hạnh phúc nhỏ bé của hạt lúa trong kho ! Hạnh phúc của một dân tộc không chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì, không tham gia vào đời sống của quốc gia, không phải gánh vác trách nhiệm (những trách nhiệm mà không có chúng, ta không thực sự là một con người !) nhưng chấp nhận một cuộc sống cực kỳ tầm thường miễn là được ở, được mặc, được ăn. Nỗi buồn nằm ở chỗ đó : khi có sự lựa chọn giữa hạnh phúc và tự do, chọn hạnh phúc đơn thuần hơn là hạnh phúc của việc là một người tự do.

Cuối cùng, Mô-sê đã khiến dân chúng theo ông và bước vào Đất Hứa, tức là quê hương của tự do. Không thể rút ngắn con đường qua sa mạc, không còn cách nào khác. Người Do Thái có cảm giác như đang đi về cái chết, nhưng thực ra họ đang tiến tới cuộc sống thật sự. Như hạt lúa chôn sâu trong đất tưởng rằng nó đang chết, thực ra nó đang tiến tới bông lúa đẹp sẽ sớm đung đưa trong gió. Chúng ta không thể được biến đổi mà không trải qua một cái chết, sự hy sinh của một kiểu hạnh phúc nhất định, nói rõ ra là hạnh phúc ích kỷ. Phải từ bỏ sự ích kỷ của mình để biết được hạnh phúc thật sự, hạnh phúc của chính Thiên Chúa mà chúng ta được kêu gọi đến để hưởng vĩnh cửu. Phải trải qua cái chết để đạt được tự do vĩ đại của Thiên Chúa. Người ta không thể, nếu không được biến hình, trở thành một người tự do với chính tự do của Thiên Chúa.

Lễ Phục Sinh của Đức Kitô

Ngài sống lại cho chính mình những gì dân tộc của Ngài đã trải qua. Ngài đã sống lại điều đó trước tiên một cách tượng trưng bằng cách trải qua bốn mươi ngày trong sa mạc, ở ngưỡng cửa của cuộc đời công khai của mình (bốn mươi ngày gợi nhớ đến bốn mươi năm của cuộc xuất hành), sau đó, không còn theo cách tượng trưng mà theo cách rất thực tế, bằng cách lên đồi

Golgotha : Ngài đi về cái chết, thực ra Ngài đi về cuộc sống thật sự là cuộc sống phục sinh trong trái tim của Ba Ngôi, chính là cuộc sống của Thiên Chúa. Lễ Vượt Qua đầu tiên chỉ là một hình ảnh, còn lễ Vượt Qua của Đức Kitô là lễ Vượt Qua trung tâm của lịch sử.

Đức Kitô, như chúng ta đã nói trước đây, là con người, Người hoàn hảo, người sống trọn vẹn số phận của con người, Ngài là Thiên Chúa làm người, Ngài chết để sống lại, tức là để «ra khỏi thế gian về cùng Cha» (Ga 13, 1). Sự phục sinh của Đức Kitô không phải là sự trở lại cuộc sống mà trước đây của Ngài trước khi chết, mà là sự chuyển sang cuộc sống của Thiên Chúa. Sau khi phục sinh, Đức Kitô sống trong chính lòng của Ba Ngôi, các điều kiện của cuộc sống của Ngài là các điều kiện của cuộc sống thần thánh. Ngài đã trở nên khác biệt, Ngài không còn, như chúng ta, bị ràng buộc bởi tất cả các điều kiện của không gian và thời gian.

Hãy suy nghĩ kỹ : Đức Kitô đã trở thành hoàn toàn khác, nhưng Ngài không phải là một người khác, Ngài vẫn là Ngài. Giống như Paris trong sương mù của mùa thu trở thành một điều hoàn toàn khác vào mùa hè, được biến hình bởi ánh mặt trời, vẫn là Paris đó. Đức Kitô phục sinh không ngừng là một con người. Như Romano Guardini đã viết, trong tất cả các tôn giáo, «chỉ có Kitô

giáo dám đặt thân xác (con người) vào những sâu thẳm nhất của Thiên Chúa.» [11] Đức Kitô không từ bỏ nhân tính của Ngài khi sống lại, Ngài không vứt bỏ «xác thịt» của mình sau ba mươi năm, như một bụi bẩn vô dụng. Đức Kitô phục sinh là Người-Thiên Chúa cho đến muôn thuở. Kể từ khi phục sinh, Ba Ngôi Thiên Chúa không còn là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần nữa; mà là Chúa Cha, Chúa Con nhập thể, đã chết và sống lại và Chúa Thánh Thần; là Chúa Cha, Đức Kitô và Chúa Thánh Thần. Phục sinh, người - Giê-su sống ngay trong lòng của Ba Ngôi. Tại sao Thiên Chúa làm người nếu không phải để dẫn dắt chúng ta cùng với Ngài, để «nhờ Ngài, với Ngài và trong Ngài» chúng ta sống, ở trung tâm của Ba Ngôi, trong cuộc sống của Thiên Chúa ? Đáng để hy sinh mạng sống của mình để con người biết đến điều đó và để đó trở thành hy vọng của họ.

Lễ Phục Sinh của chúng ta

Lễ Vượt Qua thứ ba trong lịch sử là của chúng ta và không chỉ có một, tôi muốn nói rằng mỗi quyết định của chúng ta đều là một lễ Vượt Qua, tức là mang hình thức của sự chết và sự phục sinh.

---

11 Romano Guardini, Chúa, éd. Alsatia, 1964, t. II, tr. 126.

1) Tầm quan trọng của các quyết định của chúng ta

Hãy bắt đầu bằng việc hiểu rằng điều quan trọng trong cuộc sống của chúng ta chính là những quyết định của chúng ta. Cuộc sống thực của tôi, là đàn ông hay phụ nữ, hoặc nếu bạn thích, cái gì đó con người trong cuộc sống của tôi là một mạng lưới các quyết định. Những gì trong cuộc đời tôi không phải là quyết định thì không có gì, không xây dựng được gì, chỉ là rác rưởi (tôi nghĩ đến những cọng rơm mà người ta đặt trong các gói hàng để tránh làm hỏng đồ quý giá). Thánh Augustin có một so sánh thơ mộng hơn : «Chúng ta có thể so sánh được, ngài nói, với một cây đàn hạc và điều duy nhất quan trọng trong cây đàn hạc là những dây đàn. Chắc chắn có một cái khung, nhưng chính những dây đàn mới là thứ rung lên. Trong cuộc đời tôi, điều rung động, điều tạo nên tôi, chính là những quyết định của tôi, dù nhỏ hay lớn.

Có những *quyết định nhỏ* dường như không quan trọng : quyết định giúp đỡ một người hàng xóm đang bệnh, quyết định từ bỏ một buổi đi dạo để ở bên một người bạn bị thương cả ngày tại bệnh viện, v.v. Nếu tôi nói chuyện với trẻ em, tôi sẽ nói : quyết định nhường chỗ của mình trên xe buýt hoặc trên tàu, quyết định lấy miếng thịt nhỏ nhất trong đĩa để nhường miếng lớn hơn

cho người đến sau tôi, v.v. Đó là một sự hy sinh, đó là một cái chết. Làm điều đó vì đứa trẻ, tức là đã chết đi cái tôi của mình.

Có những *quyết định lớn* định hướng cả một đời : quyết định kết hôn, quyết định vào chủng viện hoặc vào đời sống tu sĩ, quyết định từ bỏ một người phụ nữ không phải là người mà tôi đã thề trung thành : thật khủng khiếp, thật tàn nhẫn khi phải từ bỏ một người đàn ông hoặc người phụ nữ mà mình yêu ; tôi có những tâm sự về điều này, đó là một cái chết ! Nếu không nhận ra rằng một quyết định như vậy là khủng khiếp, thì đó là vì bạn không phải là một con người, và linh mục phải là một con người !

Giữa những quyết định nhỏ và lớn, có đủ mọi loại nhưng những gì trong cuộc sống không phải là quyết định, hành động tự do, hay lựa chọn, thì không có gì cả. Nhưng chính những quyết định của chúng ta xây dựng nên chúng ta. Đó là từng ngày, từng phút, chính xác từng quyết định mà chúng ta xây dựng cuộc sống vĩnh cửu của mình. Tại sao vậy ? Đơn giản là vì Đức Kitô phục sinh là trung tâm của những quyết định mà chúng ta đưa ra.

2) Đức Kitô hiện diện trong các quyết định của chúng ta

Hãy đặt câu hỏi đơn giản : bạn có tin rằng Đức Kitô đã sống lại không ? Vì các bạn là người Kitô hữu, các bạn sẽ trả lời tôi : vâng, tất nhiên rồi. Thánh Phaolô nói với chúng ta rằng «nếu Đức Kitô không sống lại, đức tin của chúng ta không có nền tảng» (1 Cr 15, 14).

Nếu Đức Kitô đã sống lại, Ngài có còn sống không? Bạn chắc chắn phải trả lời có. Nói rằng Ngài đã sống lại, tức là nói rằng Ngài còn sống.

Nếu Ngài hằng sống, Ngài sẽ hiện hữu. Bạn muốn Ngài ở đâu ? Ngài không ở trên mặt trăng, Ngài không ở Sirius, Ngài không ở sau các vì sao, Ngài không ở trong không gian tách biệt chúng ta ở đây (vì Ngài đã phục sinh, Ngài không thuộc về không gian, Ngài không có liên quan gì đến không gian). Ngài hiện diện trong sự tự do của chúng ta vì chỉ qua sự tự do mà chúng ta thực sự là con người, rằng chúng ta sẽ thoát khỏi thiên nhiên.

Nếu Ngài hiện diện, Ngài *hoạt động*, Ngài làm điều gì đó, vì một sự hiện diện không hoạt động không phải là một sự hiện diện thực sự. Tôi nhớ một người phụ nữ trẻ không thể hiểu rằng Đức Kitô hoạt động trong tự do của chúng ta. Tôi nói với cô ấy : «Nhưng mà ! Đó

đâu phải là một khúc gỗ !» Vậy là, đột nhiên, cô ấy đã hiểu. Đức Kitô không phải là một khúc gỗ, Ngài không ở đó chỉ để ở đó (hiện tại, hãy để lại Bí tích Thánh Thể, chúng ta sẽ nói về Bí tích ấy sau). Đức Kitô không ở đâu khác ngoài nơi chúng ta đang ở và Ngài không ở trong gan của chúng ta, cũng không ở trong tụy của chúng ta, Ngài ở trong tự do của chúng ta. Không phải trong tự do của chúng ta khi chúng ta ngủ mà trong tự do của chúng ta khi chúng ta thực hiện những hành động tự do, tức là khi chúng ta đưa ra quyết định.

Nếu Ngài hoạt động, Ngài *biến đổi*. Bạn muốn Ngài làm gì, nếu không phải là biến đổi ? Ngài là Tình yêu và tình yêu biến đổi mọi thứ mà Ngài chạm vào. Hãy nhìn cô gái trẻ tội nghiệp nửa như trầm cảm không muốn rời khỏi phòng, từ chối ăn uống, không còn ngủ nữa ; bỗng một ngày đẹp trời, cô gặp được hoàng tử quyến rũ. Mọi người đều nói : chuyện gì đã xảy ra vậy ? Cô ấy đã thay đổi, tình yêu đã biến cô ấy. Tình yêu không thể không biến đổi mọi thứ mà tình yêu chạm vào.

Nếu Ngài biến đổi, Ngài *thần thánh hóa*. Vì chính Thiên Chúa hiện diện trong tự do của chúng ta, đối với Ngài, việc biến đổi chúng ta là làm cho chúng ta trở nên thần thánh, làm cho chúng ta trở thành những gì Ngài là.

Tôi nhấn mạnh vì tôi thực sự cảm thấy, dựa trên các cuộc khảo sát mà tôi có thể thực hiện ở đây hoặc ở đó, rằng chân lý hoàn toàn trung tâm của đức tin chúng ta dường như khó khăn đối với nhiều tín hữu Kitô, vì họ vẫn còn vướng mắc trong những khái niệm trừu tượng. Tất cả những gì tôi nói với bạn lúc này, đừng nói rằng điều đó khó khăn ! Nói rằng ai đó còn sống, không phải là điều trừu tượng (một sự hiện diện, không phải là điều trừu tượng chút nào !). Nói rằng Ngài hiện diện trong các hành động tự do của chúng ta, trong các quyết định của chúng ta và Ngài biến đổi chúng, điều đó cũng không phải là trừu tượng.

Đừng có nói rằng tôi là một trí thức ; nếu không, tôi sẽ nhanh chóng cho bạn thấy rằng chính bạn mới là người như vậy. Bởi vì người trí thức theo nghĩa xấu của từ này là người sử dụng những từ ngữ đã cũ kỹ đến mức không còn giá trị mà không phá vỡ chúng. Phải phá vỡ những từ, như khi phá một con heo đất hoặc một quả trứng Phục sinh để xem bên trong có gì. Tôi buộc bạn phải phá vỡ những từ ngữ, điều đó là cần thiết.

3) Đức Kitô thánh hóa hoạt động nhân văn của chúng ta

Công thức này có vẻ hơi dày đặc lúc đầu, nhưng nó không phải là trừu tượng, nó hoàn toàn thực tế : Đức

Kitô ban cho những quyết định nhân bản của chúng ta một chiều kích thần thánh. Nói cách khác, Ngài thần thánh hóa những gì chúng ta nhân hóa.

Bạn muốn Đức Kitô thần thánh hóa điều gì, nếu chúng ta không nhân hóa gì cả ? Nếu chúng ta chỉ ở trong dép lê của mình ? Nếu, với lý do rằng chúng ta có thể làm bẩn tay, chúng ta không chạm vào bất cứ điều gì từ sáng đến tối ? Nếu cuộc sống của chúng ta không phải là một cuộc sống làm việc để biến đổi các mối quan hệ của con người và cũng như các thể chế xã hội và chính trị, điều kiện hóa những mối quan hệ này (bởi vì các thể chế có thể được thiết lập sao cho các mối quan hệ đó chắc chắn sẽ trở nên vô nhân đạo) ? Liệu các mối quan hệ của chúng ta có thực sự là nhân văn và ngày càng nhân văn hơn không ? Các quyết định mà chúng ta đưa ra có xu hướng nhân hóa thế giới không? Trước hết là ở cấp độ gia đình, sau đó là ở cấp độ xã hội và chính trị ? Ví dụ, một hoạt động công đoàn thông minh là một hoạt động nhằm nhân văn hóa các mối quan hệ giữa con người với nhau.

Vì Con người không phải là, Con người đang được tạo ra. Chúng ta là những khởi đầu của con người, thánh Giacôbê nói. [12] Chúng ta là những phác thảo của con người. Chúa không tạo ra con người hoàn hảo, Chúa ghét sự hoàn hảo. Chúa tạo ra con người có khả năng tự tạo ra chính mình.

Nhiệm vụ của chúng ta là tạo ra con người, tức là làm cho con người tồn tại. Bạn sẽ không nói với tôi rằng con người tồn tại. Ai trong số chúng ta dám đứng lên và nói tôi, tôi là một người ? Khi tôi thấy một em bé nhỏ trong vòng tay của mẹ, tôi khen mẹ và nói với bà ấy : bé thật tuyệt, tôi hy vọng bạn sẽ nuôi bé thành một người ! Tuy nhiên, điều hiển nhiên khi nói đến một đứa bé cũng đúng với mọi người ở mọi lứa tuổi. Có những điều đã được hoàn thành nhưng con người không phải là một vật thể, con người là một sản phẩm đang được tạo ra. Các mối quan hệ và các thể chế của chúng ta phải trở nên thực sự nhân văn, chúng đang trong quá trình nhân hóa.

---

12 Jc 1, 18, theo bản dịch tiếng Latinh của Vulgate : để chúng ta trở thành khởi đầu của tạo vật của Ngài. Trong bản dịch liên tôn : để chúng ta có thể nói là những khởi đầu của các tạo vật của Ngài.

Chúng ta là những người đang trở thành, chính những quyết định của chúng ta góp phần làm cho chúng ta trở thành những người. Và quyết định của chúng ta chỉ thực sự mang tính nhân văn khi chúng mang lại sự nhân văn. Nhân tính của chúng ta đi qua nhân tính của người khác, tự do của chúng ta đi qua sự giải phóng của người khác. Chúng ta không thể trở thành một người tự do chỉ bằng sức mình, điều đó không tồn tại. Chúng ta trở thành những người tự do khi chúng ta làm việc để giải phóng anh em của mình. Chúng ta trở nên người hơn khi làm việc để thế giới trở nên nhân văn hơn.

Những quyết định nhân văn này, hiếm khi nào không phải là những hy sinh, những cái chết cho sự ích kỷ, chúng ta không thể vừa cho đi vừa giữ lại cho mình. Mọi người đều biết qua kinh nghiệm rằng không có cuộc sống con người nhân văn chân chính nào mà không có hy sinh. Nhưng điều mà những người không tin không biết và chúng ta, chúng ta phải biết (vì đó là lý do chúng ta là Kitô hữu), đó là mỗi quyết định nhân văn hóa con người làm cho cái tôi của chúng ta chết đi theo một cách nào đó là một bước chuyển sang cuộc sống thần thánh, mỗi cái chết từng phần là một sự tái sinh mới. Đó là quyết định có một cấu trúc phục sinh, một cấu trúc của cái chết và sự phục sinh.

Bởi vì chúng ta không chuyển sang cuộc sống thần thánh sau khi chết. Tôi cầu xin bạn hãy loại bỏ khỏi tâm trí mình ý tưởng rằng Chúa đổ vào linh hồn chúng ta một loại rượu mà người ta gọi là ân sủng và cho phép chúng ta được đưa đến một khu vườn đẹp mà người ta gọi là thiên đường sau khi chết. Tất cả những điều này chỉ là huyền thoại : thành thật mà nói, không phải lúc này ! Cuộc sống thần thánh, cuộc sống vĩnh cửu, sự thần hóa không chỉ là cuộc sống tương lai, mà nó đã tồn tại ngay bây giờ. Chúng ta trở thành những gì Thiên Chúa là, chúng ta «lên thiên đàng», qua từng quyết định nhân bản.

Vì vậy, công thức mà tôi rất trân trọng và đủ để tôi là một người Kitô hữu hoặc đúng hơn là cố gắng trở thành một người Kitô hữu (mình làm những gì mình có thể !). Bởi vì, khi tôi bị cám dỗ để trượt vào con đường của những giấc mơ ích kỷ, khi tôi bị cám dỗ không cống hiến hết mình để làm việc cho một thế giới nhân văn hơn, công bằng hơn và huynh đệ hơn, tôi nhớ lại câu nói này và tự nhủ : bạn thân mến, bạn vẫn phải thực hành những gì bạn nói trên khắp nước Pháp !

Công thức này như sau : Đức Kitô phục sinh, Đấng đang sống - có mặt - tích cực - biến hình - thần thánh hóa trong trái tim của những quyết định nhân loại hóa

của chúng ta, mang lại cho chúng một chiều kích Vương quốc vĩnh cửu, thực sự thần thánh.

Nghe nói rằng một số người gặp khó khăn với từ kích thước vì nó gợi lên, đối với họ, những cây số hoặc kích thước của một vật. Giúp tôi tìm một từ khác, tôi đã tìm kiếm nhiều năm mà vẫn không tìm ra. Một so sánh có thể giúp hiểu rõ mọi thứ. Đây là một người độc thân : cuộc sống của anh ấy có một khía cạnh con cái (anh ấy có cha mẹ); cuộc sống của anh ấy có một khía cạnh anh em (anh ấy có anh chị em) ; cuộc sống của anh ấy có một khía cạnh quốc gia (anh ấy là người Pháp) ; cuộc sống của anh ấy có một khía cạnh âm nhạc (anh ấy rất thích âm nhạc) ; cuộc sống của anh ấy có một khía cạnh nghề nghiệp (anh ấy là luật sư, bác sĩ hoặc thợ mộc). Nhưng anh ấy độc thân, vì vậy cuộc sống của anh ấy không có khía cạnh hôn nhân. Nếu người đàn ông này kết hôn, cuộc sống của anh ta sẽ có một chiều kích mới hoàn toàn đặc biệt, điều này sẽ thay đổi mọi thứ trong cuộc đời anh ta. Và đó sẽ là chiều kích quan trọng nhất.

So sánh này rất sáng tỏ : nếu có một Giáo hội, đó là để tiết lộ cho con người rằng cuộc sống của họ không chỉ là một cuộc sống con người. Cuộc sống của con người có một chiều kích thuần túy con người - thần thánh. Vì vậy, Đức Kitô hiện diện trong những quyết

định nhân văn của những người không biết Ngài, chẳng hạn như chín trăm triệu người Trung Quốc. Nếu tôi có thể đến Trung Quốc, tôi sẽ nói rằng tôi đến đó không phải để cứu người Trung Quốc (Đức Kitô đã đến trước tôi từ lâu) mà để tiết lộ cho họ Đấng cứu rỗi họ, tức là Đấng thần thánh hóa họ. Nếu bạn nói với tôi rằng điều đó không quan trọng, tôi sẽ trả lời rằng bạn thật tầm thường, rằng bạn không thực sự yêu mến Đức Kitô. Nếu tôi yêu mến Đức Kitô, tôi muốn làm cho những người không biết Ngài biết đến Ngài ; ngay cả khi họ được cứu mà không biết Ngài, miễn là, như người ta thường nói, họ hành động theo lương tâm của mình, tức là hoạt động của họ thực sự mang tính nhân văn.

Mỗi khi tôi đưa ra một quyết định vì sự thật, vì công lý, vì tự do, tóm lại là vì những gì được gọi là giá trị, Đức Kitô phục sinh ban cho quyết định của tôi một chiều kích thực sự thiêng liêng. Để nói qua, Ngài chỉ có thể thần thánh hóa những quyết định nhân văn của tôi. Tội lỗi là điều mà Đức Kitô không thể thần thánh hóa vì nó không mang tính nhân bản ; tội lỗi luôn là từ bỏ việc nhân hóa, đó là điều phi nhân hóa. Chúng ta chỉ có thể hiểu rõ về tội lỗi khi chúng ta trước tiên hiểu rõ về ơn gọi của mình. Bởi vì tội lỗi là thiếu sót trong việc thực hiện ơn gọi của chúng ta. Nó là sự từ chối sự thần thánh hóa của chúng ta và điều này được thể hiện qua

chủ nghĩa vị kỷ dưới mọi hình thức, tức là điều ngược lại với bản chất của Thiên Chúa.

Đó là lễ Vượt Qua của lịch sử và có nhiều lễ Vượt Qua trong lịch sử như có những quyết định nhân văn của con người. Ngày qua ngày, quyết định qua quyết định, chúng ta xây dựng một sự vĩnh cửu con người - thần thánh, nhưng sự vĩnh cửu này chỉ là con người - thần thánh vì Đức Kitô xây dựng nó cùng với chúng ta. Chúng ta, những người Kitô hữu, tin rằng đó là ý nghĩa của sự tồn tại của chúng ta và rằng ý nghĩa này được sống trong việc thực hiện chính nhiệm vụ con người của chúng ta. Nếu chúng ta chỉ là những con người, chúng ta chỉ xây dựng những gì thuộc về con người và con người thuộc về câu thơ của Valéry : «Tất cả đều xuống đất và trở thành trò chơi.» Nhưng Đấng đã làm người để con người trở nên Thiên Chúa đang ở trung tâm của tự do của chúng ta và biến đổi thần thánh hoạt động nhân văn của con người chúng ta.

Tin Mừng có nghĩa là Tin Vui : đó là vì Thiên Chúa chỉ là Tình Yêu và sự vĩ đại của con người là vô cùng lớn lao, vì sứ mệnh của họ vượt xa những gì họ có thể tưởng tượng hoặc hình dung : họ có khả năng yêu thương như Thiên Chúa yêu thương.

Phần một

ĐỨC KITÔ

Thiên Chúa thật, Con Người thật

TRÁI TIM CỦA GIÁO HUẤN CỦA CHÚA GIÊSU :

Bài Giảng trên núi [13]

Hiểu những gì Chúa Giê-su nói trong đoạn văn lớn này, thực sự là đạt đến trái tim của Kitô giáo. Đây là một trong những văn bản quan trọng nhất của Phúc Âm. Chúng ta nên ngừng gọi nó là «bài giảng», vì từ này không thể tồi tệ hơn được nữa. Từ Bài giảng trên núi được tìm thấy trong sách Thánh Matthieu (chương 5, 6, 7) và sách Thánh Luca (chương 6, 12-49), rõ ràng có một sự thống nhất. Đồng nhất về giọng điệu và đồng nhất về logic. Suy nghĩ của Đức Kitô được dẫn dắt theo một logic nội tại, đó chính là logic của Kitô giáo. Logic của lối sống, của chất lượng tồn tại mà Chúa Giêsu đã thiết lập. Nói một cách ngắn gọn, đó chính là logic của

13 Bản thảo : «Bài giảng trên núi». Cha Varillon chỉ ra rằng ngài tham khảo J. Guillet, Đức Giêsu trước cuộc đời và cái chết, Aubier, 1971, chương 7 và 8; Các yếu tố của học thuyết Kitô giáo (Poche), trang 247-312; William-David Davies, Để hiểu bài giảng trên núi, Seuil, 1970 (kỹ thuật hơn). Bản thảo này là số 5 trong loạt bài giảng «Kiến thức về Chúa Giê-su Ki-tô», được viết vào năm 1972-1973 dựa trên cuốn sách của C.-H. Dodd, Người sáng lập Ki-tô giáo, Seuil, 1972. - Bản sao: Belleville (4 tháng 2 năm 1973) ; Annecy (10 tháng 1 năm 1974); Pau (14 tháng 12 năm 1977).

tình yêu.

Kitô hữu, là chia sẻ trải nghiệm của Chúa Con.

Bài Diễn Văn được mở đầu bằng hai ghi chú quan trọng trong sách thánh Luca : Chúa Giêsu đã trải qua cả đêm trong cầu nguyện trên núi (6, 12) và, vào buổi sáng, Ngài đã chọn mười hai môn đồ mà Ngài đã đặt tên là tông đồ (6, 13-14) :

- Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu : chúng ta đang đứng trước một mầu nhiệm lớn,mầu nhiệm của Ba Ngôi. Chúa Giêsu nói với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, những Đấng khác với Ngài nhưng cũng không khác (chỉ có một Thiên Chúa duy nhất). Ngài đã trở thành xác phàm: Ngài tuân theo luật của thụ tạo, đó là tiếp nhận trước khi cho và với mục đích để cho : «Tôi không làm gì từ chính mình», Ngài sẽ nói trong sách Thánh Gioan (5, 30). Bài Diễn văn sẽ là một lời kêu gọi đến sự tồn tại con cái : Ngài sẽ nói từ kinh nghiệm vì chúng ta không thể tưởng tượng được Chúa Giêsu nói những điều mà Ngài không có kinh nghiệm, mà Ngài không sống. Ngài sẽ mời gọi chia sẻ một trải nghiệm, trải nghiệm của chính Ngài, của sự con cái, của người con chỉ là con. Điều này rất quan trọng nếu chúng ta muốn thoát khỏi những khái niệm trừu tượng và nếu chúng ta muốn hiểu một lần cho tất cả rằng mọi thứ đều

là vấn đề của trải nghiệm.

- Lựa chọn các tông đồ : vì giáo huấn của Chúa Giêsu sẽ là một lời mời gọi chia sẻ kinh nghiệm về tình con thảo, tình yêu được sống trước hết như sự tiếp nhận (Người Con nhận từ Cha), nên những người sẽ công bố Tin Mừng này rằng Thiên Chúa là một Người Cha phải là những người đầu tiên chia sẻ kinh nghiệm của Thầy mình. Từ nay, Mười Hai sẽ theo Chúa Giêsu mọi nơi Người đi. Marc ghi rõ một cách cẩn thận : «Ngài đã lập mười hai người, để họ ở với Ngài và để Ngài sai họ đi rao giảng» (3, 14). Giáo lý của Chúa Giê-su không phải là một triết lý mà là một trải nghiệm sống, vì vậy các tông đồ của Chúa Giê-su không thể là những người tuyên truyền cho một triết lý, một hệ thống tư tưởng. Họ chỉ có thể nhắc lại lời của Ngài nếu họ có thể làm chứng cho một trải nghiệm, trải nghiệm của một mối quan hệ nhất định với Thiên Chúa. Trong suốt cuộc đời của Chúa Giêsu, họ sẽ làm chứng một cách rất không hoàn hảo : «Họ chậm tin, nhanh xuyên tạc, nặng nề.» [14] Nhưng, sau lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần, tức là Thần Khí của Chúa Giêsu, người bên trong truyền cảm hứng và thúc đẩy hoạt động của Chúa Giêsu, sẽ cho họ khả năng tái hiện cách sống và hành động của Chúa Giêsu, phong cách sống, chất lượng tồn tại của Chúa

14 J. Guillet, tác phẩm đã dẫn, tr. 85.

Giêsu, cuộc sống sống trọn vẹn theo logic của tình yêu. Nếu không, Kitô giáo sẽ trở thành một hệ thống, tức là một thứ gì đó hoàn toàn khác ; trong khi nếu đó là một trải nghiệm, thì nó thật sự đáng giá !

Phúc Âm dành cho tất cả mọi người

Đối với Luca cũng như đối với Matthieu, bài Diễn văn được nói với các môn đồ, nhưng, trong cả hai sách Phúc Âm, có ghi rõ rằng một đám đông vô số người ở đó, đến từ xa, không chỉ từ Giê-ru-sa-lem mà còn từ vùng ven biển Tia và Sidon (Sour và Saïda của Liban hiện nay). Đó là vì, nếu thông điệp mà Chúa Giêsu sẽ truyền đạt không phải là lý thuyết (nó là một trải nghiệm sống), thì nó cũng không phải là bí truyền (nó dành cho tất cả mọi người chứ không chỉ dành riêng cho một số ít). Chúa Giêsu sẽ nói : «Điều gì được thì thầm vào tai các ngươi, hãy rao giảng trên mái nhà» (Mt 10, 27). Vatican II sẽ nói như một tiếng vang : «Giáo hội là cho thế giới.» Đó là vì đám đông vô số mà các môn đồ đứng bên cạnh Chúa Giêsu với tư cách là môn đồ ; và những gì Chúa Giêsu sẽ nói với các môn đồ đều liên quan đến tất cả mọi người. Nếu có các môn đồ, đó là để chứng thực trước mắt đám đông rằng trải nghiệm cuộc sống được đề xuất cho tất cả mọi người có thể được thử nghiệm, vì một số người đã thử nghiệm nó bằng cách chấp nhận

theo Chúa Giêsu.

Bức tranh mà chúng ta được trình bày là rất rõ ràng. Đó là điều mà thánh Ignace thành Loyola yêu cầu trong các Bài tập thiêng liêng của ngài. Trước khi lắng nghe, hãy nhìn xem : có Chúa Giêsu, các môn đệ tụ tập quanh Người, và đám đông chen chúc ở giữa sườn đồi trên cao (chi tiết này là của Luca). Bạn thấy không :

Đức Giêsu	các môn đệ	đám đông
Đấng Thánh	đã được thánh hóa	những người có thể được thánh hóa
Thiên Chúa làm người	đã được thần thánh hóa	những người có thể được thần thánh hóa
Người tự do	đã được giải thoát	tất cả những ai được «gọi trở nên tự do» (Ga 5, 13)
Chúa Con hoàn toàn là Con	những người đã trải nghiệm tình phụ tử	đám đông những người được mời gọi trải nghiệm điều này

Đám đông thấy gì ? Họ thấy Chúa Giê-su và các môn đồ của Người bên cạnh Người. Các môn đồ, tức

là những người mà không lâu trước đây, đã từng là một phần của đám đông, sống như mọi người khác, có lối sống như mọi người khác. Bây giờ những người này hoàn toàn thuộc về Chúa Giêsu, sống với Người, như Người, theo Người «bất cứ nơi nào Người đi». Đám đông thấy rằng những người này đã trải qua điều gì đó mà những người khác không trải qua. Điều đó rõ ràng, dễ thấy, như thể nó đã được ghi lại trên sân.

Các môn đồ thấy gì ? Họ thấy đám đông mà họ đã ra khỏi và hướng về đó họ sẽ được gửi đến.

Chúa Giêsu thấy gì ? Người thấy gần bên mình nồng cốt của Giáo hội Người; và, xa hơn, Giáo hội lớn mà Người muốn rằng những giới hạn của nó là những giới hạn của chính vũ trụ. Tất cả những người mà Người gọi, qua các môn đồ, để chia sẻ trải nghiệm của Người như Con Thiên Chúa. Người là Đấng Được Chúa Cha sai đến, các môn đồ sẽ là những người được Chúa Giêsu sai đi (đó là ý nghĩa của từ «tông đồ»).

Và Người biết rằng họ sẽ bị thế giới từ chối, như chính Người cũng sẽ bị từ chối. Mầu nhiệm Thập giá, nằm ở trung tâm của Hành động sáng tạo (khi Thiên Chúa sáng tạo, Ngài mạo hiểm với Thập giá của Chúa Con), sẽ được họ trải nghiệm như Người.

Tránh những hiểu lầm về các Mối Phúc

Rồi Chúa Giê-su «mở miệng». Công thức truyền thống này, được Mát-thêu sử dụng, nhấn mạnh tầm quan trọng của những gì sẽ theo sau. Đó giống như một lời khuyên hãy im lặng : hãy im lặng, không có một lời nào để lãng phí. Và những lời đầu tiên của Chúa Giêsu, chúng ta biết, là các Mối Phúc. Chúng ta đã có thói quen đáng tiếc là tách biệt các Phúc Thật khỏi những gì theo sau, như thể các Phúc Thật là một tổng thể tự đủ và có giá trị tự thân và tự nó. Thậm chí, trong tâm trí của một số tín hữu Kitô giáo, các Mối Phúc và Bài Giảng trên Núi được coi là đồng nghĩa, như thể Bài Giảng là các Mối Phúc. Trên thực tế, những điều này chỉ dài khoảng mười dòng trong khi điều kia trải qua ba chương dài của Phúc Âm theo thánh Mat-thêu

Thói quen tách biệt các Mối Phúc khỏi mọi điều tiếp theo là đáng tiếc, vì nó dẫn đến một sự hiểu sai nghiêm trọng về tư tưởng của Chúa Giêsu. Như thể thông điệp Tin Mừng là khẳng định rằng những gì đã đen thì bỗng nhiên trở thành trắng ! Như thể bất hạnh (nghèo đói, nước mắt, đói khát) giờ đây phải được gọi là hạnh phúc! Cuối cùng, người ta đến mức thánh hóa điều ác và nỗi khổ đau nhân danh Đức Kitô và, đồng thời, làm nản lòng mọi nỗ lực của con người để vượt qua chúng

: đừng làm cho người ta giàu có vì Chúa Giêsu đã nói : những người nghèo khó mới là những người hạnh phúc! Chúng ta kết thúc bằng việc ở lại thụ động và cam chịu trước nỗi khổ của con người, bởi vì Chúa Giêsu đã nói rằng nỗi khổ, theo Ngài, là hạnh phúc.

Sự hiểu lầm đã xảy ra, chúng ta đang phải trả giá cho những sai lầm đã được thực hiện, người ta đã diễn giải mọi thứ như vậy. Péguy có những trang viết vô cùng mạnh mẽ về điều này trong cuốn sách mang tên Jean Coste. Không thể thánh hóa sự nghèo khổ, không thể nói với những người nghèo không có đủ tiền để trang trải ngân sách cuối tháng : Đừng lo lắng, Chúa Giêsu tuyên bố rằng các bạn hạnh phúc vì các bạn khổ sở ! Nếu các Mối Phúc đề xuất cho chúng ta một sự an ủi tầm thường, thì Kitô giáo sẽ là một tôn giáo u sầu và đẫm nước mắt. Sự thật là chúng ta mơ về một hạnh phúc rẻ tiền được làm từ những niềm vui dễ dãi. Đó là giấc mơ mà Chúa Giêsu đến để lên án, và điều Ngài đề nghị (đó là từ quan trọng) là khao khát hạnh phúc của chúng ta đã được chuyển hóa. Hạnh phúc, hạnh phúc thay những ai có linh hồn đủ cao thượng để ước muốn thiết yếu của họ là sống như những con cái của Chúa Cha trên trời !

Nghèo đói, nước mắt, đói khát, sự bức hại không

phải là những điều kiện để được hạnh phúc với hạnh phúc mà Chúa Giêsu mang lại. Nỗi khổ không phải là một loại điều kiện tiên quyết, như thể cần phải khóc và đói để biết được hạnh phúc thật sự. Cha Guillet đã viết những câu này, theo tôi là quyết định: «Nỗi khổ, sự giam cầm, nạn đói, nước mắt vẫn là những khía cạnh khác nhau của nỗi bất hạnh của con người đối với Chúa Giêsu; nếu Ngài tuyên bố rằng những người bị đánh bại bởi chúng là hạnh phúc, đó là vì Ngài đến để giải thoát họ khỏi chúng... Sự độc đáo của Tin Mừng không nằm ở chỗ khẳng định rằng những gì đã đen tối bỗng nhiên trở nên trắng sáng, mà là mang đến cho những ai đang gặp khổ đau một lối thoát mới và hạnh phúc». [15]

Các Mối Phúc dẫn dắt con người vào một quá trình biến đổi sự hiện hữu. Chúng là một lời bình luận tiên đoán về bí ẩn phục sinh, sự chuyển từ tự nhiên sang lịch sử hoặc tự do, bí ẩn của việc thoát khỏi một cái tôi được chế tạo sẵn nhằm tạo ra bản thân mình. Đó là việc chuyển từ tự do từ cái tôi được hình thành bởi di truyền, môi trường và giáo dục nhận được. Mong muốn tự phát và bản năng của chúng ta về hạnh phúc phù hợp với tự nhiên, nó phải được biến đổi để đạt được tự do thực sự.

Các Mối Phúc là một *lời kêu gọi*. Chúng không đưa

15 ID., tr. 89.

ra một chân lý tổng quát (những kẻ khốn khổ thì hạnh phúc) mà chúng kêu gọi một thái độ, chúng mời gọi chia sẻ trải nghiệm của chính Chúa Giêsu. Tuy nhiên, chính phần tiếp theo của Bài giảng trên núi sẽ nói rõ loại tồn tại mới này là gì, loại tồn tại đáp ứng được sự vĩ đại thực sự của con người, và hệ quả của nó sẽ là hạnh phúc : không còn là hạnh phúc rẻ tiền được tạo ra từ những niềm vui dễ dàng, mà là hạnh phúc xứng đáng với con người, hạnh phúc tương xứng với sự vĩ đại của những đứa con của Thiên Chúa, hạnh phúc của việc yêu thương chứ không phải hạnh phúc của việc được thỏa mãn. Bạn muốn có hạnh phúc nào ? Một hạnh phúc thuộc loại nào và ở mức độ nào ? Tất cả đều ở đó. Bởi vì có những cấp độ hạnh phúc, cũng như trong lĩnh vực văn hóa có những loại nhạc xứng đáng với điều sâu sắc nhất trong con người và những loại nhạc khác chỉ hướng tới những gì bề ngoài hoặc nông cạn nhất trong con người.

Phúc thay những kẻ nghèo khó trong tinh thần
Nước trời là của họ

Rõ ràng là không phải dịch những người nghèo về tinh thần ! «Trong tinh thần» có nghĩa là : ở ngay gốc rễ, ở trung tâm của sự tồn tại. Sự nghèo nàn trong tinh thần nằm sâu bên trong tình yêu. Tình yêu không có sự

nghèo khó thì không phải là tình yêu (điều này không thể hiểu được nếu bạn không trải nghiệm !). Đó là lý do tại sao chính Thiên Chúa cũng nghèo : Ngài xa lạ với sự sở hữu (Thiên Chúa không có gì), vì cách hiện hữu của Ngài là yêu thương.

Có một tâm hồn nghèo (theo nghĩa như khi nói về tâm hồn của một cây đàn violin, có lẽ đây là cách dịch tốt nhất cho «nghèo trong tinh thần»), tức là bị tước đoạt bản thân, vì vậy để người khác đặt câu hỏi về mình một phần, và một phần khác, tự hào về họ để tìm thấy hạnh phúc của chính mình. Hai câu định nghĩa người nghèo là những câu sau đây : « Tôi cho bạn tín dụng » (Credo) - đó là đức tin - và «tôi giao phó cho bạn hạnh phúc của tôi» đó là hy vọng. Dựa vào đức tin và hy vọng, người nghèo sống trong tình thương : họ có thể phục vụ, đặt mình vào phục vụ người khác và những người khác, vì họ đã được giải thoát.

Từ đầu đến cuối Kinh Thánh, *người nghèo của Yahvé* là đầy tớ của Yahvé : vì vậy họ ở trong Nước Trời : hạnh phúc thay những ai có tâm hồn nghèo khó, vì Nước Trời thuộc về họ. Bạn đã bước vào trải nghiệm này, vào phong cách này, vào loại tồn tại này chưa ? Nếu có, Nước Trời thuộc về bạn. Đối với những người khác, Chúa Giêsu mời gọi bạn : nếu bạn nói đồng ý, Nước

Trời sẽ trở thành của bạn, tức là mối quan hệ thân mật với Thiên Chúa. Phúc lành của sự nghèo khó chiếm ưu thế trong toàn bộ Tin Mừng. Nó sẽ không thể tưởng tượng được nếu chính Thiên Chúa không nghèo, tức là hoàn toàn không có tài sản : Thiên Chúa không có gì, Ngài là tất cả. Người có tất cả thì không có gì. Và cái toàn bộ mà anh ta là, là một toàn bộ được ban cho, anh ta chỉ là Tình Yêu.

Phúc thay những kẻ hiền lành :
họ sẽ có đất đai được chia sẻ

Sự dịu dàng gần gũi với sự nghèo khó, đến mức người ta đã tự hỏi liệu hạnh phúc của những người dịu dàng có phải là một phiên bản của hạnh phúc của những người nghèo khó hay không. Từ tiếng Hebrew *anav* thực sự có nghĩa cả là sự dịu dàng và sự nghèo khó. Đó là sự từ bỏ mọi quyền lợi cá nhân khi chỉ có một mình và do đó chỉ là vấn đề tự ái (nhưng trong xã hội, một trật tự pháp lý là cần thiết, như cần thiết là quyền lực bảo vệ nó).

Sự dịu dàng gắn liền với sự bình tĩnh và sức mạnh tâm hồn. Đó là lòng từ bi, không chỉ là tính cách, mà còn là trí tuệ. Nó dẫn đến việc lắng nghe người khác và hiểu họ, ngay cả khi suy nghĩ của họ khác với suy nghĩ của chúng ta hoặc trái ngược với suy nghĩ của chúng ta (đó là lý do tại sao một người Công giáo cánh hữu sẽ

đọc *Témoignage chrétien* và một người Công giáo cánh tả sẽ đọc *La France catholique*, để biết người «khác» nghĩ gì và cố gắng hiểu họ). Sự dịu dàng tránh những thái độ cứng nhắc trước những điều bất ngờ của lịch sử, nó cho phép chúng ta sáng tạo ra câu trả lời cho những lời kêu gọi của sự kiện, thường là không thể đoán trước.

Phúc thay những kẻ khóc lóc :
họ sẽ được an ủi

Bình luận tốt nhất, ít nhất là trong thời hiện đại, về phúc lành của những kẻ đau khổ chắc chắn là tác phẩm vĩ đại của Péguy, *Chúng ta là những kẻ chiến bại* (viết năm 1909) : «Một bản năng bí mật, một lời cảnh báo bí mật, một sự hối hận bí mật cảnh báo chúng ta rằng luôn có một chút tạp chất trong thành công, một sự thô lỗ trong chiến thắng, một tạp chất nhất định, ít nhất là siêu hình, một phần còn lại, một dư lượng tạp chất, một tạp chất còn lại trong sự giàu có ; và vì vậy mà những vinh quang bí mật lớn lao của vinh quang, những vinh quang tối thượng luôn thuộc về những kẻ bất hạnh.» [16]

Péguy nói ở đây như một nhà tiên tri; văn bản của ông phải được soi sáng bởi văn bản của một nhà triết học (tiên tri và triết gia nói cùng một điều và cùng một

16 Ch. Péguy, Tác phẩm văn xuôi, Pléiade, II, tr. 36

điều như trong Phúc Âm : thật kỳ diệu !). Chúng ta sẽ hỏi Jean Lacroix : «Tự chính nó, thành công là điều tốt, vì nó chính là ý nghĩa của nỗ lực (chúng ta nỗ lực để thành công). Chính nhờ thành công, tức là chiến thắng trước những trở ngại, mà chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn về bản thân và phát triển bản thân nhiều hơn. Nhưng thành công chỉ tốt (một cách nghịch lý) khi nó là người tiết lộ lớn nhất của thất bại... Trong trường hợp thành công khiến người ta quên đi thất bại, nó sẽ trở thành một trong những thú vui tồi tệ nhất. Những người mà mọi thứ đều thành công, như người ta thường nói, và không có lý tưởng nào khác ngoài việc chiến thắng, chính là những kẻ nông cạn mà sẽ không bao giờ đạt được cuộc sống chân thực mà những kẻ trốn thoát, những kẻ vui vẻ, những kẻ nản lòng, những kẻ thất bại đủ loại cảm nhận được và điều đó làm họ khổ sở. Thà là cháu trai của Rameau (đó chính là hình mẫu của kẻ thất bại trong tiểu thuyết của Diderot) hoặc là một kẻ lang thang ở góc phố hơn là ông Homais hoặc một kẻ phàm phu tục tử (ông Homais, kẻ ngu ngốc mà thiên tài của Flaubert đã làm cho bất tử, như François Mauriac đã nói). Và sự vĩ đại của don Juan không phải là trở thành một người thành công, mà là luôn không hài lòng với tất cả những thành công của mình, theo đuổi trong mỗi người phụ nữ một lý tưởng mà ông không bao giờ có

thể đạt được». [17]

Vì vậy, chúng ta thấy rõ ý nghĩa của việc Chúa Giê-su tuyên bố những người khóc lóc sẽ được an ủi. Như Bonhoeffer, nhà thần học Tin Lành bị phát xít treo cổ, đã nói, «các môn đồ thấy rằng con thuyền vang vọng niềm vui của lễ hội đã bắt đầu bị nước tràn vào». «Trong âm nhạc của Schubert, Julien Green nói, cái chết đã nằm trong điệu nhảy.» Nhưng con người không phải là để chết, mà là để sống. Đó là lý do tại sao biết rằng mình là con cái của Chúa, đó là lễ hội nhân loại thực sự, sau cùng là duy nhất. Chúa Giê-su mang đến cho nhân loại, chúng ta phải đón nhận, tức là trải nghiệm sự làm con thần thánh : sống, và không chỉ nghĩ, như những đứa con Chúa Cha.

Tôi nhớ vị linh mục mà tôi thường hỏi một cách tự nhiên khi gặp ngài : cha khỏe không ? Cha luôn trả lời tôi : không thể nào tồi tệ được, Chúa đang chăm sóc tôi. Điều đó không dễ thấy, bạn phải tin vào điều đó ! Và đó là một vấn đề của kinh nghiệm ! Cuối cùng, không thể là một trải nghiệm nào khác ngoài chính trải nghiệm của Chúa Giêsu ; vì, theo nghĩa đen, Ngài là người duy nhất trải nghiệm về tình phụ tử của Thiên Chúa và chính vào Lời Ngài mà chúng ta tin rằng Chúa

17 J. Lacroix, Sự thất bại, tr. 84

Cha đang chăm sóc chúng ta. Ngược lại, làm sao chúng ta biết được điều đó? Chẳng thấy Chúa chăm sóc những người đang chết vì ung thư trên giường bệnh !

Trong tác phẩm *Chiếc dép bằng vải sa tanh* của Claudel có một sự gần gũi kỳ diệu với hạnh phúc của những người đau khổ. Prouhèze nói, khi nghĩ về Rodrigue mà cô bị tách biệt : «Vì tôi không thể cho anh ấy thiên đường, ít nhất tôi có thể kéo anh ấy ra khỏi trần gian. Chỉ mình tôi mới có thể cung cấp cho anh ta một sự thiếu thốn tương xứng với ham muốn của anh ta». [18] Thật đáng buồn cho tất cả những ai chưa bao giờ nhận ra sự thiếu sót của mình ! Nói cách khác, khổ cho những kẻ tự mãn !

Phúc thay những kẻ đói khát sự công chính :
họ sẽ được no đủ

Có khát khao và khát vọng công lý, đó là cách duy nhất để trở nên công bằng. Ở đây không chỉ là vấn đề công lý xã hội, mà trước hết là trung thành. Sự trung thành với bản thân là không bao giờ ngừng tìm kiếm để trở thành chính mình. Tìm kiếm là một trong những từ

khóa của Kinh Thánh. Chúa Giê-su sẽ nói ở nơi khác : «Hãy tìm kiếm thì sẽ gặp», «Hãy tìm kiếm trước Nước

18 P. Claudel, Chiếc dép bằng vải sa tanh, Pléiade, tr. 681

Thiên Chúa và sự công chính của Ngài, thì mọi điều khác sẽ được ban cho các ngươi». Nhưng hài lòng với cả thế giới và bản thân, đó là phủ nhận rằng chúng ta là một vô hạn. Theo một nghĩa nào đó, Giáo hội tồn tại để thách thức tất cả các xã hội dù chúng là gì, và tất cả các chính trị, ngay cả những chính trị tốt nhất. Với sự khôn ngoan và phân định, tất nhiên, nhưng con người không bao giờ có thể hoàn toàn thỏa mãn ở trần gian này. Người ta có thể nói rằng con người là một khoảng trống vô hạn, chỉ có thể được lấp đầy bởi Đấng Vô Hạn sống động tự hiến.

Phúc thay những kẻ xót thương :
họ sẽ được ban cho lòng thương xót

Người nhân từ, theo nguyên nghĩa của từ, là trái tim bất hạnh. Đó là người đau khổ vì nỗi đau của người khác. Người không biết «chịu đựng cùng» thì không thể đón nhận ân huệ của Chúa, vì chính Chúa, Ngài là người đầu tiên, người chịu đựng cùng với con người. Nỗi khổ của Đức Kitô, cuộc khổ nạn và cái chết của Ngài trên thập giá, là dấu hiệu rõ ràng của một chiều sâu tình yêu trong Thiên Chúa, mà có lẽ chúng ta được phép gọi là nỗi khổ, một điều gì đó rất bí ẩn, nếu không thì tình yêu sẽ không phải là tình yêu, và chỉ có nỗi khổ của Đức Kitô mới có thể tiết lộ cho chúng ta điều đó.

Lòng thương xót bao gồm sự ưu tiên cho những người nhỏ bé, yếu đuối, khốn khổ, bệnh tật, cô đơn (đó là một trong những nỗi khổ lớn nhất của con người!), những người bị sỉ nhục, bị bạo lực, là nạn nhân của bất công, đang dằn vặt, đang lo lắng. Đó chính là kiểu tồn tại của Chúa Giê-su : làm việc để giải phóng những người bị nô lệ theo bất kỳ cách nào ; chứng tỏ rằng chỉ khi làm việc để giải phóng anh em mình, người ta mới thực sự là một người tự do, vì không thể đạt được tự do nếu không đi qua tình yêu. Không có tự do ngoài tình yêu. Tự do và yêu thương, đó chính là một.

Phúc thay những tâm hồn trong sạch :
họ sẽ thấy Thiên Chúa.

«Ai có trái tim trong sạch ? Bonhoeffer hỏi. Đó là người không làm ô uế trái tim mình bằng cả điều ác mà họ gây ra lẫn cái thiện mà họ làm.» Đừng làm ô uế trái tim mình bằng những điều tốt mà mình làm, đó là điều thiêng liêng, chỉ có thể được ban cho bởi Chúa. Không sở hữu những điều tốt mà mình làm, đó là sự thuần khiết, tức là đơn giản, không có gì phức tạp. Là người thuần khiết, đó là thái độ của người không quay lại với chính mình, không khoe khoang những điều tốt đẹp của mình. Tôi nhớ lại việc cứu một cô bé suýt bị tàu hỏa đè bẹp. Người đàn ông đã rất anh hùng, ông ấy đã

liều mạng sống của mình. Khi người ta nói về điều đó với anh ấy, anh ấy nói : «Đó là điều hiển nhiên, không có vấn đề gì, hãy im lặng đi, tôi không có gì đáng khen cả!»

Sự đơn sơ, theo nghĩa chính xác của từ này, là điều ngược lại với sự giả dối : không nhìn mình làm điều tốt, không đứng trước gương, không nhìn mình lớn lên trong lòng bác ái, như một cô gái kiêu kỳ đứng trước gương thấy mình trở nên xinh đẹp nhờ tất cả những gì giả tạo thêm vào vẻ đẹp tự nhiên của mình. Sự tồn tại kép là sự tồn tại bị che giấu : mặt nạ làm tăng thêm vẻ ngoài (người ta nói rằng một số người đàn ông có nhiều mặt). Marcel Proust đã cho chúng ta thấy rằng mặt nạ, trang điểm, hóa trang, mặt nạ bám vào da là đặc trưng của cuộc sống xã hội. Ông đã phân tích vô số khuôn mặt của sự không tồn tại hoặc sự tồn tại được che giấu. Không có gì đa dạng hơn những gì không tồn tại, những gì không có ý nghĩa, không có giá trị : cái không có nghĩa. Chúa yêu khuôn mặt duy nhất của chúng ta, không bị che giấu, đó là khuôn mặt của người nghèo. Gương mặt thật của tôi là gương mặt sẽ thấy Chúa, sẽ đối diện với Ngài mãi mãi.

Phúc thay những người kiến tạo hòa bình :
họ sẽ được gọi là con cái của Thiên Chúa

Phải có hòa bình trong chính mình để làm việc vì hòa bình giữa con người. Sống trong hòa bình với chính mình, tức là sống nội tâm thống nhất. Điều này không mâu thuẫn với sự bất mãn vốn có của tất cả những gì chỉ là con người. Sự hài lòng với bản thân sẽ là một nguyên tắc giả tạo của sự thống nhất.

Được bình an trong chính mình, là đứng ở bên ngoài tất cả những đối lập thứ yếu trên bề mặt, là đã hòa giải đến một mức độ nhất định những gì dường như không thể hòa giải đối với những tâm trí nông cạn và tạo ra, nói theo cách hiện đại, những người tiến bộ và những người bảo thủ, những người dân tộc chủ nghĩa và những người quốc tế chủ nghĩa, những cực tả và những cực hữu, những người thần bí và những người tranh luận, tóm lại, tất cả những gì «môn phái» vì một chiều, tất cả những gì làm cứng hóa các đối lập thành các chủ nghĩa đối lập. Thời của Chúa Giêsu, những tiếng kêu la của các giáo phái tôn giáo đã rất nổi tiếng. Để được «gọi là con của Thiên Chúa», tức là để được tuyên bố là con của Cha chính mình, cần phải làm việc để con người trở thành anh em. Nếu người con không thực sự là người con, những người khác sẽ không phải là anh em của anh ta. Điều này chỉ có thể xảy ra nếu bạn tự mình sống trong hòa bình, nội tâm thống nhất, và làm việc vì hòa bình toàn cầu.

Hạnh phúc thay nếu các bạn bị bách hại vì Đức Kitô

Chúa Giê-su kết luận : nếu các bạn bước vào trải nghiệm này, các bạn sẽ bị bách hại. Điều đó là không thể tránh khỏi. Chúng ta có thể dịch, nếu từ «bị ngược đãi» khiến bạn sợ hãi, bằng từ «bị truy đuổi». Chúa Giê-su không nói điều này ở đây, nhưng Ngài có thể đang nghĩ (và Ngài sẽ nói sau này) : như Ta, Ta sẽ bị bách hại, bị truy đuổi. Bởi vì một Kitô giáo không gây va chạm thì ít có khả năng là chân thực. Baudelaire đã nói về mặt thẩm mỹ rằng cái đẹp luôn luôn kỳ lạ. Chúng ta cần nhận ra rằng điều thật cũng kỳ lạ. Nhưng con người không thích những gì kỳ lạ. Thời trang là sự từ chối cái lạ. Có một sự kỳ lạ của cái thật, như có một sự kỳ lạ của cái đẹp.

Emmanuel Levinas đã viết về điều này những câu quyết định : «Ý tưởng về một chân lý thể hiện trong sự khiêm nhường của nó, ý tưởng về một chân lý bị bức hại là cách duy nhất có thể của sự siêu việt (điều này có nghĩa là một Chúa Giêsu không bị bức hại sẽ không phải là Chứng Nhân của Thiên Chúa siêu việt, điều đó là không thể)... Xuất hiện như một người khiêm tốn, như một đồng minh của kẻ bại trận, người nghèo, người bị truy đuổi, chính là không hòa nhập vào trật tự... Người bị sỉ nhục hoàn toàn làm phiền : họ không thuộc về

thế giới... Sự bức hại và sự sỉ nhục mà nó phơi bày là những phương thức của sự thật.» [19] Nếu bạn không bị bức hại theo bất kỳ cách nào, hãy cẩn thận, bạn có thể đang sống trong sự giả dối hoặc sống quá nhạy cảm. Hàng nghìn người cố gắng chơi trên hai phím đàn cùng một lúc : phím đàn của sự khôn ngoan của Đức Kitô và phím đàn của sự khôn ngoan của thế gian. Điều đó là không thể. Nếu bạn chọn bàn phím của sự khôn ngoan của Đức Kitô, bạn sẽ bị truy đuổi, vì bạn ngăn cản mọi người đi lòng vòng.

Thực ra, mặc dù có bốn mối phúc trong sách Lu-ca và tám mối phúc trong sách Mát-thêu, nhưng chỉ có một : phúc thay những ai trải nghiệm được sự tồn tại thật sự. Làm trải nghiệm này, đó là cả hạnh phúc và thập giá, cả hai cùng nhau. Bởi vì Kitô giáo là mối liên hệ chặt chẽ giữa hạnh phúc và thập giá. Để đạt được hạnh phúc cao nhất, thực sự cần phải từ bỏ hạnh phúc quá dễ dàng, đến hạnh phúc nhẹ nhàng. Điều mà chúng ta gọi là hạnh phúc trên trời, đó là hạnh phúc của tình yêu, tức là ra khỏi bản thân, không còn nghĩ về bản thân, không còn hoàn toàn cúi mình vào bản thân. Làm sao bạn có thể mong rằng việc học hỏi hạnh phúc này ở trần gian không phải là một sự hy sinh ? Vì, một cách tự phát,

19 E. Levinas, *Recherches et Débats*, số 62 : «Ai là Chúa Giê-su Ki-tô ?», Desclée de Brouwer, tr. 188-189

chúng ta chỉ nghĩ đến bản thân ; vì, một cách tự phát, ngay cả trong tình yêu con người, người khác luôn là phương tiện ưu tiên cho tình yêu mà chúng ta dành cho chính mình. Thập giá là sự vượt qua những hạnh phúc rẻ tiền và là con đường dẫn đến hạnh phúc lớn lao duy nhất xứng đáng với con cái của Thiên Chúa, đó là hạnh phúc của tình yêu. Để có được hạnh phúc đòi hỏi sự hy sinh, đây là điều mà tất cả chúng ta đều trải nghiệm ít nhiều trong cuộc sống hằng ngày.

Luật mới : cho đi như Chúa cho đi

Sau các Mối Phúc là các điều răn của Luật mới. Nó được tóm gọn như sau : đã nhận, thì phải cho đi. Sự tiếp đón là để cho đi. Chào đón để cho đi. Nhưng đón nhận cái gì ? Chúa ban cho cái gì ? Ngài không ban cho những điều đã hoàn thành mà ban cho những nhiệm vụ cần thực hiện.

«Cho đi, Cha Guillet nói, là một trong những điệp khúc lớn của Bài Giảng trên Núi : 'Đừng từ chối... đừng đòi hỏi... cho vay mà không mong đợi gì... cho đi và sẽ được trao lại.' Nhưng cần phải cẩn thận khi cho đi, điều đó có thể vẫn là một cách để chinh phục và nâng cao giá trị bản thân (người ta nâng cao giá trị bản thân rất nhiều khi hào phóng). Niềm vui thuần khiết của việc cho đi, niềm vui của việc hòa hợp với người nhận, chỉ có người

nghèo mới có thể cảm nhận được, tức là người đã trải nghiệm các Mối Phúc và khám phá ra cách mà Thiên Chúa ban cho». [20]

Cho đi như Chúa cho đi (Chúa không làm cho quà tặng của Ngài vang lên), đó là điều làm cho chúng ta trở thành muối của đất và ánh sáng của thế gian. Phúc Âm là hương vị và ánh sáng, vì nó là Sự Hiện Diện và Quyền Năng biến đổi của Thiên Chúa được cảm nhận qua những cuộc đời con người. Khi muối bị nhạt, tức là khi linh mục không thực sự là linh mục, khi người tu sĩ không thực sự là người tu sĩ, khi người Kitô hữu không thực sự là người Kitô hữu, thì môn đệ ngừng trở thành điều tốt nhất để trở thành điều tồi tệ nhất : muối nhạt mà chỉ có thể bị dẫm đạp dưới chân. Họ không có bất kỳ giá trị nào, vì nó thực sự không phải là gì cả. Họ luôn do dự không biết mình là gì, hay đúng hơn là ai.

---

20 J. Guillet, tác phẩm đã dẫn, tr. 93.

Luật mới : kêu gọi tự do

Điều đặc trưng của Luật mới là cả tính cấp tiến của các yêu cầu của nó và lời kêu gọi tự do so với chữ nghĩa. Tự do đối với chữ cái của Luật, điều đó không có nghĩa là giải phóng hay khai phóng: Chúa Giê-su làm rõ rằng Ngài không đến để «hủy bỏ» luật pháp mà để «kiện toàn» nó : không phải thêm các quy tắc mới, đề xuất các phụ gia cho luật pháp mà là tiết lộ ý nghĩa thật sự của luật pháp, cho thấy rằng nó chứa đựng nguyên tắc của chính sự vượt qua của nó.

Bởi vì điều răn yêu thương, điều răn đầu tiên của Mười Điều Răn, trái tim của luật pháp, tự nó là vô hạn. Không có giới hạn nào cho tình yêu. Đó là vì tình yêu là một điều tuyệt đối nên những yêu cầu của nó là cực đoan, đồng thời chỉ có tự do mới có thể xác định cách thức, trong thực tế và theo hoàn cảnh, tình yêu phải được sống. Đây là bài giảng trên núi ; điểm đầu tiên: yêu cầu là tuyệt đối ; điểm thứ hai : bạn có quyền tự do về cách sống với sự tuyệt đối của yêu cầu này. Đó là lý do tại sao nhiều người sợ tự do và yêu cầu những chỉ dẫn mà Chúa Giêsu không đưa ra và từ chối đưa ra. Chúa Giê-su chỉ đơn giản là cho thấy chiều sâu của tự do của con người.

Đó là lý do tại sao Ngài mạnh mẽ đánh dấu sự đối lập giữa : «Người ta đã nói với các ông rằng...» và «Ta nói với các ông rằng...». Người ta đã nói gì với các bạn, và tôi, tôi đã nói gì với các bạn?

Người ta đã nói với các bạn : «Ngươi sẽ không giết người.» Tôi nói với các bạn : «Ai nhìn em mình với sự tức giận thì đã là một kẻ giết người.» Bởi vì yêu thương là muốn người khác tồn tại, tồn tại càng nhiều càng tốt; sống càng mãnh liệt càng tốt. Ánh mắt giận dữ, lời nói giận dữ nhắm vào cuộc sống của anh trai tôi, vào chính sự tồn tại của anh ấy. Nhìn ai đó «một cách lạ lùng» (như người ta nói), thực chất là muốn họ không tồn tại, là mong muốn, dù chỉ một chút, sự hủy diệt của họ. Đó là hủy bỏ anh ta trong suy nghĩ, và, đồng thời, đặt chúng ta lên trên anh ta, coi cuộc sống của chúng ta có giá trị hơn cuộc sống của anh ta.

Người ta đã nói với các bạn : «Ngươi sẽ không phạm tội ngoại tình.» Tôi nói với các bạn : « Người nào nhìn một người phụ nữ với ý định thèm muốn đã phạm tội ngoại tình với cô ấy trong lòng.» Thật vậy, cũng như có những ánh nhìn giết chết, hủy hoại người khác, có những ánh nhìn chiếm hữu, biến người khác thành một thứ mà ta coi là của mình. Đó là coi phụ nữ như một đồ vật mà mình sở hữu...

Người ta đã nói với bạn: «Ngươi sẽ yêu người lân cận và ghét kẻ thù. » Tôi nói với các bạn : «Hãy yêu kẻ thù của các bạn.» Bởi vì tình yêu chưa phải là tình yêu thật sự nếu nó bị điều kiện hóa bởi một yêu cầu đòi hỏi sự đáp trả. Anh không yêu em vì em yêu anh ; anh không yêu em với điều kiện em yêu anh ; anh không yêu em để em yêu anh. Nhưng tôi yêu bạn ngay cả khi bạn không yêu tôi. Anh vẫn yêu em. Tình yêu của tôi mạnh mẽ hơn sự thờ ơ của bạn, và thậm chí cả sự thù địch của bạn. Tình yêu của tôi sẽ không dao động theo những biến động của phản ứng của bạn. Đó là những yêu cầu không có giới hạn, một sự thăng tiến không có giới hạn. Giới hạn duy nhất, mà thực ra không phải là một giới hạn, là sự hoàn hảo của Cha : «Hãy nên hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện.» Chỉ có một cách để đạt được sự hoàn hảo của Cha, đó là không bao giờ ngừng hướng tới nó.

Người ta sẽ nói rằng chúng ta không phải đang sống trong sự không tưởng sao ? Tất cả những điều này có khả thi không ? Người ta sẽ bị cám dỗ để trả lời : vâng, đó là một điều không tưởng, không thể thực hiện được. Chúng ta sẽ có vẻ đúng. Bởi vì cho áo choàng của mình cho người chỉ xin áo trong, đưa má trái cho người đã tát má phải của mình, móc mắt mình và cắt tay mình, từ bỏ cái cần thiết cho người xin cái thừa thãi, đó là không

còn thuộc về mình, đó là để mình bị nuốt chửng sống.

Vậy thì phải làm gì ? Chúng ta có nên làm nhạt đi những giáo điều này, tự mình giảm bớt chúng, trong khi vẫn tự xưng là môn đệ của Chúa Giêsu không ? Chắc chắn là không. Trước hết, không có sự giả dối, không có sự nói dối, không có sự hai mặt : không thể vừa gọi Chúa Giêsu là kẻ mơ mộng vừa tự xưng mình là «Kitô hữu», vì sẽ không xứng đáng với con người khi trở thành môn đệ của một kẻ mơ mộng. Hơn nữa, toàn bộ bối cảnh cuộc đời và giáo huấn của Chúa Giêsu rõ ràng chứng tỏ rằng Ngài hoàn toàn trái ngược với một người mơ mộng.

Vì vậy, không nên làm nhạt đi điều gì : Chúa Giêsu biết Ngài đang nói gì. Nhưng không nên quên rằng chính tự do của chúng ta là điều mà Ngài kêu gọi. Người ta có thể nói rằng không phải Ngài, Chúa Giêsu, là người đòi hỏi, mà chính chúng ta là những người đòi hỏi mà không biết. Chính chúng ta là những người che giấu những yêu cầu của chính mình vì chúng ta sợ hãi và lo ngại việc phải trở thành con người. Chúa Giê-su chỉ đơn thuần tiết lộ cho chúng ta về chính mình, Ngài cho chúng ta thấy sự vĩ đại của tự do của chúng ta, Ngài lột bỏ những chiếc mặt nạ mà chúng ta tự tạo ra bằng chính tay mình, vì sợ hãi và sự ích kỷ. Ngài nói với chúng ta :

bạn có giá trị hơn những gì bạn nghĩ, sự vĩ đại của bạn vượt xa nhận thức mà bạn có về nó. Sống phù hợp với sự vĩ đại đó ; càng trải nghiệm cuộc sống này, bạn càng nhận ra rằng bạn vĩ đại và sự vĩ đại đó là một yêu cầu. Bạn sẽ khám phá được tự do của mình có thể dẫn bạn đến đâu nếu bạn từ chối những lớp trang điểm.

Luật mới, Kitô giáo không thể chỉ là một danh sách các chỉ dẫn. Đó là, với sự trợ giúp của những ví dụ điển hình, sự tiết lộ những chân trời vô hạn của sự vĩ đại của con người. Chúng ta chỉ cần lắng nghe lương tâm của mình khi chúng ta bắt đầu hiểu giá trị của bản thân và những gì chúng ta thực sự muốn, khi chúng ta nhận ra rằng những yêu cầu đó không phải của người khác mà là yêu cầu của chính chúng ta. Đó là một sự vĩ đại vô hạn được sống trong cuộc sống khiêm tốn và hàng ngày nhất. Chân trời vô hạn trong lòng *những chân trời quen thuộc nhất : gia đình, hàng xóm, khu phố, nghề nghiệp*... Chúa Giê-su cho chúng ta biết tất cả những gì con người có thể làm trong cuộc sống đơn giản nhất, với điều kiện rằng ta thực sự là con của một Thiên Chúa là Cha.

Đó là lý do tại sao chúng ta phải cẩn thận không nên dâng cho Chúa một loại từ bỏ mà chúng ta lại coi là sự vâng lời. Điều chúng ta cần dâng lên Thiên Chúa là việc

xây dựng, từng ngày từng giờ, tự do của chúng ta để nó thực sự không phải là tự do của nô lệ mà là tự do của những người con.

Ý NGHĨA XÁC NHẬN : «ĐỨC KITÔ ĐÃ CHẾT VÌ CHÚNG TA» LÀ GÌ ? [21]

Tất cả các đường hướng tâm linh đều hội tụ dưới chân Thánh Giá của Đức Kitô. Nhiều con đường đã được mở ra trong suốt các thế kỷ để dẫn dắt con người đến sự hiệp nhất, càng gần gũi càng tốt, giữa con người với Thiên Chúa của mình. Một số người theo con đường do thánh Gioan Thánh Giá và thánh Tê-rê-xa vạch ra ; những người khác thích theo sau thánh Đô-mi-ni-cô

, những người khác theo thánh Phan-xi-cô Assisi, những người khác theo thánh Inhaxiô, những người khác theo thánh Phan-xi-cô Sales, những người khác theo thánh Phêrô Foucault. Nhưng cũng có những con đường không dẫn đến đâu cả và lạc lối trong cát bụi của ảo tưởng. Có cái chân thật và có cái sai lầm. Tiêu chí chắc chắn, có thể nói, tôi nghĩ, tiêu chí duy nhất của sự chân thực tâm linh là Thánh

---

21 Tài liệu viết tay : «Cái Chết của Đức Kitô» lấy cảm hứng từ P. Duquoc (Christologie, Cerf, 1972, t. II) và thuộc về loạt bài viết năm 1973-1974 ; «Cái Chết của Đức Kitô và sự xuống âm phủ», số 5 trong loạt bài về phần đầu tiên của Kinh Tin Kính được viết năm 1977-1978. - Bản sao : Lyon-Sainte-Hélène : «Đức Kitô chết vì chúng ta : chỉ là cách nói thôi sao ?» (8 tháng 2 năm 1974); Pau (25 tháng 1 năm 1978).

Giá. Tất cả những gì dẫn đến Thập giá là thực sự Kitô giáo. Tất cả những gì loại bỏ Thập giá, hoặc lẩn tránh nó, đều thuộc về loại giả mạo hoặc thay thế.

Còn cần phải hiểu rõ ý nghĩa của Thập giá. Cái chết của Đức Kitô vào khoảng năm ba mươi tuổi của Ngài là một sự kiện lịch sử có địa điểm và thời gian cụ thể. Sự kiện này có ý nghĩa gì ? Trong chính nó, đó không gì khác ngoài «sự thất bại khá bình thường của một người giảng đạo lưu động» [22] đã tự xưng là tiên tri và Đấng Mêsia của Israel. Ngài đã chịu khổ dưới triều đại của Pontius Pilate, đã chết và được chôn cất. Bởi vì sự việc này xảy ra vào lúc kết thúc một phiên tòa gây ồn ào ở tỉnh Judea của La Mã, nên truyền thống Do Thái đã nhắc lại, thậm chí cả nhà sử học La Mã Tacitus cũng nhắc đến trong Biên niên sử của ông. Đối với chúng ta, những người Kitô hữu, sự kiện này là trung tâm của lịch sử. Điều này có nghĩa là chúng tôi tuyên xưng sự kiện đặc biệt này (cũng như tất cả các sự kiện khác) là có một ý nghĩa phổ quát. Ý nghĩa gì ? Phải thật nhẹ dạ mới không đặt ra câu hỏi.

---

22 C. Duquoc, Kitô học, Cerf, 1972, II, tr. 194 và 196

Trình bày sơ lược về mầu nhiệm cứu chuộc

Chúng ta đặt câu hỏi hôm nay và càng sâu sắc hơn khi cảm nhận rõ rằng cuộc khủng hoảng của Giáo hội đòi hỏi, bên cạnh những vấn đề đa dạng mà nó gây ra, một sự tái trung tâm hóa nghiêm ngặt, tôi muốn nói là một sự tái phát hiện Trung tâm. Tuy nhiên, Trung tâm không thể ở đâu khác ngoài đó. Điều đầu tiên gây ấn tượng trong nhiều bài tiểu luận thần học hiện đang được xuất bản, chủ yếu ở Đức và Pháp, là tất cả đều từ chối một cách trình bày nhất định về Mầu Nhiệm Thánh Giá đã ảnh hưởng đến tổ tiên chúng ta và cũng đã ảnh hưởng đến chính chúng ta, và điều đó đã trở nên rõ ràng rằng nó đã bóp méo sự thật.

Dưới đây là cách mà hồng y Ratzinger, tổng giám mục Munich, bày tỏ quan điểm về vấn đề này : «*Lương tâm Kitô giáo đã bị ảnh hưởng rất lớn bởi một trình bày cực kỳ sơ khai về thần học thỏa mãn của Anselme xứ Canterbury* (1033-1109).» Xin hãy lưu ý các cách diễn đạt mà Ratzinger sử dụng : ngài là một nhà thần học tinh thông trong ngòi bút của mình. Ngài không phủ nhận khái niệm thực sự của Anselme nhưng ngài sử dụng cụm từ « rình bày cực kỳ sơ khai về thần học của Anselme» và ngài thêm vào :

«Đối với một số lượng rất lớn các tín hữu Kitô và đặc biệt là đối với những người chỉ biết đến đức tin từ khá xa, thập giá sẽ nằm trong một cơ chế của quyền lợi bị xâm phạm và được phục hồi. Đó sẽ là cách mà công lý của Thiên Chúa bị xúc phạm vô hạn đã được hòa giải lại bằng một sự thỏa mãn vô hạn... Một số văn bản tôn thờ dường như gợi ý rằng đức tin Kitô giáo vào Thánh Giá đại diện cho một Thiên Chúa mà công lý không khoan nhượng của Ngài đã đòi hỏi một hy sinh con người, hy sinh của chính Con Ngài. Hình ảnh này Càng phổ biến, càng sai lầm. Kinh Thánh không trình bày Thập giá như một phần của cơ chế vi phạm quyền lợi». [23] Tôi muốn trích dẫn một người có thẩm quyền trong thần học.

Sự công bằng của Chúa có đòi hỏi cái chết của Đức Kitô không ?

Ý tưởng rất rõ ràng : Đức Kitô đã thay thế cho nhân loại tội lỗi, Ngài đã gánh chịu hình phạt dành cho nhân loại này, Ngài đã biến cuộc đời mình thành một hy sinh chuộc tội. Nhấn mạnh tất cả những từ này mà chúng ta có thể thao túng mà không làm hỏng chúng. Nhân loại tội lỗi phải bị trừng phạt : chúng ta đang đứng trước một

---

23 J. Ratzinger, Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay, Nouvelles Éditions Mame, 1976, tr. 197

vị Thần trừng phạt. Nếu Thiên Chúa trừng phạt, chắc chắn không phải vì sở thích của Ngài ; đó không thể là một biện pháp tùy tiện từ Ngài, vì các biện pháp tùy tiện là đặc trưng của bạo chúa, và Thiên Chúa không phải là một bạo chúa. Nếu Ngài trừng phạt, đó là vì Ngài «phải» trừng phạt, vì công lý của Ngài đòi hỏi điều đó. Tuy nhiên, Đức Kitô thay thế nhân loại để chịu hình phạt. Ngài gánh chịu hình phạt. Nếu ngài chết, thì đó không phải vì những lỗi lầm của chính ngài (ngài vô tội), mà là vì những lỗi lầm của chúng ta. Ngài đền tội thay cho chúng ta.

Người ta cũng sử dụng nhiều từ «sửa chữa» và «bồi thường». Người ta nói : sự xúc phạm đối với Thiên Chúa phải được sửa chữa. Sự tôn kính mà con người đã từ chối dành cho Chúa qua những tội lỗi của họ, Đức Kitô, người không có tội, đã dâng lên như một sự đền bù. Đó là những từ chính trong một từ vựng từng phổ biến trong các sách giáo lý và sách tu đức. Tôi tóm tắt lại : công lý, trừng phạt, thay thế, chuộc tội, sửa chữa, bồi thường.

Để biện minh cho tất cả những lời này, đây là cách mà người ta lý luận : hình phạt phải tương xứng với tội lỗi. Thật vậy, Chúa chỉ có thể làm nguôi cơn giận của Ngài khi hình phạt do sự vi phạm gây ra đã được

thực hiện. Nhưng vì chính Thiên Chúa là người bị xúc phạm, con người không thể cung cấp một sự đền bù đủ. Vì Thiên Chúa là Vô Tận, còn con người là hữu hạn. Vì vậy, không thể nào thỏa mãn được công lý của Thiên Chúa. Đó là lý do tại sao Đức Kitô, người là con người nhưng cũng là Thiên Chúa - thay thế cho con người để cung cấp cho Thiên Chúa một sự chuộc tội xứng đáng với Ngài, tức là có giá trị vô hạn. Tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người do đó được thể hiện qua sự thay thế được tưởng tượng để thỏa mãn công lý của Ngài.

Vì vậy, điều cốt yếu là sự đền bù. Không thể có sự đền bù chỉ bằng một sự bồi thường được dâng lên công lý của Chúa. Sự bồi thường này diễn ra dưới hình thức một hình phạt được chính nạn nhân chấp nhận, và đó là lý do tại sao nó được gọi là sự thỏa mãn hoặc sự chuộc tội. Bạn thấy rằng Hồng y Ratzinger có lý khi nói rằng một cách trình bày như vậy về ý nghĩa cái chết của Đức Kitô là «cực kỳ thô sơ». Đó là nói quá ít. Đó là lý do tại sao ngài thêm vào : «Chúng ta quay lưng với sự ghê tởm trước một công lý thần thánh mà cơn thịnh nộ u ám của nó đã lấy đi mọi tín nhiệm của thông điệp tình yêu.»

«Thật vậy, hãy suy nghĩ : người ta nói với chúng ta rằng Thiên Chúa không thể tha thứ cho con người nếu trước tiên công lý của Ngài không được thỏa mãn. Vì vậy, phải kết luận rằng Thiên Chúa không phải là một Vô Tận của sự ban cho. Chúng ta can thiệp vào một giai đoạn nào đó trong quá trình tha thứ một «công lý» mà không thể tránh khỏi xuất hiện như một giới hạn của tình yêu. Bạn đặt ra trong Thiên Chúa một tình yêu bị giới hạn bởi công lý. Nếu công lý của Chúa đòi hỏi một sự đền bù cho tội lỗi, liệu chúng ta còn có thể, theo nghĩa nghiêm ngặt, nói đến sự tha thứ không ? Điều đó có nghĩa là Chúa chỉ có thể bộc lộ lòng thương xót của Ngài khi Ngài đã được «báo thù» trước đó. Người ta đặt ra một loại xung đột trong Thiên Chúa giữa một công lý báo thù và một tình yêu phụ tử; và tình yêu phụ tử bị giới hạn bởi yêu cầu của công lý báo thù. Máu của Chúa Giêsu đổ ra trên đồi Calvê là giá phải trả cho một món nợ được Thiên Chúa yêu cầu để bù đắp cho sự xúc phạm gây ra cho danh dự của Ngài bởi tội lỗi của con người.» [24]

---

24 Các yếu tố của giáo lý Kitô giáo, II, tr. 60.

Thế nhưng, các văn bản của Tân Ước...

Chúng ta không thể không nhạy cảm với tất cả những gì không thể chấp nhận được trong tất cả những điều này. Nhưng phải thừa nhận rằng các sách phúc âm và thánh Phaolô dường như cho phép việc sử dụng tất cả những từ này : chuộc tội, thỏa mãn, bồi thường, thay thế. Chúng ta thực sự đọc thấy trong sách thánh Marc: «Con Người đã đến để hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người» (10, 45). Tiền chuộc ? Tôi tìm kiếm nghĩa chính xác của từ này trong một cuốn từ điển tốt về Tân Ước, tôi tìm thấy điều này : một khoản tiền được trả để giải phóng một tù nhân trong một cuộc chiến tranh hoặc để chuộc lại một nô lệ (do đó từ cứu chuộc có nghĩa là chuộc lại : Đức Kitô đã chuộc lại chúng ta, tức là mua lại chúng ta một lần nữa). Ý nghĩa của một biểu thức như vậy là gì ? Chúng ta không thể nào xóa bỏ văn bản của thánh Marc, mà tính xác thực của nó không hề nghi ngờ.

Chúng ta càng không thể làm điều đó hơn nữa vì, hai mươi năm trước thánh Marc, thánh Phaolô đã diễn đạt cùng một ý tưởng gần như bằng những từ ngữ tương tự: «Thiên Chúa đã định cho Chúa Giêsu Kitô trở thành hy lễ đền tội bằng máu của Ngài cho những ai tin vào Ngài, nhằm thể hiện sự công chính của Ngài, vì Ngài

đã để lại những tội lỗi đã phạm trước đây trong thời kỳ kiên nhẫn của Ngài mà không bị trừng phạt, để vừa công chính vừa biện minh cho những ai có đức tin vào Chúa Giêsu (Rm 3, 25). Đây là một văn bản thực sự tái giới thiệu tất cả những gì người ta muốn loại bỏ : máu, nạn nhân, công lý, hình phạt, tất cả đều có ở đó.

Hoặc là : «Đấng Kitô đã tự hiến mình cho Thiên Chúa vì chúng ta như một lễ vật và một hy sinh có mùi thơm dễ chịu» (Ep 5, 2). Và đặc biệt là thư gửi tín hữu Do Thái, nơi tác giả, để giải thích ý nghĩa cái chết của Đức Kitô, liên tục nhắc đến các hy lễ đẫm máu của Cựu Ước. Không có gì trong số đó có thể bị xóa bỏ.

Vậy thì ? Chúng ta có đang ở trên bánh xe quay, như Montaigne đã nói không ? Chúng ta có bị kết án phải từ chối lời nói của thánh Marc và thánh Phaolô, hay phải khẳng định như một điều đức tin những gì chỉ có thể làm cho những người đồng thời của chúng ta phẫn nộ ? Bởi vì, như Cha Duquoc đã nói rất hay, *khi Bossuet kêu lên rằng «Thiên Chúa là Cha thỏa mãn cơn thịnh nộ của Ngài trên Chúa Giêsu», chúng ta, tùy theo tâm trạng, hoặc phẫn nộ hoặc buồn cười. Phẫn nộ, vì với quyền gì mà lại gán cho Chúa những cảm xúc làm Người mất danh dự và cho rằng chúng là cần thiết cho sự cứu rỗi của chúng ta ? Vui vẻ, vì sự thay thế của Đức Kitô cho*

những người nghèo khổ bất lực trong việc sửa chữa tội lỗi của họ dường như là một điều gì đó hoàn toàn miễn phí và trừu tượng. [25]

Sự thật là, ban đầu thập giá của Chúa Giê-su hiện ra với các tông đồ như một thất bại đáng thương. Họ đã theo Chúa Giê-su với niềm tin rằng họ đã tìm thấy nơi Ngài vị vua mà không ai có thể chiến thắng, và rồi, trái với mọi mong đợi, họ đã trở thành những người bạn đồng hành của một người bị kết án và xử án. Bạn sẽ nói với tôi rằng Sự Phục Sinh đã làm sáng tỏ cho họ; kể từ những lần hiện ra, họ đã lấy lại được sự tự tin trước đây của mình ; họ bây giờ chắc chắn rằng Chúa Giêsu chính là Vị Vua mà họ đã tin tưởng. Đúng vậy. Nhưng điều mà chúng ta có thể không thấy là các tông đồ đã mất rất nhiều thời gian để hiểu được Thập giá có ý nghĩa gì. Thập giá, để làm gì ? Người Phục sinh nói với các môn đệ Emmaus : «Có phải Đức Kitô đã phải chịu những khổ đau này để bước vào vinh quang của Ngài không ?» (Lc 24, 26). Tại sao lại «cần phải» ? Họ chỉ hiểu điều đó dần dần.

Để giải thích sự kiện, họ đã đầu tiên sử dụng Cựu Ước, chính xác là các tư tưởng của người Do Thái. Nhưng đó là những hình thức nghi lễ, thờ phượng. Đó

---

25 C. Duquoc, Ánh sáng và sự sống, số 101, tr. 112.

là việc thờ cúng là trung tâm trong đời sống tôn giáo của người Do Thái. Sự thờ phượng và do đó các nghi lễ thờ phượng (không có thờ phượng thì không có nghi lễ). *Các tông đồ đã được thuyết phục, sau sự phục sinh của Chúa Giêsu, rằng mọi điều được nói trong Cựu Ước đều tìm thấy sự hoàn thành trong Ngài, và thậm chí rằng chỉ từ Chúa Giêsu mới có thể thực sự hiểu được những gì đã xảy ra trước Ngài. Thánh Phaolô và các thánh sử đã «giải thích» Thập giá, cho một ý nghĩa vào sự kiện «chết của Chúa Giêsu ở tuổi ba mươi trên một cây thập tự» dựa trên các ý tưởng của thần học thờ phượng trong Cựu Ước*.

Từ «hy sinh», chẳng hạn, thuộc về thần học này : Chúng ta biết rằng ở Israel, động vật được dùng làm vật hiến tế theo nghi lễ. Chúng ta tìm thấy từ này trong Tân Ước, nhưng từ này ở đó như một thuật ngữ so sánh. *Chính Chúa Giêsu đã nghĩ về cái chết của mình bằng cách sử dụng các hy lễ cổ xưa : Ngài dâng máu của mình như máu của hy lễ Giao Ước, Ngài nói rằng máu này sẽ được đổ ra cho đám đông* (đó là những lời trong nghi thức truyền phép Thánh Thể), *và «kỷ niệm» mà Ngài thiết lập trong những ngày lễ Vượt Qua được lấy cảm hứng từ hy lễ Vượt Qua của Con Chiên*. *Nhưng* đối với Chúa Giêsu, *đó chỉ là những hình ảnh* : Ngài biết

rõ rằng cái chết của Ngài không chỉ là một nghi lễ ! [26] Điều Ngài nói, là điều này : *các hy lễ cổ xưa đã không hiệu quả ; chỉ có cái chết của ta mới có thể hoàn thành những gì mà các hy sinh đó muốn thực hiện và biểu thị* [27]. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng cái chết của Chúa Giêsu là «hy sinh»; và đó là điều mà Tin Mừng nói.

Chúng ta đã lâu nay hiểu sai một cách đáng kể khi cố gắng giải thích thư gửi tín hữu Do Thái theo các khái niệm của Cựu Ước. Từ đầu đến cuối, tác giả của bức thư này đề cập đến Đền thờ cổ xưa, các hy sinh của Luật Do Thái, và chức tư tế Lêvi. Thật dễ để tin rằng tác giả này, có thể là một môn đồ của thánh Phaolô, đã hiểu cái chết của Đức Kitô theo những khái niệm này. Trên thực tế, tư tưởng của ông hoàn toàn khác : ông so sánh cái chết của Đức Kitô với các hy lễ cổ xưa để nhấn mạnh rằng giữa cái chết này và các hy lễ đó có một sự khác biệt thiết yếu. Ông sử dụng các khái niệm quen thuộc của những người đối thoại của mình (đó là một bức thư gửi cho người Do Thái) để giúp họ hiểu cách mà sự mong đợi của họ đã được đáp ứng vượt xa những gì có thể dự đoán được.

---

26 A. George, Ánh sáng và sự sống, số 101, tr. 51
27 C. Duquoc, ibid., tr. 113

Ratzinger tóm tắt một cách xuất sắc tư tưởng của tác giả trong vài dòng : «*Tất cả thiết bị hy sinh của nhân loại, tất cả những nỗ lực mà thế giới tràn đầy, để hòa giải với Thiên Chúa qua thờ phượng và các nghi lễ, đều bị kết án phải ở lại là những công trình vô ích và vô nghĩa của con người, vì những gì Thiên Chúa muốn, không phải là dê hay bò, cũng không phải là bất kỳ lễ vật nghi lễ nào. Chúng ta có thể hy sinh cho Chúa hàng triệu con vật trên khắp bề mặt trái đất, Chúa cũng chẳng cần đến, vì dù sao đi nữa, tất cả đều thuộc về Ngài ; chúng ta không mang lại gì cho Chúa khi thiêu đốt tất cả những thứ đó để tôn vinh Ngài... Chỉ có con người, chỉ có con người, mới làm cho Thiên Chúa quan tâm. Sự tôn thờ chân chính duy nhất là lời «có» vô điều kiện của con người đối với Chúa. Mọi thứ đều thuộc về Chúa, nhưng Ngài đã ban cho con người quyền tự do nói «có» hoặc «không», yêu thương hoặc từ chối yêu thương ; sự tham gia tự do của tình yêu là điều duy nhất mà Chúa có thể mong đợi*.» [28] Ngoài điều đó, mọi thứ đều vô nghĩa. Chỉ điều đó là không thể thay thế.

Tuy nhiên, toàn bộ *nghi lễ* cổ đại *tìm cách thay thế những gì không thể thay thế*, thay thế các lễ vật động vật bằng lễ vật tình yêu của con người. Một sự thay thế như vậy hoàn toàn vô nghĩa. Chúa Giê-su, Ngài đã tự

28 J. Ratzinger, op. cit., tr. 200.

hiến mình : Ngài đã thốt lên lời «vâng» với Thiên Chúa trong sự vâng phục của một người con (lưu ý rằng tôi đang tóm tắt thư gửi tín hữu Do Thái ; tôi không có ý định giải thích tại sao cái chết của Đức Kitô lại là một lời «vâng» của sự vâng phục con cái đối với Thiên Chúa, vì chúng tôi cho rằng điều đó là không thể chấp nhận và gây sốc khi Thiên Chúa có thể, nhân danh công lý của Ngài, đòi hỏi máu của Con ; nhưng chúng ta sẽ đến đó).

Đối với tác giả của thư gửi tín hữu Do Thái, Đức Kitô thay thế những lễ vật vô ích và không hiệu quả của người xưa bằng chính bản thân Ngài. Chắc chắn, *văn bản khẳng định rằng chính nhờ máu của Ngài mà Chúa Giê-su đã thực hiện sự hòa giải với Thiên Chúa (9, 12). Nhưng điều đó không có nghĩa là máu đã đổ là một món quà vật chất, một phương tiện chuộc tội có thể đo lường được về mặt số lượng* : máu đã đổ là biểu hiện cụ thể của một tình yêu đi đến tận cùng của chính mình. Đối với tác giả của thư gửi tín hữu Do Thái, Đức Kitô là người đã hiến dâng tất cả, hoàn toàn tất cả. Trong điều đó, Ngài là Con Người, con người trong sự hoàn hảo tuyệt đối của mình. *Ngài là tuyệt đối của tình yêu, như chỉ có thể được ban tặng bởi Đấng mà ngay cả tình yêu của Thiên Chúa cũng đã trở thành tình yêu của con*

người. [29]

Vì vậy, không phải vì các sách Phúc Âm, thánh Phaolô và thư gửi tín hữu Do Thái diễn tả cái chết của Đức Kitô bằng các thuật ngữ như tiền chuộc, sự đền tội hoặc sự thay thế, mà chúng ta phải tiếp tục bị giam giữ, như đã quá lâu rồi, bởi lý thuyết cho rằng Chúa Cha đã đòi hỏi máu của Đức Kitô như sự thỏa mãn cho công lý của Ngài bị tổn thương bởi tội lỗi của con người. Nói cách khác, không phải là bất trung với Kinh Thánh khi thoát khỏi một lý thuyết như vậy (bởi vì đó chỉ là một lý thuyết ; và đây không phải là trường hợp duy nhất mà các nhà thần học đã liên kết sai lầm điều cốt yếu của đức tin với một lý thuyết giải thích). Trong trường hợp ý nghĩa cái chết của Đức Kitô, không chỉ lý thuyết đã chiếm ưu thế trong các sách thần học và giáo lý trong nhiều thế kỷ là có thể tranh cãi : nó, hãy nói lại, là một sự bóp méo nghiêm trọng ! Chúng ta đang ở vào thế khó : vậy thì câu nói trong Kinh Tin Kính : Đức Kitô đã chết vì chúng ta có ý nghĩa gì ?

---

29 J. Ratzinger, op. cit., tr. 202.

Đề xuất các suy tư thần học

Chúng ta luôn phải quay trở lại với lời của Chúa Giêsu trong Phúc Âm của thánh Gioan : «Ai thấy Thầy là thấy Cha» (14, 9). Thấy Chúa Giêsu là thấy Thiên Chúa. Chúng ta chỉ biết đến Thiên Chúa qua Chúa Giêsu. Nhưng khi biết Chúa Giê-su, chúng ta thực sự biết về Thiên Chúa, đủ để chúng ta cần biết Ngài để có một mối quan hệ thật sự với Ngài. Câu hỏi thiết yếu là không nhầm lẫn về bản chất của Thiên Chúa.

Tất cả những gì Chúa Giê-su nói và làm đều tiết lộ, hoặc bộc lộ, Thiên Chúa. Những gì tồn tại một cách hữu hình trong Chúa Giêsu thì cũng tồn tại một cách vô hình, huyền bí, trong Thiên Chúa. Nếu Nhập Thể là hành động khiêm nhường, thì Thiên Chúa là Đấng khiêm nhường. Nếu Chúa Giêsu nghèo, thì Thiên Chúa nghèo. Khi tôi thấy Chúa Giêsu, vào tối thứ Năm Tuần Thánh, rửa chân cho con người với sự khiêm nhường, tôi thấy chính Thiên Chúa mãi mãi là Người Tôi Tớ với sự khiêm nhường sâu thẳm trong vinh quang của Ngài. Sự khiêm nhường của Đức Kitô không phải là một hiện thân ngoại lệ của vinh quang Thiên Chúa : nó thể hiện trong dòng thời gian của lịch sử nhân loại rằng sự khiêm nhường vĩnh viễn nằm ở trung tâm của Vinh Quang. Nhưng không phải vào lúc Chúa Giê-su chết

trên thập tự giá mà tôi sẽ ngừng nghe Ngài nói với tôi : «Ai thấy Ta thì thấy Cha.» Trái lại : chính cái chết của Chúa Giêsu đã tiết lộ cho tôi, làm cho tôi thấy rõ ai là Thiên Chúa, bản chất của Ngài là gì, và chiều sâu của Bản thể vĩnh cửu của Thiên Chúa.

Đối với Đức Kitô, «vâng lời» Cha không phải là thi hành một mệnh lệnh, như chúng ta thấy ở trần gian một cấp dưới thi hành mệnh lệnh của cấp trên. Không nên tưởng tượng rằng Thiên Chúa Cha nói với Thiên Chúa Con : Ta ra lệnh cho con phải chịu khổ và chết ở tuổi ba mươi. Nếu đó là sự vâng lời, thì chúng ta sẽ đồng ý với những người phản đối mọi loại để từ chối nó ! Thật ra, Đức Kitô «vâng lời» Cha bằng cách Ngài mạc khải Ngài như Ngài là, chứ không phải như con người muốn Ngài là. Tiết lộ Thiên Chúa như Ngài đã định, Chúa Giê-su chấp nhận chết. Nếu Chúa Giê-su không chấp nhận chết, Chúa Giê-su đã không tiết lộ Thiên Chúa như Ngài vốn có.

Tình yêu là cái chết của bản thân, sự hiến dâng bản thân

Thật vậy, cốt lõi của mọi sự là trong Thiên Chúa, cái chết vĩnh viễn nằm ở trung tâm của cuộc sống. Thiên Chúa là Tình Yêu. Yêu thương là chết cho chính mình, không chỉ bằng cách ưu tiên người khác hơn bản thân

mình, mà (khi Ngài là Thiên Chúa và Ngài yêu mến trong sự trọn vẹn, Ngài thực hiện vĩnh viễn sự hoàn hảo của tình yêu), bằng cách từ bỏ sự tồn tại cho chính mình và bởi chính mình để chỉ tồn tại vì người khác và cho người khác. Thiên Chúa là Ba Ngôi : Chúa Cha chỉ là sự chuyển động về phía Chúa Con và Chúa Thánh Thần; Chúa Con chỉ là sự chuyển động về phía Chúa Cha và Chúa Thánh Thần ; Chúa Thánh Thần chỉ là sự chuyển động về phía Chúa Cha và Chúa Con. Cái «chỉ» mà tôi nhấn mạnh, vì chính cái «chỉ» này thể hiện bí ẩn của Thiên Chúa, có nghĩa là cốt lõi của Thiên Chúa là cái chết giống như sự sống. Ra khỏi chính mình, đó chính là chết cho chính mình. Sống là yêu, nhưng yêu là chết, vì chỉ tồn tại nhờ người khác và vì người khác.

Đây chính xác là điều mà Chúa Giêsu thể hiện khi Ngài chết trên thập giá. Thánh Phaolô nói với chúng ta rằng Thiên Chúa «tự hủy mình, bằng cách nhận lấy hình dạng của một người tôi tớ và trở nên giống như loài người... và Ngài còn hạ mình hơn nữa, bằng cách vâng lời cho đến chết, và cái chết trên thập giá» (Philíp 2, 8-9). Điều đó có nghĩa là bản thể của Thiên Chúa luôn luôn trong hành động tự hiến cho người khác. Chắc chắn chúng ta không thể hiểu chính xác điều đó có nghĩa là gì, vì Bản thể vĩnh cửu của Thiên Chúa vượt ra ngoài tất cả những hình dung của chúng ta, nhưng

chúng ta có thể cố gắng hiểu rằng đó chính là «bí ẩn» của Bản thể Thiên Chúa. Chúng ta vẫn phải biết mình tin vào vị thần nào !

Người Do Thái đã mong đợi một sự biểu lộ vinh quang của Thiên Chúa. Thế là, trên đồi Gô-gô-tha, Thiên Chúa không can thiệp, Ngài ẩn mình và im lặng. Đây không phải là Thiên Chúa Sabaoth, tức là Thiên Chúa của các đạo quân, mà là Thiên Chúa «không vũ trang» : trò chơi chữ này là cổ điển. Chúng ta tưởng tượng Ngài giàu có và quyền lực, và chắc chắn Ngài là như vậy vì Ngài là Vô Hạn; nhưng giờ đây chúng ta thấy rằng sự giàu có của Ngài không phải là sở hữu, mà là cho đi : đó là sự giàu có của một sự hiến dâng toàn bộ bản thân, không có sự dè dặt hay ý đồ nào. Sẽ là một sự hiểu lầm về tình yêu nếu nghi ngờ Thiên Chúa có một ý đồ hay một ý định nào đó. Tình yêu không chỉ trao cho người khác một phần của bản thân mà giữ lại phần cốt lõi : chính cốt lõi đó là điều mà tình yêu trao đi. Giữ một suy nghĩ hoặc một ý định ở phía sau mình, điều đó có nghĩa là mình là chủ sở hữu của chính mình. Tuy nhiên, không có dấu vết của sự sở hữu nơi Thiên Chúa.

Xa rời khỏi việc yêu cầu, để sự công bằng của Ngài được thỏa mãn, sự hy sinh của Con Ngài, Cha, khi hy sinh Con Ngài, đã hy sinh điều quý giá nhất của Ngài.

Điều đó có nghĩa là Ngài hy sinh chính mình. Cha không tự tha thứ cho chính mình. Vì bản thể của Chúa Cha chỉ là (luôn chỉ là) qua và vì Chúa Con, khi Ngài giao nộp Chúa Con của mình, Ngài cũng giao nộp chính mình. Sự hiện hữu của Ngài, bản chất của Ngài là sự «hiến mình» (từ «hiến», «hiến mình» là một trong những từ xuất hiện thường xuyên nhất trong các sách phúc âm). Cái chết của Đức Kitô dẫn chúng ta đến suy nghĩ rằng bản thể của Thiên Chúa hoàn toàn khác với những gì chúng ta tưởng tượng, rằng những sự hoàn hảo của Thiên Chúa, không chỉ vượt xa vô hạn so với những gì chúng ta có thể đạt được về sự hoàn hảo, mà còn ở nơi Ngài theo một cách hoàn toàn khác biệt với chúng ta: Thiên Chúa là Đấng Khác Biệt ! Chúng ta, chúng ta giàu có khi sở hữu ; Thiên Chúa, Ngài thì giàu có khi từbỏ. Chúng ta, chúng ta mạnh mẽ khi thống trị ; Chúa, Ngài mạnh mẽ khi phục tùng.

Đức Kitô, bằng cách trở thành nô lệ, bằng cách để mình bị trói buộc trong Cuộc Khổ Nạn và bằng cách tước bỏ chính cuộc sống của mình, đã chuyển thể Thiên Chúa thành những cử chỉ và hành động của con người. Ngài là, như đã nói, « lăng kính » của Thiên Chúa, phân tách cho đôi mắt xác thịt của chúng ta ánh sáng trắng chói lòa của Đấng Thiên Liêng. Ông là cái lăng kính suốt cuộc đời mình, nhưng ông đặc biệt là như vậy qua

cái chết của mình. Đó là khi ông thở ra hơi thở cuối cùng, ông tước đoạt chính cuộc sống, tức là mọi thứ; đó là lúc ông trở thành con người như Chúa là Thiên Chúa vĩnh cửu. Đó là lúc ông ta trở nên toàn năng theo cách con người, như Chúa là toàn năng theo cách thần thánh. Đó là lúc anh ta tham gia vào toàn năng của Chúa, mà không phải là một quyền lực thống trị hay phô trương bản thân, mà là sự tự xóa bỏ bản thân.

Trong khi chúng ta chưa hiểu rằng toàn năng của Chúa là một toàn năng của sự tự xóa bỏ, trong khi chúng ta chưa trải nghiệm trong cuộc sống của chính mình rằng cần nhiều sức mạnh của tình yêu hơn để tự xóa bỏ chứ không phải để phô trương, thì tất cả những gì tôi vừa nói đều hoàn toàn không thể hiểu được. Yêu người khác, là muốn họ tồn tại, chứ không phải muốn vượt lên để họ trở nên ít hơn : đó chính là sức mạnh của tình yêu !

Sự toàn năng của tình yêu là sự tha thứ

Khi Đức Kitô tham gia vào toàn năng của Thiên Chúa, đó là một sức mạnh của sự tự xóa bỏ - và Ngài tham gia vào điều đó khi Ngài tự xóa bỏ, tức là khi Ngài chết -, Ngài tham gia vào sức mạnh tha thứ, đó là nền tảng của Thiên Chúa. Theo nghĩa đen, Ngài chết vì chúng ta, Ngài «cứu rỗi» chúng ta. Điều này cần một lời giải thích vì rất khó để nói đúng về sự tha thứ và tuy nhiên,

như Mauriac đã nói, chúng ta khao khát sự tha thứ hơn cả bánh mì.

Sự tha thứ không phải là sự khoan dung mà là một sự tái tạo. Đó là sự tái tạo lại tự do của người đã để cho tự do của mình héo mòn vì tội lỗi. Cần nhiều sức mạnh hơn từ Chúa để tha thứ hơn là để tạo ra. Vì tái tạo là hơn cả sáng tạo. Sức mạnh tái sáng tạo nằm ở trung tâm của sức mạnh sáng tạo, như một sức mạnh vượt trội. Bằng cách tạo ra sự tự do, Thiên Chúa cam kết sẽ nhân đôi tình yêu để khôi phục lại cho họ sức mạnh mà Người đã ban cho họ để tự tạo ra chính mình. Tuy nhiên, hành động sáng tạo trong Thiên Chúa là hành động khiêm nhường và từ bỏ : đó là Thiên Chúa là Tất cả và từ bỏ việc là Tất cả. Bởi vì, khi là Tình Yêu, ta không chấp nhận việc trở thành Tất Cả ; ta không thể là Tình Yêu và là Tất Cả. Nó mở ra một không gian cho tự do và, như nhà thơ Đức Hölderlin đã nói, « Chúa tạo ra con người như biển cả tạo ra các lục địa: bằng cách rút lui».

Nếu đối với Chúa, hành động sáng tạo là hành động rút lui, thì hành động tái tạo, hay tha thứ, hay làm lại một sự tự do có phải là một sự lặp lại của hành động rút lui không ? Có phải tha thứ không phải là rút lui hai lần ? Liệu đó có phải là Toàn Năng tối thượng không ? Lời nguyện trong thánh lễ Chúa Nhật thứ hai mươi sáu

thường niên diễn tả rõ ràng điều đó : «Lạy Chúa, Đấng chứng tỏ quyền năng tối thượng của Ngài khi Ngài kiên nhẫn và tha thứ không mệt mỏi, xin ban cho chúng con ân sủng của Ngài !»

Vì vậy, chính khi chết, Đức Kitô tham gia vào Quyền năng tối cao, tái tạo, tha thứ của Thiên Chúa. Một người, sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria, tức là từ dòng dõi của chúng ta, đã bằng cái chết của mình có quyền năng thần thánh để tha thứ. Một vị thần ban cho chúng ta sự tha thứ chỉ có thể khiến chúng ta nghi ngờ. Không có gì đáng nghi hơn một cách nói mang tính gia trưởng như : tôi tha thứ cho bạn. Nhưng một Thiên Chúa hóa thân thành Người mà tha thứ khi Ngài chết, cái chết của Ngài chính là sự tha thứ, và là sự tha thứ phổ quát, thì làm sao chúng ta có thể nghi ngờ Ngài ?

Vì vậy, thật đúng khi nói rằng chính nhờ Đức Kitô đổ máu ra mà chúng ta được cứu rỗi. Đó là điều mà câu nói trong lời truyền phép Thánh Thể diễn tả : đây là máu sẽ được đổ ra để tha tội. Những lời này không có nghĩa là máu là một sự bồi thường được dâng lên công lý của Thiên Chúa, mà công lý đó yêu cầu máu của Đức Kitô phải được đổ ra. Máu đổ ra là dấu hiệu của một tình yêu đi đến cùng (x. Ga 13, 1). Đến cùng của việc cho, tức là đến sự tha thứ hoặc món quà hoàn hảo.

Tôi nhấn mạnh rằng bí mật của Thánh Giá Đức Kitô chỉ là một câu đố vô nghĩa, nếu không chuyển đổi một cách triệt để ý tưởng mà chúng ta tự nhiên có về quyền năng của Thiên Chúa. Mọi người đều bắt đầu tìm kiếm Chúa trong khía cạnh quyền lực, Chúa là «Ông Chủ Lớn», điều đó là không thể tránh khỏi : chúng ta không thể không định hướng theo hướng này trước tiên, hướng đi này là ngoại giáo. Một cách tự phát, chúng ta muốn rằng Chúa can thiệp liên tục vào công việc của chúng ta, rằng Chúa tự viết nên câu chuyện của chúng ta thay cho chúng ta, rằng Chúa giải thoát chúng ta khỏi trách nhiệm khủng khiếp mà chúng ta phải là tác giả của chính số phận của mình.

Khi trở thành Kitô hữu (bởi vì không phải là Kitô hữu, mà trở thành Kitô hữu, cần phải có một sự chuyển đổi hàng ngày) và khi chiêm ngưỡng sự Bất lực tuyệt đối của Người-Thiên Chúa bị đóng đinh trên thập giá, chúng ta luôn rất khó quên bước đi đầu tiên (ngoại giáo) đã để lại dấu ấn sâu sắc trong chúng ta. Chúng ta luôn chuyển đổi không hoàn hảo. Chúng ta dao động giữa hai hình ảnh của thần thánh mà chúng ta hòa giải một cách khó khăn, vì không biết cách thống nhất chúng : hình ảnh của Toàn Quyền ngoại giáo, thống trị và hình ảnh của Toàn Bất Lực của Đức Kitô bị đóng đinh, đang hấp hối và chết. Hình ảnh của Toàn Quyền ngoại giáo

vẫn tồn tại bên dưới, không thay đổi ; và hình ảnh của Toàn Bất Lực của Đức Kitô bị đóng đinh như một loại hình ảnh chồng lên. Sự đồng tồn tại của hai hình ảnh này là một thảm họa cho tâm hồn và tinh thần.

Vì vậy, chúng ta phải tiếp tục suốt ngày này qua ngày khác và năm này qua năm khác một sự suy ngẫm đúng nghĩa Kitô giáo, điều này thuyết phục chúng ta một cách sâu sắc rằng chính sự Bất Lực Tột Đỉnh của Thập Giá mới tiết lộ bản chất thật sự của Sự Toàn Năng Tột Đỉnh của Thiên Chúa, của Đấng Tồn Tại vĩnh cửu và vô hạn. Chính cái chết của Đức Kitô đã tiết lộ trọn vẹn Vinh quang của Thiên Chúa, vinh quang mà chính là Tình yêu như Quyền năng tự hủy diệt bản thân. Chính trong Chúa Giêsu bị đóng đinh mà sự thuần khiết của «vì bạn» hoặc «vì các bạn» của Đấng Tuyệt Đối sống động là Ba Ngôi được biểu lộ. Đó là một người đàn ông bị biến dạng, đẫm máu, bị nhổ nước bọt, mồ hôi và máu, được Isaïe so sánh với con chiên bị dẫn đến lò mổ, người đã tiết lộ Bản thể vĩnh cửu không hình tướng. Sự tồn tại của con người chỉ có ý nghĩa trong Ngài và qua Ngài : đó là khẳng định trung tâm của đức tin chúng ta.

Như chúng ta hiểu được cảm xúc của thánh Phaolô, khi ngài nói với chúng ta (Phil 3, 18) rằng ngài «khóc» khi nghĩ đến những người «đi theo kẻ thù của thập giá

của Đấng Kitô» ! Chúng ta chắc chắn cần phải ở lại hoặc có khả năng khóc như vậy.

SỰ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KITÔ CÓ PHẢI LÀ MỘT SỰ KIỆN LỊCH SỬ KHÔNG ? [30]

Chúng ta đang đề cập đến vấn đề sự phục sinh của Đức Kitô. Vấn đề hay bí mật quan trọng nhất trong tất cả, nếu đúng là chúng ta phải tin thánh Phaolô khi ông nói rằng «nếu Đức Kitô không sống lại, đức tin của chúng ta là vô ích hoặc trống rỗng», tức là không có nền tảng (I Co 15, 14).

Lịch sử và đức tin

Trận chiến Austerlitz là một sự kiện lịch sử, cái chết của tướng de Gaulle cũng vậy. Có phải nói rằng sự phục sinh của Đức Kitô cũng là một sự kiện lịch sử theo cách tương tự không ? Có và không. Sự Phục Sinh vừa là một sự kiện lịch sử vừa là một sự kiện cho đức tin, và không thể tách rời. Chính xác hơn, nó là một sự kiện

30 Bản thảo : «Sự phục sinh của Đức Kitô có phải là một sự kiện lịch sử không ?» thuộc về loạt bài viết vào năm 1971-1972. Cha Varillon dựa vào một bài viết của Cha E. Pousset, «Sự phục sinh», đăng trên Tạp chí Thần học Mới vào tháng 12 năm 1969 (tr. 1009-1044) và vào cuốn sách của Cha X. Léon-Dufour, Sự phục sinh của Chúa Giêsu và thông điệp Phục sinh, Seuil, 1971, cả hai đều được trích dẫn rộng rãi. - Polycopies Annecy : «ự phục sinh của Đức Kitô, ngôi mộ trống và các cuộc hiện ra » (9 tháng 12 năm 1971) ; Le Péage-de-Roussillon (19 tháng 4 năm 1972) ; Pau (22 tháng 2 năm 1978).

cho đức tin, bao gồm một sự kiện lịch sử (mà không có nó, chúng ta không thể nói đến sự kiện).

Điều lịch sử là lời chứng của các tông đồ : những người đã sống cùng với Chúa Giêsu và đã coi Ngài là Đấng Messiah, đã tuyên bố rằng họ đã thấy Ngài sống lại sau khi Ngài chết trên thập giá.

Chứng từ này, mặc dù mang tính lịch sử, lại liên quan đến điều gì đó không phải là lịch sử và không thể là lịch sử : *Sự Phục sinh, như một hành động chuyển từ cái chết sang sự sống đời đời, chỉ có thể là một thực tại đối với đức tin. Các tông đồ không phải là nhân chứng của hành động này và không thể là nhân chứng (ngay cả khi họ ở lại trong mộ của Chúa Giêsu cho đến sáng lễ Phục sinh)*. Thật vậy, *so với thế giới này nơi mọi thứ có thể được xác nhận, sự phục sinh* đơn giản và thuần túy *là một sự biến mất*. Thân thể của Chúa Giê-su phục sinh không còn thuộc về vũ trụ vật lý của chúng ta về không gian và thời gian.

Do đó, không thể nào chứng kiến sự chuyển tiếp - hành động chuyển tiếp - từ cái chết đến sự sống đời đời. Đó là lý do tại sao sự phục sinh của Chúa Giê-su không thể được coi là sự hồi sinh của một xác chết, như trong trường hợp của La-gia-rô.

Sự phục sinh của La-gia-rô không phải là sự chuyển từ cái chết sang cuộc sống vĩnh cửu, vào thế giới của Chúa, mà là sự trở lại cuộc sống như nó đã từng trước khi chết. Lazare đã trở lại với cuộc sống mà anh ấy đã có trước khi chết. Nói chuyện với trẻ em, tôi nói với họ rằng, khi ra khỏi mồ, Lazare có thể đã hắt hơi, ho, và thưởng thức thời tiết (nắng hay mưa). Dù sao đi nữa, ông đã gặp lại cha mẹ, bạn bè, vũ trụ như ông đã để lại trước khi chết, ông đã tiếp tục cuộc sống của mình và ông không được miễn khỏi việc chết lần thứ hai, mặc dù không phải ở Marseille ông đã tìm thấy cái chết vĩnh viễn, như truyền thuyết muốn vậy. Vì vậy, không có gì chung giữa cái mà người ta gọi là sự sống lại của La-gia-rô (thực ra là phép lạ của một xác chết được hồi sinh) và sự sống lại của Chúa Giê-su.

Điều mà chúng ta có thể coi là lịch sử, đó là những gì đã trở thành đối tượng của một nhận thức cảm giác hoặc nhạy cảm (cho các giác quan) *đối với các tông đồ. Nhưng những gì họ đã nhận thấy bằng các giác quan của mình, những gì đã là đối tượng của một nhận thức cảm quan đối với họ, chỉ có hai điều : ngôi mộ trống ; mặt khác, tôi không nói là sự hiện ra của Chúa Giêsu phục sinh mà là sự hiện ra của một người nào đó xuất hiện trước họ, mà họ vẫn chưa nhận ra là Chúa Giêsu đang sống*. Nếu họ nhận ra ngay lập tức rằng đó là Chúa

Giê-su sống, thì phải nói rằng đó là một xác chết được hồi sinh.

Chúng ta ngần ngại đùa giỡn khi nói về một bí ẩn sâu sắc như vậy nhưng vẫn có thể nói rằng : chúng ta không thể tưởng tượng các tông đồ kêu lên : Ồ ! vậy là Thầy đã ra khỏi mồ ? hoặc ồ ! làm sao lại như vậy ? Thầy đã chết và giờ đây Thầy lại ở đây ! Điều này thật không thể tưởng tượng nổi ! Các tông đồ trước tiên đã nhận thấy sự hiện diện của một ai đó, người làm vườn đối với Maria Mađalêna, người lữ khách đối với các tín đồ Emmaus... và *trong một hành động đức tin mà họ sau đó đã nhận ra người đó là người mà họ đã sống cùng* trong ba năm và là môn đệ của người đó.

Tôi nhấn mạnh rằng *sẽ sai lầm nếu tưởng tượng rằng các tông đồ đã nhận thấy* (nhận thấy - bằng các giác quan - nên là lịch sử) rằng người nào đó xuất hiện trước họ *chính là Chúa Giê-su mà họ đã biết trước khi Ngài chết trên thập tự giá, và sau đó họ đã tin vào Đấng Phục sinh. Các văn bản Tin Mừng* nói ngược lại:

- họ đã nhìn thấy ai đó, nhưng không nhận ra ;

- từ nhận thức này, họ đã chuyển sang đức tin thông qua việc suy ngẫm về sự tồn tại trước đây của họ với Chúa Giê-su, giờ đây được soi sáng bởi các Kinh Thánh

mà Ngài giải thích cho họ và bởi sứ mệnh mà Ngài giao phó cho họ.

Chúng ta có :

1) *Nhận thấy sự hiện diện của ai đó đang xuất hiện ;*

2) *Hiểu biết về những lời nói cũ của Chúa Giêsu, về hành động cũ của Ngài và những lời tiên tri liên quan đến cái chết của Ngài (trong câu chuyện về những người hành hương Emmaus, thời gian suy ngẫm qua Kinh Thánh được phát triển nhất, nhưng tất cả các câu chuyện về sự hiện ra đều ghi nhận rằng sự hiện ra đơn giản của Chúa Giêsu phục sinh không đủ để các tông đồ nhận ra Ngài*, trong khi mọi người đều nhận ra La-gia-rô);

3) *Nhận thức (bằng đức tin) về ai đó như là Chúa Giê-su sống, điều mà Chúa Giê-su ngay lập tức hướng dẫn họ, từ quá khứ của họ, đến tương lai bằng cách giao cho họ một sứ mệnh*, sứ mệnh làm ra Giáo hội.

Ngôi mộ trống

Những dấu hiệu nào cho thấy Chúa Giêsu phục sinh xuất hiện ? Phúc Âm trả lời : có hai dấu hiệu : một là tiêu cực (mồ mả trống rỗng) ; hai là tích cực (Chúa Giêsu hiện ra với các tông đồ).

Xin lưu ý rằng *việc phát hiện ngôi mộ trống*, như được kể lại trong Kinh Thánh, *không đóng vai trò lớn trong sự hình thành đức tin của các tông đồ. Thực tế ngôi mộ trống, tự chính nó, không chứng minh được sự phục sinh*. Hơn nữa, trong công thức cổ xưa nhất của Tân Ước (khoảng năm 50), thánh Phaolô khẳng định rằng «Thiên Chúa đã làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết» (1 Tx 1, 9) : không có đề cập đến mồ mả. Việc phát hiện ngôi mộ trống được kể lại trong các sách Phúc âm, nhưng nó không phải là một phần của thông điệp tông đồ cơ bản (điều này hoàn toàn khác với các cuộc hiện ra).

«Ngôi mộ trống là một sự thật kỳ lạ đặt ra một câu hỏi. Câu trả lời không bắt buộc». [31] Chúng ta luôn có thể giải thích sự việc theo cách khác, đặc biệt là bằng việc di dời thi thể. Chúng tôi không nói rằng ngôi mộ trống không phải là một thực tế, một sự kiện. *Chúng tôi*

31 X. Léon-Dufour, Các sách Phúc Âm và lịch sử của Chúa Giêsu, Seuil, 1963, tr. 446.

chỉ nói rằng nếu tách biệt sự kiện này khỏi bối cảnh, tức là chủ yếu là lời chứng của các tông đồ về các cuộc hiện ra, *nó chỉ còn là một chi tiết*, mà nhà sử học có thể luôn tranh cãi về tính xác thực của nó (như một số sự kiện vặt vãnh được nhà sử học Tacite ghi lại). *Xét về bản thân nó, cách đây hai nghìn năm, một chi tiết như vậy, ngay cả khi được xác nhận tốt, cũng không có giá trị lịch sử lớn*. Chúng ta chỉ có thể tuyên bố là «lịch sử» *những sự kiện có quy mô nào đó và được tích hợp vào một tổng thể* mà chính nó cũng được coi là «lịch sử».

Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi nhà sử học hiện đại vẫn giữ thái độ thận trọng nhất đối với việc phát hiện ngôi mộ trống. Ông ấy sẽ chỉ thoát khỏi sự dè dặt của mình với tư cách là một nhà sử học nếu, mặt khác, ông ấy công nhận giá trị của lời chứng của các tông đồ liên quan đến các cuộc hiện ra.

Những cuộc hiện ra, tính khách quan của chúng

Về các cuộc hiện ra, khó mà thấy làm thế nào mà sự việc có thể bị phủ nhận. «*Nếu không có điều đó, miễn là người ta từ bỏ giả thuyết không thể chấp nhận được về một sự lừa dối có phối hợp, thì Kitô giáo trở nên không thể giải thích được.*» [32] Đối với Édouard Le Roy, nhà

32 A. Nizin, Lịch sử của Chúa Giê-su, Seuil, Livre de vie, tr. 51.

triết học bạn của Bergson và Teilhard de Chardin, «*sự kiện hiện ra được đặt lên trên mọi tranh cãi hợp lý*». [33] *Nhưng vấn đề là ý nghĩa của sự kiện này, tầm quan trọng của nó. Tuy nhiên, ở đây, suy nghĩ thường gặp phải một* tiền đề, *theo đó mọi sự xuất hiện chỉ có thể là một ảo giác chủ quan và bệnh lý, không có giá trị khách quan*. Phải nói rằng giả thuyết này hoàn toàn không hiển nhiên tự nó. Giải quyết vấn đề như vậy từ trước không phù hợp với phương pháp phê bình thực sự.

Người ta nói về *tự kỷ ám thị : «Vẫn còn cần phải hiểu làm thế nào đức tin của các tông đồ, yếu ớt và mong manh trước sự thất vọng lớn lao của cái chết của Chúa Giêsu, lại có thể tái sinh mạnh mẽ và hưng phấn như vậy sau đó. Nguy hiểm lớn hơn nhiều đối với họ là rao giảng về Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết hơn là thừa nhận vào lúc xét xử rằng họ đã từng là môn đệ của Ngài*. Tuy nhiên, các tông đồ đã không có đủ can đảm để nhận Ngài là thầy của họ vào lúc Ngài bị xét xử. Và tuy nhiên, điều đó còn dễ hơn việc *dám rao giảng* rằng chính Chúa Giêsu đó đã sống lại. *Khó khăn, một khi biến mất, đã lớn hơn nhiều so với trước đây khi có trong mình một niềm tin được đẩy đến mức chấp nhận vui vẻ sự tử đạo»*.

---

33 E. Le Roy, Tín điều và sự chỉ trích, 1907, tr. 218-224.

Tuy nhiên, hãy lưu ý rằng *nhận xét này không phải là quyết định duy nhất : vẫn có một lối thoát. Thực tế có trường hợp của các hiện tượng tập thể tin vào sự sống sót của một anh hùng bị giết trong chiến tranh. Điều này dường như đã được xác nhận trong các quần thể có tâm lý học nguyên thủy. Sự sống sót, không phải theo nghĩa rằng anh hùng đã di cư đến nơi của người chết, mà theo nghĩa rằng anh ta vẫn thuộc về thế giới của chúng ta, mặc dù vô hình, và vẫn thực hiện một hành động lịch sử ở đó. Một niềm tin như vậy có thể khơi dậy sự cống hiến cao nhất từ những người dân tộc nguyên thủy, từ những tín đồ, cho lý tưởng mà vị anh hùng này đại diện*. Vì vậy, cần phải thận trọng, đặc biệt là vì đây là nền tảng của đức tin.

Người ta nói : một sự xuất hiện chỉ có thể là một sự xây dựng của tâm trí ; đó là một điều gì đó chủ quan ; chúng ta đang đối mặt với một cơ chế ảo giác. Nhưng những nhận thức phổ biến nhất của chúng ta (ví dụ, nhận thức mà tôi có vào lúc này về cái micro này, tờ giấy này, cái bàn này và tất cả các bạn đang tụ tập ở đây) cũng chứa đựng một phần xây dựng chủ quan. *Một sự xuất hiện có thể hoàn toàn bao gồm các yếu tố xây dựng chủ quan và có giá trị khách quan*. Chỉ cần phải hiểu rõ về từ «khách quan». Nó là mơ hồ. Khách quan không có nghĩa là bên ngoài. Trí tưởng tượng của chúng ta khiến

chúng ta tin rằng mọi thứ khách quan đều là bên ngoài, và mọi thứ bên trong đều hoàn toàn chủ quan. Thật sự đúng là tất cả các bạn đang đứng trước mặt tôi lúc này, các bạn là khách quan, các bạn có một sự tồn tại khách quan (các bạn sẽ không chấp nhận chỉ tồn tại trong suy nghĩ của tôi ; nếu tôi nói rằng các bạn chỉ tồn tại trong suy nghĩ của tôi, các bạn sẽ tức giận và phản đối : các bạn tồn tại một cách khách quan). Và, đồng thời, các bạn cũng tách biệt với tôi (các bạn cách tôi mười lăm hoặc hai mươi mét và, để chạm vào các bạn, bắt tay hoặc ôm các bạn, tôi sẽ phải vượt qua khoảng cách giữa chúng ta). Nhưng, bản thân, khách quan không có nghĩa là bên ngoài, đó là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau.

Khi chúng tôi nói rằng sự hiện ra của Chúa Giêsu phục sinh với các tông đồ là khách quan - đó mới là điều quan trọng - chúng tôi không nói rằng Ngài ở bên ngoài họ (như tất cả các bạn đều ở bên ngoài tôi, và tôi ở bên ngoài các bạn). *Ngay cả khi các tông đồ, xây dựng nhận thức của họ một cách cần thiết* (vì mọi nhận thức đều là một sự xây dựng, đó là điều cơ bản của triết học) *và nói theo ngôn ngữ thông thường, đã cảm nhận Chúa Giêsu như là một người bên ngoài họ, điều đó không có nghĩa là Chúa Giêsu, đối với Ngài, là một người bên ngoài họ*.

Tôi thừa nhận rằng đây là một điểm khó khăn ; nếu bạn thích nghĩ rằng Chúa Giê-su phục sinh vừa khách quan vừa bên ngoài, bạn hoàn toàn tự do. Chỉ cần dự đoán các phản đối và khó khăn, không nên làm cản trở con đường của đức tin, vì điều quan trọng, điều gắn kết đức tin, là sự hiện diện của nó là khách quan.

Điều chúng tôi muốn nói khi nói về «giá trị khách quan» của các cuộc hiện ra, chính là điều này : các cuộc hiện ra không chỉ là sự tái tạo duy nhất của các tông đồ. Chúng là thật trong ý nghĩa rằng các tông đồ nhận thấy Đấng Phục Sinh nhờ vào một sáng kiến không đến từ họ, mà từ Ngài. Trong ảo giác, sáng kiến đến từ chủ thể nhận thức. Trong trường hợp của các cuộc hiện ra, sáng kiến không đến từ các tông đồ mà từ Đức Kitô. Nói cách khác, nếu các tông đồ đã thấy Chúa Giêsu, thì chính Chúa Giêsu đã hiện ra, đã tự hiển hiện.

Có thể đồng hóa các cuộc hiện ra của Chúa Giêsu phục sinh với những trải nghiệm huyền bí mà chúng ta nghe thấy trong lịch sử Giáo hội (như của thánh Teresa, thánh Catherine thành Siena hoặc Bernadette ở Lourdes) không? Có và không, nhưng chủ yếu là không.

Vâng, bởi vì, ở đây và ở đó, đối với các tông đồ và đối với Bernadette, có một *trải nghiệm về điều không thể diễn tả* ; tại Giêrusalem cũng như tại Lộ Đức, điều

không thể diễn tả (tức là điều không phải là đối tượng tự nhiên của trải nghiệm : chính Thiên Chúa hoặc Maria) *trở thành đối tượng của trải nghiệm*. Đọc bất kỳ cuốn sách nghiêm túc nào về các nhà thần bí, Baruzi hoặc Delacroix, và hãy suy nghĩ rằng chính qua việc nghiên cứu các nhà thần bí mà Bergson đã đạt được đức tin. *Kinh nghiệm thần bí là kinh nghiệm về thần thánh* : điều này đúng với thánh Teresa hay Bernadette, và cũng đúng với các tông đồ.

Nhưng tôi đã nói : nhất định không. Bởi vì, trong trải nghiệm của các tông đồ, trong những gì chúng ta gọi là sự hiện ra của Chúa Giê-su phục sinh, có điều gì đó hoàn toàn độc đáo, điều mà chỉ riêng họ đã trải nghiệm. Vậy thì cái gì ? Có sự khác biệt cơ bản nào giữa những lần hiện ra của Chúa Giêsu với các tông đồ và những lần hiện ra của Đức Maria với Bernadette không ? Điều này : *sự đồng nhất của người mà họ thấy bây giờ, sau khi Ngài qua đời, với người mà họ đã biết, trước khi Ngài qua đời, trong các điều kiện của sự tồn tại tự nhiên*. Đó là cùng một người. Các tông đồ nhận ra Chúa Giêsu chính là người mà họ đã sống cùng trước khi Ngài qua đời. Bernadette không nhận ra Marie như một người phụ nữ mà cô đã chăn cừu cùng. Không có sự công nhận về một danh tính nào. Trải nghiệm của các tông đồ là hoàn toàn nguyên bản và độc nhất trong

lịch sử : *họ nhận ra rằng có sự liên tục giữa cuộc sống phàm trần của Chúa Giê-su và sự hiện hữu của Đấng Phục Sinh*.

Sự khởi đầu của đức tin nơi các tông đồ

Hãy cố gắng hiểu cách mọi chuyện đã diễn ra, mặc dù những câu hỏi đó, như bạn thấy, không hề đơn giản. Có lẽ nếu điều đó không đơn giản, thì chúng ta đã bị biến dạng một chút. Nó nên đơn giản (tôi không nói là đơn giản hóa !), vì đức tin dành cho tất cả mọi người chứ không chỉ dành cho các học giả và triết gia. Có ba giai đoạn hình thành đức tin ở các tông đồ :

GIAI ĐOẠN ĐẦU TIÊN : các tông đồ là những người đã *gặp gỡ* Chúa Giêsu, *con người Giêsu, trong cuộc sống trần thế của Ngài*; họ đã theo Ngài, họ đã tin tưởng Ngài như là *Đấng Messiah được loan báo, cứu tinh của dân tộc họ*, tôi không nói như là Thiên Chúa, không tông đồ nào đã tin trước Lễ Ngũ Tuần rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa ! Thời kỳ đầu : cuộc sống phàm trần, những người phàm trần sống cùng với một người phàm trần.

GIAI ĐOẠN THỨ HAI : *đức tin này*, thực nhưng *mong manh, đã chịu thử thách khủng khiếp của cái chết của Chúa Giêsu*, không phải là cái chết bình thường

mà là một cái chết nhục nhã. *Đối với họ, đó là sự kết thúc của một giấc mơ đẹp*, sự gián đoạn của *một cuộc phiêu lưu tuyệt vời. Họ không còn tin vào đấng cứu thế của mình, người đã bị kết án và đóng đinh*. Họ còn tin vào Chúa không ? Điều đó không chắc chắn lắm, *vì Thiên Chúa đã để cho người công chính bị kết án* : một Thiên Chúa để cho người công chính bị kết án có tồn tại không ? *Họ đang trong tình trạng hoang mang tột độ, họ không còn hy vọng gì nữa*. Trong đoạn tuyệt vời về các môn đồ Emmaus, thánh Luca đã mô tả sự hoang mang này: chúng tôi đã hy vọng nhưng giờ không còn hy vọng nữa... và họ phân tán. *Họ vẫn là những người đã gắn bó với Chúa Giêsu và theo Ngài trong ba năm. Chính từ đó, đức tin phục sinh của họ sẽ được hình thành, nhờ vào sự can thiệp của Chúa Giêsu phục sinh*.

GIAI ĐOẠN THỨ BA : có ai đó xuất hiện trước mặt họ. Đó là một dấu hiệu được đưa ra, ai đó đột nhiên có mặt mà không ai nhận ra sự tiếp cận của họ. Có thể đó là người làm vườn (đó là điều mà Marie-Madeleine nghĩ ban đầu), có thể đó là một người lữ hành trên con đường giữa Giêrusalem và Emmaüs. Đ*iều đó không làm sáng tỏ cho các tông đồ*, ngược lại, nó làm họ bối rối. Đó là cái gì ? Họ không còn niềm tin hay hy vọng: *làm sao họ có thể nhận ra bằng các giác quan tự nhiên (*mắt, tai, tay*) một người đã vượt qua sự tồn tại tự nhiên*

và do đó không thể chỉ nhận ra bằng các giác quan tự nhiên? Nếu họ nhận ra ngay lập tức, Chúa Giêsu sẽ chỉ là một xác chết được hồi sinh như Lagiarô : Ngài sẽ trở lại cuộc sống trần gian. Nhưng Chúa Giêsu đã bước vào đời sống vĩnh cửu, đời sống thực sự thần thánh. Vậy *thì người đó giải thích cho họ Kinh Thánh bằng cách áp dụng vào cuộc sống trước đây của mình và đặc biệt là cái chết của mình. Người đề nghị với họ một cách đọc Kinh Thánh đi xa hơn những gì họ đã hiểu cho đến lúc đó. Người giải thích cho họ những gì các Tiên tri đã công bố về Đấng Thiên Sai sẽ phải chịu khổ và chết*. Đối với các tông đồ, đó là một ánh sáng chiếu rọi vào những đau khổ và cái chết của Chúa Giêsu, điều đã gây ra sự hoang mang của họ, điều đã trở thành bóng tối nơi đức tin của họ bị chìm đắm. Đức tin của họ tái sinh, và đây là điểm quan trọng : *họ hiểu rằng Chúa Giêsu*, chính vì Ngài là Đấng Thiên Sai, *đã phải chịu khổ và chết* (không phải mặc dù, mà chính vì Ngài là Đấng Thiên Sai). Các Tiên tri đã nói điều đó, bây giờ các Tông đồ đã hiểu.

Và, cùng với sự khổ nạn và cái chết của Ngài, các Kinh Thánh *đã loan báo sự tôn vinh của Đấng Thiên Sai. Trong ngay lập tức, đó là Giáo hội để phát triển. Đó là lý do tại sao, ngay khi các tông đồ nhận ra Chúa Giêsu, xác nhận danh tính của Ngài, Chúa Giêsu đã*

hướng họ về tương lai, giao cho họ một sứ mệnh : xây dựng Giáo hội, làm cho Giáo hội lớn mạnh. *Việc sai đi cũng quan trọng như việc quay trở lại quá khứ (chú giải Kinh Thánh hiện đại nhấn mạnh điều này rất nhiều).*

Chúng ta thường nghe thấy phản biện sau đây : *nếu sự phục sinh của Đức Kitô được chứng thực bởi những người khác ngoài các tông đồ, những người trung lập*, chẳng hạn như những người ngoại giáo không biết đến Chúa Giêsu, hoặc thậm chí bởi những kẻ thù của Ngài (các người Pharisiêu, các thượng tế), liệu chứng cứ như vậy có thuyết phục hơn không ? Có phải không có lý do nghi ngờ trong việc *các tông đồ ở trong tình huống ưu đãi với một sự phục sinh có thể xảy ra* ? Điều này sẽ ít nghi ngờ hơn nhiều, như thường nghe thấy, nếu Giuđa là người chứng kiến sự phục sinh...

Để nghiêm túc xem xét một phản đối như vậy, tức là hình dung sự phục sinh như là sự hồi sinh của một xác chết, như sự trở lại của Chúa Giêsu với một cuộc sống tự nhiên. Đó là hình dung sự phục sinh như một kỳ diệu sẽ miễn trừ một hành động đức tin (không cần phải có một hành động đức tin để nhận ra Lazarus ra khỏi mồ!), *một kỳ diệu có thể «làm cho bất kỳ ai sợ hãi và buộc họ theo một cách nào đó phải có đức tin»*. [34] Hãy tưởng

34 Ramsey, Sự Phục sinh của Đức Kitô, tr. 43.

tượng Giuđa là nhân chứng của sự phục sinh: ông ấy sẽ không đi treo cổ, ông ấy chắc chắn sẽ phải tin ! Nhưng điều đó là mâu thuẫn, vì nếu người ta bị ép buộc phải có đức tin, thì đức tin không còn là đức tin nữa. Một sự phục sinh chỉ là một phép lạ gây ấn tượng với bất kỳ ai và buộc phải có đức tin, thì đó không phải là điều nghiêm túc !

Sự thật là, nếu *những kẻ thù của Chúa Giêsu đã ở cùng với các tông đồ trên đường đến Emmaüs, họ có thể đã thấy một «người lạ», nhưng chắc chắn họ sẽ không nhận ra người mà họ đã đóng đinh*. Tôi nói : có thể, vì bạn biết cách đặt câu hỏi, và trẻ em đã đặt câu hỏi này từ tám chín tuổi ! Một người đàn ông sẽ ở đó hút tẩu thuốc của mình trên bậc cửa nhìn ra con đường đến Emmaus: liệu ông ấy có thấy hai hoặc ba người lữ hành không ? Tôi không biết. Tất cả phụ thuộc chính xác vào những gì người ta nghĩ : sự xuất hiện bên ngoài hoặc hoàn toàn bên trong, dù sao cũng chắc chắn là khách quan. Vì vậy, có thể ông ấy đã thấy một «người lạ» nhưng chắc chắn ông ấy không nhận ra người mà ông đã đóng đinh, giả sử rằng người đàn ông tốt bụng này là một trong những kẻ hành hình đã đóng đinh Chúa Giê-su lên thập giá.

Cần thêm điều này : những cuộc hiện ra là một dấu hiệu sẽ biến mất. Lễ Thăng Thiên sẽ là lần cuối cùng và lễ Thăng Thiên là lễ của sự hiện ra cuối cùng. *Đức tin hoàn hảo thực sự bao hàm việc vượt qua mọi dấu hiệu cụ thể, tự do đối với các dấu hiệu. Đức tin hoàn hảo là đức tin theo Thần Khí. Đó là lễ Ngũ Tuần khai mở đức tin này. Ngoài những cuộc hiện ra, và còn hơn cả chúng, sự mở rộng của Giáo hội sẽ là sự biểu hiện đầy đủ của Chúa Giêsu phục sinh*.

Những cám dỗ của người vô thần và người có tín ngưỡng

Thế nào về sự phục sinh của Đức Kitô đối với người không tin ? Người vô thần hiện đại có phần giống như các tông đồ trước khi họ nhận ra Chúa Giêsu trong một hành động đức tin. *Các dấu hiệu* (mồ trống và những lần hiện ra), *nếu bị tước bỏ ý nghĩa của chúng, có xu hướng bị phai nhạt. Đối với các tông đồ, Chúa Giêsu khi hiện ra đầu tiên gây ra sự kinh hoàng, họ tưởng Ngài là một hồn ma. Đối với nhà sử học, miễn là ông ấy vẫn chưa đạt đến đức tin, các dấu hiệu vẫn còn yếu ớt và thậm chí có thể bị nghi ngờ. Đức tin tác động đến các dấu hiệu bằng cách tiết lộ, làm sáng tỏ sự nhất quán và độ vững chắc của chúng. Nhưng sự hoài nghi cũng tác động lên các dấu hiệu bằng cách làm chúng*

mất đi sự liên kết và hòa tan chúng.

Đối với nhà sử học vô thần, có một dữ liệu văn học về ngôi mộ trống và các sự hiện ra: nó đã được viết ! Nhưng dữ liệu văn học này, nếu bị tách rời khỏi ý nghĩa của nó, có xu hướng tự làm trống rỗng bản thân đến mức không còn đủ sức để tạo thành một vấn đề: người không tin, một mặt, có xu hướng loại bỏ dữ liệu về ngôi mộ trống như một sự kiện lịch sử (anh ta sẽ nói rằng những Kitô hữu đầu tiên đã bịa ra sự kiện này vì lợi ích của mục đích của họ, hoặc nếu nghiên cứu nghiêm túc các văn bản kết luận rằng ngôi mộ trống thực sự là một sự kiện lịch sử, anh ta sẽ tìm ra một lối thoát cho câu hỏi do sự kiện lịch sử đặt ra trong truyền thuyết Do Thái mà Matthieu 27, 64 và 28, 13 kể lại rằng «các môn đồ của Chúa Giê-su đã đến vào ban đêm và đánh cắp xác để có thể nói với dân chúng: Ngài đã sống lại từ cõi chết»). Và, *về phần các cuộc hiện ra, người vô thần có xu hướng giải thích chúng như là những hiện tượng tự kỷ ám thị hoặc ảo giác tập thể*. Điều quan trọng là đây : khi chúng ta bỏ qua ý nghĩa của sự thật, chúng ta sẽ làm tan biến sự thật đó ; sự thiếu hiểu biết về ý nghĩa có xu hướng chảy ngược trở lại thực tế và làm tan biến nó đến mức làm tan rã sự thật; sự không hiểu biết về ý nghĩa có xu hướng phản tác dụng lên sự thật và làm tan rã nó.

Nhưng hãy cẩn thận, ngược lại, đừng phóng đại dữ liệu lịch sử. Đó là cám dỗ của người tín hữu : *chúng ta đôi khi lý luận như thể ý nghĩa ngay lập tức có thể nhận thấy trong dữ liệu lịch sử. Như thể ngôi mộ trống tự nó là một bằng chứng của sự phục sinh. Như thể những cuộc hiện ra cho phép nhận diện Chúa Giêsu ngay lập tức, mà không cần phải có một hành động đức tin*. Như thể Chúa Giêsu là Lazarô sống lại từ cõi chết. Hãy cẩn thận : nếu như vậy, thì phải nói rằng *sự phục sinh của Chúa Giê-su hoàn toàn bị rơi vào tay của các giác quan và lịch sử*. Vậy thì phải kết luận rằng người không tin là một kẻ ngu ngốc hoặc một kẻ dốt nát, rằng họ không biết các văn bản hoặc họ không thể đọc chúng một cách chính xác hoặc họ là những người xấu tính (Chúa biết rằng chúng ta không ngần ngại gọi những người không tin là ngu ngốc hoặc là những người xấu tính). Nhưng điều đó là không trung thực và chúng ta hoàn toàn không có quyền làm như vậy : đừng phóng đại dữ liệu lịch sử ; sự phục sinh của Chúa Giêsu không phải chỉ đơn thuần là một sự kiện lịch sử như trận chiến ở Austerlitz. Đức tin là tự do, nếu không thì đó không phải là đức tin !

Không là một kỳ tích mà là một chuỗi các dấu hiệu

Những họa sĩ vĩ đại đã cố gắng tái hiện Chúa Giêsu ra khỏi mồ trong ánh sáng của chiến thắng của Ngài, chẳng hạn như bức tranh của Pérugin nơi Đức Kitô ra khỏi mồ với một lá cờ nhỏ ! Họ có thể đã tạo ra những kiệt tác nhưng họ đã làm cho chúng ta một dịch vụ tồi tệ. Không có nhân chứng nào từng thấy điều tương tự. Chúa Giê-su không hiện ra khi sống lại : Ngài đã dạy cho những người của Ngài nhận ra Ngài đã sống lại. Nếu có một cuộc ra khỏi mồ một cách ngoạn mục, bí mật đã bị hạ xuống mức độ huyền thoại ; chúng ta đã phải đối mặt với một điều kỳ diệu hoàn toàn nhân loại và khép kín trong nhân loại.

Tôi muốn bạn suy nghĩ về câu hỏi sau đây (thực sự là với những câu hỏi như thế này mà chúng ta có thể đo lường chất lượng của đức tin vì có những người tự xưng là tín đồ nhưng thực ra chỉ đơn giản là khao khát những gì được gọi là kỳ diệu ; cái kỳ diệu này cho phép tăng gấp ba lần số lượng phát hành của *Paris-Match*, khi nó kể về câu chuyện của một bức tượng Đức Mẹ bằng đồng khóc hoặc một miếng bánh thánh đẫm máu !) : bạn nghĩ gì về một tôn giáo dựa trên một vị thần chết, người trả thù bằng cách làm cho chúng ta choáng ngợp bởi một chiến thắng mạnh mẽ ? Một chiến thắng như

vậy sẽ quá giống với loại báo thù mà chúng ta thường mơ ước khi chúng ta muốn rằng Giáo hội «trả thù» tất cả những «con sói ác độc của những kẻ cộng sản và các nhà tự do, v.v.» Chúng ta đều mơ về một Đức Kitô hơn hoặc kém vinh quang.

Tưởng tượng Chúa Giêsu xuất hiện một cách ngoạn mục từ ngôi mộ, đó là trượt vào lĩnh vực của các thần thoại ngoại giáo ; đó là tạo ra Thiên Chúa theo hình ảnh của chúng ta; đó là đưa Thiên Chúa vào không phải trong câu chuyện thật sự của chúng ta, mà là vào những gì chúng ta muốn câu chuyện của chúng ta trở thành, để thoát khỏi nó. Đó sẽ là sự chiến thắng của văn hóa dân gian và không phải lúc để nhầm lẫn sự cao cả của đức tin Kitô giáo với một thứ gì đó tương tự như văn hóa dân gian ngoại giáo !

Sự phục sinh không thể là một phép lạ làm mất đi sự hiển nhiên ; nó chỉ có thể là một chuỗi các dấu hiệu kêu gọi đức tin. Phải lưu ý điều này : chính những người đã chứng kiến phép lạ một cách gần gũi nhất lại từ chối đức tin, tôi muốn nói đến các thầy tế lễ Do Thái đã canh giữ ngôi mộ. Hãy nhớ rằng: họ đã không phủ nhận sự phục sinh của Lazarus như một sự kiện, vì, trong trường hợp này, điều đó là không thể chối cãi ! Họ chỉ đơn giản kết luận rằng cần phải loại bỏ Chúa Giêsu ngay lập tức: đó

là ý nghĩa của sự việc đối với họ : vì người đàn ông này làm những phép lạ như vậy, mọi người sẽ tin vào ông ấy và người La Mã sẽ đến phá hủy quốc gia của chúng ta. Họ đã minh họa câu trả lời của Abraham cho người giàu có trong dụ ngôn: «Nếu họ không nghe Mô-sê và các Ngôn sứ, họ cũng sẽ không tin một người chết sống lại» (Lc 16, 31).

Thật ra, không có nơi nào trong Phúc Âm có những phép lạ chỉ là phép lạ : Chúa Giêsu từ chối chúng một cách dứt khoát. Ngài không muốn người ta tin vì phép lạ : đức tin như vậy có giá trị gì ? Trong sa mạc, Ngài đã không biến đá thành bánh ; khi người ta yêu cầu Ngài một dấu hiệu trên trời, Ngài đáp rằng dấu hiệu lớn sẽ là cái chết của Ngài (Mt 12, 40). Việc nhân bánh không phải là một sự sản xuất quá mức của thực phẩm mà, chỉ riêng nó, không thể nào làm thỏa mãn ước muốn của con người về những tiện nghi trần gian : đó chỉ là một điều kỳ diệu thuần túy trong thần thoại mà thôi ! Dấu hiệu thật sự là để định hướng hy vọng và đức tin vào những thực tại vĩnh cửu, tức là con người không chỉ sống bằng bánh. Đó là lý do tại sao bài giảng về bánh sự sống, bí tích Thánh Thể, gắn liền với phép lạ hóa bánh ra nhiều (Ga 6).

Mối nguy hiểm là muốn cố gắng tái tạo lại những gì đã thực sự xảy ra và làm chúng ta lạc hướng khỏi những gì các tác giả Tin Mừng muốn nói. Nhưng điều họ muốn nói với chúng ta không phải là những gì đã xảy ra chính xác, từng giờ từng ngày mà là dẫn dắt chúng ta đến một trải nghiệm, đó là sự hiện diện thực sự mới mẻ của Chúa Giê-su. Sự hiện diện mới này không thể được ghi lại : Người không còn có thể được nhận ra bằng chứng cứ của các giác quan. Người hoàn toàn khác. Không phải là một người khác, mà là người đó đã trở thành một người hoàn toàn khác.

Như cha X. Léon-Dufour đã viết [35], chúng ta có hai loạt văn bản Tin Mừng :

- Một loạt các sự kiện nhấn mạnh rằng Chúa Giê-su phục sinh không phải là một bóng ma, một linh hồn (người Do Thái dễ dàng tin vào bóng ma và linh hồn); nó được ghi rõ : «Hãy chạm vào tôi và nhận ra rằng một linh hồn không có thịt và xương, như các bạn thấy tôi có» (điều này được ghi rõ trong Lc 24, 39 !) ; một loạt để khẳng định rõ ràng rằng Chúa Giêsu thực sự đã sống lại trong thân xác của Ngài .

---

35 X. Léon-Dufour, Sự phục sinh của Chúa Giêsu và thông điệp Phục Sinh, Seuil, 1971, tr. 216-218 và 273.

- Một loạt các văn bản khác để khẳng định rằng cơ thể này không còn giống như trước. Đấng Phục Sinh xuất hiện, biến mất, đi xuyên qua những cánh cửa đóng kín, cơ thể của Ngài thoát khỏi các định luật của không gian và thời gian. Ngài cùng là một người (chuỗi đầu tiên), nhưng cùng là một người đã trở thành hoàn toàn khác (chuỗi thứ hai). Vì vậy, có hai loạt văn bản để cho phép chúng ta nhắm đến từ quan trọng mà không thể là đối tượng của một sự diễn đạt chính xác, đó là «một thân thể thiêng liêng», như thánh Phaolô đã nói.

Trong số các dấu hiệu được đưa ra, chỉ có một dấu hiệu có thể được xác nhận : ngôi mộ trống. Đối với những lần hiện ra, thì lại là chuyện khác. Chúng ta có thể chắc chắn rằng các môn đồ ở Emmaüs, Maria Mađala và các môn đồ, riêng lẻ hoặc theo nhóm, là những người duy nhất thấy và nghe Đấng hiện ra. Nếu họ có máy quay phim hoặc máy ghi âm, họ cũng không thể ghi lại hay chụp ảnh được gì. Điều họ được yêu cầu là làm chứng.

Người ta không thể nhấn mạnh đủ về sự khác biệt này giữa lời chứng và phóng sự. Nhiều người sẽ bị cám dỗ khi thấy trong phóng sự được trang bị đầy đủ các phương tiện ghi hình đỉnh cao của sự thật lịch sử. Họ không thấy rằng máy quay và máy ghi âm chỉ có thể ghi lại những vẻ bề ngoài. Để ghi lại một trải nghiệm sâu

sắc, công cụ duy nhất có giá trị là trái tim theo nghĩa Kinh Thánh của từ này, tức là lương tâm. Điều này dẫn đến câu hỏi : tại sao bạn tin ? Động cơ của đức tin của bạn là gì ? Nói cách khác, ý nghĩa mà sự phục sinh của Chúa Giê-su mang lại cho cuộc sống của bạn là gì ? Không chỉ là sự kiện mà là ý nghĩa của sự kiện.

Nếu muốn giữ lại một từ mà nhiếp ảnh sử dụng, tôi sẽ nói rằng điều được «in dấu» bởi trải nghiệm của Chúa Giêsu phục sinh là cốt lõi của sự tồn tại, chính sự tồn tại của chúng ta. Khi các tông đồ nói: «Chúng tôi là những nhân chứng của điều đó» (Cv 5, 32), điều đó không có nghĩa là : chúng tôi chúng tôi đã thấy Ngài ra khỏi mồ. Điều đó có nghĩa là : chúng tôi hoàn toàn chắc chắn rằng Chúa Giê-su đang sống ; Ngài đã mở ra một lần cho tất cả, trong chính Ngài, cánh cửa của Sự Sống thật, Ngài chính là Sự Phục Sinh. Và từ sự chắc chắn này, điều vượt xa con người, việc chúng ta hiến dâng cuộc sống của mình cho đến chết vì đạo là sự bảo đảm. Đó là chứng nhân !

Kết luận : sự phục sinh của Đức Kitô
là một câu hỏi đặt ra cho lịch sử

Đối với nhà sử học chỉ là nhà sử học, sự phục sinh của Đức Kitô đặt ra một câu hỏi không thể giải quyết bằng các phương tiện riêng của nhà sử học, một câu hỏi mà không thể loại bỏ bằng các giải thích theo kiểu kinh nghiệm. Đó là một câu hỏi vừa không thể giải quyết vừa không thể tránh né : chúng ta không thể tránh né nó và, trên phương diện thuần túy lịch sử, chúng ta không thể giải quyết nó.

Đây không chỉ là một câu đố lịch sử, như danh tính của Người Đeo Mặt Nạ Sắt hoặc sự ra đời của Weygand. Đó là một câu hỏi vượt quá mọi khả năng giải quyết (tôi nói rõ : trên phương diện thuần túy lịch sử). Không chỉ nó không được giải quyết mà nó cũng không thể được giải quyết. Sự phục sinh, ở khía cạnh lịch sử này, không thể được khẳng định như một sự kiện lịch sử ; nhưng nó không thể không vẫn là một câu hỏi lịch sử, một câu hỏi được đặt ra một cách khách quan. Với tư cách là một nhà sử học, không thể đi xa hơn được nữa.

Nhưng không có nhà sử học nào chỉ là nhà sử học, cũng như không có nhà khoa học nào chỉ là nhà khoa học. Một nhà khoa học là một con người, một nhà sử học cũng là một con người có thể đã kết hôn, có con,

là nhạc sĩ, là người có đức tin... Tuy nhiên, vì ông ấy là một con người, nhà sử học không thể chỉ giới hạn mình trong việc nghiên cứu một đối tượng được xác định cẩn thận và được xem xét với sự thờ ơ của khoa học chỉ là khoa học. Nhà sử học không thể không cảm thấy mình tham gia vào lịch sử: ông ta phải để cho con người trong mình nói lên, người đang đối diện với ý nghĩa của lịch sử này.

Hôm nay, ông không thể không cảm nhận câu hỏi được đặt ra bởi hai mươi thế kỷ Kitô giáo, ông không thể không tự hỏi về ý nghĩa thần thánh có thể của lịch sử nhân loại. Sự kiện hoàn toàn độc đáo của sự phục sinh của Đức Kitô (nói để không thiên vị: sự kiện hoàn toàn độc đáo của lời chứng của các tông đồ về sự phục sinh của Đức Kitô) không thể không đặt ra cho ông câu hỏi về một «khía cạnh siêu việt» của lịch sử. Vì vậy, ông có thể hợp lý thừa nhận rằng «ngón tay của Chúa» đang ở đó, ông ta có thể thừa nhận điều đó như một người đàn ông đang đặt ra những câu hỏi về ý nghĩa của sự tồn tại của con người.

Có cần phải đi xa hơn nữa, và thêm rằng đó thậm chí là lối thoát hợp lý duy nhất cho câu hỏi không thể tránh khỏi ? Chỉ có điều này đòi hỏi ông phải thừa nhận những giới hạn căn bản của lý trí con người khi giải

thích chuỗi các hiện tượng. Cũng cần, nếu ông muốn thực sự nghiêm túc, đào sâu một triết lý về cơ thể, để hiểu rằng sự biến mất của xác Jesus không phải là sự bốc hơi của vật chất mà là một sự thăng thiên biến hình của vật chất đó thành Thiên Chúa.

Phán xét này, anh ta luôn có quyền từ chối, nhưng như vậy anh ta sẽ vẫn bị giam giữ trong việc xem xét một sự thật vô nghĩa. Chỉ có hành động đức tin mới mở ra ý nghĩa. Ý nghĩa này là cái chết đã bị đánh bại, hoặc tình yêu mạnh hơn cái chết. Yêu cầu sâu sắc nhất của tôi là sự sống : tôi muốn sống mãi mãi. Nếu bạn nói rằng bạn không quan tâm nhiều đến điều đó, tôi buộc phải ngừng cuộc trò chuyện, tôi không thể làm gì khác. Tất cả những gì tôi có thể nói là tôi không giống như bạn. Nhưng tôi, tôi muốn sống mãi mãi. Sự phục sinh nói với tôi : bạn sẽ sống mãi mãi. Đó là ý nghĩa. Đó là lý do để tôi tin.

Khi Marc Oraison còn là bác sĩ phẫu thuật ở Bordeaux, ông hàng ngày chứng kiến những người chết đi, ngừng sống. Ông quyết định trở thành linh mục để trong bối cảnh của sự chết chóc phổ quát, thánh lễ được cử hành, và qua đó, sự Phục sinh được hiện diện ngay trong chính thánh lễ, giữa một vũ trụ nơi mọi thứ đều phải chết. Ông đã nói điều đó dài dòng nhiều lần trong các

cuốn sách của mình. Sự phục sinh thực sự là, vượt lên trên mọi cái chết, Sự Sống, là lỗ hổng trong vòng tròn của cái chết phổ quát, nơi mà, nếu không có nó, chúng ta thực sự bị giam cầm.

CHÚA KITÔ ĐÃ SỐNG LẠI TỪ CÕI CHẾT VÀ ĐÃ LÊN TRỜI [36]

Sự phục sinh

Chúng ta sẽ nghiên cứu ý nghĩa, tầm quan trọng của Bí ẩn. Một câu là đủ, tôi nghĩ, để nói lên điều cốt yếu: « Tình yêu mạnh hơn cái chết, với điều kiện nó phải mạnh hơn cả cuộc sống. » Tình yêu mạnh hơn cả cuộc sống, đó là hy sinh và cái chết; tình yêu mạnh hơn cả cái chết, đó là sự phục sinh. Nói cách khác, hy sinh, mà là một cái chết phần nào, và cái chết mà là hy sinh toàn bộ biến đổi cuộc sống theo xác thịt và huyết thành cuộc sống theo tinh thần. Mầu nhiệm Phục sinh - cái chết và sự phục sinh cùng nhau là một mầu nhiệm của sự biến đổi, sự biến đổi của con người xác thịt thành con người tinh thần và thậm chí là thần thánh qua sự tham gia.

---

36 Bản thảo : «Phục sinh - Thăng thiên - Phán xét», số 6 trong loạt bài về phần đầu tiên của Kinh Tin Kính được viết vào năm 1977-1978. - Bản sao : không có bản nào tương ứng với bản thảo này ; tuy nhiên, tôi đã xem xét một bản sao của Belleville: «Giải thích về những thay đổi trong Giáo hội phục sinh, điều đó có nghĩa là gì ?» (8 tháng 4 năm 1973).

Tình yêu là một khát vọng bất tử

Để hiểu điều này, như mọi khi, cần bắt đầu từ trải nghiệm và suy ngẫm về trải nghiệm được soi sáng bởi đức tin. Chính là kinh nghiệm mà chúng ta có về tình yêu đã thuyết phục chúng ta rằng trong con người có một khao khát bất diệt về sự bất tử.

Tôi không biết liệu sự bất tử của linh hồn có thể được thiết lập bằng một lập luận triết học hay không. Người ta có thể nghi ngờ về điều đó. Trước đây, các triết gia Kitô giáo, nói đúng hơn là các giáo sư Kitô giáo dạy triết học (ít nhất là trong giáo dục trung học) không nghi ngờ điều đó. Họ dạy rằng : cái gì thuộc về tinh thần là không thể bị hủy hoại ; mà linh hồn là thuộc về tinh thần ; do đó linh hồn là không thể bị hủy hoại, tức là bất tử. Đó là điều rất đơn giản. Hôm nay chúng ta làm việc chậm lại, và chúng ta từ chối sự phân đôi quá tiện lợi giữa linh hồn và cơ thể. Chúng tôi nghĩ rằng Gabriel Marcel đã đúng khi cảnh báo chúng ta về công thức : «Tôi có một cơ thể» mà theo ông, chúng ta nên ưu tiên công thức : «Tôi là cơ thể của mình.» Điều này có nghĩa là cơ thể và linh hồn không phải là hai thực tại có thể tách rời : linh hồn không có gì nếu không có cơ thể. Đó là lý do tại sao chủ nghĩa vô thần phủ nhận mọi sự bất tử.

Nhưng chính Gabriel Marcel, Kitô hữu và đã viết những trang tuyệt vời về hy vọng, đã đặt câu hỏi về sự bất tử theo một cách khác. Như thánh Augustin đã làm trong những *Cuộc Thú Tội* của ông, ông khẳng định sự bất tử từ trải nghiệm cái chết của một người thân yêu. Chúng ta phải chấp nhận, ông nói, cái chết của người thân yêu, chồng hoặc vợ, con cái hoặc anh em hoặc bạn bè, nhưng về bản chất cái chết này là không thể chấp nhận được.

Ông ấy làm rõ : không phải không thể chấp nhận vì yêu cầu của trái tim, không phải vì đau khổ, mà vì sự phản đối của tâm trí. Trái tim đau khổ, nhưng nó nói đồng ý. Hoặc nếu nó nói không, đó là vì nó nổi loạn ; nhưng nó nổi loạn một cách vô ích. Trong khi đó, tâm trí không thể không nói không. Tại sao ? Bởi vì nói với ai đó : «Anh yêu em», thì cũng đồng nghĩa với việc nói : «Em sẽ không chết đâu.» Trong lời «Anh yêu em» chân thành (và chắc chắn cần phải nhấn mạnh «chân thành», vì chúng ta biết rằng «anh yêu em» thường được nói ra một cách hời hợt, ở mức độ bề mặt nhất của con người), được khắc ghi bằng một chữ viết bí ẩn là «Em sẽ không chết» mà một cách kỳ diệu chống lại sự tuyệt vọng của sự mất mát và sự hiển nhiên của cái chết.

Như Étienne Borne đã nói, Gabriel Marcel đã mang lại cho câu «Chào mừng sự bất tử» nổi tiếng một giá trị triết học mà Baudelaire đã gửi đến «người rất yêu quý, người rất đẹp» trong tác phẩm *Những Đóa Hoa Xấu*. Chúng ta biết đến bài thơ tuyệt vời có tựa đề Hymne :

Gửi người rất yêu, người rất đẹp,
Ai làm đầy trái tim tôi bằng ánh sáng,
Gửi thiên thần, gửi thần thánh bất tử,
Chào mừng sự bất tử !

Cô ấy lan tỏa trong cuộc đời tôi
Như không khí thấm đượm vị muối,
Và trong tâm hồn chưa thỏa mãn của tôi
Đổ vào vị của sự vĩnh cửu.

Làm thế nào, tình yêu bất diệt,
Để bày tỏ mình với sự thật ?
Hạt nhục đậu khấu nằm, vô hình,
Trong sâu thẳm của cõi vĩnh hằng của tôi !

Gửi người rất tốt, người rất đẹp,
Ai mang lại niềm vui và sức khỏe cho tôi,
Gửi thiên thần, gửi thần thánh bất tử,
Chào mừng đến với sự bất tử !

Những người trẻ tuổi, những người yêu Baudelaire và thường yêu sớm, nên tiếp thu bài học mà nhà thơ dành cho họ, bài học về sự chân thật trong tình yêu : tình yêu chân thật là không thể bị tha hóa, *không thể bị phá hủy* ; nó đòi hỏi sự tồn tại; nó giống như một *tiếng gọi của vô hạn* (theo nghĩa mà người ta nói về một tiếng gọi của không khí). Nhưng nếu tình yêu đòi hỏi sự vô hạn, nó không thể cho đi. Anh ấy nói với người yêu: «Em sẽ không chết», nhưng người yêu chết. *Anh ta tuyên bố về sự vĩnh cửu* (như Baudelaire đã nói, anh ta đổ vào chúng ta vị giác của sự vĩnh cửu), n*hưng thực ra, anh ta thuộc về thế giới của cái chết*, anh ta bị giam cầm như chúng ta trong vòng tròn của sự hữu hạn, *với sự cô đơn và sức mạnh hủy diệt của mình*. [37] Nghịch lý thật khắc nghiệt.

Sống sót bằng chính mình hay bằng người khác ?

Chính từ nghịch lý này mà tất cả chúng ta đều sống hơn hoặc kém, chúng ta có thể hiểu được ý nghĩa của bí tích phục sinh trong Kitô giáo. Đó là chiến thắng của tình yêu trên cái chết: đó là tình yêu mạnh hơn cái chết. Nhưng làm thế nào tình yêu có thể mạnh hơn cái chết? Điều gì có thể khiến tôi trở nên bất tử? Vì cuối cùng thì

37 J. Ratzinger, Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay, tr. 213-216.

chắc chắn tôi sẽ trở thành bụi; không có gì có thể làm cho tôi không trở thành cát bụi; không gì có thể ngăn cản tôi khỏi phải chết. Tôi chỉ có thể tồn tại trong một người khác, một người khác còn tồn tại khi tôi không còn tồn tại nữa.

Cần phải hiểu rõ tại sao Kinh Thánh liên kết chặt chẽ tội lỗi và cái chết, tại sao thánh Phaolô ví dụ khẳng định rằng «cái chết là phần thưởng của tội lỗi». Tội lỗi, về bản chất, là một sự khẳng định về tự chủ ; kẻ phạm tội là người muốn trở thành «như Thiên Chúa», tức là *tồn tại vĩnh viễn trong chính mình và bởi chính mình*. Nhưng con người không thể tồn tại trong chính mình và bởi chính mình : muốn điều đó, khao khát điều đó, thực ra là tự giao mình cho cái chết.

Nhưng làm thế nào để tồn tại trong một người khác, hoặc trong những người khác ? Có nhiều con đường có thể. Con người đã thử tất cả các cách. Có hai điều chính.

Đầu tiên, người ta muốn sống mãi trong con cái của mình, kéo dài sự sống, như người ta nói, trong con cái và cháu chắt của mình. Đó là lý do tại sao các dân tộc nguyên thủy luôn coi độc thân và vô sinh là một lời nguyền : không có con cái, đó là sự không thể tồn tại ; và có nhiều con cái, đó là có nhiều cơ hội tồn tại, đó là một phước lành.

Sau đó, chúng ta tìm cách sống mãi trong ký ức của con người, chúng ta khao khát vinh quang. Và người ta nói đúng, thực sự, khi nghe Mozart hoặc khi ngắm nhìn Rembrandt, rằng họ vẫn luôn sống giữa chúng ta. Cách nói, tất nhiên ! Không ai nhầm lẫn : cả Rembrandt lẫn Mozart đều không còn sống; và tôi, người nghe họ hoặc ngắm họ, cũng sẽ không nghe họ hay ngắm họ mãi mãi; tôi sẽ gia nhập họ trong một trong những nghĩa trang vô số trên trái đất.

Thật ra, tôi không thể sống sót trong một người khác trừ khi có một Đấng khác cũng vĩnh cửu, và yêu tôi đủ để đón nhận tôi trong Ngài. Chúng ta chỉ có thể bất tử trong Thiên Chúa, nếu Thiên Chúa là Tình Yêu. Chỉ có một Thiên Chúa yêu tôi mới có sức mạnh, không phải để ngăn tôi chết, mà để làm cho tôi sống lại. Chỉ có tình yêu là mạnh hơn cả cái chết.

Vẫn cần thiết rằng trong tôi tình yêu mạnh hơn sự sống. Từ này có trong Kinh Thánh dưới dạng sau : «Không có tình yêu nào lớn hơn việc hy sinh mạng sống vì những người mình yêu thương» (Ga 15, 13). Đó chính là định nghĩa của tự do. Tự do, là không trở thành nô lệ (đó là sự thật hiển nhiên !). Nhưng con người làm bằng thịt và máu bị nô lệ nhất bởi điều gì, nếu không phải bởi một ý muốn sống theo thịt và máu ? Chúng ta

biết rõ rằng việc hèn nhát, dù trong hoàn cảnh nhỏ bé hay lớn lao, luôn luôn là lo lắng chủ yếu về việc bảo vệ sự thoải mái, tài sản, đặc quyền, vị trí của mình trên thế giới này, sức khỏe của mình, nói tóm lại là những gì người ta gọi là cuộc sống. Chúng ta là nô lệ khi chúng ta bám chặt vào những gì chúng ta là và những gì chúng ta có.

Chỉ trong Chúa Giê-su, tình yêu mạnh hơn cả sự sống

Platon đã nói: «Chỉ những ai xứng đáng được yêu mới xứng đáng tồn tại.» Điều mà Platon không biết, và điều mà chúng tôi, những người Kitô hữu, tin tưởng bằng cả tâm hồn mình, là chỉ có người yêu thương mới xứng đáng được yêu. Vì vậy, chỉ có người yêu mới xứng đáng tồn tại. Bởi vì chỉ có người đó mới tự do, chỉ có người đó mới là một con người.

Nhưng, trong lịch sử nhân loại, chỉ có một người hoàn toàn tự do, vì chỉ có một người yêu thương một cách hoàn hảo. Chỉ có một người là con người trọn vẹn. Chúng ta, chúng ta cố gắng yêu ; chúng ta xây dựng tự do của mình một cách khó khăn, suốt ngày này qua năm nọ ; chúng ta vẫn là nô lệ của nhiều thứ và theo nhiều cách ; chúng ta bám víu vào những gì mình có và vào tất cả những gì chúng ta biết chắc sẽ phải chết ; chúng ta dính chặt vào cuộc sống dưới hình thức nô lệ và do

đó là sự chết chóc. Chúng ta bị ràng buộc nhiều hơn là tự do. Trong chúng ta, cuộc sống, cuộc sống hiện tại, cuộc sống sinh học, cuộc sống hữu hạn mạnh mẽ hơn tình yêu.

Chỉ trong Chúa Giê-su (tôi để sang một bên trường hợp của Maria mẹ Ngài), tình yêu đã mạnh hơn cả sự sống. Cái chết của Ngài là cái chết của một người hoàn toàn tự do, hoàn toàn tách rời khỏi bản thân và mọi thứ, hoàn toàn yêu thương. Làm thế nào mà Thiên Chúa không chào đón ông ấy trong Ngài, để ông ấy sống mãi mãi trong Ngài ? Đức Kitô chỉ sống bởi Chúa Cha và vì Chúa Cha, tức là sống trong một Đấng khác hơn là trong chính mình. Đó là tình yêu : sống vì người khác. Nhưng sống trong người khác, thì đúng là chết cho chính mình. Nói rằng Chúa Giê-su đã sống lại, hoặc rằng Chúa Cha đã làm cho Chúa Giê-su sống lại, thì có nghĩa là, đối với người đàn ông hoàn toàn là người mà tình yêu đã mạnh hơn cả sự sống, tình yêu sẽ mãi mãi mạnh hơn cả cái chết. Ngài đã sống lại, Ngài Hằng sống.

Vì vậy, chúng ta có thể hiểu được đề xuất này mà trước đây có thể đã có vẻ hơi bí ẩn : tình yêu mạnh hơn cái chết, với điều kiện rằng nó phải mạnh hơn cả cuộc sống.

Đức Kitô phục sinh là nền tảng cho sự bất tử của chúng ta

Đối với chúng ta, những kẻ tội lỗi, những người yêu thương ít và yêu thương sai cách vì chúng ta bám chặt vào xác thịt và máu, đối với chúng ta, những người chỉ phần nào ưu tiên người khác hơn chính mình, và tự tạo ra nhiều ảo tưởng, rõ ràng rằng, nếu chúng ta bị bỏ mặc cho chính mình, chúng ta sẽ không thể sống lại. Và cuối cùng, sự tồn tại của con người sẽ trở nên vô nghĩa, vì lời hứa «Con sẽ không chết» mà chúng ta ngầm nói với những người chúng ta yêu thương sẽ mãi mãi không được thực hiện. Nhưng Đức Kitô phục sinh, Ngài nói với chúng ta : «Con sẽ không chết. » Ngài nói với chúng ta như thế, vì Ngài nói với chúng ta : «Ta yêu con.»

Miễn là chúng ta không hoàn toàn bị giam cầm trong sự ích kỷ của mình - điều này có thể đúng với những kẻ bị nguyền rủa -, trong chúng ta, có thể được chôn sâu trong bản thể của mình, và ẩn giấu trước mọi ánh mắt ngoại trừ của Ngài, có điều gì đó xứng đáng được yêu thương, do đó xứng đáng để tồn tại vĩnh cửu. Đó là điểm bí ẩn trong chính chúng ta, mà chúng ta có thể hy vọng rằng nó đã tồn tại trong Judas, trong Hitler, trong Stalin, mà Đức Kitô đã chạm đến bằng quyền năng tha thứ của Ngài. Tha thứ không phải là xóa bỏ mọi thứ. Tha thứ

là tái tạo, làm lại, hồi sinh. Khi tha thứ cho chúng ta, Đức Kitô làm cho chúng ta sống lại, khiến chúng ta, bất chấp sự tầm thường khủng khiếp của mình, có khả năng sống đời sống thần thánh vĩnh cửu. Chúng ta phải cố gắng lắng nghe, trong sự tĩnh lặng cầu nguyện, trong sự im lặng chú ý của đức tin, Đức Kitô đang nói với chúng ta : «Bạn sẽ không chết.» Chính Ngài, và chỉ Ngài, là người đặt nền tảng cho sự bất tử của chúng ta.

Cuộc sống được phục sinh là một cuộc sống được biến đổi, hoặc, nếu muốn, được biến hình. «Hình thức của thế gian này qua đi», thánh Phaolô nói (1 Cr 7, 31). Chỉ là hình bóng. «Thật đáng ngạc nhiên, cha Teilhard de Chardin đã viết, rằng rất ít trí óc có thể... nắm bắt được khái niệm biến đổi.» Có lúc điều đã biến đổi đối với họ dường như là điều cũ không thay đổi, có lúc họ chỉ thấy điều hoàn toàn mới mẻ trong đó.

Trên thiên đàng, chúng ta sẽ vẫn là chính mình ; chính tôi, chứ không phải ai khác ngoài tôi, sẽ thấy Thiên Chúa trong vinh quang của Ngài và sẽ sống bằng cuộc sống của Ngài, yêu thương như Ngài yêu thương. Chúng ta sẽ không bị hấp thụ, bị tiêu diệt, mà được đưa đến một trạng thái hoàn toàn khác, được tái sinh, biến hình, biến đổi. Tôi sẽ không trở thành một người khác, tôi sẽ vẫn là chính mình, nhưng trở thành một người

hoàn toàn khác.

«Thân thể của chúng ta, theo lời của Cha de Lubac, không được định sẵn, nhờ vào hiệu ứng của sự phục sinh mà chúng ta được hứa hẹn, để bắt đầu lại một cách vô tận cuộc sống trần tục và xác thịt của nó, chỉ được nâng cao hơn hoặc ít hơn bởi những đặc tính kỳ diệu ; thân thể của chúng ta được hứa hẹn, không phải để hồi sinh bất kỳ cách nào, mà là để biến đổi hoàn toàn, điều này sẽ biến nó thành, như thánh Phaolô đã nói, một «thân thể thiêng liêng». Tuy nhiên, điều gì đúng với thân thể cá nhân của chúng ta cũng đúng với thân thể tập thể rộng lớn mà nhân loại xây dựng qua các thế hệ. Hình dạng hiện tại của nó (hình dạng hiện tại của nó) là tạm thời... Vũ trụ cũng được hứa hẹn, trong Chúa Thánh Thần, sẽ trải qua sự Biến Hình vĩ đại» (Cha Teilhard viết «Biến Hình» với chữ cái đầu tiên viết hoa, vì từ này có ý nghĩa rất quan trọng đối với ông).

Lễ Thăng Thiên

Kinh Tin Kính sau đó nói : «Đã lên trời và ngự bên hữu Đức Chúa Cha.» Trong mức độ nào đó, những người đương thời của chúng ta có bị lừa bởi những hình ảnh, ba hình ảnh được kết hợp trong câu nhỏ này không? Thành thật mà nói, tôi không biết. Vấn đề chắc chắn nảy sinh trong việc giáo dục trẻ em : «lên» có nghĩa là gì (Đức Kitô đã lên) ? «Ngự» có nghĩa là gì ? «Bên phải» (bên phải của Chúa Cha) có nghĩa là gì ?

Hình ảnh và thực tế

Chắc chắn là để giúp các nhà giáo dục, các nhà thần học trong những cuốn sách gần đây nhấn mạnh sự cần thiết phải vượt qua các hình ảnh để giải mã ý nghĩa của chúng. Ví dụ, đây là những gì tôi đọc trong một trong những cuốn sách đó : «Thăng thiên. Từ này gợi nhớ đến núi Mont Blanc, Everest hoặc đỉnh Lénine. Và tất cả trang bị của một người leo núi... Thăng thiên : hình ảnh này diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau những khát vọng cơ bản của con người : sự «thăng tiến» của các dân tộc kém phát triển, sự «tăng trưởng mức sống», sự «thăng chức trên thang bậc xã hội», niềm vui sướng của người thấy «tăng» vàng, đô la hoặc cổ phiếu của mình, «leo» thứ hạng và sự nổi tiếng của mình. Những biểu

thức tượng trưng này, những chuyển động theo chiều dọc này không lừa dối ai cả : chúng ta chơi với hình ảnh như một nghệ sĩ organ chơi Bach với các ống. Những ống chỉ là những ống, những hình ảnh chỉ là những hình ảnh.» [38] Được thôi, tôi đồng ý! Chắc chắn rằng đây là cách cần thiết để nhấn mạnh với trẻ em.

Tôi vẫn bị ấn tượng khi thấy hồng y Ratzinger, người viết sách cho những người có học thức, cũng nhấn mạnh như vậy. Vì vậy, có thể điều đó là cần thiết. «Nói về sự thăng thiên lên trời hoặc sự xuống địa ngục (và thậm chí, trong Kinh Tin Kính Nicê, sự xuống của Ngôi Lời vĩnh cửu xuống đất : «Vì chúng ta, loài người và để cứu độ chúng ta, Ngài đã từ trời xuống thế») phản ánh, trong mắt thế hệ của chúng ta được Bultmann đánh thức bởi sự phê phán, hình ảnh thế giới ba tầng mà chúng ta gọi là huyền thoại và coi là đã lỗi thời vĩnh viễn. Dù ở trên hay ở dưới, thế giới ở khắp mọi nơi và luôn luôn là thế giới ; nó được chi phối bởi cùng một định luật vật lý, nó có thể được khám phá ở bất cứ đâu bằng những phương pháp giống nhau, về cơ bản. Không có tầng... Khái niệm về một thế giới ba tầng, theo nghĩa địa phương, đã biến mất. Nhưng có phải chính quan niệm này mà các điều khoản tín điều về sự xuống địa ngục và sự thăng thiên của Chúa muốn khẳng định không ? Chắc chắn nó đã

38 Th. Rey-Mermet, Tin, Droguet & Ardant, 1976, I, tr. 267.

cung cấp những hình ảnh mà đức tin đã hình dung ra những bí ẩn này, nhưng cũng chắc chắn rằng nó không phải là phần cốt lõi của thực tại được khẳng định». [39] Không có ba tầng vũ trụ, mà có ba chiều kích siêu hình của sự tồn tại con người.

Từ điển Tân Ước nói gì về từ «Lễ Thăng thiên» ? Từ điển nói như thế này : «Cảnh được báo cáo bởi Luca, và được ghi nhận trong phần kết thúc của Marc. Hai khía cạnh đặc trưng cho nó. Với tư cách là sự chia ly, nó nói đến sự chấm dứt của một kiểu quan hệ nhất định giữa Đức Kitô và các môn đệ của Ngài, cho đến khi Ngài trở lại. Với tư cách là sự nâng lên đến tận cùng, hoặc sự thăng thiên, nó tượng trưng cho sự tôn vinh, sự vinh quang hoặc quyền lãnh đạo của Đức Kitô hiện diện trong toàn vũ trụ». [40]

Sự tôn vinh : đáng để tìm kiếm trong cùng một Từ điển những gì được nói về từ này : « ể nói rằng Chúa Giê-su Ki-tô là Chúa trong vinh quang, sống mãi mãi sau cái chết của Ngài, có một ngôn ngữ nguyên thủy khác ngoài Ngày Phục Sinh : đó là Sự tôn vinh. Nó nằm trong truyền thống Do Thái theo đó Thiên Chúa nâng cao người đã bị hạ thấp và bảo vệ người công chính

---

39 J. Ratzinger, sđd., tr. 221

40 X. Léon-Dufour, Từ điển Tân Ước, Seuil, 1975, tr. 130

khỏi cái chết bằng cách đưa họ lên trời (ví dụ như Ê-li). Ngôn ngữ này giả định một thần học được phát triển từ một vũ trụ học ba tầng : thiên đàng, ở trên cao, nơi Ngài Tối Cao ngự trị ; trái đất, ở dưới, nơi con người sống; địa ngục, ở bên dưới, nơi có những người chết... Các văn bản khác không giữ lại hình ảnh của sự thăng thiên : Chúa Giê-su đã «vào (không phải lên) trời» (He 9, 24), «Ngài đã ra đi khỏi đây» (Ac 1, 10)». [41]

Cuối cùng tôi đã đọc những gì được nói trong cùng một Từ điển về từ «Bên phải» (Đức Kitô ngự bên phải Thiên Chúa) : «Định nghĩa chỉ ra phía cao quý hơn của con người (tay hoặc má). Bên phải cũng chỉ về Quyền năng thần thánh». [42] Đức Kitô ngự bên hữu của Quyền Năng Thiên Chúa : điều đó có nghĩa là Ngài tham gia vào Quyền Năng đó, Ngài ngang hàng với Thiên Chúa về Quyền Năng, Ngài Toàn Năng như Thiên Chúa, sau cùng là Ngài là Thiên Chúa.

Còn một từ nữa cần giải thích, không phải trong Kinh Tin Kính mà trong sách thánh Luca : đó là từ «mây». Nhà thần học nói cho chúng ta về núi Mont Blanc, về ba-lô và cái chùy, nói về khí tượng học ở đây : «Có cần phải nhắc đi nhắc lại, ông ấy nói : Đám Mây này đã và

41 Id., tr. 248
42 Id., tr. 216.

sẽ không liên quan gì đến khí tượng học ?» [43] «Không phải là đám mây báo hiệu mưa hay mang lại bóng râm. Đám mây trong Kinh Thánh là điều biểu lộ sự hiện diện của Thiên Chúa mà không tiết lộ bí mật của Ngài, vừa chỉ ra Ngài vừa che giấu Ngài». [44] Đám mây mà theo thánh Luca, che khuất Đức Kitô khỏi tầm nhìn của các tông đồ, chính là đám mây đã dẫn dắt người Do Thèai trong sa mạc và đậu trên hòm giao ước, chính là đám mây từ đó tiếng của Chúa Cha vang lên vào lúc Chúa Giêsu chịu phép rửa, đám mây của biến hình trên núi Tabor, và đám mây mà Đức Kitô sẽ trở lại vào cuối lịch sử để phán xét kẻ sống và kẻ chết. Đám mây trong Kinh Thánh vừa mờ vừa sáng : đó là một yếu tố thiết yếu trong ngôn ngữ của các biểu hiện của Thiên Chúa.

Thiên đàng : cuộc gặp gỡ thân mật giữa Thiên Chúa và con người

Nói như vậy, thiên đàng, hoặc các tầng trời, nơi mà Chúa Giêsu «lên», chính xác là sự gần gũi của Thiên Chúa. Những gì các tín hữu Kitô giáo gọi là «thiên đàng», không phải là một nơi vĩnh cửu, siêu thế giới, một lĩnh vực siêu hình. Đó không chỉ là Chúa. *Thiên đàng là sự tiếp xúc giữa bản thể của con người với bản*

---

43 Th. Rey-Mermet, ibid., tr. 272

44 X. Léon-Dufour, Từ điển Tân Ước, tr. 391

thể của Thiên Chúa, cuộc gặp gỡ thân mật giữa Thiên Chúa và con người.

Guardini có một câu khiến người ta suy nghĩ : «Chỉ có Kitô giáo dám đặt một thân xác con người vào trong chiều sâu của Thiên Chúa.» Rõ ràng, điều đó không thể nào tưởng tượng nổi. Hơn bao giờ hết, ở đây, cần phải chế ngự trí tưởng tượng một cách nghiêm khắc. Một người nơi trung tâm của Ba Ngôi. Một người ngang hàng với Cha và Thánh Thần.

Và nếu chúng ta nhớ đến lời của Chúa Giê-su, trong sách Thánh Gioan, vào buổi tối của Thứ Năm Tuần Thánh : «Thầy sẽ chuẩn bị cho các con một chỗ ở» (Gioan 14, 2), hoặc lời khác : «Thầy muốn rằng nơi Thầy ở, các con cũng ở đó với Thầy» (Gioan 14, 3), chúng ta phải kết luận : thiên đàng là tương lai của con người, tương lai của nhân loại. Nếu có một con người được vinh quang nơi trung tâm của Ba Ngôi, đó là để toàn thể nhân loại vĩnh viễn ở trong con người này, Chúa Giêsu Kitô, ở trung tâm của Ba Ngôi. Lễ Thăng Thiên là dấu hiệu khai mở thiên đàng, nói một cách chính xác, là điều làm cho nó tồn tại.

Lễ Thăng Thiên cũng là, theo một nghĩa mà cần phải hiểu, sự ra đi cần thiết của Đức Kitô. Một sự ra đi mà thực chất là một cách hiện diện mới, không còn bên

ngoài và địa phương nữa, mà bên trong và phổ quát. Sự hiện diện thật sự, theo cách của sự vắng mặt. Nếu Chúa Giêsu không «thăng thiên» lên trời, Ngài sẽ vẫn ở với chúng ta, giữa chúng ta, nhưng bên cạnh chúng ta, bên ngoài chúng ta, như tôi bên ngoài các bạn và như các bạn bên ngoài tôi. Nhưng, thánh Phaolô nói, Ngài đã lên trời «để hoàn tất mọi sự» (Ep 4, 10).

Sự Thăng Thiên của Đức Kitô là tôn trọng tự do của chúng ta

Và tuy nhiên, Lễ Thăng Thiên là một sự ra đi của Đức Kitô, theo nghĩa là chúng ta không còn có thể, vào lúc chúng ta phải đưa ra quyết định, hỏi Ngài để Ngài chỉ cho chúng ta phải làm gì. Chắc chắn chúng ta có thể, và thậm chí chúng ta phải hỏi trong cầu nguyện Đấng đang ở trong chúng ta nhiều hơn chính chúng ta. Nhưng Ngài không trả lời chúng ta bằng cách lấy đi trách nhiệm của chúng ta đối với các quyết định và hành động của chúng ta. Một câu nói của Chúa Giê-su, trong Bài Giảng sau Bữa Tiệc Ly, rất đáng chú ý : «Có ích cho các con khi Thầy ra đi, vì nếu Thầy không đi, Thánh Linh sẽ không đến với các con.» (Gioan 16, 7).

Chúa Thánh Thần, thực vậy, không phải là người ra lệnh quyết định, Ngài là Đấng truyền cảm hứng. Chúa sẽ luôn từ chối viết câu chuyện của chúng ta. Nếu Ngài

làm như vậy, chúng ta không thể nói rằng Ngài yêu chúng ta, vì Ngài sẽ đồng ý để chúng ta mãi là trẻ con, là vị thành niên, dám nói là những đứa trẻ. Chúng ta diễn đạt không đúng khi nói rằng Chúa có một kế hoạch cho con người. Sau tất cả, phẩm giá của tôi với tư cách là một con người không cho phép tôi chấp nhận rằng ai đó có một kế hoạch cho tôi (dù người đó có là Chúa!). Có nhiều lý do sâu sắc cho chủ nghĩa vô thần ở đây. Điều thật sự không phải là Chúa có một kế hoạch cho con người, mà con người là kế hoạch của Chúa. Đó là một điều hoàn toàn khác.

Chúa muốn chúng ta là những người trưởng thành, tức là những người lớn có trách nhiệm, tự xây dựng tự do của chính mình, tự viết nên câu chuyện của chính mình. Sự ra đi của Đức Kitô, sự Thăng Thiên của Ngài, chủ yếu là sự tôn trọng tự do của chúng ta. Không còn có thể trông cậy vào Ngài để Ngài chỉ dẫn cho chúng ta hành động cần thực hiện hoặc quyết định cần đưa ra. Claudel dịch rất tốt, theo cách của ông, câu nói của Chúa Giê-su : «Thật là có lợi cho các con khi Thầy ra đi, vì nếu Thầy không ra đi, Thánh Linh sẽ không đến với các con» bằng cách viết : «Thầy phải che giấu khuôn mặt của Thầy để các con có được linh hồn của Thầy.»

Khi Đức Kitô biến mất trong đám mây, các tông đồ, theo lời thánh Luca, tiếp tục ngước mắt lên trời. Nhưng không còn gì để thấy nữa, không còn khuôn mặt. Vậy thì các thiên thần nói với họ : «Hỡi Người Galilê, sao còn đứng nhìn trời mãi như vậy ?» (Cv 1, 9). Ngụ ý là đừng lãng phí thời gian của bạn. Bạn có một nhiệm vụ cần hoàn thành. Và để hoàn thành nhiệm vụ này, các bạn sẽ cần phải thể hiện trí thông minh và lòng dũng cảm. Các bạn là những con người : các bạn có lý trí và trái tim. Với trí tuệ và trái tim này, hãy đắm mình vào thế giới.

Nhưng thế giới rất phức tạp, và nó cũng rất độc ác. Có những con sói, và Thầy gửi bạn như những con chiên giữa những con sói. Hoặc một hình ảnh khác mà Chúa Giê-su đã sử dụng : «Hãy khôn ngoan như rắn và đơn sơ như bồ câu» (Mt 10, 16). Nói cách khác, bạn không thể miễn trừ việc phân tích càng chính xác càng tốt các tình huống đạo đức, văn hóa, kinh tế, chính trị từ đó bạn sẽ phải quyết định phải làm gì. Các bạn là những người trưởng thành. Hãy dựa vào Chúa Thánh Thần trong bạn để giữ cho bạn một tâm hồn như chiên hoặc bồ câu, nhưng đừng dựa vào Ngài để đưa ra những giải pháp có sẵn. Người Kitô hữu không được miễn trừ khỏi việc trở thành con người. Chúng ta không phải là con người chỉ bằng cách tuân theo các chỉ thị. Chúa, người yêu

thương con người, không đưa ra chỉ thị cho họ. Chúa Giêsu nói : «Có lợi cho các con khi Thầy ra đi.» Và Ngài đã ra đi.

Đó là cách Ngài hiện diện sâu sắc nhất với chúng ta. Trí tưởng tượng của chúng ta lang thang khi nó muốn thuyết phục chúng ta rằng nếu Đức Kitô phục sinh «ngự bên hữu Thiên Chúa Cha Toàn Năng», tức là nếu Ngài ở trên trời, Ngài không còn ở dưới đất ; nếu Ngài ở trên cao, Ngài không còn ở dưới thấp. Chắc chắn chúng ta tin rằng Ngài xuống bàn thờ để hiện diện trong Bánh Thánh đã được thánh hiến. Người ta thường sử dụng động từ «xuống» trước đây, điều này chỉ càng củng cố ảo tưởng.

Chúng tôi nói : thiên đàng là sự tiếp xúc giữa bản thể của con người với bản thể của Thiên Chúa, cuộc gặp gỡ thân mật giữa con người và Thiên Chúa. Vì vậy, nơi nào có Thiên Chúa, nơi đó có Đức Kitô. Đức Kitô với thân xác và linh hồn của con người, giống như Thiên Chúa, hiện diện khắp mọi nơi. Nhưng chính ở đó trí tưởng tượng của chúng ta có nguy cơ chơi xấu chúng ta. Chúng ta để mình tưởng tượng ra một cơ thể giống như cơ thể trần gian, sinh học của chúng ta, được phóng đại đến kích thước của thế giới. Một chút như, ngược lại, chúng ta để mình tưởng tượng ra thân thể của Đức

Kitô như được «thu nhỏ» lại thành vô cùng nhỏ bé trong một mảnh bánh thánh đã được thánh hiến. Điều đó thật vô lý, và vì chúng ta cảm thấy rõ ràng rằng điều đó thật vô lý, chúng ta lại buông thả, điều này còn tồi tệ hơn, để tưởng tượng ra một Đức Kitô không còn thân xác.

Như cha Rey-Mermet viết một cách vui đùa : «Người không bỏ lại cơ thể của mình như một mô-đun mặt trăng trở nên vô dụng! Cũng như hình dung một Rubinstein sẽ bỏ chiếc piano của mình đi!» [45] Chúng ta có thể đánh giá khác nhau về loại hài hước này, thậm chí có thể bị chọc tức bởi nó. Được thôi ! nhưng vậy thì hãy rất kiên quyết về điều này, mà cùng một nhà thần học đó đã nói ra bằng những từ ngữ xuất sắc : «Nếu Thiên Chúa đã trở thành người, thì không phải để từ chối chính những gì đã làm cho Ngài trở thành người, những gì đã xây dựng nên nhân cách của Ngài như một con người.» Điều đó sẽ khiến Ngài không còn là một con người nữa... Đức Đức Kitô phục sinh do đó được giải phóng, không khỏi vật chất, mà khỏi những giới hạn trần gian của vật chất. Ở thế gian này, thân xác của Ngài, nơi mà mọi cuộc gặp gỡ diễn ra, cũng là một rào cản và trở ngại. Phục sinh, cơ thể này không còn là gì khác ngoài một phương tiện giao tiếp tuyệt vời với tất cả các anh em nhân loại của mình, hoàn toàn gần gũi với tất cả mọi người cùng một

45 Th. Rey-Mermet, ibid., tr. 279.

lúc và với từng người như thể anh ta chỉ có một mình.

Đó là trách nhiệm của chúng ta, tôi nhắc lại, để đưa ra những quyết định phù hợp cho sự xuất hiện của một thế giới nhân văn hơn, nhưng Đức Kitô hiện diện trong từng quyết định nhân văn đó để ban cho chúng một chiều kích thần thánh. Đức Kitô hiện diện và hoạt động để thánh hóa những gì chúng ta nhân hóa. Để đưa chúng ta vượt qua, không phải ngày mai, mà hôm nay, từng ngày, từng quyết định (tôi nói «vượt qua», vì từ «Pâques» có lẽ có nghĩa là «sự vượt qua») từ đất đến trời (trời là sự gần gũi với Thiên Chúa). Đó là điều cốt lõi của đức tin.

Phần hai

ĐÓN NHẬN HỒNG ÂN THIÊN CHÚA

ĐỨC MẸ MARIA [46]

Chúng tôi khẳng định, trong Kinh Tin Kính của chúng tôi, rằng Chúa Giêsu, sinh ra bởi Đức Trinh Nữ Maria, đã được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần. Đó là một tuyên bố gây sốc cho lý trí, không thể chối cãi. Làm sao mà chúng ta không cảm thấy phẫn nộ trước ý tưởng rằng một người đàn ông nhỏ bé đã được hình thành mà không có sự can thiệp của một yếu tố nam giới? Làm thế nào một người phụ nữ có thể vừa là trinh nữ vừa là mẹ? Đó chính là điều mà các tín đồ Kitô giáo dám khẳng định một cách bình thản như một điểm cốt lõi trong đức tin của họ.

Sự thụ thai đồng trinh của Đức Kitô là một sự kiện

Không có lý do gì để ngạc nhiên khi người ta luôn cố gắng giảm thiểu chứng cứ của Phúc Âm về điểm này, để giảm bớt tầm quan trọng của nó. Người ta đã muốn phân biệt các lớp văn học khác nhau trong việc biên

---

46 Bản thảo : «Được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần, sinh ra bởi Trinh Nữ Maria», số 4 trong loạt bài về phần đầu tiên của Kinh Tin Kính được viết vào năm 1977-1978. Cha Varillon dựa vào J. Ratzinger, Đức tin Kitô giáo hôm qua và hôm nay, trang 189 đến 196. - Polycopie : không có ; nhưng tôi đã tham khảo một tài liệu có tiêu đề «Đức Mẹ Đồng Trinh, huyền thoại hay sự thật ?» được thực hiện tại Annecy (18 tháng 11 năm 1971).

soạn các văn bản của thánh Matthieu và thánh Luca. Người ta đã nhấn mạnh rằng các tác giả cổ đại hoàn toàn thiếu tinh thần phê phán hoặc khoa học. Người ta đã cố gắng giảm sự kiện này thành một biểu tượng : nói về sự thụ thai đồng trinh, người ta đã nói, có thể mang một ý nghĩa tuyệt vời, nhưng với điều kiện từ chối rằng đó là một sự kiện lịch sử.

Về điều này, tôi muốn ngay lập tức trích dẫn hai nhà thần học Lyon : Cha Duquoc, dòng Đaminh, và Cha George, dòng Marist. Người đầu tiên viết : «Cần phải khẳng định rằng không thể bảo tồn ý nghĩa của việc thụ thai đồng trinh một cách độc lập với tính lịch sử của nó. Đó là sự kiện khiến người ta suy nghĩ, chứ không phải giáo lý tạo ra một biểu tượng. Các tuyên xưng đức tin luôn hiểu như vậy. Không có lý do nghiêm túc nào để nghi ngờ chúng.» [47] Đó là điều chắc chắn và rõ ràng.

Về phần Cha George, ngài nói rõ : «'Sự kiện lịch sử' thực sự có nghĩa là gì ? Đó là một sự kiện mà chúng ta biết qua các chứng cứ mà chúng ta có thể đánh giá giá trị một cách phê phán. Sự tồn tại của Napoléon, trận chiến Waterloo theo nghĩa này là những sự kiện lịch sử, vì chúng được chứng thực một cách nghiêm túc. Cái chết của Đức Kitô, vào thời của Tibère, dưới

47 C. Duquoc, Kitô học I, Cerf, 1968, tr. 35.

quyền tổng trấn Philatô, cũng là một sự kiện lịch sử được chứng thực một cách nghiêm túc bởi cả tín đồ và người không tín, bởi các tông đồ, nhưng cũng bởi truyền thống Do Thái và bởi nhà sử học Tacite trong tác phẩm *Annales* của ông.

«Sự phục sinh của Chúa Giê-su có phải là một sự kiện cùng loại không ? Khẳng định rằng Chúa Giê-su đã sống lại, tức là nói rằng Ngài đã thoát khỏi các điều kiện chung của lịch sử, Ngài thoát khỏi không gian và thời gian trong hôm nay vĩnh cửu của Thiên Chúa. Khẳng định sự phục sinh của Đức Kitô chỉ có thể là việc của người tín hữu, người bước vào trật tự của đức tin qua khẳng định này, nơi mà người ta đạt được những thực tại vượt lên trên trật tự lịch sử thuần túy.

«Cũng như vậy đối với Sự Truyền Tin, điều này được trình bày như một trải nghiệm siêu nhiên và nội tâm. Một sự hiện ra của thiên thần, trong thần học nghiêm ngặt nhất, là một hiện tượng tâm linh, hoàn toàn nội tâm. Điều đó không có nghĩa là không có thực. Nhưng đó là một trật tự của những thực tại thuộc về một loại tri thức khác, và do đó, một hình thức chứng thực khác.

«Chỉ có Đức Maria mới biết rằng đứa trẻ của bà được thụ thai một cách đồng trinh. Trong chính nó, sự kiện này không thể thuộc về việc xác minh lịch sử, và nó

chỉ có thể được biết đến bởi chính Đức Maria. Theo những gì thánh Matthieu ghi lại, Đức Maria không nói gì với Giuse lúc đầu, và điều đó có vẻ rất hợp lý. Nhưng thánh Luca, người đã ghi lại sự Truyền tin, cũng nói với chúng ta, trong sách Công vụ Tông đồ (1, 14), rằng Đức Maria đã hiện diện trong Giáo hội mới thành lập sau khi Chúa Giêsu lên trời, rằng bà đã cầu nguyện cùng với các tín hữu đầu tiên. Có lẽ sau khi Chúa Giêsu sống lại và được công nhận là Thiên Chúa, người ta đã hỏi Đức Maria. Có lẽ Mẹ đã được hỏi về trải nghiệm của mình khi Chúa Thánh Thần được ban cho Giáo hội.

«Không ở đâu, đúng là, Tân Ước nói rằng Maria đã nói về sự thụ thai đồng trinh. Nhưng có những dấu hiệu. Ví dụ như thế này : thánh Luca nói với chúng ta hai lần: «Maria giữ những điều này trong lòng và suy ngẫm về chúng» (2, 19 và 51). Tuy nhiên, đó là một công thức được sử dụng nhiều lần trong sách Daniel khi nói đến một sự mặc khải mà người ta phải giữ lại cho tương lai, một thông điệp mà người ta chỉ nên truyền đạt sau này. Trong việc biên soạn sách phúc âm của mình, thánh Luca đã lấy cảm hứng rất nhiều từ sách Daniel. Khi ông nói với chúng ta rằng «Đức Maria đã giữ và suy ngẫm về những điều này trong lòng mình», đó chắc chắn là để chúng ta hiểu rằng bà không nói ngay lập tức. Khi Chúa Giêsu còn sống, bà đã im lặng. Chính Ngài phái

nói, nếu Ngài thấy cần. Nhưng khi Chúa Giêsu sống lại và Giáo hội sống bởi Thánh Thần, thì thật bình thường khi người ta quay sang Đức Maria để hỏi về những kỷ niệm của Mẹ.» Và Mẹ, người đã giữ gìn chúng một cách chính xác cho thời điểm đó, đã giao phó chúng cho thánh Luca.

Người ta cũng đã cố gắng đưa lời chứng của Phúc Âm *vào khuôn khổ của lịch sử các tôn giáo, nhằm trình bày sự thụ thai đồng trinh như một biến thể của một huyền thoại* phổ quát. Đó là một thực tế rằng *huyền thoại về sự ra đời kỳ diệu của đứa trẻ cứu thế rất phổ biến*. Ngày nay, nó đã được làm mới bởi Freud và phân tâm học. *Nó thể hiện nỗi hoài niệm của nhân loại : trinh nữ nguyên vẹn nhân cách hóa sự tươi mới và thuần khiết, sự mẹ hiền lành và tốt đẹp*. Phúc Âm có làm gì khác ngoài việc tiếp nhận những khát vọng mờ mịt của nhân loại hướng tới «trinh nữ - mẹ» ?

Một nghiên cứu sâu sắc sẽ cho thấy [48] rằng các câu chuyện của thánh Matthieu và thánh Luca không bắt nguồn từ lịch sử tôn giáo, mà từ Cựu Ước. Nhấn mạnh

48 Cha Varillon chỉ ra các cuốn sách sau : J. Danielou, Các sách phúc âm về thời thơ ấu, Seuil, 1967; X. Léon-Dufour, Từ điển Tân Ước, Seuil, 1975; Th. Rey-Mermet, Tin tưởng, I, Droguet & Ardant, 1976, cũng như các ghi chú bài giảng của Cha St. Lyonnet.

đặc biệt, cùng với hồng y Ratzinger, rằng có một sự khác biệt căn bản giữa Tin Mừng và các câu chuyện ngoại giáo liên quan đến huyền thoại về sự ra đời kỳ diệu. Trong các câu chuyện ngoại giáo, theo một nghĩa nào đó là nghĩa đen, sinh học, thì thần là cha của đứa trẻ cứu thế ; thần có một hoạt động theo cách nào đó là tình dục, thần sinh sản, thần thụ thai, đến nỗi sinh vật được sinh ra là một nửa thần, một nửa người.

Không có điều như vậy trong mầu nhiệm Nhập Thể. Chúa không phải là cha của Chúa Giêsu theo nghĩa sinh học, như thể Thánh Thần đã đặt một hạt giống vào lòng của Đức Maria. *Sự đồng trinh của Đức Maria không phải là nền tảng về nguồn gốc thiên tính của Chúa Giêsu. Chúa Giêsu không phải là nửa Thiên Chúa nửa người.* Ngài là Thiên Chúa thật và là người thật, tức là *hoàn toàn là Thiên Chúa và hoàn toàn là người*.

Ratzinger nghĩ, về phần mình (nhưng không phải tất cả các nhà thần học đều đồng ý với quan điểm của ngài), *rằng học thuyết về thiên tính của Chúa Giêsu sẽ không bị đặt ra nghi vấn nếu Chúa Giêsu xuất phát từ một cuộc hôn nhân bình thường*, nếu Ngài được thụ thai, như tất cả chúng ta, bởi sự kết hợp tình dục của một người đàn ông và một người phụ nữ. Ratzinger chắc chắn đúng ở chỗ các tông đồ đã tin vào thiên tính

của Chúa Giêsu nhờ vào sự phục sinh, tức là độc lập với việc Ngài được thụ thai bởi trinh nữ. Nhưng, ở các Giáo phụ của Giáo hội, khi họ lập luận chống lại những kẻ dị giáo để bảo vệ thiên tính của Đức Kitô, sự thụ thai đồng trinh vẫn đóng một vai trò quan trọng

Dù sao đi nữa, *việc thụ thai đồng trinh không có nghĩa là, đối với đức tin Kitô giáo, sẽ có một vị Thiên Chúa - con mới* ra đời. Đó là Con Thiên Chúa vĩnh cửu, tức là chính Thiên Chúa, làm người. Vì vậy, không phải trong khuôn khổ của lịch sử các tôn giáo mà người ta có thể giảm thiểu Tin Mừng chỉ còn là một biến thể của một huyền thoại.

Bản chất của vấn đề là Thiên Chúa là Cha của Chúa Giêsu, chỉ có một mình Chúa. Đức Kitô không phải là một sản phẩm của lịch sử nhân loại, nhân loại không sinh ra Ngài. *Ngài là Quà Tặng từ Trên Cao. Ngài không xuất phát từ bản chất của nhân loại, mà từ Thần Khí của Thiên Chúa. Ngài là, như thánh Phaolô đã nói, «Adam Mới»* (1 Cr 15, 47). Adam, đó là nhân loại. Với Đức Kitô, *một nhân loại mới bắt đầu.*

Ratzinger lưu ý rằng nếu người ta cho phép việc thụ thai đồng trinh có một ý nghĩa hoàn toàn biểu tượng, *nếu người ta loại bỏ sự kiện này*, như nhiều người có xu hướng làm ngày nay, *thì chỉ còn lại những lời nói trống*

rỗng, và theo nghĩa đen, là thiếu trung thực.

Nhiệt huyết và sự khiêm tốn của đức tin trong Giáo hội

Kinh Tin kính rất tiết chế. Chúng ta cũng nên rất tiết chế, đặc biệt khi nói về Maria. Sự thái quá và thiếu kiềm chế trong lời nói luôn dẫn đến việc hạ thấp những gì ta muốn tôn vinh. Với những ý định tốt nhất trên thế giới, chúng ta cho phép trí tưởng tượng, cảm xúc, và cả sự tò mò tự do phát triển. Và chúng ta có thể quên rằng Tin Mừng yêu cầu phải làm chết đi sự tò mò, trí tưởng tượng và nhạy cảm trước mầu nhiệm của Thiên Chúa, những điều thường bộc lộ ở mức bề mặt và đánh đổi chiều sâu.

Sự tiết chế không loại trừ sự ấm áp. Sự thân mật thực sự không khô khan cũng không lạnh lẽo. Có một lời khen tuyệt vời trong sự im lặng đầy yêu thương. Khen ngợi ai đó thực sự là cho họ biết rằng họ xứng đáng được yêu thương. Tuy nhiên, điều đó được thể hiện một cách hùng hồn hơn bằng một cái nhìn đơn giản hơn bằng sự tràn lan của những lời nói.

Nhiệt huyết và sự giản dị : đó là toàn bộ đời sống sâu sắc của Giáo hội. Một trong hai không bao giờ thiếu vắng cái kia. Nhiệt huyết được thể hiện qua sự bùng nổ

tự phát và liên tục của lời cầu nguyện trong dân Chúa. Sự giản dị là đặc quyền của các định nghĩa thần học : khi Giáo hội cho rằng cần thiết, Giáo hội sẽ diễn đạt ngắn gọn và rõ ràng những gì cần được khẳng định để ánh sáng từ Đức Kitô được đón nhận đúng cách. Nếu lòng đạo đức không được soi sáng bởi giáo lý, nó sẽ rất khó để tránh khỏi sự thái quá, sự phóng đại và do đó là sự lệch lạc. Nhưng nếu sự hình thành giáo điều không được làm sống động bởi sự hăng hái ấm áp của trái tim, nó sẽ khô khan như một định lý, trừu tượng và cuối cùng là vô sinh. Đối với những linh hồn đói khát, nó sẽ như đá, trong khi nó phải như bánh.

Kể từ khi bắt đầu lịch sử của mình, Giáo hội đã suy ngẫm về mầu nhiệm của Đức Kitô, Thiên Chúa thật và người thật. Nhập thể là trung tâm của mọi thứ, trái tim của Thực tại, chính Thực tại. Không phải một bí ẩn trong số các bí ẩn, mà là Bí Ẩn.

Tuy nhiên, không thể nào mà suy ngẫm về Maria không đi kèm với suy ngẫm về Đức Kitô. Đồng hành: từ này được phát biểu, theo lời kể, bởi các quan sát viên của phương Đông Kitô giáo tại công đồng gần đây. Nó rất sáng tỏ. Có giai điệu, và có cả phần đệm của nó. Đó là giai điệu quan trọng, và nếu phần đệm cũng quan trọng, thì đó là một cách phụ thuộc và dựa vào giai

điệu. Một phần đệm nhạc không được nghe vì chính nó và độc lập với giai điệu, mà chỉ trong mối quan hệ của nó với giai điệu đó.

Đúng vậy, Giáo hội luôn hiểu mọi thứ như vậy. Giáo hội cầu nguyện với Đức Maria, xác định một cách giáo điều sự vĩ đại của Đức Maria, nhưng luôn chỉ như một sự đồng hành với lời cầu nguyện với Đức Kitô và sự suy ngẫm về Đức Kitô. Một sự đồng hành, không phải tùy tiện, mà là cần thiết. Như hồng y Ratzinger đã viết, *lòng sùng kính Đức Mẹ không thể dựa trên một Thánh Mẫu học mà sẽ là một loại phiên bản rút gọn thứ hai của Kitô học; chúng ta không có quyền cũng như lý do để thiết lập loại bản sao này*. Các Giáo phụ của Giáo hội luôn thấy trong *Đức Maria hình ảnh của Giáo hội, hình ảnh của người tín hữu không thể đạt được sự hoàn thiện trọn vẹn của chính mình chỉ bằng cách cho đi tình yêu*, điều mà thần học gọi là Ân sủng. Đức Kitô là Hồng ân được ban ; Đức Maria, Hồng ân được đón nhận.

GIÁO HỘI, SỰ HIỆN DIỆN HỒNG ÂN THIÊN CHÚA [49]

Nếu có nhiều người đương thời của chúng ta, đặc biệt là trong giới trẻ nhưng cũng trong số những người lớn tuổi, đặt câu hỏi : «Liệu có thể theo Đức Kitô mà không qua Giáo hội không ?», thì rõ ràng là Giáo hội xuất hiện như một trở ngại đối với đức tin. Họ rất muốn yêu mến Đức Kitô và Tin Mừng của Ngài nhưng không muốn có cái mà họ gọi là «hệ thống», tức là tất cả các tổ chức giáo hoàng, giáo phận, pháp lý, đạo đức, bí tích, v.v., mà nặng nề đè lên vai nhiều người như một cái cùm hoặc một tấm ván chì.

---

49 Bản thảo gồm các ghi chú khác nhau khá cũ và một văn bản được viết vào năm 1969 với tiêu đề «Nguồn gốc ba lần» ; cũng có một loạt các ghi chú từ năm 1968-1969 về chủ đề «Quyền lực và tự do trong Giáo hội» và tham khảo số 500 của Tạp chí Hành động tôn giáo và xã hội. - Photocopies : Belleville : «Tôi không thể đến với Chúa mà không qua Giáo hội sao ?» (17 tháng 3 năm 1968) ; Mâcon : «Mầu nhiệm Giáo hội» (22 tháng 1 năm 1970) ; Auteuil: «Mầu nhiệm Giáo hội » (16 tháng 11 năm 1970) ; Belleville : «Duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền» (từ tháng 10 năm 1976 đến tháng 2 năm 1977); Montauban : « Giáo hội » (sáu tóm tắt của các bài giảng từ tháng 10 năm 1977 đến tháng 3 năm 1978).

Tính hiển hiện Hồng ân Thiên Chúa

Chúng ta không đến với Chúa, chính Chúa đến với chúng ta

Có thể đến với Chúa mà không qua Giáo hội không ? Câu hỏi này ẩn chứa một cạm bẫy. Trong các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo, thực sự có đề cập đến việc hướng về Chúa: từ xưa đến nay, người ta đã cảm nhận rằng, bên ngoài thế giới, có một thực thể siêu việt, toàn năng, và các tôn giáo đã cố gắng nâng cao con người để họ có thể đến với Chúa (hoặc các vị thần). Chúng ta có thể cố gắng vươn tới Chúa, giống như chúng ta vươn tới một lý tưởng. Các nghệ sĩ có một lý tưởng thẩm mỹ, các nhà khoa học có một lý tưởng khoa học, các chính trị gia có một lý tưởng chính trị. Tương tự, trong những tôn giáo này, người ta có một lý tưởng tôn giáo.

Nhưng, nếu nói đến việc thần thánh hóa nhân loại, nếu đó là mục đích của đức tin chúng ta và cũng là sự độc đáo của Kitô giáo, thì không có chuyện đi đến với Thiên Chúa. Chúng ta không thể tự thần thánh hóa bản thân, điều đó hoàn toàn vô nghĩa. Chính Chúa đến. Không có con đường từ con người đến Chúa. Bạn muốn đi đâu ? Bạn muốn leo lên đâu với một chiếc thang dây ? Có một con đường từ Thiên Chúa đến con người, nó

được gọi là Giáo hội. Giáo hội là con đường mà Thiên Chúa đi để đến với chúng ta. Ngài không muốn thần thánh hóa từng cá nhân một cách riêng lẻ mà là toàn thể nhân loại. Thiên Chúa ban tặng chính mình, Giáo hội là sự hiện hữu của món quà Thiên Chúa trong lịch sử, Giáo hội là phần nhân loại tiếp nhận rõ ràng món quà của Thiên Chúa. Lưu ý rằng Đức Maria, chỉ một mình Mẹ, là toàn bộ Giáo hội khi Mẹ nói «vâng» với Thiên Chúa. Trước khi trở thành một tổ chức, Giáo hội là sự tiếp đón Chúa Giêsu Kitô và sự hiệp thông của những người tiếp đón Chúa Giêsu Kitô.

Điều này là rất quan trọng. Trong bài diễn văn sau bữa Tiệc Ly (Ga 13, 17), Chúa Giêsu không bao giờ nói: «Hãy lên với Thiên Chúa» mà nói: «Cha và ta sẽ đến, chúng tôi sẽ ở lại trong các con.» Sự cư ngụ của Thiên Chúa ở giữa loài người. Yêu mến Giáo hội là yêu mến chuyển động của Thiên Chúa hướng về chúng ta ; đó là yêu mến sự vội vàng mà Chúa chạy đến với chúng ta (xem dụ ngôn về người con hoang đàng) để đón chúng ta về với Ngài và làm cho chúng ta sống bằng cuộc sống của Ngài. Rõ ràng, chúng ta có thể cản trở sự đến của Thiên Chúa, chúng ta có thể tự nhốt mình trong những «áo mưa» khiến Thiên Chúa không thể đến được (Péguy có những trang viết tuyệt vời về điều ông gọi là «sự ẩm ướt» của ân sủng Thiên

Chúa). Vẫn còn đó là Thiên Chúa đến. Ngài không bất động, không đứng yên trong sự vĩnh cửu của Ngài, Ngài đang sống. Nhưng cuộc sống là chuyển động; cuộc sống của Chúa là sự chuyển động của Ngài về phía chúng ta. Chúng ta không bao giờ nên hình dung Ngài theo cách khác ngoài việc giang tay về phía chúng ta và chạy đến để gặp chúng ta.

Thuộc về Giáo Hội một cách vô hình

Vậy thì những người không biết đến Giáo hội thì sao ? Họ có được cứu rỗi không ? Câu hỏi là lý do tại sao họ từ chối Giáo hội. Có lẽ phần lớn trong số họ từ chối Giáo hội vì những lý do chính đáng: họ không thấy Giáo hội là sự hiện diện rõ ràng của Chúa Giêsu Kitô mà là một tổ chức mà họ cho là suy tàn; họ có cảm giác rằng Giáo hội là nơi của tất cả các mê tín; họ cho rằng (họ không phải lúc nào cũng sai) rằng Giáo hội là đồng minh của các thế lực trần gian, v.v., tóm lại, họ chỉ thấy trong Giáo hội một bức tranh biếm họa. Tôi biết rằng chúng ta thường tạo cơ hội cho sự chế nhạo, và chúng ta phải nhận lỗi của mình.

Chắc chắn rằng hàng triệu người đàn ông không biết đến Giáo hội hoặc, biết đến nhưng không muốn nghe nói đến vì những lý do tôi vừa nói, thuộc về Giáo hội một cách vô hình, tức là được cứu rỗi, được thần thánh

hóa, sẽ có một cuộc sống vĩnh cửu như chúng ta hy vọng có (tham gia vào chính cuộc sống của Thiên Chúa), miễn là họ tuân theo lương tâm của mình. Chỉ có Chúa mới biết ai thuộc về Giáo hội vô hình hay không ; còn tôi, tôi hoàn toàn không phải là người phán xét. Như thánh Augustin đã nói : «Có những người nghĩ rằng họ ở trong và thực ra họ ở ngoài; có những người nghĩ rằng họ ở ngoài và thực ra họ ở trong.» Câu hỏi là liệu tất cả những người mà chúng ta gọi là những người vô tín, giả sử rằng Giáo hội có thể được trình bày cho họ như nó vốn có, không bị bóp méo, tức là như một dấu hiệu lịch sử của sự thần thánh hóa của chúng ta, họ có đồng ý hay không.

Vì vậy, tốt hơn là không nên nói rằng có một Giáo hội hữu hình và một Giáo hội vô hình. Chỉ có một Giáo hội và nó là hữu hình. Làm sao bạn có thể nói rằng nó không hiển hiện, khi nó là dấu hiệu của sự thần thánh hóa của chúng ta ? Một dấu hiệu rõ ràng là phải nhìn thấy được. Người ta có thể nói rằng một số người thuộc về Giáo hội một cách rõ ràng và những người khác thuộc về Giáo hội một cách vô hình. Chín trăm triệu người Trung Quốc được cứu rỗi, tức là được thần thánh hóa, bởi Giáo hội mà họ không biết đến, với điều kiện hoạt động của họ thực sự mang tính nhân văn. Nói cách khác, nếu không có Giáo hội, sẽ không có sự cứu rỗi

Giáo hội không phải là một tổ chức sẽ quản lý cuộc sống của các tín hữu từ bên ngoài, như một tổ chức có quy tắc, luật lệ, chương trình cần phải đăng ký trước khi tham gia. Giáo hội là cơ quan truyền đạt sự sống thiêng liêng cho chúng ta, là cơ quan thông truyền sự sống đó cho chúng ta cũng như là cơ quan điều chỉnh sự sống đó. Cuộc sống của chúng ta cần được sôi động, tràn đầy năng lượng và được điều chỉnh. Nếu không có quy tắc, sự năng động thuần túy có nguy cơ dẫn đến những sai lệch tồi tệ nhất. Ngược lại, nơi nào chỉ có các quy tắc, luật lệ, kỷ luật mà không có sức sống, không có động lực thì đó chỉ là chủ nghĩa duy vật thuần túy không đáp ứng được bất kỳ nhu cầu sâu sắc nào của chúng ta. Điều cốt yếu là sự sống, đó là nguồn gốc.

Mà giờ nguồn gốc là Đức Kitô. Chúng ta chỉ giao tiếp với Chúa thông qua Đức Kitô và chúng ta chỉ giao tiếp với Đức Kitô thông qua Giáo hội. Thật tốt khi muốn từ bỏ Giáo hội, muốn đến với Chúa Giêsu Kitô mà không cần thông qua Giáo hội, nhưng chúng ta vẫn học được Chúa Giêsu Kitô là ai từ «mẹ Giáo hội». Sao lại đứng trên vai người từng là bảo mẫu của chúng ta và đánh bà ấy thế ? Giáo hội có những khuyết điểm và những khuyết điểm gây ra đau khổ, giống như người ta phải chịu đau khổ vì sự không hoàn hảo của một người mẹ. Nhưng nếu không có Giáo hội, làm sao chúng ta

biết rằng Thiên Chúa là tình yêu đã nhập thể ? Đàn áp Giáo hội trong hai mươi năm, và không ai sẽ biết rằng Chúa đã ban chính mình, không ai sẽ biết rằng ý nghĩa của cuộc sống là chia sẻ sự sống vĩnh hằng của Chúa. Chắc chắn trong Giáo hội có những phương pháp sư phạm thường lỗi thời, những cấu trúc cần phải được sửa đổi, thậm chí có thể là từ trên xuống dưới [50]. Theo câu tục ngữ truyền thống, Giáo hội luôn cần được cải cách. Tuy nhiên, Giáo hội cung cấp cho chúng ta giáo lý cơ bản về mọi sự, cụ thể là có một Thiên Chúa - làm người và trong Người, chúng ta được nhân bản hóa và thần thánh hóa hoàn toàn ; và không chỉ lời dạy mà còn là chính cuộc sống của Đức Kitô qua các bí tích. Do đó, Giáo hội không phải là một nhu cầu giáo dục tạm thời như một số người vẫn nghĩ, có thể so sánh với thẩm quyền của cha mẹ mà người ta tách khỏi khi trưởng thành. Ngược lại, chúng ta càng tiến xa trong cuộc sống, thì Giáo hội càng gần gũi hơn, vì chính nhờ Giáo hội mà chúng ta tiến triển, chính Giáo hội làm cho chúng ta tiến triển. Tôi sẽ lấy một sự so sánh : con người bị phân cực hoặc bị từ hóa bởi Chúa, Đấng đến và kéo chúng ta đến với Ngài. Lực lượng từ hóa chính

50 Trong tác phẩm Vẻ đẹp của thế giới và nỗi đau khổ của con người, chương. 11 : «Những câu hỏi trong Giáo hội», Cha Varillon làm rõ suy nghĩ của mình về một số vấn đề hiện nay trong Giáo hội.

là Giáo hội ; Rời khỏi Giáo hội là rời khỏi từ trường.

Vì vậy, Giáo hội hoàn toàn không phải là trung gian giữa con người và Thiên Chúa, ngăn cản sự tiếp xúc trực tiếp giữa con người và Thiên Chúa như một số người chỉ trích. Nó không phải là một trung gian, theo nghĩa một quốc gia là một trung gian giữa hai quốc gia khác có quan điểm đối lập nhau, nhằm đưa họ lại gần nhau và đạt được sự hòa giải. Giáo hội không đứng ở giữa giữa con người và Thiên Chúa; ngược lại, chính Giáo hội là cầu nối. Nó là, theo một cách nào đó, ánh sáng nhờ đó có sự giao tiếp trực tiếp giữa con người và Thiên Chúa trong Đức Kitô. Để hiểu sâu sắc về trí tuệ của Giáo hội, cần phải biết đến ba nguồn gốc của nó.

Ba nguồn gốc của Giáo hội

Nguồn gốc lịch sử

Giáo hội được sinh ra từ đức tin vào sự phục sinh của Chúa Giêsu và sự trung thành của các tín hữu đối với sức sống được khơi dậy bởi sự phục sinh này. Niềm tin cơ bản mà Giáo hội sơ khai sống là điều này : Đức Kitô đã sống lại, Ngài sống mãi mãi. Dần dần, tất cả những ai chia sẻ niềm tin này đều nhận ra những hệ quả của nó: một sự vượt qua căn bản những khả năng con người

đã được thể hiện trong Chúa Giê-su. Ngài là Chúa tể vũ trụ, Ngài là người mà người ta có thể nói điều mà người ta đã nói về Yahvé : «Đấng Thánh», Ngài là người qua Ngài và trong Ngài chúng ta có mối quan hệ với Đấng Tuyệt Đối sống động. Sự kiện lịch sử mà không ai có thể né tránh là lời chứng của các tông đồ liên quan đến sự ra đời của Giáo hội.

Đây là ý chí duy trì chứng ngôn này trong một cộng đồng đang tổ chức. Giữa lòng cộng đồng Do Thái, sự kiện Kitô giáo là sự xuất hiện của một điều mới mẻ tuyệt đối. Đối với một tư duy Do Thái, khoảng cách giữa Thiên Chúa và con người là không thể vượt qua; người Do Thái như bị đè bẹp bởi sự siêu việt của Thiên Chúa. Nhưng đây là một sự thờ phượng được dành cho Chúa Giêsu thành Nazareth. Những người đã biết đến Ngài nói về Ngài rằng Ngài là «Chúa và Đấng Thiên Sai» (Cv 2, 36; 4, 26) ; «Đấng Chủ của Sự Sống» (Cv 3, 15) ; «Đấng Chủ và Đấng Cứu Độ» (Cv 5, 31) ; «Chúa của mọi người» (Cv 10, 36) ; «Đấng Phán Xét kẻ sống và kẻ chết» (Cv 10, 42) ; «Ánh Sáng cho các dân tộc» (Cv 13, 47).

«Đã có những người, hôm trước còn hoài nghi và bối rối, để làm chứng tại chỗ, ngay hôm sau hoặc gần như ngay hôm sau của sự kiện, ủng hộ một người, Chúa

Giêsu, mà mọi người đều đã thấy chết trên cây thập tự nhục nhã ; để làm chứng trước các thẩm phán của chính mình, những người mà cơn thịnh nộ vẫn luôn đáng sợ, và để khẳng định rằng người chết đó vẫn còn và luôn sống, và rằng Ngài là Chúa của vinh quang của Thiên Chúa» (P. Moingt). Các tông đồ không thể không mang chứng từ này : «Chúng tôi không thể không nói những gì chúng tôi đã thấy và nghe» (Cv 4, 20). Các thành viên của cộng đồng này khám phá (Sách Công vụ Tông đồ) rằng sự siêu việt của Thiên Chúa được thể hiện qua Chúa Giêsu bao hàm tính phổ quát tuyệt đối của sứ điệp Ngài. Tất cả mọi người đều được kêu gọi để trở thành Dân Chúa.

Nguồn gốc của Giáo hội trong Thiên Chúa

Từ khởi đầu có hai nghĩa : nguồn gốc và sự xuất hiện. Điều quan trọng là phải phân biệt rõ ràng : nguồn gốc của một đứa trẻ là sự thụ thai của nó ; sự xuất hiện của nó là ngày nó ra đời. Nguồn gốc là sự khởi đầu đầu tiên, nguyên thủy, ẩn giấu, không thể quan sát được. Sự xuất hiện là sự khởi đầu có thể quan sát được, rõ ràng, sự biểu hiện thấy được. Chúng ta vừa suy ngẫm về sự xuất hiện của Giáo hội. Cũng như mỗi người nói : tôi sinh ra ở thành phố này, vào ngày này, giờ này, Giáo hội nói với chúng ta tôi sinh ra vào lễ Phục sinh và lễ Ngũ Tuần

nhưng nguồn gốc (sự thụ thai) của tôi ở trong Thiên Chúa, trong «mầu nhiệm ẩn giấu trong Thiên Chúa» (Ep 3, 9).

Thiên Chúa đã trở thành Đức Kitô để Đức Kitô trở thành Giáo Hội. Nói cách khác, Nhập Thể không kết thúc ở con người của Chúa Kitô. Nếu Chúa Kitô tồn tại, đó là để toàn nhân loại được Kitô hóa. Điều mà Thiên Chúa nhắm đến trong sự vĩnh cửu của Ngài, đó là sự hiệp nhất với toàn thể nhân loại, đó là sự hiệp nhất mà chúng ta gọi là Giáo hội.

Lưu ý rằng, thứ tự thực hiện ngược lại với thứ tự ý định. Ý định vĩnh cửu của Thiên Chúa là cộng đồng của tất cả những người được thần thánh hóa, điều mà Teilhard gọi là «điểm omega». Từ đó, xuất hiện một sự hiện thực hóa dần dần : sự sáng tạo của vật chất, của sự sống (thực vật rồi đến động vật), của con người, sự xuất hiện của Chúa Kitô, sự phát triển của Giáo hội, mà là sự hiện hữu của món quà của Thiên Chúa hoặc ơn gọi của con người để đón nhận món quà của Thiên Chúa.

Hãy cẩn thận khi nói với những người ngay thẳng không phải là Kitô hữu : «Các bạn là Kitô hữu mà không biết.» Không có gì làm họ khó chịu hơn thế. Đó là chơi chữ. Xin làm rõ rằng có ba nghĩa của từ «Giáo hội» :

- điều đầu tiên trong ý định của Thiên Chúa : sự tập hợp cộng đồng sau cùng (vĩnh cửu) trong Đức Kitô ;

- sự thuộc về vô hình của Giáo hội hữu hình;

- Giáo hội hữu hình.

Hai nghĩa đầu tiên chỉ có thể được hiểu bởi những người tín hữu. Vậy thì, trong hai nghĩa đầu tiên này, hãy nói về Nước Trời. Ý nghĩa thứ ba là ý nghĩa gây ra những phàn nàn, những hiểu lầm, trong chừng mực mà Giáo hội xuất hiện như một màn chắn chứ không phải như một dấu hiệu.

Nguồn gốc của Giáo hội trong con người

Có một sự tương ứng sâu sắc giữa những gì Giáo hội muốn biểu thị và bản chất sâu thẳm nhất của con người. Những gì mà Giáo hội đề xuất tồn tại trong trái tim của con người như một ước nguyện thiết yếu. Nếu Giáo hội theo một cách nào đó là xa lạ với con người, nếu nó không thể hiện được ước muốn sâu thẳm nhất của con người, thì nó chỉ là một phần bổ sung, rơi xuống từ trên trời, không có giá trị gì ! Con người, thực vậy, là một sinh vật quan hệ với hai chiều, một chiều ngang, một chiều dọc. Mối quan hệ với thế giới và với người khác là điều thiết yếu đối với anh ta ; không có nó, anh ta sẽ

không tồn tại : một đứa trẻ sẽ là gì nếu không có cha mẹ của nó ? Người khác là điều thiết yếu đối với tôi. Không có người khác, tôi không là gì cả. Con người tìm kiếm sự giao cảm một cách điên cuồng (tình bạn, tình hữu nghị, tình anh em, tình yêu, v.v.).

Nhưng mối quan hệ với Chúa không kém phần thiết yếu đối với ông. Mỗi người, khi suy nghĩ, không thể không đồng ý với điều này : «Tôi không phải là nguồn gốc của mình, tôi không phải là trung tâm thống nhất của tất cả các ý thức, tôi không thể là tác giả của sự cộng đồng phổ quát mà tất cả mọi người đều khao khát, dù có ý thức hay không; sự cộng đồng anh em của con người phải được xây dựng, giống như sự tồn tại của tôi.» Sâu sắc hơn bất kỳ «bằng chứng» nào về Chúa ở cấp độ trí tuệ, con người «cảm nhận» rằng ý nghĩa của cuộc sống mình, mặc dù thuộc về mình (mình là người sáng tạo), lại thuộc về một Đấng Khác, Đấng Tuyệt Đối sống động, Đấng đặt nền tảng cho sự tồn tại của mình.

Giáo hội (không phải là hình ảnh biếm họa của chính mình mà là như Chúa Kitô muốn) hiện ra như là sự thực hiện của hai chiều kích này : sự hiệp nhất của con người với Thiên Chúa, sự hiệp nhất của con người với nhau. Cô ấy nói với chúng ta: bạn có thể trở nên thần thánh, bạn được thu hút bởi Chúa ở sâu thẳm trong bản

thể của bạn, hành trình cá nhân của bạn đến với Chúa song hành với sự kết hợp của bạn với con người. Le «vertical» không thể tách rời khỏi «horizontal». Cái này gắn rễ vào cái kia. Giáo hội là hình ảnh lịch sử của chính bản chất con người.

Bị méo mó bởi tất cả những sự không trung thành của các tín hữu Kitô, nó gây ra sự thất vọng vì nó không phải là dấu hiệu của Chúa Kitô. Điều này giải thích cho những lầm lạc mà nhiều người tìm kiếm Chúa Kitô ở nơi khác ngoài Giáo hội như họ cảm nhận. Bởi vì con người, người không thể sống thiếu Giáo hội mà không từ bỏ những gì cấu thành nên bản chất của mình, sẽ tạo ra những thay thế cho Giáo hội, biến tình dục, tiền bạc, ma túy hoặc «thiên đường nhân tạo» thành một điều tuyệt đối và một phương tiện để tập hợp. Nhưng những hỗn loạn của lịch sử đã thúc đẩy Giáo hội vào những cuộc tái sinh mà lòng trung thành của nó trở nên mới mẻ, trình bày cho thế giới, một cách chân thực hơn, khuôn mặt của Chúa Kitô.

Mầu nhiệm tình yêu

Để thâm nhập vào mầu nhiệm của Giáo hội đến với thực tại sâu sắc của nó, đó là Đức Kitô phục sinh ban cho chúng ta Thần khí tình yêu của Ngài, chúng ta phải nhận ra rằng không có sự khác biệt giữa câu nói cơ

bản của Chúa Giêsu : «Nhờ điều này, mọi người sẽ nhận biết các con là môn đệ của Thầy : nếu các con yêu thương nhau.» (Gioan 13, 35) và những gì chúng ta nói trong Kinh Tin Kính : «Tôi tin vào Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền.» Bởi vì tình yêu là một từ rất mơ hồ, dễ dàng trở nên nông cạn, tình cảm. Chúng ta luôn có thể nhầm lẫn về điều gì là tình yêu chân chính. Đó là bốn đặc điểm của Giáo hội cho chúng ta biết cách mà Giáo hội phải được thúc đẩy bởi tình yêu và cách mà Giáo hội phải làm việc để quy tụ con người trong tình yêu. Nói rằng Giáo hội là một, thánh thiện, công giáo và tông truyền, tức là nói rằng nó là một mầu nhiệm của tình yêu.

Duy nhất

Chỉ có tình yêu mới kết nối và thống nhất. Phải luôn bắt đầu bằng công lý, vì tình yêu là ảo tưởng nếu nó không nở hoa trên nền tảng của công lý. Nhưng công lý có thể giữ cho mọi người tách biệt ; sẽ có sự tôn trọng lẫn nhau nhưng sẽ không có sự giao tiếp hoặc cộng đồng tương hỗ. Không có cộng đồng chân chính nếu không có tình yêu làm chất kết dính.

Khi Chúa Kitô nói với chúng ta : «Hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con», Ngài không chỉ sử dụng một phép so sánh đơn giản : như Thầy đã yêu

thương các con, thì các con hãy yêu thương nhau, mà Ngài muốn nói : hãy yêu thương nhau bằng chính tình yêu mà Thầy đã yêu thương các con. Tuy nhiên, tình yêu này không phải là một cảm xúc mà là một người sống động, Chúa Thánh Thần, người trong Ba Ngôi, tạo nên sự hiệp nhất giữa Chúa Cha và Chúa Con, là mối liên kết tình yêu của họ. Thánh Thần được ban cho chúng ta trong phép rửa tội và trong mỗi lần chúng ta rước lễ để chúng ta có sức mạnh hoặc năng lượng trong chúng ta để vượt qua những trở ngại chống lại tình yêu. Chỉ có điều chúng ta kháng cự lại Ngài, chúng ta không dễ dàng từ bỏ cái tôi ích kỷ tách biệt và chia rẽ. Đó là lý do tại sao sự hiệp nhất của Giáo hội rất không hoàn hảo.

Cộng đồng lý tưởng mà Giáo hội sẽ là trong một thế giới không có tội lỗi không tồn tại, nó đang trên đường hướng tới sự hiệp nhất. Kế hoạch của Chúa là toàn thế giới được giống hình ảnh của Ba Ngôi, rằng con người trở nên một trong tình yêu, giống như sự thống nhất của Ba Ngôi. Sự thống nhất không phải là đã hoàn thành, mà là cần phải thực hiện.

Sự thống nhất này không ngăn cản một số sự đa dạng về chức năng, trường phái thần học, tinh thần, v.v. Bởi vì, như trong Ba Ngôi, sự thống nhất thực sự không phải là sự đồng nhất. Sự trung thành với sự đồng nhất

của thời trang không dẫn đến việc tất cả phụ nữ đều mặc đồng phục : hãy tưởng tượng họ như vậy, sẽ không đẹp mắt chút nào ! Không phải vì đàn ông khác phụ nữ và phụ nữ khác đàn ông mà trong gia đình không có sự thống nhất ; thực sự có sự thống nhất và nó là kết quả của tình yêu ! Đó là lý do tại sao chúng ta phải tránh tinh thần bè phái. Sự đoàn kết chỉ bị phá vỡ khi những khác biệt trở thành những đối kháng trong sự từ chối đối thoại.

Thánh Thiện

Từ «thánh» đầu tiên không nghĩa là sự thánh thiện của con người mà còn là của Đức Kitô. Giáo hội thánh thiện vì Đức Kitô thánh thiện. Đức Kitô là Đấng mang đến, trong một thế giới đầy tội lỗi, sự thánh thiện của Thiên Chúa, hoặc, nói cách khác, Tình yêu thuần khiết. Trong Cựu Ước, từ «thánh» chỉ được áp dụng cho Chúa mà thôi (như trong bài thánh ca của Isaia 6, 3: Thánh, thánh, thánh là Chúa; Magnificat tuyên bố: danh Ngài là Thánh). Thiên Chúa là «Đấng Thánh». Vì vậy, khi người ta gọi Chúa Giêsu là thánh, đó là một vụ bê bối lớn, vì đây là lần đầu tiên ở Israel người ta dám gọi một người bằng cái tên chỉ dành cho Thiên Chúa. Sau đó, các tín hữu Kitô cũng được gọi là «thánh», điều này đã trở thành một điều khoản trong Kinh Tin Kính : tôi tin

vào sự hiệp thông của các thánh.

Vì vậy, cần phải hiểu rằng thánh không đồng nghĩa với hoàn hảo, khôn ngoan hay anh hùng, những người trong hoàn cảnh đặc biệt thể hiện nhiều dũng cảm. Các thánh là những người sống trong đời sống thần thánh. Bởi vì đó là trái tim của đức tin chúng ta : tất cả mọi người đều được kêu gọi chia sẻ vĩnh viễn cuộc sống của chính Thiên Chúa, yêu thương như Ngài yêu thương. Vì vậy, có một sự hiệp thông bí ẩn giữa những người có thể được thánh hóa và những người đã được thánh hóa, hoặc những người có thể được thần hóa và những người đã được thần hóa ; tôi nói : bí ẩn, vì câu hỏi vẫn còn mở về việc ai được thần hóa và đến mức độ nào.

Sự thánh thiện của Giáo hội là sức mạnh thánh hóa hoặc thần hóa mà Thiên Chúa thực hiện bất chấp tội lỗi của con người. Karl Rahner nói về «Giáo hội thánh thiện của những người tội lỗi». Nói rằng Giáo hội là thánh thiện, tức là nói rằng trong Giáo hội có cả sự trung thành của Thiên Chúa và sự bất trung của con người, và Thiên Chúa vẫn trung thành mặc dù chúng ta bất trung. Điều kỳ diệu khi suy ngẫm, đó là Thiên Chúa chọn những «bàn tay bẩn thỉu» làm nơi chứa đựng sự hiện diện và hành động của Ngài, theo tiêu đề của vở kịch của Jean-Paul Sartre.

Không có sự mâu thuẫn giữa sự thánh thiện của Giáo hội và sự tầm thường của chúng ta. Ngược lại, sự thánh thiện của Giáo hội tỏa sáng ở chỗ nó không sợ bị ô uế bởi sự tiếp xúc với những kẻ tội lỗi như chúng ta. Từ đầu đến cuối cuộc đời công khai của mình, Chúa Giêsu đã giao du với những người tội lỗi, ăn uống với họ, và cảm thấy thoải mái trong sự đồng hành của họ. Không có ở ông bất kỳ thái độ cứng nhắc và sắc bén nào : «Ta không đến để kêu gọi người công chính, nhưng kêu gọi người tội lỗi » (Mt 9, 13); «Ta đến để tìm và cứu những gì đã mất» (Lc 19, 10). Nếu Giáo hội loại trừ khỏi mình những người hững hờ, những kẻ tầm thường và những kẻ tội lỗi, tự biến mình thành một khu ổ chuột của những người thuần khiết, thì chính lúc đó Giáo hội sẽ không còn thánh thiện nữa ! Hãy tưởng tượng một Giáo hội là xã hội của những người hoàn hảo, làm sao nó có thể giữ được sự khiêm nhường ? Một Giáo hội bị thối rữa bởi kiêu ngạo không thể là dấu hiệu của một Thiên Chúa vô cùng khiêm nhường. Không có sự thiếu sót nào tồi tệ hơn việc tưởng tượng rằng mình hoàn hảo.

Chúng ta là những người phải cung cấp sự thánh thiện cho Giáo hội, vì Giáo hội là gì nếu không phải là tất cả chúng ta ? Nếu chúng ta nói rằng Giáo hội không thánh thiện, điều đó đơn giản có nghĩa là chúng ta không thánh thiện. Trừ khi bạn vẫn còn nhầm lẫn, như vài năm

trước, giữa Giáo hội và hàng giáo phẩm của. Hàng giáo phẩm là một chức năng trong Giáo hội, các giáo dân đại diện cho một chức năng khác : sự thánh thiện được yêu cầu từ cả hai bên !

Công giáo

Từ này có nghĩa là phổ quát. Làm sao có thể khác được nếu chính Giáo hội là người được giao nhiệm vụ làm cho tình yêu của Chúa trở nên hữu hình ? Ân huệ của Thiên Chúa không thể chỉ dành riêng cho một người, nó dành cho tất cả mọi người ở mọi thời đại và mọi quốc gia. Cũng như Chúa Kitô là bí tích của Thiên Chúa, tức là Thiên Chúa tự mình được hiện ra, thì Giáo Hội cũng là bí tích của Chúa Kitô cho tất cả mọi người. Đừng nghĩ rằng tính phổ quát của Giáo hội chỉ là địa lý. Giáo hội là Công giáo theo nghĩa sâu sắc khác rằng Giáo hội có khả năng hợp nhất tất cả các quốc gia, các chủng tộc, các nền văn hóa và các nền văn minh trong Chúa Giê-su Ki-tô. «Giáo hội đã là Công giáo vào buổi sáng lễ Ngũ Tuần, khi tất cả các thành viên tụ họp trong một căn phòng nhỏ, Giáo hội đã như vậy vào thời điểm những bè phái Arian dường như muốn nhấn chìm, Giáo hội sẽ vẫn như vậy vào ngày mai nếu những cuộc bỏ đạo ồ ạt khiến mất gần như tất cả tín đồ của mình». [51]

---

51 H. de Lubac, Công giáo, 5e éd., 1952, tr. 26.

Giáo hội là Công giáo vì chỉ có Giáo hội mới có thể tiết lộ cho con người ý nghĩa cuộc sống của họ. Đó là một khả năng, đến từ Chúa Thánh Thần, để đáp ứng những nhu cầu thực sự của tất cả mọi người, bất kể họ là ai. Để thuộc về Giáo hội, một người không phải từ bỏ bất cứ điều gì thiết yếu, nhưng, thực tế thì thật đáng tiếc ! mọi thứ lại hiện ra rất khác biệt. Tôi đã đi qua Cameroon, Chad, và Cộng hòa Trung Phi : nếu bạn biết được sự buồn bã khi thấy những nhà thờ được xây dựng theo phong cách châu Âu, trong khi có một nghệ thuật châu Phi tuyệt vời !

Bạn biết câu chuyện về các tu sĩ Dòng Tên ở Trung Quốc vào thế kỷ XVII, với Cha Ricci : là những nhà thiên văn học, họ đã ngay lập tức hiểu các nho sĩ Trung Quốc ; họ cũng được các tầng lớp bình dân chào đón nồng nhiệt, vì họ nói được ngôn ngữ của đất nước. Họ đã tránh không áp đặt các nghi lễ phương Tây lên người Trung Quốc. Thật không may, cách làm như vậy đã bị La Mã lên án vì nhiều lý do khác nhau. Tuy nhiên, nếu trong tâm hồn của người Trung Quốc, như của tất cả mọi người, có một viên đá chờ đợi cho Chúa Kitô, thì không có viên đá nào cho nền văn hóa phương Tây. Tại sao bạn muốn người Trung Quốc từ bỏ sự lịch sự tinh

tế, nghệ thuật và âm nhạc của họ ? Đã có sự cản trở giữa một lối sống nhất định và Tin Mừng ; tương tự, vào thế kỷ trước, liên quan đến văn hóa «tiểu tư sản». Để trở thành Kitô hữu, chúng ta không cần phải từ bỏ một sự giàu có nhân văn chân chính. Ngược lại ! Giáo hội là Công giáo, nghĩa là có khả năng, bất chấp những sai lầm và lỗi lầm của mình, tiếp nhận tất cả những tài sản nhân loại, để chúng được thánh hóa bởi Chúa Kitô.

Tông truyền

Khi chúng ta nói rằng Giáo hội là tông truyền, chúng ta muốn nói rằng mặc dù có những khác biệt thường rất lớn về hình thức và phương thức bên ngoài, Giáo hội hôm nay vẫn giống như Giáo hội của các tông đồ. Nó trung thành với Chúa Kitô, Đấng đã sáng lập ra nó, qua tất cả những thăng trầm và mọi sự thay đổi của lịch sử. Đó là sự liên tục, từ các tông đồ cho đến ngày nay, của một dịch vụ cho nhân loại đó là giáo dục về tình yêu. Mười hai tông đồ (số tượng trưng tương ứng với mười hai bộ tộc của Israel, tức là toàn thể dân Chúa) đã là Giáo hội rồi. Kể từ khi Chúa Thăng Thiên, Chúa Kitô vô hình nhưng Ngài vẫn hiện diện và hoạt động. Ngày nay, Ngài đến với chúng ta một cách vô hình qua Chúa Thánh Thần, và hữu hình qua những người kế vị các tông đồ và các bí tích.

Giáo hội phải là một cộng đồng được điều hành hoàn toàn bằng tình yêu thương, nơi không có chức năng thẩm quyền. Đây thực sự là điều lý tưởng và đây chính là cách mà Giáo hội sẽ như thế nào trong Vương quốc của Thiên Chúa. Trên thiên đàng sẽ không còn hệ thống cấp bậc, không còn giáo hoàng hay giám mục. Nhưng chúng ta đang sống trong một thế giới tội lỗi, vì vậy Giáo hội là một cộng đồng yêu thương, cần thiết phải có những khía cạnh của xã hội. Trên thực tế có ba cấp độ phân nhóm con người :

- đám đông hay bầy đàn : thứ thống trị là vũ lực, luật rừng ;

- khi đám đông tự tổ chức, nó trở thành một xã hội: luật pháp thay thế vũ lực ; cần có một cơ quan có thẩm quyền để thực thi luật hoặc lệnh pháp lý này ;

- Cuối cùng là cộng đồng, nơi tình yêu tạo nên sự hiệp thông huynh đệ ngự trị.

Chúng ta đừng quên rằng vũ lực không bị xóa bỏ khi chúng ta chuyển sang luật pháp, cũng như luật pháp không bị xóa bỏ khi chúng ta chuyển sang tình yêu. Nếu không thì cũng giống như tưởng tượng rằng chúng ta đã ở trên thiên đường vậy ! Không có cuộc sống nào có thể tồn tại nếu chúng ta không tính đến những mối

quan hệ quyền lực vẫn tồn tại này.

Trong Giáo hội như hiện nay, việc có luật pháp, thẩm quyền, chính quyền, v.v. là điều không thể tránh khỏi, nếu không thì chúng ta đang mơ! Nhưng mọi cuộc tranh luận hiện tại đều có nguy cơ bị bóp méo nếu chúng ta chỉ coi Giáo hội là một xã hội hay một tổ chức bình thường. Những vấn đề về cấu trúc, vốn có thật và phải được nghiên cứu rất kỹ lưỡng, phải được xem xét trong mối quan hệ của chúng với Tình yêu Tuyệt đối, mà Giáo hội là hiện thân của tình yêu trong lịch sử.

Phần ba

ĐỨC KITÔ,

Thiên Chúa thật, Con Người thật, mặc khải Thiên Chúa là ai và con người là ai

Giới thiệu [52]

Kitô hữu chấp nhận rủi ro khi khẳng định Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa thật và là người thật, và lời khẳng định này tạo nên bản chất đức tin của họ. Đôi khi chúng ta có xu hướng đặt câu hỏi đầu tiên theo khái niệm về việc làm sao Chúa có thể là một con người và làm sao con người có thể là Chúa. Chúng ta phải chống lại sự cám dỗ, vì con người là gì và Thiên Chúa là ai ? Chúng ta chỉ biết điều đó thông qua Đức Chúa Trời - Con Người: chính Ngài đã mặc khải điều đó cho chúng ta. Do đó, chúng ta phải từ bỏ ý tưởng ban đầu là phát triển các khái niệm về con người và thần thánh, rồi sau đó cố gắng hài hòa chúng để giải thích cho khả năng tồn tại một Người-Thiên Chúa. Tuy nhiên, đây là phương pháp suy nghĩ quen thuộc với nhiều người. Chẳng có gì ngạc nhiên khi nó dẫn tới ngõ cụt. Chắc chắn khoa học nhân văn cho chúng ta biết đôi điều về con người, và diễn ngôn triết học cho chúng ta biết đôi điều về Chúa. Nhưng chính sự tồn tại của Người-Thiên Chúa khiến chúng ta xem xét khả năng Đấng Tuyệt đối hình thành trong thế giới tương đối (thế giới của chúng ta) mà không ngừng là Đấng Tuyệt đối, khả năng Chúa

52 Trích đoạn từ bản thảo Chúa Jesus Christ, Con một của Đức Chúa Trời, số. Phần 3 trong loạt sách đầu tiên của Creed được viết vào năm 1977-1978.

trở thành con người mà không ngừng là Chúa là điều không mâu thuẫn. Chúng ta không thể xây dựng một khoa học về Chúa Kitô từ một khoa học về Thiên Chúa và một khoa học về con người vốn có trước nó. Thần học (khoa học về Thiên Chúa) và nhân học (khoa học về con người) ngược lại phải tìm nguồn gốc của chúng trong Christ học (khoa học về Chúa Kitô).

Bản thể của Chúa Giêsu Kitô là Sự Mở Rộng Hoàn Toàn. Ngài hoàn toàn là Con. Chúng ta nói tương đương Con và Lời. Động từ có nghĩa là Lời. Ông ấy hoàn toàn là Lời. Lời nói không bao giờ tồn tại tự nó, nó đến từ ai đó, nó là lời nói của ai đó. Vì vậy, Con là con của ai đó, tồn tại nhờ ai đó, là Cha. Lời nói được nói ra để được nghe thấy, nó được dành cho người khác. Vì vậy, Lời được nói ra để được trao cho con người. Nói rằng bản thể của Chúa Giêsu Kitô là Sự Mở Rộng hoàn toàn, tức là nói rằng Ngài hoàn toàn «từ Chúa Cha» và «vì nhân loại». Đó là nói rằng Ngài là Tình Yêu. Bởi vì yêu thương, theo một cách nào đó, là treo giữa hai cực, cực của sự chào đón và cực của sự cho đi. Chào đón, đó là «ở bên» người khác ; cho đi, đó là «vì» người khác hoặc những người khác. Vì vậy, không nên nói rằng trong Chúa Giê-su Ki-tô có tình yêu, mà nên nói rằng Ngài là tình yêu. Nhưng chỉ có Thiên Chúa là tình yêu. Nếu Chúa Giê-su là tình yêu, thì phải thú nhận rằng

Ngài là Thiên Chúa. Thiên Chúa như Con, hoàn toàn là Con. Con một của Chúa. Chúa thật.

Nhưng cũng là một Người thật sự. Nếu Chúa Giê-su hoàn toàn là những gì Ngài làm, nếu Ngài hoàn toàn là những gì Ngài nói, nếu Ngài là những gì Ngài nói, nếu Ngài hoàn toàn vì người khác, Ngài là người nhân bản nhất, Ngài là sự viên mãn của nhân loại. Thật sự là người duy nhất hoàn toàn và tuyệt đối là người. Người mà bên cạnh Ngài, chúng ta là những khởi đầu của con người, những con người đang trở thành nhân loại. Ngài là điều mà chúng ta phải trở thành. Người đàn ông thật sự.

Đối với chúng tôi, như nhà thơ René Char đã nói trong một câu ngắn gọn chói lọi, «đại bàng thuộc về tương lai». Đại bàng ? Dịch sang văn xuôi tầm thường ai làm được thì làm ! Đó là con người chúng ta ta phải là. Đức Kitô là người đó. Đó là lý do tại sao thánh Phaolô gọi Ngài là «dam mới» hoặc «Adam sau cùng» (1 Cr 15, 45), tức là người mẫu, người tiêu biểu. Con người càng là con người hơn khi họ ít khép kín vào bản thân mình, ít bị giới hạn hơn. Sự chuyển từ động vật thành người, hay sự chuyển từ sự sống thành tinh thần, đã hoàn thành khi một sinh thể bằng đất và bụi có thể nhìn ra ngoài chính mình và môi trường của mình, và nói «cha» với

Chúa. Điều làm nên con người chính là sự mở ra với Tất cả, với Vô cùng. Nhưng con người là con người trọn vẹn khi, không chỉ tiếp xúc với Vô Tận, mà khi anh ta trở thành một với Ngài. Chúa Giê-su Ki-tô, đó là Người hòa hợp với Thiên Chúa.

Cần thêm điều này : nếu có một người là một với Chúa, thì tất cả mọi người đều có thể trở thành như vậy. Trở thành như Chúa Giê-su Ki-tô, đó là sứ mệnh của mọi người. Chúa Giê-su Kitô không là một ngoại lệ trong nhân loại, theo nghĩa là sự tò mò sâu sắc mà trong đó Chúa muốn cho chúng ta thấy tất cả những gì có thể nhờ Quyền năng của Người. Sự tồn tại của Người-Thiên Chúa liên quan đến toàn thể nhân loại. Trong Kinh thánh, từ «Adam» thể hiện sự thống nhất của toàn bộ thực tại con người. Nếu Thánh Phaolô gọi Chúa Kitô là «Ađam mới», thì điều đó có nghĩa là trong Người, toàn thể nhân loại được quy tụ lại. Ngài là Đầu của một Thân thể mà chúng ta là các chi thể. Hay theo thuật ngữ tiếng Anh, ông ấy là một nhân vật doanh nghiệp. Hay theo thuật ngữ của Teilhard : sự phức tạp tối đa trong sự thống nhất hoàn hảo nhất.

THIÊN CHÚA BA NGÔI : sự gần gũi của một Thiên Chúa chỉ là tình yêu [53]

L'abbé Bockel, cha xứ của nhà thờ chính tòa Strasbourg, bạn của André Malraux, viết rằng cha đã nhận một cú sốc trong buổi hội thảo mà tôi tổ chức ở Strasbourg, vì tôi đã đặt câu hỏi một cách thẳng thừng : «Nếu, trong trường hợp không thể xảy ra, Giáo hội nói với bạn rằng Chúa chỉ là một người và không còn là Ba Ngôi nữa, điều đó sẽ thay đổi gì trong cuộc sống của bạn ?» [54] L'abbé Bockel nói rằng cha đã hiểu, vào lúc đó, rằng Kitô giáo không phải là một triết lý, một tập hợp các chân lý để tin tưởng mà hình thành một hệ thống tương tự như của Kant hoặc Bergson, mà tất cả các giáo điều đều có tác động thực tiễn.

---

53 Tư liệu viết tay : một tập hợp các ghi chú cổ mang tiêu đề «Bí ẩn của một Thiên Chúa duy nhất trong ba ngôi» ; một bài viết được soạn thảo (năm 1970 ?) cho một tạp chí (?) và được đưa vào cuốn Sự khiêm nhường của Thiên Chúa, trang 103-109 ; «Tôi tin vào Thiên Chúa là Cha Toàn Năng», số 1 trong loạt bài về phần đầu tiên của Kinh Tin Kính được soạn thảo vào năm 1977-1978. - Bản sao : Boulogne : «Chúa Ba Ngôi» (18 tháng 11 năm 1969) ; Auteuil : «Chúa Thánh Thần» (19 tháng 10 năm 1970) ; Lyon-Sainte-Hélène : «Chúa Cha toàn năng» (6 tháng 10 năm 1977).

54 P. Bockel, Đứa con của tiếng cười, Grasset, 1973, tr. 95.

Tôi nghĩ rằng, nếu Chúa không phải là Ba Ngôi, có lẽ tôi sẽ là người vô thần. Tôi không hoàn toàn chắc chắn về điều đó, vì rất khó để tôi đặt mình vào giả thuyết này. Trong mọi trường hợp, nếu Chúa không phải là Ba Ngôi, tôi không còn hiểu gì nữa hết.

Sức mạnh của Chúa là sức mạnh của tình yêu

Chúng ta, những Kitô hữu, có khẳng định một cách bình thản, như thể điều đó hiển nhiên, rằng Thiên Chúa là toàn năng, hay ngược lại, chúng ta có cảm thấy không thoải mái khi nói những lời này không ? Tôi nghĩ rằng, đối với nhiều người, điều này không gặp khó khăn : thực vậy, nếu Thiên Chúa là Thiên Chúa, thật khó hiểu làm sao Ngài lại không toàn năng. Tuy nhiên, đối với những người khác, ngày càng đông đảo trong thời kỳ khủng hoảng mà chúng ta đang trải qua, khẳng định về sự toàn năng của Chúa là lý do nghiêm trọng nhất để không tin.

Hãy cẩn thận không coi thường quan điểm của những người này : thực ra, họ cho rằng việc chọn một bầu trời trống rỗng còn đáng giá hơn con người, do đó còn chân thực hơn, so với việc mơ tưởng về một Hoàng đế thế giới, một lãnh chúa, một bạo chúa, một nhà bi kịch vĩ đại điều khiển những con rối của bi kịch - hài kịch nhân loại bằng cách đóng băng, hóa đá hoặc cắt đứt những tự

do mà, mặt khác, ông ta được cho là sẽ tạo ra. Có, tôi đồng ý, những người vô thần là vô thần, vì khái niệm về Tối cao hoặc Siêu việt đối với họ có vẻ mâu thuẫn. Nhưng tôi nghĩ rằng những người vô thần đông đảo nhất là những người từ chối một quyền năng tuyệt đối sẽ phủ nhận hoặc phá hủy tự do của chúng ta. Trong tất cả những mũi tên nhắm vào đức tin Kitô giáo hoặc thậm chí cả thuyết Đạo giáo, mũi tên nào tuyên bố nhắm vào Thiên Chúa trong toàn năng của Ngài thì chắc chắn sẽ trúng đích nhất.

Tuy nhiên, nếu tôi suy nghĩ về những gì tôi tin (và tôi mời bạn suy nghĩ, ở phía của bạn, về những gì bạn tin), tôi thấy rất rõ ràng điều này: tôi sẽ hoàn toàn không thể tin tưởng vào Chúa, từ bỏ mình cho Ngài trong niềm tin, nếu tôi không biết gì về bản chất của quyền năng Ngài. Ngài toàn năng, nhưng quyền năng của Ngài là quyền năng gì ? Trước một sinh vật rất mạnh mẽ, nên thận trọng. Sự khôn ngoan cơ bản nhất là phải đề phòng. Trước hết, hãy giữ tự do, bảo vệ độc lập của mình. Thà chọn chủ nghĩa hư vô (từ tiếng Latin nihil: không có gì) còn hơn là nô lệ. Chủ nghĩa hư vô là cám dỗ lớn của thế kỷ, vì dù vị đắng của hư vô có tồi tệ đến đâu, nó vẫn ít tồi tệ hơn so với sự nô lệ. Giữa việc không tồn tại và trở thành nô lệ cho quyền lực của Hitler, tôi chọn một cách có chủ ý là không tồn tại.

Tôi biết rằng chủ nghĩa hư vô chỉ là một giấc mơ, vì thực ra tôi tồn tại. Nhưng ít nhất tôi có thể để mình trượt dốc trên con đường dẫn đến tự sát. Thà tự sát còn hơn là rơi vào tay ai đó đe dọa tự do của chúng ta. Tôi không thể khẳng định rằng tôi tin vào một vị thần toàn năng trừ khi tôi chắc chắn rằng đó là một sức mạnh không đe dọa đến tự do của tôi.

Nói cách khác (ở đây tôi cân nhắc từng lời, vì điều này rất quan trọng, vì nó liên quan đến bản chất của đức tin của tôi), nếu tôi không tin rằng Chúa chỉ mạnh mẽ khi yêu và đi đến cùng của tình yêu, tức là cái chết (chết vì những người mình yêu) và sự tha thứ (tha thứ cho những kẻ sát hại bạn), nếu tôi không tin rằng sức mạnh của Chúa là một Siêu-sức mạnh có bản chất từ bỏ việc sử dụng sức mạnh đối với các sinh vật vì tình yêu, tôi hoàn toàn có thể hiểu rằng người ta sẽ dễ dàng rơi vào cám dỗ của giấc mơ hư vô, và tôi sẽ không bao giờ buộc tội những người đồng thời với tôi rằng giấc mơ này quyến rũ họ.

Nhưng mọi thứ thay đổi nếu toàn năng của Chúa là toàn năng của tình yêu. Giữa một quyền năng tối thượng và một tình yêu tối thượng, có một sự khác biệt hoàn toàn; theo nghĩa đen, có một vực thẳm. Người Kitô hữu

không nói rằng họ tin rằng Thiên Chúa là toàn năng, họ nói rằng họ tin vào một Thiên Chúa Cha toàn năng. Tầm quan trọng quyết định của giới từ «vào» theo sau bởi một tên người ! Trong Kinh Tin Kính, sự khẳng định về Chúa và quyền năng tuyệt đối của Ngài được tiếp nhận và hiểu trong một chuyển động của niềm tin và tình yêu mà chính tiền tố nhỏ này diễn đạt. Nói : tôi tin vào bạn, có nghĩa là : tôi biết rằng quyền năng của bạn không phải là một mối nguy cho tự do của tôi, mà ngược lại, nó phục vụ cho tự do của tôi. «Tin vào», tất cả đều ở đó.

Chàng trai nói với cô gái rằng anh ấy tin tưởng vào cô ấy - đó là những lời nặng nghĩa - không phải là : tôi nhận thấy sự tồn tại và những phẩm chất của em ; tôi tin rằng em là thế này hay thế kia ; tôi tin những thông tin mà người ta đã cho tôi về em ; tôi tin tất cả những sự thật liên quan đến em. Anh ấy nói chính xác như thế này : anh trao cho em niềm tin của anh ; anh cam kết hoàn toàn với em, em sẽ là trung tâm của cuộc đời anh từ bây giờ; anh sẽ tự hạ mình để từ nay trung tâm của sự tồn tại của anh không còn là anh, mà là em; anh giao phó cho em, bằng một hành động hiến dâng bản thân mình, việc chăm sóc hạnh phúc của anh ; em xứng đáng được yêu và anh yêu em, anh muốn phụ thuộc vào em. Yêu là đồng ý phụ thuộc vào tình yêu. Từ tiếng Pháp cổ

«fiance» (hôn phu), đã trở nên lỗi thời, vẫn tồn tại trong «confiance» (tin tưởng) và trong «fiancé» (hứa hôn). «Fiance» là niềm tin tương hỗ nơi tình yêu, đức tin và niềm vui hòa quyện thành một.

Đó là cách mà đức tin là sự thúc đẩy của toàn bộ con người hướng về Chúa, sự cam kết từ sâu thẳm bên trong; nếu không, đó không phải là đức tin. Động lực này sẽ là sự điên rồ, điên cuồng nếu chúng ta không chắc chắn rằng Thiên Chúa chỉ mạnh mẽ khi yêu, rằng tình yêu chứ không phải sức mạnh mới là bản chất của Thiên Chúa, rằng sức mạnh là một thuộc tính của tình yêu. Tin tưởng vô điều kiện vào một quyền lực có thể nguy hiểm cho tự do của tôi, đó là điên rồ. Từ bỏ bản thân cho một người không có sức mạnh, đó cũng là một sự điên rồ. Và ý tưởng về một tình yêu thiếu sức mạnh hoặc năng lượng là một ý tưởng điên rồ, vô lý. Nhưng điều ngược lại, được mang đầy ý nghĩa tuyệt vời, là sự đón nhận Năng lượng yêu thương. Nhưng Thánh Thần chính là điều đó: đó là một năng lượng thiêng liêng của tình yêu, được ban cho chúng ta.

Thật ra, không có gì truyền thống hơn, không có gì kiên định hơn ở các Giáo phụ của Giáo hội về việc nhấn mạnh giới từ «vào» và tầm quan trọng giáo lý của nó khi nó được theo sau bởi một tên người. Đó là một

lỗi ngữ pháp, tức là một sự sai sót ngữ pháp. Nhưng chính các nhà văn Kitô giáo, bắt đầu từ thánh Gioan, đã không ngần ngại vi phạm ngữ pháp để diễn đạt rõ hơn bí nhiệm của đức tin. «Công việc của Thiên Chúa, Chúa Giêsu nói, là các bạn tin vào Đấng mà Ngài đã sai đến» (Ga 6, 29).

Tin vào toàn năng của Chúa, tin rằng Chúa là toàn năng, mà không tin vào Ngài, không có gì có thể làm sai lệch đời sống tôn giáo từ gốc rễ. Không có gì như vậy để sinh ra một tâm lý ma thuật. Lịch sử các tôn giáo cho thấy rằng tư duy và các thực hành ma thuật đã phát triển mạnh mẽ trong lịch sử và vẫn còn phát triển cho đến ngày nay, ngay cả trong môi trường Kitô giáo, bất chấp sự trang trọng của từ ngữ trong giáo hội. Không nên bị lừa bởi những từ ngữ. Điều thường xuyên xảy ra đối với Thiên Chúa là lợi ích và nỗi sợ hãi. Đó là lợi ích điều khiển việc người ta tìm cách sử dụng quyền năng tối thượng cho lợi ích của mình ; và đó là nỗi sợ hãi yêu cầu người ta tìm cách bảo vệ mình khỏi nguy hiểm mà nó chứa đựng. Tất cả những điều này không liên quan gì đến đức tin. Đó là phép thuật. Nếu có thể phân tâm học những gì đang diễn ra trong tâm trí của một số Kitô hữu kém giáo dục, chúng ta sẽ nhận ra rằng họ thầm nghĩ : «Chúa đang bận rộn gì trên thiên đường của Ngài? Ngài đang chuẩn bị cho tôi điều gì ? Hạnh phúc

hay bất hạnh? Sức khỏe hay bệnh tật ? Thành công hay thất bại ? Vì lợi ích và vì sợ hãi, tôi sẽ cầu xin Ngài đừng bận rộn khó chịu gì cho tôi».

Cho đến ngày mà cám dỗ xuất hiện để trừ khử mối đe dọa một cách triệt để bằng cách đơn giản nói rằng : không có Chúa toàn năng. Đó là lúc chủ nghĩa vô thần xuất hiện trong ý thức của người lớn như một thái độ hợp lý nhất. Điều này không hoàn toàn sai. Chỉ cần đừng quên lời của Pascal : «Chủ nghĩa vô thần, dấu hiệu của sức mạnh tinh thần, nhưng chỉ đến một mức độ nhất định thôi.» Bởi vì, dưới bầu trời trở nên hoang vắng, trống rỗng của một đấng tối cao toàn năng, những quyền lực khác xuất hiện và phát triển, những quyền lực mà chúng ta không ngần ngại tuyệt đối hóa một cách vui vẻ trên mọi phương diện của cuộc sống cá nhân và tập thể. Những quyền lực này, chúng ta biết rõ: tiền bạc, tình dục, chủng tộc, đảng phái, v.v. Không có gì thiêng liêng hơn một thế giới được cho là đã mất đi tính thiêng liêng. Mọi thứ ở đó có thể trở thành sức mạnh của thống trị, của áp bức, của hủy diệt. Mọi sự biến đổi của nền văn minh đều là, theo một cách nào đó, một sự biến đổi của thờ phượng thần thánh.

Tất cả những điều này, dù là ma thuật mê tín hay chủ nghĩa vô thần phủ nhận (tùy chọn), đều không thể tránh khỏi nếu quyền năng của Chúa không được hiểu như quyền năng của tình yêu. Người Kitô hữu tin vào toàn năng của tình yêu. Đức tin là một hành động thân mật của tự do, cam kết sâu sắc nhất của bản thân và đưa anh ta vào chuyển động hướng tới một Tình Yêu chỉ biết yêu thương. Người Kitô hữu không nói rằng họ tin vào Thiên Chúa toàn năng ; họ nói rằng họ tin vào Thiên Chúa Cha toàn năng. Điều mà ông tuyên bố, điều mà ông hát, đó là sức mạnh của một Cha. Cấu trúc của Kinh Tin Kính là ba ngôi. [55] Tôi không tin, các tín hữu Kitô giáo không tin rằng Thiên Chúa là một Narcisse vĩnh cửu tự ngắm mình, tự ngưỡng mộ mình, tự chiếm hữu mình, tự chìm đắm trong mình, tự mê đắm trong mình. Tin vào một vị thần như vậy rõ ràng là vô lý. Tôi có thể chỉ nghĩ rằng vị thần tự mãn này hiện hữu mà thôi. Và còn nữa ! Nhưng tin tưởng vào anh ta, chắc chắn là không.

Nếu giới từ «vào» là thiết yếu cho hành động đức tin, Người mà tôi tin tưởng chỉ có thể là Cha. Và nếu tôi

55 Để phát triển tuyên bố này, hãy tham khảo H. de Lubac, Đức tin Kitô giáo: Một bài luận về cấu trúc của Kinh Tin Kính của các Tông đồ, chương hai : «Biểu tượng Ba Ngôi», Aubier, ed. 2, 1970, tr. 61-99.

gọi tên Chúa Cha, điều đó đòi hỏi rằng, trong cùng một dòng chảy của tư tưởng và tình yêu, tôi cũng gọi tên Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Nói rằng Thiên Chúa là Tình Yêu và nói rằng Ngài là Ba Ngôi, đó chính là một điều giống nhau.

Tiến trình khám phá một Thiên Chúa duy nhất và ba ngôi

Để chiêm ngưỡng bí nhiệm của Ba Ngôi, chúng ta cần suy ngẫm như Giáo hội đã suy ngẫm trong lịch sử. Người Kitô hữu không suy nghĩ như một triết gia, người mà theo một cách nào đó, tự tạo ra chân lý của mình và đề xuất nó cho những người khác. Người Kitô hữu không sáng tạo ra sự thật, họ nhận lấy nó. Anh ấy suy ngẫm, tất nhiên, về chân lý mà anh ấy tiếp nhận nhưng, trước hết, bằng cách tiếp nối kinh nghiệm nhiều thế kỷ của Giáo hội. Tuy nhiên, Giáo hội đã suy ngẫm từ sự Khải Huyền của Chúa Giêsu Kitô.

Người này là ai ? Các tông đồ chỉ khẳng định đức tin của họ vào thần tính thực sự của Chúa Giêsu sau một quá trình dài. Họ đã đầu tiên nghe thấy Chúa Giê-su gọi Thiên Chúa là «Cha», sử dụng một từ Abba có nghĩa là «cha yêu quý» và biểu thị sự phó thác của con cái vào cội rễ của sự tồn tại. Trong lời cầu nguyện của tôi, tôi cố gắng hình dung sự kinh ngạc của các tông đồ khi nghe Chúa Giêsu nói:

Abba, Cha. Họ đã thấy Chúa Giêsu hành động theo một trải nghiệm về Thiên Chúa và về người như nhau lập tức. Ngài hiện ra với họ như một người vừa là Thiên Chúa nhìn ngắm con người vừa là con người nhìn ngắm Thiên Chúa. Họ đã chứng kiến sự thân mật giữa một người và Thiên Chúa tuyệt đối độc nhất, không chỉ diễn ra trước mặt họ, mà còn vì họ, vì Chúa Giêsu mời gọi họ chia sẻ : «Hãy nói như Thầy : Abba, Cha» (Mt 6, 9).

Sự gần gũi được duy trì trong nỗi khổ đau tột cùng, khi Cha im lặng, dường như vắng mặt và con người thì tàn nhẫn một cách thái quá : «Cha, con phó thác linh hồn con trong tay Cha... Xin tha thứ cho họ.» Khi Chúa Giê-su sống lại, rõ ràng rằng Thiên Chúa ở với người này. Nhưng câu hỏi vẫn còn là liệu người này có phải là Chúa không. Chúa và Giê-su có phải là hai hay một ?

Vào lễ Ngũ Tuần, các tông đồ được tràn ngập bởi Thần Khí của Chúa Giêsu. Họ giờ đây có trong mình Đấng mà Chúa Giêsu đã có trong Ngài, Đấng mà qua đó Chúa Giêsu trở thành những gì Ngài đã trở thành. Ngài dẫn dắt họ đến những hành động giống nhau - Sách Công Vụ Tông Đồ -, đối mặt với những rủi ro giống nhau, với cùng một lòng dũng cảm trong cái chết. Đó chính là Thánh Thần của Chúa Giêsu nhưng không thể là gì khác ngoài Thánh Thần của Thiên Chúa, vì chỉ

có Thiên Chúa mới có thể ban Thánh Thần của Ngài. Chúng ta, chúng ta không thể cho đi tinh thần của mình, vì nó là điều hoàn toàn cá nhân của chúng ta. Tôi có thể cho đi kiến thức của mình, văn hóa của mình nhưng cho đi tâm hồn của mình là điều hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi. Vì vậy, chỉ vào lễ Ngũ Tuần, các tông đồ mới khẳng định rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa. Tuy nhiên, người này, người là Thiên Chúa, nói : «Ngài» với Thiên Chúa. Chúa nói với Chúa. Chúa tự gọi mình là «người được Chúa sai đến». Chúa có «thức ăn là làm theo ý muốn của Chúa». Vì vậy, có một sự phân đôi trong Thiên Chúa. Và Thần Linh, mà Ngài đã nói đến ? Ngài cũng là Thiên Chúa, vì vậy Ngài là Đấng Thứ Ba.

Đây là cách mà Giáo hội, đứng trước nghịch lý của một Thiên Chúa vừa nhất vừa ba, đã rất nhanh chóng hiểu rằng, nếu điều này không được duy trì một cách nghiêm ngặt, thì hy vọng nhân loại sẽ chấm dứt. «Nếu Nhập Thể, như Cyril thành Giêrusalem nói, chỉ là một tưởng tượng thuần túy, thì sự cứu rỗi cũng sẽ chỉ là một tưởng tượng thuần túy.» [56] Nếu Thiên Chúa không làm người, làm sao con người có thể được thần thánh hóa? Và làm thế nào một Thiên Chúa chỉ là một người có thể nhập thể ? Một người-Thiên Chúa như vậy sẽ không

56 Bài giáo lý thứ tư, được trích dẫn bởi H. de Lubac, tác phẩm đã dẫn, tr. 106.

biết đến một Thiên Chúa nào khác ngoài chính mình, Ngài sẽ không thể nói chuyện với một Đấng khác, Ngài sẽ là Kẻ Tôn Thờ chính mình. Vậy làm sao Ngài có thể là con người trọn vẹn, nếu đúng là con người chỉ có thể được định nghĩa qua mối quan hệ của mình với một Đấng Khác ?

Giáo hội đã tiến hành một cuộc chiến đam mê trong những thế kỷ đầu tiên của lịch sử Giáo Hội để chiều sâu của bí ẩn không bị xóa bỏ vì lợi ích của một sự hiểu biết ngay lập tức. Đó là cám dỗ của sự thiếu kiên nhẫn, hiện nay hơn bao giờ hết : xóa bỏ mọi thứ, vì chúng ta muốn hiểu ngay lập tức. Khi nói đến sự thật, Chúa Thánh Thần, bất chấp những cám dỗ của những thỏa hiệp tầm thường của chúng ta, luôn duy trì yêu cầu về một sự hiểu biết cao hơn mà chỉ đạt được một cách chậm rãi và khó nhọc. Giáo hội đã tuân theo một logic nghiêm ngặt yêu cầu không bao giờ tách rời, trong sự thống nhất của đức tin, niềm tin ba lần vào sự thần thánh hóa của nhân loại, vào thần tính của Chúa Giê-su Ki-tô, vào Ba Ngôi. Bởi vì, nếu Thiên Chúa không phải là Ba Ngôi, thì Nhập Thể chỉ là một huyền thoại, và nếu Nhập Thể chỉ là một huyền thoại, thì con người không thể trở thành thần thánh. Tất cả đều liên kết với nhau.

Ba Ngôi thực hiện hoàn hảo lời nguyện của tình yêu

Đó là tình yêu mà chúng ta đang nói đến. Chúng ta có nguy cơ lạc lối khi tìm kiếm sự hiểu biết về bí ẩn của Thiên Chúa bằng những con đường khác ngoài tình yêu. Chúng ta cần suy ngẫm từ trải nghiệm con người về tình yêu và từ sự thất vọng mà tất cả chúng ta, ít nhiều, đều trải qua trong tình yêu.

Thật vậy, ước nguyện sâu xa của tình yêu mà chúng ta sống trong hôn nhân, tình yêu anh em hoặc tình yêu con cái, tình bạn hoặc cuộc sống cộng đồng là gì ? Lời nguyện của tình yêu là trở thành người khác, trong khi vẫn là chính mình, để người khác và tôi không chỉ gắn bó mà thực sự trở thành một. Kinh nghiệm con người về tình yêu là niềm vui và nỗi đau hòa quyện. Niềm vui kỳ diệu khi nói với người mình yêu : em và anh, chúng ta không phải là hai, mà là một. Nỗi đau khi phải thừa nhận rằng khi nói điều đó, ta không nói về cái gì đang tồn tại, mà về cái mà ta muốn nó tồn tại và không thể tồn tại. Bởi vì nếu người yêu và người được yêu không còn là hai, thì sẽ không còn người khác, và do đó, tình yêu sẽ bị bãi bỏ. Như những người tốt bụng thường nói, để yêu, cần phải có hai người.

Nghe hai nhân vật của Gabriel Marcel đối thoại trong *Trái tim của những người khác* : «Em và anh, Daniel nói với vợ mình, chúng ta không phải là hai người.» Vợ anh, người rất tinh tế, đáp : «Đó chính là điều đôi khi làm em sợ; anh dường như không bao giờ coi em là một người khác. Khi chúng ta chỉ còn lại một người... làm sao tôi giải thích điều này cho bạn ? Chúng ta không còn cho nhau gì nữa... Và điều đó thật tồi tệ, vì nó có thể trở thành một cái cớ để chỉ nghĩ đến bản thân.» Nếu em và anh chỉ là một, chúng ta yêu chính chúng ta. Nhưng tình yêu bản thân không phải là tình yêu, nó là sự tự mãn với bản thân, nó không phải là sự cho đi hay sự tiếp nhận.

Tình yêu vừa muốn sự phân biệt vừa muốn sự thống nhất. Trong điều kiện con người, ước muốn sâu sắc này: không chỉ được kết hợp với người khác mà còn hòa làm một với họ, trong khi vẫn giữ được bản thân, là không thể cưỡng lại và không thể thực hiện được. Đó là lý do tại sao không ai vào được vương quốc của tình yêu mà không chịu đựng đau khổ. Nhưng, trong Chúa, lời nguyện của tình yêu được đáp ứng mãi mãi : đó chính là bí mật của Ba Ngôi. Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần thực sự phân biệt nhau, đến mức không thể có sự nhầm lẫn nào : Chúa Cha không biến mất trong Chúa Con, Chúa Con không biến mất trong Chúa Cha,

Chúa Cha và Chúa Con không biến mất trong Chúa Thánh Thần. Họ là một, trong khi vẫn hoàn toàn khác biệt.

Ba Ngôi, không phải là ba người đứng cạnh nhau mà là ba sự rộng lượng trao cho nhau một cách trọn vẹn. Mỗi Ngôi Ba chỉ tồn tại cho chính mình khi là cho hai Ngôi kia. Chúa Cha không tồn tại như Chúa Cha tách biệt với Chúa Con trừ khi Ngài hoàn toàn hiến mình cho Chúa Con ; Chúa Con không tồn tại như Chúa Con tách biệt với Chúa Cha trừ khi Ngài hoàn toàn là động lực của tình yêu dành cho Chúa Cha. Chúa Cha không tồn tại trước hết như một ngôi vị tự tồn tại trong chính mình và vì chính mình : chính hành động sinh ra Chúa Con mới làm cho Ngài trở thành một ngôi vị. Nếu không có Con, Ngài sẽ không phải là Cha, điều đó rất rõ ràng. Mỗi người chỉ là chính mình khi ra khỏi chính mình. Cô ấy được đặt trong sự tồn tại bằng cách được đặt trong người khác. Trong Chúa Cha, trong Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần, có sự không thể nào có sự thu mình lại dù chỉ một chút. Chúa không «chú ý đến bản thân», như Maurice Zundel đã viết.

Ba ngôi trong một Thiên Chúa duy nhất

Tại sao ba ngôi (chứ không phải bốn hay mười, như triết gia Kant yêu cầu) ? Chúng ta có thể đề xuất hai cách tiếp cận đối với bí ẩn của Chúa Thánh Thần. Cái đầu tiên bắt nguồn từ yêu cầu về sự tương hỗ, điều thiết yếu cho sự hoàn hảo của tình yêu. Trong tình yêu con người, sự tương hỗ này, chúng ta chỉ nhận thấy qua các dấu hiệu; bản thân nó, nó thoát khỏi những người yêu nhau. «Anh yêu em, người vợ của anh và anh thấy em yêu anh qua những lời em nói, qua những cử chỉ em làm, qua cách em đối xử với anh. Nhưng anh không thấy chính tình yêu của em. Từ đó mà có nỗi đau này, sự cám dỗ của nghi ngờ, vào những giờ phút nhất định, khi những lời nói, những cử chỉ, hành vi này dường như kém mãnh liệt hơn, kém tự nhiên hơn. Nếu tôi thấy tình yêu, những dao động này sẽ không tồn tại, nhưng tôi chỉ thấy những dấu hiệu. Đó là lý do tại sao trong tôi có một khao khát mãnh liệt muốn biết tình yêu của bạn không chỉ qua những dấu hiệu này, mà sự hiện diện của chúng làm tôi mê mẩn và mang lại cho tôi tất cả hạnh phúc, nhưng sự giảm bớt của chúng làm tôi đau đớn và sự vắng mặt của chúng làm tôi tuyệt vọng.» Thánh Augustin đã viết về điều này một trong những câu nói thân thuộc với trí nhớ mà ông có tài năng : «Cô ấy thấy anh ấy, anh ấy thấy cô ấy, không ai thấy được tình yêu.»

Trong Ba Ngôi, nơi sự tương hỗ là hoàn hảo, Tình Yêu chính là một ngôi vị, Chúa Thánh Thần : Tình Yêu của Chúa Cha dành cho Chúa Con, Tình Yêu của Chúa Con dành cho Chúa Cha. Nụ hôn chung, nếu muốn. Sự tương hỗ của tình yêu được thể hiện qua con người, theo nghĩa mà chúng ta có thể nói : Mozart là âm nhạc được làm ra bởi con người. Tình yêu được trải nghiệm trong sự trọn vẹn : có Người yêu, Người được yêu và Tình yêu. Người yêu được yêu, người được yêu yêu và Tình yêu là động lực của động lực này mà qua đó hai người chỉ là một, trong khi vẫn khác biệt.

Một cách tiếp cận khác đối với bí ẩn của người thứ ba có thể được thử nghiệm từ yêu cầu về sự thuần khiết, cũng thiết yếu cho sự hoàn hảo của tình yêu. Tôi hiểu bằng sự thuần khiết là sự loại trừ mọi ích kỷ, mọi sở hữu. Trong Thiên Chúa, không có dấu vết của sự sở hữu bản thân, vì tình yêu không thể là sở hữu. Nếu không có người thứ ba, Cha sẽ tìm thấy trong Con, và Con trong Cha, một sự sở hữu bản thân. Người khác sẽ là một sự phản chiếu của chính mình, một sự mở rộng của chính mình. Một chút giống như một người cha thực sự đã hy sinh vì con trai của mình, đã cho nó tất cả; khi ông ta ngắm nhìn con trai mình, ông ta thấy chính mình : tôi là người đã cho tất cả cho con trai mình. Người Cha sẽ tìm thấy chính mình trong Con; và, cũng vậy, Con trong

Cha. Nhưng nếu tình yêu lẫn nhau của Cha và Con mở ra với một người thứ ba, thì có sự loại trừ tuyệt đối của mọi hình thức sở hữu, mọi cái nhìn về bản thân. Đó là sự thuần khiết tuyệt đối của tình yêu. Sự Nghèo Khó của Thiên Chúa.

Sống là yêu

Yêu thương là tồn tại và sống vì người khác và nhờ người khác, vì những người khác và nhờ những người khác, không bao giờ vì bản thân và cho bản thân. Mỗi một trong ba ngôi vị thần thánh chỉ là chính mình khi hiện hữu vì và cho hai ngôi vị kia. Đối với người khác: đó là sự cho đi; qua người khác: đó là sự tiếp nhận. Chào đón và cho đi, đó là yêu thương. Chúa là một Quyền năng vô hạn, tức là không có giới hạn, từ bỏ việc tồn tại cho chính mình và bởi chính mình. Thay thế «quyền lực» bằng «năng lượng», có thể dịch tốt hơn, ít mơ hồ hơn, từ tiếng Hy Lạp dunamis. Hoặc là «năng động».

Tôi tin vào một Thiên Chúa mà năng lượng yêu thương, động lực yêu thương của Ngài là vô hạn. Tôi tin vào một Năng lượng vô hạn của sự từ bỏ bản thân vì người khác và vì người khác. Tôi tin vào Năng lượng vĩnh cửu của một Ý chí vô hạn để sống vì người khác và bởi người khác. Hoặc nữa : tôi tin rằng Chúa là một

Sự Bất Lực tuyệt đối trong việc thu mình lại, trong việc quay về với chính mình.

Điều được tiết lộ cho chúng ta là mối quan hệ tình yêu là hình thức nguyên thủy của sự tồn tại. Hoặc, điều này có nghĩa là, bản chất của sự tồn tại là tình yêu hoặc sự hiệp thông. Mầu nhiệm Ba Ngôi soi sáng mọi ngã đường của sự tồn tại con người.

Bởi vì chúng ta biết ai là Thiên Chúa, mặc dù điều đó rất bí ẩn, chúng ta biết chúng ta phải trở thành gì. Chắc chắn, như giáo lý trước chiến tranh đã nói, Thiên Chúa là vô hạn và là tinh thần thuần khiết nhưng, khi thánh Phaolô nói với tôi rằng tôi phải «bắt chước Thiên Chúa» (Ep 5, 1) và cả cuộc đời tôi là để giống Thiên Chúa, tôi không thấy rõ làm thế nào tôi có thể giống một tinh thần thuần khiết vô hạn. Trong định nghĩa đó, đó là những thuộc tính của Chúa mà tôi hoàn toàn không thể bắt chước. Trong khi đó, nếu điều cốt lõi của Mạc Khải Kitô giáo là Thiên Chúa là tình yêu, tôi hiểu rằng tôi phải thực sự cố gắng yêu thương và toàn bộ cuộc sống phải quay về yêu thương.

Con người là gì ? Đó là con người thực hiện bản thân mình bằng cách cho đi và, không tìm kiếm chính mình, tìm thấy mình trong người khác. Cuộc sống được ban cho chúng ta để chúng ta hướng tới người khác, nhằm

trao tặng bản thân cho họ như ba ngôi vị thần thánh làm với nhau. Hướng tới họ, không phải để chinh phục, sở hữu hay thôn tính họ mà để làm phong phú và nâng cao họ. Thánh Augustin nói : «Chúng ta không nên yêu con người như những người sành ăn yêu thích chim nhại, vì yêu con người không phải là muốn đồng hóa họ.» Chúng ta không nên yêu họ vì bản thân mình mà vì họ.

Để yêu như ba ngôi Thiên Chúa yêu nhau, cần phải là chính mình, sâu sắc và ý thức nhất có thể. Phải muốn cho người khác được như vậy, càng sâu sắc và ý thức càng tốt. Và không chỉ muốn họ như vậy trong suy nghĩ, trong mong muốn mà còn hành động để họ trở thành như vậy. Tôi muốn bạn là chính bạn và tôi hoàn toàn cống hiến để bạn trở thành chính bạn. Điều gì đúng với các cá nhân cũng đúng với các tổ quốc, các chủng tộc và các nền văn minh.

Sự thống nhất thực sự không phải là sự độc nhất mà là sự phong phú của một đa dạng được gắn kết bởi tình yêu. Một bản giao hưởng được tạo thành từ sự đa dạng của các nốt nhạc chỉ có giá trị trong mối quan hệ mà chúng duy trì với nhau. Nhưng mỗi nốt phải giữ nguyên bản thân mình và muốn những nốt khác cũng giữ nguyên bản thân mình, vì nếu nó biến mất, hợp âm sẽ không còn là một mà sẽ nghèo hơn. Lý tưởng của

dàn nhạc không phải là chỉ có violon. Đàn violon phải muốn đàn cello trở thành cello hoàn toàn, đàn flûte trở thành flûte hoàn toàn và sự phân biệt, sự phong phú và sự đa dạng của các nhạc cụ này tạo thành một dàn nhạc thực sự thống nhất.

Tình yêu ba ngôi buộc chúng ta phải loại trừ ý chí quyền lực và ham muốn thôn tính, nhưng cũng cả «ý chí yếu đuối» và sự hèn nhát của những kẻ bị thôn tính.

Dù là về cuộc sống cá nhân thân mật nhất của chúng ta hay việc thực hiện tự do của chúng ta ở các cấp độ khác nhau của gia đình, nghề nghiệp, nhà nước hoặc xã hội quốc tế, tất cả đều quay về việc không lừa dối về tình yêu. Để dạy cho con người biết yêu là gì, những điều kiện, hậu quả và hệ lụy của tình yêu là gì, cũng như những sự giả mạo và ảo tưởng có thể có của nó, Giáo hội đã hỏi Thánh Thần mà Ngài đã được ban cho qua các thế kỷ. Chỉ một mình Ngài biết bí mật của Thiên Chúa. Ngài ban cho chúng ta Năng lượng để sống như Thiên Chúa sống, để yêu như Thiên Chúa yêu. Đó là hình thức tồn tại cao nhất mà chúng tôi tin rằng con người có thể đạt được, nếu, ít nhất, họ chấp nhận nó như một món quà (bởi vì, bản thân nó, là không thể tiếp cận) và nếu họ không từ chối, như Maurice Blondel thường nói, «phí tổn» mà là món quà tự hy sinh bản thân.

THIÊN CHÚA TẠO CON NGƯỜI SÁNG TẠO [57]

Mầu nhiệm Sáng thế có lẽ là bí ẩn khó khăn nhất, bí ẩn huyền bí nhất trong tất cả các bí ẩn Kitô giáo. Phải cố gắng nói một điều gì đó về nó, nếu đúng là hiện tại chủ nghĩa vô thần đang diễn ra trên bí ẩn của Sáng thế. Thực ra, điều mà những người vô thần phủ nhận không phải là sự siêu việt như vậy, mà là một vị thần sáng tạo bởi vì, theo họ, nếu Chúa tạo ra chúng ta, thì không thể nào chúng ta thực sự là những con người tự do. Chúng ta sẽ, theo một cách nào đó, là những vật thể trong tay của Đấng Tạo Hóa, «những con búp bê trong tay của các vị thần», như một nhân vật trong Plato đã nói. Điều này rõ ràng là trái ngược với phẩm giá của con người. Chúng ta đang đối diện với một chủ đề cơ bản. Và ngay cả khi chúng ta không thể nói những điều rất tích cực,

57 Bản thảo : «Những câu chuyện sáng tạo trong Sáng thế ký» và «Ý nghĩa Kitô giáo của sự sáng tạo», số 1 và 2 của loạt bài viết năm 1975-1976 (số 2 là bản sao của một bài giảng được trình bày tại Grenoble vào tháng 12 năm 1972) ; «Đấng Tạo Hóa trời và đất», số 2 của loạt bài về phần đầu tiên của Kinh Tin Kính được viết năm 1977-1978. - Bản sao : Boulogne (18 tháng 11 năm 1969) ; Auteuil (13 tháng 10 và 10 tháng 11 năm 1975) ; Lyon-Sainte-Hélène (6 tháng 11 năm 1975) ; Pau (tháng 10 năm 1975) ; Carcassonne : «Các tín điều, để làm gì ? » (26 tháng 1 năm 1978).

thì việc loại bỏ một số tưởng tượng chỉ có thể làm cho người không tin hoặc người vô thần cảm thấy khó chịu là điều quan trọng.

Nhận xét sơ lược

Khi đề cập đến một chủ đề như vậy, phải từ bỏ mọi sự tưởng tượng bằng mọi giá. Tôi biết rằng điều này rất khó khăn, vì chúng ta thường nhanh chóng tưởng tượng ra mọi thứ hơn là thực sự hiểu chúng ; và khi chúng ta không thể tưởng tượng ra, chúng ta tuyên bố rằng chúng ta không hiểu. Vì vậy, cần phải nỗ lực nghiêm túc để hoàn toàn kiềm chế trí tưởng tượng. Cũng như không thể tưởng tượng ra Thiên Chúa, không thể tưởng tượng ra hành động sáng tạo của Ngài, hành động mà Ngài tạo ra thế giới.

Chúng ta cũng phải chế ngự sự tò mò của mình, ngay cả sự tò mò trí thức, vì Mạc Khải không đề cập đến những chân lý nhằm thỏa mãn sự tò mò của con người về Thiên Chúa. Kitô giáo không phải là một triết lý, Mạc Khải không nằm ở cấp độ giải thích các sự vật, nó soi sáng con đường chúng ta đi đến Thiên Chúa, điều này hoàn toàn khác biệt. Mạc Khải cho chúng ta biết điều gì đó về Thiên Chúa và điều gì đó về con người trong mức độ cần thiết cho sự thật của mối quan hệ sống động, thực sự của chúng ta với Thiên Chúa.

Vì vậy, việc hiểu rõ sự khác biệt giữa giải thích và ý nghĩa là hoàn toàn cần thiết. Bởi vì đức tin không bao giờ nằm ở cấp độ của sự giải thích khoa học và triết học, mà luôn nằm ở cấp độ của ý nghĩa, tức là ý nghĩa của sự tồn tại của chúng ta. Sự phân biệt này là hoàn toàn cần thiết và lỗi lầm của nhiều người là yêu cầu tôn giáo cung cấp những thông tin thuộc về khoa học. Không phải tôn giáo nói với bạn rằng nước đóng băng ở 0 độ hay tổng các góc của một tam giác bằng 180°. Tôi tưởng tượng một người đàn ông, thực sự là một bộ óc siêu phàm, thành thạo trong nhiều lĩnh vực, người có thể giải thích thế giới đến mức có thể đối với một người đàn ông. Nếu vợ anh ta phản bội, nhà khoa học này có khả năng tự sát vì đối với anh ta, cuộc sống không còn ý nghĩa, không còn mục đích; anh ta không còn lý do để sống. Ý nghĩa cuộc đời của ông không phải là những giải thích ông tìm thấy trong khoa học mà là tình yêu của vợ ông. Kitô giáo không phải để giải thích thế giới.

Trải nghiệm của một tình yêu giải phóng, một động lực giải phóng [58]

Điều được tiết lộ đầu tiên trong Kinh Thánh không phải là Thiên Chúa sáng tạo mà là Thiên Chúa giải phóng. Điều cốt lõi của Kinh Thánh là Cuộc Xuất Hành, tức là bí mật của sự giải phóng Israel. Và điều cốt lõi của đức tin Kitô giáo của chúng ta là quyền truy cập vào chính tự do của Thiên Chúa, điều mà chúng ta đã gọi là sự thần hóa của chúng ta, với câu nói chính mà tôi lặp lại: chúng ta ở trên trái đất để trở thành bằng sự tham gia những gì Thiên Chúa là theo bản chất. Trong Kinh Thánh, chúng ta không nghe thấy Thiên Chúa nói trước tiên với dân Do Thái : «Chính ta đã tạo ra ngươi» mà đúng hơn : «Chính ta đã giải phóng ngươi, chính ta đã đưa ngươi ra khỏi cảnh nô lệ ở nhà Ai Cập. » Chỉ rất muộn màng, người Do Thái mới đặt ra câu hỏi về sự sáng tạo.

Vì vậy, cần đọc Kinh Thánh không phải bắt đầu từ đầu sách mà từ khởi đầu của trải nghiệm đã sinh ra cuốn sách và đó là của dân tộc Israel. Tôi nói rõ và tôi nhấn mạnh: kinh nghiệm, trải nghiệm, cụ thể, thực tế

---

58 Trong phần đầu tiên này, Cha Varillon sử dụng tập số 21-22, Sự ra đời của Nhà xuất bản Văn hóa và Đức tin, tr. 53 ss., của các Cha P. Ganne và F. Fournier.

trái ngược với khái niệm, lý thuyết, trừu tượng. Trải nghiệm một quả lê hoặc một quả táo, đó là ăn nó, chứ không phải mô tả nó bằng lời. Chúng ta có thể cố gắng mô tả bằng lời hương vị của một loại trái cây nhưng cuối cùng sẽ nói : hãy ăn nó đi. Chúng ta có thể cố gắng mô tả hương thơm của một bông hồng nhưng cuối cùng thì mũi lại là một công cụ hiệu quả hơn để nhận biết so với từ vựng. Chúng ta cũng có thể cố gắng mô tả cảm xúc của tình yêu, có những nhà tiểu thuyết gia cho việc đó. Nhưng nếu bạn không có bất kỳ kinh nghiệm nào về tình yêu, thì mọi mô tả sẽ đối với bạn như một bức thư gần như vô nghĩa, như thể bạn đang đọc tiếng Tàu vậy!

Huống hồ gì khi nói đến sự sáng tạo của con người và thế giới bởi Thiên Chúa. Chúng ta không có trải nghiệm về nguồn gốc ngay từ đầu. Như P. Ganne đã nói, với ý nghĩa của những từ ngữ cơ bản mà ông đặc trưng (bởi vì ông có niềm tin rất vững chắc rằng những gì con người nhìn thấy ít rõ ràng nhất chính là những điều cơ bản nhất và ông hoàn toàn đúng), đứa trẻ đang nằm trên ngực mẹ không tự hỏi trước tiên liệu nó có phải là người thừa kế của Vercingétorix và người Gaul hay không. Điều mà nó tìm kiếm là được giải thoát khỏi những cơn co thắt dạ dày của mình, và mẹ anh ta xuất hiện trước tiên, không phải như người đã sinh ra anh ta, mà như người đang giải thoát anh ta khỏi nỗi khổ đau,

khỏi cơn đói. Chỉ dần dần, khi lùi lại khỏi vòng tay mẹ, đứa trẻ trở thành người lớn mới đặt ra câu hỏi về nguồn gốc và kết thúc của mình ; nhưng điều đó không xảy ra ngay lập tức, không phải là điều đầu tiên.

Tương tự, người Israel không nói Adam trước. Một ý thức cụ thể, thực tế, sống động không bao giờ bắt đầu từ nguồn gốc mà nó quay trở lại từ những gì nó sống cụ thể trong hiện tại của mình. Những nhận xét bình thường này diễn đạt một sự thật rất đơn giản nhưng đôi khi người ta quên mất và, đồng thời, toàn bộ giáo lý bị sai lệch một cách triệt để : «*Đức tin của Israel không đi từ học thuyết đến cuộc sống mà từ cuộc sống đến học thuyết và trải nghiệm ban đầu của Israel, cái mà người ta gọi là trải nghiệm sáng lập, là sự giải phóng khỏi ách nô lệ của Ai Cập.*» Tôi nhắc lại rằng sự giải phóng này - Cuộc Xuất Hành - đã diễn ra vào thế kỷ XIII trước Công nguyên, sớm hơn ít nhất năm thế kỷ so với câu chuyện sáng tạo thứ hai (Sáng thế ký 2 và 3) là câu chuyện cổ nhất và có lẽ thuộc thế kỷ VII; và sớm hơn bảy thế kỷ so với câu chuyện sáng tạo thứ nhất (Sáng thế ký 1) là câu chuyện mới nhất và thuộc thế kỷ VI. [59]

---

59 Để nghiên cứu chi tiết các chương đầu của sách Sáng thế, Cha Varillon tham khảo các ghi chú bài giảng của Cha P. Beauchamp ; và, về khái niệm sáng tạo trong Kinh Thánh, ông tham khảo các cuốn sách của Cl. Tresmontant xuất bản tại Seuil, cũng

Hãy đặt mình, nếu tôi dám nói, vào vị trí của người Israel thế kỷ thứ sáu, và cố gắng sống như họ đang sống. Họ đã bị trục xuất đến Babylon từ đầu thế kỷ. Vậy nên có những người sinh ra trong cảnh lưu đày, xa quê hương tổ tiên, và họ tự hỏi liệu tất cả những gì cha ông họ đã nói có thật sự đúng không. Họ biết rằng ở Jerusalem không còn đền thờ, do đó cũng không còn lễ hội. Về mặt chính trị, dân tộc Do Thái đã bị xóa bỏ khỏi lịch sử. Chúng ta không biết cuộc lưu đày sẽ kéo dài bao lâu. Không có bất kỳ dấu hiệu nào, không có dấu hiệu nào của sự giải phóng. Làm sao không tin rằng Chúa đã bỏ rơi dân Ngài ? Giao ước với Mô-sê, vốn là trái tim của tôn giáo Do Thái, có phải đã bị phá hủy không ? Chúng ta dễ dàng tưởng tượng ra những lời chế giễu của người ngoại giáo, đặc biệt là khi tôn giáo Babylon đang thịnh vượng: có những lễ hội, những cuộc diễu hành rực rỡ ; người ta thờ phượng các thần tượng, người ta thực hành chiêm tinh học. Làm sao không bị cám dỗ, mê hoặc ? Mặt khác, chắc chắn có những cuộc phiêu lưu tình cảm giữa người Do Thái và người Babylon, giữa người Do Thái nữ và người Babylon.

Giavê đang làm gì ? Hình như không làm gì. Trên thực tế, Ngài nói qua các ngôn sứ (như trong Kinh Tin Kính của chúng ta). Các Ngôn sứ nói gì ? Họ nói rằng

như từ vựng thần học Kinh Thánh đã được đề cập.

Chúa không bỏ rơi dân Ngài. Chúa của người Do Thái trung thành, Lời Ngài là một Tảng Đá. Vì vậy, sa mạc sẽ nở hoa trở lại, Giêrusalem sẽ trỗi dậy từ đống đổ nát của nó. Chúa không phải là một Năng lượng giải phóng sao ? Đừng để người Do Thái quên điều đó ! Họ đã từng là nô lệ ở Ai Cập vào khoảng năm 1250, và Chúa đã giải phóng họ. Đã bảy thế kỷ trôi qua, nhưng các dân tộc có một ký ức tập thể. Vì vậy, để lấy lại can đảm, để chống lại sự chán nản và hoài nghi, để giữ vững tinh thần trước những lời chế giễu của người Babylon, để ngăn chặn những người đã bắt đầu trượt dốc vào con đường bỏ đạo, người Do Thái kể cho nhau những chiến công của cuộc Xuất Hành. Những gì Chúa đã làm một lần, Ngài sẽ làm lần thứ hai. Sẽ có một cuộc Xuất Hành mới, một sự tái lập Giao Ước.

Tôi gợi ý bạn bắt đầu đọc Kinh Thánh từ Isaia thứ hai, tức là tác giả của các chương 40 đến 56 trong Sách Isaia, nhà tiên tri của thế kỷ thứ sáu. Bạn sẽ thấy cách mà «trải nghiệm» tôn giáo của Israel là một mối quan hệ với một Thiên Chúa không phải là Tác giả của Tự nhiên, Nguyên nhân đầu tiên của thế giới, mà là một Tình yêu giải phóng.

Nhưng cuộc Xuất Hành không phải là khởi đầu. Điều gì đã xảy ra trước Mô-sê ? Chúng tôi đã nói rằng một ý thức cụ thể không bao giờ bắt đầu từ nguồn gốc mà nó quay trở lại đó. Đứa bé không nói về Vercingétorix trước tiên, nhưng khi lớn lên, nó sẽ đặt câu hỏi về nguồn gốc của nước Pháp, quê hương của nó.

Vào khoảng năm 2000, Abraham cũng đã có một trải nghiệm giải phóng. Ánh sáng của cuộc Xuất Hành, người Do Thái diễn giải cuộc di cư của gia tộc Abraham như một dấu hiệu của sự hiện diện của Chúa. Đã có một Giao ước của Chúa với Abraham. Sau khi đọc sách Isaia thứ hai và sách Xuất Hành, cần đọc trong sách Sáng Thế, câu chuyện về Abraham. Và trước Abraham thì sao ? Đối với người Do Thái, đó là tiền sử. Họ có dừng lại ở ngưỡng này không ? Không, vì họ tin rằng thần của họ là thần duy nhất thật sự (các thần khác chỉ là thần giả). Nếu Chúa của Israel là Chúa duy nhất, Ngài không chỉ là Chúa của người Do Thái, Ngài là Chúa của toàn nhân loại. Đức Chúa Trời đã lập giao ước với Abraham và Moses cũng đã lập giao ước với toàn nhân loại. Đó là điều mà chu kỳ của Nô-ê khẳng định, nơi các tác giả sử dụng những huyền thoại cổ xưa để diễn đạt tính phổ quát của Giao ước. Và trước Nô-ê ? Đó là Adam, tức là con người, toàn thể nhân loại (đó là ý nghĩa của từ Adam).

Giới thiệu này là rất quan trọng, nếu không muốn hiểu sai nghiêm trọng về những chương đầu tiên của Kinh Thánh : tình yêu giải phóng (điều hiển nhiên là Tình yêu là giải phóng, nếu không thì đó không phải là Tình yêu ; tình yêu khiến người ta trở thành nô lệ hoặc giữ người ta làm nô lệ, đó là một mâu thuẫn trong thuật ngữ) hoặc Quyền năng giải phóng, nguồn gốc của lịch sử của người Hebrew cũng là nguồn gốc của mọi thứ tồn tại. Thiên Chúa mà Israel đã trải nghiệm tình yêu giải phóng suốt trong suốt lịch sử của mình, chính Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa của thế giới. Không có nguy cơ nào, do đó, rằng Thiên Chúa xuất hiện như một Quyền lực thống trị hoặc như một Người chế tạo. Ở nguồn gốc của mọi thứ, có cùng một Tình yêu mà Israel đã trải nghiệm trong suốt lịch sử của mình. Bạn sẽ tìm thấy một sự xác nhận cho những gì tôi nói khi đọc kỹ điều này : «Vậy Đức Giê-hô-va, Đấng Giải cứu ngươi, Đấng đã tạo nên ngươi từ trong lòng mẹ : chính Ta, Đức Giê-hô-va, là Đấng đã làm mọi sự, là Đấng đã trải rộng các tầng trời» (Ê-sai 44:24). Đó là rõ ràng nhất có thể : người đã giải phóng Israel chính là người đã tạo ra mọi thứ, Đấng Tạo Hóa chính là Đấng Giải Phóng. Mối liên hệ giữa sáng tạo và giải phóng bùng nổ. Có nhiều đoạn tương tự khác.

Hơn nữa, cần phải hoàn toàn thuyết phục rằng không thể nắm bắt sự bắt đầu của bất cứ điều gì. Hãy cố gắng nắm bắt khoảnh khắc bạn đang chìm vào giấc ngủ, khoảnh khắc mà bạn không thể nói «tôi đang ngủ» hay «tôi không ngủ». Hãy lo sợ rằng bạn sẽ không bao giờ ngủ được. Tương tự đối với việc thức dậy : vào lúc nào bạn có thể nói : «Tôi đang thức dậy» ? Chắc chắn đó sẽ là lúc bạn đã tỉnh dậy rồi. Bạn có thể nói về chính sự ra đời của mình, đến nỗi, không có nhân chứng sống nào kể lại cho bạn, bạn vẫn có thể nói : đây là cách nó đã diễn ra ? Sự ra đời của bạn chắc chắn là một sự kiện, nhưng không phải là một sự kiện đối với ý thức của bạn. Chúng ta cũng không thể nắm bắt được khởi đầu của lịch sử. Việc nắm bắt sự khởi đầu của thế giới là hoàn toàn không thể, vì không thể tưởng tượng được rằng có bất kỳ chứng cứ nào còn lại từ một người có ý thức rằng họ là sự khởi đầu tuyệt đối của nhân loại. Chúng ta sẽ không bao giờ viết chương đầu tiên của lịch sử nhân loại, tôi nói trên một phương diện hoàn toàn lịch sử. Cách nắm bắt duy nhất có thể là suy ngẫm dựa trên một trải nghiệm hiện tại.

Nhấn mạnh cùng với Cha Ganne : «*Chính Giao ước mang lại ý nghĩa cho Sáng thế : đức tin vào Đấng Tạo Hóa là sự công nhận một Quyền năng giải phóng có nguồn gốc từ những khởi đầu, và bao trùm toàn bộ vũ*

trụ.» [60]

Loại Bỏ Ba Từ Nguy Hiểm

Điều quan trọng là phải loại bỏ khỏi tâm trí chúng ta, với tất cả sức mạnh mà chúng ta có thể, một số tưởng tượng sai lầm và đáng sợ, đã được kết tinh trong một số từ ngữ nhất định mà chúng ta sử dụng một cách nhẹ nhàng và cần phải chỉ trích mạnh mẽ sự phát sinh, chế tạo, khởi đầu. Tôi đề nghị thay thế:

- sự phát sinh qua sự phân biệt hoặc khác biệt (sự tồn tại của một Kẻ Khác) ;

- chế tạo qua sự hình thành ;

- khởi đầu bằng sự phụ thuộc triệt để (của con người đối với Thiên Chúa).

1) SỰ PHÁT XUẤT : đôi khi người ta hình dung sự sáng tạo như một sự phát xuất, như thể thế giới phát xuất từ Thiên Chúa như dòng sông phát xuất từ nguồn hoặc tấm ánh sáng từ một ngọn lửa sáng. Đó không phải là ý tưởng của Do Thái-Kitô giáo : thế giới không phải là một sự phát sinh từ Thiên Chúa. Nếu thế giới là một sự phát sinh từ Thiên Chúa, thì phải nói rằng nó là

60 P. Ganne và Fr. Fournier, loc. cit., tr. 59

cần thiết. Thật vậy, ngay khi có nguồn, có dòng chảy phát sinh một cách cần thiết ; ngay khi có tâm điểm sáng, có tia sáng và lớp ánh sáng. Câu hỏi này quan trọng, vì trong các tôn giáo khác, chẳng hạn như các tôn giáo phương Đông, thế giới thực sự được hiểu là một sự phát sinh cần thiết từ Thiên Chúa.

Nếu thế giới phát sinh từ Thiên Chúa như dòng sông phát sinh từ nguồn, thì không có sự phân biệt căn bản giữa con người và Thiên Chúa : dòng sông không hoàn toàn khác với nguồn, và tia sáng không hoàn toàn khác với nguồn sáng. Vì vậy, không có sự khác biệt, và nếu không có sự khác biệt, thì không có tình yêu có thể tồn tại : chúng ta chỉ có thể yêu một người khác, chứ không yêu bản thân mình.

Trong Kinh Thánh, vì từ đầu đến cuối, nó nhằm tiết lộ một Thiên Chúa chỉ là Tình Yêu, nên không thể như vậy. Chúng ta được khẳng định : Thiên Chúa tồn tại, Thiên Chúa là cá nhân, Thiên Chúa muốn thế giới tồn tại và thế giới là một thực tại khác biệt với Thiên Chúa. Chúa tạo ra thế giới khác với Ngài. Đó là lý do tại sao tôi đã nói với bạn : chúng ta gạch bỏ từ phát xuất và thay thế từ này bằng sự phân biệt hoặc khác biệt.

Chúng ta phải cẩn trọng với những hình ảnh này, rất nguy hiểm, nơi mà người ta nói rằng thế giới tồn tại liên quan đến Chúa như dòng sông liên quan đến nguồn. Tôi đồng ý rằng có một cách hiểu về Thiên Chúa như là nguồn gốc mà không sai. Nhưng nếu chúng ta chuyển từ ý tưởng này sang ý tưởng về một sự phát sinh cần thiết, thì chúng ta không còn đi đúng hướng của Mạc Khải Kitô giáo.

2) CHẾ TẠO : sự sáng tạo không phải là một sự chế tạo. Chúa không chế tạo gì cả. Bởi vì một sự chế tạo dẫn đến một vật hoàn chỉnh. Chúa là đấng toàn năng tất nhiên nhưng chính tình yêu mới là đấng toàn năng. Đây không phải là bất kỳ loại sức mạnh nào. Chúa chỉ có thể làm những gì tình yêu có thể làm. Không nên nói : Chúa có thể làm mọi thứ, đó hoàn toàn sai lầm. Chúa không thể hủy diệt, tình yêu không thể hủy diệt. Đó là lý do tại sao tôi tin vào cuộc sống vĩnh cửu, người đã tạo ra tôi sẽ không hủy diệt tôi. Chúa không thể tạo ra, tình yêu không tạo ra. Tình yêu sinh ra, điều này rất khác biệt.

Tình yêu chỉ có thể tạo ra những người sáng tạo. Chúng ta là những sinh vật, đúng vậy, nhưng là những sinh vật sáng tạo. Và vũ trụ vật chất chỉ là điều kiện hóa cho sự tự do của chúng ta, từ đó chúng ta phải tự tạo ra chính mình. Bởi vì chúng ta không phải là Chúa,

Ngài là Đấng không điều kiện ; còn chúng ta, chúng ta là những sinh thể có điều kiện. Tôi, ví dụ, bị điều kiện hóa bởi giới tính của mình là nam và, do đó, dự án cuộc đời của tôi không thể là một dự án nữ. Sự định hình này đi rất xa, nó bao trùm tất cả các thiên hà nhưng chỉ có ý nghĩa đối với tự do của con người. Chúa, vì Ngài là tình yêu, sẽ không bao giờ tạo ra những sinh vật không sáng tạo.

Vì vậy, chúng ta cần phê bình một số diễn đạt mà chúng ta tìm thấy trong Kinh Thánh (điều này là bình thường, vì Kinh Thánh là một phương pháp giáo dục, và là một phương pháp giáo dục tiến bộ). Đó là lý do trong câu chuyện sáng thế thứ hai, cái cổ xưa hơn, Chúa được so sánh với một người thợ gốm tạo hình đất sét. Trong câu chuyện đầu tiên, câu chuyện mới nhất, hình ảnh của người thợ gốm đã bị bỏ qua; động từ «định hình» đã bị loại bỏ và thay thế bằng một động từ mới có nghĩa là «tạo ra» và là kết quả của một suy nghĩ sâu sắc của dân tộc Do Thái.

Chúa không tạo ra phần tử nhỏ nhất của thế giới, không tạo ra nguyên tử mỏng manh nhất. Người ta không chế tạo ra tự do, vì bản chất của tự do chính là không được chế tạo và không thể bị chế tạo, nó không phải là một đối tượng. Tự do chỉ là tự do khi nó tự tạo

ra chính mình.

Trong chừng mực họ tưởng tượng ra một vị thần thợ gốm, những người vô thần có lý do để phản đối nhân danh phẩm giá của con người. Sẽ là trái với phẩm giá của chúng ta nếu chúng ta được tạo ra bởi một người thợ gốm vĩnh cửu. Chúng tôi loại bỏ ý tưởng vô lý và nguy hiểm rằng thế giới này được tạo ra bởi Chúa. Chúng ta không được tạo ra bởi Chúa, «như người thợ thủ công tạo ra một chiếc dao cắt giấy» theo cách nói của J.-P. Sartre.

3) KHỞI ĐẦU : đôi khi người ta tưởng tượng sự sáng tạo như một loại cú chạm nhẹ ban đầu mà qua đó Chúa đã khởi động toàn bộ quá trình phát triển. Victor Hugo, trong một ngày cảm hứng rất yếu, đã so sánh sự sáng tạo với một cú đá vĩ đại vào một quả bóng, quả bóng khổng lồ của thế giới, sau đó, xét về sức mạnh thần thánh của cú đá, sức mạnh hoàn toàn vô hạn, thế giới tiếp tục quay tự động và được duy trì trong sự tồn tại và chuyển động của nó. Điều đó thật sự là vô lý !

Hành động sáng tạo không phải là một khởi đầu theo thời gian mà là một khởi đầu tồn tại, một «sự phụ thuộc căn bản trong sự tồn tại», theo cách diễn đạt của thánh Thomas Aquinas. Khi chúng ta nói : Thiên Chúa tạo ra thế giới, chúng ta không nói rằng Ngài đã tạo ra nó.

Không bao giờ được đặt động từ tạo ra ở thì quá khứ. Bây giờ là lúc Chúa đang sáng tạo. Không nên tưởng tượng sự sáng tạo như một hành động của quá khứ, Thiên Chúa tạo ra thế giới hôm nay và cũng như hôm nay như vào buổi ban đầu. Hành động sáng tạo là như nhau bây giờ như vào lúc khởi đầu của thế giới, nó đồng thời kéo dài suốt toàn bộ lịch sử của thế giới.

Nếu sự sáng tạo là một sản phẩm chế tạo, chúng ta không thể nói như vậy. Đối với một vật thể được chế tạo, như cái bàn mà tôi đặt khuỷu tay lên, không có hành động hiện tại của thợ mộc, không phải bây giờ người thợ mới chế tạo cái bàn. Trong khi đó, đối với sự sáng tạo, chính bây giờ Thiên Chúa đang sáng tạo.

Hãy suy nghĩ về điều này : sáng tạo cho Chúa là một hành động đơn giản, và hãy hiểu từ này theo nghĩa chặt chẽ nhất, nghĩa gốc của nó. Đơn giản, đó là những gì không được cấu thành. Một hành động đơn giản là một hành động mà chúng ta không thể chia thành các bước tiếp theo. Trong một quá trình sản xuất, có những công đoạn liên tiếp (xin lỗi vì phải nói những điều cơ bản như vậy, nhưng tôi nghĩ rằng vẫn nên làm rõ chúng). Hãy nghĩ đến việc may một chiếc váy: trước tiên là cắt vải, sau đó là may, trang trí, thêu thùa, v.v. Khi nói đến việc sáng tạo, đó là một hành động đơn giản, không có

sự kết hợp, không có sự kế thừa, chúng ta không thể chia tách nó. Tất cả những gì không phải là Thiên Chúa đều theo một cách nào đó được cấu thành. Chỉ có Chúa là hoàn toàn đơn giản.

Nói rằng hành động sáng tạo là một hành động đơn giản, tức là nói rằng năng lượng thần thánh tạo ra đồng thời hiện diện trong toàn bộ hành động của nó, điều này có nghĩa là, đối với Chúa, khởi đầu trùng khớp với kết thúc. Một người bốn mươi chín tuổi hiện đang được tạo ra bởi Ngài cũng như khi họ còn trong bụng mẹ. Nếu không, người ta sẽ phải nói rằng hành động sáng tạo là một loại quy trình phẫu thuật, giống như hành động sản xuất của một thợ may hoặc một thợ kim loại. Chúng ta đang rơi vào tình trạng trẻ con !

Các cách tiếp cận khả thi đối với bí ẩn của sự sáng tạo

Sáng tạo không thuộc về lĩnh vực khoa học

Đó là một khúc dạo đầu cần thiết : giáo lý Kitô giáo về sự sáng tạo không trả lời được những câu hỏi do khoa học đặt ra. Tôi dự đoán rằng các bạn sẽ đặt ra những câu hỏi mà tôi sẽ phải trả lời : «Về điều này, hãy hỏi các nhà khoa học chứ không phải các nhà thần học.» Những gì xảy ra trong vũ trụ vật lý của chúng ta thuộc về nhà vật lý, và nhà vật lý, với tư cách là nhà vật lý (tôi nhấn mạnh), không cần phải dựa vào giả thuyết về một người sáng tạo. Cũng không phải nhà hóa học với tư cách là nhà hóa học, hay nhà sinh học với tư cách là nhà sinh học.

Tôi nhớ rằng, vài tháng sau sự kiện tháng Năm 68, chúng tôi đã tổ chức một hội thảo ở Lyon cho các học sinh lớp cuối cấp của toàn thành phố. Họ có mặt ở đó ba đến bốn trăm thanh niên và thiếu nữ mười bảy, mười tám tuổi. Chủ đề được thảo luận là Sáng thế. Người ta đã yêu cầu hai diễn giả, một nhà vật lý, giáo sư tại khoa Khoa học, và tôi. Giáo sư vật lý đã người đầu tiên phát biểu. Ông đã giải thích rằng với tư cách là một nhà vật lý, ông hoàn toàn không cần đến giả thuyết về

một Đấng Tạo Hóa, và thậm chí giả thuyết này còn gây khó khăn cho ông trong việc thực hiện nghề nghiệp của mình một cách trung thực. Một số người lớn có mặt trong phòng đã bỏ chạy với vẻ kinh hoàng và nói : «Các bạn tưởng tượng xem bây giờ chúng ta đang nói gì với học sinh của mình: chúng ta không cần một Đấng Tạo Hóa !» Khi giáo sư kết thúc, một số học sinh đã hỏi ông : «Nhưng thưa ông, ông tin vào điều gì ?» Ông trả lời: «À ! nếu các bạn hỏi tôi tin gì: tôi tin vào một Thiên Chúa Tạo Hóa và tôi nói Kinh Tin Kính Kitô giáo.» Các học sinh rất khó hiểu. Sau đó, tôi được phát biểu và tôi đã nói ngay từ đầu : «Tôi hoàn toàn đồng ý với tất cả những gì vừa được nói.» Đối với một số người, scandal đã đạt đến đỉnh điểm !

Khoa học đặt câu hỏi về cách thức xảy ra các hiện tượng trong thế giới của chúng ta : sấm sét, gió, động đất, sự tiến hóa sinh học của các loài, v.v. Khoa học không cần phải đặt câu hỏi về nguồn gốc đầu tiên của các sinh vật cũng như về ý nghĩa cuối cùng của chúng. Tôi nói nguồn gốc, tôi không nói khởi đầu. Bạn có hiểu sự khác biệt không ? Một người bốn mươi tuổi có thể tự hỏi nguồn gốc của mình là gì, bây giờ khi họ đã bốn mươi tuổi. Đó là tất cả những điều khác ngoài sự khởi đầu của nó, sự khởi đầu đó đã diễn ra cách đây tám mươi năm. Nhưng bây giờ cô ấy có thể đặt ra câu hỏi

về nguồn gốc của mình, về nền tảng của sự tồn tại của mình, như cô ấy đã có thể đặt ra khi ba mươi hoặc năm mươi tuổi.

Khoa học chỉ cần xem xét những biến đổi xảy ra trong một vũ trụ nhất định. Điều này không có nghĩa là không có bất kỳ câu hỏi nào về khởi đầu đầu tiên hay kết thúc cuối cùng được đặt ra trong lĩnh vực khoa học vật lý. Ví dụ : điều gì sẽ xảy ra vào cuối cùng ? Có kết thúc không ? Sự suy thoái năng lượng là gì ? Nhưng những câu hỏi khoa học này là một chuyện hoàn toàn khác với Kinh Tin Kính Kitô giáo, đó là những vấn đề của nhiệt động lực học. Vì vậy, không phải ở phía khoa học mà ta nên tìm kiếm những cách tiếp cận đối với bí ẩn của sự sáng tạo.

Sự sáng tạo nghệ thuật

Trong kinh nghiệm của chúng tôi, dường như có hai cách tiếp cận khả thi đối với bí ẩn của sự sáng tạo. Hãy nói vài lời về sự sáng tạo nghệ thuật nhưng chúng ta sẽ nhấn mạnh nhiều hơn về tình yêu (tình yêu, tự nó, là sáng tạo) vì không phải ai cũng là những thiên tài sáng tạo, họa sĩ, nhạc sĩ hay nhà thơ nhưng tất cả chúng ta, bằng cách này hay cách khác, đều có trải nghiệm về tình yêu.

Hãy nghĩ đến một nhạc sĩ hoặc một họa sĩ mà bạn thích, Rembrandt, Beethoven, Mozart, Chopin, không quan trọng. Sáng tạo nghệ thuật không phải là một sản phẩm, mà là một phát minh hoàn toàn miễn phí. Bạn đã bao giờ tự hỏi làm thế nào mà một câu nhạc của Mozart lại có thể xuất hiện trong một bộ não con người không ? Thật kỳ diệu và người ta vẫn ngây ngất trước sự ngưỡng mộ. Đó không phải là sản xuất, đó là sáng tạo, đó chính là dấu ấn của thiên tài.

Chỉ có điều, trong tác phẩm nghệ thuật, đúng là có một phần chế tác, không thể nào khác được. Chắc chắn rằng ý tưởng miễn phí này, chủ đề của bản nhạc, leitmotiv phải được thể hiện qua những nốt nhạc hoặc từ ngữ, đá cẩm thạch, màu sắc. Phải có một nghệ sĩ, người thực sự là người sáng tạo, nhà phát minh theo nghĩa tiếng Latin của từ này, biến ý tưởng của mình thành hiện thực bằng cách chuyển đổi vật chất. Nữ thần Venus de Milo ban đầu chỉ là một khối đá và khối đá đó đã phải được chạm khắc. Ở đó, có một yếu tố sản xuất, điều đó là đúng. Đó là bởi vì nhà điêu khắc đục đẽo đá, rằng quá trình liên tục mà nhà văn vật lộn với chất liệu ngôn ngữ; theo khía cạnh này, sáng tạo nghệ thuật giống như một sự chế tạo. Nhưng, ở nguồn gốc, có một sự sáng tạo một cách chính xác, có một sự gián đoạn giữa vật liệu có sẵn (đá cẩm thạch, màu sắc, đá, âm thanh, từ ngữ) và chính tác

phẩm nghệ thuật.

Nếu chúng ta hướng tới hình ảnh của sự sáng tạo nghệ thuật, mà không quên rằng, trong tác phẩm nghệ thuật, có một phần chế tác, chúng ta đang hướng đúng cách tới hành động sáng tạo của Thiên Chúa.

Tình yêu tái tạo

Kinh nghiệm về tình yêu còn phù hợp hơn nhiều. Tôi bị ấn tượng cá nhân bởi khả năng mà chúng ta, những con người, có thể tái tạo. Tái tạo một tên cướp, một kẻ vô gia cư, một gã mặc áo khoác đen, một kẻ khốn khổ mà sự tồn tại của hắn hầu như không phải là sự tồn tại vì hắn không được yêu thương trong cuộc sống và chính vì không được yêu thương, hắn hướng tới một sự tồn tại giống như hư vô.

Chúng ta buộc phải đặt câu hỏi : có phải một số sinh vật tồn tại không ? Họ tồn tại tất nhiên, theo nghĩa là họ ăn, uống, thở. Nhưng đừng gọi đó là sự tồn tại theo nghĩa mạnh mẽ, họ giống như một hư vô, họ tiến gần đến nó, nếu có thể nói vậy, bằng cách suy thoái dần dần. Ài chà ! Tôi có sức mạnh phi thường để tái tạo một sinh thể như vậy. Chỉ cần nhìn anh ấy bằng tình yêu, quan tâm đến anh ấy, chú ý đến anh ấy. Từ khoảnh khắc anh ấy thấy một ánh nhìn đầy yêu thương hướng về mình,

anh ấy quay lại với sự tồn tại, trong khi trước đó anh ấy đang tiến về hư vô và có thể trở thành, hoặc trở lại, một người đàn ông thực sự.

Vài năm trước, các linh mục và giáo dân của giáo xứ Saint-Séverin ở Paris đã tổ chức các bữa ăn với những người mặc áo khoác đen. Các linh mục đã nói với tôi : đó như thể chúng tôi đang chứng kiến một sự chuyển mình. Những cậu bé này đang trên con đường tiến tới hư vô ; khi họ thấy rằng người ta quan tâm đến họ, nhìn họ bằng ánh mắt yêu thương hoặc tình bạn, họ đã quay lại với cuộc sống, họ đã lấy lại niềm tin vào bản thân, họ đã bắt đầu sống lại, theo nghĩa đen và không chỉ đơn thuần là thở, uống và ăn.

Bí ẩn của hành động sáng tạo

Từ đó, theo phần của tôi, tôi cố gắng hiểu bí ẩn của hành động sáng tạo. Tình yêu - Chúa chỉ là Tình yêu, với cái «chỉ là» tàn nhẫn mà tôi thường nhấn mạnh - «phân biệt nhiều như nó thống nhất» (Teilhard de Chardin). Nó bắt đầu bằng việc phân biệt : tình yêu muốn người khác tồn tại và thực sự khác biệt. Không phải là một phản chiếu của chính mình, không phải là một vệ tinh, mà là một tự do khác. Chúa muốn, đó là bản thể của Ngài,

hành động đơn giản, vĩnh cửu của Ngài, rằng người khác tồn tại, rằng những người khác tồn tại. Và ý muốn này là hiệu quả, như mọi ý muốn thần thánh khác.

Người là ánh sáng muốn ánh sáng bừng lên trong đôi mắt của người yêu. Nếu tôi yêu bạn, tôi không thể muốn đôi mắt của bạn trở nên u ám. Nếu tôi yêu bạn, tôi muốn có ánh sáng trong đôi mắt bạn và tôi muốn ở gần bạn như một sự lây lan của ánh sáng, một sự lây lan của sự tồn tại rực rỡ. Một cái nhìn của tình yêu hoặc tình bạn là một cái nhìn đầy tham vọng cho người khác. Anh yêu em, điều đó có nghĩa là : anh khao khát cho em, anh không muốn thống trị và bóp nghẹt tự do của em, anh muốn đánh thức em. Tôi muốn tự do của tôi hòa quyện với tự do của bạn, điều đó chỉ có thể nếu tự do của bạn tồn tại.

Quyền năng thần thánh không phải là quyền năng thống trị, mà là quyền năng đánh thức. Chúa không tạo ra những đồ vật, tôi nhắc lại với bạn. Nếu Chúa thống trị chúng ta, chúng ta sẽ trở thành những vật thể đối với Ngài. Một sinh thể bị thống trị chỉ có thể là một đối tượng và một đối tượng, chúng ta chế tạo ra. Một tình yêu mà thống trị chúng ta, đó là một mâu thuẫn trong các thuật ngữ. Xin lỗi vì đã nhấn mạnh, nhưng kinh nghiệm cho thấy có lẽ khoảng 80% người tự xưng là

Kitô hữu và hình dung Thiên Chúa như người thống trị chúng ta. Chúng ta không thể thống trị tự do, điều đó không có nghĩa gì ; chúng ta chỉ có thể thống trị các đối tượng, các vật thể. Chúa là người khơi dậy những chủ thể tự do. Ngài chỉ có thể yêu chúng ta khi Ngài thấy trong mắt chúng ta ánh sáng của tự do.

Tình yêu là khơi gợi, lây lan sự hiện hữu

Chúa tạo ra bằng sự lan tỏa của sự thức tỉnh của Ngài. Và vì chúng ta luôn phải xuất phát từ kinh nghiệm của mình khi suy nghĩ - nếu không thì ta sẽ chỉ di chuyển trong trừu tượng -, tôi sẽ dựa vào kinh nghiệm của chúng ta và tôi sẽ hỏi bạn : bạn có bao giờ tiếp nhận sự lây lan của ai đó không ? Tôi có thể cung cấp cho bạn chứng thực của riêng mình. Trong cuộc đời, tôi đã có được may mắn lớn, điều mà không phải ai cũng có, là có một bậc thầy, một bậc thầy thực sự mà tôi đã sống bên cạnh trong hơn hai mươi năm, một người mà đối với tôi vừa là cha, vừa là thầy, vừa là bạn, ba trong một. Tôi đã tiếp nhận sự ảnh hưởng của người đó, tôi có thể nói rằng ông ấy đã tạo ra tôi. Ông ấy chưa bao giờ ra lệnh cho tôi. Tôi thậm chí còn nghĩ rằng ông ấy chưa bao giờ đưa ra một lời khuyên tích cực, trang trọng, có thể một hoặc hai lần thoáng qua, nhưng rất ít !

Người đó đang làm gì gần tôi ? Ông ta hiện hữu, chỉ vậy thôi. Chỉ có điều sự hiện hữu của ông ấy lây lan, theo nghĩa là khao khát liên tục của tôi là trở nên giống ông ấy, tồn tại như ông ấy, với cùng một phẩm giá, cùng một sự vĩ đại, cùng một nền văn hóa. Sự tồn tại của người đàn ông này là lây lan theo nghĩa tôi không thể ở bên cạnh ông ta mà vẫn duy trì sự tầm thường một cách hệ thống. Nếu tôi muốn trở nên tầm thường và tha hóa, tôi đã phải thoát khỏi sự lây lan khơi dậy và kích thích của ông ấy. Ngay cả khi bạn không có một người thầy như vậy trong cuộc đời, bạn chắc chắn đã trải nghiệm rằng có những khoảnh khắc trong cuộc sống mà bạn tự nói với mình : nếu tôi tiếp tục mối quan hệ thường xuyên với người đàn ông hoặc người phụ nữ này, tôi không thể trở nên tầm thường. Trở nên tầm thường, đó là trở thành một nửa không ; sự tầm thường là một nửa không.

Hành động sáng tạo của Chúa là sự tồn tại thuần khiết và đơn giản này. Thực ra, Chúa không làm gì cả và tôi nghĩ rằng chúng ta nên kiềm chế không nói : Chúa làm cái này hay cái kia, vì mọi người sẽ hiểu : chế tạo ; nhưng, sáng tạo không phải là làm một cái gì đó. Chúa hoàn toàn đơn giản. Sự đơn giản này là điều gì đó khủng khiếp, hãy hỏi các nhà huyền bí học đã trải nghiệm điều đó ! Trong Thiên Chúa không có sự tồn tại

và hành động, như thể đó là hai điều khác nhau. Hành động của Ngài giống như bản thể của Ngài. Anh ấy là. Chỉ vậy thôi. Chúa tạo ra bằng cách tồn tại, không gì khác. Nhưng sự tồn tại này là lây lan, vì đó là tình yêu và tình yêu là một sự khơi dậy sự tồn tại.

Hành động mà qua đó Chúa khiến cho các sinh thể tự tạo ra chính mình

Hãy cố gắng đi xa hơn, chúng ta đang tiến gần đến điều cốt lõi. Sáng tạo là hành động mà qua đó Chúa khiến cho các sinh thể tự tạo ra chính mình, bằng chính mình. Chúng ta luôn tưởng tượng rằng chúng ta bị thao túng. Trong trường hợp này, chúng ta không thể nói rằng Chúa là Tình Yêu. Vì Thiên Chúa là Tình Yêu, Ngài muốn chúng ta tự làm lấy, bằng chính mình. Nó được viết rõ ràng trong Kinh Thánh : «Ngài giao phó chúng ta cho chính ý muốn của mình» (Si 16, 14).

Bạn không tưởng tượng nổi sao ? Tôi cũng không. Tuy nhiên, tôi nhớ một nhóm các gia đình trẻ có con cái khoảng mười, mười hai tuổi. Tôi đã cố gắng giải thích điều đó cho họ, họ có phần hoài nghi. Đột nhiên, một người cha từ cuối phòng gọi tôi : «Rồi, tôi đã hiểu!» Lý tưởng là các con tôi tự làm lấy mọi thứ, nói cách khác là giáo dục không bao gồm sự trợ giúp, chỉ dẫn, ràng buộc. Một nhà giáo dục thực thụ phải chịu đựng nếu

họ phải đưa ra những sự trợ giúp, ngay cả khi chúng là không thể tránh khỏi.» Người cha này bắt đầu hiểu rằng sự sáng tạo là hành động khiến cho những người khác tự tạo ra chính mình.

Tôi nhớ đã chứng kiến một cuộc tranh luận khá sôi nổi giữa một linh mục trẻ rất nhiệt huyết và một đảng viên cộng sản. Cuộc tranh luận có thể kéo dài vô tận. Người linh mục nói : «Chính Chúa đã tạo ra thế giới, bằng cách sử dụng động từ tạo ra ở thì quá khứ.» Tôi, tôi run rẩy trong góc của mình và tự hỏi : liệu cha có ngừng nói về quá khứ không ? Người cộng sản phản bác : «Không, chính con người tự tạo ra chính mình.» Bạn sẽ làm gì trong cuộc tranh luận này ? Tôi nghĩ rằng một số người có lẽ đã đứng về phía linh mục chống lại người cộng sản, và những người khác đứng về phía người cộng sản chống lại linh mục. Sau một lúc, tôi can thiệp và nói : «Các bạn đang lãng phí thời gian, cả hai đều đúng hoặc, nói cách khác, cả hai đều sai.» Nếu thế giới không tự tạo ra chính nó, nếu nó không đang trong quá trình sáng tạo, trong quá trình vũ trụ sinh, như Teilhard nói, thì chúng ta phải nói rằng Chúa đang tạo ra nó. Và nếu chúng ta nói rằng thế giới tự tạo ra chính nó, chúng ta không còn là Kitô hữu nữa, vì chúng ta khẳng định ở đầu Kinh Tin Kính của chúng ta : «Tôi tin kính vào Thiên Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo thành.»

Chính xác, Thiên Chúa sẽ không phải là Đấng Tạo Hóa nếu Ngài tạo ra những thứ đã hoàn thành. Không có cái đã hoàn thành, chỉ có cái «tự hoàn thiện».

Hành động khiêm nhường của Thiên Chúa

Tôi nhấn mạnh rất nhiều vào ý tưởng về hành động sáng tạo như một sự từ bỏ của Chúa, một hành động của sự khiêm nhường của Ngài. Chúa không phải là người yêu như bạn, như tôi. Chúng ta, trước tiên chúng ta tồn tại và sau đó chúng ta yêu. Trong Chúa, hành động yêu thương không phải là phụ trợ, không phải là thứ đến sau, mà chính là bản thể của Ngài. Đối với Chúa, tồn tại và yêu thương là một. Tuy nhiên, tình yêu không thể thiếu khiêm nhường, tức là không thể thiếu sự từ bỏ bản thân.

Tôi kêu gọi kinh nghiệm của bạn : yêu là muốn người khác vì chính họ ; tôi không thể muốn người khác vì chính họ và, đồng thời, muốn họ vì tôi. «Anh muốn em vì em.» Rất đúng là Chúa là tất cả nhưng đó là một tất cả từ bỏ việc là tất cả, vì sự từ bỏ là trung tâm của tình yêu.

Hãy tưởng tượng rằng Chúa không phải là Ba Ngôi, tức là hãy tưởng tượng rằng Chúa không phải là tình yêu trong chính Ngài, thì hành động sáng tạo chắc chắn

là không thể hiểu được. Nếu trái tim của Chúa là tình yêu, thì việc từ bỏ bản thân, là sự khiêm tốn, hành động sáng tạo là một hành động của sự khiêm tốn. Vào lúc đó, tôi có thể hiểu rằng sự sáng tạo là hành động mà qua đó Thiên Chúa không từ bỏ chính mình chỉ trong nội bộ của Ba Ngôi, trong bản thể vĩnh cửu của Ngài, mà theo một cách nào đó, Ngài thực sự «rút lui» để không trở thành tất cả, Ngài «co lại», như một số nhà tâm linh phương Đông nói, chẳng hạn như Boulgakoff, trong Truyền thống vĩ đại của thánh Grêgôriô Palamas (ở phương Tây chúng ta thật không may mắn khi quá thiếu hiểu biết về sự tâm linh đáng ngưỡng mộ của phương Đông Kitô giáo).

Hành động sáng tạo là hành động mà qua đó Thiên Chúa rút lui, lùi lại để cho những tự do không phải là Ngài xuất hiện. Trong những năm gần đây, người ta đã trích dẫn nhiều câu nói của nhà thơ Đức Hölderlin: «Chúa đã tạo ra con người như biển cả đã tạo ra các lục địa, bằng cách rút lui.» Yêu thương không phải là áp đặt, mà là mong muốn người khác tồn tại. Đừng tưởng tượng hành động sáng tạo của Chúa như một ý muốn có các vệ tinh, nhất là không! Nếu Thiên Chúa không từ bỏ việc là tất cả, chúng ta sẽ không thể nói rằng Ngài là tình yêu. Hình ảnh của biển rút lui và tạo ra các lục địa khi nó rút lui thật đáng ngưỡng mộ, nhưng nó cũng hơi

nguy hiểm vì khi nói đến Chúa, Ngài không rút lui theo cách không gian, Ngài vẫn hiện diện trong tạo vật của Ngài. Những hình ảnh luôn có sự thiếu sót, theo cách này hay cách khác.

Đó là toàn năng của Chúa tạo ra thế giới, đúng vậy. Nhưng sức mạnh nào? Chắc chắn không phải là một sức mạnh thống trị hay chế tạo, chắc chắn không phải là một sức mạnh sẽ hóa đá hoặc đóng băng tự do của chúng ta. Sức mạnh sáng tạo là một sức mạnh từ bỏ bản thân một cách tuyệt đối để người khác có thể tồn tại trong chính họ và bởi chính họ. Khi Chúa tạo ra tôi, Ngài ban cho tôi quyền được tồn tại trong chính mình và nhờ chính mình. Vào lúc đó, chúng ta không thể nói rằng Chúa là một đối thủ đe dọa đến tự do của chúng ta nữa. Vì Thiên Chúa từ bỏ và rút lui để chúng ta tồn tại trong chính mình và bởi chính mình, Ngài không có nguy cơ trở thành một đối thủ cạnh tranh. Không có gì thần thánh hơn, cao quý hơn sự từ bỏ của Thiên Chúa này, ngoại trừ sự từ bỏ vĩnh cửu mà Thiên Chúa là trong chính Ngài, trong lòng Ba Ngôi.

Chúa không phải là thợ đồng hồ của thế giới

Nếu Chúa không phải là Đấng sáng tạo theo nghĩa đó, nếu Ngài không tạo ra những sinh vật sáng tạo, nếu Ngài chỉ là một người chế tạo thế giới, chúng ta sẽ có

lý do rất chính đáng để trách Ngài là một nhà sản xuất rất tệ. Nhiều người không kiểm chế được. Thật nhiều sai sót, đúng vậy : sóng thần, bão tố, phun trào núi lửa, bệnh tật, tất cả những điều vô nghĩa trong cuộc sống con người ! Thật là một nhà sản xuất kỳ lạ ! Nếu Chúa là thợ đồng hồ đã chế tạo ra một chiếc đồng hồ như Voltaire tưởng tượng : «Vũ trụ làm tôi bối rối và tôi không thể nghĩ rằng chiếc đồng hồ này tồn tại mà không có thợ đồng hồ», chúng ta nên nói với Ngài : Ngài có biết rằng Ngài là một thợ đồng hồ rất tệ không ? Đồng hồ của bạn không bao giờ điểm giờ đúng ! Dịch : Có điều xấu ở khắp nơi trên thế giới.

Người ta đôi khi nói rằng điều ác của thế giới đến từ tội lỗi. Nhưng không ! Đâu phải vì tội lỗi của con người mà có bão, sóng thần và núi lửa phun trào. Điều đúng là tội lỗi làm trầm trọng thêm những điều xấu của thế giới : tất cả những hận thù, tất cả những rivalries, tất cả những ích kỷ xung đột, tất cả các cuộc chiến tranh ! và thậm chí cả sự tiến bộ của nhân loại cũng có mặt trái của nó, chẳng hạn như ô nhiễm. Thật mâu thuẫn khi tin vào Chúa và tin rằng Ngài tạo ra thế giới. Trong khi nếu Thiên Chúa tạo ra những con người tự tạo ra chính mình, và tình yêu trong Thiên Chúa, tình yêu cao nhất, bao gồm việc tôn trọng tự do sáng tạo của họ mà không thao túng (bởi vì tình yêu

không thao túng người khác, nó muốn người khác tồn tại và tự hoàn thiện chính mình), chúng ta hiểu rằng con người phải dò dẫm, rằng lịch sử thế giới, tức là lịch sử của việc con người tự tạo ra chính mình, không thể diễn ra mà không có những bước lùi, những thất bại, những sai lầm. Chúng ta có làm đúng khi đi lên mặt trăng không ? Có thể, tôi không biết. Phải chăng chúng ta đã nên chi tiêu tất cả số tiền này cho các nghiên cứu về ung thư ? Có thể, thậm chí là có khả năng, tôi không biết.

Người đàn ông đang dò dẫm. Bạn có muốn Chúa can thiệp bằng cách nói : bạn tôi tội nghiệp, bạn không hiểu gì cả, tôi sẽ chỉ cho bạn cách làm ? Bạn có muốn một vị thần can thiệp theo cách như vậy không ? Điều đó có nghĩa là nói đến một vị thần can thiệp, điều mà Francis Jeanson cảm thấy bị xúc phạm. Nơi nào sẽ là phẩm giá của con người chúng ta ? Chúng ta sẽ không thể nói rằng chúng ta tồn tại trong chính mình và bởi chính mình, và do đó, món quà của Chúa sẽ trở thành một điều gì đó kém vĩ đại hơn nhiều. Bạn có thể tưởng tượng một món quà nào lớn hơn khả năng tồn tại trong chính mình và bởi chính mình không ?

Rõ ràng, con người nhân hóa thế giới của mình với một tốc độ vô cùng chậm chạp. Và điều đó rất đau đớn. Nhưng, hãy tin tôi, Chúa là người đầu tiên phải chịu đựng. Tuy nhiên, vì Ngài là tình yêu, Ngài giữ mình không can thiệp. Đó là việc của chúng ta. Đó là con người chịu trách nhiệm về việc nhân hóa thế giới và nhân loại.

Tình yêu sáng tạo liên quan rủi ro của thập giá

Bạn sẽ hỏi tôi : làm sao Chúa có thể để con người chịu khổ ? Tôi tin tưởng mạnh mẽ rằng hành động sáng tạo bao gồm rủi ro của thập giá. Thập giá của Chúa Kitô nằm trong hành động sáng tạo, hành động mà qua đó, liên tục, Thiên Chúa ban cho tự do của chúng ta khả năng tự tạo ra chính mình, điều này không thể không đi kèm với đau khổ. Nhưng chính Thiên Chúa cũng bước vào nỗi khổ đau này và Ngài đã chết trên thập giá. Trong Sách Khải Huyền có viết rằng «Con Chiên (tức là Chúa Con) đã bị sát tế từ khởi đầu của thế giới»; theo một nghĩa nào đó, Ngài đã bị sát tế vĩnh viễn trong trái tim của Thiên Chúa. Hành động sáng tạo bao gồm sự hy sinh của Chúa Con.

Nếu Chúa can thiệp để ngăn con người chịu khổ, chúng ta có thể nói, ở mức độ sơ bộ, rằng Ngài yêu chúng ta bằng cách ngăn chúng ta chịu khổ. Nhưng nếu

đi sâu vào vấn đề, hãy thừa nhận rằng đó sẽ là một tình yêu của một đứa trẻ trong nhà thờ, điều đó sẽ không nghiêm túc. Điều cốt lõi của hành động sáng tạo là sự tôn trọng tuyệt đối đối với một sinh vật phải tự tạo ra chính mình, và không thể làm điều đó mà không có đau khổ, bất kể tội lỗi, điều này rõ ràng làm mọi thứ trở nên phức tạp hơn.

Tôi dám phân biệt trong Thiên Chúa hai cấp độ tình yêu. Đó chỉ là một cách nói, tất nhiên. Một cấp độ thấp hơn nơi Chúa can thiệp để ngăn con người chịu khổ. Và một cấp độ cao hơn của tình yêu, nơi Ngài hoàn toàn tôn trọng sinh vật phải tự tạo ra chính mình. Một nhà triết học đã nói với tôi gần đây : «Bạn đi xa đến mức đó sao ?» Tôi đã trả lời : «Vâng, tôi đi đến đó ; hiểu tình yêu trong chiều sâu tối thượng của nó, tức là hiểu sự không can thiệp của Chúa.»

Nếu Thiên Chúa can thiệp, hoặc trong Tin Mừng qua các phép lạ, hoặc trong một số cuộc đời để chữa lành chẳng hạn, đó là vì Ngài hiện diện trong những khởi đầu khiêm tốn của chúng ta, [61] nơi mà khát vọng của chúng ta vẫn còn mang tính xác thịt, nơi mà đó chủ yếu là nhu cầu hơn là mong muốn. Nhưng đó luôn là để dẫn dắt chúng ta đến đồi Golgotha nơi không có sự

61 Xem Sự khiêm nhường của Chúa, tr. 154.

can thiệp nào. Trên đồi Golgotha, đó là sự im lặng, đó là sự vắng mặt, chính vào lúc đó tình yêu mới bộc lộ hết chiều sâu của nó.

Tôi dám kết thúc bằng nghịch lý này khi thừa nhận rằng chủ đề này là khó khăn. Hãy nhớ rằng có những hình ảnh nguy hiểm mà chúng ta phải loại bỏ bằng mọi giá. Và vì chúng ta không thể sống thiếu hình ảnh, chúng ta phải thay thế chúng bằng những hình ảnh ít sai lệch hơn mà chúng ta mượn từ trật tự sáng tạo nghệ thuật và trật tự của tình yêu; sau đó, ở trung tâm của tất cả những điều này, giữ hai đầu của chuỗi : một mặt, đó là Chúa tạo ra, mặt khác, những gì Ngài tạo ra, đó là khả năng cho con người tự tạo ra chính mình, tồn tại trong chính mình và bởi chính mình.

Để làm sâu sắc thêm một suy nghĩ như vậy, tôi chỉ có thể khuyên bạn nên đọc tờ rơi cực kỳ quan trọng - mà tôi đã đề cập trước đó - của đồng nghiệp tôi, Cha Ganne về Sáng Tạo (số 21 và 22 của Văn hóa và Đức tin). [62]

---

62 Được xuất bản bởi Nhà xuất bản Cerf vào năm 1979 trong bộ sưu tập «Dossiers libres».

TỘI TỔ TÔNG : tất cả mọi người đều là kẻ tội lỗi từ cội nguồn của sự tồn tại của họ [63]

Ba nhận xét để dọn đường : [64]

1) *Tại sao lại nói về tội tổ tông ? Chúa Giêsu chưa bao giờ nói một lời nào về điều đó* và nó cũng không được đề cập trong Tân Ước, ít nhất là một cách trực tiếp. Về phần *Kinh Tin Kính, nó khiến chúng ta tuyên xưng «một phép rửa để tha tội» mà không đề cập rõ ràng đến tội nguyên tổ*. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên, vì *trung tâm của Kinh Tin Kính là sự hợp nhất giữa Thiên Chúa và nhân loại trong Chúa Giê-su Ki-tô*.

Điều cần phải hiểu rõ là *một tuyên bố giáo điều*, *như tuyên bố* về tội nguyên tổ, luôn là một sự làm rõ của đức tin về một hoặc một số khía cạnh của *Thực tại* trung tâm này. *Mọi tuyên bố giáo điều đều là một sự soi sáng,*

63 Bản thảo : không có ; tôi chỉ tìm thấy những tờ giấy cũ và các tóm tắt của ba «nguồn» của ông (P. Haubtmann, P. Gibert và J. Moingt) ; điều này cho phép hiểu rằng một số khía cạnh thiếu trong hội thảo này, chẳng hạn như vấn đề rửa tội cho trẻ em. - Bản sao : Le Péage-de-Roussillon (12 tháng 12 năm 1967) ; Boulogne (27 tháng 1 năm 1970) ; Lyon (25 tháng 1 năm 1971) ; Pau (tháng 10 năm 1975) ; Montauban (25 tháng 1 năm 1977).

64 Ba nhận xét này đã được P. Haubtmann đưa ra trong một bài thuyết trình tại Grenoble vào ngày 11 tháng 3 năm 1970.

đến từ mầu nhiệm của Đức Kitô, về tình trạng nhân loại của chúng ta. Tập hợp các giáo điều là tổng hợp của những khẳng định cần thiết trong suốt lịch sử để ánh sáng của Chúa Kitô được tiếp nhận đúng cách.

2) *Do đó*, không phải chỉ xem xét *tội nguyên tổ từ* câu chuyện duy nhất trong Sáng thế ký. Phải bắt đầu từ Chúa Kitô. Một giáo điều, *một sự chính xác của đức tin luôn nằm ở cấp độ của Giao Ước Mới (mà làm sáng tỏ và đảm nhận Giao Ước Cũ). Tuyên bố đức tin về tội nguyên tổ* bắt nguồn từ *những suy tư* của Giáo hội từ :

- *Kinh nghiệm của chúng ta* : *có tội lỗi trong* thế gian, *xung quanh chúng ta và trong chúng ta*, đó là một thực tế !

- *Phép rửa tội*, mà theo truyền thống, đã được hiểu như một sự tái sinh trong Chúa Kitô.

- *Một số đoạn trong Tân Ước, đặc biệt là thư gửi tín hữu Rôma (5, 12 s) nơi thánh Phaolô viết : «Cũng như các bạn, người Do Thái, các bạn nói rằng chúng ta đều liên đới trong Ađam, thì tôi, Phaolô, càng khẳng định rằng chúng ta đều liên đới trong Chúa Giêsu Kitô phục sinh.*» Thánh Phaolô thường gọi Chúa Kitô là *Adam mới*. *Trước khi được coi là người đầu tiên phạm tội (bởi vì tội lỗi phải bắt đầu từ đâu đó !), Adam phải được coi*

là hình ảnh chuẩn bị cho Adam Mới, «hình bóng của Đấng sẽ đến» (Rm 5, 14), tức là Chúa Kitô. Đó là cách mà các Giáo phụ của Giáo hội những thế kỷ đầu tiên đã nghĩ, bắt đầu từ thánh Irénée, giám mục Lyon vào thế kỷ thứ hai : «Khi tạo ra con người, Thiên Chúa đã nghĩ đến Chúa Kitô.» Đó là cách mà các Giáo phụ của những thế kỷ đầu tiên đã nghĩ, bắt đầu từ thánh Irénée, giám mục Lyon vào thế kỷ thứ hai : «*Khi tạo ra con người, Thiên Chúa đã nghĩ đến Đức Kitô*.»

3) Do đó, người ta luôn sai lầm trong thần học khi tách biệt một giáo điều. Người ta đã cố gắng (ví dụ, một số nhà tư tưởng thế kỷ XIX như Bonald, Maistre, Veuillot, v.v.) trình bày Kitô giáo chỉ từ tội nguyên tổ, như thể sự sa ngã, được đề cập trong sách Sáng thế, là điểm khởi đầu mà Kitô giáo được xây dựng.

Một số nền giáo dục đã khiến người ta tưởng tượng mọi thứ theo cách biếm họa mà người ta gọi là «cú đập của thợ sửa ống nước thần thánh» : Chúa, thợ sửa ống nước tối cao, đã tạo ra thế giới với một hệ thống ống nước hoạt động hoàn hảo. Con người đã sắp xếp để phá hủy hệ thống ống nước này. Do đó, thợ sửa ống nước đã quyết định gửi Con trai của mình để sửa chữa toàn bộ, sao cho nó hoạt động tốt hơn cả trong kế hoạch ban đầu. Không, Kitô giáo hoàn toàn được xây dựng

trên Chúa Giêsu Kitô. Chúng ta đã có những nếp gấp sai lầm, chúng ta có xu hướng nhấn mạnh vào những điều không nên được nhấn mạnh. Có sự tiến bộ trong Giáo hội, không phải khi chúng ta từ bỏ những gì đã tin tưởng hôm qua mà khi chúng ta xóa bỏ những nếp gấp sai lầm, khi, vượt qua những biến dạng không thể tránh khỏi (tạm thời về lý thuyết nhưng dai dẳng về thực tế, như tất cả các nếp gấp sai lầm), chúng ta tìm lại được Đức Tin truyền thống nhất của Giáo hội.

Đề xuất những suy tư thần học [65]

Tình huống của Adam là tình huống của chúng ta

Cần loại bỏ ý tưởng hoàn toàn *huyền thoại về một thời kỳ mà con người đầu tiên đã sống*, trước khi phạm tội, *trong một trạng thái hạnh phúc và hoàn hảo không có rắc rối*. Một nhà thần học hiện đại viết như sau : «*Giáo lý không yêu cầu cách giải thích này và, do đó, Kinh Thánh cũng không yêu cầu. Nếu câu chuyện trong Kinh Thánh áp đặt điều đó, thì giáo điều cũng sẽ áp đặt điều đó*.»

Cần biết rằng thể loại văn học của các chương 2 và 3 của Sáng thế ký là thể loại khôn ngoan (từ tiếng Latin *sapientia*, nghĩa là trí tuệ) nơi thể hiện sự suy ngẫm và kinh nghiệm của «người khôn ngoan». Điều này dưới *dạng các câu ngạn ngữ, các câu châm ngôn trang trọng hoặc các bài diễn thuyết, nhằm truyền đạt một bài học có tầm ảnh hưởng toàn cầu*. Có những câu tục ngữ *hoặc* câu châm ngôn bí ẩn. Ví dụ : «*Cửa quay trên bản lề của nó và người lười biếng trên giường của mình*» (Châm ngôn 26, 14). *Câu đố mà ta có thể diễn đạt như sau : «Ai là người quay như cánh cửa trên bản lề của nó ?» Câu trả lời : đó là con lười trên giường của nó* !» Điều

65 Phần đầu tiên này được cấu thành từ các ghi chú bài giảng của Cha J. Moingt.

này giống như một câu đố. Nhưng, trong các tác phẩm khôn ngoan, *không chỉ có những câu đố của trò chơi hay trí tuệ dân gian : còn có những câu đố lớn về cuộc sống và cái chết, về thế giới và số phận con người*.

Vì vậy, chúng ta đang đối mặt, trong Sáng thế ký 2-3, không phải là một câu chuyện thực sự lịch sử (như câu chuyện về David hoặc Salomon), không phải là một câu chuyện hoàn toàn huyền thoại, không phải là một luận thuyết triết học theo nghĩa phương Tây của từ này, mà là một tác phẩm trí tuệ, với đỉnh cao là việc giải quyết một câu đố, câu đố lớn về điều kiện của con người trong thế giới và trước mặt Chúa ; và tác phẩm này là kết quả của cả kinh nghiệm của Israel và sự suy ngẫm của các Nhà hiền triết. [66]

Điều mà tác giả của những chương này muốn trình bày cho chúng ta, *trước hết* là tình trạng của con người nói chung, cả của thế kỷ XX lẫn bất kỳ *thời đại* nào, *dưới cái nhìn của Thiên Chúa và dưới cái nhìn của tội lỗi*. Về mặt từ nguyên, từ tiếng Do Thái *Adama* có nghĩa là đất, đất đai, đất sét đỏ; «Adam» là người đất, người đất sét, người đến từ đất. Liều lĩnh làm bạn ngạc nhiên,

66 Để có kiến thức sâu hơn về Sáng thế ký 2-3, Cha Varillon đã giới thiệu đến P. Gibert, Tin vào tội tổ tông ngày nay, Sénevé, 1971, và P. Beauchamp trong khóa học của ông về thể loại văn học của các câu chuyện trong Sáng thế ký.

nhưng tôi khẳng định điều này không phải như một ý kiến cá nhân mà nhân danh Giáo hội : nếu Giáo hội này nói rằng nguyên nhân của tội lỗi là Adam, nhưng chưa bao giờ định nghĩa Adam là ai. Hầu hết các nhà thần học đương đại đều thừa nhận rằng Adam chính là toàn thể nhân loại. Do đó, *câu chuyện về Adam mà chúng ta được kể cũng chính là câu chuyện* của chúng ta; tội lỗi của Adam là tội lỗi của chúng ta.

Thật vậy, câu chuyện nói với chúng ta rằng *Adam đã được tạo ra trong trạng thái thánh thiện và công lý*. Vậy thì có phải chúng ta nên *hình dung ông ấy như một người đàn ông với trí tuệ và tự do hoàn hảo*, một loại siêu nhân so với những người mà chúng ta biết không ? Điều này hoàn toàn không phù hợp với mô tả mà khoa học hiện nay đưa ra về những người đầu tiên nổi lên từ bản năng động vật. *Không cần thiết chút nào để tưởng tượng vào đầu thời kỳ nhân loại* (tức là cách đây hai hoặc ba triệu năm) *một siêu nhân*, và tôi nghĩ, về phần mình, *rằng tốt hơn hết là nên tránh sự tưởng tượng này*.

Sự hoàn hảo của Adam là sự hoàn hảo của một sứ mệnh

Điều mà Kinh Thánh trình bày cho chúng ta, *đó là mục đích mà Thiên Chúa đã định cho con người* : sự thần hóa họ. *Sự hoàn hảo của người đầu tiên là ở chỗ*

ông không giống như những sinh vật khác của thiên nhiên, động vật hay thực vật, *mà ông được Chúa gọi, ngay từ ban đầu, đến một mục đích* hoàn toàn *thần thánh* : *mời gọi vào tình yêu của Thiên Chúa*, chia sẻ vĩnh viễn cuộc sống của chính Thiên Chúa. Ngay khi tinh thần của con người thức dậy, anh ta thấy rằng anh ta không thể sống như những sinh vật khác trên trái đất : những sinh vật này không cần phải trở nên tự do. Anh ta phải trở thành những gì anh ta phải trở thành. Nói cách khác, sự hoàn thiện của con người là sự hoàn thiện của một ơn gọi chứ không phải của một tình huống. *Đó là điều mà Kinh Thánh dạy chúng ta khi nói rằng con người được tạo ra «theo hình ảnh và giống như hình ảnh của Thiên Chúa»* (St 1, 26), chính xác là «theo hình ảnh để giống như hình ảnh của Thiên Chúa», các nhà thần học giải thích rằng giống như ở đây có nghĩa là tham gia vào chính cuộc sống thần thánh.

Chúa ban cho con người khả năng trở nên hoàn hảo, vì Ngài muốn con người hoàn hảo, theo hình ảnh của Ngài. Tôi lập lại, Thiên Chúa không tạo ra một sự tự do, vì chính con người được tạo ra với khả năng tự do mới có thể tự do hóa chính mình. Chúa tạo ra con người có khả năng tự tạo ra chính mình. Đó là lý do tại sao tôi không thích câu nói : Chúa đã tạo ra con người tự do vì có hai sai lầm: chúng ta đặt việc sáng tạo vào quá khứ

và có cảm giác rằng tự do là một món quà, một thứ đã được làm sẵn, trong khi tự do về bản chất là điều ngược lại với một thứ đã được làm sẵn. Tự do chỉ là tự do khi chúng ta tự tạo ra nó.

Do đó, *sự hoàn hảo của Adam*, mà chúng ta đang nói đến, *không phải một trạng thái hoàn hảo nhưng là khởi đầu của một câu chuyện hoàn hảo* phải kết thúc trong vinh quang của Thiên Chúa. Đó là điều mà Thiên Chúa muốn, Ngài tạo ra con người có thể trở thành thần thánh. Đó là định nghĩa sâu sắc nhất mà chúng ta có thể đưa ra về con người, vượt lên trên tất cả những gì mà các khoa học nhân văn nói với chúng ta. Đó là *sứ mệnh của nó và nó rất đòi hỏi*.

Chỉ có điều, con người không thể tự mình trở thành thần thánh, anh ta phải đón nhận món quà của Chúa, vì chính Chúa là Đấng thần thánh hóa. Không phải con người tự mình vượt qua vực thẳm vô tận giữa Thiên Chúa và mình, vì nguồn gốc của anh ta là trần thế, rễ của anh ta là vũ trụ. Ông ấy là «thế tục». *Dù bạn hình dung nguồn gốc trần thế này như thế nào, cho dù như Sáng thế ký đã nói, được tạo ra trực tiếp từ đất, hoặc như người ta thường thừa nhận ngày nay, qua nhiều bậc thang động vật.*

Nguồn gốc trần gian này là một nguồn gốc của sự khác biệt đối với Thiên Chúa đối với con người. Bởi vì tiếng nói của thiên nhiên liên tục vang lên trong con người một lời kêu gọi sống không phải cho Chúa và những người khác mà *chỉ cho chính mình*, một cách ích kỷ, *như những sinh vật khác* của thiên nhiên sống theo bản năng của chúng. Để đơn giản hóa mọi thứ, ta có thể nói như sau: trong con người có một sức mạnh kép :

- *một lực hấp dẫn* và quán tính khiến anh ta từ bỏ việc trở thành một người đàn ông tự do và thúc đẩy anh ta sống như những sinh vật khác trên thế giới không có tự do để xây dựng (một cây, một con chó, một con mèo);

- *một sức mạnh thăng hoa* mời gọi anh ta xây dựng tự do của mình mà Chúa, nhờ ân sủng, sẽ đưa đến tự do của chính mình.

Vậy đây là *con người bị giằng xé* - và anh ta không thể không bị như vậy, vì Chúa gọi anh ta chia sẻ cuộc sống của mình - *giữa một lực hấp dẫn* kéo anh ta xuống *(đó là con đường nô lệ của tự do của anh ta) và một lực đẩy lên khác (đó là con đường phát triển tự do của anh ta)*.

Người đàn ông đầu tiên không phải, nói cho cùng, ở trong một tình trạng khác với chúng ta. Thật vô ích khi

cố gắng hình dung ra lỗi lầm của ông ta có thể là gì. Người ta thường tưởng tượng một lỗi lầm có quy mô phi thường, ma quỷ. Nhưng để điều đó xảy ra, Adam phải được ban cho một trí tuệ hoàn toàn phát triển và một tự do hoàn hảo. Một lần nữa, đó không phải là kiểu người mà khoa học cho chúng ta gặp ở nguồn gốc của nhân loại ! Hơn nữa, Adam là ai ? Các nhà khoa học nói với chúng ta rằng, có lẽ, nhân loại không xuất phát từ một cặp đôi duy nhất (giả thuyết này được gọi là đơn bội sinh) mà xuất hiện gần như cùng một thời điểm ở nhiều điểm trên toàn cầu (giả thuyết đa bội sinh hiện đang được ủng hộ nhiều nhất).

Đó là tình trạng của con người. *Tội lỗi*, tức là sự tuân theo lực hấp dẫn, *liên quan đến sự thức tỉnh của lương tâm đạo đức, khi con người nhận ra rằng mình là một sinh thể khác biệt với những người khác và vì lý do đó*, họ có nghĩa vụ xây dựng tự do của mình dựa trên các điều kiện của mình. *Chúa yêu cầu con người tự hoàn thiện bản thân bằng cách hướng về Chúa, chọn Chúa*, và đón nhận hồng ân của Chúa. Người ta chỉ có thể thực sự là con người khi chọn Thiên Chúa làm trung tâm. Tội nguyên tổ, đó là con người, *là tất cả mọi người chọn tự thực hiện bản thân mình* bằng cách bịt tai lại để không nghe thấy tiếng gọi của Chúa để tự tạo ra chính mình, đó là con người chọn sự nô lệ dễ dàng hơn là yêu

cầu khắt khe của tự do.

Đây là điều gì là tội nguyên tổ : không phải là một nguồn gốc theo thời gian mà là nguồn gốc của bản chất con người, gốc rễ của sự tồn tại. Đó là lý do tại sao tội nguyên tổ không thể tưởng tượng được nếu không có ơn gọi của con người trở thành thần thánh. Nếu có một điều gây sốc trong giáo dục Kitô giáo cho trẻ em và thanh thiếu niên, đó là việc nói về tội nguyên tổ trước khi chắc chắn rằng họ đã hiểu rằng điều cốt yếu của đức tin là tin rằng họ được kêu gọi chia sẻ cuộc sống thần thánh. Các giáo điều Kitô giáo chỉ có ý nghĩa khi so sánh với điều thiết yếu này ! Tội nguyên tổ là khoảng cách không thể đo lường giữa con người khi sống tự do và con người phải trở thành khi sống cuộc sống thần thánh.

Tội tổ tông lan truyền hoặc truyền lại như thế nào ?

Cần loại bỏ ý tưởng rằng lỗi lầm của người đầu tiên đã là điểm khởi đầu cho một sự sa ngã chóng mặt trong toàn bộ lịch sử. Chúng ta bắt đầu lịch sử của mình sau khi có tội và chúng ta có cảm giác rằng *trạng thái của Adam*, trước khi có tội, *không có gì giống với trạng thái mà con người đã trải qua kể từ đó. Và người ta hơi ngây thơ hỏi : nếu Adam không phạm phải sai lầm đó, nếu ông ấy có chút lý trí hơn, kiên quyết hơn với vợ*

mình, nhiều thảm họa đã có thể được tránh, chúng ta đã có thể sống trong hạnh phúc trọn vẹn, chúng ta đã có thể được thiết lập vĩnh viễn trong đức hạnh. Thành thật mà nói, bạn biết gì về điều đó ? Đó là hoàn toàn tưởng tượng, là mảnh đất lý tưởng cho sự trẻ con.

Giả sử người đàn ông đầu tiên không phạm tội, điều gì đảm bảo rằng người thứ hai sẽ không làm vậy ? Và tại sao không phải là người thứ ba hoặc thứ tư ? *Nếu lỗi của người đầu tiên đã có ảnh hưởng lớn đến chúng ta, tại sao lỗi của người thứ hai hoặc thứ ba lại không có ảnh hưởng tương tự* ? Tất cả những điều này đều có chút kỳ lạ ! Và rồi, đây là điều cốt yếu : *người ta bắt đầu nghĩ đến một nhân loại có thể đạt được vinh quang hoàn hảo của sự thần thánh hóa mà không cần đến Chúa Giê-su Ki-tô. Chúng ta bắt đầu tưởng tượng rằng, nếu Adam không phạm tội, ông ấy đã có quyền năng dẫn dắt toàn bộ dòng dõi nhân loại của mình đến sự thần thánh hóa chỉ bằng chính mình*. Thật không may, ông đã phạm sai lầm và Chúa Giê-su phải đến để sửa chữa !

Phải suy nghĩ thêm chút nữa ! *Chúng ta chỉ cần đọc Tân Ước để thấy rằng chỉ có một nguồn gốc duy nhất của sự thần thánh hóa là Đức Kitô. Từ đầu, Chúa Kitô đã được Thiên Chúa muốn và, như thánh Phaolô nói,*

chúng ta đã được tạo ra trong Ngài (Col 1, 16). Điều đó có nghĩa là nhân loại của chúng ta, ngay từ những ngày đầu, đã được định sẵn để bước vào sự con cái thần thánh qua Đức Kitô và trong Ngài.

Một số người giảng đạo đã tạo ra ấn tượng rằng Chúa đã bị xúc phạm đến mức tội lỗi của người đầu tiên đến nỗi Ngài quyết định rằng tất cả mọi người, từ đó về sau, sẽ bị nô lệ hóa bởi tội lỗi. Phải thừa nhận rằng đó là một kết luận khá phi thường ! Mối quan tâm của Chúa không phải là bắt con người phải phục tùng tội lỗi mà là giải thoát họ khỏi nó. Ngài không phải là người đã quyết định, bằng một loại quyết định của ý chí tối cao của Ngài, để đổ lỗi cho chúng ta về tội lỗi của người đầu tiên, như thể Ngài đã tức giận vì người đầu tiên đó đã vi phạm luật của Ngài. Không ! Tự do tuyệt đối không thể muốn gì khác ngoài việc giải phóng !

Nếu tội lỗi được truyền lại, đó là vì bản chất của mọi tội lỗi là truyền lại cho người khác. Tội lỗi không được truyền lại như một hành động tội lỗi. Khi chúng ta phạm lỗi, lỗi đó vẫn là của chúng ta và không truyền sang cho con cái hoặc hàng xóm của chúng ta. Về điểm này, chính cụm từ «tội tổ tông truyền» cũng gây hiểu lầm. Bởi vì tội nguyên tổ khác với tội cá nhân ở chỗ thiếu sự đồng ý cá nhân. Tội nguyên tổ trong chúng ta

do đó không phải là một hành động tội lỗi mà là hậu quả trong chúng ta của tất cả các tội lỗi đã phạm phải kể từ lần đầu tiên. Đó là một tình huống liên quan đến một sứ mệnh.

Đặc điểm của mọi tội lỗi là khởi động một chuỗi sóng làm rối loạn các mối quan hệ con người. *Nếu một người đàn ông chỉ sống với nỗi ám ảnh về tiền bạc, mối quan hệ của anh ta với người khác sẽ bị sai lệch*. Nếu một người đàn ông là một Don Juan chỉ nghĩ đến sự dâm dục, tất cả những người phụ nữ xinh đẹp trên thế giới sẽ hiện ra trước mắt anh ta như những cơ hội để thỏa mãn dục vọng, mọi thứ đều bị xáo trộn, không còn tình huynh đệ. Mỗi tội lỗi nhỏ nhất của chúng ta đều là *một sự khiêu khích đến điều ác mà chúng ta đặt vào lương tâm của người khác. Mỗi lần tôi hành động với sự ích kỷ, tôi khuyến khích người khác làm điều tương tự*. Mỗi lần tôi tìm kiếm khoái lạc của mình, tôi khiến người khác hành động tương tự. *Mọi tội lỗi trở thành một con đường qua đó xu hướng tội lỗi thâm nhập vào lương tâm con người*.

Tập hợp tất cả các mối quan hệ con người tạo thành cái mà người ta có thể gọi là lương tâm chung của nhân loại, ý chí chung của loài người. Những hành động xấu của tất cả mọi người góp phần lan truyền và phát tán

tội lỗi. Mỗi hành động xấu mà chúng ta thực hiện giống như một làn sóng lan tỏa qua các mối quan hệ của con người. Đó là cách tất cả các tội lỗi của con người tụ lại và hình thành giữa chúng như một thân thể tội lỗi thực sự. Đứa trẻ khi ra đời gia nhập vào một cộng đồng tội lỗi. Tôi là kẻ tội lỗi ngay từ khoảnh khắc đầu tiên của sự tồn tại, vì khoảnh khắc đầu tiên của sự tồn tại của tôi diễn ra trong một thế giới đầy tội lỗi. Không ai có thể hình thành mà không có sự giúp đỡ của người khác. Nhưng những người khác giúp anh ta phá hủy bản thân cũng nhiều như xây dựng bản thân. *Đó là cách chúng ta có thể hiểu sự lan truyền của tội nguyên tổ*.

Lưu ý rằng thế giới, nếu là thân thể của tội lỗi, cũng là thân thể của ân sủng. Nếu chúng ta nghiêng về tội lỗi, chúng ta cũng nghiêng về điều thiện và điều thiện, dù là gì, cũng là một sự cộng tác vào công trình thiêng liêng.

Tín điều về tội nguyên tổ là điều thiết yếu cho sự thật trong mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa

Tội nhân được tha thứ từ cội rễ của sự tồn tại chúng ta

Nếu vậy, Giáo hội giữ vững giáo điều về tội nguyên tổ là vì nó thiết yếu cho sự thật trong mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa. Nếu tôi từ bỏ tội nguyên tổ, mối quan hệ của tôi với Chúa không còn là một mối quan hệ thật nữa. Rõ ràng, điều này không xuất hiện ngay từ lần đầu tiên và cần phải thiết lập nó. Chính vì điều đó không xuất hiện ngay từ đầu mà nhiều người bị cám dỗ để coi nhẹ nó bằng cách nói rằng, dù có hay không có tội nguyên tổ, thì điều đó sẽ thay đổi gì trong cuộc sống của tôi ? Trên thực tế, điều đó thay đổi rất nhiều.

Trong cuốn «Những lời nói», Jean-Paul Sartre kể rằng khi còn nhỏ, ông đã không vâng lời cha mẹ bằng cách chơi với diêm và đã đốt cháy một góc thảm ; ông đã che giấu thiệt hại như ông có thể và nhảy lên đùi mẹ mà không nói gì về lỗi lầm mà ông đã phạm phải. Và ông ấy thêm vào rằng đó là mối quan hệ giả dối, mối quan hệ lừa dối ; mối quan hệ của tôi với mẹ tôi khi còn

là một đứa trẻ sẽ là một mối quan hệ thật sự nếu tôi đã nói với bà : mẹ ơi, con xin lỗi, con đã không nghe lời, con đã chơi với diêm và làm cháy thảm, con hy vọng mẹ sẽ tha thứ cho con và cho phép con ôm mẹ. Vào lúc đó, mối quan hệ thật sự !

Nếu con người không nhận ra mình là kẻ tội lỗi, mối quan hệ của anh ta với Chúa là sai lầm. Khi Giáo hội nói với chúng ta về tội nguyên tổ, điều mà Giáo hội muốn chúng ta hiểu là ở tận gốc rễ của sự tồn tại của chúng ta, chúng ta không chỉ là những sinh vật hữu hạn, mà còn là những sinh vật tội lỗi. Có một hướng đi trong bản chất của chúng ta, không phải là một hướng đi về phía Chúa.

Bản chất của vấn đề (tôi nghĩ rằng điều này rất nhạy cảm trong các Bài tập ba mươi ngày, nơi một số người đôi khi ngạc nhiên khi thấy chúng ta dành cả một tuần để nói về tội lỗi), là nếu tôi không biết mình là nô lệ, tôi không thể biết tự do là gì và tôi không thể bắt đầu hành trình đến với một người cứu chuộc. Nô lệ tồi tệ nhất là không biết chính mình. Nhưng chỉ dựa trên tự do thì mới cần thiết phải biết mình là nô lệ, nếu không thì điều đó không có ý nghĩa gì. Và chính Chúa Kitô Đấng Cứu Thế, Đấng Giải Phóng đã giải thoát chúng ta, không chỉ khỏi sự hữu hạn (chúng ta là những sinh

linh hữu hạn, và nếu chúng ta được thần thánh hóa, chúng ta phải được giải thoát khỏi sự hữu hạn này đang giam giữ chúng ta từ mọi phía) mà còn khỏi sự nô lệ của tội lỗi, một sự tái diễn của hữu hạn. Đó là một sự giải phóng phải giúp chúng ta đạt được tự do của chính Thiên Chúa.

Vì vậy, mối quan hệ thực sự với Chúa, mối quan hệ chân thật giữa con người và Chúa là mối quan hệ của một kẻ tội lỗi được tha thứ với một tình yêu và sự tha thứ vô hạn. Nói rằng con người là một tạo vật và Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, điều đó đúng nhưng không phải là cốt lõi của vấn đề. Khoảng cách giữa những gì chúng ta là và Thiên Chúa tình yêu biến chúng ta thành thần thánh là vô cùng lớn : nó nằm giữa một tình yêu vô hạn tha thứ và một sinh vật không chỉ hữu hạn mà còn vừa là kẻ tội lỗi vừa được tha thứ. Ngoại trừ Đức Trinh Nữ Maria, con người không thể đứng trước Chúa với tư thế ngẩng cao đầu. Nếu tôi đứng trước Chúa với cái đầu ngẩng cao, như một người vô tội, mối quan hệ của tôi với Ngài là một mối quan hệ giả dối và, đồng thời, tôi không nhận ra Ngài là ai đối với tôi, tức là không chỉ là Đấng tạo ra chúng ta, mà còn là Đấng thần thánh hóa và tha thứ cho chúng ta.

Thực tại lớn lao không phải là tội lỗi mà là sự tha thứ. Thiên Chúa chỉ bộc lộ trọn vẹn khi Ngài tiết lộ rằng Ngài là một sức mạnh vô hạn của sự tha thứ. Tôi không biết liệu bạn có kinh nghiệm về sự tha thứ hay không ; cá nhân tôi thì không có nhiều vì tôi không ý thức rằng mình đã bị xúc phạm nghiêm trọng trong suốt cuộc đời. Tôi đã bị như vậy trong những điều nhỏ nhặt, nhưng tôi không có cảm giác rằng tôi đã có cơ hội để thể hiện sự miễn phí hoàn toàn của tình yêu của mình bằng cách tha thứ, tức là bằng cách cho đi hết mình. Điều sâu sắc nhất mà người ta có thể nói về Thiên Chúa là Ngài là một sức mạnh vô hạn của sự tha thứ. Hãy tưởng tượng chúng ta không là những kẻ tội lỗi, chúng ta sẽ biết đến một Thiên Chúa ban cho, nhưng chúng ta sẽ không biết đến Ngài như là Đấng ban cho đến mức tha thứ và chúng ta sẽ luôn tự hỏi liệu Ngài có tiếp tục ban cho chúng ta nếu chúng ta xúc phạm Ngài hay không. Nói cách khác, chúng ta sẽ không biết được bản chất sâu xa của Thiên Chúa.

Vì vậy, có ba mức độ miễn phí trong tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta:

- sự miễn phí của tình yêu tạo ra chúng ta;

- sự miễn phí của tình yêu làm cho chúng ta trở nên thần thánh;

- tình yêu miễn phí tha thứ cho chúng ta, tức là tình yêu đó liên tục trả lại cho chúng ta những gì chúng ta liên tục mất đi vì tội lỗi.

Đừng yêu cầu Giáo hội những gì Giáo hội không tuyên bố sẽ cung cấp. Giáo hội không cho rằng tội lỗi của Adam là một lời giải thích cho điều ác và sự đau khổ. Chỉ có điều, cùng với tính phổ quát của tội lỗi, nó khẳng định tính phổ quát của sự tha thứ giải phóng. Chúng ta không nên bao giờ nói về tội nguyên tổ, mà luôn nói về tội và sự tha thứ nguyên tổ, hoặc tội và sự cứu chuộc nguyên tổ, với điều kiện là hiểu rõ rằng sự cứu chuộc có nghĩa là sự giải thoát. Nếu sự thần thánh hóa những kẻ tội lỗi như chúng ta được gọi là sự cứu chuộc, đó là vì sự cứu rỗi của chúng ta không chỉ ở dạng phát triển, mà còn ở dạng sửa chữa. Thiên Chúa, để diviniser chúng ta, không chỉ đến tìm chúng ta trong tình trạng của những sinh vật vô tội mà còn trong tình trạng của những kẻ tội lỗi, đến nỗi sự trưởng thành của chúng ta, mà đích đến là chính Thiên Chúa, là một hình thức phục hồi.

Biến hồng ân thành nợ

Tội nguyên tổ là biến hồng ân của sự thần thánh hóa thành một điều đương nhiên, là muốn lấy những gì cần phải tiếp nhận. «Ngươi sẽ không ăn trái này, nhưng mọi

thứ đều thuộc về ngươi, ta sẽ ban cho ngươi.» Quả của thiên đường trần gian là một quả xanh mà Chúa không thể ban cho. Vai trò của thời gian là không thể thiếu và tội tổ tông chính là muốn loại bỏ nó, muốn có trái cây ngay lập tức. Đó là sự chiếm đoạt thay vì tiếp nhận. Con người bị cám dỗ chiếm đoạt điều kiện thần thánh, trong khi nó đã được ban cho anh ta. Nếu bạn mời tôi để cho tôi xem những tác phẩm nghệ thuật mà bạn đã sưu tập và nói rằng chúng là của tôi, rằng bạn sẽ cho tôi sau này và nếu, trong đêm, trộm cắp căn hộ của bạn, tôi lấy những gì bạn đã cho tôi, đó chính là tội lỗi.

Tự do của chúng ta không phải là một điều đã hoàn thành. Muốn lấy, tức là ngăn cản Thiên Chúa ban cho, vì Thiên Chúa không thể ban cho cái đã hoàn tất. Phải chấp nhận sự thần thánh hóa. Ở tận gốc rễ của sự tồn tại của chúng ta, và sâu thẳm trong tất cả những tội lỗi hiện tại của chúng ta, có sự biến chất này là biến tặng thành một điều đương nhiên. Đó là sự biến chất tối thượng, ý chí chinh phục hoặc chiếm đoạt thay thế cho ý chí tiếp nhận. Không có tình yêu để lấy, trong khi có tình yêu để đón nhận. Có nhiều tình yêu để chào đón như để cho đi và điều làm nên Kitô giáo là mọi thứ có thể được sống trong tinh thần chào đón và cho đi.

Tôi cầu xin các tín hữu Kitô không được kiêu ngạo, không tự cho mình là người có thể cung cấp lời giải thích cho những người không tin. Tại sao con người lại là kẻ tội lỗi ? Không có câu trả lời. Tội lỗi là nguồn gốc của sự tồn tại của chúng ta và chúng ta vốn dĩ ở trong vòng tay của Chúa như trong vòng tay của một người Cha tha thứ, đó là ý nghĩa, nhưng đó không phải là một lời giải thích. Câu trả lời của Chúa không phải là một câu trả lời lý thuyết : Ngài bước vào thế giới của tội lỗi và chết trong đó. Đó chính là sự khiêm nhường của Ngài.

Không một Kitô hữu nào có thể nói : tôi nắm giữ câu trả lời, anh ta chỉ có thể sống nó bằng cách yêu thương, như Thiên Chúa đã yêu thương đến cùng. Không bao giờ người Kitô hữu có thể tự mãn về việc nắm giữ sự thật về tội lỗi, về điều ác và nỗi khổ đau mà nó mang lại, vì anh ta không thể ngăn cản câu hỏi vĩnh cửu : có phải có những cuộc đời mà mọi hy vọng dường như bị loại trừ, nơi bóng tối thống trị, không có bất kỳ ánh sáng nào ? Người Kitô hữu, người hy vọng vào một sự trọn vẹn của ý nghĩa (tôi nhắc lại rằng không có câu trả lời lý thuyết cho câu hỏi cuối cùng «tại sao ?», mà chỉ có hy vọng), không thể không khiêm tốn vô cùng và giữ một sự im lặng khiêm nhường trước trải nghiệm của sự tuyệt vọng và sự vô nghĩa của hàng triệu người xung

quanh mình. Chống lại tội lỗi, điều chúng ta có thể hy vọng là chiến thắng cuối cùng, tức là cuộc sống vĩnh cửu trong tình yêu.

SỰ PHỤC SINH CỦA XÁC THỊT hay sự thần thánh hóa của con người và vũ trụ [67]

Thuật ngữ tiếng Pháp «xác thịt» không có những âm hưởng giống như từ tương ứng trong tiếng Do Thái: một người Do Thái không đối lập thịt với tinh thần như chúng ta làm trong tiếng Pháp. Xác thịt, đối với họ, là con người toàn diện, với sự yếu đuối và mong manh nhưng cũng với sự gắn bó với thiên nhiên, với môi trường, với chủng tộc của mình. Thịt bao gồm tất cả các mối quan hệ với con người và sự vật. Khi chúng tôi nói rằng chúng tôi tin vào sự sống lại của xác thịt, đó là một điều khoản trong Kinh Tin - chúng tôi nói rằng đó là con người toàn diện được phục sinh.

Tôi cũng xin lưu ý rằng các Kinh Tin Kính của chúng ta không nói về sự sống lại của các thân xác. Trong Kinh

---

67 Tài liệu viết tay : một văn bản dài 15 trang có tựa đề «Làm thế nào để hiểu sự phục sinh của xác thịt ?» (khá cũ) ; «Ý nghĩa của cái chết» và «Sự Phục sinh», số 3 và 6 trong loạt bài viết năm 1975-1976. - Bản sao Boulogne (24 tháng 2 năm 1970) ; Annecy (29 tháng 4 năm 1971 và 13 tháng 1 năm 1972) ; tóm tắt in của một buổi hội thảo thần học tổ chức tại Montauban vào năm 1972 về «Sự Phục Sinh của Chúa Kitô» ; Lyon-Sainte-Hélène (8 tháng 3 năm 1974, 6 tháng 12 năm 1975 và 4 tháng 3 năm 1976) ; Auteuil (8 tháng 12 năm 1975 và 4 tháng 3 năm 1976) ; Pau (tháng 10 năm 1976).

Tin Kính của các Tông Đồ, có đề cập đến «sự sống lại của xác thịt» và, trong Kinh Tin Kính Nicê mà chúng ta đọc hoặc hát trong thánh lễ, có đề cập đến «sự sống lại của kẻ chết». Thân xác được liên quan đến một tổng thể rộng lớn hơn nhiều mà Kinh Thánh gọi là xác thịt.

Đức tin của Giáo hội vào sự phục sinh của xác thịt, tức là của con người và toàn thể thế giới, đã gây ra sự phẫn nộ lớn cho tư tưởng thờ cúng ngoại giáo mà không nên ngạc nhiên về khó khăn mà các tác giả Kitô giáo của những thế kỷ đầu tiên gặp phải khi cố gắng chấp nhận nó. Thật đáng chú ý, thực vậy, rằng trong số các tác phẩm của các Giáo phụ đầu tiên của Giáo hội, có rất nhiều tác phẩm dành riêng cho giáo điều này. Và, vì Kitô giáo là một giáo lý về cuộc sống, tôi sẽ đặt lại câu hỏi một cách thẳng thừng như tôi đã hỏi về Ba Ngôi: nếu, một cách không thể nào, một công đồng tuyên bố rằng không có sự sống lại của xác thịt, điều đó sẽ thay đổi gì trong cuộc sống hàng ngày của bạn ?

Không phải bất tử của linh hồn mà là sự phục sinh của con người toàn diện

Chúng ta đã để cho sự giàu có của đức tin Kitô giáo phai nhạt hoặc suy giảm trên hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta, trong chừng mực chúng ta đã phần nào ngừng theo đuổi sự giáo dục thần thánh được diễn đạt trong Kinh Thánh (Cựu Ước và Tân Ước). [68] Điều nghiêm trọng nhất là chúng ta nhầm lẫn sự bất tử của linh hồn với sự phục sinh của xác thịt. Chúng ta giảm thiểu thiên đàng chỉ còn là nơi của linh hồn bất tử. Kết quả là thế giới này, nơi chúng ta sống, làm việc và chịu đựng trong bốn mươi, sáu mươi hoặc tám mươi năm, trở nên phai màu, mất giá trị. Giá trị của thế giới hôm nay, của những công việc nhân loại của chúng ta, dù là gia đình, xã hội, công đoàn, chính trị hay văn hóa, không còn xuất hiện với chúng ta như một điều gì đó hoàn toàn thứ yếu so với những gì chúng ta gọi là thế giới khác, cuộc sống khác.

Như thể có hai thế giới và thế giới này, nơi chúng ta đang ở, chỉ có ít giá trị so với thế giới kia ! Chúng ta nhầm lẫn giữa thế giới khác và thế giới đã trở thành

---

68 Về sự tiến triển của Mạc Khải Kitô giáo từ học thuyết về shéol, xem Các yếu tố của học thuyết Kitô giáo, tập II, chương 60.

khác, nhưng đó không phải là cùng một điều ! Về mặt ngữ nghĩa, không có thế giới khác, cuộc sống khác nhưng thế giới này trở thành hoàn toàn khác, cuộc sống này trở thành hoàn toàn khác. Khi bạn thấy một người đàn ông sáu mươi tuổi mà bạn đã biết khi còn trẻ, bạn nói rằng đó là cùng một người, bạn không nói rằng đó là một người khác. Chỉ có điều, khi già đi, ông ấy đã trở thành một người hoàn toàn khác, nhưng thực sự vẫn là người đó. Chúng ta không bao giờ nên nói về một thế giới khác, nhưng luôn là thế giới mà, qua sự phục sinh, trở nên hoàn toàn khác.

Nếu chúng ta nói về một thế giới khác, nó là thế giới thiết yếu đến nỗi thế giới này có thể chỉ hiện ra như một sân chơi thử thách trước khi nhận được phần thưởng. Chúa biết bao nhiêu, trong tâm trí của nhiều tín đồ Kitô giáo, thiên đàng là nơi của phần thưởng ! Đó là cách mà khi làm trống rỗng thiên đường khỏi bản chất và sức hấp dẫn của nó, chúng ta cũng làm trống rỗng trái đất, dẫn đến một thiên đường chỉ còn là sự bất tử cho linh hồn và trái đất chỉ còn là vật chất dễ hư nát, một loại máy móc để sản xuất ra những linh hồn thuần khiết. Vì vậy, bạn thấy rằng vấn đề này rất quan trọng.

Phúc Thật thần thánh, cộng đồng, nhập thể

Điều mà Giáo hội khẳng định, về cơ bản là điều này: hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta sẽ thực sự là một hạnh phúc của con người, tức là phù hợp với bản chất của con người :

- xã hội hoặc cộng đồng (bởi vì con người là một sinh vật xã hội và một hạnh phúc cá nhân không phù hợp với bản chất của họ) ;

- nhập thể (bởi vì con người không phải là một linh hồn thuần khiết) ;

- thần thánh, bao gồm sự thống nhất trong cuộc sống với Thiên Chúa (bởi vì con người không phải là một thực thể khép kín trong chính mình mà mở ra với vô hạn; hoặc, nói cách khác, một trong những chiều kích của con người là khát vọng đến vô hạn).

Ba khía cạnh này liên kết chặt chẽ với nhau trong giáo điều về sự sống lại của xác thịt. Tôi muốn nói rằng một hạnh phúc như vậy, hoàn toàn nhân loại, chỉ có thể được thực hiện trong và qua sự phục sinh của xác thịt. Nếu con người không được phục sinh toàn bộ, cả thân xác lẫn linh hồn, hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta sẽ không phải là hạnh phúc của con người mà là một phần

thưởng bên ngoài, gán lên con người từ bên ngoài, như chiếc xe đạp mà người ta tặng cho một cậu bé đã thi đỗ. Đó sẽ không còn là con người mà tôi vốn có theo tự nhiên nữa, mà là một sinh thể mới và khác biệt sẽ hạnh phúc vĩnh cửu, đó sẽ không phải là hạnh phúc của tôi. Một suy nghĩ như vậy là hoàn toàn không thể chịu đựng nổi, đó là một vấn đề về phẩm giá cơ bản như một số người vô thần nhắc nhở chúng ta: tôi là con người, phẩm giá của tôi là làm người và do đó là giữ mãi điều đó. Nếu đúng là không thể có sự phục sinh của xác thịt mà không có ân huệ của Chúa gọi chúng ta chia sẻ cuộc sống của Ngài, ân huệ và lời mời gọi này đòi hỏi chúng ta phải tự xây dựng bản thân mình bằng toàn bộ hoạt động và cuộc sống hiện tại của chúng ta. Chắc chắn rằng từ «phần thưởng» có trong Kinh Thánh : «Phần thưởng của bạn sẽ lớn lao trên trời» (Mt 5, 12) nhưng theo nghĩa mùa gặt là phần thưởng của việc gieo hạt ; đó là một phần thưởng nội tại.

Đó là lý do tại sao, theo giáo lý của Giáo hội, cuộc sống vĩnh cửu hạnh phúc là sự tồn tại vĩnh cửu được thần thánh hóa của toàn bộ con người : tôi và toàn bộ tôi. Đó là tôi và tất cả tôi sẽ mãi mãi hạnh phúc. Khi tôi nói : tất cả tôi, tôi có nghĩa là tất cả các mối quan hệ của tôi : nếu tôi đã kết hôn, vợ tôi ; nếu tôi là cha hoặc mẹ của gia đình, con cái tôi ; anh em tôi, chị em tôi ;

bạn bè tôi ; cộng đồng tôn giáo của tôi ; môi trường xã hội của tôi ; môi trường nghề nghiệp của tôi ; công việc của tôi: không chỉ là ý định mà tôi đặt vào công việc của mình mà còn là chính tác phẩm. Tôi có thể chia sẻ với bạn điều này : khi tôi viết cuốn sách nhỏ của mình «Khiêm nhường của Thiên Chúa», một số người đã nói với tôi : «Ôi !» nhưng có những trích dẫn của nhạc sĩ và nhà thơ! - Vâng, vì tôi không muốn từ bỏ tất cả những người đã góp phần làm nên con người tôi hôm nay, và tôi muốn gặp lại họ trong suốt cả cõi vĩnh hằng ; nếu không, thì đó không phải là tôi.

Lưu ý rằng, khi tôi nói toàn bộ con người, tôi cũng có ý nói toàn bộ vũ trụ vì chúng ta liên kết với toàn bộ vũ trụ, tức là với vũ trụ của vật chất, của sự sống thực vật và động vật. Chúng ta tiếp thu vũ trụ khi chúng ta ăn uống hoặc khi chúng ta chiêm ngưỡng một tác phẩm nghệ thuật. Khi, sau khi dành vài giờ để chiêm ngưỡng Đền Parthénon, tôi xuống khỏi đồi Acropolis, Đền Parthénon đã trở thành một phần của tôi vì tôi đã khác đi so với trước khi nhìn thấy nó. Đền Parthénon sẽ sống lại trong tôi và qua tôi.

Con người không thể tách rời khỏi vũ trụ, họ gắn bó với nhau. Cơ thể chúng ta được tạo nên từ cùng một chất liệu với vũ trụ : chúng ta cần canxi, photphat, v.v.,

bạn biết điều đó rõ hơn tôi ! Con người không phải so với thế giới như một bức tượng đặt trên bệ mà đúng hơn là như bông hoa so với thân cây và hòa nhập với toàn bộ thân cây. Chúng ta hòa làm một với vũ trụ, đến nỗi mọi điều chúng ta nói về cơ thể đều có giá trị như vũ trụ. Trong một bài giảng nổi tiếng được đọc vào lễ Truyền Tin, Bossuet đã nói rằng «con người là một vi vũ trụ, một thế giới nhỏ bên trong thế giới».

Do đó, đức tin vào sự sống lại của xác thịt thực ra là đức tin vào sự sống lại của thế giới. Bạn thấy rõ tầm quan trọng của những nhiệm vụ trần thế của chúng ta, những nhiệm vụ luôn trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm biến đổi, nhân văn hóa thế giới. Thế giới hồi sinh. Chúng ta còn xa một triết lý chỉ đơn thuần chứng minh sự bất tử của linh hồn, và đối với triết lý đó, vũ trụ như nó vốn có sẽ không có giá trị bền vững. Chúng ta đi đến một trạng thái hạnh phúc của tâm hồn thuần khiết, nhưng dễ dàng trở thành một trạng thái hạnh phúc của chủ nghĩa cá nhân. Sự thật được tiết lộ thì vô cùng phong phú : hạnh phúc xã hội hoặc cộng đồng, hiện thân và thần thánh; hoặc, nói cách khác, sự vĩnh cửu được tinh thần hóa và thần thánh hóa của toàn bộ con người và toàn bộ vũ trụ mà con người liên kết. Để làm điều đó, hãy cố gắng hiểu cơ thể là gì, ngay cả khi những suy nghĩ sau đây có hơi khó khăn.

Giá trị của cơ thể. Không có linh hồn thì không có thân thể, không có thân thể thì không có linh hồn [69]

Thân thể là gì ? thân thể của chúng ta là gì ? Nó không phải là một vật thể giữa vô số vật thể của thế giới vật lý; nó không phải là một thứ giữa những thứ. Mặc dù nó xuất hiện ban đầu như vậy : một vật nặng nề, mờ đục, đặt ra những giới hạn ; tự nó hiện ra như một tập hợp của những giới hạn ; một loại nhà tù, điều này khiến tôi ở đây, không ở nơi khác. Thật vậy, *đứa trẻ khám phá cơ thể của mình đầu tiên như thể nó không phải là của mình* : đầu ngón chân nhỏ bé của nó là một thứ gì đó giống như chiếc khăn trải giường hoặc chiếc chăn mà nó đang nằm trên đó.

Thực ra, không phải vậy, cơ thể không phải là một thứ gì đó. *Cơ thể, đó là một ai*, cơ thể của tôi, đó là tôi. *Một cái gì đó nặng nề và mờ đục, đúng ; hạn chế và giới hạn, đúng ; tập hợp của vật chất*, đúng theo một nghĩa nào đó. Nhưng trên hết, cơ thể tôi là *một trung tâm năng lượng. Và những năng lượng mạnh mẽ và*

---

69 Trong phần thứ hai này, Cha Varillon sử dụng G. Martelet, Cuộc sống sau khi chết tìm lại, Desclée, 1975, tr. 15-62; E. Pousset, trong Tạp chí Thần học Mới, tháng 4 năm 1974, tr. 374-383, và các ghi chú bài giảng của Cha Valadier.

linh hoạt biết bao ! Một khối tế bào sống, đúng vậy; nhưng hãy xem khối này trở thành gì trong thể thao hoặc khiêu vũ.

Nếu bạn là một vận động viên, hãy nghĩ đến *vị trí tiền đạo của một đội bóng đá : anh ta có mặt trên sân ở mọi nơi cùng một lúc*. Nếu bạn là *nghệ sĩ, hãy nghĩ đến một vũ công hoặc một vũ nữ*. Hãy xem đoạn đối thoại nhỏ bắt chước Plato mà Paul Valéry đã đặt tên : *Linh hồn và khiêu vũ*. Tiêu đề, ngay từ đầu, đã rất gợi ý : đó là linh hồn, đó là tinh thần hiện thân trong sự ngạc nhiên của chúng ta qua những bước nhảy của vũ công, người cũng hiện diện khắp nơi trên sân khấu : «(Người nữ vũ công) dạy chúng ta những gì chúng ta đang làm, rõ ràng cho linh hồn chúng ta thấy những gì cơ thể chúng ta mờ mịt hoàn thành. Dưới ánh sáng của đôi chân của cô ấy, những chuyển động tức thì của chúng ta hiện ra như những phép màu. Cuối cùng, chúng khiến chúng ta ngạc nhiên đúng mức cần thiết.» [70] Valéry muốn nói, nếu tôi dịch theo cách đơn giản nhất, rằng nghệ thuật của người nhảy múa làm sáng tỏ những gì chúng ta đều thực hiện, mà không nhận ra, trong cuộc sống hàng ngày, khi chúng ta đi bộ trên phố hoặc trong vườn của mình.

---

70 P. Valéry, Linh hồn và khiêu vũ, Pléiade, tr. 157.

Thật là một sự bùng nổ năng lượng ! Đó cũng là sự giao tiếp với người khác ! Đó cuối cùng là sự biểu hiện rực rỡ của cuộc sống, sức mạnh, vẻ đẹp và trí tuệ ! Bạn sẽ nói với tôi : bạn ca ngợi cơ thể của những người nhảy múa và chúng tôi không phải là những người nhảy múa; bạn ca ngợi cơ thể của những vận động viên và chúng tôi không phải là những vận động viên. Chính xác, lời ca ngợi mà tôi dành cho cơ thể của các vũ công và vận động viên nhằm mục đích ca ngợi cơ thể của tất cả chúng ta. Vận động viên và vũ công thể hiện một cách ngoạn mục nguồn năng lượng mà cơ thể chúng ta đều có.

Hãy nhìn vào bàn tay (không chỉ có những người chơi piano mới có bàn tay !). Thánh Thomas Aquinas đã nói rằng điều làm nên con người là tinh thần và bàn tay. Bàn tay dường như là *phần cuối cùng tầm thường của các chi trước*. Trên thực tế, ở con người là động vật đứng, *bàn tay được giải phóng* (con người không cần tay để đi bộ) ; *nó có thể nắm bắt mọi thứ mà không bị ràng buộc với bất cứ điều gì mà nó chiếm hữu. Điều đó có nghĩa là nó là dấu hiệu ấn tượng nhất của trí tuệ : nó vẫn giữ được bản chất của mình trong khi đạt được các mối quan hệ toàn cầu*. Như người ta nói rất đúng, *con người nắm giữ quyền kiểm soát*, họ đặt tay lên mọi thứ và mọi thứ đều rơi vào quyền cai trị của con người.

Chính nhờ bàn tay mà con người trở thành người thợ của thế giới. Bàn tay là công nhân của trí tuệ, là sự hiện diện thực tiễn của trí tuệ trong thế giới.

Paul Valéry, sau khi ca ngợi điệu nhảy, mà là trí tuệ được thể hiện qua đôi chân, đôi tay và toàn bộ cơ thể, đã ca ngợi bàn tay : ông nói về «những bàn tay tài ba, sáng suốt và cần cù của bác sĩ phẫu thuật». *Cũng như vũ công chiếm trọn sân khấu và vận động viên chiếm trọn sân, tất cả mọi người, qua công việc của họ, làm đầy thế giới bằng cơ thể của họ, bằng hoạt động thể chất của họ*. Phải nói (mặc dù điều này đã trở nên rất tầm thường, nhưng nó rất quan trọng cho luận điểm của chúng ta !) rằng tất cả các sản phẩm của lao động và nghệ thuật, từ cây bút đã giúp tôi viết những dòng chữ mà tôi đang nhìn thấy cho đến các tên lửa của các nhà du hành vũ trụ, đều là sự kéo dài của cơ thể con người, hoặc, nói cách khác, sự hiện diện cơ thể hoạt động của họ mở rộng ra toàn vũ trụ. Cuối cùng, toàn bộ vũ trụ trở thành cơ thể của con người.

Trong quyền năng nhận thức toàn diện của mình, bàn tay của con người giả định não và kết nối với nó. Các nhà khoa học giải thích cho chúng ta cách tư thế đứng thẳng (việc con người đứng thẳng) *đã giải phóng cấu trúc sọ khỏi một loại ách cơ bắp cản trở sự phát triển*

của nó. Ràng buộc này được gỡ bỏ, nên không gian bảo vệ của vỏ não đã có thể phát triển. Trong cái tổ ấm này đã trú ngụ cái máy tính sống kỳ diệu này, bao gồm ít nhất khoảng mười lăm tỷ tế bào: bộ não. Chính nó tạo điều kiện cho trò chơi vô hạn của các liên kết và mối quan hệ mà tâm trí nuôi dưỡng và sản sinh ra.

Vậy thì khuôn mặt xuất hiện. Trước khi nói : khuôn mặt, hãy nói : mặt. Chính bàn tay cho phép sự xuất hiện của khuôn mặt con người. Không có bàn tay, thực sự, đó là hàm dưới hoặc hàm hoặc mỏ hoặc lưỡi hoặc răng nanh tấn công trực tiếp vào thực phẩm và điều đó liên quan đến bạo lực. Khi bàn tay, được giải phóng bởi tư thế đứng, nắm bắt thực phẩm, khuôn mặt, được tách khỏi bạo lực, thu nhỏ lại và trở nên nhân văn cho những chức năng khác ngoài chức năng ăn uống. Đó là lúc khuôn mặt trở thành diện mạo, tức là *nụ cười, ánh nhìn và nhất là lời nói* (thực ra nụ cười và ánh nhìn đã là, theo một cách nào đó, những lời nói).

Phải nhấn mạnh một chút về điều tuyệt vời này gọi là lời nói. Nói là gì ? *Đó là làm cho những ý tưởng nảy sinh trong một tập hợp âm thanh mà, tự nó, chỉ là một trò chơi của các rung động. Chỉ con người mới có quyền năng đó. Nói là phát ra một tập hợp có tổ chức của âm thanh, nguyên âm và phụ âm tạo thành âm tiết và từ,*

liên kết với một tập hợp có tổ chức của các ý nghĩa. Hệ thống âm thanh này, liên kết với hệ thống ý nghĩa (hoặc các ý nghĩa), khác nhau ở mỗi quốc gia và được gọi là một ngôn ngữ : tiếng Pháp, tiếng Anh hoặc tiếng Trung. Con người học một ngôn ngữ, hoặc đúng hơn là ngôn ngữ của mình, được gọi là «tiếng mẹ đẻ», và từ đó trở nên có khả năng mở ra với vũ trụ *của sự gặp gỡ và đối thoại*. Tôi nói là vũ trụ, tức là, qua lời nói, con người trở nên phổ quát, *trở thành một chủ thể giữa các chủ thể khác. Như cha Martelet đã nói một cách đẹp đẽ: «Khi lời nói thực sự ra đời, con người thực sự đã vượt qua dòng Rubicon khởi đầu của nhân loại mình.»*

Con người không thể suy nghĩ nếu không thể nói và chỉ có suy nghĩ có suy luận khi có ngôn ngữ. Nhưng ngôn ngữ là thể xác. Có thể, ban đầu, nó là ngôn ngữ cử chỉ, người ta nói bằng cách làm các cử chỉ. Dần dần, chúng ta đã chuyển sang cái mà người ta gọi là cử chỉ thanh quản-miệng, tức là cử chỉ của thanh quản, họng và miệng. Nếu chúng ta không thể cử động hay nói, chúng ta sẽ không thể lý luận hay đưa ra phán xét, giống như những viên ngọc được xâu vào một chuỗi nhưng lại rơi ra từng viên một.

Cha Valensin kể lại cách cha đã chứng kiến một cảnh rất thú vị tại công viên Tête-d'Or ở Lyon. Một quả hạt

dẻ được ném vào một con khỉ nhưng nó ở quá xa. Nó nhắm một cái gậy để cố gắng lấy hạt nhưng cái gậy quá ngắn. Nhưng nó thấy rằng, ở xa hơn, có một cái gậy lớn hơn nhiều nhưng nó không thể với tới vì nó thực sự quá xa. Nó dùng cây gậy nhỏ để lấy cây gậy lớn, điều này cho phép nó lấy được quả hạt. Tại sao con khỉ không vượt qua ngưỡng của tư duy phản ánh, của tư duy con người ? Bởi vì nó không có ngôn ngữ và nó không có ngôn ngữ vì nó không tự do với đôi chân trước của mình ; nó chỉ có một chút tay, nó không thể hoàn toàn thoát ra để cử động, vì vậy để nói chuyện, nó lại rơi trở lại bốn chân. Điều làm nên con người là khả năng đứng thẳng, với đôi tay tự do, ngôn ngữ trở nên khả thi và, đồng thời, tư duy thực sự cũng xuất hiện.

Vì vậy, *con người không phải là một thực thể kép*, cơ thể và linh hồn, trong đó *một, cơ thể, sẽ trói buộc cái kia, linh hồn, và làm hại nó. Thân thể không phải là một yếu tố hoàn toàn bên ngoài* trong chúng ta mà linh hồn có thể bỏ qua. *Cơ thể về cơ bản là một phần của sự tồn tại của chúng ta. Thân thể và linh hồn cũng liên kết với nhau trong chính hành động tồn tại như âm thanh và ý nghĩa trong hành động nói*. Cũng như lời nói không thể tách rời giữa âm thanh và ý nghĩa, *sự hiện hữu của con người cũng không thể tách rời giữa thân xác và linh hồn. Linh hồn không bao giờ tách rời khỏi cơ thể ; cơ*

thể không bao giờ tách rời khỏi linh hồn ; cơ thể và linh hồn không bao giờ tách rời khỏi thế giới.

Thân thể không gì khác ngoài linh hồn tự nó được xem xét trong sự phát triển của sức mạnh và năng lượng của nó. Khối lượng tế bào sống mà chúng ta gọi là cơ thể và là một trung tâm năng lượng hỗ trợ, nuôi dưỡng các chức năng mà, lần lượt, phát triển một đời sống tâm lý, mà ở đỉnh cao của nó, nở rộ thành những cảm xúc cao quý, trí tuệ, ý chí và tình yêu. Cơ thể chính là biểu hiện của tinh thần và tinh thần không có gì nếu không có sự biểu hiện hoặc biểu lộ này. Nói cách khác, tinh thần không phải là một đại lượng tách biệt hoặc có thể tách rời khỏi cơ thể mà là một năng lượng được thể hiện qua cơ thể. Hoặc nữa, cái mà chúng ta gọi là linh hồn, đó là «*tinh thần làm chủ cơ thể*».

Tất cả những điều này ngày nay đều được thừa nhận; nhắc lại điều đó chỉ là lặp lại những điều hiển nhiên nhưng cần phải nói ra nếu chúng ta muốn loại bỏ ý tưởng về sự bất tử của linh hồn mà không có cơ thể. Rõ ràng là linh hồn chỉ hành động và tồn tại qua cơ thể. Để sống, cần phải ăn và uống. Để xây dựng một nền văn minh, không chỉ cần suy nghĩ về nó mà còn phải xây dựng bằng những nỗ lực thể chất, cần bàn tay của thợ xây, của nghệ sĩ, của bác sĩ phẫu thuật, v.v. Ngay cả

đối với những hành động tinh thần nhất của chúng ta, cơ thể cũng cần thiết. Trong một cuốn sách đã cũ, Jean Mouroux đã viết : «Không phải trí tuệ suy nghĩ, mà là con người.» [71] Người ta thậm chí có thể nói: không phải tinh thần cầu nguyện, mà là toàn bộ con người. Tất cả các tác giả tâm linh đều nhấn mạnh vai trò của cơ thể trong việc cầu nguyện: hãy hỏi tất cả những người trẻ đang cầu nguyện hiện nay trong các phong trào Tân Phúc Âm !

Trong cô đơn của cái chết, gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh

Vì *cơ thể không phải là một yếu tố thứ yếu mà là một phần không thể thiếu trong bản sắc của con người*, nó là điều thiết yếu để con người trở thành con người, chúng ta phải cẩm mình coi cái chết như sự kiện giải phóng linh hồn khỏi những ràng buộc của cơ thể. Như thể cơ thể là một gánh nặng cho linh hồn, một dây đai, không nói đến việc chỉ là một bao bì đơn giản hay thậm chí là một nhà tù ! Tôi không chấp nhận một câu như

---

71 J. Mouroux, Ý nghĩa Kitô giáo của con người, Aubier, 1943, tr. 47. Xem thêm D. de Rouge-Mont, Nghĩ bằng tay; Cl. Bruaire, Triết lý của cơ thể, Seuil, 1968; và Cl. Tresmontant, Vấn đề của linh hồn, Seuil, 1971.

thế này: «*Chính trong cái chết, tinh thần mới bắt đầu tồn tại.*» Một câu như vậy có nghĩa thân thể là điều ác của tinh thần. Nói rằng một ngày nào đó tâm hồn được giải thoát khỏi điều xấu này, đó là hy vọng sai lầm, đó là lạc quan trẻ con.

Tại sao lại có cái chết ?

Tốt hơn hết là nhìn thẳng vào sự thật và nói, trước tiên: cái chết là một *nỗi khổ đau, một sự xấu hổ hay*, như Albert Camus đã nghĩ, *một điều vô nghĩa. Cái chết không phải là một bi kịch trong số những bi kịch khác: nó là BI KỊCH, bi kịch toàn diện, bi kịch không thể quay lại, dám nói, bi kịch tuyệt đối. Cái chết phá hủy sự tồn tại của con người ngay từ gốc rễ*. Không tốt, không lành mạnh khi bỏ qua giai đoạn đầu tiên này : chúng ta chỉ có thể làm điều đó bằng cách đánh giá thấp cơ thể một cách không chính đáng và do đó, cuối cùng, đưa giáo lý về sự sống lại của xác thịt vào kế hoạch của huyền thoại, hoặc ít nhất là một niềm tin rất thứ yếu.

Nếu cái chết là một nỗi đau khổ, một *xì-căn-đan*, một điều vô lý, làm thế nào có thể nghĩ rằng Thiên Chúa, và đặc biệt là một Thiên Chúa mà chúng ta tin rằng Ngài chỉ là tình yêu, *có đồng ý để cho thụ tạo* (mà Ngài tạo ra, chúng ta hãy nói, vì tình yêu) *phải trải qua một thảm họa như vậy không ? Có phải vì con người là kẻ tội lỗi,*

nên họ phải chết ? Việc chết, tức là việc kết thúc, không đến từ tội lỗi. Điều đến từ tội lỗi, điều được gọi là «tiền công của tội lỗi» (Rm 6, 23), đó là cái chết khi nó là một sự tách rời đáng sợ. Nhưng cái chết như nó là, như một kết thúc, chỉ đơn giản là sự thật của sự hữu hạn của chúng ta. Chân lý hiển nhiên ! Điều gì kết thúc phải kết thúc. Vậy, làm thế nào để minh oan cho Chúa ?

Chúa muốn con người trở thành ai đó, ai đó cho Ngài, ai đó trước mặt Ngài. Ngài muốn tôi là chủ thể hoặc là một người. Điều đó chỉ có thể xảy ra nếu tôi khác anh ta, tức là nếu tôi không phải là Chúa. Đó là điều cơ bản, nhưng chúng ta luôn có xu hướng quên mất : bạn chỉ là ai đó đối với tôi nếu bạn khác với tôi. Tuy nhiên, vì Thiên Chúa là vô hạn, nên cần thiết rằng thụ tạo phải hữu hạn. Nếu không, nó sẽ không phải là một ai đó mà là một sự phát sinh từ thần thánh, như dòng sông là một sự phát sinh từ nguồn và không thực sự khác gì so với nguồn. Tuy nhiên, không có sự kết thúc nào mà không có sự kết thúc : việc phải kết thúc - một chân lý hiển nhiên - là dấu hiệu của sự hữu hạn của chúng ta. Tôi không phải là Chúa, vô hạn, vì vậy tôi là hữu hạn, hư mất.

Bạn có thể nói với tôi : Tuy nhiên, Chúa là Đấng Toàn Năng ! Vậy thì, *Ngài không thể tạo ra con người khác với sự hữu hạn được sao* ? Vì Ngài hoàn hảo, Ngài không thể tạo ra con người hoàn hảo như Ngài sao ? Tôi hiểu rằng ý tưởng này đang lởn vởn trong tâm trí các bạn : điều đó là bình thường, vì đây không phải là một chi tiết nhỏ trong cuộc sống của chúng ta mà là điều khủng khiếp và gây sốc mang tên cái chết. Giữa nhiều câu trả lời có thể dẫn chúng ta đến một kế hoạch siêu hình, tôi xin nhắc lại suy nghĩ đơn giản này : sức mạnh của Chúa là sức mạnh của tình yêu. Nhưng tình yêu muốn người khác thực sự là khác biệt, chứ không phải là một phản chiếu của chính mình. Một người đàn ông sẽ không bao giờ nói với người phụ nữ mà anh ta yêu : tôi muốn em là hình ảnh phản chiếu của tôi ; anh ta sẽ nói với cô ấy : tôi muốn em là «em», khác với tôi, hoàn toàn là em và hoàn toàn khác với tôi. Tình yêu muốn người khác không phải là một sản phẩm hoàn hảo. Một sinh thể được tạo ra mà hoàn hảo sẽ không phải là một sinh thể tự tạo ra chính mình. Nó sẽ là một sinh vật có thể tuyệt vời, nhưng sinh vật này sẽ không tự tạo ra chính mình.

Vì vậy, chính sự nghiêm túc của tình yêu sáng tạo yêu cầu rằng Thiên Chúa tạo ra một cái hoàn toàn khác với Ngài : một sinh vật sáng tạo ra chính mình và thế giới.

Bởi vì Ngài là tình yêu, Thiên Chúa tạo ra một phi-Thiên Chúa, một sinh vật hữu hạn, vì vậy, theo bản chất, phải kết thúc. Chúng ta có thể nói rằng, vì đã dự đoán được những nỗi đau mà sự hữu hạn mang lại, Chúa Trời lẽ ra nên tự cấm mình không sáng tạo ? Đó là điều mà nhiều người nghĩ, họ không tha thứ cho Chúa vì đã tạo ra một thế giới mà sự hữu hạn gây ra bao nhiêu thảm họa và đau khổ. Quả thực là sự sáng tạo, đối với Chúa, là một cuộc phiêu lưu. Tôi không ngại ngùng với từ này: khi sáng tạo, Thiên Chúa đã mạo hiểm, theo nghĩa là Ngài không lùi bước trước bi kịch sẽ xảy ra từ việc tạo ra những sinh linh tự do và hữu hạn. Cuộc phiêu lưu, bi kịch, rủi ro : những từ này nói lên điều gì đó đúng đắn. Bi kịch cho chúng ta, nhưng cũng cho Chúa, đó là lý do tại sao tôi nghĩ rằng, trái ngược với những gì nhiều người tuyên bố, có một nỗi đau của Chúa.

Sự đau khổ của Thiên Chúa

Thiên Chúa là tình yêu, tình yêu nhất thiết phải dễ bị tổn thương. Điều mà thế giới của chúng ta phẫn nộ (từ này thuộc về Jacques Maritain), là tưởng tượng một vị thần đứng trên nỗi khổ đau của nhân loại trong một loại bình thản hoàn hảo như thần thánh ; giống như một người phụ nữ nói : tôi biết rằng các con tôi đang chịu đựng rất nhiều nhưng tôi, tôi hạnh phúc đến mức nỗi

khổ đau của các con tôi không ảnh hưởng đến tôi. Nếu chúng ta nghe một người phụ nữ nói như vậy, chúng ta sẽ nói rằng hạnh phúc của cô ấy thật sự là quái dị. Và chúng ta chấp nhận điều đó một cách dễ dàng khi nói đến Chúa mà chúng ta tưởng tượng như một loại Jupiter, ở sau những đám mây, rằng nỗi khổ đau của con người sẽ không bao giờ chạm đến được trong sự bình thản không gì lay chuyển của Ngài. «Nếu mọi người biết rằng Thiên Chúa đau khổ cùng chúng ta và nhiều hơn chúng ta vì mọi điều ác đang tàn phá trái đất, chắc chắn nhiều điều sẽ thay đổi và nhiều linh hồn sẽ được giải thoát.» [72] Nếu Chúa không mạo hiểm chịu đựng nỗi đau của con người, Ngài cũng đã tránh được nỗi đau cho chính mình, nhưng Ngài đã tạo ra chúng ta như những sinh linh hoàn hảo !

Vĩnh viễn, *Chúa dự liệu nỗi khổ đau của con người trước cái chết*. Nhưng, theo đức tin Kitô giáo, đồng thời, Ngài cũng xóa bỏ sự xấu hổ của nỗi khổ này. Trong chính hành động mà Thiên Chúa tạo ra con người phàm, Ngài tạo ra sự vượt qua cái chết trong một sự phục sinh. Ngài phá vỡ vòng tròn của sự chết trong chính hành động tạo ra nó.

---

72 J. Maritain, Revue thomiste, 1969, I (trích dẫn trong Sự đau khổ của Thiên Chúa, tr. 15).

Bạn sẽ nói : không phải là một trò chơi sao ? Tại sao, trong cùng một hành động, lại phá vỡ những gì đã được thiết lập ? Liệu có phải đã không phải là điều thần thánh hơn nếu không thiết lập nó và tạo ra con người bất tử ? Chúng ta đang ở trung tâm của bí ẩn của tình yêu : thay vì tránh cho chúng ta cái chết bằng một hành động mà sẽ là một kỳ diệu, tôi sẽ nói một cách vui vẻ là một phép thuật (nơi con người sẽ không được tôn trọng, nơi Chúa sẽ không mạo hiểm gì cho Ngài, cũng như cho chúng ta), Ngài quyết định vĩnh viễn bước vào sự hữu hạn của chúng ta và tham gia vào đó. Nói cách khác, Ngài quyết định tự mình chết.

Chính trong cùng một hành động mà Thiên Chúa tạo ra và nhập thể. Cùng lúc (từ «thời gian» không phù hợp, tôi nên nói «trong cùng một sự vĩnh cửu») khi vô hạn tạo ra hữu hạn, nó trở thành hữu hạn để đưa hữu hạn vào chính cuộc sống của vô hạn. Ngài trở thành người để người trở thành Chúa, theo câu ngạn ngữ truyền thống. Thiên Chúa không muốn cũng như không thể tạo ra các vị thần nhưng Ngài tạo ra họ có khả năng tự tạo ra chính mình, và Ngài trở thành người để câu chuyện của họ dẫn đến sự thần thánh hóa của họ. Vì vậy, chúng ta phải thoát khỏi trí tưởng tượng có phần trẻ con rằng trước tiên đã có sự sáng tạo (từ ban đầu) và sau đó là sự nhập thể. Sự sáng tạo không chỉ xảy ra vào

khởi đầu, mà nó đang diễn ra ngay bây giờ và, mặc dù rất đúng rằng Chúa Kitô đã xuất hiện ở trung tâm của lịch sử (Giáng sinh được ghi lại trong lịch sử), Ngài đã tồn tại vĩnh cửu trong Thiên Chúa. Hãy đọc lại những đoạn đầu của thư gửi tín hữu Ê-phê-sô và thư gửi tín hữu Cô-lô-se, thánh Phaolô nhấn mạnh: «Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa và Nhập Thể không thể tách rời.» Ngài nói rõ ràng rằng Đức Kitô là «Đấng Khởi Nguyên của mọi loài thọ tạo». Tôi tin chắc rằng việc sáng tạo không thể hiểu được từ quan điểm của Thiên Chúa nếu không có Nhập Thể. Thiên Chúa, theo Teilhard de Chardin, trở thành con người mà Ngài tạo ra. Câu này thật không thể quên được !

Trong vườn Gethsemani, Chúa Kitô đã run sợ, đã lo âu, đã sợ hãi: tất cả những từ này đều có trong Phúc Âm. Chính xác, và tôi dám nói, thật may mắn cho chúng ta! Nếu Thiên Chúa nhập thể, không phải để vượt lên trên nỗi lo âu của chúng ta, mà là để sống nó, để cho nó trở thành chính sự kiện của Thiên Chúa (tôi nói một điều khổng lồ : nỗi lo âu của chúng ta trước cái chết trở thành sự kiện của chính Thiên Chúa !), nó được biến đổi. Không phải bị xóa bỏ (chúng ta sẽ rơi vào ma thuật), mà là được biến đổi : cái chết, được chấp nhận với tất cả những gì nó mang lại như nỗi đau khổ, lo âu và cô đơn, trở thành ngưỡng cửa của một sự phục sinh.

Sự phục sinh bắt đầu ngay từ cái chết nhưng chỉ hoàn tất vào ngày tận thế

Người mà thánh Phaolô gọi là «Đấng Khởi Nguyên của mọi loài thụ tạo», Sách Khải Huyền sẽ gọi là «Đấng Khởi Nguyên của những kẻ chết» (1, 5), Đấng Sống Đầu Tiên của tất cả những kẻ đã chết và sẽ chết. Cái chết vẫn là một kết thúc (không thể khác được) nhưng chỉ là kết thúc của một hình thức sống và chuyển sang một hình thức sống khác, đó là của chính Thiên Chúa.

Khi chúng ta vượt qua ngưỡng cửa của cái chết, chúng ta gặp Chúa Kitô phục sinh. Làm thế nào chúng ta có thể hình dung về điều đó ? Về mặt nghiêm ngặt, chúng ta không thể. Chắc chắn của chúng ta về đức tin không xóa bỏ được sự tối tăm sâu thẳm mà chúng ta vẫn ở lại trong đó về điều gì là chính mình Chúa Kitô phục sinh, bởi vì chúng ta sống trong một thế giới bị cái chết chi phối. Điều gì là Sự Sống vượt qua cái chết, Sự Sống chỉ là Sự Sống hoặc, điều này cũng giống nhau, Tình Yêu chỉ là Tình Yêu, chúng ta không thể tưởng tượng được.

Điều gì sống lại trong tôi, chính xác là điều bắt đầu sống lại ngay từ cái chết, đó là mối quan hệ của tôi với người khác và thế giới (người khác, tức là cha mẹ, người thân, bạn bè của tôi; thế giới, tức là tất cả những gì cơ thể tôi đạt được qua công việc, nghệ thuật, văn

hóa, giải trí). Chính mối quan hệ này với người khác và thế giới (tức là cuộc sống của tôi) tái sinh với một sức mạnh, một cường độ thực sự thần thánh, tức là đến từ một người khác là Chúa Kitô sống nhưng được cảm nhận như là của riêng tôi.

Niềm vui của tôi lúc đó là niềm vui của tình yêu : hạnh phúc đến từ một người khác. Người mà tôi yêu - và đó chính là hạnh phúc của tôi. Bởi vì nếu tôi yêu em, chính em là niềm vui của tôi, tôi không muốn niềm vui của mình chỉ từ em, nếu không tôi đã không nói rằng tôi yêu em. Niềm vui của tôi, chính là em. Đó là cho con người, trong cơ thể và tâm hồn của mình, một cách tồn tại mới. Trong cơ thể của mình, tất nhiên, vì chính qua cơ thể mà con người có mối quan hệ với người khác và với thế giới. Và đó thực sự là một sự phục sinh, vì đã phải trải qua sự cô đơn tuyệt đối của cái chết nơi không còn gì cả.

Cuộc phục sinh này bắt đầu ngay từ cái chết (không có phòng chờ nào nơi linh hồn, tách rời khỏi cơ thể, chờ đợi đến ngày tận thế để lấy lại cơ thể của mình !) nhưng nó chỉ hoàn thiện vào cuối thời gian, vì tôi chỉ thực sự là chính mình khi ở bên cạnh tất cả các anh em của mình. Để nói như giáo lý cơ bản của chúng ta, chỉ đến tận thế giới này mới có tất cả mọi người trên thiên đàng.

Để hạnh phúc thiên đàng là hạnh phúc của tình yêu chỉ là tình yêu, chúng ta phải hoàn toàn không còn thuộc về chính mình (hoàn toàn theo nghĩa nghiêm ngặt, như tôi đã nói, cô đơn tuyệt đối). Sức mạnh điều khiển Chúa Kitô phục sinh là một sức mạnh mà không có gì xa lạ với tình yêu. Phải không có gì, để người được yêu trở thành tất cả. Hãy tưởng tượng khuôn mặt rạng rỡ của một người phụ nữ rất được yêu thương, trong một thế giới mà không có gì làm tôi phân tâm khỏi cô ấy và toàn bộ cuộc sống của tôi đến từ cô ấy (so sánh này không hoàn hảo, như mọi so sánh trong lĩnh vực như vậy !).

Đức Kitô phục sinh sẽ là tất cả đối với tôi nhưng tất cả anh em của tôi đều là các thành viên của Đức Kitô. Chúa Kitô không thể tách rời khỏi các thành viên của thân thể Ngài : làm sao bạn muốn tôi gặp được Chúa Kitô là Đầu mà không gặp các thành viên của Thân thể Ngài ? Đôi khi người ta hỏi : «Tôi có gặp lại con trai tôi đã qua đời ở tuổi hai mươi trên thiên đàng không ?» Cần phải rõ ràng : tất nhiên, thưa bà, vì bà được hình thành bởi mối quan hệ với các con của mình. Đó chính là điều tôi đã gọi là thân thể, đó chính là câu chuyện của bạn và nó sống lại trong Chúa Kitô : chúng ta là gì nếu không có những người mà chúng ta yêu thương ?

Thân thể hiện tại của chúng ta không hoàn toàn là thân thể

Nếu sứ mệnh của con người không phải là tham gia vào chính cuộc sống của Thiên Chúa, thì sẽ không có sự phục sinh của xác thịt. Đó là sự thần thánh hóa của con người cho phép sự tồn tại của cơ thể. Điều này có nghĩa là, trong ba khía cạnh của hạnh phúc của chúng ta cần thiết để nó trở thành một hạnh phúc nhân loại, khía cạnh thần thánh là gốc rễ và nguyên tắc của hai khía cạnh còn lại. Bây giờ chúng ta chỉ được thần hóa ở dạng mầm. Chuyện gì sẽ xảy ra khi sau cái chết, chúng ta được thần thánh hóa một cách trọn vẹn, «giống như Thiên Chúa» (1 Ga 3, 2) ? Tất cả nằm trong câu này : *linh hồn, khi được Thiên Chúa chiếm hữu, hoàn toàn chiếm hữu thân xác của mình*.

Chúng ta đều biết rằng chúng ta không hoàn toàn sở hữu cơ thể của mình, nó phần nào thoát khỏi tầm kiểm soát của chúng ta. Nếu tôi bị đau nửa đầu dữ dội, đừng mong tôi sẽ làm một bài thuyết trình thú vị cho bạn. Nếu tôi đang ở Paris, tôi không ở Lyon. Một con ruồi vo ve, Pascal viết, và ngay lập tức nhà triết học vĩ đại này trở nên không thể suy nghĩ. Chính qua cơ thể mà các đôi vợ chồng hiệp thông trong tình yêu, nhưng chính cơ thể lại ngăn cản sự kết hợp của họ trở nên hoàn hảo (đó

cũng chính là nỗi khổ của tình yêu). Điều này có nghĩa là cơ thể không hoàn toàn là cơ thể, nó chỉ là một phần nào đó là công cụ của hành động và giao tiếp. Nó sẽ thực sự là cơ thể khi nó không còn là trở ngại theo bất kỳ cách nào. Và khi tôi nói về cơ thể, đừng quên rằng đó là toàn bộ vũ trụ không thể tách rời khỏi cơ thể.

Kitô giáo một mình, một cách nghiêm ngặt, dạy về sự thần thánh hóa. Không chỉ dạy điều đó mà còn có thể nói rằng chính nó là giáo lý đó. Tất cả Kitô giáo đều ở đó ! Như Guardini đã nói : «Kitô giáo là tôn giáo duy nhất dám đặt một thân xác con người ngay giữa trái tim của Thiên Chúa.» Đó là điều gì đó kỳ diệu, phải không !

Rõ ràng, đó không phải là cơ thể của chúng ta như một tập hợp các tế bào sinh học. Tôi không quan tâm chút nào đến việc giữ lại các ngón chân hay tuyến tụy của mình mãi mãi! Tương tự, khi chúng ta ăn Mình Thánh Chúa Kitô phục sinh, chúng ta không ăn các tế bào sinh học (điều này có thể không rõ ràng với mọi người, vì đôi khi chúng ta bị gọi là người ăn thịt người).

Đó chính là lý do mà Tin Mừng nói rằng «*những người được chọn sẽ như các thiên thần trên trời*» (Mt 22, 30), tức là thực tại thân xác của họ sẽ hoàn toàn mới mẻ. *Đừng nói rằng thân xác sẽ trở thành tinh thần*, đó sẽ là sự hiểu lầm nghiêm trọng nhất ! Chúng ta sẽ vẫn là

con người. Cơ thể không trở thành tinh thần, nó vẫn là cơ thể hơn bao giờ hết, *nó trở nên cơ thể hoàn toàn*. [73]

Thánh Phaolô nói với chúng ta rằng thân xác phục sinh là một «thân xác thiêng liêng» (1 Cr 15, 42) nhưng ông không làm triết học. Thật vô ích khi cố gắng hình dung một cơ thể như vậy : bạn sẽ bị hướng tới một loại khí ánh sáng nào đó (Nietzsche đã nói về sinh vật có xương sống lớn bằng khí !). Điều này làm tôi nhớ đến một câu nói đùa của Claudel khi người ta yêu cầu ông một bài giảng về Ba Ngôi và, vì hôm đó ông đang rất khó chịu, ông đã trả lời : «Các bạn có muốn xem những hình chiếu không ?» Phải từ bỏ trí tưởng tượng, đó không phải là sự từ bỏ dễ chịu nhất đối với con người ; nhưng nó là điều cần thiết : cuộc sống Kitô giáo không thể sống trong thế giới tưởng tượng. Những suy nghĩ mà tôi đề xuất cho bạn không có mục đích nào khác! Lưu ý rằng chúng chỉ là những ý kiến thần học : từ quan điểm giáo lý, Giáo hội rất tiết chế, nó chỉ nói rằng «chúng ta sẽ sống lại cả hồn lẫn xác», chỉ vậy thôi.

«Thân thể tinh thần» một thân thể tự do

Thân thể tinh thần là biểu hiện của con người đã đạt được tự do. Trở thành một người đàn ông tự do, đó là chết đi mọi thứ không phải là tình yêu hay lòng từ

73 Các yếu tố của giáo lý Kitô giáo

bi. Con người tự do khi họ có khả năng đối mặt với cái chết, cái chết của sự ích kỷ dưới mọi hình thức: sự yên tĩnh, sự thoải mái, sự sở hữu đặc quyền, sự đồng thuận yên lặng với những bất bình đẳng kiêu ngạo của thế giới. Con người tự do khi anh ta chết một cách chủ động với tất cả những điều đó, khi anh ta làm việc để không trở thành nô lệ của chính mình. Tôi nói: một cách chủ động, tức là bằng cách thực hiện những hành động tự do, bằng cách đưa ra những quyết định, lớn hay nhỏ, để mang lại một sự tự do lớn hơn, từng ngày.

«Nếu cái chết chỉ bị chịu đựng, nó là sự hủy diệt thuần túy. Một cơ thể bị đánh đập không tạo ra một vũ công, trong khi để trở thành một vũ công, cần phải đồng ý chịu đựng nhiều cơn đau nhức hơn bất kỳ hình phạt nghiêm khắc nào. Đồng ý. Cái chết, như một hy sinh tự nguyện, chỉ có thể đưa vào vũ trụ của sự phục sinh, như những buổi tập luyện khắc nghiệt nhất đưa vào vũ trụ của điệu nhảy. Tuy nhiên, người duy nhất đã chết vì hy sinh tự nguyện thuần khiết chính là Chúa Kitô». [74]

Tất cả các hành động trong cuộc đời của Chúa Kitô đều là những hành động của tình yêu. Ngài không chỉ hiến dâng một phần, trong những hành động này mà loại trừ những hành động khác. Về mặt ngữ nghĩa, Ngài

74 E. Pousset, tác phẩm đã dẫn, tr. 377.

đã hiến dâng cuộc đời mình, suốt cuộc đời mình, và không bao giờ lấy lại cho riêng mình. Vì vậy, *Ngài đã chết cho tất cả những giới hạn tạo nên một con người và cho tất cả những tội lỗi khiến con người quay trở lại những giới hạn đó*. Cái chết hàng ngày hoàn toàn tự nguyện mà thực sự là hành động của Ngài, tổng thể các hành động mà ông đã thực hiện. Cái chết của Chúa Kitô, - hãy hiểu rõ: cái chết được cấu thành bởi từng hành động của Ngài suốt cuộc đời, và cái chết cuối cùng trên thập giá - là hành động hoàn hảo của một tự do con người, do đó là biểu hiện hoàn hảo của tự do của chính Thiên Chúa trong một con người.

Người đàn ông bằng xác thịt và máu mà chúng ta gọi là Chúa Giê-su *hoàn toàn sống tự do* của mình, trong hành động tự do mà qua đó Ngài tự hiến. Chúng ta có thể nói tương đương : Chúa Giêsu hay Con Người hoàn toàn tự do. Nếu chúng ta hiểu đúng nghĩa đen của từ «toàn diện», thì đó là một chân lý hiển nhiên khi nói rằng Ngài hoàn toàn tự do. Và đó là nói rằng Ngài sống mà *không còn gì sót lại*, hoặc Ngài sống lại khi đang chết đang. «Ngài không biết đến sự hư nát» (Cv 2, 31). Nếu cái chết của Chúa Giêsu chỉ là một cái chết tự nhiên bị chịu đựng, thì ngôi mộ sẽ không trống rỗng : sẽ có một phần còn lại, bị định sẵn cho sự hủy diệt hoàn toàn. Nhưng nếu cái chết của Chúa Giêsu là cuộc đời

của Ngài được hiến dâng, thì đó chính là Đời sống, vì cuộc đời chỉ thực sự là Đời sống khi nó được hiến dâng, vì sống và yêu thương là một. Thiên Chúa là Tình Yêu, nên Đời Sống chính là tình yêu. Trong Chúa Giê-su, cái chết là biểu hiện hoàn hảo của Sự Sống. Thân thể chết của Chúa Giêsu chính là Sự Sống, là *sự hoàn thành*, và đồng thời, là sự tiết lộ của *tự do*. Ngài là một người tự do và không có tự do trong các ngôi mộ, chỉ có thể có những tàn dư. Không có gì trở thành bụi từ những gì Chúa Giê-su đã từng là : ngôi mộ trống rỗng.

Trong chúng ta, có điều gì đó hơn cả tình yêu, hơn cả tự do, chúng ta là nô lệ của quá nhiều thứ ! Chúng ta thể hiện điều đó bằng cách thừa nhận rằng chúng ta là những kẻ tội lỗi. Vì vậy, trong chúng ta có điều gì đó khác ngoài Sự Sống. Điều trái ngược với sự sống, cái chết, chúng ta đã mang nó trong mình suốt cuộc đời trần gian của mình. Cái chết là nội tâm trong mỗi quyết định ích kỷ của chúng ta. Cái chết này, đó là sự từ chối cái chết tự nguyện, đó là cái chết bị chịu đựng. *Đó là phần năng lượng*, sinh ra trong cơ thể chúng ta, *không được chuyển hóa thành* hành động tự do thực sự, không được biến thành năng lượng của tình yêu hoặc cái chết tự nguyện.

Phải phát âm từ ngữ diễn đạt rõ ràng rằng cái chết tự nguyện và tình yêu là một : đó là từ «*hy sinh*». Năng lượng dâng lên từ bản thể thịt và máu của tôi, nếu không trở thành, ở mức độ của bản thể tinh thần (của tự do của tôi), hy sinh, thì sẽ bị suy tàn : đó là một tàn dư, chỉ có thể trở thành bụi bặm. *Tuy nhiên, không cần phải tưởng tượng ra điều gì có thể là sự phục sinh của một tàn dư của sự suy tàn : không có điều đó*.

Tóm lại, *chúng ta có thể chết vì già yếu*, hoặc, như người ta nói, *vì công vụ*. Chết vì sự suy tàn, đó là *số phận của tự nhiên* ; chết vì công vụ, đó là một cuộc *thánh hiến (hy sinh toàn bộ bản thân) tự nguyện*. Trên thực tế, mọi người, ngoại trừ Chúa Kitô và mẹ Ngài, đều chết vì cả sự suy tàn và sự hy sinh, cái chết bị chịu đựng và cái chết tự nguyện. Mộ của Chúa Kitô trống rỗng, vì tất cả trong Ngài đều là lễ tế, hành động yêu thương, sự hiến dâng tự nguyện của chính mình. Mồ mả của chúng ta không trống rỗng, vì tất cả trong chúng ta không phải là lễ tế, hành động yêu thương, sự hiến dâng tự nguyện của chính mình : mồ mả của chúng ta là dấu hiệu, cho tất cả những ai đến đặt hoa, *rằng chúng ta là những kẻ tội lỗi nghèo khổ*.

Nhưng, tạ ơn Chúa, trong chúng ta có sự sống thật. Đã có tình yêu thật sự trong cuộc đời chúng ta : chúng ta đã làm việc, chúng ta không chỉ nhắm đến lợi ích cá nhân hoặc gia đình trong công việc của mình, chúng ta đã cống hiến, chúng ta đã hoàn thành một nhiệm vụ, chúng ta đã chết, theo một cách nào đó, cho nhiệm vụ đó. Vì vậy, có một phần của chính chúng ta được hồi sinh. Chúng ta không chỉ là tàn dư. Nếu chúng ta chỉ là tàn dư, thì đó sẽ là địa ngục, tức là một chuyển động hủy diệt vĩnh viễn bị theo đuổi và không bao giờ đạt được.

Tôi đã nói rằng không thể hình dung ra một thân xác tinh thần, một thân xác tự do. *Cha Pousset* đề xuất so sánh này : *«Có những hạt sồi và có những cây sồi.» Ai chưa thấy chỉ có những quả sồi thì không thể hình dung ra một cây sồi. Chúng ta không thể hình dung ra thân xác phục sinh của mình. Nhưng ai thấy một cây sồi thì không nên hỏi dưới hình thức cụ thể nào mà hạt sồi tồn tại trong nó ; nó không tồn tại khác hơn là như cây sồi này.»* Đó là điều mà thánh Phaolô đã nói : «Người ta gieo vào sự hư nát, thì người ấy sống lại trong sự bất hoại ; người ta gieo vào sự nhục nhã, thì người ấy sống lại trong vinh quang ; người ta gieo vào sự yếu đuối, thì người ấy sống lại trong sức mạnh ; người ta gieo vào thân xác tự nhiên, thì người ấy sống lại trong thân xác

thiêng liêng » (1 Cr 15, 42).

Tính vĩnh cửu và thần thánh hóa của toàn con người và toàn vũ trụ

Trong cuộc sống phục sinh của chúng ta, chúng ta sẽ thấy Thiên Chúa trong mọi sự và mọi sự trong Thiên Chúa. Tôi sẽ thấy Chúa trong mọi thứ, vì thế giới mà tôi đã yêu mến rất nhiều, thế giới mà tôi đam mê (sự bao la của các đồng bằng, biển cả, các vì sao và núi non - tôi đã nghĩ đến điều đó khi nhìn thấy dãy núi Pyrénées tuyệt đẹp hôm nọ ! - và đặc biệt là cộng đồng nhân loại còn đẹp và thú vị hơn cả vẻ đẹp của thiên nhiên), tóm lại, thế giới này sẽ hiện ra với tôi như nó vốn có, như thể nó vừa mới thoát ra từ bàn tay Thiên Chúa, được tạo ra vĩnh viễn bởi Chúa, trong bản thể của nó như nó vốn có, đó là sự tham gia vào Bản Thể của chính Thiên Chúa. Toàn bộ thế giới sẽ trở nên trong suốt với tôi; tôi sẽ thấy Chúa qua đó. Hãy thử tưởng tượng thế giới này sẽ như thế nào, nếu chúng ta có thể thấy Chúa qua một tình yêu con người, một tình bạn con người, thậm chí chỉ là một tình đồng chí ! Thiên Chúa trong mọi thứ.

Và, đồng thời, trong cùng một ý thức, trong ý thức của tôi về con người được thần thánh hóa, tôi sẽ thấy mọi thứ trong Thiên Chúa: toàn bộ vũ trụ sẽ là của tôi. Vũ trụ, thực vậy, không thể tách rời khỏi Chúa, vì Ngài vĩnh viễn tạo ra nó. Vì vậy, mọi thứ đều ở trong Chúa. Và hai bức tranh - Thiên Chúa trong mọi thứ và mọi thứ trong Thiên Chúa - sẽ trùng khít chính xác.

Chúng ta cũng có thể nghĩ rằng, trong cuộc sống được phục sinh của chúng ta, tất cả những gì tốt đẹp, đẹp đẽ và chân thật trong sự tồn tại trên trái đất sẽ vẫn tồn tại. Tất cả công việc đã hoàn thành vì hòa bình, công lý, vẻ đẹp, văn hóa, tất cả những tác phẩm thực hiện trên các công trường nhân loại, tất cả đều bất tử. Bởi vì cơ thể của tôi, cuối cùng, chính là tất cả những điều đó. Tôi có thể nói rằng cơ thể của tôi là câu chuyện của tôi bắt nguồn từ một bản chất : bản chất của tôi là nam giới, không phải nữ giới ; tôi là người Pháp, không phải người Eskimo, v.v. Tất cả những điều đó, chính là sự bén rễ của bản thể tôi và, từ đó, tôi có một câu chuyện: giáo dục của tôi, việc học của tôi, việc gia nhập tu viện của tôi, các mối quan hệ bạn bè và tình bạn của tôi, công việc của tôi, những sự kiện trong đời sống xã hội hoặc chính trị, khoảnh khắc tôi sống với bạn, tất cả những điều đó cuối cùng tạo nên cơ thể tôi và chính điều đó được hồi sinh.

Câu chuyện của tôi xây dựng khuôn mặt vĩnh cửu của tôi. Làm sao có thể tưởng tượng một bông hoa hồng khổng lồ với hàng tỷ và hàng tỷ màu sắc mà không có hai màu nào giống nhau ! Có hàng tỷ và hàng tỷ khuôn mặt con người nhưng không có hai khuôn mặt nào hoàn toàn giống nhau, điều này đã tồn tại từ thuở ban đầu và có lẽ sẽ kéo dài đến tận cùng của thời gian. Sự đa dạng phi thường của các khuôn mặt tượng trưng và có ý nghĩa cho sự đa dạng còn phi thường hơn của các linh hồn, các sâu thẳm. Vĩnh viễn, tôi khác biệt với tất cả các bạn và mỗi người trong số các bạn đều vĩnh viễn khác biệt với tất cả những người khác. Điều làm nên sự khác biệt của bạn, tức là màu sắc, màu xanh, màu xanh lá cây hoặc màu đỏ độc đáo mà bạn sẽ trở thành trong vòng hoa vĩnh cửu, chính là tất cả những quyết định bạn đưa ra hàng ngày, với điều kiện đó là những quyết định của lòng từ bi, công lý, tình yêu và thậm chí là sự trung thực cơ bản. Ngay cả những gì được thực hiện bởi những kẻ vô thần, càng hơn nữa bởi những người không tin không phải là kẻ vô thần, chẳng hạn như chín trăm triệu người Trung Quốc chưa bao giờ nghe nói về Chúa Giê-su, trong chừng mực nó tốt và đẹp, tất cả những điều đó tôi sẽ tìm thấy được chuyển hóa vào Vương quốc Thiên đàng, vào Giêrusalem thiên quốc mà Sách Khải Huyền nói đến.

Chúng ta xây dựng cuộc sống vĩnh cửu của mình qua các thế kỷ ; và điều đó, thông qua những thăng trầm, tiến bộ và suy tàn của chúng ta. Điều đó có nghĩa là hạnh phúc của một người Pháp sẽ không giống với hạnh phúc của một người Trung Quốc, hạnh phúc của một người đàn ông đã kết hôn sẽ không giống với hạnh phúc của một người độc thân, nhưng người Pháp sẽ có phần trong hạnh phúc của người Trung Quốc, người độc thân sẽ có phần trong hạnh phúc của người đã kết hôn, và ngược lại. Bởi vì câu chuyện của một người Pháp đã kết hôn vào thế kỷ 20 không giống với câu chuyện của một người độc thân Trung Quốc vào thế kỷ 15. Nhưng chính là toàn bộ con người của mọi người đều được phục sinh, theo nghĩa rằng lòng bác ái hoặc cái chết tự nguyện mà sự phục sinh đạt được đã được rút ra từ một năng lượng thể xác có những đặc điểm riêng, và đã đi vào các mối quan hệ huyết thống, tình bạn, tình yêu và tình bạn bè riêng của mỗi người. Tất cả đều sống lại, trừ những gì vẫn còn dưới mức yêu thương, trừ lòng ích kỷ và tội lỗi. Đó là lý do tại sao tôi có thể kết luận bằng một công thức tóm tắt tất cả: cuộc sống vĩnh cửu là sự tồn tại vĩnh cửu, được tinh thần hóa, được thần thánh hóa, của toàn bộ con người và toàn bộ vũ trụ.

GHI CHÚ 1

MẶT TRÁI CỦA VIỆC THẦN THÁNH HÓA : ĐỊA NGỤC [75]

Sự khó chịu, nếu không nói đến sự bối rối, của các tín hữu Kitô trước điều mà giáo lý gọi là địa ngục lớn đến mức, thực tế, người ta đã ngừng nói về nó, trừ những trường hợp hiếm hoi. Im lặng có lẽ tốt hơn là những lời giải thích kéo dài những hiểu lầm cũ dai dẳng. Chúng ta nên im lặng, nếu không thể làm cho người khác hiểu rằng sự phủ nhận đơn thuần và đơn giản của địa ngục cuối cùng dẫn đến, nếu không phải là sự phủ nhận của Chúa và con người, thì ít nhất cũng là sự cắt xén của Chúa, con người và tình yêu.

Tôi đưa ra ở đây một điều gì đó, thoạt nhìn, là một nghịch lý mạnh mẽ. Nhưng, chính xác, phải đối mặt với nghịch lý này là mối liên hệ chặt chẽ giữa tình yêu và

---

75 Bản thảo : «Địa ngục và luyện ngục», số 5 trong loạt bài viết năm 1975-1976. Cha Varillon sử dụng J. Ratzinger, Đức tin Kitô giáo, hôm qua và hôm nay, tr. 207-213 ; G. Martelet, Cuộc sống sau cái chết được tìm thấy lại, tr. 181-191, và các Yếu tố của giáo lý Kitô giáo, chương 62 và 64. - Bản sao : Nantes (4 tháng 11 năm 1970) ; Annecy (14 tháng 1 năm 1971) ; Auteuil (9 tháng 2 năm 1976) ; Lyon-Sainte-Hélène (26 tháng 2 năm 1976) ; Pau (tháng 10 năm 1976).

địa ngục. Nếu chúng ta có thời gian để phát triển chi tiết về nghịch lý này, chúng ta có thể chỉ ra rằng khả năng bị đày xuống địa ngục - tôi nói là khả năng chứ không phải là thực tế, vì chúng ta không thể khẳng định rằng sự đày xuống địa ngục là một thực tế - là cần thiết để hiểu :

- mầu nhiệm của ơn gọi của chúng ta để trở thành những Người Sống mãi mãi trong Cuộc Sống thần thánh (rõ ràng là ngoài mầu nhiệm của sự thần hóa của chúng ta, khả năng bị nguyền rủa là vô lý);

- sự nghiêm túc hoặc tính nghiêm trọng của tình yêu (dù là tình yêu của Chúa dành cho chúng ta hay tình yêu mà Ngài ban cho chúng ta để dành cho Ngài) ;

chiều kích tuyệt đối của những hành động mà tự do của chúng ta thực hiện trong thời gian, do đó là thời gian mà chúng ta được ban cho để thực hiện chúng ;

- bản chất thật sự của hy vọng và nó liên quan như thế nào, trong khi vẫn khác biệt, với những hy vọng đa dạng của con người. Đến nỗi một cuộc thiền định về địa ngục phải dẫn đến một bài ca ngợi hy vọng.

Địa ngục trong Kinh Thánh

Trong từ vựng Kitô giáo, chúng ta nói về địa ngục và hỏa ngục. Chúng ta nói rằng Chúa Kitô đã xuống địa ngục, một mặt; và kẻ bị nguyền rủa xuống địa ngục, mặt khác. Nếu từ ngữ là giống nhau, trong khi đó là hai số phận khác nhau, nếu chỉ có sự khác biệt giữa số ít và số nhiều, thì đó không phải là ngẫu nhiên và cũng không phải là một sự so sánh tùy tiện. Ngược lại, có một logic sâu sắc và sự biểu hiện của một chân lý quan trọng. Địa ngục như địa ngục, đó là vương quốc của cái chết. Không có Chúa Kitô, trên thế giới chỉ có một địa ngục và một cái chết, cái chết vĩnh cửu, cái chết nắm giữ toàn bộ sức mạnh của nó, cái chết của hữu thể hữu hạn bị giam cầm trong sự hữu hạn của nó, mà chúng ta có thể gọi là vòng tròn của sự chết.

Nếu có một «cái chết thứ hai», để nói như trong Sách Khải Huyền (21, 8), tách biệt với cái chết đầu tiên mà chúng ta gọi là địa ngục, thì đó là vì Đức Kitô đã phá vỡ quyền lực của cái chết bằng cái chết của Ngài. Chính vì Chúa Kitô đã xuống địa ngục, nên địa ngục không còn là địa ngục nữa, và có hai cái chết.

«Địa ngục», ở số nhiều, là bản dịch tiếng Pháp của từ tiếng Do Thái *shéol*, tương đương với từ tiếng Hy

Lạp *Hadès* (chính xác là *Aidès*, tức là nơi không có ánh sáng). Đối với người Do Thái, *shéol* là «cuộc hẹn của tất cả những người sống» (Giốp 30, 23). Như nhiều dân tộc khác, họ tưởng tượng sự sống còn như một cái bóng của sự tồn tại, không có giá trị và không có niềm vui, cái gì đó gần gũi hơn với hư vô hơn là với sự tồn tại. *Shéol* là «một vùng đất dưới chúng ta, một nơi của bóng tối, bụi bặm và bùn lầy, nơi những người chết xuống trần trụi, nơi không ai trở lại, nơi gia nhập tổ tiên của mình (chính xác: nơi nằm xuống với tổ tiên của mình) và nơi sống cuộc sống nhạt nhòa và suy giảm của những bóng tối, cuộc sống không đáng ao ước, Thiên Chúa vắng mặt » [76]. Đó là shéol, hay hadès, hay địa ngục.

Nói rằng Chúa Kitô đã xuống địa ngục (đó là một điều trong Kinh Tin Kính của chúng ta), trước hết là nói rằng Ngài thực sự đã chết. Và nếu Thiên Chúa, khi phục sinh, đã giải thoát Ngài khỏi âm phủ, như thánh Phêrô đã nói (Cv 2, 24), thì trước hết là vì Ngài đã chìm vào đó. Ngài đã trải qua sự cô đơn của cái chết, đó là sự cô đơn tuyệt đối, sự cô đơn mà gần như mọi sự cô đơn khác trên thế gian này chỉ là một sự gần gũi với sự cô đơn; Ngài đã trải qua sự bỏ rơi hoàn toàn, sự bị bỏ rơi.

---

76 Cha Fontoynont, được trích dẫn trong Các yếu tố của học thuyết Kitô giáo, II, tr. 245

Địa ngục của sự cô đơn tuyệt đối

Bi kịch của cuộc đời chúng ta là, sâu thẳm bên trong, ở nơi riêng tư nhất của bản thân, con người là cô đơn. Nhưng anh ta không thể chịu đựng sự cô đơn, vì vậy anh ta che giấu nó, anh ta ngụy trang nó. Bởi vì nếu anh ta cô đơn, anh ta không được sinh ra để cô đơn. Như chính Thiên Chúa là Ba Ngôi, cộng đồng của ba Ngôi Vị, con người là một sinh thể-cùng. Nếu bạn bỏ đi «với», bạn gần như phải bỏ đi «là». Phải sống cùng người khác hoặc những người khác, và sống một mình, đó là mâu thuẫn. Và khi mâu thuẫn được trải nghiệm, đó là nỗi lo âu. Đó là nỗi lo âu của sự cô đơn, luôn tương đối, của cuộc sống này, chỉ có thể cho chúng ta một ý tưởng mơ hồ về sự cô đơn của cái chết.

Ratzinger đề cập đến «*đứa trẻ phải một mình đi qua đêm trong một khu rừng tối tăm. Nó sợ, ngay cả khi người ta đã chứng minh một cách thuyết phục nhất rằng nó hoàn toàn không có gì để sợ. Vào lúc anh ta một mình trong đêm và trải nghiệm một cách triệt để sự cô đơn, nỗi sợ hãi xuất hiện, nỗi sợ hãi thật sự, không phải là nỗi sợ hãi về điều gì đó, mà là nỗi sợ hãi trong chính bản thân. Nỗi sợ trước một vật thể cụ thể về cơ bản là vô hại, nó có thể bị xua đuổi, chỉ cần loại bỏ vật thể gây ra nó. Nếu ai đó sợ một con chó dữ, mọi chuyện*

sẽ ổn nếu buộc con chó lại.» [77]

Nỗi sợ hãi do cô đơn gây ra, đó là một chuyện hoàn toàn khác; nó sâu sắc hơn nhiều. Đó không còn là một mối đe dọa bên ngoài *có thể được trung hòa nữa*. Không có gì để trung hòa, vì đây chính là sự tồn tại của chúng ta, là mâu thuẫn trong sự tồn tại của chúng ta.

Nỗi lo âu của sự cô đơn chỉ có thể được vượt qua bằng sự hiện diện của một người yêu thương: bàn tay của ai đó, giọng nói của ai đó nói: «Bạn». Ở đây, bất kể tình huống của chúng ta như thế nào, và bất kể tuổi tác của chúng ta, luôn có khả năng của một bàn tay, một giọng nói, một «bạn». Nhưng nếu có một sự cô đơn mà không có giọng nói nào có thể xâm nhập, một sự cô đơn mà không có bàn tay nào có thể chạm tới, thì đó là sự cô đơn tuyệt đối, nỗi lo âu tuyệt đối của người không được sinh ra để cô đơn, và người đó thì đã cô đơn mãi mãi. Đó là sự cô đơn và nỗi lo âu mà chúng ta gọi là «địa ngục».

Nhiều người đương đại của chúng ta, trong văn học, kịch nghệ và điện ảnh, đã làm nổi bật chủ đề cô đơn này. Hãy nghĩ đến các bộ phim của Antonioni : *tất cả các cuộc gặp gỡ đều nông cạn, không ai trên thế gian này được phép tiếp cận chiều sâu của người khác*. Giao

77 J. Ratzinger, op. cit., tr. 211.

tiếp thật sự, trong tình bạn, tình hữu nghị và tình yêu, là điều không thể. Mọi cuộc gặp gỡ, dù đẹp đẽ đến đâu về bề ngoài, chỉ làm *tê liệt vết thương không thể chữa lành của sự cô đơn*. Có một sự bi quan tăm tối ở đó, vì điều đó có nghĩa là con người mang theo địa ngục trong chính mình, và đó là một điều tồi tệ đến mức người ta bám víu vào bất cứ điều gì để thoát khỏi nó, đôi khi có ảo tưởng rằng mình đã đạt được điều đó, nhưng thực tế là không bao giờ đạt được.

Dù có cô đơn trong suốt cuộc đời, vẫn có một sự cô đơn không thể tránh khỏi, đó là cái chết. Chúng ta luôn chết một mình. *Cái chết là một cánh cửa chỉ có thể vượt qua trong cô đơn. Và tất cả nỗi sợ hãi của thế giới thực chất là nỗi sợ hãi về sự cô đơn đó. Đó là lý do tại sao Cựu Ước chỉ có một từ cho địa ngục và cái chết, từ shéol. Cái chết là sự cô đơn đơn thuần*. Nhưng chúng ta tin rằng Chúa Giêsu Kitô đã chết. *Địa ngục là sự cô đơn nơi tình yêu không thể thâm nhập*. Nhưng chúng ta tin rằng Chúa Giê-su Ki-tô đã xuống địa ngục. Nếu Ngài đã vượt qua cánh cửa của *sự cô đơn vượt bậc* của chúng ta, nếu Ngài đã bước vào vực thẳm của sự bỏ rơi tuyệt đối của chúng ta, thì phải nói rằng nơi mà không có bàn tay nào, không có giọng nói nào, không có «ai» có thể chạm tới, giờ đây có Chúa Giê-su Ki-tô. Địa ngục, vì nó giống như cái chết, đã được vượt qua.

Nói cách khác, cái chết, trước đây là địa ngục, giờ không còn là địa ngục nữa. Trong lòng cái chết, có sự sống: Chúa Giê-su Ki-tô, Ngài là sự sống. Trong lòng cái chết, có tình yêu: Chúa Giê-su Ki-tô, đó là tình yêu, là «Ngươi» tuyệt đối, tức là người không thể trở thành một «Người» (ai đó mà người ta nói đến) nhưng là người nói và người mà người ta nói đến.

Địa ngục, giờ đây, là một điều khác. Đó là một «cái chết thứ hai», không còn là cái chết đơn thuần nữa, mà là cái chết tiềm tàng của những người mà sự ích kỷ đã khiến họ khép kín đến mức không thể mở lòng ra với tình yêu. Nếu có một bàn tay chìa ra, họ không thấy; nếu có một giọng nói, họ không nghe thấy; nếu có một «bạn» đang mở lòng, họ coi đó là một «người khác», tức là một sinh linh xa lạ. Đúng như chữ viết - nhưng ở đây cần cân nhắc từng lời nói, chúng rất nặng nề - xa lạ với mọi thứ; nói theo ngôn ngữ hiện đại, bị tha hóa.

Tuy nhiên, Cựu Ước đã cảm nhận rằng có sự phân biệt giữa cái chết và địa ngục. Người Do Thái chỉ có một từ cho cả hai, nhưng họ đã sử dụng nhiều hình ảnh và so sánh để diễn tả cái chết của kẻ ích kỷ cứng đầu, cái chết của người đã trở thành hoàn toàn ích kỷ: hình ảnh của lưu huỳnh và lửa, sự tàn phá trong thung lũng Gehenna, sự bò lổm ngổm của giòi bọ thể hiện ý tưởng

về sự vô sinh và cằn cỗi, sự rác rưởi và vô giá trị, sự mục nát [78], v.v. Họ đã, qua sự đa dạng của các hình ảnh, đặt nền tảng cho những gì sau này Giáo hội sẽ định nghĩa một cách giáo điều, trên phương diện tư tưởng suy ngẫm. Đó là sự chuyển tiếp từ Kinh Thánh hình ảnh sang giáo lý được Giáo hội định hình mà chúng ta phải thực hiện. Không nên vứt bỏ hình ảnh ra ngoài cửa sổ bằng cách nói rằng đó là sự trẻ con, cũng không nên sa lầy vào chúng. Và, dựa trên các tuyên bố giáo điều mà Giáo hội đề xuất, chúng ta cần thực hiện một cách đơn giản sự suy nghĩ của những người đàn ông thông minh.

Suy ngẫm thần học

Người Kitô hữu phải làm việc để đọc đúng Kinh Thánh (Cựu Ước và Tân Ước), họ không nên là người theo chủ nghĩa căn bản, tức là chỉ giữ lại một cách đọc theo nghĩa đen của Phúc Âm. Nhưng anh ta không được phép chọn lọc các đoạn trong Kinh Thánh, giữ lại những gì anh ta thích và bỏ qua những gì làm anh ta khó chịu. Đó là từ tất cả các văn bản Kinh Thánh, ngay cả những văn bản khó khăn nhất, mà sự suy tư thần học phải được tiến hành

78 Để nghiên cứu chi tiết về những hình ảnh này, xin tham khảo Các yếu tố của học thuyết Kitô giáo, II, tr. 289 ss.

Khả năng về địa ngục : điều kiện của sự vĩ đại của tự do của chúng ta

Hãy nhắc lại một lần nữa rằng điều cốt yếu trong Kitô giáo là Sự Mặc Khải về một Thiên Chúa chỉ có tình yêu. Nhưng hãy ngay lập tức thêm rằng không nên tự mãn quá sớm về việc biết tình yêu là gì, khi nó được sống bởi Thể vô hạn. Tôi nghĩ rằng cần cả một đời, và một đời giàu trải nghiệm, để hiểu một chút về tình yêu là gì, và tình yêu bao hàm những gì. Dù sao đi nữa, nếu có một điểm nào đó trong giáo lý Kitô giáo xuất hiện như không liên quan đến tình yêu hoặc mâu thuẫn với tình yêu hoặc không phải là điều kiện hoặc hệ quả của tình yêu, chúng ta có quyền bác bỏ nó.

Nhưng chính điều đó là không thể, vì là một Kitô hữu, nghĩa là tin rằng không thể có bất kỳ điểm nào trong giáo lý Kitô giáo không liên quan đến tình yêu. Và toàn bộ suy tư thần học là nhận thức được mối liên hệ logic giữa tình yêu và từng điểm trong giáo lý.

Thoạt nhìn, *nếu Thiên Chúa là tình yêu, thì địa ngục sẽ không thể tồn tại. Là một người Kitô hữu, không phải trước tiên là tin vào địa ngục, mà là tin vào Chúa Kitô và hy vọng, nếu câu hỏi đặt ra, rằng sẽ không thể có địa ngục cho con người*. [79] Tôi ghi chú ngay lập tức - và

79 J. Ratzinger, op. cit., tr. 181.

điều này rất quan trọng - rằng nếu ai đó nói rằng địa ngục tồn tại, họ tự mãn với một thông tin mà các Kitô hữu hoàn toàn không có.

Địa ngục không tồn tại như một ngọn núi lửa tên là Soufrière ở trung tâm Guadeloupe. Suy ngẫm từ những hình ảnh trong Kinh Thánh dẫn đến việc hình dung địa ngục không phải là một nơi (mà ta phải nói rõ là nó tồn tại hay không tồn tại) mà là một trạng thái, một tình huống. Nếu có sự mơ hồ về điều đó, thay vì nói «địa ngục», hãy nói «sự kết án», «trạng thái bị kết án». Chỉ có địa ngục khi có những kẻ bị nguyền rủa. Không có một địa ngục nào tồn tại độc lập với trạng thái bị nguyền rủa.

Nhưng chúng ta không biết liệu có hay sẽ có những kẻ bị nguyền rủa. Chúng ta không cần phải hỏi Chúa về điều đó! Và chúng tôi hy vọng, chúng tôi không thể không hy vọng rằng sẽ không có ai bị hư mất. Đôi khi có cảm giác rằng một số người cảm thấy khó chịu khi không thể khẳng định rằng có những kẻ bị nguyền rủa, họ muốn chắc chắn rằng có những kẻ như vậy. Người ta đã đưa cho tôi những tờ giấy, mà theo như lời của thánh Augustin, thánh Gioan Kim Khẩu, thánh Irénée, được cho là khẳng định theo truyền thống Kitô giáo rằng số người được cứu rỗi ít hơn số người bị kết án. Thật là

không thể tin được! Tôi thú thật rằng tôi đã rất khó khăn để giữ bình tĩnh.

Nếu tôi cầu nguyện cho tất cả mọi người mà không có ngoại lệ, bao gồm cả Judas, bao gồm cả những kẻ từng là quái vật trước mặt vũ trụ, Hitler hay Staline (và không ai có thể bắt tôi không cầu nguyện cho họ), đó là điều tôi hy vọng sự cứu rỗi của họ. Nếu tôi không hy vọng điều đó, tôi sẽ không cầu nguyện. Đó là điều đầu tiên : đức tin vào Thiên Chúa chỉ là tình yêu và hy vọng vào sự cứu rỗi toàn cầu (lễ nghi Thánh Thể nói rõ điều này : «Dâng hiến hy lễ của toàn thể Giáo hội để cứu rỗi thế giới»).

Nhưng đức tin và hy vọng này chính là yêu cầu rằng tình yêu mà con người được yêu thương phải là một tình yêu được coi trọng. Tình yêu nghiêm túc là gì ? Đó là một tình yêu không xóa bỏ tự do của con người, mà còn làm nền tảng cho nó. Tình yêu sẽ không còn là tình yêu nếu nó thao túng tự do nhằm đạt được sự đáp lại bằng mọi giá. Với con cái của bạn, chắc chắn, khi chúng còn nhỏ, bạn có thể đạt được sự đáp lại. Bạn nhận được một cái vuốt ve, một nụ hôn, sự kết thúc của một cơn giận dỗi ! Nhưng đó chỉ là trẻ con thôi ! Chúa không đối xử với chúng ta như trẻ con. Tình yêu không còn là tình yêu nếu nó nói : cuối cùng tôi sẽ buộc bạn

phải yêu tôi. Không thể bắt buộc ai yêu. Ép buộc yêu, đó không phải là yêu.

Trong một cuốn sách đáng ngưỡng mộ, Jean Lacroix đã viết một câu có lẽ là một trong những câu sâu sắc nhất được viết trong những năm gần đây : «Yêu là hứa và tự hứa sẽ không bao giờ sử dụng sức mạnh đối với người mình yêu. Từ chối mọi quyền lực, tức là chấp nhận sự từ chối, sự không hiểu và sự phản bội.» [80] Có nhiều quyền lực mà chúng ta luôn sử dụng nhiều hay ít trong tình yêu con người, từ áp lực của sự quyến rũ với vẻ ngoài vô hại đến bạo lực ghê tởm. Sự làm dáng, sự nịnh nọt, sự dối trá là những con sâu ẩn mình trong những trái cây đẹp mà người ta dâng tặng. Và có tất cả các hình thức hiếp dâm, được ngụy trang hoặc không.

Không có gì trong tất cả những điều đó ở Thiên Chúa : trong Ngài, tình yêu chỉ là tình yêu, vì vậy đó là một tình yêu hoàn toàn từ chối việc sử dụng quyền lực. Tình yêu của Ngài thực sự được ban tặng, và điều đó có nghĩa là nó trở thành một tình yêu được đón nhận. Ai có thể đảm bảo rằng tình yêu thực sự được trao, hoặc được tặng, sẽ không bao giờ là một tình yêu bị từ chối một cách tự do ? Nếu bạn tuyên bố rằng một sự bảo đảm như vậy tồn tại, thì tình yêu không còn nữa. Bởi vì bạn

---

80 J. Lacroix, Le désir et les désirs, PUF, 1975, tr. 79.

không thể tìm thấy sự bảo đảm này ở đâu khác ngoài việc sử dụng quyền lực. Sự đảm bảo duy nhất có thể là Chúa buộc chúng ta phải yêu Ngài !

Trên thực tế, việc từ chối tình yêu là một điều gì đó thực sự kinh khủng. Đó là điều gần như không thể tưởng tượng nổi. Hoặc, nếu bạn thích, điều đó chỉ có thể được nghĩ đến như một giới hạn. Ngược lại, điều không thể tưởng tượng nổi, vượt qua mọi giới hạn, là việc Thiên Chúa có thể ngừng yêu thương. Không có những người bị Chúa ghét. Nhưng tự do của con người - tự do tạo nên sự vĩ đại của nó - đến mức tình yêu được trao tặng vô điều kiện có thể bị từ chối vô điều kiện.

Nếu bạn cho rằng không thể nào con người lại có thể tham gia vào một sự ích kỷ có ý thức và bướng bỉnh của bản thân, bạn đang làm giảm giá trị con người, bạn giảm bớt con người, như Sartre đã nói, trở thành một con búp bê trong tay các vị thần. Bạn sẽ tưởng tượng ra một vị thần vừa tạo ra, vừa thiết lập tự do của chúng ta, và đồng thời đóng băng, hóa đá, thao túng nó, điều này cũng không tốt hơn. Khi người ta thực sự tin vào sự vĩ đại của con người, người ta cũng tin rằng khả năng bị nguyền rủa được ghi nhận, như một sự từ chối vô điều kiện của tình yêu, trong chính cấu trúc của tự do của họ. Khả năng có địa ngục là một yếu tố cấu trúc của tự do

có thể được thần thánh hóa của chúng ta.

Đức tin của Giáo hội chính là điều đó : sự vĩ đại của Thiên Chúa, sự thánh thiện của Thiên Chúa, sự thuần khiết của tình yêu Thiên Chúa không sử dụng bất kỳ quyền lực nào để buộc chúng ta phải yêu, sự vĩ đại của con người, sự vĩ đại của tự do của con người ngụ ý rằng sự damnatation được ghi nhận như một khả năng thực sự trong sâu thẳm của chính mình. Chỉ có vậy thôi nhưng điều đó rất sâu sắc !

Địa ngục của Chúa

Tôi muốn trích dẫn ở đây một câu của Kierkegaard và một câu của Nietzsche [81] : họ là hai vĩ nhân của tư tưởng nhân loại, một người là Kitô hữu, người kia không. Kierkegaard, người Kitô hữu, nói rằng «*tội lỗi chống lại Thánh Thần» mà Phúc Âm đề cập là tội lỗi «được đưa lên đỉnh cao nhất*». Làm thế nào tội lỗi được đưa đến cực điểm của nó ? Khi con người quyết định tiêu diệt chính tình yêu của Chúa đối với mình. Tình yêu của Chúa không thể bị tiêu diệt trong chính nó, nhưng tôi có quyền tiêu diệt nó cho riêng mình, như tôi tiêu diệt oxy cho riêng mình, mà không tiêu diệt nó trong chính nó, nếu tôi từ chối thở. Sự nguyền rủa, hay tội lỗi chống lại Thánh Thần (điều này là như nhau), bao

81 Được trích dẫn bởi Martelet, tr. 183, 189 và 382.

gồm quyết định phủ nhận rằng tôi nhận được sự tồn tại từ tình yêu. Thực chất, đó là từ chối được yêu thương !

Để có sự kết án, tất nhiên, quyết định này phải liên quan đến bản chất sâu thẳm của con người. Rõ ràng là chúng ta không phạm tội chống lại Thần Khí - chúng ta nói tội chết như khi đi bộ qua một vũng nước hoặc vấp phải một cái vỉa hè. Đó là một khả năng mà tôi nhắc lại là khó có thể tưởng tượng nổi, nhưng tôi không thể gạch bỏ, mà không làm giảm đi cả Thiên Chúa, con người và tình yêu. Đó là điều mà Giáo hội không muốn. Ngày mà con người hiểu được ý tưởng tuyệt vời mà Giáo hội có về con người, và rằng họ không thể tìm thấy ở đâu khác, ngày đó họ sẽ ít nghiêm khắc hơn với Giáo hội, bất chấp những sai lầm, khuyết điểm và sự vụng về trong cách diễn đạt của nó.

Câu nói khác là của Nietzsche : «*Ngay cả Chúa cũng có địa ngục của Ngài : đó là tình yêu Ngài dành cho con người*.» Thật không may, *ông làm giảm đi chiều sâu của câu nói này bằng cách thêm vào* sau đó : «Nhưng làm thế nào để yêu thương con người ?» Sự bổ sung này thật đau đớn nhưng nó cũng làm sáng tỏ : thực sự phải chọn hoặc Thiên Chúa không tình yêu, chỉ có thể là một thần tượng, hoặc một Thiên Chúa tình yêu, cũng có địa ngục của riêng mình.

Hoặc là Chúa thao túng chúng ta, thao túng tự do của chúng ta, sử dụng quyền lực để được yêu thương, thì không có khả năng nào về địa ngục cho cả Ngài lẫn chúng ta. Hoặc là Ngài là sự thuần khiết tuyệt đối của tình yêu, tôn trọng sâu sắc tự do của chúng ta và kiêng kỵ việc đạt được sự đáp lại của tình yêu bằng mọi giá, thì khả năng có địa ngục tồn tại cho Ngài cũng như cho chúng ta. Hãy chọn : nếu Thiên Chúa là tình yêu, thì địa ngục là một khả năng thực sự ; và nếu bạn phủ nhận địa ngục, hãy có can đảm để nói rằng Thiên Chúa không phải là tình yêu. Tôi thừa nhận rằng nghịch lý này rất mạnh mẽ nhưng nó là sự thật.

Chắc chắn, đến điểm này, trí tuệ do dự, như bị cấm và không còn sức mạnh. Nhưng tại sao, khi chúng ta nhắc đến khả năng khủng khiếp, chúng ta chỉ nghĩ đến bản thân mình, và rất ít đến anh ấy? Chúng ta không nên chỉ hy vọng cho con người, mà trước hết phải hy vọng cho chính mình.

Đó là trong ánh sáng như vậy mà chúng ta cần đọc các văn bản của Tin Mừng. Khi Tin Mừng dường như nói rằng Thiên Chúa gánh chịu sự damnat của con người, rằng chính Ngài là người tuyên án phán quyết kết án (Mt 13, 41; 25, 41), điều đó có nghĩa là chính Thiên Chúa không thể làm gì khác ngoài việc đau khổ trước

một tự do khép kín với tình yêu. Hình phạt không đến từ Thiên Chúa, nó đến từ bên trong, như người đóng cửa sổ và, đồng thời, bị tước đoạt ánh sáng mặt trời. Điều này cũng có nghĩa là hành động sáng tạo, vốn là vĩnh cửu, không thể không bao gồm khả năng này ; đó là rủi ro lớn của hành động sáng tạo.

Thật ra, giáo điều về địa ngục dạy chúng ta một thái độ của tâm hồn. Bởi vì không có giáo điều nào tồn tại để thỏa mãn sự tò mò trí thức của chúng ta. Thiên Chúa không tiết lộ và Giáo hội không dạy chỉ những gì cần thiết cho chúng ta để thái độ tâm hồn của chúng ta là một thái độ của sự thật và để hành động của chúng ta là một hành động thật sự. Thái độ tâm hồn, giá trị tinh thần, mà giáo điều về địa ngục đòi hỏi, là hy vọng dưới hình thức cầu nguyện. Chúng ta khó có thể vượt qua căng thẳng này giữa niềm tin vào khả năng bị nguyền rủa và hy vọng về sự cứu rỗi của tất cả mọi người. Sự cứu rỗi vĩnh cửu của chúng ta, sự thần thánh hóa của chúng ta, không thể là một điều chắc chắn theo kiểu toán học như 2 và 2 bằng 4, điều đó sẽ khiến chúng ta rời khỏi Vương quốc của tình yêu. Sự chắc chắn của tôi, nếu đó thực sự là tình yêu (hãy nghĩ đến trải nghiệm mà bạn có thể có về tình yêu !), chỉ có thể là một hy vọng. Đó là một sự chắc chắn nhưng dưới hình thức của hy vọng và hy vọng thì dưới hình thức của lời cầu nguyện.

Chúa Kitô xuống ngục tổ tông là một điều trong Kinh Tin Kính, nhưng khả năng về địa ngục thì không phải. Tại sao ? Bởi vì tất cả các điều khoản của Kinh Tin Kính đều được bắt đầu bằng hai từ : Credo in, tôi tin vào... và không phải tôi tin rằng. «Tin vào» chỉ có thể được theo sau bởi một danh từ chỉ người : chúng ta tin vào ai đó. Đó chính là từ của tình yêu : tôi tin vào bạn, tôi đặt niềm tin vào bạn, tôi yêu bạn, tôi tin tưởng bạn, tôi phó thác cho bạn, tôi buông mình vào bạn. Kinh Tin Kính là đức tin vào Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần : cấu trúc của Kinh Tin Kính là ba ngôi nhất thể. Tin vào địa ngục hoàn toàn không có ý nghĩa gì. Chúng ta tin rằng địa ngục là một khả năng. Chính xác là chúng ta tin vào Chúa, người mà tình yêu của Ngài không thể làm gì được trước khả năng xảy ra của địa ngục.

GHI CHÚ 2

LUYỆN NGỤC

Thần học cho nó một mức độ chắc chắn thấp hơn so với khả năng xảy ra của địa ngục. Nhưng tôi thú nhận rằng tôi có xu hướng cá nhân nghĩ rằng nếu luyện ngục không tồn tại, thì cần phải sáng tạo ra nó.

Luyện ngục là cần thiết để tham gia vào cuộc sống của Thiên Chúa

Độ sâu của một vực thẳm tỷ lệ thuận với độ cao của ngọn núi. Nếu núi cao ba trăm mét, vực thẳm tương ứng cũng cao ba trăm mét. Nếu núi là Himalaya, vực sâu tương ứng đến mức nước biển là tám nghìn tám trăm tám mươi hai mét. Độ cao của núi Kitô giáo là bao nhiêu? Nó là vô tận, không thể đo lường. Đáy vực tương ứng, mặt trái của nơi này, không có đáy. Nếu sứ mệnh của chúng ta không phải là tham gia vào cuộc sống của Thiên Chúa, trở thành chính chúng ta là những vị thần (như tất cả các nhà huyền bí học không ngần ngại nói), thì sẽ không có địa ngục. Cũng cần nói rằng, trong một giả thuyết như vậy, cũng sẽ không có hỏa ngục.

Xin vui lòng, nếu bạn là những nhà giáo dục, đừng nói với trẻ em về địa ngục và luyện ngục trước khi bạn chắc chắn rằng chúng tin rằng điều cốt lõi của mọi thứ là ơn gọi của chúng ta, số phận của chúng ta là chia sẻ chính cuộc sống của Thiên Chúa, vì nếu không, mọi thứ sẽ trở nên hoàn toàn vô lý, hoàn toàn không còn ý nghĩa gì nữa, kể cả tội tổ tông truyền.

Giáo lý về luyện ngục được dựa trên điều này : để được hiệp nhất với Thiên Chúa trong một cộng đồng sống, chúng ta phải hoàn toàn yêu thương như chính Ngài là tình yêu hoàn hảo. *Không một nguyên tử*, không một hạt ích kỷ nào *có thể vào được Thiên Chúa*. Bởi vì sự ích kỷ là trái ngược với Chúa, do đó là sự đối lập với Chúa. Chỉ có tình yêu mới có thể đồng nhất với tình yêu. Ai dám nghĩ rằng vào giờ phút lâm chung, người đó được cấu thành trong trạng thái tình yêu hoàn hảo và không còn một chút nào tính ích kỷ trong họ ? *Trừ Đức Mẹ Maria ra, điều đó là không thể*.

Có lẽ không có sinh vật nào có thể thực hiện ở thế gian này một hành động hoàn toàn thoát khỏi mọi sự trở lại ích kỷ với bản thân. Điều cần thiết - vì đây không phải là việc thưởng thức một hạnh phúc đơn thuần tự nhiên mà là tham gia vào Thiên Chúa như Ngài là trong chính Ngài - là phần còn lại của chủ nghĩa vị kỷ này

phải được tiêu diệt hoàn toàn. Đó là ý nghĩa của luyện ngục. Nói một cách chơi chữ : để tình yêu được hoàn thành, lòng ích kỷ phải được tiêu tan. Để tình yêu được hoàn thiện trong hạnh phúc, lòng ích kỷ phải được tiêu diệt bằng sự ăn năn thanh tẩy.

Nếu bạn có một cuộc sống tâm linh chân chính, nếu bạn thực sự sống bên trong chính mình với Chúa, bạn biết rất rõ rằng chủ nghĩa vị kỷ *không chỉ là những hành động rõ ràng của chúng ta* chống lại tình yêu. Đó cũng là, như Claudel đã nói, cái «nhiệt độ liên tục» của sự thu mình vào bản thân mà hiện hữu trong tất cả các hành động của chúng ta, ngay cả những hành động hào phóng nhất, *và những hành động tội lỗi của chúng ta chỉ là những điểm nổi bật của nó*.

Một sự thanh tẩy như vậy, đạt đến tận cùng của bản thể, không thể không đau đớn. Điều quan trọng là phải hoàn toàn tách rời khỏi bản thân để có thể hoàn toàn hiến dâng cho Chúa. Nhưng việc tách rời khỏi bản thân chính là nỗi khổ đau. Nỗi khổ đau của thời điểm hiện tại đã bắt đầu công trình thanh tẩy này. Và nếu đau khổ không có giá trị thanh tẩy này, nó sẽ chỉ đơn giản là một điều vô nghĩa, một sự bê bối. Vậy nên, đã có một nơi thanh tẩy ở trần gian này. Nhưng nỗi khổ đau của thời hiện tại phải được hoàn thành sau cái chết một cách bí

ẩn (về điều này, Giáo hội cũng rất khiêm tốn) nhưng chắc chắn.

Không có gì ngạc nhiên khi Truyền thống so sánh sự đau đớn của sự thanh tẩy với lửa. Luyện ngục có nghĩa là nơi thanh tẩy. Thực ra, đó là cùng một ngọn lửa mà damne ở địa ngục, thanh tẩy ở luyện ngục, và làm hạnh phúc ở thiên đàng. Chúa không thay đổi, lửa của tình yêu luôn như vậy. Chúng ta là những người khác nhau trước tình yêu bất biến và vô hạn : nếu chúng ta hoàn toàn trái ngược với tình yêu, ngọn lửa của Chúa sẽ tra tấn chúng ta ; nếu chúng ta có khả năng thanh tẩy, ngọn lửa này sẽ thanh tẩy chúng ta; và nếu chúng ta hiệp nhất với Chúa, ngọn lửa này sẽ làm chúng ta hạnh phúc.

Luyện ngục = tình yêu thanh tẩy

Vậy nên, luyện ngục không phải là một nỗi khổ đau bị áp đặt, và chống lại nó thì vô ích. Cần phải hiểu điều đó như *một nỗi khổ đau được chịu đựng một cách tự nguyện* khi, *đối diện với sự thánh thiện* chói lọi của Thiên Chúa, người ta chỉ có thể kinh hoàng trước chính bản thân mình. Sự ghê tởm về bản thân trước tình yêu chính là sự ăn năn. Sự ăn năn này là một cường độ của tình yêu muốn bù đắp cho sự tầm thường của quá khứ: ta hiểu rằng nó nảy sinh một cách tự phát trong con người, khi ánh sáng thiêng liêng tràn ngập trong anh ta,

khiến anh ta đối diện với chính mình. Đó là một cách nào đó là bản tổng kết sống động của toàn bộ cuộc đời và toàn bộ câu chuyện của anh ta.

Luyện ngục là một sự đau khổ tự nguyện, vì vậy, mà người ta không muốn thoát khỏi bằng bất cứ giá nào, *và đồng thời cũng là một niềm vui*. Phải nói về niềm vui của luyện ngục ! Trong một *tác phẩm* đáng ngưỡng mộ *về luyện ngục*, thánh Catherine thành Gênes viết rằng *không có gì, ngoại trừ niềm vui của thiên đàng, có thể so sánh với niềm vui của luyện ngục, vì càng bị thiêu đốt bởi ngọn lửa của tình yêu thanh tẩy, người ta càng cảm thấy, càng thấy mình trở lại trong sạch và có khả năng bước vào Thiên Chúa*. Giống như một thanh sắt, bị bao phủ bởi gỉ sét và được làm sạch bằng giấy nhám, sẽ cảm thấy đau đớn vì sự ma sát nếu nó có ý thức, nhưng sẽ vui mừng khi thấy gỉ sét của chính nó bị loại bỏ và hòa tan.

Khi được đặt trước tình yêu, ta chỉ có thể khao khát yêu thương. Nỗi đau là nhận ra rằng chúng ta không hoàn toàn có khả năng đó. Có một khởi đầu của địa ngục trần gian trong chúng ta, khi chúng ta trải qua nỗi đau cao quý nhất của tất cả, đó là nhận ra rằng ngay lúc chúng ta nói với người thân yêu nhất rằng chúng ta yêu họ, điều đó không hoàn toàn đúng, vì chúng ta yêu

bản thân mình hơn, chúng ta thích bản thân mình hơn họ. Thật đẹp khi khóc lóc vì ta cảm nhận rằng khi nói: anh yêu em, ta không bao giờ hoàn toàn chân thành. Chúng ta chỉ thành thật đến một mức độ nhất định và, quá thường xuyên, tôi sẽ nói: luôn luôn một chút, người khác là một phương tiện đặc biệt cho tình yêu mà tôi dành cho chính mình. Nỗi đau của tôi là tôi buộc phải nói, với tất cả sự tỉnh táo, rằng tôi không thể yêu thật sự.

Luyện ngục là nỗi khổ đau đó, nhưng được tăng cường, nâng lên đến một mức độ khổng lồ bởi ánh sáng thần thánh, ánh sáng này cho chúng ta thấy cả sự vô hạn của Chúa, sự thuần khiết của tình yêu Ngài chỉ là tình yêu và phần lớn sự ích kỷ trong bản tổng kết cuộc đời chúng ta.

Luyện ngục là, theo nghĩa đen, giờ phút của sự thật, khoảnh khắc của sự thật. Có một câu nói của Fénelon (Fénelon tàn nhẫn mà trường phái Maurras đã cố biến thành một người lãng mạn, trong khi thực tế là hoàn toàn ngược lại !) điều đó thật khủng khiếp : «*Tất cả những gì còn thuộc về bản thân đều thuộc về lãnh địa của luyện ngục.*» Vào lúc chết, điều thuộc về tôi nhất chính là tôi; hơn cả tài sản của tôi, chính là bản thể của tôi, và tôi phải «tách rời» khỏi chính mình để giống như Chúa và bước vào một cộng đồng sống với Ngài.

Khi tôi đứng bên giường của một người vừa trút hơi thở cuối cùng, khi khuôn mặt trở lại bình yên sau tất cả những cơn co thắt của sự hấp hối, tôi nghe thấy xung quanh mình những người Kitô hữu nói với đức tin : cuối cùng, ông ấy đã hạnh phúc ! Tôi thích họ nói: cuối cùng anh ấy đã có khả năng yêu thương ! Bởi vì hạnh phúc của thiên đàng không phải là bất kỳ hạnh phúc nào, đó là hạnh phúc của việc yêu thương như Thiên Chúa yêu thương, không có bóng dáng của sự quay về bản thân, sự co cụm vào bản thân, sự chú ý đến bản thân. Luyện ngục là điều khiến chúng ta cuối cùng có khả năng trở thành như Thiên Chúa, mối quan hệ thuần khiết với Tha Nhân và những người khác.

Bản tổng kết cuộc đời của chúng ta được phơi bày, theo một cách nào đó, làm chúng ta trần trụi, không có khả năng che đậy, được gọi là Phán xét riêng trong ngôn ngữ truyền thống (không có thảm xanh với ghế bành, một thẩm phán và các trợ lý !). *Thật vậy, đó là một và duy nhất để nhìn rõ bản thân, chịu đựng sự rõ ràng đó và tận hưởng vô cùng* sự giảm dần của rào cản ngăn cản việc bước vào Thiên Chúa một cách trọn vẹn.

Đó là lý do tại sao, trong Đại Thiên Khúc thứ năm, có tựa đề *Ngôi nhà đóng kín*, Claudel đã cho các «linh hồn luyện ngục» (theo cách diễn đạt thông thường ; người

Đức thì nói : «các linh hồn khốn khổ») nói :

«Hãy cầu nguyện cho chúng tôi, không phải để nỗi khổ đau của chúng tôi giảm bớt, mà để nó tăng lên.
và rằng điều ác trong chúng ta và sự kháng cự bị ghét bỏ này cuối cùng sẽ chấm dứt.» [82]

Những câu thơ này về mặt thần học thật hoàn hảo. Luyện ngục (hoặc phán xét cá nhân) là một sự hiện diện hoàn toàn của bản thân với chính mình, một sự hiểu biết hoàn hảo về bản thân bởi chính mình, một tầm nhìn hoàn hảo về bản thân bởi chính mình, đồng thời là một cuộc đóng đinh bản thân bởi chính mình. Thập giá của tôi là nhận biết bản thân mình như chính mình, điều này chỉ có thể xảy ra nếu tôi được soi sáng bởi ánh sáng thiêng liêng. Tất cả những điều này đẩy chúng ta vào Chúa mãi mãi.

Vì sự không hoàn hảo của trí tuệ và ngôn ngữ của chúng ta, không thể tránh khỏi việc chúng ta dịch những gì thuộc về chất lượng bằng những gì thuộc về số lượng. Chúng ta nên diễn đạt chỉ bằng các thuật ngữ về cường độ: cường độ của tình yêu xóa tan tàn dư của tội lỗi. Chúng ta vụng về diễn đạt nó theo thời gian, và chúng ta nói về *một «khoảng thời gian» dài ngắn khác nhau mà người ta trải qua trong luyện ngục*. Tại sao lại

82 P. Claudel, Tác phẩm thơ, Pléiade, tr. 292

có sự thô lỗ trong ngôn ngữ như vậy ? Chỉ đơn giản, tôi nghĩ, vì ở những thời kỳ ít nghiêm trọng hơn thời của chúng ta, đó là cách duy nhất để được đám đông hiểu.

Vì vậy, chúng ta cần phê phán sự *trình bày tạm thời* này, nhớ rằng nó chỉ là một biểu tượng. Đó là sự chuyển đổi thành các thuật ngữ về độ dài hoặc thời gian của những gì chúng ta không thể diễn đạt bằng các thuật ngữ thích hợp. Chỉ có điều, nếu chúng ta bước vào con đường phê bình (các đồng thời của chúng ta rất khắt khe về điều này, nhưng nếu Giáo hội có một ngôn ngữ thô thiển, họ biết rất rõ: họ nói một ngôn ngữ rất đơn giản vì nó dành cho tất cả mọi người !), thì chúng ta phải đi đến cùng của phê bình triết học.

Kể từ khi không còn nói rằng luyện ngục là sau cái chết, và hạnh phúc là sau luyện ngục. Bởi vì, nếu nói một cách nghiêm ngặt, không có cái gọi là «sau». Trước và sau liên quan đến thời gian, vì vậy liên quan đến cuộc sống này. Nếu ai đó thích triết lý, thì phải nói: cái chết là điều kiện của luyện ngục, và luyện ngục là điều kiện của hạnh phúc. Từ «điều kiện» là chính xác vì nó không có gì liên quan đến thời gian, nó không bao hàm trước hay sau.

Tôi xin thêm, khi kết thúc, rằng chính thói quen từ lâu đời cầu nguyện cho người chết đã sinh ra học thuyết về luyện ngục chứ không phải ngược lại. Chúng ta không cầu nguyện cho người chết vì có một nơi thanh tẩy. Nhưng Giáo hội tuyên bố rằng có một nơi thanh tẩy, vì thói quen luôn là cầu nguyện cho người chết. Trong Giáo hội, luôn luôn là cuộc sống đứng trước, cuộc sống đi trước giáo lý, chứ không phải ngược lại.

Hãy thận trọng và nghiêm túc trong cách chúng ta nói về những bí ẩn này. Thật sự không phải lúc để tích lũy thêm những trở ngại trên con đường đức tin, điều mà bạn biết rằng rất khó khăn đối với những người đương thời của chúng ta.

Phần bốn

MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÂN ĐỊNH ĐỂ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CON NGƯỜI

SỐNG LÀ HY VỌNG [83]

Tôi sẽ theo dõi, đôi khi trích dẫn nguyên văn, cuốn sổ tay «Văn hóa và Đức tin», do Cha Ganne viết. Nó có tiêu đề : *Niềm Hy Vọng Này Trong Chúng Ta*. Đó là một kiệt tác của logic cụ thể, hoặc của sự phê phán nghiêm khắc đối với những gì nguy hiểm một cách trừu tượng trong một cách hiểu Kinh Thánh nào đó, thật đáng tiếc là quá phổ biến. Tinh thần thúc đẩy công việc này là rất kinh thánh, các tham chiếu rõ ràng đến Kinh Thánh là liên tục, nhưng được điều khiển bởi một suy ngẫm rất đơn giản về cuộc sống của con người, của chúng ta và của các anh em chúng ta. «Ở trong cuộc sống», «khởi đầu từ cuộc sống», điều đó phải là một cái gì đó hơn cả một khẩu hiệu. Đó vừa là Tin Mừng vĩnh cửu vừa là thực tại nóng bỏng nhất.

Vậy thì hãy bắt đầu từ cuộc sống. Hãy đặt câu hỏi: hy vọng của con người ngày nay là gì ? Hy vọng về điều gì? Hy vọng dựa trên cái gì ? Điều gì cho phép con người ngày nay hy vọng vào những điều họ hy vọng ? Chúng ta sẽ khám phá mối quan hệ nào giữa hy vọng

83 Tài liệu : «Niềm mong đợi I et II», số 3 và 4 trong loạt bài viết năm 1976-1977. - Polycopie Belleville (7 tháng 12 năm 1975). Sổ tay số 14-15, Văn hóa và Đức tin, đã được xuất bản trong bộ sưu tập «Dossiers libres» của Cerf với tiêu đề Mong chờ.

của con người ngày nay và hy vọng Kitô giáo ? Chúng đối lập nhau, điều đó là chắc chắn, theo nghĩa là, đối với phần lớn những người đồng thời của chúng ta, hy vọng mà họ sống, là chính cuộc sống của họ (vì sống là hy vọng), không liên quan gì đến cái mà chúng ta gọi là «đức hạnh thần học» của hy vọng. Nhưng còn về mặt pháp lý thì sao ? Nói cách khác, có phải số phận đã định rằng hy vọng của con người ngày nay dẫn đến chủ nghĩa vô thần ? Nếu đúng như vậy, phải kết luận rằng đức tin chỉ có thể được đặt ra ngoài cuộc sống, và đó là điều mà chủ nghĩa Marx gọi là sự tha hóa. Nếu không, nếu đức tin chỉ chân thật khi gắn liền với cuộc sống, thì những hiểu lầm ở đâu, và phải làm gì để giảm bớt chúng ?

Khi phải chọn giữa con người và thần thánh, giữa những hy vọng của con người và hy vọng Kitô giáo, người ta có thể nói rằng có điều gì đó không ổn, có điều gì đó sai trái. Có một nếp gấp sai. Chọn giữa con người và thần thánh, đó là không hiểu biết về Nhập Thể, vì Nhập Thể chính là sự hợp nhất không thể tách rời của Thiên Chúa và con người trong Đức Kitô. Không có sự lựa chọn giữa con người và Thiên Chúa nếu đúng là cùng một người, Chúa Kitô, vừa là con người vừa là Thiên Chúa. Chúng ta cần xóa bỏ nếp gấp sai lầm mà chúng ta đã mắc phải và đã gây ra những hậu quả cực

kỳ nghiêm trọng.

Những hy vọng của con người

Hy vọng liên quan đến sức mạnh

Cha Ganne vạch ra một con đường rõ ràng bằng cách nói một cách đơn giản, như Gabriel Marcel đã từng làm trước đây, về điều gì là hy vọng. *Chúng ta hy vọng khi chúng ta tin rằng có thể đạt được điều mình tìm kiếm. Người ta tuyệt vọng khi nghĩ rằng mình không thể, rằng mình không thể làm gì*. Tôi đã hy vọng, bạn thân mến, có thể đạt được điều này hoặc điều kia, nhưng tôi nhận ra rằng không có gì có thể làm được; thật lòng tôi không thể làm gì hơn nữa. Đây là một chiếc chìa khóa sẽ mở ra nhiều cánh cửa cho chúng ta, bao gồm cả những cánh cửa của Kinh Thánh.

Con người hy vọng vì anh ta tin rằng anh ta có thể. Trong «quyền lực», có «sức mạnh». Hy vọng luôn dựa trên một sức mạnh khiến cho sự biến đổi của cuộc sống trở nên khả thi. Nếu tôi hy vọng có thể mua một ngôi nhà thứ hai, thì rõ ràng tôi đang mong đợi sự biến đổi trong cuộc sống của mình : ngày mai, với một ngôi nhà ở nông thôn, sẽ không giống như hôm nay, không có nhà. Tuy nhiên, tôi có thể mua một ngôi nhà nếu tôi có

tiền. Ở đây, sức mạnh mà tôi dựa vào là tiền bạc. Đó là tiền bạc đảm bảo hy vọng của tôi, khiến cho hy vọng của tôi không phải là một giấc mơ, một lâu đài trên mây. Trong những trường hợp khác, sức mạnh sẽ là thành công xã hội, tiến bộ khoa học, sự nắm lấy quyền lực chính trị hoặc cách mạng. Không có quyền lực, không có hy vọng.

Vậy *nội dung* của mọi hy vọng là gì ? *Đó luôn là sự tìm kiếm một sự giải phóng*. Chúng ta không muốn thay đổi chỉ vì thích thay đổi. Trừ khi niềm vui thay đổi chỉ để thay đổi xuất hiện như một sự giải phóng khỏi thói quen gây ra sự nhàm chán, sự nhàm chán của việc luôn ở cùng một chỗ và làm cùng một việc từ sáng đến tối. Nhưng đừng quá cầu kỳ. Điều mà con người hy vọng, như Rimbaud đã nói, được trích dẫn hàng nghìn lần kể từ tháng năm 68, là «thay đổi cuộc sống», tức là *biến đổi những điều kiện tồn tại được coi là vô nhân đạo. Không thể nói rằng chúng ta hy vọng, nếu chúng ta không khao khát biến đổi một tình huống nô lệ hóa hơn hoặc kém không thể chịu đựng được*

Được tự do, nhưng để làm gì ? *Để sống một cuộc đời thực sự nhân văn. Để trở thành người hơn trong một xã hội nhân văn hơn*. Câu hỏi sẽ được đặt ra là cuối cùng thì điều gì là «trở thành người hơn», điều gì là «một

xã hội nhân văn hơn». *Tất cả các nỗ lực giải phóng trong lịch sử đều giả định một quan niệm về con người*. Chủ nghĩa Freud, chẳng hạn, là một quan niệm về con người, một nhân học : phân tâm học luôn nhằm mục đích - Thiên Chúa muốn nó luôn có hiệu quả - rằng con người trở nên con người hơn.

Ở đây chúng ta có thể nói về Kinh Thánh, không gì khác hơn là *chiều dài lịch sử về sự giải phóng, sự khám phá ra một Quyền năng hiệu quả cho sự giải phóng của nhân loại. Kinh Thánh cho chúng ta biết cách mà những người đàn ông, bị buộc bởi lịch sử của họ phải tìm kiếm sự giải phóng, đã khám phá và chào đón, trong trải nghiệm nhân loại của họ, Quyền năng giải phóng của Đức Kitô phục sinh*.

Hy vọng là hướng về tương lai, là từ chối bị kẹt lại trong hiện tại, chấp nhận hiện tại, những thiếu sót của hiện tại. Trên thực tế, *chính nhận thức về sự nô lệ đã thúc đẩy quyết định thoát ra khỏi đó. Người ta có thể nói rằng hy vọng là một sự tuyệt vọng đã được vượt qua*. Và tôi thêm vào : *hy vọng luôn là điều tập thể. Bởi vì chúng ta không bao giờ hy vọng một mình*. Chúng ta có thể tưởng tượng rằng chúng ta hy vọng một mình hoặc chỉ cho chính mình. Nhưng đó chỉ là một ảo tưởng. *Sự cô lập thì ngược lại, nó khiến người ta tuyệt vọng*. Một

hy vọng không được sống chung sẽ bị suy giảm hoặc teo tóp. Hy vọng giống như niềm vui : nó cần được chia sẻ. Không có niềm vui hoàn toàn cá nhân. Hy vọng do đó gắn liền với sự đoàn kết.

Các cường quốc nhân loại hiện đại

Trên những sức mạnh nào hy vọng tập thể của thế giới dựa vào để biến đổi các điều kiện tồn tại của nó, để «thay đổi cuộc sống» ? Jean Lacroix, trong một cuốn sách nhỏ quý giá, [84] đã đưa chúng về ba điều :

1) SỨC MẠNH KỸ THUẬT : kỹ thuật là con gái của khoa học. Trước đây, khoa học dẫn đến Chúa. Người ta thường nói : một chút khoa học làm xa Chúa, nhiều khoa học lại đưa ta trở về với Ngài. Thật vậy, càng biết nhiều về *những điều kỳ diệu của thế giới*, chúng ta càng ngưỡng mộ Đấng Tạo Hóa của thế giới này. *Chúng tôi đã diễn giải lại bài thánh ca : các tầng trời ca ngợi vinh quang của Chúa*. Người ta thừa nhận rằng khoa học *độc lập trong lĩnh vực của nó, nhưng chỉ trong lĩnh vực của nó mà thôi*.

Tuy nhiên, lĩnh vực của khoa học là thiên nhiên, điều mà các nhà triết học gọi là thế giới hiện tượng, tức là

84 J. Lacroix, Ý nghĩa của chủ nghĩa vô thần hiện đại, Casterman, 1970.

những gì xuất hiện, những gì không được cung cấp bởi sự suy ngẫm, mà bởi sự quan sát. Thực tại trong chiều sâu của nó, tức là những gì tồn tại, vượt ra ngoài những gì hiện ra (như linh hồn tinh thần, hoặc Chúa) vẫn là lĩnh vực của triết học và tôn giáo. Nhưng dần dần khoa học đã đến mức *tuyên bố rằng nó thực sự đạt được cái thực*, tất cả cái thực, vì cái thực ở thế gian này; vũ trụ duy nhất thực sự là vũ trụ của thế gian này; chính trong vũ trụ của thế gian này mà khoa học muốn *đảm bảo số phận của con người*, thực hiện hy vọng của họ.

Nhà khoa học nói rằng Chúa không giải thích gì cả; chính xác hơn, việc đưa Chúa vào để giải thích thế giới là một giải pháp dễ dãi mà sự trung thực khoa học phải tránh. Đó là điều mà triết gia Renouvier muốn nói với câu nói nổi tiếng của ông, thường bị hiểu lầm : «*Chủ nghĩa vô thần là phương pháp khoa học thực sự.*» Đó là vấn đề của phương pháp : *một khẳng định là đúng khoa học,* nếu nhà khoa học thiết lập nó bằng *các phương pháp riêng của mình. Khoa học không cho phép coi thế giới như một chiếc đồng hồ mà người thợ đồng hồ phải tìm kiếm bên ngoài thế giới*.

Hơn nữa, nếu bạn chứng minh Chúa bằng khoa học, vị Chúa mà bạn chứng minh là mắt xích đầu tiên trong một chuỗi giải thích. Vì vậy, đó không phải là Chúa, vì

mắt xích đầu tiên của một chuỗi là một phần của chuỗi. Nhưng nếu Thiên Chúa thuộc về thế giới, thì Ngài là một vị thần giả. Đó là lý do tại sao Jean Lacroix đã đúng khi khẳng định mạnh mẽ : «*Dù khoa học tìm ra điều gì, chính điều đó là điều chúng tôi từ chối gọi là Chúa.*»

Khoa học hiện đại phát triển một tâm lý vô thần nhiều hơn nữa vì nó muốn hoạt động. Tôi muốn nói khoa h»oc đã kết nối *liên minh với kỹ thuật*. Không chỉ còn biết để biết nữa : mà biết để làm (làm cầu, làm cầu vượt, làm tên lửa, v.v.). Bằng cách kết hợp khoa học và kỹ thuật, chúng ta xây dựng nhân loại, chúng ta gánh vác trách nhiệm của lịch sử. Ba cuộc cách mạng liên tiếp đã biến đổi nền văn minh. Cách mạng đầu tiên là cách mạng máy hơi nước, cách mạng thứ hai là cách mạng điện, cách mạng thứ ba là cách mạng năng lượng nguyên tử.

Trong một thế kỷ qua, kỹ thuật đã phát triển một cách kỳ diệu các điều kiện sống, cho dù đó là về nơi ở, giao thông, môi trường, v.v. Ngay cả khi người ta có thể sử dụng nó một cách vô nhân đạo (người ta có thể sử dụng năng lượng hạt nhân để làm nổ tung hành tinh), ngay cả khi các tai nạn gia tăng (tai nạn giao thông, tai nạn đường sắt, thảm họa hàng không...), ngay cả khi tiến bộ công nghiệp đặt ra vấn đề ô nhiễm, thì chắc chắn rằng

sức mạnh kỹ thuật mang lại cho con người sự tự tin vào khả năng của chính mình. Nó tạo ra hy vọng được giải phóng khỏi những ràng buộc của tự nhiên. Không có gì ngăn cản hy vọng rằng sức mạnh kỹ thuật sẽ giải phóng con người khỏi mối đe dọa của bão, động đất và phun trào núi lửa. Kỹ thuật phá hủy ý tưởng về số phận, điều ngược lại với hy vọng và khiến chúng ta nói : mọi thứ đã được định đoạt, trò chơi đã kết thúc, không cần hành động, mọi thứ đã được viết ra và nó là như vậy !

Tóm lại, thiên nhiên không còn thiêng liêng nữa, hoặc thần thánh nữa. Người ngoại giáo nói : Định mệnh ; những người có tinh thần tôn giáo thích nói : Quan phòng. Không quan trọng ! điều đó có nghĩa là các lực lượng tự nhiên xuất hiện như thiêng liêng. Khi các lực lượng (hoặc sức mạnh) của kỹ thuật mạnh hơn các lực lượng của tự nhiên, tự nhiên không còn thiêng liêng nữa. Thời gian dường như đã qua khi con người tôn giáo coi Thiên Chúa như một cái phao cứu sinh để lấp đầy những khoảng trống của khoa học. Trước đây, người ta cầu nguyện Chúa để Ngài làm mưa, hoặc cho mặt trời tỏa sáng. Chúng ta cầu nguyện ít hơn cho điều đó vì chúng ta có hy vọng rằng con người sẽ tự mình đạt được điều đó. Kỹ thuật là một sức mạnh cho phép hy vọng, trong khi sự cam chịu, vốn trong tâm trí liên quan đến tôn giáo, thì không cho phép điều đó.

2) CHÍNH TRỊ là khía cạnh thứ hai của quyền lực nơi hy vọng của thế giới hiện đại được gắn bó. Rõ ràng là không thể thoát khỏi chính trị, rằng *chiều kích chính trị là một chiều kích thiết yếu của con người. Nhưng, trong suốt hàng thiên niên kỷ, chính trị chỉ là việc của một vài cá nhân, hoặc một vài gia đình, hoặc một tầng lớp xã hội duy nhất*. Ngày nay, toàn bộ khối lượng nhân loại đang *nhận thức được sự hiện hữu chính trị*. Con người trở nên có khả năng, không chỉ kiểm soát được các lực lượng của thiên nhiên, mà còn định hướng được năng lượng của quần chúng.

Tuy nhiên, Thiên Chúa xuất hiện trước con người thời đại chúng ta như một quyền lực tối cao mà người ta sử dụng để giữ họ trong một dạng thiểu số chính trị, để ngăn cản họ đạt được đa số chính trị của mình. Người ta có thể nói rằng Chúa yêu chúng ta, nhưng điều đó không thay đổi gì, ngược lại, vì Chúa cha đạo đức còn đáng sợ hơn Chúa độc tài. Với nhà độc tài, ta biết phải làm gì; với người cha bảo thủ, có một lớp vỏ từ thiện che đậy một sự hỗn loạn sâu sắc nơi bất công được duy trì. Ở đây chúng ta chạm đến điều mà J. Lacroix gọi là «*bi kịch tồi tệ nhất*», đó là «*chính yêu cầu về công lý dẫn dắt con người đến chủ nghĩa vô thần*». Niềm tin vào Chúa xuất hiện đối với nhiều người như một trở ngại cho hy vọng. Tôn giáo an ủi những người đàn ông

thất vọng trong hy vọng của họ, bằng cách mang lại sự an ủi từ thế giới bên kia !

Cuối cùng, có NĂNG LỰC ĐẠO ĐỨC, nói cách khác là sức mạnh của lương tâm muốn có trách nhiệm. Đối với những người vô thần, sự phủ nhận Chúa là điều kiện của một đạo đức thực sự nhân văn, tức là xứng đáng với con người. Cần phải hiểu họ muốn nói gì, trước khi kêu gào lên.

Người đàn ông hiện đại nghĩ rằng anh ta thực sự đạo đức khi anh ta đảm nhận trách nhiệm toàn diện về việc biến đổi cuộc sống xã hội để giải phóng con người. Người vô thần nhấn mạnh rằng ông ta chỉ có thể làm điều đó nếu ông ta phủ nhận tình trạng tội lỗi mà các tín đồ Kitô giáo gọi là tội tổ tông. Phải thừa nhận, nói cho đúng, rằng, quá thường xuyên (tôi không nói là luôn luôn), các tín đồ Kitô giáo đã sử dụng giáo điều về tội tổ tông để giữ chân mình trong đôi dép lê. Bao nhiêu lần tôi đã nghe những lời như thế này: có ích gì khi nhận trách nhiệm muốn biến đổi thế giới, vì con người đã là tội lỗi từ thuở ban đầu và sẽ mãi mãi như vậy !

Nhà triết học Merleau-Ponty (người đã từng tham gia JEC trong thời trẻ) viết rằng *bằng mọi giá phải loại bỏ giả thuyết* về sự hiện hữu của Chúa, vì nếu Chúa hiện hữu, Ngài biết mọi thứ, Ngài biết tất cả. Đối với ông,

tất cả *các vấn đề đều được giải quyết và tất cả các bi kịch đều được tháo gỡ*; chính Ngài là người kéo dây của vở kịch rộng lớn mà con người diễn như những con rối thực thụ hoặc như những con búp bê. Để con người thực sự là con người, về mặt đạo đức là con người, cần phải không có một sự thật nào đó đã được định sẵn ở đâu đó trên mây, mà phải ngày qua ngày, con người tự tạo ra sự thật bằng cách xắn tay áo lên, *mà không có bất kỳ sự đảm bảo nào bên ngoài mình*, để biến đổi các mối quan hệ nhân loại trong hy vọng về một thế giới công bằng và huynh đệ hơn.

Nói cách khác, trong một thời gian dài, bản chất của đạo đức chủ yếu là tuân theo quyền lực hợp pháp, dù đó là quyền lực trong gia đình, quyền lực trong nhà nước hay quyền lực trong nhà thờ. Đối với con người hiện đại, những đạo đức dựa trên quyền lực đã lỗi thời, bao gồm cả quyền lực của Chúa. Điều quan trọng là ưu tiên trách nhiệm hơn là sự phục tùng đối với quyền lực.

Vì vậy, hy vọng của thế giới hiện đại dựa trên niềm tin vào con người và các sức mạnh hoặc năng lượng - kỹ thuật, chính trị, đạo đức - của họ cuối cùng dẫn đến chủ nghĩa vô thần. Có sự «phi thánh hóa» trên toàn bộ các lĩnh vực, từ thiên nhiên, các cấu trúc xã hội và chính trị, đến các quyền lực đạo đức. Cả thiên nhiên, nhà nước,

và lương tâm đạo đức đều không phải là nơi có sự hiện diện của Chúa. Chúng là nơi thể hiện sức mạnh sáng tạo của con người. Phi thánh hóa, thế tục hóa.

Đuổi điều thiêng liêng đi, nó sẽ quay lại ngay lập tức

Không cần phải quan sát lâu dài thế giới của chúng ta, như nó đang diễn ra, để nhận thấy rằng phong trào tước bỏ tính thiêng liêng gần như phổ quát này đi kèm với một phong trào tái thiêng liêng hóa, cũng không kém phần phổ quát. Chúng ta không nên tôn thờ cái gì ! *Khoa học, tiến bộ, đảng phái chính trị*, và nhiều thứ khác nữa ! Hoặc những người khác! Ngay cả trong một chế độ chính trị vô thần, điều thiêng liêng vẫn hoạt động rất tốt : đám đông đến hành hương tại lăng Lênin.

Đây là những gì người ta tìm thấy, ở Pháp, vào những năm 72, trên một bìa đĩa. Đó là một lời cầu nguyện dành cho Johnny Halliday :

Johnny ! Thần tượng mới của giới trẻ (là từ này: thần tượng)
Ngày qua ngày, bạn thu hút thêm những người hâm mộ, những tín đồ trung thành,
Vì bạn vừa là thần vừa là quỷ (điều này thật thú vị để giúp hiểu điều mà chúng ta sẽ gọi là sự mơ hồ của thiêng liêng : thần và quỷ)

Bạn là một vị thần vì chúng tôi tin tưởng vào bạn.
Như hạnh phúc tuyệt đỉnh
Và chúng tôi tôn thờ bạn trong mọi hành động và cử chỉ của bạn.
Nhưng bạn là một con quỷ,
Bởi vì khi người ta nghe bạn,
Mọi thứ trở nên không thể
Mọi công việc đều trở nên tẻ nhạt.
Chỉ có giọng nói của bạn chảy như mật ong
Hãy làm cho tâm trí chúng tôi vững vàng,
Bạn chính là người mà chúng tôi đã chờ đợi !

Một nghiên cứu sâu hơn về vũ trụ được cho là đã mất đi tính thiêng liêng cho thấy con người luôn cần đến những huyền thoại và nghi lễ. «Sự thiêng liêng» có mặt ở khắp mọi nơi, từ ngôn ngữ thể thao đến các cung hoàng đạo và những người bói toán siêu nhiên, từ các lễ hội hóa trang đến các bữa tiệc đón năm mới. Bởi vì xu hướng «thần thánh hóa» là một hằng số của nhân loại. Chúng ta cần phải xác định cẩn thận điều đó có nghĩa là gì, nếu chúng ta muốn hiểu mối quan hệ thực sự giữa Kitô giáo và hy vọng.

Trên trái đất, từ khi có con người, đã có tôn giáo, một «đống tôn giáo» như Pascal đã nói. Tôn giáo hoặc sự thiêng liêng. Theo bản năng, thực vậy, con người tìm

kiếm một « quyền lực » có khả năng thực hiện hy vọng của mình. Ngoài những nhu cầu sống còn cơ bản, anh ta cảm thấy cần sống mãnh liệt hơn, tự do hơn, trọn vẹn hơn. Anh ta muốn thoát khỏi sự bấp bênh, sự mong manh của sự tồn tại của mình, và đồng thời thoát khỏi nỗi lo âu (sự bấp bênh sinh ra nỗi lo âu và nỗi lo âu sinh ra sự tuyệt vọng). Điều mà con người khao khát, dù có ý thức hay không, là một cường độ sống không giới hạn, một sự viên mãn tồn tại không tì vết. Điều mà Nietzsche và Rimbaud sẽ gọi là «vĩnh cửu», tức là Phúc Thật.

Sức mạnh nào có khả năng giúp chúng ta vượt qua giới hạn của mình và thực sự «sống», theo nghĩa sâu sắc của từ này ? Phải tìm ra sức mạnh này. Chúng tôi đã nói : con người hy vọng vì họ tin rằng họ có thể. Ai, hoặc cái gì, sẽ cho anh ta sức mạnh ? Anh ta chỉ có sự bối rối trong việc lựa chọn. Đó là lý do tại sao *anh ta có xu hướng thánh hóa mọi sức mạnh vượt qua anh ta và dường như có thể thực hiện hy vọng của anh ta. Con người đã thần thánh hóa các quyền lực tự nhiên, vũ trụ (mặt trời, mặt trăng, các vì sao, đất, nguồn nước, sông); các quyền lực hoặc năng lượng sinh lực, sinh lý-tâm lý (cây cối, động vật, tình dục, tất cả các quyền lực sinh sản); các quyền lực xã hội (chủng tộc, tổ quốc, giai cấp, đảng phái, lãnh đạo, chiến tranh, vàng, bạc).*

Không quên sự phát triển vô hạn của các hình thức thấp kém của mê tín dị đoan. Tóm lại, mọi thứ dường như nắm giữ một sức mạnh, một năng lượng hứa hẹn đặc biệt, đều thu hút con người, và họ đặt vào sức mạnh đó bí ẩn của hy vọng của mình. Đó là hiện tượng của sự thần thánh hóa. Như Bossuet đã nói : «Tất cả đều là Chúa, ngoại trừ chính Chúa.»

Chúng ta có ở đây, không chỉ là *một hiện tượng của quá khứ* thuộc về một tư duy được gọi là nguyên thủy mà còn là *một hằng số của điều kiện con người*. Thần thánh hóa mặt trăng, thần thánh hóa ô tô hoặc ngôi sao, đó chính là hiện tượng giống hệt nhau. *Đôi khi người ta nghe nói : con người hiện đại không còn cảm nhận được điều thiêng liêng. Không có gì sai hơn thế : ông ta có quá nhiều ! Người ta cũng nghe nói rằng người Kitô hữu có cảm giác thiêng liêng, còn người ngoại giáo thì không có! Đáng lẽ phải hoàn toàn ngược lại ! Chính trong chủ nghĩa ngoại giáo mà mọi thứ đều thiêng liêng* hoặc có thể trở nên thiêng liêng.

Người Kitô hữu, người mà quá thường chỉ là một kẻ ngoại đạo không biết mình (nghĩa là : người Kitô hữu chưa thực sự được cải đạo), không ngần ngại thánh hóa đủ loại quyền lực. Rõ ràng, anh ta sẽ không thánh hóa mặt trời hoặc mặt trăng, anh ta sẽ không nói : mặt trời

và mặt trăng là những vị thần. Nhưng ông ta sẽ thực sự thánh hóa Lãnh đạo hoặc Tài sản. Ông sẽ thánh hóa Tự nhiên, nói rằng sự bất bình đẳng giữa con người (tức là một số người giàu và nhiều người nghèo) là phù hợp với các quy luật của Tự nhiên. Ông sẽ thánh hóa các cấu trúc xã hội, chính trị hoặc giáo hội. Thờ thần là một điều không thể thiếu trong bản chất con người. Để không còn sự thờ phụng thần thánh, cần phải không còn hy vọng trong lòng con người, hoặc toàn nhân loại phải được chuyển đổi sang đức tin, mà chỉ có đức tin mới thực sự làm mất đi sự thiêng liêng. Đây là nơi, để cứu vãn hy vọng của con người, các Nhà Tiên Tri xuất hiện.

Những hy vọng nhân loại có thể trở nên hy vọng Kitô giáo

Các nhà tiên tri thanh tẩy điều thiêng liêng

Các nhà tiên tri của Do Thái là những nhà giáo dục vĩ đại về lương tâm nhân loại trước Chúa Giêsu Kitô. Trong trò chơi liên tục giữa việc phi thánh hóa và tái thánh hóa mà những người Do Thái cổ đại không ngừng dao động, họ đã giới thiệu đức tin như một nguyên tắc phân định. Trong sự phong phú của điều thiêng liêng, họ học cách phân biệt đâu là Quyền Lực không làm

thất vọng hy vọng. Để làm điều đó, họ chỉ trích những quyền lực mà con người tin tưởng một cách nguy hiểm.

Trước hết là *các quyền lực tôn giáo* : «Những hy sinh vô số của các ngươi có ý nghĩa gì với ta ? Ta đã chán ngấy, Chúa phán, những lễ toàn thiêu của chiên đực và mỡ của bò con... » (Isa 1, 11). Điều đó có nghĩa là : các ngươi có tôn giáo nhưng các ngươi không có đức tin. Nhưng tôn giáo không có đức tin chỉ có thể là phép thuật. Các ngươi tìm cách hòa giải và làm cho sức mạnh của ta trở nên có lợi cho các ngươi bằng những lời cầu nguyện và hy sinh của các ngươi. Các ngươi đang mất thời gian, vì các ngươi nhầm lẫn về danh tính của ta. Ta không phải là Đấng mà các ngươi nghĩ...

Trong chương 58 (vì vậy ba trăm năm sau ; phải tin rằng các thực hành tôn giáo không có đức tin thực sự vẫn dai dẳng ở Israel), Chúa nói : «Các ngươi không biết đâu là sự ăn chay mà Ta thích sao ? Phá bỏ những xiềng xích bất công, trả tự do cho những người bị áp bức, phá vỡ mọi ách nô lệ, chia sẻ bánh của mình với người đói, cho những người nghèo không có chỗ trú ngụ...»

Trong Giê-rê-mi (7, 5-11), Chúa luôn nói, Đền Thờ không bảo vệ những người sống trong bất công : đó là một sự thiêng liêng giả, một sức mạnh giả, một sức

mạnh không đủ khả năng thực hiện hy vọng : «Cải thiện hành vi và công việc của các ngươi, và Ta sẽ ở lại với các ngươi trong Đền Thờ...» Nếu các ngươi thực sự quan tâm đến công lý giữa các ngươi, nếu các ngươi không áp bức người ngoại bang, trẻ mồ côi và góa phụ, thì Ta sẽ ở lại với các ngươi ! Đó là những văn bản mà chúng ta nên thuộc lòng, hoặc ít nhất là đọc mỗi sáng.

Vậy là tôn giáo không phải là một sự chuyển đổi của trái tim, tức là của lương tâm, đã bị lên án một cách mạnh mẽ. Thánh thiện thực sự nằm ở cấp độ của lương tâm và tự do. Sức mạnh duy nhất đảm bảo hy vọng của con người chính là, trong bản thân nó, ý chí công lý. Chúa chỉ có thể lắng nghe lời cầu nguyện của con người khi họ thực hành công lý.

Các nhà tiên tri cũng lên án mạnh mẽ các bụt thần chính trị. Các quyền lực chính trị, dù được gọi là *Hoàng tử, Quyền lực đã thiết lập, Lãnh đạo* hay *Đảng*, *luôn có xu hướng tự cho mình là Chúa*. Chúng đòi hỏi sự tuân thủ vô điều kiện từ các thần dân hoặc những người ủng hộ. Chống lại những quyền lực được thánh hóa này, những quyền lực nô dịch hóa con người thay vì giải phóng họ, các tiên tri «gầm thét» : đó là lời của *Amos*, *một người chăn cừu nhỏ sống trên những ngọn đồi của Palestine*. Chúa giao cho ông nhiệm vụ truyền đạt tiếng

gầm của Ngài cho con cái Israel (1, 2).

Đây là câu nói chính tóm tắt rõ ràng ý nghĩa của các nhà tiên tri : chính vì đức tin tiết lộ (hoặc tiết lộ) bản chất thực sự của Quyền năng tuyệt đối mà nó cứu rỗi sự thật của hy vọng. Các Nhà Tiên Tri thanh tẩy điều thiêng liêng mà không phá hủy nó. Họ hòa giải cái thiêng liêng với lý trí và với lương tâm, tức là với những gì tốt đẹp nhất trong con người. Nếu niềm tin vào một quyền lực tuyệt đối được khẳng định bởi một lương tâm quan tâm đến công lý và tự do, thì điều thiêng liêng không còn là sự tha hóa. Ngược lại, chỉ có đức tin này - đức tin vào Quyền lực tuyệt đối mà chúng ta gọi là Chúa - mới ngăn cản con người coi những quyền lực khác là tuyệt đối. Không có gì là tuyệt đối, ngoại trừ Chúa mà thôi. Chỉ cần đừng nhầm lẫn về bản chất của điều tuyệt đối này. Nó phải thực sự là người bảo đảm cho hy vọng của nhân loại. Điều này chỉ có thể xảy ra nếu có ý chí công lý. Niềm hy vọng của con người có giá trị gì nếu không là một hy vọng công lý ? Đó sẽ không là một hy vọng thực sự của con người.

Ý nghĩa của việc tái thánh hóa hiện đại là gì, nếu không phải là con người không có đức tin thì không thể đi đến cùng trong sự chỉ trích của mình đối với điều thiêng liêng ? Con người vẫn kiên trì đặt *hy vọng vào*

những quyền lực không khả năng giải phóng họ hoàn toàn.

Để *đón nhận* Quyền năng thực sự mà chúng ta gọi là Chúa, cần có một sự chuyển đổi ba lần :

- *Về lương tâm* : phải trải qua (cuộc chuyển mình mà là một lễ Vượt Qua, tức là một cái chết và một sự tái sinh) *từ thái độ ma thuật, bảo thủ và bị chiếm hữu của cái thiêng, đến thái độ tinh thần, hy sinh và vô tư của tình yêu. Nói cách khác, đức tin, để thoát khỏi những nhầm lẫn của cái thiêng liêng, phải đảm nhận tất cả các yêu cầu của một đạo đức chân chính. Đức Kitô, trong một tóm tắt ấn tượng về giáo lý của các Ngôn sứ, đã nói rõ những yêu cầu đó là : «công lý, lòng thương xót và sự ngay thẳng» (văn bản cần thuộc lòng trong Mt 23, 23*).

- *Về ý tưởng mà người ta có về sức mạnh* : những người Kitô hữu nói rằng họ tin vào Thiên Chúa toàn năng phải biết rằng Thiên Chúa chỉ mạnh mẽ khi yêu thương. Ngài không phải là một Quyền lực của sự hủy diệt hay thống trị. Ngài là tình yêu, tức là Tặng phẩm hoàn toàn thuần khiết, không có dấu vết nào của sự co cụm hay trở lại hay, như thánh Bernard đã nói, sự uốn cong về bản thân. Chúa không thể làm mọi thứ, Ngài chỉ có thể làm những gì tình yêu có thể, nhưng Ngài có

thể làm mọi thứ mà tình yêu có thể.

- *Về sức mạnh con người chúng ta* : kỹ thuật, chính trị, năng lượng đạo đức. Không phải là *để đánh giá thấp chúng, mà là phải đặt chúng phục vụ cho công lý và tình huynh đệ*. Vì sức mạnh thật sự là Ý chí công lý, nên chỉ *bằng cách thực thi công lý* chúng ta mới có thể có mối quan hệ thật sự với nó. Không thể biết đến Chúa nếu không chịu cải đạo. Chuyển đổi là ngừng khai thác con người, là tham gia hiệu quả vào hy vọng giải phóng của họ. Sự hiểu biết về Chúa liên quan đến hành động giải phóng, đến nhân phẩm của con người.

Chúa Giêsu tiết lộ rằng Quyền Năng chỉ là Tình Yêu

Các Ngôn sứ đã loan báo về Đấng Kitô. Đây là lúc Đức Kitô tiếp tục và hoàn thành những lời chỉ trích mà các tiên tri đã bắt đầu. *Đức Kitô tiết lộ rằng Quyền năng thực sự là một Sự Hiện Diện, Sự Hiện Diện của một Tình Yêu mà Năng lượng*, được gọi là Thánh Thần, có khả năng thực hiện ước nguyện của hy vọng *bằng cách biến đổi toàn nhân loại, giải phóng họ hoàn toàn*.

Như các Ngôn sứ, Đức Kitô đã phi thánh hóa. *Người Pharisêu thánh hóa Luật Môi-sê. Chúa cũng vậy, họ nói, phải giữ bởi Luật*. Chúa Giê-su nói không : Thiên Chúa lớn hơn Luật; Luật không phải là Thiên Chúa.

Các người Pharisê *đã, giữa những điều khác, thánh hóa ngày Sabbath*. Chúa Giê-su nói và nhắc lại: «Ngày sabát được tạo ra cho con người, chứ không phải con người được tạo ra cho ngày sabát» (Mc 2, 27).

Đức Kitô đã tách rời quyền lực khỏi sự thiêng liêng. Không có gì phiếm thần hơn ý tưởng quyền lực là một mục đích cao hơn tự do. Không, Chúa Giêsu nói, quyền lực là một dịch vụ : «Ai muốn làm lớn thì hãy làm nhỏ nhất, và ai cai trị thì hãy như người phục vụ.» (Mt 20, 25-28).

Đức Kitô đã phi thiêng hóa sự giàu có. Ngài đã lên án nó như một sức mạnh của bất hạnh : «Khốn cho các ngươi, những kẻ giàu có !» Vì các ngươi đã có sự an ủi của mình. (Lc 6, 24), tức là các ông không còn hy vọng gì nữa, vì vậy các ông không phải là những người sống.

Đức Kitô đã tách rời các quyền lực để giải phóng sức sống của niềm hy vọng. Cần phải làm một chút lịch sử ở đây để hiểu cách Chúa Giê-su đã sống hy vọng của dân tộc Ngài.

Chúa Giê-su là một con người. Ngài xuất thân từ dân tộc Do Thái. Ngài biết lịch sử của dân tộc mình, mà như mọi lịch sử khác, đó là một câu chuyện của hy vọng. Đừng nghĩ rằng Ngài *tách rời khỏi điều đó*.

Hãy thừa nhận rằng chúng ta, những người Kitô hữu, có xu hướng phân chia con người thành hai phần : một phần là những hy vọng tạm thời của họ, phần còn lại là một Thiên Chúa vượt lên trên chúng, một Thiên Chúa của thế giới bên kia, một Thiên Chúa sống trong một thế giới khác. Chúa Giê-su, Ngài là tất cả những gì trái ngược với một vị thần đứng trên cao. Nhập thể là hoàn toàn trái ngược với việc đứng trên cao. Một vị thần, trong khi nhập thể vào thế giới, lại «bay lượn» trên thế giới, thì đó sẽ là đỉnh điểm của sự gian lận. Chúa Giêsu không gian lận. Hãy nhìn ngài sống giữa các anh em của ngài. Ngài biết rằng, *kể từ cuộc chiến của Maccabées, hy vọng phục hồi vương quốc Israel vẫn luôn sống mãi. Về vấn đề giải phóng, Ngài thấy rằng Palestine đang bị chiếm đóng* bởi người La Mã. Ngài không ngạc nhiên khi nghe mọi người xung quanh nói rằng họ hy vọng một ngày nào đó sẽ được giải phóng khỏi sự chiếm đóng nước ngoài này.

Nhưng Ngài thấy, khi sống cùng với những người đồng hương, rằng mối quan tâm của họ hoàn toàn là chính trị. Ngài nhận thấy rằng hy vọng giải phóng của người Do Thái dựa trên nhiều hệ tư tưởng khác nhau: có những người *Cuồng tín (mong muốn đuổi quân chiếm đóng La Mã bằng các hoạt động du kích)* ; có những người *Esséniens* (tạo thành một cộng đồng thuần khiết

quanh tu viện Qumrân) ; có những người *Sadducéens* (có phần giống như những người cộng tác trong thời kỳ chiếm đóng của Đức Quốc xã).

Chúa Giêsu bắt đầu giáo dục lương tâm của những người đồng thời với Ngài. Dần dần, Ngài dẫn dắt họ vượt qua những tư tưởng của mình và khám phá nội dung thực sự của hy vọng giải phóng của họ. Ngài không nói với các tông đồ : các con tìm điều gì ? Ngài biết rõ họ tìm điều gì trong lương tâm sáng suốt của họ, không bị đức tin chỉ trích. Ngài nói với họ : «*Các con tìm ai* ?» để dẫn họ đến việc khám phá rằng, sâu thẳm bên trong họ, họ đang Một ai đó, chứ không chỉ là một cái gì. Sức mạnh giải phóng thực sự của con người là Thiên Chúa, chứ không phải bất kỳ một hệ tư tưởng nào. Nhưng, để gặp gỡ Thiên Chúa giải phóng, cần phải thoát khỏi thái độ ma thuật và bước vào sự miễn phí của tình yêu.

Thật khó để giáo dục con người. Giáo dục con người là dẫn dắt họ đến một điểm sâu sắc nơi họ nhận ra nội dung thực sự của hy vọng giải phóng của mình. Sau phép lạ hóa bánh ra nhiều, Chúa Giêsu xuất hiện trước tiên như một người sẽ trở thành một bộ trưởng Cung cấp tuyệt vời. Vì vậy, cần phải đăng quang cho Ngài, trao cho Ngài quyền lực chính trị. Đám đông đề nghị ông ta trở thành đại diện chính thức của tư tưởng chính

trị. Vậy nên, họ nghĩ, hy vọng của họ sẽ được đáp ứng. Chúa Giêsu nói : không. Ngài từ chối trở thành Quyền lực được thánh hóa mà không cần đến sự chuyển hóa sâu sắc của lương tâm. Các tông đồ, cũng bối rối như những người khác, sẽ chấp nhận để được Chúa Kitô chỉ trích. Trừ Giuđa đã phản kháng. Ông đã nói không với yêu cầu biến đổi bản thân. Ông ta vẫn giữ vững niềm tin vào sức mạnh của tiền bạc, vào tư tưởng lợi nhuận. Chúa Giê-su đã nói với ông rằng, trong tất cả các hệ tư tưởng, đây là hệ tư tưởng dễ dàng quay lưng lại với con người nhất. Chúng ta không thể vừa phục vụ Thiên Chúa vừa phục vụ Mammon.

Chúa là Tình Yêu, Sự Hiện Diện và Tự Do. Ba từ này phải được liên kết chặt chẽ : sự hiện diện của tình yêu mang lại tự do, khơi dậy hoặc tạo ra tự do thật sự. *Con người chỉ thức tỉnh như tự do khi anh ta biết mình được nhìn nhận*, được yêu thương. Nếu tình yêu không mang lại tự do, thì đó không phải là tình yêu. Nếu tình yêu không phải là sự hiện diện, thì đó cũng không phải là tình yêu. Sự hiện diện toàn diện của một Tình yêu vô hạn (tức là không có giới hạn) khiến ta hoàn toàn tự do. Chúa không phải là Đấng Toàn Năng, Ngài là Toàn Năng của tình yêu. Tình yêu chỉ mạnh mẽ khi mang lại sự tự do. Đó là Tin Mừng.

Chúa là sức mạnh của sức mạnh chúng ta, là khởi đầu của mọi khởi đầu chúng ta

Chúng ta có thể hiểu rõ hơn về bi kịch tinh thần của thời đại chúng ta, cuộc khủng hoảng của thế giới và của Giáo hội không ? Cha Ganne diễn đạt bi kịch này như sau : *«Sự tiến bộ to lớn của các quyền lực nhân loại mà, đối với nhiều người đồng thời của chúng ta, cho phép mọi hy vọng, có phải nó đối lập với sức mạnh đến từ Thiên Chúa mà thánh Phaolô gọi là «năng lượng (hoặc động lực) của Đức Kitô phục sinh» (Pl 3, 10) ? Sức mạnh của con người có đối lập với sức mạnh của Thiên Chúa không ? Sức mạnh đến từ Chúa có phá hủy những năng lượng từ con người không ?»*

Làm sao Chúa *có thể yêu cầu chúng ta từ bỏ quyền năng của mình* ? Ngài tạo ra chúng ta thành những người sáng tạo, Ngài giao cho chúng ta nhiệm vụ tạo ra một thế giới thực sự nhân văn. Rằng thế giới thực sự nhân văn này không tồn tại, điều đó, tôi nghĩ, rõ ràng như ban ngày. Con người không phải là đã hoàn thiện. Con người đang được hoàn thiện. Chúa không muốn làm điều đó, Ngài muốn chúng ta làm điều đó, và Ngài ban cho chúng ta khả năng để làm điều đó. Tuy nhiên, rõ ràng là con người sẽ không xây dựng thế giới bằng những sức mạnh hay năng lượng khác ngoài

chính mình. Một thế giới nhân loại được xây dựng bằng những phương tiện nhân loại là kỹ thuật, chính trị, đạo đức.

Nhưng những phương tiện nhân đạo này cần phải được phê phán. Phê phán có nghĩa là phân biệt. Có một công việc phân định lớn lao cần phải thực hiện, vì không phải tự động mà sức mạnh của con người phục vụ cho công lý và tự do. Khi sức mạnh của chúng ta không được phê phán hay cải cách, chúng thực sự phục vụ cho bất công và nô lệ hóa. *Chỉ cần nhìn vào những gì đang xảy ra : chạy đua vũ trang, khi hàng triệu người chết đói ; làm ngu người bằng những điều kiện làm việc vô nhân đạo... Chúng ta là những tù nhân của một thế giới vô lý mặc dù đã triển khai những nguồn lực khổng lồ.* Tài nguyên rất phong phú, và sự vô lý thì rõ ràng. Các quyền lực con người thực ra là vô nhân đạo, Hy vọng bị thất vọng.

Khi tôi nói rằng tôi là một tín đồ Kitô giáo, tôi nói chính xác điều này : chính Kinh Thánh đã cho tôi các tiêu chí để phân định xem việc sử dụng sức mạnh của con người có đi theo hướng của một thế giới nhân văn hơn hay không. Chính là Kinh Thánh nói cho tôi biết ai là con người, thế giới nhân loại phải như thế nào, và kỹ thuật, chính trị, việc thực hiện trách nhiệm phải hướng

theo chiều nào để thực sự phục vụ cho sự giải phóng chứ không phải sự nô lệ.

Nếu bạn nói với tôi : lương tâm của bạn không đủ sao ? tôi sẽ không muốn tranh cãi với bạn. Tôi sẽ đặc biệt kiềm chế không nói với bạn rằng bạn là một người Kitô hữu mà không biết, vì tôi biết rằng một lời nói như vậy sẽ làm bạn phật lòng, và điều đó là hoàn toàn hợp lý. Tôi cũng sẽ kiềm chế không nói với bạn rằng người Kitô hữu thêm Chúa vào hy vọng của con người. Không nên tạo ra ấn tượng đó : Thiên Chúa không phải là một lượng mà ta thêm vào một lượng khác, điều đó sẽ biến Thiên Chúa thành một loại «trang trí». Chúng ta hoàn toàn có thể sống mà không cần đến đồ trang trí !

Tôi sẽ nói với bạn rằng : vâng, lương tâm là đủ ; hy vọng của con người tự nó đã đủ, sự hy sinh cho người khác là một điều tuyệt đối, tình yêu dành cho người khác là lý do đủ để sống và chết. Tôi đồng ý. Và, nói như vậy, tôi trung thành với Tin Mừng, vì chính Tin Mừng đã nói với tôi : «Những gì các ngươi đã làm cho một trong những kẻ bé mọn nhất trong số các ngươi, chính là các ngươi đã làm cho Ta» (Mt 25, 40).

Nhưng tôi tin rằng yêu cầu này từ lương tâm của tôi là một món quà của Chúa. Những gì Chúa ban cho, đó là những nhiệm vụ phải hoàn thành. Đến nỗi sự vâng

lời theo lương tâm, đó là tình yêu của Một Người yêu tôi. Vì Thiên Chúa không ở trên mặt trăng, Thiên Chúa không ở sau các vì sao, Thiên Chúa không ở đâu khác ngoài lương tâm của tôi. Lương tâm này được cư trú bởi một người yêu tôi ; và chính vì người đó yêu tôi mà người đó muốn tôi trở thành người sáng tạo, người sáng tạo ra một thế giới nhân văn hơn. Đó chính là trái tim của mọi hy vọng : yêu và được yêu. *Đó là chiều sâu của con người*. Chúa Kitô tiết lộ cho chúng ta chiều sâu của niềm hy vọng.

Câu hỏi cuối cùng quay trở lại đây : nguồn gốc của hy vọng con người là gì ? Chúng tôi tin rằng đó là Thiên Chúa tạo hóa. Khi tạo ra chúng ta, Chúa tạo ra hy vọng của chúng ta. Ngài đặt vào chúng ta một khao khát tự do tuyệt đối. Tuy nhiên, tự do tuyệt đối là một sự tham gia vào chính tự do của Thiên Chúa, vì chỉ có Thiên Chúa mới hoàn toàn tự do. Ngài hoàn toàn tự do vì Ngài là Tình Yêu. Hy vọng của chúng ta vì vậy là tình yêu. Sống và yêu, nếu Thiên Chúa là Tình Yêu, thì đó chính là một điều giống nhau.

Khi tạo ra chúng ta, Chúa ban cho chúng ta khả năng yêu thương như Ngài yêu thương. Sống cuộc sống của Thiên Chúa, hay yêu như Ngài yêu, đó chính là điều giống nhau. Đó là điều chúng ta gọi là Đời sống vĩnh

cửu. Tuy nhiên, Đời sống vĩnh cửu không phải là cuộc sống tương lai, mà là Đời sống hiện tại : «Ngay bây giờ, thánh Gioan nói, chúng ta là con cái của Thiên Chúa» (1 Ga 3, 2).

Đây rõ ràng không phải là một cuộc sống bình thường. Đó không phải là một cuộc sống mà ta chịu đựng, đó không phải là một cuộc sống mà ta để mặc cho nó trôi qua. Đó là một cuộc sống mà, như thánh Gioan đã nói, chúng ta «làm sự thật» (3, 21). Sự thật, theo nghĩa Kinh Thánh của từ này, không phải là một điều đã hoàn thành. Điều thật, đó là thực tế. Nhưng thực tại đang trong quá trình hình thành : Chúa không tạo ra nó (trong quá khứ), Ngài đang tạo ra nó. Ngài không tạo ra nó mà không có chúng ta, nếu không chúng ta không thể nói rằng Ngài là Tình Yêu trọn vẹn : Ngài cho chúng ta khả năng tạo ra nó.

Điều này có nghĩa là trong lòng của các quyền lực kỹ thuật, chính trị và quyền lực của trách nhiệm, chúng ta tin vào Quyền Năng của Chúa Thánh Thần. Ở trung tâm, không bên cạnh, không thay thế con người. Chúa ở trung tâm của hoạt động của chúng ta, nơi chúng ta sử dụng sức mạnh mà chúng ta có sẵn để chúng ta hy vọng một cách hiệu quả. Vì vậy, Chúa không phải là một năng lượng bên cạnh hoặc ở trên các năng lượng của

chúng ta, Ngài là Quyền năng của các quyền năng của chúng ta, Năng lượng của các năng lượng của chúng ta, Sáng kiến của các sáng kiến của chúng ta.

Nhiệm vụ của chúng ta là một món quà từ Ngài. «Thực hiện sự thật», vậy nên là hoàn thành nhiệm vụ của chúng ta. Nhiệm vụ của chúng ta, theo cách này hay cách khác, là làm cho con người, làm cho con người trở nên con người hơn, làm cho thế giới trở nên nhân văn hơn, làm cho các mối quan hệ giữa con người với nhau trở nên nhân văn hơn, tức là công bằng và anh em hơn. «Thực hiện sự thật», vì vậy là biến đổi thế giới. «Người thực hiện sự thật đến với ánh sáng» có nghĩa là sự nhận biết về Thiên Chúa (ánh sáng) liên quan đến sự hình thành của con người.

Dù bạn là cha mẹ, nhà hoạt động công đoàn hoặc chính trị gia, ông chủ hoặc kỹ sư, công nhân hoặc nông dân, nhà giáo dục hoặc nhà tâm lý học, hãy làm người và bạn sẽ biết đến Chúa. Tôi chỉ nhắc lại theo nghĩa Kinh Thánh, «biết» là «sống-cùng». Sống với Đấng yêu thương chúng ta và mà chúng ta yêu thương, đó chính là Đời sống, Đời sống thật sự, Đời sống vĩnh cửu. Trong hiện tại. Một ngày nào đó, Cuộc Sống với Thiên Chúa này, sự thân mật với Ngài, sẽ được bộc lộ trọn vẹn, và đó sẽ là Hạnh Phúc trong ánh sáng rực rỡ.

Last but not least : đó là điều cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng : s*ự hiểu biết về Chúa và sự biến đổi của thế giới* (hai điều không thể tách rời) *đều đi qua Thập giá*. Từ «biến đổi» đủ để nói cho chúng ta lý do tại sao sự phát triển không phải là sự phình to mà là một sự biến đổi. Con người không phải là một em bé to, phụ nữ không phải là một cô bé to, bướm không phải là một sâu bướm to, bông lúa không phải là một hạt lúa to, Chúa không phải là một con người to. Được biến đổi, đó là chết và tái sinh.

Cái chết không phải là một định mệnh, mà là một khoảnh khắc cần thiết cho mọi sự trưởng thành. Không có mùa gặt mà không có cái chết của hạt giống. Không có sự chuyển đổi mà không có sự lựa chọn. Lựa chọn là một cái chết. Đưa các quyền lực trần gian phục vụ cho công lý, tức là từ bỏ việc đưa chúng phục vụ cho lợi nhuận. Giáo dục một đứa trẻ, đó là muốn điều tốt cho nó, và do đó từ bỏ việc muốn điều tốt cho bản thân mình. Sống với hy vọng, tức là từ bỏ một số thói quen, chấp nhận sự xuất hiện của các cấu trúc chính trị và xã hội khác. Không có cuộc sống thực sự nếu không có hy sinh.

Cái chết của Đức Kitô là sự bước vào của nhân loại vào một cuộc sống được biến đổi. Đó là Thập giá thực hiện sự phi thánh hóa thật sự của các quyền lực. Bởi vì chỉ khi thấy Chúa Giê-su bị đóng đinh trên thập giá, chúng ta mới biết, không còn nghi ngờ gì nữa, bản chất của Quyền Lực thật sự là gì. Trước sự bất lực của Đức Kitô bị đóng đinh, chúng ta không còn nguy cơ tin rằng Thiên Chúa là một Quyền lực thống trị và người ta sẽ làm cho nó trở nên thuận lợi với các thực hành tôn giáo mà không cần sự chuyển đổi của lương tâm. Cần phải đọc lại ba chương đầu tiên của thư thứ nhất của Phaolô gửi tín hữu Côrintô mà Cha Ganne nói rằng chúng cấu thành «*một thần học về sức mạnh thật sự của Thiên Chúa*». Chúa Giêsu chịu đóng đinh là *Toàn Năng của tình yêu và sự tha thứ*. Nghi thức phụng vụ biết rõ điều đó khi mời gọi chúng ta hát : Xin chào, Ô thập giá, hy vọng duy nhất của chúng ta !

PHÚC ÂM, MỘT LỜI KÊU GỌI ĐẾN ĐỨC TIN VÀ TỰ DO [85]

Sống Phúc Âm trong toàn bộ ý nghĩa

Tin Mừng không chỉ là một thông điệp. Chắc chắn, có một thông điệp Kitô giáo nhưng Tin Mừng, trước khi là một thông điệp, là một con người, chính con người của Chúa Giêsu Kitô. Bạn biết rằng từ «tin mừng» có nghĩa là «Tin Vui». Tin Mừng này không phải trước hết là những gì Chúa Kitô nói với chúng ta mà là chính Ngài. Đó là Tin Mừng của Sự Nhập Thể. Chúa yêu con người đến nỗi Ngài trở thành con người. Yêu là muốn

---

85 Tài liệu viết tay : «Sống theo Tin Mừng» (5 trang không có ngày) ; «Suy ngẫm về đức tin», số 2 trong loạt bài viết năm 1976-1977. - Manuscrits : «Vivre l'Évangile» (5 trang không có ngày) ; «Réflexion sur la foi», số 2 của loạt bài viết năm 1976-1977. - Polycopies : Polycopies : Belleville (16 tháng 1 năm 1972 : «Nhiệm vụ con người»; 12 tháng 10 năm 1975 : «Đức tin» ; tháng 12 năm 1977 : «Tự do» ; tháng 1 năm 1978 : «Cuộc sống chính trị và cuộc sống Kitô giáo có tương thích không ?» ; tháng 2 năm 1978 : «Sự nghèo khó» ; 5 tháng 3 năm 1978 : «Người tín hữu và người không tín hữu có một nhiệm vụ chung : đó là gì ?»). Pau (10 tháng 4 năm 1974 : «Sự cam kết», trong hội thảo «Mối liên hệ giữa Thánh Thể và cuộc sống» ; 28 tháng 10 năm 1975 : «Sống theo Tin Mừng». Lyon-Sainte-Hélène (4 tháng 11 năm 1976 : «Đức tin»).

trở thành người mình yêu, hòa làm một với người đó. Động lực sâu sắc nhất của đức tin tôi là không thể vượt qua được Sự Nhập Thể. Không có cách nào để một vị thần yêu thương con người hơn là trở thành chính con người.

Hiện tại nhiều người chấp nhận thông điệp nhưng từ chối hoặc đưa ra một số tranh cãi liên quan đến điều cốt yếu là Tính Thiên Chúa của Chúa Giê-su Ki-tô theo nghĩa đen. Do đó, thông điệp bị bóp méo và từ đó, người ta rất dễ dàng biên soạn các đoạn chọn lọc hoặc các tuyển tập của Tin Mừng, lấy một số văn bản mà bỏ qua những văn bản khác. Tin Mừng chỉ thực sự là Tin Mừng khi ta đón nhận nó một cách trọn vẹn. Câu nói của Pascal : «Kinh Thánh là một thể thống nhất» rất sâu sắc.

Chúa Kitô mặc khải Thiên Chúa là ai

Tin Mừng trước hết là sự mạc khải của Chúa Cha được ban cho chúng ta qua Chúa Giêsu Kitô. Tin Mừng trước hết là câu trả lời cho câu hỏi mà từ xưa đến nay, con người vẫn đặt ra : Thiên Chúa là ai ? Chúa Giê-su Ki-tô trước hết cho chúng ta biết Thiên Chúa là ai. Và chính dựa trên sự tiết lộ về bản chất của Thiên Chúa mà một thông điệp được gửi đến con người để nói với họ : hãy thực hiện ước muốn của Thiên Chúa, hãy sống phù

hợp với những gì bây giờ các bạn biết về Thiên Chúa.

Trong chương 16 của thánh Matthêu, có một cảnh quan trọng nhất, lời tuyên xưng của Phêrô tại Xêdarê Philip. Chúa Giêsu hỏi : «Các con nói thầy là ai ?» Phêrô (tức là Nhóm Mười Hai, tức là Giáo Hội rồi !) đáp : «Thầy là Đấng Kitô, Con của Thiên Chúa hằng sống.» Rõ ràng, đó không phải là một tuyên bố giáo điều về Đấng Kitô. Phêrô không thể biết rằng Chúa Giêsu thực sự là Thiên Chúa, ngay cả khi Ngài đã nhập thể. Dù sao đi nữa về Đức Trinh Nữ Maria mà chúng ta không có những mặc khải đặc biệt, phải nói rằng không ai, trước lễ Ngũ Tuần, có thể khẳng định được Tình Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô. Điều mà Phêrô khẳng định, Chúa Giêsu chính là Đấng nói Thiên Chúa là ai, Đấng chúng ta có thể hoàn toàn tin tưởng. «Ngài đến từ Thiên Chúa và không lừa dối chúng tôi về bản chất thật sự của Thiên Chúa.»

Nhưng Thần Khí của Chúa Con được ban cho chúng ta. Các tông đồ sẽ nhận ra điều này vào lễ Ngũ Tuần và họ sẽ nói : chúng tôi không chỉ tuân theo Lời của Ngài, mà chúng tôi còn có trong chúng tôi chính dòng dõi Con Cái của Ngài. Vì Thánh Thần được ban cho con người vào Lễ Ngũ Tuần là Thánh Thần Con Cái của Ngài. Chúng ta có «quyền năng trở thành con cái của

Thiên Chúa» (Ga 1, 12).

Mỗi người trong chúng ta đều được kêu gọi như các tông đồ đã được kêu gọi. Câu trả lời phải hoàn toàn cá nhân. Không thể nào câu trả lời của chúng ta lại là tiếng vang của một lời nói khác hoặc bị ảnh hưởng bởi các áp lực xã hội hoặc là sự khuất phục trước áp lực xã hội hoặc quyền lực. Câu trả lời phải thực sự là lời phát xuất từ gốc rễ của bản thể tôi. Để sử dụng một từ trong triết học đương đại, câu trả lời của tôi phải là : «Bạn nói tôi là ai ?» phải là một chiến thắng trước «người ta». Nhà triết học người Đức Heidegger và, tiếp theo sau ông, Gabriel Marcel đã nói nhiều về cái mà họ gọi là «người ta». «Người ta» nói rằng... Tờ báo thể hiện ý kiến của «người ta» nói rằng... Phản ứng của tôi, nếu tôi muốn thực sự sống theo Tin Mừng, phải là một chiến thắng trước sự vô danh của «người ta».

Một câu nói quan trọng khác trong Tin Mừng là : «Ai thấy ta thì thấy Cha» (Ga 14, 9). Không bao giờ được phép quên điều đó khi đọc Tin Mừng. Đức Kitô trước hết là hình ảnh của Chúa Cha. Ngài là lăng kính của Thiên Chúa. Cũng như lăng kính phân tách ánh sáng trắng của mặt trời thành một số màu sắc, Chúa Kitô cũng dịch ra Thiên Chúa, diễn đạt Thiên Chúa qua những cử chỉ con người, qua những lời nói con người,

qua những thái độ con người. Để biết Thiên Chúa là ai, tôi phải nhìn vào những cử chỉ của Đức Kitô, suy ngẫm về những thái độ sâu sắc của Ngài và lắng nghe những lời Ngài nói. Điều được tiết lộ cho chúng ta qua chính cuộc đời của Chúa Kitô, sức mạnh của Thiên Chúa là sự từ chối sức mạnh thống trị.

Chúng ta có thể đọc toàn bộ Kinh Thánh và nhận thấy rằng Chúa Giê-su chưa bao giờ sử dụng quyền năng của mình. Tôi biết rằng có vấn đề về các phép lạ và phép lạ cực kỳ không được lòng những người đương thời của chúng ta. Những người Kitô hữu tiến bộ, thông minh, không tin vào các phép lạ vì chúng mà tin vào các phép lạ của Phúc Âm (Malebranche đã nói điều này từ thế kỷ XVII). Đó là một thực tế rằng có phép lạ trong Kinh Thánh, mặc dù rất khó để xác định một cách lịch sử những gì đã xảy ra trong từng trường hợp cụ thể. Nhưng cần phải hiểu rằng phép lạ có liên quan đến điều không phải phép lạ. Điều quan trọng nhất trong Tin Mừng là sự vắng mặt của phép lạ : cuộc sống công khai của Chúa Giêsu bắt đầu bằng sự vắng mặt của phép lạ trong hoang địa (Ngài từ chối biến đá thành bánh) và cuộc đời Ngài kết thúc ở Núi Sọ, nơi sự im lặng của Chúa Cha là tuyệt đối, hoàn toàn đến mức người ta có thể nghĩ rằng Ngài đã vắng mặt. Các phép lạ trong Tin Mừng có chức năng dẫn dắt chúng ta đến với sự không

có phép lạ, một sức mạnh nhất định dẫn đến sự vắng mặt hoàn toàn của sức mạnh. [86]

Trong sự khiêm nhường này, Thiên Chúa vĩnh viễn cầu xin chúng ta đón nhận Quà Tặng mà Ngài ban cho chính mình. Khi chúng ta nói về món quà của Thiên Chúa, chúng ta muốn nói gì ? Phân tích từ ngữ : Thiên Chúa không thể cho đi điều gì khác ngoài chính Ngài. Bạn muốn Ngài ban cho điều gì ? Anh ấy là tất cả ; người có tất cả thì không có gì, điều đó hiển nhiên. Và sinh linh của Chúa chỉ là Tình Yêu. Chúng ta tặng quà để thể hiện ít nhiều sự cho đi, nhưng chúng ta không bao giờ thực sự cho đi chính mình. Chúa ban chính mình cho chúng ta và Ngài cầu xin chúng ta đón nhận món quà mà Ngài ban cho để chúng ta có thể thực hiện đầy đủ nhân tính của mình, đó là khả năng của nhân tính thần thánh. Chúng ta chỉ là con người khi trở thành hơn cả con người.

Yêu con người bằng chính tình yêu của Thiên Chúa

Phúc Âm không gì khác ngoài việc nêu rõ các điều kiện để đón nhận món quà của Thiên Chúa. Phúc Âm cho chúng ta biết chúng ta phải trở thành ai để đón nhận một Thiên Chúa tự hiến mình, tức là biến đổi chúng ta trong Ngài. Chúng ta phải giống Ngài, Thiên

86 Xem Sự khiêm nhường của Chúa, tr. 153-154.

Chúa không muốn gì khác. Đó là, như Phaolô đã nói, bắt chước Ngài : «Hãy trở nên những người bắt chước Thiên Chúa.»

Đó là việc trở nên tự do để yêu thương như Thiên Chúa yêu, trở nên thần thánh như Thiên Chúa là Thiên Chúa, trở thành những gì Ngài là. Đó là câu nói chính trong bài diễn văn của Chúa Giêsu sau bữa Tiệc Ly : «Hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con» (Ga 13, 34).

Nếu chúng ta suy nghĩ một chút, chúng ta nhận ra rằng, cuối cùng, khi chúng ta vượt qua các lớp bề mặt của hoạt động hoặc tâm trí của chúng ta, chúng ta có ba lựa chọn: phải tin rằng tồn tại là vật chất, hoặc rằng tồn tại là tinh thần, hoặc rằng tồn tại là Tình yêu hoặc Giao hòa (xem Roger Garaudy). Nếu chúng ta tin rằng tồn tại là vật chất, hãy trở thành người theo chủ nghĩa duy vật; nếu chúng ta tin rằng tồn tại là tinh thần, hãy trở thành người theo chủ nghĩa duy lý. Nhưng nếu chúng ta tin rằng bản chất của sự tồn tại là Tình yêu hoặc Sự hiệp thông, thì chúng ta là người Kitô hữu. Bởi vì chỉ có Chúa Giê-su Ki-tô mới nói với chúng ta rằng Thiên Chúa là Tình Yêu hoặc Sự Hiệp Thông.

Tình yêu không phải là cảm xúc. Tôi không nói xấu gì về cảm xúc. Những người thực sự vĩ đại thường là những người nhạy cảm, vấn đề không nằm ở đó. Nhưng tình yêu, về bản chất, không phải là cảm xúc, sự rung động của da thịt. Tình yêu, thánh Gioan đã nói với chúng ta, là ý chí và hành động. Ý chí để cống hiến và hành động để cống hiến chính mình. Sự chính xác là quan trọng vì các đồng thời của chúng ta sợ hãi hơn cả những lời «bla-bla-bla» về tình yêu. Họ sợ điều đó. Họ không muốn và tôi tin rằng họ hoàn toàn đúng.

Một trong những cám dỗ của thời hiện đại là giả vờ yêu thương con người mà không yêu thương Thiên Chúa. Có một phản ứng bình thường chống lại một thời kỳ mà người ta cho rằng có thể yêu Chúa mà không yêu con người, thời kỳ không phải là quá xa xưa. Điều này đã sinh ra toàn bộ cuộc tranh luận về chiều dọc và chiều ngang, chiều dọc là tình yêu của Chúa và chiều ngang là tình yêu của con người. Thật sự đúng là chúng ta không yêu mến Thiên Chúa nếu chúng ta không yêu mến con người một cách chân thành, với ý chí và hành động. Bài kiểm tra tình yêu của Thiên Chúa là tình yêu thực sự chứ không phải tình yêu bằng lời nói hay cảm xúc mà chúng ta dành cho anh em nhân loại. Ai cũng biết câu thánh Gioan nói trong thư thứ nhất : «Nếu ai nói rằng mình yêu Thiên Chúa mà không yêu anh em

mình, thì người đó là kẻ nói dối» (4, 20). Không có gì đúng hơn thế.

Chỉ có điều, hôm nay chúng ta có nguy cơ quên rằng nếu không yêu mến Thiên Chúa, tình yêu của con người không thể thuần khiết. Cha de Lubac đã từng nói một câu đáng sợ : «Ngoài tình yêu của Chúa, tình yêu của con người có nguy cơ chỉ là sự mở rộng của tình yêu bản thân.» Điều quan trọng là phải có chút tâm lý học và nhận ra rằng gần như chúng ta không thể, nếu chỉ dựa vào bản thân, yêu thương người khác một cách thuần khiết. Chỉ có Chúa mới yêu một cách tuyệt đối và Ngài ban cho chúng ta khả năng yêu thương như Ngài yêu. Cái chết của sự ích kỷ của chúng ta chỉ hoàn toàn với sự thanh tẩy, vì vậy nó là một hy vọng.

Sống Tin Mừng, tức là sống bằng đức tin: năm bước của đức tin

Tôi sẽ hỏi bạn : hy vọng của bạn là gì ? Cuối cùng, bạn hy vọng điều gì ? Bạn có hy vọng được hạnh phúc không ? Hay bạn hy vọng yêu như Chúa yêu trong suốt cõi vĩnh hằng không ? Bởi vì hạnh phúc của Chúa, tức là hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta, đối tượng của hy vọng của chúng ta không chỉ đơn thuần là được hạnh

phúc. Hạnh phúc của loại hạnh phúc nào ? Có nhiều cấp độ hạnh phúc.

Hạnh phúc của cô tiểu thư của người nghèo, người dành cả đời để chăm sóc bệnh nhân, không phải là hạnh phúc của Onassis. Tôi đã đọc cuộc đời của người đó, thật kinh khủng. Bạn đang nói về hạnh phúc gì vậy ? Kitô giáo đáp lại : hạnh phúc với hạnh phúc của chính Thiên Chúa, đó là yêu thương chứ không phải được thỏa mãn. Câu hỏi mà chúng ta phải liên tục đặt ra nếu muốn sống theo Tin Mừng là câu hỏi về hạnh phúc. Toàn bộ Tin Mừng được chi phối bởi lời của Chúa Giêsu : Phúc thay... Đó là những gì chúng ta gọi là các Mối Phúc Thật. Sống Tin Mừng, tức là sống bằng đức tin.

Xin vui lòng lưu ý rằng, trong Kinh Thánh, Chúa Giê-su luôn yêu cầu niềm tin nơi những người đàn ông và phụ nữ mà Ngài gặp. Ngài không bao giờ nói : «Ta đã cứu con», ngài luôn nói: «Đức tin của con đã cứu con.» Tuy nhiên, đó thường là những người đàn ông và phụ nữ không có tôn giáo, hoặc tôn giáo của họ là ngoại giáo. Người đội trưởng là một người La Mã không biết một lời nào về giáo lý ; người phụ nữ Canaan, đến từ Syro-Phoenicia, cũng vậy. Người ta không được cứu rỗi bởi một người khác, dù người đó có phải là Chúa. Con người, đó là một ai đó. Đó là con người tự cứu mình

trong đức tin và qua đức tin. Chúng ta không thể tưởng tượng được mức độ sâu sắc mà Thiên Chúa tôn trọng con người. Đó là nơi chúng ta phải tuyệt đối nghiêm khắc. Nếu không, Chúa của chúng ta sẽ chỉ là một thần tượng và Chúa không muốn trở thành thần tượng của chúng ta.

Bước đầu tiên : mọi người đều ở trong tình trạng đức tin

Chỉ việc sống, tôi nói rõ là sống, đặt mọi người vào tình huống của đức tin. Tôi không nói : đức tin tôn giáo, mà là đức tin theo nghĩa trần tục nhất của từ này. Người gieo hạt, dù là người có đức tin hay không có đức tin, đều đang trong tình trạng của đức tin, «anh ta làm việc cho điều vô hình» (theo He 11, 27). Ông ta thực hiện một hành động đức tin, vì không rõ ràng rằng ông ta sẽ gặt hái được mùa màng. Có thể sẽ có hạn hán, lũ lụt, chiến tranh, ai mà biết được ? Khi ông ta gieo hạt, ông ta không có một sự chắc chắn về mùa gặt so với hai và hai là bốn. Chắc chắn là không. Có một niềm tin.

Nhà giáo dục, xa nữa, đang trong tình trạng của niềm tin, dù là một người cha, một người mẹ, một thầy giáo hay một cô giáo. Để bắt đầu việc giáo dục một đứa trẻ, bạn thực sự phải «tin tưởng vào điều đó», câu nói này rất hùng hồn. Biết bao khó khăn ! Không có kết quả

ngay lập tức. Cậu bé hoặc cô bé này sẽ trở thành gì trong mười năm, hai mươi năm nữa ? Chúng ta hoàn toàn không biết gì cả. Hành động của đức tin.

Do đó «Tin tưởng» bắt nguồn từ «sống». Sống là tin tưởng. Điều này quan trọng để lưu ý, nếu ta muốn hiểu rằng đức tin tôn giáo không phải là thứ được «nhảy dù» xuống, không phải là thứ từ trên trời rơi xuống : đã có đức tin trong hành động cơ bản của con người. Chẳng phải chỉ trong mơ mộng mới không có đức tin, tình huống đức tin. Nhưng chính đức tin Kitô giáo sẽ hoàn toàn ngược lại với một giấc mơ, bất chấp một số người tự xưng là Kitô hữu và thực sự bơi lội trong thế giới tưởng tượng, trong trí tưởng tượng về một thế giới khác nơi Chúa đang chờ đợi chúng ta. Giấc mơ thuần túy và đơn giản, tôi xin phép gọi đó là bệnh lý của đức tin. Nếu chúng ta có thể thấy nó hoạt động như thế nào trong chúng ta, tôi đảm bảo rằng chúng ta sẽ được khai sáng.

Bước thứ hai : trong mọi hành động, lớn hay nhỏ, con người tìm kiếm hạnh phúc

Tiến thêm một bước : dù con người làm gì, trực tiếp hay gián tiếp, thì họ luôn hành động với mục đích tìm kiếm hạnh phúc. Hạnh phúc nhỏ trong từng chi tiết của cuộc sống cụ thể ; hoặc hạnh phúc sâu sắc trong tình yêu, tình bạn hoặc văn hóa, không quan trọng ! Ngay

cả những người tự sát cũng tìm kiếm hạnh phúc (hạnh phúc tiêu cực, xóa bỏ đau khổ). Sẽ rất thú vị nếu nghiên cứu về bài hát, hiện nay là một thể loại văn học thực sự, và xem cách mà một Édith Piaf, một Brassens, một Julien Clerc, một Léo Ferré và bao nhiêu người khác cho thấy rằng con người luôn tìm kiếm, và trong từng hành động nhỏ nhất của họ, hạnh phúc.

Bước thứ ba : việc tìm kiếm hạnh phúc phải tuân theo các giá trị

Tôi nhận ra ngay lập tức rằng tình huống tự nhiên của đức tin và việc tìm kiếm hạnh phúc nhất định phải được vượt qua. Tại sao ? Bởi vì tên gangster và kẻ bóc lột cũng đang trong tình trạng đức tin và tìm kiếm hạnh phúc. Người đang suy nghĩ về một vụ cướp là người có đức tin: anh ta không biết liệu kế hoạch của mình có thành công hay không. Và anh ta thực sự đang tìm kiếm hạnh phúc mà tiền bạc mang lại.

Khi tìm kiếm hạnh phúc, tôi có thể nhắm đến việc thỏa mãn một sự ích kỷ bền bỉ, tôi có thể muốn làm hạnh phúc của mình trên sự thiệt thòi của hạnh phúc của người khác, tôi có thể khai thác họ, ăn cắp của họ, giết họ. Không cần phải đi xa đến vậy, chắc chắn rằng có rất nhiều tìm kiếm bản thân và hành vi ích kỷ trong việc tìm kiếm hạnh phúc. Một câu rất hay trong bài hát của

Édith Piaf «Buổi lễ vẫn tiếp tục». Cô ấy nhảy múa trong vòng tay của người tình trong khi, trong ngôi nhà bên cạnh, một cậu bé đang chết, một ông lão không được cứu giúp chết đói ; và cô ấy hát : «Chúng tôi quá hạnh phúc để có trái tim.» Vì vậy, ước muốn hạnh phúc của tôi cần phải được chỉ trích và biến đổi. Như Bernanos đã nói : «Hãy cho tôi biết bạn hình dung hạnh phúc như thế nào và tôi sẽ cho bạn biết bạn là ai.»

Ở đây những gì được gọi là giá trị trong triết học can thiệp vào. Tôi gọi «giá trị» là những gì «đáng giá» hơn chúng ta, hoặc những gì mà không có nó thì chúng ta không «đáng giá» ; những gì, do đó, xứng đáng để hy sinh mạng sống của mình, những gì là lý do sống cao hơn cả cuộc sống. Thà chết chứ không chịu phạm một sự bất công nghiêm trọng ! Công lý là một «giá trị». Thà chịu khổ còn hơn nói dối !

Sự thật là một «giá trị». Tôi gọi «giá trị» là những gì lương tâm ra lệnh, những gì làm cho con người trở thành con người. Có ý thức về giá trị và có lương tâm, đó là hai điều hoàn toàn giống nhau. Điều định nghĩa con người là khả năng lựa chọn và sống theo các giá trị. Con vật không nghe thấy, trong sâu thẳm của nó, một tiếng nói lương tâm nói với nó : tình huống này là bất công, bạn phải làm việc để biến đổi nó để công lý

được thực thi. Con vật là những gì nó là, chỉ vậy thôi. Con người nghe thấy tiếng nói của lương tâm nhắc nhở liên tục về sự ưu tiên của các giá trị. Nếu bạn nói với tôi rằng anh ta không nghe thấy, thì phải nói rằng anh ta đã bị phi nhân hóa.

Khi ta quy phục cuộc sống của mình theo những giá trị là những điều bắt buộc của lương tâm, tức là khi ta từ chối một hạnh phúc chỉ thuần túy ích kỷ, ta đã biết đến Chúa theo một cách nào đó. Chúng ta không «nhận ra» Ngài, nhưng chúng ta biết Ngài. Hàng nghìn người không tin (như chúng ta nói sai lệch !), những người không công nhận Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô, của Tin Mừng và của Giáo Hội, đã biết Ngài trong chừng mực họ đặt việc tìm kiếm hạnh phúc của họ dưới tiêu chí của các giá trị. Trong mức độ họ nói về hạnh phúc, vâng! nhưng không phải bất kỳ loại nào ! Không phải là một hạnh phúc đạt được trên sự thiệt thòi của người khác! Vì vậy, có thể, mà không cần tin vào Chúa, không cần tin rằng Chúa Giê-su là Thiên Chúa, đọc Kinh Thánh dưới góc độ các giá trị. Chỉ có đề cập đến sự thật, tự do, công lý và tình yêu huynh đệ. Theo nghĩa đó, Tin Mừng là dành cho mọi người.

Trong giáo dục Kitô giáo cho trẻ em, điều quan trọng là phải bắt đầu từ đó. Nếu không, chúng ta có thể nói

về một vị thần không liên quan gì đến các giá trị công lý, tự do và tình huynh đệ ; một vị thần chỉ đơn thuần là Đấng Toàn Năng, tức là người mạnh nhất và mà chúng ta nên vâng lời một cách khôn ngoan. Xem những hậu quả. Điều này sẽ dẫn đến việc xa rời đức tin và lao đầu vào tôn giáo. [87] Đứa trẻ này sẽ nói một ngày nào đó : tôi tin vào những gì người ta đã dạy tôi. «Người ta». Tôi tin rằng Chúa tồn tại, tôi cũng tin rằng Chúa Giê-su Ki-tô là Chúa, tôi thậm chí còn tin vào quyền lực của Giáo hội. Nhưng hãy để tôi yên với công lý, tình huynh đệ và sự thật ! Phải biết nói dối và chen lấn để thành công trong cuộc sống !...

Một số người sẽ vui lòng nói với bạn : công lý xã hội, tình huynh đệ chân chính giữa con người, không liên quan gì đến Chúa ! Các bạn là linh mục, hãy nói cho chúng tôi về Chúa nhưng đừng nói cho chúng tôi về nghĩa vụ nghề nghiệp của chúng tôi ! Trong khi những người có trái tim đúng đắn sẽ thích nói rằng họ tin vào công lý và tình huynh đệ, nhưng họ không tin vào Thiên Chúa hay Chúa Giê-su. Tôi nhớ đã viết, vài tháng sau khi Lyon được giải phóng : «Thà phủ nhận Thiên Chúa và có khả năng chịu đựng và chết vì Công lý còn hơn là tin vào một Thiên Chúa không ra lệnh cho chúng ta

87 Để biết sự phân biệt này, hãy tham khảo bài giảng về cầu nguyện, trang 251 ss.

chịu đựng và chết vì Công lý.»

Bước thứ tư : chuyển từ các giá trị vô danh sang Một ai đó

Để biết đức tin Kitô giáo là gì, có hai bước cần vượt qua : trước hết là bước chuyển từ các giá trị vô danh đến Một Người, đến một Người sống động, người đã đặt nền tảng cho các giá trị này, người sống các giá trị này. Ở thế gian này, không ai có thể nói : tôi là Sự Thật, tôi là Công Lý, tôi là Tự Do. Người mà chúng ta gọi là Thiên Chúa là người có thể nói: Sự Thật là tôi ; Công lý là tôi ; Tự do là tôi.

Bạn sẽ hỏi tôi : đoạn này có cần thiết không ? Tôi trả lời : không. Đoạn này không cần thiết : nó là tự do. Nhưng nó là hợp lý (Giáo hội, tại Công đồng Vatican I, nói rằng đức tin là tự do và hợp lý). Vì vậy, tôi có lý do để tin. Những lý do nào khiến bạn tin tưởng ? Lý do sâu sắc nhất khiến tôi tin rằng không chỉ có những giá trị vô danh, những mệnh lệnh của lương tâm con người, mà còn có một ai đó sống theo những giá trị đó và đồng thời, đặt nền tảng cho chúng, là vì trong số các giá trị, có một giá trị vượt lên tất cả và được gọi là tình yêu. Tình yêu không thể là vô danh. Tình yêu nhất thiết phải là một mối quan hệ giữa người với người.

Chúng ta biết rõ nhà khoa học tìm kiếm sự thật mà không biến nó thành một người. Nhà khoa học sẽ không nói : sự thật là một người nào đó. Người ta cũng hiểu rằng không nên biến công lý thành một người. Nhưng tình yêu ! tôi không thể không mâu thuẫn mà nghĩ rằng nó có thể vô danh. Nếu tôi nói về tình yêu, tôi phải nói: tôi yêu và tôi được yêu. Tôi được yêu bởi một ai đó. Yêu là dành cho ai đó, không phải cho một cái gì đó. Karl Marx đã nói, khi nói về xã hội tương lai : «Chỉ cần là một người biết yêu thương thì sẽ trở thành một người được yêu thương.» Lời nói thật đáng ngưỡng mộ, nhưng tôi không thể và sẽ không bao giờ, trong bất kỳ xã hội nào, nói về một con người rằng họ yêu tôi và sẽ luôn yêu tôi, với tất cả sự hy sinh đến chết mà tình yêu chân thật đòi hỏi. Nhưng tôi nói điều đó về Chúa. Đó là đức tin của tôi ; đó là cốt lõi của Kinh Tin Kính Kitô giáo ; đó là toàn bộ Tin Mừng.

Bước thứ năm : Người ấy chỉ là Tình yêu

Còn một bước cuối cùng nữa : ai nói tôi Thiên Chúa là Tình Yêu ? Chúa Giê-su và chỉ Chúa Giê-su mà thôi. Ngài nói với tôi, không chỉ bằng lời nói, mà bằng cuộc sống và cái chết của Ngài. Do đó, đặc điểm thứ ba của đức tin, theo Công đồng Vatican I : nó là siêu nhiên, tức là nó là một hồng ân của Thiên Chúa. Bằng cách tự

hiến mình cho con người trong Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa ban cho con người khả năng tiếp nhận món quà mà Ngài ban tặng và gắn bó với nó.

Và các giáo điều ? các bí tích ? đạo đức ? cơ chế giáo hội ? Đó là tổng thể tất cả những gì cần thiết để chúng ta không lạm dụng tình yêu. Trực tiếp hay gián tiếp, trung gian hay ngay lập tức, chỉ có thể là các điều kiện của tình yêu và hậu quả của tình yêu.

Sự khác biệt lớn giữa người có đức tin và người không có đức tin, để «nói như mọi người», là người không có đức tin tuân theo lương tâm của mình và người có đức tin, khi tuân theo lương tâm của mình, yêu một ai đó. Tại sao tôi là người Kitô hữu ? Bởi vì, khi tuân theo lương tâm của mình, điều khiến tôi phải tôn trọng và thúc đẩy các giá trị được gọi là Sự Thật, Sắc Đẹp, Công Lý và Tự Do, tôi yêu Một Người yêu tôi.

Trong tất cả những điều đó, hãy cẩn thận với cám dỗ của sự ngay lập tức. Đó là một trong những cám dỗ của thế giới hiện đại : tất cả hoặc không gì cả, và tất cả, ngay lập tức. Sống theo Tin Mừng, đó là bước vào logic của tình yêu suốt một quá trình trở thành. Cần nhấn mạnh ở đây tầm quan trọng của thời gian. Không có thời gian, thời gian sống, hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta sẽ không phải là tác phẩm của chúng ta. Nếu Thiên Chúa

chỉ là Tình Yêu, Ngài không thể không muốn rằng hạnh phúc vĩnh cửu của chúng ta là một sự xây dựng hoàn toàn từ chính chúng ta, bởi chính chúng ta trong suốt một quá trình trở thành.

Sống Tin Mừng, là chọn Đức Kitô làm nhà giáo dục của tự do

Vì vậy, Phúc Âm là chuẩn mực. Đó là một trong những từ thiết yếu để hiểu nó. Một tiêu chuẩn không phải là một chỉ thị, tức là một quy tắc cứng nhắc, một mệnh lệnh đi vào chi tiết của mọi thứ. Có một ví dụ về thời trang nữ cho thời đại của chúng ta : nó mang tính quy phạm, không áp đặt cho tất cả phụ nữ Pháp cùng một chiếc váy, mỗi phụ nữ có thể tạo ra chiếc váy của riêng mình trong khi vẫn trung thành với quy tắc của thời trang. Để lấy một ví dụ cao quý hơn, Bach, từ đầu đến cuối tác phẩm của mình, đã trung thành với các tiêu chuẩn của âm nhạc thời đại của ông, đồng thời là một nhà sáng tạo tuyệt vời. Tiêu chuẩn là sáng tạo. Phúc Âm không ngăn cản chúng ta trở thành những người sáng tạo. Những người sáng tạo ra đời sống tình dục của chúng ta, đời sống tình cảm của chúng ta, lời cầu nguyện của chúng ta, đời sống kinh tế, xã hội và chính trị của chúng ta. Chúa chỉ tạo ra những người sáng tạo. Phúc Âm do đó là một ánh sáng cho cuộc sống của

chúng ta, cần thiết nhưng không đủ.

Quyết định tự do nằm ở giao điểm của Tin Mừng và một phân tích

Trước khi hành động, trước khi đưa ra một trong những quyết định xây dựng bản thân, chúng ta cần hỏi về Tin Mừng nhưng cũng cần phân tích tình huống mà chúng ta đang gặp phải. Nếu đó là một tình huống hôn nhân hoặc gia đình, có thể sẽ rất khó khăn ; nếu đó là một tình huống nghề nghiệp, sẽ khó khăn hơn ; và nếu đó là một tình huống xã hội, quốc gia hoặc quốc tế, sẽ còn phức tạp hơn nữa. Tôi không nghĩ, ví dụ, rằng chúng ta có thể đánh giá chính trị Pháp mà không quan tâm đến các nước kém phát triển, mà chúng ta gọi một cách khiêm tốn là đang phát triển.

Một quyết định sáng tạo luôn được đưa ra cho một tín đồ Kitô giáo tại nơi giao thoa của hai ánh sáng: một ánh sáng từ Kinh Thánh và nói rằng : công lý và tình yêu; một ánh sáng từ tình huống được phân tích đúng cách. Nếu tôi chỉ hài lòng với Tin Mừng mà không có được khả năng phân tích tình huống, đạo đức của tôi sẽ chỉ là đạo đức của một người giúp lễ. Hãy tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra với một người chỉ muốn trung thành với câu nói : «Nếu ai vả má bên phải của bạn, hãy đưa má bên trái cho họ» (Mt 4, 39) hoặc «Hãy cho ai xin

bạn» (Mt 5, 42). Chúng ta không thể xây dựng một xã hội dựa trên những câu như vậy. Phúc Âm không đưa ra cho chúng ta những giải pháp có sẵn, nó không bao giờ chỉ dẫn cho chúng ta cách hành xử trong thực tế, nó không phải là một chương trình. Nếu tôi chỉ phân tích tình huống mà không tham chiếu đến Tin Mừng, đạo đức của tôi là một đạo đức ngoại giáo, cái mà trong ngôn ngữ kỹ thuật được gọi là đạo đức tình huống. Phải kết hợp hai ánh sáng này và chính tại nơi giao nhau của chúng tôi phải đưa ra quyết định của mình với tất cả những rủi ro mà nó mang lại. Điều đó có nghĩa là trong thực tế, tình yêu hoặc lòng bác ái mà Tin Mừng yêu cầu chúng ta phải có hiệu quả. Làm rõ, theo tinh thần của «Thư của Phaolô VI gửi hồng y Roy» xuất bản năm 1971 :

1) Cuộc sống Kitô hữu chủ yếu là một cuộc sống dành cho công lý và tình yêu. Điều này có thể gây ngạc nhiên, vì người ta có thể nói rằng cuộc sống Kitô hữu là cuộc sống hiến dâng cho Chúa. Hai đề xuất này không mâu thuẫn với nhau, vì chính Chúa Kitô đã ban cho chúng ta công thức của điều răn mới chứa đựng tất cả các điều răn khác : «Yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương các con», tức là tình yêu của chính Thiên Chúa. Vì vậy, Thiên Chúa không bị loại trừ. Nhưng Chúa Kitô, người đã ban cho chúng ta điều răn yêu thương, để chúng ta

tự do sử dụng trí tuệ của mình để biết điều kiện nào thì tình yêu thương mới là chân thật. Đó là điểm khởi đầu.

2) Công lý và tình yêu rõ ràng nhắm đến con người. Không thể công bằng với những vật thể hoặc yêu thích những vật thể ; điều được nhắm đến là con người. Nhưng con người luôn bị ràng buộc trong các tình huống và đối mặt với những sự kiện. Vì vậy, để sống công bằng và yêu thương, trung thành với lời dạy của Chúa, chúng ta không bao giờ được quên rằng con người không sống trong một môi trường không khí. Con người trừu tượng không tồn tại : họ trẻ hay già, nam hay nữ, đã kết hôn hay độc thân, sống ở thành phố hay nông thôn, công nhân hay luật sư, v.v. Tôi không biết ai không bị ràng buộc trong một tình huống thực tế và cụ thể hay không phải đối mặt với các sự kiện (mà thực ra thay đổi tình huống theo nhiều cách : sinh ra, phá sản, bệnh tật, cách mạng, đình công, v.v.). Nếu công lý và lòng từ bi của chúng ta muốn thực sự và không phải là trừu tượng, thì chắc chắn rằng con người phải được xem xét trong bối cảnh thực tế của họ, bối cảnh cuộc sống của họ.

3) Những tình huống và sự kiện này thường đặt ra các giá trị. Không có sự kiện thuần túy, chúng luôn liên quan đến các giá trị hơn hoặc ít hơn, tức là công lý hay bất công, sự thật hay dối trá, tự do hay nô lệ, tình yêu

hay thù hận, v.v. Khi ở Anh, vài năm trước, một tai nạn xảy ra do sự sụp đổ của một bãi thải, các công đoàn đã tìm kiếm trách nhiệm và tự hỏi liệu có quyền xây dựng một trường học cách vài trăm mét từ một bãi thải trên một nền đất mà người ta biết là không ổn định hay không.

Hãy nhớ rằng Chúa không ở đâu khác ngoài những quyết định của chúng ta và không phải ở sao Thổ hay các vì sao. Chúa không phải là một Jupiter bay lơ lửng trên mây, Ngài ở bên trong tự do của chúng ta, vì chính tự do là nền tảng của nhân loại chúng ta. Sống Tin Mừng là gặp gỡ Ngài ở nơi Ngài hiện diện, tức là trong tự do sáng tạo và biến đổi của con người, trong những quyết định mà chúng ta đưa ra, dù nhỏ hay lớn. Tuy nhiên, các quyết định của chúng ta phải làm cho các giá trị liên quan đến các tình huống và sự kiện chiến thắng.

4) Trong thế giới rất phức tạp mà chúng ta đang sống và nơi mọi thứ thực sự liên kết với nhau, những giải pháp thực sự sẽ mang lại chiến thắng cho công lý và tình huynh đệ cuối cùng là những quyết định chính trị (theo nghĩa rộng, tức là tất cả những gì liên quan đến đời sống của con người trong xã hội). Làm sao bạn muốn nó khác đi được ? Nếu chúng ta không quay trở lại với chính trị, sẽ không có hiệu quả. Ý tốt của chúng

ta sẽ không mang lại kết quả. Chúng ta có nên chấp nhận một lòng hảo tâm có thể rất cảm động, dẫn chúng ta đến những hành động cá nhân của sự cống hiến chân thành nhưng không mang lại giải pháp thực sự ? Đó là nút thắt. Thật không thể nào các tín hữu Kitô lại có thể thờ ơ với đời sống công cộng, tập thể, cộng đồng nếu, ít nhất, họ không thực sự quan tâm đến số phận của những anh chị em mình đang gặp phải những tình huống công bằng hay bất công và đang đối mặt với các sự kiện.

Chúa Kitô đã kể cho chúng ta nghe dụ ngôn về Người Samari tốt bụng (Lc 10). Vào thời đó, mọi thứ tương đối dễ dàng : có một người Do Thái nghèo bị bọn cướp tấn công và bị thương trên đường. Người Samari ngay lập tức biết phải làm gì, ông đã chăm sóc khẩn cấp cho người đàn ông này, đổ dầu và rượu lên vết thương của ông ta, dầu để làm dịu và rượu để khử trùng ; sau đó đưa ông ta đến quán trọ gần nhất, yêu cầu chủ quán trọ chăm sóc cho người đàn ông tội nghiệp ; cuối cùng là cung cấp tiền và hứa rằng, vào ngày hôm sau, sẽ mang thêm tiền nếu số tiền hôm trước không đủ.

Nếu Chúa Kitô kể cho chúng ta dụ ngôn này hôm nay, Ngài sẽ không yêu cầu chúng ta tưởng tượng quay về một sa mạc với những tên cướp lảng vảng ở những nơi hoang vắng như trong các bộ phim gangster. Ngài

sẽ nói bằng ngôn ngữ hiện đại : nếu các bạn muốn trở thành môn đệ của tôi, các bạn không thể chấp nhận để những người đang chịu đựng, đói khát, bị tra tấn và bị tàn sát nằm trên vỉa hè. Bạn phải đi đến cùng, bạn phải tìm ra nguyên nhân thực sự của nỗi khổ đau nhân loại và bất công. Ai là người Do Thái bị thương trên đường hôm nay ? Ông ấy ở đâu ? Bọn cướp ở đâu ? Phải làm gì bây giờ để ngăn chặn bọn cướp cướp bóc ? Đó mới là những câu hỏi thực sự, đó là chủ nghĩa hiện thực đơn giản. Một người Kitô hữu không thể chỉ đơn giản là thương hại những nỗi khổ của một người đàn ông nghèo khổ bị thương hoặc ốm đau. Ông phải làm việc, trực tiếp hoặc gián tiếp, để tìm ra các giải pháp sẽ làm giảm bớt số kẻ cướp, không phải trong các sa mạc mà trong các công ty đa quốc gia, các ngân hàng, các bộ ngoại giao, các lợi ích tài chính lớn, v.v. Ông cũng phải tự đặt câu hỏi sâu sắc về bản thân, đồng ý đặt câu hỏi về những định kiến và sự lo lắng về đặc quyền của mình.

Chúa Kitô có lẽ sẽ thêm : các bạn không thể tự mình làm một công việc như vậy, nhất là vì nó không thể hoàn thành chỉ trong chốc lát. Tôi, tôi tuyên bố rằng tôi hoàn toàn không có khả năng đạt được sự phân định một mình. Khi tôi nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ của mình để đẩy mọi thứ đến mức cần thiết nhằm tìm ra giải pháp thực sự hiệu quả cho những vấn đề mà anh em tôi

đang phải chịu đựng, tôi thừa nhận rằng tôi rất vui khi có thể làm việc nhóm và tôi cảm ơn tất cả những ai có thể giúp tôi suy nghĩ. Họ sẽ không áp đặt gì lên tôi, tất nhiên rồi ! Không phải các linh mục hay các phong trào trong Giáo hội có quyền áp đặt cho tôi một lựa chọn tạm thời. Vai trò của họ là giúp tôi đi qua tất cả những điều tạm thời này, tức là các lĩnh vực gia đình, kinh tế và chính trị, để cuộc sống của tôi không mâu thuẫn với những yêu cầu cơ bản của Tin Mừng mà làm việc để thực hiện sự hòa giải của con người được biểu thị qua bí tích Thánh Thể mà tôi tham dự. Hơn nữa, đây không chỉ là một sự hòa giải cá nhân mà còn là một sự hòa giải toàn cầu: làm thế nào bạn có thể mong rằng kinh tế và chính trị không can thiệp vào ?

5) Tôi nghĩ rằng có tội khi từ chối một cách hệ thống việc tìm kiếm hiệu quả về mặt thời gian. Tôi có nghĩa vụ, tôi không nói là phải tìm ra nó, vì điều đó quá phức tạp, mà là phải tìm kiếm nó. Không tìm kiếm, mỗi người ở vị trí của mình và theo khả năng của mình, đó là trốn tránh. Bạn sẽ nghĩ gì về Tin Mừng nếu người Samari chỉ cúi xuống từ trên lưng ngựa nhìn người bị thương, nói với anh ta : «Ôi, tội nghiệp anh quá, tôi thật sự xúc động khi thấy anh như vậy ; thôi, tạm biệt bạn và chúc bạn may mắn !» Bạn sẽ nghĩ gì về những người Kitô hữu đến thăm một người nghèo trong một khu ổ chuột

và nói với anh ta : thật buồn khi vẫn còn những chỗ ở tồi tàn như vậy ? À ! hãy nhớ kỹ, bạn ơi, rằng Giáo hội yêu bạn ! Nếu bạn biết Giáo hội yêu bạn như thế nào ! Vậy thì, tạm biệt ! Tôi hy vọng rằng những thái độ như vậy không tồn tại như chúng, sẽ thật là quá đáng !

Những gì tôi đề cập đến là một số tư tưởng ẩn sau một mối quan tâm giả tạo về sự thuần khiết của Tin Lành và từ chối thỏa hiệp thế tục. Một nhận xét khiến tôi lo lắng sâu sắc : «Ít nhất thì ông cũng nói về Chúa chứ không phải về chính trị !» Tôi không ở đây để an ủi bạn, để nói về Chúa theo cách có thể làm bạn yên lòng, để đề xuất một Chúa như một cái cớ. Như Jean Guéhenno đã nói : «Thế giới đang chết đói và những linh hồn cao đẹp thì lên thiên đàng.» Tôi chỉ muốn nói với bạn rằng vị thần đó không phải là Thiên Chúa thật.

Mọi người, dù biết hay không biết, đều làm chính trị. Câu hỏi không phải là làm hay không làm, mà là làm một cách có ý thức. Im lặng hoặc kiêng cữ trong lĩnh vực chính trị (tôi luôn hiểu từ này theo nghĩa rộng nhất của nó và không phải theo nghĩa hẹp là tham gia vào một đảng chính trị) là một hành động chính trị tích cực. Nhiều người nghĩ rằng họ không tham gia vào chính trị. Tuy nhiên, khi không tham gia, họ vẫn tham gia vì sự im lặng và sự kiêng khem của họ là một phần của sự

phân chia lực lượng. Tất cả đều là quan hệ lực lượng trong một quốc gia và trên thế giới : có lực lượng đạo đức, quân sự, kinh tế, v.v. Không nên nói xấu sức mạnh: sức khỏe, chẳng hạn, là một sức mạnh. Phải chỉ trích bạo lực, đó là một chuyện hoàn toàn khác. Bởi vì bạo lực là một sức mạnh tách rời khỏi lý trí và do đó, trở nên giống như động vật. Các giải pháp bạo lực, trừ những ngoại lệ được quy định bởi Paul VI trong Populorum Progressio, không phải là những giải pháp tốt. Không phải vì một xã hội có trật tự pháp lý mà các mối quan hệ quyền lực bị xóa bỏ, chúng tồn tại ở khắp mọi nơi.

Đặc biệt, có một lực được gọi là lực quán tính. Người ta biết rất rõ ở cấp cao, dù là các vấn đề kinh tế hay quốc tế, lực lượng quán tính nằm ở đâu. Tôi không muốn làm tổn thương ai khi nhắc đến một số nghề nghiệp mà mọi người đều biết qua các phân tích đã được thực hiện rằng chúng đại diện cho các lực quán tính, tức là, bất kể các quyết định được đưa ra ở cấp cao nào, chúng ta sẽ không thay đổi hoặc sẽ thay đổi rất ít đến mức có thể bỏ qua các phản ứng dự đoán được của một số môi trường nghề nghiệp hoặc xã hội.

Người Kitô hữu trước đây thường nói rằng không nên dính líu đến chính trị vì luôn làm bẩn tay mình. Một khẩu hiệu của các giới công giáo trước đây là, trước

hết, giữ cho đôi tay sạch sẽ. Nếu vẫn như vậy, chính Giáo hội sẽ xuất hiện trong nước như một lực lượng quán tính thực sự và mọi người đều biết điều đó. Đó là điều mà Mounier gọi là «chủ nghĩa phi chính trị giả tạo của những bàn tay sạch sẽ» : đó không phải là một chủ nghĩa phi chính trị, tức là một sự vắng mặt của chính trị, mà là một sự cân nhắc chính trị thực sự. Điều ô uế tồi tệ nhất là không muốn dính dáng đến bùn đất, theo câu nói nổi tiếng: người không làm gì thì không bao giờ phạm sai lầm nhưng cả cuộc đời của họ là một sai lầm. Điều tồi tệ nhất là thực hiện một sự cân nhắc chính trị trong khi giả vờ rằng mình không làm chính trị.

Bởi vì, vào thời điểm đó, chúng ta là nạn nhân của di truyền của mình : cha tôi... ông tôi... trong môi trường như thế... trong hoàn cảnh như thế..., v.v. Giáo dục nhận được cũng ảnh hưởng đến mỗi người. Bạn nghĩ rằng bạn tự do nhưng bạn hoàn toàn không tự do, đó là áp lực từ môi trường của bạn tác động qua bạn. Di truyền của bạn, giáo dục của bạn, sự ích kỷ của bạn, định kiến của bạn, những sở thích tình cảm hoặc đam mê mà bạn chưa bao giờ nghiêm túc đặt câu hỏi, tất cả những điều đó cuối cùng sẽ bỏ phiếu vào hòm phiếu bầu cử. Bạn không tự do, vì bạn chưa làm việc để tự do hóa bản thân. Tôi sẽ không bao giờ nói rằng người Kitô hữu tự do trong các lựa chọn chính trị hoặc kinh tế của mình,

mà không làm rõ trước rằng họ phải làm việc để tự do, để trở thành một người tự do đã tự đặt câu hỏi cho bản thân nhằm có hành động chân thực trên phương diện tạm thời.

Hơn nữa, chúng ta chỉ trở thành người tự do khi làm việc để giải phóng người khác. Việc chinh phục tự do cá nhân của chúng ta đi qua hành động, công việc, và hoàn thành nhiệm vụ nhân loại vì tự do của tất cả mọi người. Nếu không, hãy cẩn thận, chúng ta sẽ không có được tự do thực sự.

Chúa Giêsu là người tự do trong tự do vĩnh cửu của Thiên Chúa

Nếu bạn hỏi tôi tại sao tôi là người Kitô giáo, tôi sẽ trả lời : tôi đã chọn Tin Mừng làm người giáo dục cho tự do của mình. Nếu Phật giáo hoặc Hồi giáo giáo dục tự do của tôi tốt hơn, tôi sẽ có nghĩa vụ trở thành người theo Phật giáo hoặc Hồi giáo. Chúng ta đều biết câu ngạn ngữ : tôi thích Platon nhưng tôi còn thích sự thật hơn. Tôi sẽ chuyển thể một cách vui vẻ : tôi thích Chúa Giê-su nhưng tôi còn thích hơn mức độ tồn tại cao nhất và, nếu không phải là Chúa Giê-su giáo dục tự do của tôi để đạt được mức độ tồn tại cao nhất, tôi sẽ tìm kiếm ở nơi khác. Nếu người đang nói chuyện với bạn là một tín đồ Kitô giáo, thì họ có niềm tin chắc chắn rằng không thể

nào Kinh Qur'an, các Upanishad hay những sách thánh khác có thể dẫn dắt con người lên cao như Kinh Thánh. Đó là niềm tin của tôi, đó là đức tin của tôi.

Tự do không phải là làm những gì mình muốn mà là muốn những gì mình làm, tức là chấp nhận trách nhiệm về hành động của mình. Một người đàn ông chỉ thực sự là một người đàn ông khi anh ta chấp nhận trách nhiệm về cuộc đời mình. Tự do thực sự là khả năng đối mặt với cái chết, không nhất thiết là cái chết cuối cùng, vĩnh viễn, mà là cái chết hàng ngày mà công lý, sự thật, tự do đòi hỏi. Chúng ta không thể vừa cho đi vừa giữ lại cho mình. Khi ta thực sự cống hiến, khi ta cam kết hết mình vì người khác, rõ ràng là điều đó gây đau đớn, đòi hỏi những hy sinh thực sự. Phải biết chết đi cho bản thân, vì chúng ta chủ yếu là nô lệ của chính mình, của «muốn sống» giữ chúng ta lại trong lòng. Mẫu người tự do là Chúa Kitô, người đã chọn cái chết hơn là từ bỏ bản thân. Ngài là chứng nhân của tự do vĩnh cửu của Thiên Chúa.

Hiểu rõ rằng tự do không phải là quyền lựa chọn giữa điều thiện và điều ác. Điều đó là tự do ý chí, không tồn tại ở Thiên Chúa, người không thể chọn lựa bất công hoặc thù hận. Nhưng chúng ta, những sinh linh, chúng ta xây dựng tự do của mình thông qua những lựa chọn.

Chúa Giê-su cũng đã phải chọn, Ngài đã bị cám dỗ.

Cảnh lớn về sự cám dỗ trong sa mạc là vô cùng quan trọng, nó là một tác phẩm văn học về những gì chắc chắn đã diễn ra liên tục trong cuộc đời của Chúa Giêsu, đó là Ngài đã luôn bị cám dỗ sử dụng quyền năng của Thiên Chúa để thống trị. Nếu Chúa Giê-su đã nghe theo Sa-tan, Ngài đã có một cuộc sống danh dự, vinh quang. Satan thực ra là người phát ngôn của Israel và là người phát ngôn của tất cả chúng ta, vì chúng ta muốn Chúa là một vị thần thống trị và ra lệnh cho chúng ta, đến mức sâu thẳm, chúng ta sợ trở thành những người đàn ông tự do.

Đúng vậy, không phải là chuyện nhỏ khi trở thành một người đàn ông tự do và một người phụ nữ tự do. Vì vậy, chúng ta nói với Chúa Kitô : hãy biến đá thành bánh ! Đức tin của chúng ta sẽ không còn tự do nữa, chúng ta sẽ buộc phải tin ! Làm sao không tin vào người biến đá thành bánh ? Bắt buộc chúng tôi đi, xem nào. Chúa Giêsu nói : không ; tôi không muốn tiết lộ một vị thần giả, một thần tượng. Chúng ta hãy tin rằng Thiên Chúa sẽ không được tôn vinh nếu chúng ta tỏ lòng tôn kính Người bằng cách từ bỏ nghề nghiệp của con người, vốn là một nghề khó khăn. Dù sao thì đó cũng là một vị thần kỳ lạ ! Một Thiên Chúa sẽ vui mừng nếu chúng

ta từ bỏ hoàn toàn và đơn giản giữa tay Ngài ! Péguy để cho Ngài nói : những sự quỳ lạy của nô lệ, điều đó không có ý nghĩa gì với ta.

Một vài điểm suy ngẫm về tự do của Đức Kitô

1) Chúa Giêsu, tại Đền thờ, khi mười hai tuổi, để cha mẹ tìm kiếm Ngài trong ba ngày (Lc 2). Khi cha mẹ tìm thấy cậu, cậu nói với họ, một cách bình tĩnh : «Cha mẹ không biết rằng con phải lo việc của Cha con sao?» Tự do đối với gia đình, gia đình ở đây là dấu hiệu của sự quen thuộc. Phải tự do đối với tất cả những gì quen thuộc với chúng ta : các chân trời quen thuộc, các quan điểm quen thuộc, trang phục tôn giáo quen thuộc, ngôn ngữ phụng vụ quen thuộc, chính trị quen thuộc (trong gia đình tôi, nhưng điều đó hiển nhiên !, chúng tôi luôn đọc, Le Figaro; trong các môi trường khác, đó sẽ là L'Humanité !). Tin Mừng trong trạng thái thuần khiết chưa tồn tại, cần phải hướng tới. Một trong những anh em linh mục của tôi, người không thiếu khiếu hài hước, nói rằng, trong Dòng Tên, có 80% đức tính «thượng lưu» và 20% đức tính Tin Mừng...

Tự do là đồng ý với sự xa lạ, điều này rất khó khăn vì đó là sự nghèo khổ thực sự. Đó là điểm mà tự do và nghèo đói có nghĩa là hoàn toàn giống nhau. Đó là một thái độ cơ bản không bị nhầm lẫn với sự mất gốc. Có

những cái rễ ở đâu đó, đó là một phần của cuộc sống, của niềm vui sống. Lý tưởng là vừa có sự gắn bó (xã hội, địa lý thậm chí) vừa có sự đổi mới.

Khi hoàn toàn bị lạc lõng, thật là khủng khiếp. Hàng nghìn người cảm thấy lạc lõng với Giáo hội ngày nay và không chấp nhận sự lạc lõng vì họ là chủ sở hữu. Và đúng vậy ! một nữ tu sĩ là chủ sở hữu của bộ trang phục của mình, những người khác là chủ sở hữu của tiếng La-tinh phụng vụ, những người khác nữa là chủ sở hữu của một cách diễn đạt nhất định về các giáo điều. Chúng ta là chủ sở hữu và chúng ta rất coi trọng điều đó. Chúng ta tự cho rằng mình sở hữu sự thật, nhưng lại quên rằng chính sự thật, ngược lại, mới là thứ sở hữu chúng ta. Chúng ta từ chối sự thay đổi môi trường và không nhận ra rằng mình đang ở vị trí hoàn toàn đối lập với Tin Mừng.

2) Trước khi mặt trời mọc, Chúa Giêsu rời khỏi ngôi nhà nơi Ngài đã qua đêm (Mc 1, 35-39). Các tông đồ, khi họ thức dậy, bắt đầu tìm kiếm Ngài. Họ tìm thấy Ngài và nói : hãy trở về Capharnaum ; ở đó, Ngài sẽ ổn, mọi người đều biết Ngài, Ngài biết đấy, họ lắng nghe Ngài, Ngài có sẵn các khán giả ! Phải nhìn vào khuôn mặt của Chúa Giêsu, khuôn mặt của một người tự do : không chỉ có Capharnaum trên thế gian ; tôi phải đi

khắp miền Galilê; tôi sẽ không để mình bị chiếm hữu bởi một giai cấp xã hội, một chủng tộc, một bộ lạc, một giáo xứ, một quốc gia. Tôi tự do, sẵn sàng để thực hiện ý muốn của Cha tôi. Đó chính là tự do!

3) Một ngày sabbat, các tông đồ đói bụng (Mc 2, 23-28). Họ hái vài bông lúa mì, vò nát hạt và ăn. Nhưng những người Pharisiêu đang theo dõi họ tiến lại gần và nói với Chúa Giêsu : tại sao ông để các môn đồ của ông làm những điều không được phép làm vào ngày Sabbath ? Chúa Giêsu nhìn họ «bằng một ánh mắt sâu sắc và bao quát» và nói với họ : họ đói và các ông muốn tôi ngăn cản họ ăn sao ? Có, đúng là có một luật lệ, nhưng lòng bác ái đứng trước. Tự do của Chúa Kitô so với «người ta sẽ nói gì ?».

4) Chẳng bao lâu sau, một người có bàn tay bị khô từ lâu, đã xin Chúa Giê-su chữa lành (Mc 3, 1-6). Các người Pharisêu đang theo dõi : hãy chờ xem ! Liệu ông ta có dám chữa lành người đàn ông này vào ngày Sabbath không ? Phúc Âm ghi nhận rằng Chúa Giêsu nhìn họ với sự tức giận, rồi nói với người đàn ông : «Hãy giơ tay ra» và Ngài đã chữa lành cho ông. Ngay lập tức, những người Pharisêu ra ngoài và âm thầm bàn bạc về cách tốt nhất để giết chết Chúa Giê-su. Điều này, ngay từ đầu của Phúc Âm Thánh Máccô. Tự do của Chúa

Giê-su đối với câu hỏi «họ sẽ làm gì với tôi ?». Người ta sẽ làm gì tôi cũng được, tôi là một người tự do.

5) Cần phải nhắc đến cảnh Chúa Giêsu hóa bánh ra nhiều, nơi Ngài tự do trước vinh quang nhân loại (Mc 6, 30-46). Ngài có thể để người ta tôn vinh Ngài làm vua, điều đó sẽ rất dễ dàng. Thay vì vậy, Ngài ra lệnh cho các tông đồ lên thuyền và vượt qua bên kia hồ, rồi Ngài biến mất và đi cầu nguyện trên núi. Tự do khỏi vinh quang nhân loại, khỏi tất cả những áp lực khiến Ngài lệch lạc.

6) Chúng tôi thấy lại Ngài trong phiên tòa xét xử mình, Ngài im lặng. Có một câu được lặp đi lặp lại nhiều lần : Chúa Giêsu, Ngài thì im lặng (Mc 14, 61; 15, 5). Sự cao quý tối thượng của sự im lặng này. Đó là sự tự do của Chúa Giêsu đối với những người có quyền lực, những người có địa vị. Ngài tự do. Giáo hội có luôn tự do không ? Chắc chắn Giáo hội phải tự kiểm điểm lương tâm của mình. Chúng ta nên đọc lại Thư của thánh Giacôbê : chúng ta sẽ tìm thấy những điều hoàn toàn khủng khiếp về những gì phải là tự do Kitô giáo thực sự.

7) Cuối cùng, có hình ảnh của Chúa Kitô trên thập giá, khuôn mặt bị bao phủ bởi nước bọt, mồ hôi và máu, khuôn mặt của một người đàn ông tự do đã chọn cái

chết thay vì từ bỏ lý do sống của mình. Lý do sống của Ngài là để tiết lộ Thiên Chúa thật. Nếu Ngài đã tiết lộ một quyền năng thống trị, không ai có thể dẫn Ngài đến đồi Golgotha. Cuộc đời Ngài sẽ mạnh mẽ và được tôn vinh. Ngài có thể đã sống yên bình trong nhiều năm và đám đông sẽ không ngừng vỗ tay tán thưởng Ngài. Ngài đã tiết lộ Thiên Chúa chỉ là Tình Yêu và không thể mâu thuẫn với tất cả những hạnh phúc giả tạo mà con người tìm kiếm.

Bởi vì chúng ta không nên ảo tưởng, Kitô giáo mâu thuẫn với con người. Nó hoàn thiện và phát triển con người, nhưng bằng cách mâu thuẫn với họ. Nếu, tại Cana, nước được biến thành rượu (biểu tượng của lễ hội), thì tại Bữa Tiệc Ly, rượu sẽ được biến thành máu. Luôn luôn có hai cực : cực của nhân văn và tình yêu cuộc sống, và cực của sự cần thiết phải chết để gặp gỡ Thiên Chúa. Phúc Âm là sự biến đổi của khát vọng hạnh phúc. Nếu Kitô giáo của bạn không va chạm với những người xung quanh bạn, có lý do chính đáng để cho rằng nó không phải là chân thực và sâu sắc ; như P. H. Simon nói, Kitô giáo đã bị «khử caffein». Chúng ta không ngăn cản, trong thế giới hiện đại, con người quay cuồng trong các hoạt động kinh tế, xã hội và chính trị. Chúng ta phàn nàn, chúng ta nói rằng thế giới đang đi sai hướng và chúng ta không biết nó sẽ đi đâu. Ai

là người có lỗi ? Nếu ít nhất, những người Kitô hữu là Kitô hữu ! Chỉ có điều, vấn đề là cây thập tự. Khi người Kitô hữu làm những gì họ phải làm, khi họ tự do trong tự do của Đức Kitô, họ không tránh khỏi thập giá.

Tóm lại, Phúc Âm là sự mặc khải về «tự do giải phóng» của Thiên Chúa. Đó chính là định nghĩa của tình yêu. Yêu thương con người, đó là mong muốn họ tồn tại (theo nghĩa sâu sắc). Muốn người khác tồn tại, đó là công lý, vì vậy sự tôn trọng là cốt lõi của công lý. Nhưng người khác chỉ tồn tại khi họ tự do, vì chính qua tự do mà con người trở thành con người. Ngoài tự do, không có nhân loại thực sự. Cuối cùng, chúng ta chỉ có tự do để yêu, vì ở bất cứ đâu ngoài tình yêu, có sức mạnh thống trị áp bức và ngăn cản con người trở thành con người trọn vẹn. «Thiên Chúa là Tình Yêu» (1 Ga 4, 8) và «chúng ta được kêu gọi đến tự do» (Gl 5, 13) : khi hiểu được bản chất hoặc mối liên hệ mật thiết, chặt chẽ giữa tình yêu và tự do, ta thực sự hiểu được điều cốt lõi của đức tin.

CẦU NGUYỆN [88]

Đề cập đến một chủ đề như vậy, ngày nay, có thể xuất hiện như một sự nhượng bộ cho xu hướng. Tuy nhiên, không nên để việc cầu nguyện trở thành một trào lưu. Nhưng các bạn biết quy luật con lắc của lịch sử mà Bergson đã đưa ra, quy luật cuồng loạn kép : khi chúng ta đã điên cuồng theo một hướng, sau đó chúng ta sẽ điên cuồng theo hướng ngược lại.

Chúng ta đã biết đến thế hệ của sự cam kết, từ mà Emmanuel Mounier đã đưa vào thời thượng sau thế hệ bị chi phối bởi nhân cách của André Gide và mà chúng ta có thể gọi là thế hệ của sự nghiệp dư. Sự cam kết hoặc, nếu bạn thích, sự cống hiến phục vụ xã hội, tỏ ra thất vọng, dường như không hiệu quả ; nó đòi hỏi những phân tích khó khăn về mặt xã hội và chính trị ; tất cả các trung gian cần thiết để sự cam kết phục vụ thế giới hiệu quả đều đòi hỏi rất nhiều nỗ lực.

---

88 Bản thảo : ghi chú rải rác với tóm tắt một bài viết của Ph. Béguerie, «Truyền giáo hóa lời cầu nguyện». - Polycopies : Le Péage-de-Roussillon (14 tháng 11 năm 1968) ; Boulogne (21 tháng 10 năm 1969) ; Annecy (25 tháng 5 năm 1970) ; Belleville (12 tháng 10 năm 1975) ; Pau (27 tháng 10 năm 1975) ; Carcassonne (16 tháng 3 năm 1978).

Có vẻ như yêu cầu về sự cam kết hiện đang giảm bớt và có sự trở lại với việc cầu nguyện. Để sử dụng một số thuật ngữ nhất định, chúng ta đang dao động giữa chiều ngang và chiều dọc : sau một thế hệ đã quên đi một chút quá nhiều về chiều dọc, mối quan hệ với Chúa, chúng ta quay lại với điều đó. Chắc chắn không phải để phàn nàn về điều đó nhưng thật đáng tiếc khi tất cả những điều này diễn ra dưới dấu hiệu của sự dao động. Chúng ta cần phải chấp nhận cả chiều ngang và chiều dọc, chúng ta cần phải «sự mở rộng trong thời gian phải đi đôi với sự tập trung trong tinh thần».

Bởi vì cầu nguyện mà không có sự cam kết thì cũng không tốt hơn sự cam kết mà không có cầu nguyện. Không nên để thế hệ này, khi nhận ra tầm quan trọng của cầu nguyện, và chúng ta phải vui mừng về điều đó, lại quên đi những nhu cầu của sự cam kết, hành động, và nhiệm vụ con người.

Cầu nguyện thế nào ?

Liệu cuộc khủng hoảng hiện tại của Giáo hội có trải qua một sự hồi sinh huyền bí không ? Phải mong đợi điều đó, nhất là vì tất cả các cuộc khủng hoảng đã xuất hiện trong lịch sử của Giáo hội đều đã trải qua một sự

đổi mới thực sự huyền bí. Đó là trường hợp trong thời kỳ Phục hưng, đã có sự nở rộ kỳ diệu của chủ nghĩa thần bí thế kỷ XVII ở Pháp. Có thể chúng ta đang ở bờ vực của một trong những sự đổi mới đó. Tất cả vấn đề là nó phải thực sự chân thật và chúng ta sẽ nói ngay bây giờ về các điều kiện để nó trở thành như vậy.

Tôi xin nhấn mạnh ngay rằng cầu nguyện là một yếu tố thiết yếu của đời sống tâm linh nhưng nó không phải là toàn bộ đời sống tâm linh. Tâm linh có nghĩa là : với Chúa Thánh Thần. Cuộc sống tâm linh là cuộc sống bình thường nhưng được sống với Chúa Thánh Thần. Một số người nói : tôi có quá nhiều lo lắng và công việc đến nỗi tôi không có thời gian để có một đời sống tâm linh ! Hãy nói rằng bạn có quá nhiều việc phải làm đến nỗi không tìm thấy thời gian để cầu nguyện, nhưng đừng nói rằng hoạt động con người của bạn không liên quan đến đời sống tâm linh của bạn.

Thánh Gioan Thánh Giá thực sự nói với chúng ta rằng chúng ta sẽ được phán xét dựa trên tình yêu. Thế nhưng tình yêu, chúng ta sống trong việc hoàn thành nhiệm vụ của mình, dù đó là nhiệm vụ gia đình, giáo dục hay những cam kết đa dạng thuộc về công đoàn, xã hội, kinh tế hoặc chính trị, tóm lại là toàn bộ cuộc sống.

Ba hình thức cầu nguyện

Phúc Âm hoàn toàn rõ ràng về việc cầu nguyện. Tôi chỉ trích dẫn hai câu trong số nhiều lời của Chúa Kitô về việc cầu nguyện :

«Phải luôn cầu nguyện và không bao giờ ngừng cầu nguyện » (Lc 18, 1)

«Khi bạn cầu nguyện, hãy đóng cửa phòng của bạn và lui vào nơi bí mật» (Mt 6, 6)

Đó là cùng một Thánh Thần dẫn dắt vào hoang địa và tập hợp con người thành một cộng đồng anh em. Từ đầu đến cuối của Kinh Thánh, chúng ta nghe thấy vang lên, nếu tôi dám nói (như khi nghe thấy một chủ đề âm nhạc vang lên trong dàn nhạc giao hưởng) chủ đề của sa mạc. Nó có nghĩa là cô đơn, im lặng, tập trung, suy ngẫm và cũng là sự trần trụi bên trong, khô cằn, thiêu đốt, đói và khát Chúa. Và về cộng đồng anh em, Lễ Ngũ Tuần đủ để nói với chúng ta rằng Chúa Thánh Thần tập hợp con người ngược lại với Babel. Tháp Babel là sự phân tán của các dân tộc trong sự nhầm lẫn của các ngôn ngữ ; Lễ Ngũ Tuần là sự tập hợp của các dân tộc trong sự hiểu biết về các ngôn ngữ.

Các quy tắc tu sĩ lớn (thánh Augustin, thánh Benedict chẳng hạn) truyền thống đã phân biệt ba hình thức cầu nguyện :

- *Trước hết, Thánh Thể* là lời cầu nguyện toàn diện, lời cầu nguyện hoàn hảo, vì đó là sự mở rộng đến chúng ta của chính lời cầu nguyện của Chúa Kitô. Và, xung quanh bí tích Thánh Thể, Giờ Kinh Phụng Vụ như một vòng ngọc trai quý quanh một viên kim cương trung tâm. Các thầy tu, nữ tu, các tu sĩ và linh mục cầu nguyện bằng lời cầu nguyện phụng vụ chính thức là Giờ Kinh Phụng Vụ.

- *Lời cầu nguyện riêng tư hoặc bí mật*, người ta gọi là lời cầu nguyện thầm lặng, cuộc gặp gỡ trực tiếp hoặc trái tim đối diện với Chúa. Đó là lời cầu nguyện mà qua đó chúng ta tuân theo câu Kinh Thánh khuyên chúng ta «đóng cửa phòng lại và lui cầu nguyện trong bí mật». Rõ ràng rằng căn phòng là một biểu tượng. Căn phòng thực sự là căn phòng bên trong (như Claudel đã nói rất hay trong *La cantate à trois voix*). Đó là cầu nguyện với lương tâm trong bí mật của «trái tim» (từ này rất thường gặp trong Kinh Thánh không có nghĩa là cảm xúc mà là lương tâm).

- *Lời cầu nguyện thường xuyên*, lời cầu nguyện của mọi khoảnh khắc, lời cầu nguyện hòa quyện với công việc, hành động và mà ta thực hiện mà không hề biết rằng mình đang cầu nguyện. Hình thức cầu nguyện này phù hợp với lời của Chúa Giêsu : «Phải luôn cầu nguyện không ngừng.» Điều hiển nhiên là, nếu đó là lời cầu nguyện đúng nghĩa mà chúng ta phải ngừng công việc để quỳ xuống, thì chúng ta không thể nghiêm túc thực hiện mệnh lệnh của Phúc Âm. Chúa muốn nói với chúng ta rằng Thiên Chúa không bao giờ ngừng hiện diện trong cuộc sống của chúng ta, có thể là cách vô thức, có thể là cách bán ý thức. Lời cầu nguyện này có thể so sánh với trò chơi của đứa trẻ, biết rằng mẹ nó đang ở đó, rất gần và tuy nhiên không nhìn mẹ ; nó biết rằng mẹ nó ở đó theo cách mà nếu mẹ nó rời xa, nó sẽ nhận ra ngay lập tức.

Khó khăn của việc cầu nguyện bí mật

Một tinh thần dễ dãi nào đó khiến chúng ta thường xuyên bỏ qua hình thức thứ hai, lời cầu nguyện mà chúng ta ngắt quãng công việc, hoạt động thường ngày của mình, lời cầu nguyện bí mật hơi dài kéo dài trong vài phút. Tôi nói hơi dài vì tôi đang nói với đa số giáo dân, không phải là khuyến khích cho giáo dân sự dài dòng trong cầu nguyện mà là đặc trưng của các tu sĩ.

Chúng ta trung thành với bí tích Thánh Thể và tin rằng mình trung thành với «cầu nguyện liên tục» nhưng lại nghĩ rằng có thể bỏ qua thời gian cầu nguyện. Nguy cơ là Thánh Thể không được thấm nhuần thực sự, rằng phụng vụ diễn ra trước mắt chúng ta không trở thành một phụng vụ trong chúng ta. Cùng lúc đó, cộng đồng cầu nguyện sẽ có nguy cơ trở thành cộng đồng bề mặt, do đó là một cộng đồng mong manh. Đó là rủi ro mà hiện nay nhiều cộng đồng nhỏ, dù là của các nữ tu hay giáo dân, đang phải đối mặt mà không có một lời cầu nguyện sâu sắc thực sự.

Về phần cầu nguyện thường xuyên, nếu không có những gì người ta thường gọi là những thời điểm cầu nguyện mạnh mẽ, nó có nguy cơ bị suy giảm mà chúng ta không nhận ra. Cái nhìn về Chúa trong dòng chảy của cuộc sống ngày càng trở nên hiếm hoi và những quyết định mà chúng ta phải đưa ra (đó là điều cốt lõi của cuộc sống của chúng ta, vì đó là sự thực hành tự do của chúng ta và chúng ta xây dựng bản thể vĩnh cửu của mình qua những quyết định lớn nhỏ) không còn được đưa ra với Chúa và vì Chúa nữa mà là vì bản thân và cho bản thân.

Chúng ta biết từ kinh nghiệm rằng thật khó để nói một cách chân thành : Nước Chúa đến. Ngay cả trong các hoạt động hào phóng và tông đồ của chúng ta, trong khi nói bằng miệng : Nước Chúa trị đến, chúng ta thầm nghĩ : tôi sẽ làm cho Nước Chúa đến, hội đoàn của tôi sẽ làm cho Nước Chúa đến, phong trào Hành động Công giáo hoặc tâm linh mà tôi thuộc về làm cho Nước Ngài đến. Điều này gần giống với : Nước của tôi hãy đến ! Và nếu muốn tàn nhẫn đến cùng, người ta phải nói rằng, sâu thẳm trong chính mình, chúng ta nói với Chúa, mà không hề hay biết : hãy để vương quốc của tôi đến qua phương tiện vương quốc Ngài. Điều đó là sự suy đồi tối thượng, sự dối trá và đạo đức giả !

Tại sao chúng ta thường bỏ bê những cuộc trò chuyện riêng tư, những cuộc trò chuyện sâu sắc với Chúa một chút lâu ? Tôi nghĩ rằng đơn giản là vì điều đó làm chúng ta chán, làm chúng ta «phiền phức». Nói một cách cao quý hơn, chúng ta thích cống hiến cho người khác và cảm nhận niềm vui khi cống hiến. Đặc biệt nếu bạn còn trẻ, bạn thích cuộc sống sôi nổi và việc dừng lại, dù chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, để tĩnh tâm một chút, trở thành một loại khó khăn tâm lý. Cuộc sống là chuyển động, sáng kiến, nhận trách nhiệm ; cầu nguyện là nghỉ ngơi, bất động, chờ đợi, khuất phục. Đối với người yêu cuộc sống mãnh liệt và sống mãnh liệt,

cầu nguyện là một dạng cái chết và người ta luôn ghê tởm cái chết.

Trong số những lý do khiến nhiều người ngần ngại dành vài phút mỗi ngày cho việc cầu nguyện, cũng có sự nghi ngờ đối với trí tưởng tượng và cảm xúc : sự tôn thờ và lòng nhiệt thành, tất cả những điều đó có ý nghĩa gì ? Liệu một người đàn ông có thể yêu Chúa như yêu một người phụ nữ, không phải đó là một thứ hoàn toàn khác ? Liệu sự rung động nhạy cảm mà người ta cảm nhận trong một tình yêu con người có còn giá trị khi nói đến Chúa không ? Và nếu sự rung động của da không còn, liệu đó có còn là cầu nguyện không ?

Cũng có sự nghi ngờ đối với sự tự suy ngẫm : vào thời kỳ của phân tâm học, chúng ta cảnh giác với những hình thức ký sinh của sự suy ngẫm nội tâm. Đàn ông và phụ nữ, thanh niên và thiếu nữ, một chút quen thuộc với tâm lý học sâu sắc, có những phản đối nguyên tắc. Họ lo ngại về chủ nghĩa tự mãn và thật sự đúng là luôn có nguy cơ tự chiếu một hình ảnh của chính mình mà người ta gọi là Chúa. Người ta tin rằng mình đang đứng trước Chúa, nhưng thực ra là đứng trước chính mình và từ đó dễ dàng đưa ra cả yêu cầu lẫn câu trả lời. Người ta gọi là ý muốn của Chúa cái mà thực chất chỉ là ý muốn của chính mình.

Như Bonhoeffer, vị thần học gia Tin Lành vĩ đại mà bọn phát xít đã treo cổ vào năm 1945 và có ảnh hưởng lớn ở Đức và Pháp, đã nói : «Chúng ta tự nói chuyện thân mật với chính mình.»

Lời cầu nguyện xin ơn cũng gây ra những vấn đề cho con người hiện đại. Phải chăng lời kêu gọi của tạo vật đối với Thiên Chúa cuối cùng chỉ là một thủ đoạn ngoan đạo nhằm an ủi con người về mặt tâm lý ? Chúng ta nên đề cập đến đây, nhưng đó sẽ là một phát triển quá dài, rủi ro vĩnh viễn của sự nhầm lẫn giữa tâm lý và tâm linh, giữa cuộc sống nội tâm là cuộc sống với chính mình (một người yêu có cuộc sống nội tâm, một triết gia có cuộc sống nội tâm) và cuộc sống tâm linh là cuộc sống với Chúa Thánh Thần. Cha Montcheuil đã viết : «Con người có phải được nhậm lời chỉ đơn giản vì họ được nâng cao không ?» Sự nâng cao của người đàn ông cầu nguyện có phải là sự đáp ứng thực sự cho lời cầu nguyện của anh ta không ?

Rủi ro của một lời cầu nguyện ngoại giáo

Lời cầu nguyện không phải là một hiện tượng, một thái độ đặc trưng riêng của Kitô giáo. Những người «ngoại đạo», tức là những người không phải là Kitô

hữu, đã cầu nguyện rất nhiều. Và cũng như cần phải truyền giáo cho sự cam kết, cũng cần phải truyền giáo cho lời cầu nguyện, vì lời cầu nguyện không tự động mang tính truyền giáo.

Người ta phân biệt giữa đức tin và tôn giáo. Chắc chắn rằng người ta đã lạm dụng nhiều về sự phân biệt này có nguồn gốc từ đạo Tin Lành, nhưng đó không phải là lý do để tuyên bố nó sai. Tôn giáo và đức tin có liên quan nhưng chúng vẫn khác biệt. Tôn giáo là một hành động có nguồn gốc từ con người, đức tin là sự tham gia vào một sáng kiến của Chúa. Tôn giáo là một thực tế văn hóa, người ta có thể nghĩ rằng nó đã luôn tồn tại. Đã hàng triệu năm kể từ khi loài người bắt đầu xuất hiện trên trái đất trong khi chúng ta chỉ cách Abraham chưa đầy bốn nghìn năm.

Câu hỏi đặt ra là liệu trong suốt hàng nghìn năm qua, con người có phải là một loài động vật tôn giáo, theo cách nói của Aristotle. Marx đã phủ nhận điều đó và cho rằng tôn giáo chỉ xuất hiện trên trái đất khi có sự bóc lột của con người đối với con người, và ông rút ra kết luận rằng, khi sự bóc lột của con người đối với con người biến mất trong xã hội không giai cấp, trong sự ra đời của những ngày mai tươi sáng, tôn giáo sẽ không còn bất kỳ lý do gì để tồn tại. Tôi tin rằng hầu hết các

nhà Marxist không trung thành với Karl Marx về điểm này và rằng các trí thức Marxist hiện nay đã từ bỏ luận thuyết này và nghĩ, như chúng tôi, rằng tôn giáo đã luôn tồn tại trong nhân loại.

Tôn giáo là một thực tế văn hóa, một thực tế nhân văn. Tôi nói rõ : tôn giáo, cảm xúc tôn giáo, trong chừng mực nó là thứ gì đó khác với đức tin và trong chừng mực nó có thể được xem xét độc lập với đức tin. Đó là một thực tế đáp ứng một số nhu cầu của con người, chủ yếu là hai loại nhu cầu [89].

Nhu cầu về an ninh và ổn định

Con người bị ném vào thế giới rất nhanh chóng nhận ra rằng sự tồn tại của mình là mong manh, dễ vỡ, bị đe dọa. Điều gì là đe dọa ? Rõ ràng đó là tương lai. Chúng ta không biết điều gì có thể xảy ra : nạn đói, sấm sét, bệnh tật, tai nạn, cái chết. Ngày nay, chúng ta, những người tự cho mình là văn minh và tiến bộ, vẫn còn di chứng của tư duy nguyên thủy này và chúng ta nói về «thời kỳ tốt đẹp xưa» hoặc chúng ta nói : không biết tương lai sẽ mang lại điều gì. Tương lai là điều đáng lo ngại, quá khứ là điều an tâm. Người nguyên thủy tưởng tượng rằng vào đầu, đã có một thời kỳ hoàng

89 Cf. P. Ganne, Được mời gọi tự do, Cerf, 1974, tr. 46, «Dossiers libres».

kim. Huyền thoại về thời kỳ hoàng kim là hoàn toàn phổ quát. Lý tưởng vì vậy nằm sau lưng chúng ta, điều ác nằm trong sự thay đổi, mọi thứ lẽ ra phải giữ nguyên. Tôn giáo là thứ gắn liền với cái bất biến, tức là với quá khứ nguyên thủy nơi mọi thứ được cho là thuần khiết.

Chúng ta đang chạm đến một điểm cực kỳ quan trọng là sự can thiệp không thể tránh khỏi giữa chính trị và tôn giáo. Thật vậy, quyền lực đã được thiết lập, bất kể là chế độ quân chủ, dân chủ, độc tài, không quan trọng, mà rõ ràng là muốn duy trì quyền lực và sợ thay đổi, không thể kiểm soát được lương tâm của con người. Nó ban hành một đạo luật nhưng chính quyền chính trị không thể buộc con người phải có nghĩa vụ lương tâm để tuân thủ đạo luật đó. Ông không có quyền can thiệp vào cái gọi là lương tâm nội tâm. Vì vậy, ông luôn có xu hướng kêu gọi các linh mục, những người sẽ thường là trợ thủ của ông trong việc bảo vệ sự ổn định của thời điểm đó và sẽ có trách nhiệm tuân theo các luật lệ do Nhà nước ban hành. Đến nỗi các linh mục sẽ trở thành những trợ thủ tự nhiên của một chính sách bảo thủ (xem Ai Cập của các Pharaoh, các nền văn minh của Hy Lạp và La Mã, v.v.).

Từ đó, có sự cám dỗ thường trực đối với tất cả các giáo sĩ trên thế giới là thoái lui về một chức tư tế ngoại

giáo. Tôn giáo yêu cầu linh mục, yêu cầu nhân danh Thiên Chúa điều mà quyền lực hiện tại không thể yêu cầu ngoài danh nghĩa của luật pháp. Người linh mục sẽ đe dọa bằng hình phạt vĩnh cửu nơi mà quyền lực hiện tại chỉ có thể đe dọa bằng nhà tù hoặc biên bản xử phạt. Tạ ơn Chúa, giáo sĩ biết rằng người phải chống lại cám dỗ. Nếu người không biết điều đó, thì người được giáo dục kém, người còn trẻ con và điều đó, thật đáng tiếc ! cũng xảy ra.

Một thái độ như vậy dẫn đến sự tưởng tượng sai lầm, cũng nguy hiểm nhất có thể, về một vị thần thuộc về quá khứ, một vị thần mà theo một cách nào đó, là đồng thời với thời kỳ hoàng kim. Người ta kêu gọi ông ấy để duy trì hiện trạng và để tương lai không trở nên đe dọa, tương lai gắn liền với những thay đổi mà chúng ta lo sợ.

Nhu cầu trừ khử nỗi sợ hãi về thần thánh

Để tránh những hiểu lầm, tôi xin nhắc lại rằng tôi không nói ở đây về đức tin Kitô giáo mà về tôn giáo như một hiện tượng phổ quát. Nhu cầu thứ hai của con người dẫn đến sự ra đời của tôn giáo là nhu cầu trừ khử nỗi sợ hãi mà chúng ta cảm thấy một cách tự phát trước thần thánh, một thần thánh mà chúng ta không biết rõ nó là gì. Có phải mặt trời là Chúa không ? Sấm sét ? Hay Chúa có ở sau mặt trời hay sấm sét ? Chúng

ta không biết chắc. Điều chắc chắn là chủ nghĩa ngoại giáo đã tôn thờ mọi thứ, đã thánh hóa tất cả các vật thể trong tự nhiên : có những con bò thiêng, những con rắn thiêng, những cái cây thiêng, những viên đá thiêng. Người ngoại giáo tưởng tượng một cách tự phát về một quyền lực tối cao nằm ở phía sau các hiện tượng tự nhiên trong một loại thế giới bên kia. Điều mà Nietzsche gọi trong tác phẩm *Phê phán tôn giáo* của ông : một «thế giới phía sau».

Một mặt, cảm giác tôn giáo sinh ra một vị thần của quá khứ, và mặt khác, một vị thần mà chúng ta sẽ đặt vào một thế giới bên kia, một sức mạnh mà chúng ta phụ thuộc vào, mà chúng ta có thể làm hài lòng nhưng cũng có thể làm tức giận. Chính sức mạnh này làm cho mặt trời tỏa sáng và mưa rơi xuống, nhưng cũng chính sức mạnh này gây ra bão và sấm sét. Vì vậy, cần phải làm cho nó trở nên thuận lợi, hòa hợp với nó.

Đó có thể là hình ảnh biếm họa của lời cầu nguyện, một lời cầu nguyện thực sự ngoại giáo, mặc dù, mặt khác, người ta vẫn tự cho mình là Kitô hữu. Để làm cho thần thánh hài lòng và hòa giải với thần, người ta sử dụng những lời cầu nguyện (mà thần thánh thích) và những hy sinh (sẽ có tác dụng làm dịu đi thần thánh toàn năng). Tôn giáo do đó được trình bày như một hệ

thống các nghi lễ và quy tắc mà người ta thực hiện để làm vừa lòng thần thánh. Những nghi lễ và các quy tắc này một cách tự nhiên trở thành thói quen và người ta coi những thói quen này là thiêng liêng. Chúng ta sẽ thánh hóa thói quen ! Đó sẽ là tôn giáo ở trạng thái thuần khiết, tức là không có đức tin.

Việc sử dụng Thiên Chúa

Một khối lượng lớn văn học từ Marx, Nietzsche và Freud đã khai thác chủ đề tôn giáo này, dẫn đến một vị thần của quá khứ và thế giới bên kia hoặc thế giới phía sau, và, trên thực tế, đến các nghi lễ và nghi thức: những bức tranh biếm họa của cầu nguyện rõ ràng, mà phải nói rằng chúng chỉ sụp đổ nếu chúng ta có khả năng làm sụp đổ những bức tranh biếm họa của Chúa. Có một sự tương đồng giữa những bức biếm họa về Chúa và những bức biếm họa về cầu nguyện, và rõ ràng là, trong các nhóm Kitô hữu hiện đại của chúng ta, vẫn còn nhiều di sản của chủ nghĩa ngoại giáo.

Một trong những hình ảnh biếm họa thô thiển nhưng cũng tinh tế nhất về Chúa, đó là phù thủy tối thượng, Chúa được coi là hữu ích cho việc thỏa mãn nhu cầu của chúng ta, toàn năng mà chúng ta cầu khẩn khi buộc phải thừa nhận sự bất lực của mình. Lời cầu nguyện lúc đó trở thành một lời cầu nguyện hữu ích gửi đến một

vị thần được coi là hữu ích, như một đối tượng tiêu thụ tinh thần, như nhà cung cấp cho những nhu cầu của chúng ta.

Nếu chúng ta muốn là những Kitô hữu chân chính, chúng ta phải đến mức tin rằng Thiên Chúa hoàn toàn vô dụng. Chỉ từ một vị thần mà chúng ta không cần đến, chúng ta mới có thể đạt được một sự thờ phượng thật sự miễn phí. Tình yêu là miễn phí hoặc không có. Tất cả những gì chúng ta đưa vào tình yêu để làm cho nó hữu ích đều dẫn đến cái chết của tình yêu và do đó là cái chết của Kitô giáo.

Tôi chỉ có thể bắt đầu ở đây một sự phân biệt hoàn toàn thiết yếu giữa nhu cầu và mong muốn. Bạn có cần Thiên Chúa hay bạn mong muốn Thiên Chúa ? Tất cả đều ở đó. Chúng ta cần cho bản thân, nhưng khao khát là muốn người khác vì chính họ chứ không phải vì bản thân mình. Cha Denis Vasse viết trong cuốn sách *Thời gian của khát vọng* : «Lời cầu nguyện không trải nghiệm sự không cần thiết của Thiên Chúa thì mang màu sắc của giấc mơ... Cầu nguyện, không phải là 'cần' hay 'không cần', mà là đạt được một ý thức ngày càng sống động rằng chúng ta có thể khao khát ai đó vì chính họ, yêu họ, trong đúng mức độ mà chúng ta không cần họ, nơi mà chúng ta không thể tiêu thụ hoặc biết đến

họ. Cầu nguyện, đó là tiết lộ rằng con người có thể khao khát điều không thể [90].» Nhu cầu có thể được thỏa mãn, nhưng ham muốn thì không bao giờ. Mong muốn người khác vì chính họ (đó chính là định nghĩa của tình yêu), là bắt đầu một quá trình chỉ có thể làm tăng thêm mong muốn.

Chúng ta, những Kitô hữu, phải đối thoại với thế giới vô thần xung quanh chúng ta. Những câu hỏi này là vô cùng quan trọng trong cuộc đối thoại hiện đại này, nơi chúng ta không nên trở thành «hội những người vắng mặt» mà Jean Guéhenno đã từng nói đến. Vì vậy, chúng ta cần chấm dứt với một vị thần biếm họa, vị thần sửa chữa vũ trụ, vị thần thay thế sẽ tiếp quản khi chúng ta đã đến giới hạn của mình. Lưu ý rằng vị thần đó đang tiến gần đến con số không. Khi y học còn rất yếu như thời Molière, người ta nhanh chóng cầu nguyện đến Chúa. Với sự tiến bộ của khoa học, phải mất rất nhiều thời gian trước khi người ta yêu cầu Chúa can thiệp. Đó là lý do tại sao vị thần được coi như người sửa chữa vạn năng này, vị thần giả mạo này, đang tiến gần đến con số không. Tôi không nói rằng nó sẽ đạt đến giới hạn bằng không, tôi nói rằng nó đang tiến gần đến giới hạn đó theo nghĩa là nó theo một cách nào đó tỷ lệ nghịch với sự tiến bộ của khoa học.

90 D. Vasse, Thời gian của khát vọng, Seuil, 1969, tr. 30 và 34.

Tại sao cầu nguyện ? Những nền tảng của sự cần thiết phải cầu nguyện

Từ đó, chúng ta không thể nghi ngờ về lời cầu nguyện đúng nghĩa Tin Mừng, nó là hoàn toàn cần thiết. Đó là lời cầu nguyện giúp chúng ta đạt đến mức độ tự do cao nhất và cuộc sống của chúng ta có giá trị tương ứng với sự tự do của nó, sự tự do của tình yêu. Rõ ràng là chúng ta phải cầu nguyện, tức là lời nói về Chúa, bài diễn thuyết thần học, phải dẫn đến một lời nói với Chúa. Chắc chắn không có lời nói với Chúa nếu không biết Chúa nào đang được nói đến, mọi lời nói với Chúa đều bao hàm một lời nói về Chúa, tức là một bài giáo lý và sự hiểu biết về một giáo thuyết. Nhưng điều cốt yếu nhất, cuối cùng, chính là lời cầu nguyện với Thiên Chúa. Tôi sẽ liệt kê cho bạn một số nền tảng sâu sắc nhất về sự cần thiết phải cầu nguyện một chút lâu dài nhưng mỗi nền tảng đều tự nó đã đủ.

Chính Chúa cầu nguyện với chúng ta

Lời cầu nguyện của con người là một phản hồi lời cầu nguyện của Chúa. Chỉ nên nói về các điều răn và thậm chí cả ý muốn của Thiên Chúa với nhiều thận trọng. Xa lạ với tôi ý định xóa bỏ những từ ngữ truyền thống mà chính Chúa Giê-su đã sử dụng, nhưng chúng ta phải

hiểu đúng nghĩa của chúng. Đây không phải là ý chí mệnh lệnh. Trong một môi trường nơi mọi người yêu thương nhau, như trong một gia đình chẳng hạn, chúng ta không ra lệnh cho nhau, không đưa ra mệnh lệnh cho nhau, chúng ta cầu xin lẫn nhau, thể hiện một mong muốn và nói : «Bạn có muốn không ?» hoặc «Tôi cầu xin bạn» hoặc «Bạn sẽ mang lại niềm vui cho tôi nếu bạn thực hiện mong muốn của tôi». Cá nhân tôi thích nói đến việc thực hiện ước muốn của Thiên Chúa, vì tôi rất lo sợ rằng người ta sẽ gán cho Thiên Chúa một quyền lực nào đó và một tinh thần độc tài mà những từ ngữ hiểu lầm về ý chí hoặc mệnh lệnh của Thiên Chúa có thể gợi ý. Lưu ý rằng từ «yêu cầu» xuất phát từ tiếng La-tinh mandatum, là nguồn gốc của từ «khuyến nghị». Các điều răn của Thiên Chúa chỉ ra ngưỡng bên dưới đó không có tình yêu.

Như Jean Lacroix đã nói, trong câu mà tôi rất thích trích dẫn : «Yêu là hứa và tự hứa với bản thân rằng sẽ không bao giờ sử dụng sức mạnh đối với người mình yêu.» Các phương tiện của quyền lực rất đa dạng trong tình yêu con người, từ sự quyến rũ hoàn toàn vô tội đến sự cưỡng hiếp ghê tởm, với tất cả các hình thức sử dụng quyền lực nằm giữa hai thái cực đó.

Chúa là Đấng Toàn Năng nhưng quyền năng của Ngài được cấu thành bởi việc từ chối sử dụng quyền năng, đó là sự mặc khải vĩ đại của Chúa Giê-su Ki-tô. Chính tình yêu là sức mạnh ; tuy nhiên, sức mạnh của tình yêu chính là từ bỏ sức mạnh. Người từ bỏ quyền lực không ra lệnh, họ cầu nguyện. Chúa cầu nguyện cho chúng ta.

Cuộc sống với Chúa là một cuộc trao đổi cầu nguyện: nó là, từ cả hai phía, sự biểu hiện của một khao khát. Chúa nói với chúng ta về ước muốn của Ngài là thấy chúng ta trở thành những con người trọn vẹn, thấy chúng ta đạt được mức độ tồn tại cao nhất có thể, với phẩm chất tồn tại thuần khiết nhất. Điều tồi tệ nhất trong một cuộc đời con người là trở nên tầm thường mà không nhận ra. Chúa không nói với chúng ta điều gì khác ngoài một điều : hãy thoát khỏi sự tầm thường của bạn, đừng tự hạ thấp mình, hãy đạt đến mức độ cao nhất của con người ! Đó là điều Ngài mong muốn và đó là toàn bộ Tin Mừng. Ngược lại, chúng ta bày tỏ mong muốn của mình rằng Ngài được tôn vinh và sự thánh hóa của chúng ta là vinh quang và niềm vui của Ngài. Thánh Phaolô nói với chúng ta rằng chúng ta phải bắt chước Thiên Chúa, đây là một điểm mà chúng ta không thể miễn trừ việc bắt chước Thiên Chúa, Đấng luôn cầu nguyện trước mặt con người.

Chúa là một «bạn» (tu) không bao giờ có thể trở thành một «anh ta» (il)

Gabriel Marcel đã viết : «Chúa là một Bạn không bao giờ có thể trở thành một Anh Ta, một Bạn không bao giờ có thể trở thành một Nó.» Khi chúng ta nói về Chúa bằng cách nói Ngài hoặc Anh ta, thì không còn nói về Chúa nữa mà về một vật thể. Chúng ta nói về một vật thể nhưng Chúa không phải là một vật thể theo bất kỳ cách nào, Ngài là một chủ thể. Chúa không thể là bổ ngữ của một động từ, nếu không thì đó chỉ là một bức tranh biếm họa về Chúa. Mặt khác, Chúa không bao giờ vắng mặt : người ta nói «Ngài» hoặc «Ngài ấy» khi nói về một người vắng mặt ; khi ai đó có mặt, người ta không nói «Ngài» mà nói «Bạn».

Bạn với Chúa (hoặc Ngài, không quan trọng ; điều quan trọng là đó phải là ngôi thứ hai) là điều chúng tôi gọi là gốc rễ của lời cầu nguyện. Ở đời này, mọi thứ đều là đối thoại. Có cuộc đối thoại với chính mình mà chúng ta gọi là suy nghĩ ; có cuộc đối thoại với các sự vật hoặc sự kiện mà chúng ta gọi là hành động; có cuộc đối thoại với người khác mà chúng ta gọi là tình bạn, tình hữu nghị hoặc tình yêu và có cuộc đối thoại với Chúa mà chúng ta gọi là cầu nguyện.

Nhưng cuộc đối thoại này với Chúa không được thêm vào các cuộc đối thoại khác, không nằm ngoài chúng, vì Chúa không phải là một thực thể được thêm vào các thực thể khác. Như các triết gia đã nói, Thiên Chúa không nằm trong số lượng với các thụ tạo : không có chúng ta ở đây, sáu hay bảy trăm người, và rồi Thiên Chúa ở trên cao. Đó là bí ẩn của Ngài : Ngài là một khác và Ngài không phải là một khác. Ngài là chính tôi hơn cả chính tôi, Ngài nằm trong mọi cuộc đối thoại mà tôi duy trì với chính mình, với mọi thứ hoặc với người khác. Như Claudel đã nói khi dịch thánh Augustin (intimior intimo meo), Chúa ở trong tôi hơn cả chính tôi.

Chúa không phải là một bên thứ ba, tôi gần như dám nói là một bên thứ ba cạnh tranh, như một số người vô thần tưởng tượng, họ từ chối Chúa chính vì Chúa là một bên thứ ba. Một nhân vật trong tiểu thuyết lớn của Dostoïevsky mang tên *Những kẻ bị ruồng bỏ* đã tự sát vì không thể chịu đựng được cái nhìn của Chúa, cái nhìn đã xâm phạm anh ta. Đó là lý do tại sao việc nói về cái nhìn của Chúa là nguy hiểm, đó không phải là một cái nhìn quan sát, càng không phải là một cái nhìn giám sát («con mắt trong mồ và nhìn Ca-in») !

Chú ý đến một số câu nói được sử dụng với trẻ em: bố mẹ bạn không nhìn thấy bạn nhưng có một người luôn nhìn thấy bạn, đó là Chúa. Kinh khủng ! Có lý do để tự sát ! Jean-Paul Sartre, trong một cuốn sách tự truyện nhỏ, *Những lời nói*, đã thú nhận rằng ông cũng đã từng có ý định tự tử vì trong thời thơ ấu rất thanh giáo của mình, trong môi trường của người Schweitzer, ở Alsace, ông đã chơi với diêm và đốt cháy một tấm thảm; ông đã cố gắng che giấu thiệt hại rồi tự nhủ : mẹ sẽ không thấy tôi nhưng có Chúa thấy tôi. Ông đã chạy trốn, nhốt mình trong phòng tắm, và đã nghĩ rằng mình sẽ phát điên khi nghĩ : lương tâm của tôi bị xâm phạm, liên tục bị xâm phạm bởi ánh mắt của Chúa. Đó là lúc anh ta bắt đầu mất niềm tin.

Chúa không nhìn chúng ta. Bạn vẫn không muốn chúng ta là một màn trình diễn cho Chúa. Phải tiêu diệt tất cả những tưởng tượng đó vì hậu quả của chúng thật khủng khiếp. Con người là một màn trình diễn cho Chúa? Thôi nào ! Tôi không hề muốn trở thành một trò hề cho bạn và tôi không muốn trở thành một trò hề cho bất kỳ ai, ngay cả khi người đó là Chúa, tôi từ chối vì danh dự của mình. Tạ ơn Chúa, Chúa mà Chúa Giêsu Kitô đã mặc khải cho chúng ta không phải là một vị thần chỉ nhìn chúng ta mà là một vị thần ôm chặt chúng ta và đó là điều hoàn toàn khác biệt.

Lời cầu nguyện là sự trao đổi tâm tình giữa Thiên Chúa và con người

Khải huyền là sự tâm sự của Thiên Chúa với con người (đó cũng là cách mà người ta có thể định nghĩa Kinh Thánh) ; lời cầu nguyện, ngược lại, là sự tâm sự của con người với Thiên Chúa. Mạc Khải liên quan đến nhịp đập của trái tim Thiên Chúa : trái tim Thiên Chúa đập như thế nào ? Chúa là ai ? Cuộc sống của Ngài ra sao ? Bí mật của Ngài ? Đó là một bí ẩn, cũng như theo một nghĩa nào đó tôi là một bí ẩn đối với bạn.

Nếu tôi yêu bạn, tôi sẽ tiết lộ cho bạn những điều sâu thẳm trong tâm hồn tôi, nhưng tôi chỉ tiết lộ điều đó nếu tôi yêu bạn. Không có sự tâm sự nào mà không có tình yêu (tôi sẽ không nói với một người lạ trên đường rằng tôi sẽ kể cho anh ta nghe toàn bộ cuộc đời tôi) và ngược lại, không có tình yêu nào mà không có sự tâm sự (tôi không thể tưởng tượng được một chàng trai nói với cô gái rằng tôi yêu em nhưng em sẽ không biết gì về tôi). Không có gì cảm động hơn, ngoài việc chuyển từ tình bạn sang tình yêu, điều này diễn ra chính xác qua việc trao đổi những bí mật ; và, vượt qua tình bạn, trong tình yêu, sự tin tưởng được làm sâu sắc đến mức trong suốt.

Trước sự tin tưởng của Thiên Chúa, con người đáp lại bằng cách đặt niềm tin vào Thiên Chúa từ sâu thẳm trong tâm hồn mình, tin tưởng cho tin tưởng, trao đổi những điều thầm kín. Lời cầu nguyện không chỉ là sự đọc thuộc lòng các công thức mà là cuộc gặp gỡ trái tim với Thiên Chúa. Chúng ta bày tỏ với Ngài cuộc sống của chúng ta với những ước muốn, những khó khăn, những lo âu, những niềm vui của nó. Thái độ thực sự của một đứa trẻ của Chúa là thái độ của sự tin tưởng. Chắc chắn chúng ta không dạy cho Chúa điều gì ; Ngài biết chúng ta là ai. Không phải là dạy cho Ngài điều gì mà là ở trong một thái độ chân thật sâu sắc, thái độ của những người con trai và con gái của Thiên Chúa đang trong quá trình thần thánh hóa. Vì vậy, thái độ của chúng ta nên là thái độ con cái, tức là thái độ tin cậy.

Không có tình yêu thầm lặng. Lời cầu nguyện là biểu hiện của tình yêu như, ở thế gian này, sự tin cậy là biểu hiện của tình yêu. Và nếu bạn nói với tôi rằng hai người yêu nhau có thể im lặng với nhau trong một thời gian dài, tôi sẽ nói rằng trong trường hợp này, sự câm lặng là phẩm chất tối thượng của lời nói. Không có gì mà không có sự biểu đạt, những gì không được biểu đạt sẽ suy tàn và cuối cùng không còn tồn tại nữa. Lời cầu nguyện là sự biểu hiện của đức tin.

Lời cầu nguyện là đón nhận hồng ân Chúa

Nếu tình yêu vừa là sự chào đón vừa là món quà, chúng ta không chỉ nên là những người cho đi mà còn và trước hết là những người chào đón. Chúng ta chạm đến điều gì đó cụ thể của Kitô giáo ở đây, có lẽ. Nhiều người không theo đạo Thiên Chúa cũng cho đi rất nhiều, không thể nghi ngờ lòng hào phóng chân thành của một số lớn trong số họ. Ở cấp độ này, không có thống kê, tốt hơn là không nên thiết lập vì không chắc rằng những người Kitô hữu sẽ được chứng minh là những người hào phóng nhất. Chỉ có người Kitô hữu tiếp nhận từ Thiên Chúa những gì họ sẽ trao cho nhân loại sau đó. Điều làm nên người Kitô hữu chính là sức mạnh tiếp nhận của họ. Chúng ta đón nhận ân huệ của Thiên Chúa và chúng ta trao cho anh em tình yêu mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta để có thể trao đi.

Cha H. de Lubac viết : «Mọi hoạt động xứng đáng được gọi là Kitô giáo đều diễn ra trên nền tảng của sự thụ động.» Ngài không sợ từ thụ động, có lẽ chúng ta có thể thay thế nó bằng từ tiếp nhận, tôi không nghĩ rằng những người đương đại của chúng ta lại nghi ngờ về từ vựng của sự tiếp nhận.

Yêu không chỉ là cho đi, mà còn là đón nhận. Lời cầu nguyện là sự đón nhận nụ hôn thiêng liêng. Nụ hôn là một biểu tượng tuyệt vời. Chính trong nụ hôn, ta thấy được sự tương hỗ, trong tình yêu con người, của sự chào đón và cho đi. Một bài thánh ca nói: hãy mở rộng miệng ngươi ra và ta sẽ lấp đầy. Tôi chào đón hơi thở của bạn trong tôi và tôi đổ hơi thở của tôi vào bạn. Sự trao đổi hơi thở với sự tương hỗ của việc tiếp nhận và cho đi có nghĩa là sự trao đổi sâu sắc của các linh hồn. Điều này càng đúng hơn khi cùng một từ Latin (anima) có nghĩa là hơi thở và linh hồn. Đó là lý do tại sao không nên biến tướng nụ hôn, điều vốn rất tuyệt vời.

Lời cầu nguyện đồng hành với nhận thức về những gì Thiên Chúa là và làm trong cuộc sống của chúng ta

Trong cuộc sống của chúng ta, chúng ta dần dần nhận thức được một số điều. Khi còn trẻ, chẳng hạn, chúng ta có nhận thức cực kỳ yếu về tình yêu của cha mẹ; và, đột nhiên, nhờ một lời nói hoặc một hoàn cảnh nào đó, chúng ta nhận ra điều đó một cách rõ ràng và mãnh liệt hơn.

Khi nói đến Chúa, phần lớn thời gian chúng ta có một nhận thức rất yếu kém và đó là lý do tại sao chúng ta cầu nguyện quá ít và quá kém. Lời cầu nguyện nên phát sinh một cách tự nhiên ngay khi, vào những dịp này

hay dịp khác, chúng ta nhận thức được những gì Thiên Chúa là và làm trong cuộc sống của chúng ta.

Nhận thức rằng Thiên Chúa, trong mỗi hành động tự do của chúng ta, mang lại một chiều kích thần thánh cho hoạt động nhân văn của chúng ta. Một hoạt động chỉ thực sự mang tính nhân văn khi nó có khả năng nhân hóa. Nhiệm vụ của chúng ta, bất kể hình thức nào nó mang, là xây dựng một thế giới nhân văn. Con người không tồn tại, chỉ có một phác thảo của nhân loại, chúng ta phải làm cho con người tồn tại. Chỉ có một Người, đó là Chúa Giêsu Kitô. Chúng ta, tất cả đều đang trong quá trình nhân hóa và chúng ta trở nên ngày càng nhân bản hơn khi chúng ta thực hiện các hành động tự do, khi chúng ta đưa ra các quyết định nhân hóa, những quyết định đi theo hướng của công lý, tình yêu, tình huynh đệ và tự do. Về điều này, mọi người đều đồng ý.

Nhưng điều mà chúng tôi, những người Kitô hữu, tin tưởng là Thiên Chúa ở bên trong những quyết định này và Ngài xem xét chúng để ban cho chúng một chiều kích thực sự thần thánh, để hoạt động nhân văn của chúng ta không chỉ là nhân loại mà còn là nhân-thần. Nếu một người đàn ông đã kết hôn quyết định lừa dối vợ mình, Chúa Kitô không thể tham gia vào quyết định này. Nếu ngược lại, anh ta quyết định dũng cảm thúc đẩy nhiều

hơn nữa công lý trong doanh nghiệp của mình, thì Chúa Kitô tham gia vào quyết định này ; đó không chỉ là một quyết định của con người, mà là một quyết định của con người-thần thánh.

Đó là từng quyết định của chúng ta từng phút từng giờ, từng ngày, vì Chúa ở trong đó, xây dựng cái mà chúng ta gọi là cuộc sống vĩnh cửu. Đó là điều tôi sẽ gọi là điều kiện Kitô giáo, khi nghĩ đến cuốn sách của André Malraux, *Thân phận con người*. Bạn có nhận thức được điều kiện Kitô giáo của mình không ? Nếu vậy, làm thế nào bạn muốn lời cầu nguyện không tự phát sinh ra : Chúa ơi, vâng, Chúa ơi, cảm ơn ! Lời cầu nguyện, ở cội rễ của nó, đồng thời với một nhận thức nghiêm túc về sự hiện diện tích cực và thần thánh hóa của Cha, của Chúa Kitô phục sinh và của Thánh Thần trong tự do của tôi.

Chúng ta có thể phân biệt bốn hình thức cầu nguyện (người ta từng nói đến thờ phượng, thánh thể, đền tội và cầu xin) được diễn đạt bằng bốn từ :

- *Xin vâng*, sự đồng ý với Chúa là sự thờ phượng. Người Hồi giáo thờ phượng bằng cách cúi đầu dưới sự siêu việt của Chúa. Chúng ta có thể làm điều đó, chắc chắn rồi (tại sao không ?). nhưng, đối với chúng tôi, đầu tiên thờ phượng là đón nhận nụ hôn thần thánh, đồng ý

với nụ hôn của Chúa, nụ hôn thánh hóa. Có thể từ «tôn thờ» (adoration) xuất phát từ tiếng Latinh «os, oris» có nghĩa là miệng. Thờ phượng là hôn môi, là lời đồng ý với Chúa.

- *Cảm ơn* : thánh thể hay lễ tạ ơn. Làm sao không nói lời cảm ơn Chúa khi chúng ta nhận thức được cách Ngài biến đổi toàn bộ cuộc sống của chúng ta, khi chúng ta nhận thức được cách Ngài mang lại cho cuộc sống của chúng ta một chiều kích không thể so sánh với tất cả những gì chúng ta có thể tưởng tượng và hình dung ? Chúng ta không thể tưởng tượng rằng khi là người thụ hưởng một ân huệ to lớn, chẳng hạn như một khoản tiền lớn được cho để chúng ta có thể ra khỏi tù, mà chúng ta lại không nói lời cảm ơn đến người đã dành tất cả tài sản của mình để chúng ta trở thành những người tự do. Đó là một hình ảnh không hoàn hảo về những gì Thiên Chúa là và làm cho chúng ta.

- *Xin lỗi* : khi tôi đưa ra những quyết định phi nhân tính, vì tôi là kẻ tội lỗi, bạn muốn Chúa Kitô làm gì, vì Ngài không thể thần thánh hóa chúng và bạn muốn gì, khi tôi nhận ra điều đó, tôi không xin lỗi Chúa sao ? Đó là điều chúng ta gọi là ăn năn.

- *Cho đi* : đó là lời cầu nguyện xin, theo Tin Mừng, chúng ta phải cầu xin Chúa ban cho chúng ta Thánh Thần, tức là sự gia tăng của tình yêu thương, sự hiện diện mạnh mẽ hơn trong chúng ta của Đấng mà, trong Ba Ngôi, như các nhà thần học nói, là tình yêu bản thể.

Chúng ta có thể cầu xin Thiên Chúa những tài sản vật chất không ? Vâng, đúng vậy, Giáo hội khuyến khích điều đó. Bởi vì nếu tôi kiêng khem không bày tỏ với Chúa những gì tôi mong muốn một cách nhân bản (sức khỏe, thành công, không bị phản bội trong một tình yêu mà tôi trân trọng, v.v.), tôi không coi Ngài như một Cha. Những yêu cầu vật chất có nghĩa là chúng ta đặt mình vào một thái độ con cái tiếp nhận đối với Chúa.

Nhưng tất cả những yêu cầu này chỉ là dấu hiệu của một yêu cầu sâu sắc hơn nhiều, đó là được bao trùm bởi Thiên Chúa, được Ngài biến đổi. Chỉ có nhu cầu này là luôn được đáp ứng, giống như phổi của chúng ta luôn được đáp ứng khi chúng ta thở. Càng tiến bộ trong đời sống tâm linh, lời cầu nguyện của chúng ta càng trở nên đơn giản hơn, chỉ là xin Chúa những gì Ngài muốn ban cho chúng ta, tức là một sự gia tăng tình yêu. Tin Mừng nói rõ về điều này : «Cha trên trời sẽ ban Thánh Thần cho những ai cầu xin Người» (Lc 11, 13). Cha của chúng ta ban cho chúng ta Thánh Thần, miễn là chúng

ta chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận Ngài.

Lời cầu nguyện là bài tập sự miễn phí

Chúng ta sẽ không bao giờ nhấn mạnh quá mức về sự khẩn cấp của miễn phí. Nó là một tên gọi khác của tình yêu và chúng ta đang sống trong một thế kỷ mà hầu như không có gì là miễn phí. Có nghệ thuật, điều đó đúng, nhưng chính nghệ thuật cũng đang bị thương mại hóa, chúng ta biết điều đó qua điện ảnh chẳng hạn. Chúng ta thực sự bị nô lệ hóa bởi cái hữu ích. Người Kitô hữu nên có nhiệm vụ mở ra trong xã hội một không gian miễn phí.

Tại sao cầu nguyện ? Vì không có lý do gì cả, chỉ đơn giản vì Chúa là Chúa. Và nếu ý muốn của Chúa là tôi đạt được sự miễn phí thuần khiết nhất, tôi thực hiện sự miễn phí này bằng cách cắt đứt dòng chảy của hoạt động con người và dâng cho Chúa thời gian, một thời gian mà chính nó là nền tảng trên đó tất cả các hoạt động của tôi được dệt nên (thời gian là điều cơ bản nhất trong sự tồn tại của con người).

Tôi cắt điện, tắt đèn và nói với Chúa : tôi cho Ngài thời gian vì cuối cùng tôi không thể cho Ngài điều gì khác. Và tôi dành cho Ngài một chút thời gian như người phụ nữ tội lỗi trong Kinh Thánh, người đã có thể rót vài giọt

nước hoa lên chân Chúa Giêsu nhưng đã làm vỡ bình ; tôi cũng làm vỡ bình, miễn phí, không vì lý do gì cả. Ở đó, không còn lý do nào để phản đối việc cầu nguyện : điều đó không nói lên điều gì với bạn sao ? không có gì với bạn ! thôi kệ ! hãy cho thời gian. Nhưng tôi không có gì để nói với Chúa ! Đừng nói gì với Ngài, hãy cho Ngài thời gian. Đó là một cái chết thực sự, cái chết ngắn ngủi nhưng kinh nghiệm cho thấy chúng ta từ chối chết, dù chỉ là vài phút mỗi ngày.

Emmanuel Mounier (Chúa biết ông có phải là một người hoạt động hay không, ông đã chết ở tuổi năm mươi vì quá nhiều hoạt động) đã viết : «Rút lui khỏi sự náo động không phải là điều dễ dàng. Người nào, khi đi sâu vào bản thân, không dừng lại ở sự bình yên của những nơi trú ẩn đầu tiên mà quyết tâm dẫn dắt cuộc phiêu lưu đến cùng, sẽ nhanh chóng bị đẩy ra xa khỏi mọi nơi trú ẩn. Các nghệ sĩ, nhà huyền bí, triết gia đôi khi đã trải qua trải nghiệm toàn diện này đến mức bị nghiền nát, mà người ta gọi một cách kỳ lạ là 'nội tâm', vì họ bị ném vào bốn phương của vũ trụ.» Lời cầu nguyện đưa chúng ta vào sự cam kết phục vụ anh em của chúng ta nhưng cuối cùng để đạt được điều gì ? Để họ được trở về với sự nội tâm thực sự. Tại sao tất cả mọi người phải được ăn no, có chỗ ở đàng hoàng, không phải lo lắng về cuối tháng ? Đó là để họ có thể

thực sự là những con người, tức là bước vào bên trong chính mình, cư trú trong chiều sâu của bản thân, và có khả năng, đến lượt mình, cho đi một cách chân thành, trở thành những người cho đi thực sự.

Một nỗ lực thanh lọc trí tuệ là cần thiết trong thời đại ngày nay ở cấp độ đức tin (không còn khả thi cho các Kitô hữu giữ lại sự ngây thơ), nhưng nỗ lực này phải được kèm theo một sự sâu sắc trải nghiệm trong cầu nguyện, nếu không đức tin sẽ bị đe dọa. «Đức tin của một cá nhân có thể là, hoặc tự cho là, sáng suốt và thuần khiết, nhưng đồng thời lại yếu đuối, trừu tượng theo nghĩa nào đó, thoáng qua, mất sinh khí, không thể khuấy động một chút bụi nào.» Đó là vì đức tin không phải là một sự đồng ý nào đó đối với các giá trị hay chân lý mà là sự gắn bó cá nhân với Thiên Chúa sống động » (Cha H. de Lubac).

Cũng là điều bình thường khi những gì có tính chất tình cảm trong lời cầu nguyện được thanh lọc, vì trong cảm xúc, luôn có điều gì đó cho bản thân. Nếu muốn thực sự rằng lời cầu nguyện là Đấng Khác mà mình mong muốn, thì phải đồng ý từ bỏ mọi cảm xúc. Điều này cực kỳ khó khăn, các nhà thần bí thì biết rõ điều đó, họ đều đã trải nghiệm Thiên Chúa như một sa mạc và lời cầu nguyện như một trạm dừng chân im lặng trong

sa mạc. Cuối cùng, Chúa chỉ thực sự là Chúa đối với chúng ta khi Ngài không được cảm nhận. Bởi vì mỗi khi Thiên Chúa được cảm nhận, những gì chúng ta coi là Thiên Chúa chỉ là một cảm xúc về Thiên Chúa. Đức tin là điều khác với cảm xúc tôn giáo! Thánh Teresa Avila đã nói: những người phụ nữ nhỏ bé như tôi cần cảm xúc để cầu nguyện, điều đó có thể hiểu được; nhưng khi tôi thấy những người đàn ông trưởng thành chỉ cầu nguyện khi họ muốn cầu nguyện, thật sự, điều đó làm tôi tức giận! Đó là sự chân thật của lời cầu nguyện.

Tôi kết thúc bằng lời cầu nguyện đáng ngưỡng mộ mà Soljenitsyne đã sáng tác vào ngày ông nhận giải Nobel :

«*Thật dễ dàng để sống với Ngài, Lạy Chúa,*
Thật dễ dàng để con tin vào Ngài !
Khi, trong sự bối rối, tâm trí con lẩn tránh hoặc khuất phục,
Khi những người thông minh nhất không nhìn thấy xa hơn tối nay
Và không biết phải làm gì vào ngày mai,
Ngài, Ngài truyền cho con sự chắc chắn bình yên rằng Ngài hiện hữu
Và Ngài đảm bảo rằng tất cả các con đường của điều thiện không bị đóng lại.

Trên đỉnh vinh quang trần thế,
Con ngạc nhiên nhìn con đường này qua sự tuyệt vọng,
Con đường này nơi con cũng có thể, ngay cả con, gửi đi
cho nhân loại một phản chiếu của những tia sáng của Ngài.
Tất cả những gì con cần phải phản ánh thêm,
Ngài sẽ cho phép con.
Và tất cả những gì con không thể phản ánh,
Điều đó có nghĩa Ngài đã giao nó cho người khác.»

(ICI, 15 tháng 12 năm 1970.)

ĐÁNH BẠI ĐIỀU ÁC VÀ NỖI KHỔ [91]

Tôi tiếp cận cái mà người ta gọi là vấn đề của điều ác và nỗi khổ đau với sự e dè vì, cũng như việc dễ dàng thảo luận khi bản thân không chịu đựng nỗi đau, thì khi đứng trước ai đó đang đau khổ, ta chỉ nên tiếp cận vấn đề này bằng đôi tay của một y tá, tức là với rất nhiều sự tinh tế. Không có gì xúc phạm hơn đối với một người đang chịu đựng hoặc là nạn nhân của điều ác hơn là cung cấp cho họ, với một giọng điệu sắc bén hoặc tự tin, những giải pháp không phải là giải pháp. Tuy nhiên, chúng ta không thể loại bỏ câu hỏi này, vì tiếc thay ! nó đã tồn tại và nó đã tồn tại từ khi có con người trên trái đất.

Điều gì là vấn đề, đó là điều cần một giải pháp. Tôi tự hỏi liệu có giải pháp nào cho điều ác và nỗi khổ. Thay vì nói về vấn đề, tôi sẽ nói về sự bê bối vì trước hết đó là một sự bê bối và chúng ta sẽ cố gắng xem làm thế nào

---

91 Bản thảo một văn bản dường như là một phần của loạt bài viết vào năm 1971-1972. - Polycopies Lyon : «Ý nghĩa của nỗi khổ đau» (1 tháng 3 năm 1971) ; Annecy: «Vấn đề của nỗi khổ đau» (11 tháng 3 năm 1971) ; Péage-de-Roussillon : «Điều ác» (27 tháng 10 năm 1971) ; Pau (cuộc tranh luận ngày 8 tháng 4 năm 1974) ; Montauban : «Bí ẩn của điều ác và nỗi khổ đau» (13 tháng 2 năm 1975) ; Carcassonne : «Điều ác và nỗi khổ đau» (23 tháng 2 năm 1978).

chúng ta có thể biến sự bê bối thành bí ẩn.

Ô nhục của điều ác...

Dưới hai hình thức của nó, đau khổ và tội lỗi, điều ác là điều va chạm với ý chí sâu thẳm nhất của chúng ta, lương tâm của chúng ta. Nó là điều mà chúng ta không thể hiểu (vì vậy không có giải pháp) cũng như không thể yêu (vì vậy nó là một sự ô nhục). Vấn đề trở nên đặc biệt cấp bách đối với người Kitô hữu. Bởi vì là một Kitô hữu có nghĩa là chúng ta không phải là những người theo thuyết nhị nguyên, chúng ta không tin rằng có một nguyên tắc vĩnh cửu của cái Ác đối diện với một nguyên tắc vĩnh cửu của cái Thiện là Thiên Chúa. Chúng tôi khẳng định rằng Chúa là Đấng sáng tạo ra mọi thứ tồn tại, tuy nhiên chúng tôi không thể nói rằng Ngài là Đấng sáng tạo ra điều ác vì điều đó chỉ làm tăng thêm sự phẫn nộ. Một vị thần như vậy sẽ là gì ?

Mặt khác, chúng tôi khẳng định rằng Chúa chỉ là Tình Yêu, trong Ngài không thể có gì khác ngoài tình yêu. Bao nhiêu lần tôi đã liều lĩnh nói với những người không tin : điều cốt lõi của đức tin Kitô giáo là khẳng định rằng Thiên Chúa là tình yêu. Bạn có biết câu trả lời mà tôi đã nhận được không : «Điều đó không thấy

rõ !» Đó là lý do tại sao chúng ta phải rất thận trọng và không khẳng định rằng Chúa là tình yêu, như khẳng định rằng hai cộng hai bằng bốn hoặc tổng các góc của một tam giác bằng hai góc vuông. «Nếu Chúa tồn tại và nếu Chúa là tình yêu, thì những điều như vậy sẽ không xảy ra: chiến tranh, tra tấn, bệnh tật, dịch bệnh, phản bội tình cảm, tang tóc, v.v.»

Chúng ta hiểu rằng, từ xưa đến nay, sự tồn tại của điều ác đã được viện dẫn như một lập luận chống lại sự tồn tại của Chúa. Nếu có điều ác và nỗi khổ, thì không thể có Chúa. Người ta hiểu rằng, từ xưa đến nay, các nhà tư tưởng cũng đã cố gắng biện minh cho Chúa, làm cho Ngài vô tội, cố gắng chứng minh rằng Chúa không thể làm khác đi, như thể phải biện hộ cho Chúa để tuyên bố Ngài vô tội trước mọi điều ác và mọi nỗi khổ đau trong thế giới này.

BA BÀI BIỆN HỘ ĐỂ MINH CHỨNG CHO THIÊN CHÚA

Theo ý tôi, tất cả những nỗ lực này để minh oan cho Chúa đều không thành công và đó là lý do tại sao tôi muốn khuyên bạn nên cẩn trọng khi sử dụng những lập luận này.

1) Điều ác sẽ là bóng của cái thiện

Cần phải tích hợp điều ác vào một kế hoạch hoặc một thực hiện rộng lớn hơn, nơi nó đóng vai trò là phương tiện hoặc điều kiện cần thiết cho một điều tốt đẹp hơn. Cũng như trong một bức tranh của Rembrandt, những bóng tối là cần thiết cho sự hài hòa của toàn bộ, ánh sáng sẽ không đẹp nếu không có bóng tối, tương tự, so với vẻ đẹp của thế giới, điều ác và nỗi khổ đau là cần thiết để làm nổi bật cái thiện. Hãy nói điều đó với một người đang đau khổ ! Tuy nhiên, lập luận này đã được phát triển bởi những triết gia vĩ đại như thánh Augustin, thánh Thomas Aquinas, Descartes. Ông viết: «Điều mà có thể, có lẽ với một lý do nào đó, có vẻ rất không hoàn hảo nếu nó đứng một mình... lại rất hoàn hảo nếu nó được xem như một phần của vũ trụ.»

Leibniz, người đã phát triển ý tưởng này đến mức tối đa, nghĩ rằng «điều ác không còn là điều ác nếu nó là một khoảnh khắc cần thiết trong sự tiến bộ». Staline cũng không nói khác, Hitler cũng vậy. Đối với ông ta, việc tiêu diệt sáu triệu người Do Thái là một điều kiện của sự tiến bộ của nhân loại, cũng như đối với Stalin, việc thanh trừng tất cả những ai chống đối chế độ của ông ta. Người ta nói rằng điều ác mất đi bản chất của nó ngay khi được đặt trong bối cảnh phát triển toàn diện :

nỗi đau khổ không còn là gì khác ngoài một cuộc khủng hoảng phát triển ; chiến tranh là sự sinh nở của lịch sử; sự hy sinh của các thế hệ hiện tại cho phép tiếp cận với xã hội tương lai.

Người Kitô hữu phải từ chối lập luận như vậy, vì họ đứng về phía chủ thể, người chịu đựng và trải qua bất công. Và ông ta nghĩ rằng một sự biện minh như vậy cho điều ác không chỉ nông cạn mà còn bất công, và vì vậy, nếu nó bất công, thì nó cũng là một điều ác. Đó không phải là xóa bỏ điều ác, mà là thêm điều ác vào điều ác. Có những lập luận không chỉ không hiệu quả mà còn xấu về mặt đạo đức và thực sự gây sốc. Một triết lý như vậy chỉ có thể tồn tại nếu ta coi thường cá nhân, con người, con người cụ thể. Tôi phản đối : chính con người mới tồn tại.

Berdiaeff đã đúng khi viết : «Ý tưởng về trật tự và hòa hợp của thế giới có giá trị gì và liệu nó có thể bao giờ biện minh cho sự bất công của những đau khổ của con người không ?» Người là trung tâm của Kitô giáo. Chúng ta nhấn mạnh rất nhiều vào cộng đồng hiện nay và chúng ta đúng. Nhưng cộng đồng có nghĩa là cộng đồng của những người và các cộng đồng cuối cùng tồn tại vì lợi ích của con người. Mỗi con người đều là đối tượng của tình yêu vô hạn từ Chúa. Nó không thể là

một điều kiện cho cái gì khác, một phương tiện cho vẻ đẹp của thế giới. Làm sao chúng ta không cảm thấy khó chịu khi thấy Leibniz hy sinh Giuđa vì sự hài hòa của thế giới ? Trong một quan điểm Kitô giáo, vinh quang của Thiên Chúa không thể được dùng để biện minh cho sự đau khổ hoặc cái ác của một sinh linh có ý thức duy nhất.

Sự thật thì ngược lại, trong lời nói của Ivan Karamazov, trong tiểu thuyết của Dostoïevski : «Dù cho nhà máy vĩ đại của vũ trụ mang lại những điều kỳ diệu phi thường nhất và chỉ phải trả giá bằng một giọt nước mắt của một đứa trẻ, tôi cũng từ chối.» Người Kitô giáo phản đối ý tưởng rằng, trong tư tưởng thần thánh, một thế hệ có thể bị hạ thấp xuống thành một phương tiện đơn giản để thực hiện nhân loại tương lai. Mỗi khoảnh khắc của thời gian đều quan trọng như nhau trong mắt Chúa. Sự giàu có và tiến bộ của tương lai không thể bù đắp cho những đau khổ mà con người đã phải chịu đựng.

Về chủ đề này, người ta thêu dệt. Người ta nói rằng về mặt thể chất, đau đớn là một cảnh báo hữu ích và về mặt tinh thần, thử thách đặc biệt là sự thanh tẩy. Có lẽ điều đó không hoàn toàn sai ! Nỗi đau có thể sinh ra một cú nhảy vọt của lòng dũng cảm, chính lỗi lầm cũng có thể sinh ra một sự cải chính. Nhiều tiểu thuyết của Mauriac

được xây dựng trên ý tưởng rằng con người phải sa xuống rất thấp trong tội lỗi để có thể phục hồi và mở lòng ra với sự thật và công lý. Người ta đã muốn thấy trong đau khổ, và thậm chí trong tội lỗi, một phương tiện được Thiên Chúa sử dụng cho lợi ích của chính các tạo vật của Ngài. Người ta thậm chí còn nói rằng đau khổ là dấu hiệu của sự ưu ái thần thánh và chúng ta đều đã nghe câu nói (không khôn ngoan ngoài đức tin !) : «Thiên Chúa thử thách những ai Ngài yêu thương.» Tôi thú thật rằng tôi bị cám dỗ để trả lời một cách tự phát : «Cầu mong Chúa đừng yêu tôi quá nhiều !»

Chắc chắn có điều gì đó đúng trong những câu thơ nổi tiếng của Alfred de Musset :

«Con người là một học trò, nỗi đau là thầy của anh ta
Và không ai biết mình cho đến khi họ chưa đau khổ.

Nhưng điều đó chứng minh gì ? Nếu đau đớn là một cảnh báo, chúng ta vẫn có thể hỏi như Max Scheler : liệu những tín hiệu này có cần phải đau đớn không ? Tại sao chúng phải đau đớn ? Có thể có những tiếng chuông báo động không gây đau đớn, có thể có những người thầy khác ngoài nỗi đau để con người thực sự trưởng thành.

Người ta vẫn nói : Chúa chắc chắn không muốn điều xấu nhưng Ngài cho phép nó xảy ra. Bạn nghĩ gì về sự phân biệt này ? Tôi đặt nhiều dấu hỏi, các bạn không cần phải nghĩ giống như tôi, các bạn có thể cho rằng những bài biện hộ này là hiệu quả, nhưng tôi để bạn vật lộn với những người đang đau khổ hoặc với những linh hồn đang đòi hỏi. Bạn có nghĩ rằng sự phân biệt giữa ý muốn chính thức của Chúa và sự cho phép của Chúa là hợp lý không ? Điều gì cho phép chúng ta nói về một loại cần thiết áp đặt lên chính Thiên Chúa như thể Thiên Chúa không thể làm khác đi ? Đừng quên rằng toàn năng của Chúa là sức mạnh của tình yêu. Chúa không thể phá hủy, nghiền nát, thống trị, Ngài chỉ có thể làm những gì mà tình yêu có thể. Vậy có phải tình yêu yêu cầu rằng Thiên Chúa cho phép sự đau khổ ? Có thể, nhưng chúng ta chỉ có thể nói điều đó nếu chúng ta thực sự đứng ở đỉnh cao của Kitô giáo.

Trong tất cả những nỗ lực này để minh oan cho Chúa hoặc để giải quyết vấn đề của cái ác, mục đích là làm cho những gì gây sốc hoặc phẫn nộ lương tâm của chúng ta trở nên chấp nhận được đối với Chúa. Thật sự là hơi quá đáng ! Một vị thần chấp nhận cái ác chỉ là một thần tượng. Một lương tâm từ chối cái ác thì cao quý hơn một vị thần dung túng cái ác.

2) Nỗi đau khổ sẽ là hình phạt

Đây là một chủ đề rất cổ xưa mà chúng ta tìm thấy trong một số đoạn của Cựu Ước. Chúng ta đều biết những câu nói phổ biến : sau tất cả, bạn xứng đáng với điều đó ! bạn bị phạt nơi bạn đã phạm tội ! Con người sẽ chịu khổ vì anh ta phạm tội.

Các phản đối cũng rất cổ xưa. Rất nhanh chóng, chúng ta nhận ra rằng cái ác và nỗi khổ không hề được phân bổ theo công trạng của mỗi người trong mắt chúng ta. Malebranche, linh mục thế kỷ XVII, viết : «Mặt trời mọc lên một cách không phân biệt trên cả người tốt và kẻ xấu, nó thường thiêu đốt đất đai của những người lương thiện, trong khi làm cho đất đai của kẻ vô đạo trở nên màu mỡ. Con người không phải khổ sở tỷ lệ thuận với tội ác của họ.» Do đó, nếu nói về công lý, chỉ có thể là một công lý thần thánh hoàn toàn khác với của chúng ta. Chúng ta có nguy cơ gán cho nó những gì mình muốn và làm mất đi mọi ý nghĩa của nó. Hơn nữa, người ta làm cho cuộc nổi dậy của lương tâm trở nên khó hiểu hoặc ảo tưởng. Thật tốt, thật lành mạnh khi lương tâm của chúng ta bị phẫn nộ bởi cái ác và nỗi khổ.

Trước một quan niệm như vậy, người ta luôn dấy lên một cuộc phản đối nhân danh nỗi đau khổ của đứa trẻ vô tội và người đàn ông công chính. Thật là sốc khi khẳng định rằng những đau khổ của đứa trẻ là xứng đáng. Trong tác phẩm *Bệnh Dịch Hạch* của Camus, ta thấy một bác sĩ vô thần từ chối những lập luận mà một linh mục Dòng Tên đưa ra.

Trong sách Gióp, bạn có cả luận thuyết về bất hạnh-trừng phạt, mà bạn bè của Gióp tin tưởng, và lời tuyên bố luôn được Gióp nhắc lại về sự vô tội của mình. Chắc chắn rằng Chúa không đứng về phía những người an ủi Job. Những người bạn của Job đã đưa ra những lời an ủi mà hoàn toàn không hiệu quả và thậm chí còn xúc phạm đến nỗi đau của ông.

Đó luôn là cùng một sự kiêu ngạo của con người khi muốn thay thế Chúa. Thật vậy, không có gì khó chịu hơn việc tự cho mình là có thể đọc được trong những bất hạnh cá nhân hoặc tập thể, phán xét của Chúa. Điều đó giả định một quan niệm sai lầm về sự Quan Phòng. Khi tôi còn nhỏ, người ta nói về một người đàn ông trở về sau khi lừa dối vợ mình và bị tai nạn đường sắt: A ! đó là sự công bằng nội tại của Chúa, đó là hình phạt, anh ta xứng đáng nhận ! Tôi không có phản ứng nhanh nhạy, nhưng sau này, tôi đã tự hỏi : những tai nạn

đường bộ hoặc đường sắt trên đường trở về từ một cuộc hành hương đến Lộ Đức, có phải là công lý thần thánh không? Thôi nào, sự Quan Phòng không nằm trong phanh của chiếc xe hơi hay đầu máy không hoạt động. Thật dễ dàng để nói bất cứ điều gì và làm cho Chúa can thiệp vào câu chuyện một cách tùy tiện.

Đây là một trận lở đất phá hủy một số ngôi nhà, nơi mọi người đều chết dưới đống đổ nát, ngoại trừ một gia đình. Họ là người Kitô hữu, người cha nói với vợ và các con của mình: nếu các bạn muốn, chúng ta sẽ quỳ xuống để cảm ơn Chúa đã bảo vệ chúng ta. Hả ! Ông ấy đã bảo vệ các bạn, và ông ấy không bảo vệ những người khác sao ? Đó là tự mãn khi cho rằng mình có thể giải mã ý định của Chúa thay cho Ngài. Tôi tin tưởng rất mạnh mẽ vào sự Quan Phòng : nó không nằm ở cấp độ của các sự kiện mà ở cấp độ của những lương tâm (trừ khi có phép lạ, điều này rất hiếm khi xảy ra !). Chúa can thiệp vào lịch sử chắc chắn, nhưng để ban cho nó một chiều kích thần thánh. Ngài thần thánh hóa những hành động nhân loại hóa của chúng ta !

Những biện hộ này, trong nỗ lực biện minh cho Thiên Chúa khỏi cái ác, cuối cùng luôn dẫn đến việc biện minh cho chính cái ác, điều này có nghĩa là cái ác cuối cùng trở thành một điều tốt. Điều ác được biện minh không

còn là điều ác nữa, vì điều ác chính là cái «không thể biện minh», như J. Nabert đã viết [92]. Chúng ta không thể biện minh cho cái ác mà không va chạm với lương tâm.

3) Cái ác sẽ gắn liền với tự do của con người

Đây là điều nghiêm túc hơn : người ta nói rằng không phải Chúa, mà là tự do của con người chịu trách nhiệm về cái ác. Khẳng định rằng cái ác sinh ra từ tự do của chúng ta dường như vừa minh oan cho Chúa vừa thoát khỏi những mâu thuẫn khi cố gắng biện minh cho cái ác. Khẳng định này là đúng nhưng không đủ.

Tự do của thụ tạo dẫn đến khả năng lạm dụng tự do đó, do đó khả năng của cái ác đạo đức và, trong số nhiều hậu quả phát sinh từ đó, đặc biệt là nỗi khổ đau. Thật đúng là trong nhiều trường hợp, con người là tác giả của những đau khổ của chính mình. Xóa bỏ lòng ích kỷ của con người : không thể phủ nhận rằng một phần lớn của nỗi khổ đau trên thế giới sẽ không còn tồn tại. Chúng ta thậm chí cần đẩy mạnh việc tìm kiếm này đến mức tối đa để liên kết mọi hình thức của cái ác (chiến tranh, bất công xã hội, v.v.) với trách nhiệm của con người. Trong mức độ nào, chúng ta, người Pháp, có trách nhiệm về tất cả những gì đã xảy ra ở Campuchia,

92 J. NABERT, Bài luận về sự ác, PUF, 1955.

về tất cả những cuộc tra tấn đang diễn ra ở Argentina và Chile ?

Điều này khá khó nói nhưng tôi chắc chắn rằng chúng ta đều có trách nhiệm vì chúng ta đều đoàn kết với nhau. Có một ý nghĩa sâu sắc trong khái niệm về trách nhiệm vượt ra ngoài hành động cá nhân của chúng ta và liên kết ý chí xấu của chúng ta với sự thiếu hụt trong trật tự của tình yêu. Chủ nghĩa vị kỷ của chúng ta chịu trách nhiệm cho nhiều điều. Max Scheler viết : «Kẻ ác có phải là kẻ ác nếu tôi đã yêu thương hắn đủ ? [93]» Không thể phủ nhận rằng hầu hết các gangster đều là những người không được yêu thương. Tôi luôn nghĩ về người phụ nữ trẻ hai mươi hai tuổi đã nói với tôi rằng mẹ cô ấy chưa bao giờ hôn cô ấy !

Tuy nhiên, thật khó để gắn tất cả các hình thức của cái ác với tự do của con người. Có phải vì tôi lạm dụng tự do của mình mà có sóng thần, phun trào núi lửa, bão tố, dịch bệnh ? Tuy nhiên, thật khó để khẳng định rằng tất cả những thảm họa này tồn tại chỉ vì tội lỗi. Khi tôi còn nhỏ, tôi tự hỏi tại sao lại có muỗi và người ta trả lời tôi : nhóc con, đó là vì con người là kẻ tội lỗi ! Tôi không thấy mối liên hệ nào giữa tội lỗi của con người và con vật kêu vo ve này làm mất ngủ...

---

93 M. Scheler, Con người oán giận, tr. 73.

Ngay cả khi mọi điều xấu xa và đau khổ đều bắt nguồn từ một quá trình tự do cổ xưa của con người, điều này cũng không xóa bỏ được sự đau khổ cho một ý thức đau khổ mà không phải do chính mình gây ra. Sau cùng, tôi không phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của Adam và Giáo hội công nhận điều đó. Tội lỗi không được sử dụng theo cùng một nghĩa nếu đó là tội lỗi nguyên tổ hay nếu đó là tội lỗi hiện tại mà tôi phạm phải. Vấn đề lại nảy sinh : còn lại là phải biết tại sao con người lại sử dụng tự do của mình một cách tồi tệ và sức mạnh xấu xa nào hoặc khuynh hướng nào khiến ý chí thường xuyên muốn làm điều ác. Dường như chỉ có sự hữu hạn của thụ tạo, sự không hoàn hảo của nó, không đủ để giải thích tần suất và cường độ của tất cả những thất bại của ý chí mà được gọi là tội lỗi hoặc tội ác.

Mọi nỗ lực biện minh hoặc giải thích cho cái ác đều thất bại. Lương tâm tiếp tục phản đối. Trong tất cả những lập luận này, lương tâm lên án điều gì đó hoàn toàn không đủ, nếu không muốn nói là vô nghĩa.

... có thể trở thành một bí ẩn của sự thanh tẩy

Cuộc phản đối của chúng ta có thể chứa đựng một bài học, liệu nó có thể dẫn chúng ta đến việc có một thái

độ khác đối với vấn đề của cái ác không ? Thay vì tìm kiếm sự biện minh cho cái ác trong Thiên Chúa bằng mọi giá, liệu chúng ta không nên khám phá Thiên Chúa ngay trong chính sự phản kháng và nỗ lực của chúng ta để xóa bỏ cái ác hoặc ít nhất là vượt qua nó sao ? «Thiên Chúa hiện ra trong giọt nước mắt của đứa trẻ đang đau khổ chứ không phải trong trật tự thế giới biện minh cho giọt nước mắt đó» (Berdiaeff) [94].

Người Kitô hữu, tôi thậm chí sẽ nói là nhà triết học, được mời quay lưng lại với một lời giải thích về cái ác mà chỉ có thể là vô ích và không đủ để hướng tới thái độ cụ thể mà con người phải có đối mặt với cái ác. Phải từ bỏ hoàn toàn việc tìm kiếm một lời giải thích, một chức năng, một mục đích cho cái ác và nỗi khổ. Ngay cả trong lòng đức tin, cũng không có lời giải thích nào cho cái ác. Tội nguyên tổ hoàn toàn không phải là một lời giải thích về nguồn gốc của cái ác. Đức tin không phải để giải thích mọi thứ (đó là nhiệm vụ của khoa học hoặc triết học). Chúa không giải thích vấn đề của cái ác, Ngài không phải là một giáo viên sẽ cho chúng ta những câu trả lời của giáo viên cho những câu hỏi mà chúng ta đặt ra với Ngài. Ngài không trả lời sự tò mò trí thức của chúng ta. Cái ác không phải để được hiểu mà để bị tiêu diệt.

94 Berdiaeff, Nô lệ và tự do của con người, tr. 96.

Cái ác là vô nghĩa, nỗi đau là vô lý. Không thể tìm thấy ý nghĩa của chúng, nhưng liệu chúng có thể mang một ý nghĩa ? Liệu tôi, với tự do của mình, có thể cho chúng một ý nghĩa không ? Berdiaeff nói đúng : «Khách quan mà nói, chính sự vô nghĩa thống trị cuộc sống ở đây (ông ấy đi xa đấy !) nhưng sứ mệnh của tinh thần là mang lại ý nghĩa cho nó.» Để làm điều đó, tôi xin đề xuất với bạn một vài suy nghĩ rất đơn giản.

1) Duy trì các yêu cầu của lương tâm

Trước tiên, cần phải nhận thức rõ ràng về cái ác và từ chối những giải pháp sai lầm. Đối với người Kitô hữu, không phải là che giấu cái ác như thể nó cần thiết để làm nổi bật hơn lòng tốt của Thiên Chúa, mà ngược lại, là phải thừa nhận nó ở mọi nơi mà lương tâm lên án. Cần phải kiên quyết duy trì những khát vọng và yêu cầu của lương tâm. Chính sự tiến bộ của lương tâm đã làm xuất hiện ngày càng nhiều hình thức của cái ác và bất công trong thế giới. Không lâu trước đây, các tín đồ Kitô giáo không coi là điều đáng phẫn nộ khi trẻ em tám tuổi phải làm việc ban đêm trong các tiệm bánh.

Chính sự tiến bộ của lương tâm đã làm lộ ra rằng, trong nhiều tổ chức xã hội và chính trị, có những điều không ổn và cần phải cải cách. Chính khi sự trì trệ của lương tâm bị rung chuyển thì những hình thức mới của

cái ác xuất hiện, mà trước đó nó đã không cảm nhận được. Chúng ta phải luôn giữ được khả năng phẫn nộ và tức giận. Có những cơn giận thánh thiện. Chúng ta phải từ chối một cách mạnh mẽ chủ nghĩa nghiệp dư, chủ nghĩa giả hình và chủ nghĩa cuồng tín, những thứ muốn «giải quyết trong lịch sử, vấn đề của cái ác bằng các kỹ thuật nghiền nát» (E. Borne). Đừng chấp nhận cái ác, hãy luôn có khả năng lên án nó, và luôn với nhiều sự sáng suốt hơn.

2) Sự kêu gọi đến niềm vui mạnh mẽ hơn cả cái ác

Cuộc nổi dậy của lương tâm trước cái ác sẽ là một điều vô lý nếu nó không được bắt nguồn từ một sự chắc chắn. Trừ khi chúng ta cam chịu sự vô lý của những khát vọng cơ bản nhất của mình về công lý, điều thiện, tình yêu, tình huynh đệ, trừ khi chúng ta chấp nhận nói rằng tất cả những điều đó chỉ là ảo tưởng, thì chúng ta phải thừa nhận rằng, đằng sau sự từ chối hoặc sự phẫn nộ trước cái ác, có một khát vọng mà, theo một cách nào đó, đảm bảo cho chúng ta cái ác đã được vượt qua. Có phải vì chúng ta được tạo ra để vui mừng, vì sứ mệnh của chúng ta là hạnh phúc, mà chúng ta phản đối cái ác và nỗi khổ đau không ? Tôi khẳng định rằng nếu sứ mệnh của chúng ta, được khắc sâu trong trái tim của lương tâm, không phải là một sứ mệnh hướng tới niềm

vui, thì sự phẫn nộ của chúng ta đối với cái ác và nỗi khổ đau sẽ không như hiện nay.

Bằng sự cứu rỗi được đề xuất trong Chúa Giê-su Ki-tô, cuối cùng, Niềm Vui sẽ hiến thắng. Chúa Kitô đã nói rõ với chúng ta : «Thầy muốn rằng nơi nào Thầy ở, các con cũng sẽ ở đó với Thầy» (Ga 14, 3). Được thần hóa, được đưa vào chính giữa lòng Chúa Ba Ngôi, tham gia vào những mối quan hệ tình yêu Chúa Ba Ngôi, chúng ta sẽ trao tặng cho nhau Ân Huệ Chúa Ba Ngôi dành cho chính mình, cho nhau. Niềm vui của chúng ta sẽ là Niềm Vui của chính Thiên Chúa.

3) Chuyển từ có sang là

Chính trong đức tin mà chúng ta có thể tìm thấy ý nghĩa cho cái vô nghĩa là đau khổ. Tôi không còn nói: cái ác nữa, tôi nói : nỗi khổ đau. Cái ác : chỉ có một điều cần làm, đó là xắn tay áo lên và làm việc hết sức có thể để giảm bớt nó, nếu không thì xóa bỏ nó. Nỗi khổ: tôi mời bạn ở đây hãy đặt mình vào cái mà tôi sẽ gọi là đỉnh cao của đức tin Kitô giáo. Khi đứng trước dãy núi Mont-Blanc, vào lúc hoàng hôn, ở Combloux chẳng hạn, ta thấy bóng tối lan dần lên núi, từng chút một ; rồi đến một lúc chỉ còn lại một điểm sáng, một đỉnh nhọn, đó là đỉnh núi vẫn còn được ánh sáng mặt trời chiều chiếu rọi, bốn nghìn tám trăm bảy mươi mét, và đột

nhiên, mọi thứ tắt lịm. Để nỗi đau không trở thành một điều gây sốc cho chúng ta, nó phải là một bí ẩn của hỏa ngục tương ứng với bí ẩn của thiên đàng, tôi muốn nói: bí ẩn của sự thanh tẩy.

Nếu chỉ là ngắm nhìn Thiên Chúa vĩnh cửu, như một buổi biểu diễn đẹp hoặc một tác phẩm nghệ thuật đẹp, thì có lẽ một sự thanh tẩy hoàn toàn, toàn diện, thiêu rụi tận gốc rễ của sự ích kỷ sẽ không hoàn toàn cần thiết. Nhưng, vì Thiên Chúa sống chỉ là Tình Yêu, vì sứ mệnh của tôi với tư cách là con người là bước vào Ngài để sống mãi mãi bằng Cuộc Sống của Ngài và được biến đổi để yêu như Ngài yêu, tôi phải thừa nhận rằng không một nguyên tử ích kỷ nào có thể tồn tại nơi chỉ có tình yêu. Đó là lý do tại sao niềm vui cao nhất, điều làm cho chúng ta trở thành Kitô hữu - chỉ trở thành một với tình yêu vô tận mãi mãi - tất yếu đi kèm với yêu cầu cao nhất : chính mình hoàn toàn là tình yêu, là thuần khiết, tức là chỉ là tình yêu, không có bất kỳ sự chú ý nào đến bản thân, cái nhìn về bản thân, sự co cụm vào bản thân.

Tuy nhiên, chắc chắn rằng trong chúng ta có điều gì đó hơn cả tình yêu. Sâu sắc hơn bất kỳ điều gì khác, trong chúng ta có nỗi đau này, vừa là một sự cao quý vừa là một lời thú nhận, rằng không thể yêu ai mà không yêu bản thân mình hơn. Khi tôi nói với ai đó : tôi yêu bạn,

tôi không bao giờ hoàn toàn chân thành ; quá thường xuyên và luôn luôn một chút, người mà tôi nói rằng tôi yêu họ, là một phương tiện cho tình yêu mà tôi dành cho chính mình. Khi tôi khóc vì một người thân yêu, tôi luôn khóc một chút vì chính mình. Chúng ta biết rằng sự ô uế thiết yếu của chúng ta nằm ở chỗ chúng ta thuộc về chính mình. Sở hữu và tình yêu loại trừ lẫn nhau một cách nghiêm ngặt. Tuy nhiên, chúng ta chỉ có thể làm cho trong cuộc đời trần gian này, chúng ta không phải là những chủ sở hữu, không phải của cải vật chất, mà là của chính mình. Để thuộc về Chúa, không được thuộc về mình. Để không còn thuộc về mình, phải bị tách khỏi mình. Nhưng việc bị tách rời khỏi bản thân chính là điều mà chúng ta gọi là đau khổ.

Tất cả nỗi đau đều có thể được hiểu, đó là ý nghĩa mà tôi có thể gán cho nó, như một cái chết phần nào, một phác thảo của cái chết. Nỗi đau là quân tiên phong của cái chết suốt cuộc đời. Cái chết là sự chuyển tiếp từ có sang là hoặc từ sự ích kỷ sang tình yêu. Những thuật ngữ này ở đây có thể hoán đổi cho nhau : có, tức là ích kỷ ; là, tức là yêu thương. «Phúc cho những kẻ nghèo khó» có nghĩa là : phúc cho những ai có và yêu thương. Như Chúa. Để thực sự là chính mình, tôi phải được tước bỏ mọi thứ tôi có. Sự tước bỏ này chính là nỗi khổ đau. Và cái chết cuối cùng không gì khác ngoài sự kết

thúc của chuyển động tước đoạt này, điều đã ném tôi ra khỏi chính mình để, không còn gì thuộc về mình, tôi thuộc về tất cả với Thiên Chúa và Chúa Kitô, mối quan hệ thuần khiết với Tha Nhân và những người khác, điều này chính là định nghĩa của tình yêu. Nhờ đó, tôi cuối cùng có thể bước vào tình yêu.

Giáo hội bị thấm nhuần bởi sự vĩ đại của Tình Yêu Thiên Chúa và độ sâu của sự ăn sâu bám rễ của chủ nghĩa vị kỷ trong con người đến nỗi họ tin rằng luyện ngục tiếp tục sau cái chết, vì Thiên Chúa thật vĩ đại và sâu sắc! Quá nhiều tôi bị dính chặt, theo một cách nào đó, vào chính mình, bị dính chặt trong thế giới của sự sở hữu! Sự chuyển tiếp tối thượng từ có sang là, chính là hỏa ngục thực hiện điều đó cuối cùng. «Sự chuyển từ có sang là, là chân lý duy nhất khủng khiếp của Kitô giáo, tôi không biết chân lý nào khác» (Nédoncelle). Trong tác phẩm *Partage de Midi* của Claudel, có một câu nhỏ mà Mesa lặp đi lặp lại một cách kiên quyết và rất hùng hồn : «Điều đó, ít nhất, thuộc về tôi.» Chính xác, điều đó không còn thuộc về bạn nữa ; nếu không bạn sẽ không bước vào tình yêu vĩnh cửu vốn không có gì riêng biệt vì Ngài là tất cả và tất cả là một tổng thể được cho đi.

Sức khỏe của tôi, ít nhất, là của tôi : nỗi đau của bệnh tật cướp đi sức khỏe của bạn.

Trí tuệ của tôi, ít nhất, là của tôi : nỗi đau của sự nhục nhã hoặc sự suy thoái trí tuệ.

Job : bảy ngàn con cừu, ba ngàn con lạc đà, năm trăm cặp bò, năm trăm con lừa và một số lượng rất lớn đầy tớ: đó, ít nhất, là của tôi. Khi ông không còn gì thuộc về mình, ông nói : «Tôi đã ra khỏi bụng mẹ trần truồng, tôi sẽ trở về bụng đất trần truồng» (1, 21). Ông ấy đúng, ngoại trừ việc không phải là bụng đất mà là chính lòng của Chúa : chỉ có thể vào đó khi trần truồng.

Tôi sẽ nói với giọng một nữ y tá như sau :

Vợ tôi, ít nhất, là của tôi, chồng tôi, ít nhất, là của tôi. Đúng vậy và, theo ý muốn của Chúa, bạn và cô ấy, anh ấy và bạn, chỉ là một thân thể. Nhưng hãy thừa nhận rằng khi yêu cô ấy, bạn cũng yêu một phần chính mình. Giờ đây, bạn không còn sự hiện diện cảm nhận của cô ấy làm bạn say mê và làm bạn thỏa mãn bản thân nữa: bây giờ, bạn yêu cô ấy, mà không yêu bản thân bạn chút nào.

Con của tôi, ít nhất, là của tôi, mẹ tôi và sự dịu dàng của bà là của tôi : đây là những nỗi đau thương.

Thành công của tôi là của tôi : đây là thất bại.

Quá khứ của tôi là của tôi : đây rồi, các khả năng của tôi đã bắt đầu suy giảm và quá khứ của tôi bắt đầu giống như ngôi nhà của người khác.

Cuộc đời của tôi, ít nhất, là của tôi: đây là cái chết mà ta bước vào hoàn toàn một mình, mang theo chỉ những gì ta đã cho đi. Những gì ta không cho đi thì vẫn ở lại đó và dần dần thối rữa, nhưng những gì ta đã cho đi thì đã biến thành sự tồn tại và ta mang theo nó suốt đời. Bởi vì bản thể của chúng ta được xây dựng từ những gì chúng ta cho đi, giống như hình ảnh của Chúa, Ngài, nếu có thể nói, được xây dựng vĩnh viễn từ chính Tặng phẩm của Ngài.

Đây là ba văn bản, để kết thúc, một của một triết gia, một của một tiểu thuyết gia và một của một nhà khoa học.

Maurice Blondel viết : «Con người chỉ có thể đạt được sự tồn tại của mình bằng cách từ bỏ nó theo một cách nào đó để đưa nó trở lại nguyên lý và mục đích của nó.» Từ bỏ những gì thuộc về mình và tiêu diệt cái hư

vô mà mình là (tiêu diệt tất cả những gì trong chúng ta là hư vô, tức là tất cả những gì không phải là tình yêu), đó là nhận được cuộc sống trọn vẹn mà mình khao khát, nhưng không có nguồn gốc trong bản thân. Phải đánh đổi tất cả để có được tất cả...»

André Gide, trong những năm sau chiến tranh 14-18 và khi ông rất gần với sự chuyển đổi tôn giáo, đã viết : «Ai yêu cuộc sống mình, linh hồn mình, người bảo vệ nhân cách mình, người chăm sóc hình ảnh mình trong thế giới này, sẽ mất đi. Nhưng người nào từ bỏ nó, sẽ làm cho nó thật sự sống động và đảm bảo cho nó cuộc sống vĩnh cửu : không phải cuộc sống vĩnh cửu trong tương lai mà sẽ làm cho nó sống ngay từ bây giờ, sống trong sự vĩnh cửu. Nếu hạt giống không rơi xuống đất và chết đi, nó sẽ không sinh ra trái. Sự phục sinh trong cuộc sống toàn diện. Quên đi mọi hạnh phúc cụ thể.»

Tôi thêm vào, với Teilhard de Chardin : «Nếu chúng ta hiểu đầy đủ ý nghĩa của Thập Giá, chúng ta sẽ không còn thấy Cuộc Sống buồn bã và xấu xí nữa. Chúng ta chỉ trở nên chú ý hơn đến sự nghiêm trọng không thể hiểu nổi của nó.» Và, khi viết lời tựa cho cuốn sách ghi lại những ghi chú của chị gái mình, người đã là một bệnh nhân nặng suốt cuộc đời, ông viết : «Ô Marguerite, chị gái của tôi, trong khi tôi, tận hiến cho các lực lượng

tích cực của Vũ trụ, chạy khắp các châu lục và biển cả, say mê nhìn ngắm mọi sắc thái của đất, thì chị, bất động, nằm dài, đã lặng lẽ biến đổi những bóng tối tồi tệ nhất của Thế giới thành ánh sáng, sâu thẳm trong chính mình.» Theo cái nhìn của Đấng Tạo Hóa, xin hãy nói cho tôi biết, ai trong chúng ta sẽ nhận được phần tốt hơn ?

KẾT LUẬN

THÁNH THỂ TÓM TẮT MỌI SỰ [95]

Mầu nhiệm của Thánh Thể có chiều sâu đến mức, các khía cạnh của nó đa dạng và phức tạp đến nỗi không thể hy vọng, trong một buổi hội thảo, có thể khai thác hết nội dung của nó. Thật vậy, Bí tích Thánh Thể là sự tóm tắt của mọi thứ, điểm mà từ đó tất cả các đường thẳng phân kỳ và hướng về. Đó là sự thống nhất của Thiên Chúa và con người trong Đức Kitô ; của quá khứ, hiện tại và tương lai ; của thiên nhiên và lịch sử ; của sự tiếp nhận và cho đi ; của cái chết và sự sống, v.v. Tôi chỉ có thể giới hạn ở một vài khía cạnh, những khía cạnh mà tôi quý trọng.

---

95 Bản thảo : bao gồm nhiều ghi chú với tóm tắt đọc các bài viết của R. Didier, C. Duquoc (Ánh sáng và Sự sống, số 94); X. La Bonnardière và M. Maschino (Lời hứa, tháng 6 năm 1970) và các ghi chú bài giảng của Cha E. Pousset. - Bản sao : Belleville (thứ ba tuần thánh 1967) ; Le Péage-de-Roussillon (9 tháng 1 năm 1969) ; Boulogne (15 tháng 12 năm 1970) ; Mâcon (21 tháng 1 năm 1971) ; văn bản sao chép không có chỉ định địa điểm (trước tháng 8 năm 1972) ; Annecy (5 tháng 4 năm 1973); Belleville (10 tháng 3 năm 1974) ; Pau (10 tháng 4 năm 1974); Montauban (17 tháng 2 năm 1976).

Sát nhập vào Chúa Kitô, Đấng tự hiến làm lương thực

Thánh Thể là bí tích của Đức Kitô, Ngài ban mình làm lương thực cho con người để biến họ thành chính Ngài và do đó hình thành Thân Mình mầu nhiệm của Ngài là Giáo Hội («mầu nhiệm» không đối lập với «hiện thực»). Để hiểu điều này, cần luôn quay lại những gì đã được nói trong hội thảo đầu tiên : kế hoạch cơ bản của Thiên Chúa là kết hợp tất cả mọi người trong tình yêu và chia sẻ với họ Cuộc Sống của chính Ngài. [96] Như tôi không ngừng nhắc nhở các bạn, Thiên Chúa đã chia sẻ nhân tính của chúng ta để chúng ta chia sẻ thần tính của Ngài. Nói cách khác, nhân loại của chúng ta là để hướng tới sự thần thánh hóa của chúng ta, sự sáng tạo là để phục vụ cho Giao ước. Giao ước thực sự là thực tại chính của Kinh Thánh, với các giai đoạn khác nhau từ Nô-ê đến Chúa Giê-su Ki-tô, người đã thánh hiến «chén của Giao ước Mới và Vĩnh Cửu». Nó không phải là một liên minh pháp lý mà là một liên minh tình yêu. Đó là lý do tại sao, từ đầu đến cuối của Kinh Thánh, biểu tượng của hôn nhân lan tỏa. Và Truyền thống luôn gắn chặt bí tích hôn nhân với bí tích Thánh Thể.

---

96 Cha Varillon, trong phần đầu tiên này, đã phát triển lại các ghi chú bài giảng của Cha Pousset.

Chúa tạo ra nhân loại để kết hôn với họ và Ngài kết hôn với họ bằng cách nhập thể. Cưới theo nghĩa mạnh mẽ nhất, tức là không còn là hai mà chỉ còn một thịt với cô ấy. Chúa muốn trở thành một thể với toàn thể nhân loại. Đó là bản chất của sự việc. Chúng ta biết rằng ước nguyện sâu sắc của tình yêu hôn nhân không dừng lại ở việc ôm nhau giữa hai cơ thể vẫn còn tách biệt. Lời nguyện của tình yêu là sự hòa quyện, không phải là sự nhầm lẫn, trong đó mỗi người không còn muốn tồn tại chỉ để được tiêu thụ bởi người kia, trở thành, theo một cách nào đó, thức ăn của người kia, thịt từ thịt của người kia.

Biểu tượng của nụ hôn rất hùng hồn. Đó là khởi đầu của hành động ăn uống. Các bà mẹ nói rằng những đứa trẻ của họ «thật đáng yêu». Chúng ta muốn ăn người khác và để họ ăn mình để trở thành thịt của thịt họ. Anh yêu em, điều đó có nghĩa là: anh muốn để em thiêu đốt và tiêu thụ anh, em là lý do sống của anh. Người đàn ông và người phụ nữ không thể thực hiện lời hứa của tình yêu của họ vì cơ thể của họ, là những công cụ của sự kết hợp của họ, đồng thời cũng là những trở ngại cho sự kết hợp hoàn toàn. Lời nguyện ước của họ không thành hiện thực, vì nó đòi hỏi một cái chết đối với tự nhiên và lịch sử. Phải chết đi cái bản chất khiến chúng ta vẫn còn bên ngoài nhau và ngay cả những khoảnh

khắc kết hợp rất thân mật cũng không phải là sự hòa quyện thực sự hoàn toàn và chỉ kéo dài trong chốc lát. Trở thành thật sự là thịt của thịt của người khác, của người mà tôi yêu, đồng nghĩa với cái chết.

Đó là giấc mơ lớn của chủ nghĩa lãng mạn Đức : trong vở opera của Wagner, Tristan và Isolde hát rằng họ chỉ có thể biết được sự trọn vẹn của tình yêu qua cái chết. Trong hồi hai, tình yêu và cái chết đan xen trong những chủ đề âm nhạc đáng ngưỡng mộ mà trở nên không thể phân biệt được với nhau. Thật đẹp nhưng cuối cùng, thật vô lý vì cái chết không hoàn thành tình yêu. Nó đặt ra một trở ngại tàn nhẫn. Đó là lý do tại sao, ở thế gian này, ước nguyện sâu sắc của tình yêu không bao giờ được thực hiện một cách trọn vẹn. Bước vào tình yêu, tức là bước vào niềm vui nhưng cũng là bước vào nỗi đau. Đó là nỗi đau không thể tránh khỏi của tình yêu chưa hoàn thành. Nguyện vọng tối thượng của tình yêu không thể được thực hiện trong kế hoạch của sự tồn tại tự nhiên, bản chất con người phản đối điều đó.

Đức Kitô, vì Ngài là Thiên Chúa và không có tội, có thể từ bỏ bản thể tự nhiên và lịch sử ngay lập tức của Ngài. Ngài có thể chết cho thế giới của những giới hạn thể xác mà không ngừng là Đấng Tình Nhân tự hiến cho nhân loại. Đó là lý do tại sao, vượt qua cái chết,

nhưng chỉ vượt qua cái chết, Đức Kitô thực hiện lời thề tối thượng của tình yêu. Đức Kitô chết và sống lại tự hiến mình làm thức ăn để thực sự trở thành thịt của thịt nhân loại một cách triệt để hơn nhiều so với một cái ôm chỉ kéo gần hai cơ thể trong một khoảnh khắc. Thiên Chúa, trong Bí tích Thánh Thể, thực sự kết hợp với con người. Ở nền tảng của bí tích Thánh Thể, có ý tưởng về thức ăn, điều này là hoàn toàn thiết yếu.

Thánh Thể không chỉ là một bữa ăn mà chúng ta cùng nhau dùng và nơi chúng ta hiệp nhất với nhau. Chắc chắn khía cạnh này là quan trọng nhưng nó không đủ. Sự hiệp nhất, trước khi là sự hiệp nhất giữa con người với nhau qua bữa ăn được chia sẻ, trước tiên là sự hiệp nhất của mỗi người với Chúa Kitô, Đấng tự hiến làm lương thực. Đó là lý do tại sao Đức Kitô kết hợp những người cùng rước lễ với nhau. Nếu chủ nghĩa biểu tượng chỉ được hiểu đơn giản ở mức bữa ăn như là sự chung sống, thì nó không diễn đạt được thực tại cơ bản nhất, đó là sự hòa hợp hoàn thiện tình yêu giữa vợ chồng.

Để hiểu điều này, cần phải hoàn toàn tin tưởng rằng Sự Nhập Thể của Thiên Chúa không chỉ dừng lại ở Chúa Kitô mà là ở toàn thể nhân loại. Miễn là chúng ta còn tưởng tượng rằng Nhập Thể là Thiên Chúa kết hợp với một người đàn ông tên là Giêsu, chúng ta sẽ không

hiểu gì cả. Bản chất của mọi sự là Thiên Chúa kết hợp hoặc kết hôn với toàn thể nhân loại qua Đức Kitô. Thiên Chúa đã trở thành người để tất cả mọi người được thần thánh hóa. Thánh Thể là sự phổ quát hóa công trình của Chúa Kitô.

Điều quan trọng nhất trong Thánh Thể không chỉ là sự hiện diện của Chúa Kitô. Đức Kitô không có mặt chỉ để có mặt, Ngài có mặt để ban chính mình cho chúng ta như lương thực để sự hiệp nhất giữa Ngài và chúng ta trở nên hoàn hảo nhất có thể. Thánh Thể không chỉ là sự hiện diện, mà là sự hiệp nhất và sự hiệp nhất bao hàm sự hiện diện.

Hiện diện thực sự

Chắc chắn sự hiện diện của Chúa Kitô trong Bí tích Thánh Thể là một sự hiện diện thực sự. Nó thậm chí còn là sự hiện diện thực sự nhất trong tất cả các sự hiện diện vì nó là một sự hiện diện thực hiện. Thánh Thể hiện thực hóa sự hiện diện của Đức Kitô trong các hành động tự do của chúng ta : «Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta thì có sự sống đời đời trong mình» (Ga 6, 54), đó là điều thực tế nhất ! Tôi nhắc lại với các bạn, một lần nữa, sự phân biệt giữa kế hoạch của ý nghĩa và kế hoạch của giải thích. Đức tin luôn nằm ở cấp độ của ý nghĩa. Mầu nhiệm Thánh Thể có nghĩa là Đức Kitô ban mình làm

lương thực để kết hợp chúng ta với Ngài, và kết hợp chúng ta với nhau theo cách mà chính chúng ta không thể đạt được. Năng lượng hiệp nhất này bao hàm sự hiện diện thực sự của Ngài. Nhưng ý nghĩa này không dựa trên điều vô lý. Câu hỏi về sự giải thích hoặc «làm thế nào» của sự hiện diện thực sự thuộc về triết học ; để tiếp cận nó, cần phải sử dụng các khái niệm triết học. Tôi chỉ nhắc lại rằng không có sự đối lập giữa dấu hiệu hoặc biểu tượng và thực tế. Hãy thử nghiệm điều này bằng cách đặt hai câu hỏi cho một đứa trẻ :

- Bắt tay là gì ? Em ấy sẽ không trả lời bạn rằng đó là một sự tiêu tốn năng lượng cơ bắp nhất định do áp lực của hai lòng bàn tay vào nhau. Em ấy sẽ trả lời bạn: nó là dấu hiệu của sự hòa thuận, tình bạn, tình đồng chí. Thực tế của một cái bắt tay là để trở thành một dấu hiệu.

- Đèn đỏ là gì? Đứa trẻ sẽ bắt đầu chế nhạo bạn rồi nó sẽ không nói với bạn rằng đó chỉ là một cái đèn sáng phía sau một tấm kính màu mà là một lệnh cấm đi qua; dấu hiệu là thực tế của đèn đỏ.

Qua những ví dụ cơ bản này, chúng ta hiểu rằng dấu hiệu không phải là điều gì đó bên ngoài thực tại mà chính là thực tại trong cái mà nó sâu sắc nhất. Nói rằng các bí tích, bắt đầu từ Bí tích Thánh Thể là Bí tích tuyệt

hảo, là những dấu hiệu và «dấu hiệu hiệu quả» [97] không có nghĩa là chúng nằm ngoài thực tại mà là chúng là thực tại sâu sắc nhất.

Dấu hiệu hiệu quả của nhiệm vụ con người đã hoàn thành

Người ta đôi khi nói rằng, trong bánh thánh đã được thánh hiến, Thân Thể Chúa Kitô thay thế cho bánh : đó là một sự dị giáo, cần phải biết điều đó. Nếu tiến hành phân tích hóa học một miếng bánh thánh trong phòng thí nghiệm, chúng ta sẽ không tìm thấy gì khác ngoài các thành phần cấu tạo nên bánh. Nhận xét này hoàn toàn cơ bản nhưng tôi nhận ra rằng nó không phải là điều hiển nhiên đối với mọi người. Chưa bao giờ có chuyện trong Giáo hội tin rằng những lời của Lễ truyền phép thay đổi cấu trúc vật lý-hóa học của bánh. Đó là lý do tại sao thuật ngữ cổ điển, xuất phát từ Công đồng Trente, «biến thể thể chất», tức là sự thay đổi của bản chất bánh thành bản chất của Thân Thể Chúa Kitô, không thể được sử dụng mà không được giải thích dài dòng. Bởi vì từ «thể chất» ngày nay không còn mang ý nghĩa như nó đã có vào thế kỷ XVI.

---

97 Để biết thêm chi tiết về biểu thức này, xem Các yếu tố của học thuyết Kitô giáo, II, tr. 180.

Nói rằng Đức Kitô đến để thay thế bánh, điều đó tương đương với việc nói rằng Thiên Chúa nhập thể để thay thế con người, như thể Ngài đang nói với chúng ta : hãy tránh ra để Ta vào, vì ngươi chẳng có giá trị gì! cuộc sống của bạn, mồ hôi của bạn, thai nghén của bạn, việc giáo dục con cái của bạn, tất cả những điều đó gần như không có gì: tôi đến và tôi chiếm lấy chỗ của bạn ! Nếu Chúa Kitô thay thế bánh, thì điều đó sẽ thật ghê tởm. Một vị thần như vậy, người trở thành con người để thay thế con người, không tồn tại và, nếu tôi phải tin vào vị thần đó, hãy chắc chắn rằng tôi sẽ là một người vô thần. Các «bậc thầy của sự nghi ngờ» như Marx, Nietzsche, Freud, để nói như Ricoeur, sẽ có lý do để nghi ngờ rằng đức tin là một sự huyễn hoặc hoặc tha hóa lớn. Chính phẩm giá của tôi với tư cách là con người đã cấm tôi tin rằng Chúa Kitô đến để thay thế tôi.

Chúa Kitô không thay thế bánh, cũng như phụ nữ không thay thế cô bé ; chính cô bé trở thành phụ nữ. Không phải bướm thay thế sâu, mà là sâu trở thành bướm. Không phải một người khác đến chiếm chỗ của tôi, mà chính người đó trở thành người khác. Về phần tôi, tôi không thích lắm khi người ta nói về thế giới bên kia vì, theo nghĩa đen, không có thế giới bên kia. Thế giới của cuộc sống vĩnh cửu của chúng ta là thế giới nói chung nhưng trở thành khác biệt. Bị thay thế bởi một

người khác hoặc trở thành một người hoàn toàn khác, đó vẫn là hai điều khác nhau. Khi thánh Phaolô khẳng định rằng chúng ta là «thành viên của Đức Kitô» (1 Cr 12, 27), một cách diễn đạt như vậy không xóa bỏ phẩm chất con người của chúng ta, nhân cách con người của chúng ta. Không phải là thành viên của Đức Kitô thay thế con người, mà là con người trở thành thành viên của Đức Kitô.

Hoặc, theo từ vựng của chúng ta, chính khi con người được thần thánh hóa thì họ mới được nhân hóa hoàn toàn, nếu đúng là cùng một người, Chúa Kitô, vừa là người vừa là Thiên Chúa. Ngài không thể làm cho chúng ta trở thành những gì Ngài là mà không đồng thời nhân hóa và thần hóa chúng ta.

Những nữ tu tốt bụng đã nghĩ rằng họ làm đúng khi giới thiệu cho tôi với nhiều sự ngưỡng mộ một cuốn sách nhỏ nhằm giúp trẻ em hiểu về sự hiện diện thực sự. Trên trang đầu tiên của tờ rơi này, có một hình vẽ của một bánh thánh ; giữa trang đầu tiên và trang thứ hai, có một dây kéo ; chỉ cần nói với đứa trẻ, kéo và con sẽ thấy ! Đứa trẻ kéo, bánh thánh biến mất và, thay vào đó, hình ảnh Chúa Kitô hiện ra với nụ cười tươi. Tôi nhìn những nữ tu sĩ này với một chút châm biếm pha lẫn tình cảm và nói với họ : «Các chị, các chị là những kẻ dị giáo.»

Họ đã sửng sốt : «Thưa Cha, Cha đang phóng đại sao?» Chắc chắn không ! Đại hội Trent đã từ chối từ «thay thế». Đức Kitô không đến để thay thế bánh, từ ngữ của Công đồng Trento là «biến đổi bí tích Thánh Thể». Từ này có thể khó hiểu đối với những khán giả ít được giáo dục hiện nay, nhưng chính bánh trở thành Chúa Kitô chứ không phải Chúa Kitô đến thay thế bánh.

Các nữ tu sĩ đã hiểu : nếu Thiên Chúa đã trở thành người, thì không phải để xóa bỏ con người. Một số người tưởng tượng rằng Chúa Giê-su phục sinh rơi từ trên trời xuống một miếng bánh, nếu không thì Ngài không biết phải ở đâu để gần gũi nhất có thể. Người ta mang lên bàn thờ một vật hỗ trợ có ưu điểm lớn là có thể ăn được, người ta sẽ ăn nó vì đó là cách mà Chúa Kitô hiện diện gần gũi nhất... Nói như vậy thật kinh khủng và, mà không nhận ra, chúng ta đang tự chế ra những roi để bị đánh. Đừng nhầm lẫn giữa sự gần gũi và sự hiện diện biến hình.

Tại Triển lãm thế giới Paris, vào thời điểm khánh thành tháp Eiffel, cha tôi rất quan tâm đến gian hàng máy móc trên Champ-de-Mars. Thật là kỳ diệu. Chúng tôi đã chứng kiến toàn bộ quá trình biến gỗ thành giấy. Ở một đầu của hành lang, người ta thấy những thân cây từ rừng đến và, ở đầu kia, sau một loạt các quá trình

biến đổi (cưa thân cây, sản xuất bột giấy, v.v.), người ta thấy giấy; đó là câu chuyện về giấy.

Hãy tưởng tượng rằng thay vì cho khán giả tham dự vào lịch sử của giấy, chúng ta đã quyết định cho họ tham dự vào các giai đoạn của lịch sử bánh mì. Đó là điều hoàn toàn tương tự, chỉ khác một điểm rất quan trọng: chúng ta có thể, trong trường hợp cần thiết, sống thiếu giấy, nhưng không thể sống thiếu bánh mì, vì nó liên quan đến cuộc sống gần gũi hơn.

Ở một đầu của hành lang, những bao lúa mì đã là thành quả của công việc nông nghiệp từ vùng quê được đưa đến, sau đó toàn bộ chuỗi biến đổi diễn ra và, ở đầu kia của hành lang, bánh mì ra lò từ lò nướng của thợ làm bánh. Đó là câu chuyện về bánh mì, tức là câu chuyện về lao động dưới hình thức của bánh mì, cuối cùng là câu chuyện về con người. Bởi vì thật sự đúng là, trong lịch sử của một con người, công việc có một vị trí quan trọng, vì ngay cả cuộc sống riêng tư, ngay cả tình yêu, ngay cả sở thích cũng đều bị ảnh hưởng bởi công việc.

Nếu muốn thoát khỏi sự trừu tượng và, đồng thời, khỏi huyền thoại, cần phải nắm bắt con người trong thực tại của mình. Nhưng con người chỉ được nắm bắt trong thực tại của mình khi được nắm bắt trong lịch sử của mình; con người trừu tượng không tồn tại. Con

người thực, con người mà Chúa Giê-su Kitô nắm bắt để biến đổi là con người sống trong một câu chuyện: đàn ông hay phụ nữ, độc thân hay đã kết hôn, có hoặc không có con cái, thất nghiệp hay đang làm việc, v.v.

Về phần tôi, khi có chút thời gian, tôi rất thích, trước khi cử hành thánh lễ, cầm trong tay một miếng bánh không được thánh hiến và thiền trước miếng bánh đó. Thực ra có hai cách diễn đạt đồng nghĩa: kiếm sống và kiếm miếng ăn; bánh mì là cuộc sống. Và tôi tự hỏi: Chúa nhìn miếng bánh này như thế nào? Ngài không nhìn nó như Ngài nhìn một viên đá. Bởi vì chiếc bánh này là kết quả của cả một câu chuyện. Để tôi có thể cầm nó trong tay, đã cần đến công sức của người cày, người gieo hạt, chưa kể đến tất cả những người đã chế tạo ra cái cày; sau đó là công sức của những người gặt lúa và những người đã chế tạo ra máy gặt đập liên hợp, rồi công sức của người xay bột, người làm bánh, tức là tất cả các nghề đã chế tạo ra cái bàn nhào bột của người làm bánh, v.v. Chiếc bánh này là kết quả của việc biến đổi tự nhiên. Tác phẩm của chúng ta, nhiệm vụ của chúng ta là nhân hóa thiên nhiên, biến đổi thế giới để nó trở nên nhân văn. Đó là lý do tại sao chúng ta phải nghiêm khắc với một công việc không thực sự nhân hóa. Nếu vật liệu ra khỏi xưởng được tôn vinh và con người ra khỏi đó bị hạ thấp, đó là một sự bê bối thực sự. Có một khởi đầu

của cuộc đối thoại với các nhà Marxist ở đó vì ý tưởng rằng con người trở thành con người trong và qua công việc là nền tảng của chủ nghĩa Marx.

Nếu chúng ta dừng lại ở đây, thì mọi chuyện sẽ kết thúc. Lịch sử của con người vẫn hoàn toàn là con người, nó quay vòng quanh chính nó : cái bánh này, chúng ta sẽ ăn nó và rồi chúng ta sẽ tiếp tục làm việc, biến đổi thiên nhiên và sản xuất bánh, không có lối thoát nào ngoài lịch sử. Nhưng nếu tôi mang chiếc bánh này lên bàn thờ, Chúa Kitô biến nó thành Thân Thể Ngài, Ngài thần thánh hóa hoặc Kitô hóa những gì tôi đã nhân hóa. Lời cầu nguyện chuẩn bị bánh và rượu thật tuyệt vời : «Chúng con dâng lên Ngài bánh này, sản phẩm của đất và công lao của con người : nó sẽ trở thành bánh của sự sống. Chúng con dâng lên Ngài rượu này, sản phẩm của cây nho và công sức của con người : nó sẽ trở thành rượu của Vương quốc vĩnh cửu.»

Nếu miếng bánh mà tôi mang lên bàn thờ không phải là con người, thì không còn gì nhiều để hiểu về Thánh Thể, ngoại trừ một Đấng Kitô từ trời rơi xuống trong một miếng bánh để trở thành thức ăn của chúng ta theo nghĩa nó sẽ an ủi chúng ta, củng cố chúng ta, cho phép chúng ta chống lại những cám dỗ : chúng ta lại rơi vào một chủ nghĩa đạo đức trẻ con, mà những người đồng

thời của chúng ta không thể nào chấp nhận được. Sự thật là toàn bộ lịch sử của con người trở thành thân thể của Chúa Kitô. Nó không ngừng là một câu chuyện của con người, nhưng nó dẫn đến một điều vượt lên trên con người, đó là sứ mệnh thực sự của nó. Và đó là khi con người thực sự trở thành Thân Thể của Đức Kitô thì họ mới trở thành con người trọn vẹn.

Chúng ta không thể, để giáo dục trẻ em, làm những bộ phim ngắn mà trong đó chúng ta thấy toàn bộ câu chuyện về bánh thánh, từ việc cày bừa đến bàn thờ sao? Bánh thánh chỉ tồn tại sau một quá trình biến đổi toàn bộ tự nhiên bởi con người và Chúa Kitô đã thần thánh hóa, thánh hóa những gì con người đã biến đổi khi hoàn thành nhiệm vụ của mình. Thánh Thể là dấu hiệu hiệu quả của nhiệm vụ nhân loại đã hoàn thành.

Nghe nói rằng, trong một nhà nguyện bỏ hoang ở Leningrad, trong cuộc cách mạng năm 1917, những người cộng sản đã ném tất cả các bình thánh và tượng trưng thay thế chúng bằng các công cụ làm việc của họ. Họ đã làm đúng khi mang theo dụng cụ làm việc của mình nhưng lẽ ra họ nên đặt chúng vào các bình thánh thay vì ném những cái đó đi. Một câu chuyện như vậy, nếu đúng, thì hoàn toàn điển hình cho sự hiểu lầm to lớn hiện nay và chúng ta, những người Kitô hữu, một phần

có trách nhiệm, vì chúng ta đã quên rằng Chúa Giê-su Ki-tô là người. Nếu Thiên Chúa đã trở thành người, thì không phải để bỏ qua con người !

Lời nhận xét của một cô gái trẻ dấn thân liên quan đến cuộc chiến tranh Việt Nam, một cách rất thông minh, cũng quay lại trong tâm trí tôi : «Thánh lễ, con chán ngấy rồi !» Bố mẹ con bắt con phải đi !

- Thôi nào, tôi nói với cô ấy, tôi nghĩ rằng cô hiểu rõ mối liên hệ giữa Thánh Thể và cam kết chính trị của cô chứ ?

Cô ấy nhìn tôi với vẻ tin rằng tôi đang phát điên : «Chắc chắn là không !»

«Ôi ! thì, nếu bạn không hiểu được mối liên hệ này, tôi hoàn toàn hiểu rằng bạn sẽ không còn đi lễ nữa. Bạn sẽ làm gì ở đó ? Thật vậy, nếu bạn đi lễ, đó là để cho Chúa Kitô thánh hóa tất cả hoạt động cam kết của bạn, là để Chúa Kitô ban cho mọi công việc của bạn một chiều kích Vương quốc vĩnh cửu. Công việc của bạn không phải là làm bánh, mà là thiết lập hòa bình giữa con người với nhau. Đó là một hoạt động mang tính biến đổi. Tất cả các hoạt động nhân văn đều có khả năng biến đổi, dù là ở mức độ khiêm tốn của các mối quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái,

giữa giáo viên và học sinh, v.v., hoặc ở cấp độ của các tổ chức. Trong Thánh Thể, Chúa Kitô ban mình cho chúng ta như một thức ăn để chúng ta không chỉ có năng lượng con người, mà còn có năng lượng thực sự thần thánh để làm việc xây dựng cộng đồng nhân loại anh em. Vì, không có Chúa Kitô, chúng ta không thể làm gì cả» (Ga 15, 5).

Vì vậy, Chúa Kitô hiện diện không phải như một người từ trên trời xuống mà như là kết quả của sự biến đổi thần thánh mà Ngài thực hiện trong bí tích trung tâm nhất của đức tin chúng ta, đó là Thánh Thể. Bánh thánh đã được hiến tế không chỉ là Chúa Kitô, mà còn là con người được Kitô hóa.

Hy lễ

Điều này phải cho phép chúng ta hiểu cách Thánh Thể là bí tích của một Hy tế. Từ này đã bị đánh giá thấp, bị lệch khỏi nghĩa gốc của nó trong ngôn ngữ thông thường : hy sinh một tình huống hoặc một phần thú vui; người ta sẽ nói với đứa trẻ : con sẽ hy sinh một miếng sô cô la. Chúng ta đã quen với việc đồng nhất hóa hy sinh và sự thiếu thốn và chúng ta không còn đi đến tận gốc rễ của vấn đề nữa.

Trở nên rất khó để hiểu rằng hành động hy sinh là hành động mà qua đó chúng ta hướng về Chúa (về mặt từ nguyên, hy sinh có nghĩa là làm cho thiêng liêng, thần thánh). Đó là điều cao nhất trong sự tồn tại của con người, là điều mà chúng ta xác nhận ơn gọi sâu xa của mình, đó là phát triển trong Thiên Chúa, trong Đấng Tuyệt Đối. Hy sinh không phải trước hết là sự thiếu thốn mà là sự định hướng tích cực của toàn bộ con người chúng ta, của toàn bộ cuộc sống chúng ta hướng về Chúa. Và việc hiến dâng cho Thiên Chúa là cách duy nhất để thực sự là chính mình. Chúa là Tình Yêu. Con người chỉ thực sự là con người khi sống vì Chúa.

Điều này tất nhiên đòi hỏi một sự hy sinh vì trong một thế giới đầy tội lỗi, chúng ta không thể vừa sống cho Chúa vừa sống cho bản thân, vừa hướng về Người Khác vừa hướng về chính mình. Là một sự tham chiếu thuần túy đến Chúa, tức là từ bỏ việc tự mình trở thành trung tâm của chính mình. Chúng ta biết rõ về sự ích kỷ của mình, chúng ta biết rằng, trong những hành động hào phóng nhất của mình, chúng ta vẫn quay về với bản thân. Ai trong chúng ta dám khẳng định : tôi, tôi chỉ tồn tại vì Chúa và anh em loài người ? Hãy hiểu rõ rằng, trong từ vựng của Giáo hội (hãy luôn cẩn thận với những từ mà chúng ta không còn hiểu nữa !), điều đó có nghĩa là: tôi có khả năng dâng một hy sinh hoàn hảo.

Trong lịch sử thế giới, nếu chúng ta bỏ qua trường hợp đặc biệt của Đức Trinh Nữ Maria, chỉ có một người mà chúng ta có thể nói rằng toàn bộ hoạt động, toàn bộ cuộc đời của ông ấy là một sự hy sinh. Cuộc đời của Chúa Giêsu Kitô là một sự tham chiếu liên tục đến Thiên Chúa. Trong bản thể sâu thẳm của Ngài - đó là lý do tại sao chúng ta tin vào Ngài và biết rằng Ngài là Trung tâm của mọi thứ - Ngài là người duy nhất không bao giờ hành động tự do vì bản thân mình mà mọi hành động tự do của Ngài đều là Tình yêu. Toàn bộ cuộc đời của Ngài chỉ là Bác ái. Không có dấu hiệu nào của sự thu mình lại, của ý chí tự kỷ, của cái nhìn về bản thân, của sự chuyển động của chủ nghĩa vị kỷ. Toàn bộ bản thể của Chúa Kitô là một bản thể hy sinh. Đức Kitô là Người hoàn hảo, vì Ngài là sự tham chiếu thuần khiết, tuyệt đối đến Thiên Chúa và những người khác. Tôi nói: đến những người khác vì, tôi nhắc lại, không có sự đối lập giữa con người và Thiên Chúa. Chúa không yêu cầu chúng ta điều gì khác ngoài việc làm việc vì hạnh phúc thật sự của anh em nhân loại. Nếu những gì chúng ta làm cho con người thực sự vì lợi ích sâu sắc của con người, thì đồng thời, đó cũng là vì Thiên Chúa.

Chính trong cái chết của Ngài trên thập giá mà Hy Tế của Đức Kitô đạt đến đỉnh cao. Bởi vì chỉ có cái chết mới có thể chứng minh rằng chúng ta không sống vì

bản thân mình. Chúng ta đều biết rằng chúng ta luôn cố gắng thoát khỏi cái chết phần nào đó vì sự nhát gan. Nếu không phải là cái chết vĩnh viễn, hoàn toàn, thì đó là cái chết một phần, đó là sự giảm bớt của sự thoải mái, từ bỏ một số đặc quyền, tóm lại là tất cả những gì tách chúng ta ra khỏi sự ích kỷ và lười biếng của mình. Vì vậy, câu nói đáng ngưỡng mộ của Péguy : «Cuộc sống chỉ tồn tại để được trao tặng.»

Thánh Thể là Hy tế của Chúa Kitô, đó là Tình Yêu chỉ là Tình Yêu, vì vậy nó đi đến cái chết và từ đó phát sinh sự tái sinh mới, sự Phục sinh. Trong hai điều, hoặc là tình yêu mạnh hơn cái chết, hoặc là cái chết mạnh hơn tình yêu. Mầu nhiệm Phục sinh có nghĩa là tình yêu mạnh hơn cái chết. Điều này đúng với Chúa Kitô và cũng đúng với chúng ta nếu Chúa Kitô không phải là một người xa lạ, nếu chúng ta gắn bó với Ngài như các chi thể với thân thể. Chỉ cần có trái tim đúng chỗ để hiểu rằng một cuộc đời không phải là cuộc đời chân thực nếu không phải là một cuộc đời hy sinh, tức là có một cuộc hành trình đến với Thiên Chúa. Chính điều đó mà Thánh Thể là dấu hiệu.

Lễ Tạ Ơn

Về mặt từ nguyên, Thánh Thể có nghĩa là hành động tạ ơn. Đó không phải là ngẫu nhiên. Ý nghĩa đầu tiên của ân sủng là vẻ đẹp ; từ đó, ta chuyển sang ý tưởng về sự miễn phí, do đó là ý tưởng về món quà. Món quà thực sự là miễn phí. Ân huệ tối thượng là sự tha thứ, tức là ân huệ hoàn hảo, từ đó có câu nói «ban ân xá» (quyền ân xá thuộc về người đứng đầu nhà nước). Tạ ơn, tức là công nhận rằng mọi thứ đều là ân huệ, do đó sự thừa nhận theo nghĩa biết ơn. Nếu mọi thứ đều là ân sủng, mọi thứ đều phải là sự tri ân. Thật đáng tiếc là chúng ta không có danh từ «đầu hàng cảm ơn».

Trong Kinh Thánh, Chúa Kitô cho chúng ta thấy toàn bộ thiên nhiên như một món quà từ tay Chúa Cha, như một món quà từ Chúa Cha. Phúc Âm cho chúng ta thấy rằng trước hết chúng ta phải sống tình yêu dưới hình thức tiếp nhận. Chào đón. Tất cả đều được ban cho. Thế giới được trao cho chúng ta, được đặt vào tay chúng ta. «Đừng lo lắng mà nói : chúng ta sẽ ăn gì ? chúng ta sẽ uống gì ? chúng ta sẽ mặc gì ? Vì những người ngoại đạo tìm kiếm tất cả những điều này, nhưng Cha trên trời của các con biết rằng các con cần những điều đó » (Mt 7, 31-32). Người ngoại đạo là chủ sở hữu của những thứ : họ chiếm hữu và sở hữu chúng. Người Kitô hữu

là những người quản lý mọi thứ : họ nhận và chào đón chúng. Đó là lý do tại sao những người ngoại đạo lo lắng, còn những người Kitô hữu thì bình tĩnh hoặc nên bình tĩnh. Thế giới hiện đại lo lắng đến mức đức tin của nó không còn sống động, nơi mà nó quên rằng mọi thứ đều đến từ Chúa và nếu thực sự Chúa là Cha của chúng ta, chúng ta phải bình tĩnh như tất cả những người có niềm tin.

Chúa Giêsu nhìn nhận thiên nhiên bằng một ánh mắt trong sáng, bình tĩnh. Ngay cả trước nạn đói và cái chết, những tình huống cực đoan. Đối với Ngài, việc cầu xin và tạ ơn là một : Ngài cầu xin dưới hình thức tạ ơn, vì Ngài chắc chắn rằng Cha sẽ chăm sóc cho những đứa con của Ngài. Miễn là họ có lo lắng cho Nước Thiên Chúa : «Hãy tìm kiếm trước Nước Thiên Chúa và sự công chính của Ngài, thì mọi điều khác sẽ được ban cho các con» (Mt 7, 33). Phần còn lại, tức là bánh hàng ngày : «Lạy Cha, xin cho Nước Cha trị đến, xin cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày», tức là tất cả những gì chúng con cần để sống, điều kiện sống của chúng con.

Ngắm nhìn những gì Chúa Giêsu nói trước tình huống khó khăn này là nạn đói. Ngài không nói : «Lạy Cha, con xin Cha nhân lên những chiếc bánh trong tay con»

mà nói: «Lạy Cha, con tạ ơn Ngài» (Ga 6, 11). Trước khi bánh mì được nhân lên, Chúa Giêsu tạ ơn, vì Ngài chắc chắn rằng Ngài sẽ được nhậm lời. Và, trước tình huống giới hạn khác là cái chết, bên mộ của Lazarus, Chúa Giêsu nói : «Cha ơi, con cảm tạ Cha vì Cha đã nhậm lời con.» Chưa đúng, Lazare vẫn còn là một xác chết, ông ấy chưa trở lại cuộc sống, nhưng Chúa Giêsu nói : «Cha, con cảm tạ Cha» (Ga 11, 41).

Nếu, trong hoang địa, Chúa Giêsu từ chối thức ăn, đó là vì nó không được Cha ban cho Ngài. Đó là ý nghĩa sâu sắc của việc Ngài từ chối biến đá thành bánh. Ngài chỉ muốn ăn khi Ngài có thể tạ ơn. Ngài không cho mình quyền sử dụng bất cứ điều gì từ thiên nhiên nếu không phải là do Cha ban cho. Tuy nhiên, nếu Ngài tự biến đá thành bánh bằng phép thuật, đó sẽ là một loại thực phẩm không được nhận từ Cha. Chỉ cần trong Tin Mừng, Chúa Giêsu đã làm, không phải phép lạ này vì đó không phải là phép lạ, mà là phép mầu thì chúng ta có quyền nghi ngờ toàn bộ Tin Mừng.

Thánh Phaolô tạ ơn như ông thở. Có thể nói rằng hơi thở của Phaolô là một hơi thở của lòng biết ơn : «Chúng tôi, ông nói, luôn luôn tạ ơn ; chúng tôi không ngừng... không ngừng tạ ơn... » (1 Tx 1, 2; Pl 1, 3 ; 1 Cr 1, 4 ; Ep 1, 15-16, v.v.). Trái tim rộng mở của Phaolô.

Đối với ông, hành động của Chúa luôn liên quan đến ân sủng hoặc đức tin. Ân sủng là điều mà Thiên Chúa ban cho con người. Đức tin là sự đón nhận món quà của Thiên Chúa. Vậy thì : «Tôi tạ ơn về các bạn, vì ân điển đã được ban cho các bạn» (1 Cr 1, 4) hoặc : «Chúng tôi không ngừng tạ ơn (Timothy và tôi), khi được biết về đức tin của các bạn» (Cl 1, 3).

Cần phải nắm bắt mối liên hệ giữa Thánh Thể-tạ ơn và Thánh Thể-thức ăn : thức ăn là mối quan hệ thiết yếu nhất của chúng ta với thiên nhiên. Chúng ta cần ăn để sống và chúng ta ăn gì ? Thịt, trái cây, rau củ, tất cả đều đến từ thiên nhiên mà chúng ta không tách rời. Claudel nói rằng «ngay cả một con giun đất cũng cần toàn bộ cỗ máy của các hành tinh để sống» và rằng «để một con bướm bay lên, cần toàn bộ vũ trụ». Tôi cũng vậy, để sống, tôi cần cả vũ trụ, bao gồm cả mặt trời và biển cả.

Bánh mì là biểu tượng của tất cả những gì Chúa ban cho chúng ta để sống. Bánh mì và rượu vang là thức ăn cơ bản của các nước Địa Trung Hải, của chính quê hương của Chúa Giêsu. Bằng cách trừ đi một chút bánh và vài giọt rượu khỏi thức ăn của mình, tôi muốn nói rằng toàn bộ tự nhiên phải trở về với Cha. Thánh Thể do đó là hành động tạ ơn dưới hình thức của thức ăn. Nếu mọi thứ đều là ân sủng, mọi thứ đều phải là hành

động tạ ơn. Để biểu thị cho tất cả, không gì tốt hơn bánh và rượu, mà không có chúng thì không có gì là có thể. Chúng là những yếu tố của chính cuộc sống. Thiên Chúa ban cho để chúng ta ban lại những gì đã được ban. «Ngài thật đáng chúc tụng, Lạy Chúa của vũ trụ, Ngài đã ban cho chúng con bánh này...»

Lưu ý rằng chúng ta không phải cho đi mà là trả lại, hoàn trả vì những gì chúng ta có đã là món quà. Cho, đó là hành động của một người sở hữu. Chúng ta cho đi những gì chúng ta có và đó là lý do tại sao câu nói của Pascal : «Lạy Chúa, con dâng tất cả cho Ngài» không hoàn toàn mang tính Kitô giáo. Câu nói Kitô giáo là của thánh Ignace de Loyola vào cuối các Bài tập thiêng liêng của ngài : «Lạy Chúa, con xin trả lại mọi thứ cho Ngài.» Chúng ta không sở hữu gì cả, chúng ta chỉ là những người quản lý. Lòng bác ái không có lời tạ ơn sẽ không phải là lòng bác ái Kitô giáo thực sự. Đó sẽ là một sự hào phóng của người chủ.

Bánh và rượu thánh thể là sự trở về với Thiên Chúa của toàn bộ thiên nhiên mà Thiên Chúa ban cho con người để họ sống. Đối với người Marxist, mối quan hệ của con người với thiên nhiên là lao động ; đối với người Kitô hữu cũng vậy, tất nhiên, nhưng đó là, ngay từ nền tảng của hành động tạ ơn, một sự sắp xếp sâu sắc

trái ngược với tư duy của những người sở hữu. Không có Thánh Thể, cuộc sống của chúng ta bị sai lệch, đó là một cuộc sống của người sở hữu. Nhưng cuộc sống vĩnh cửu là sự vắng mặt hoàn toàn của quyền sở hữu. Thiên Chúa, bằng bất kỳ cách nào, cũng không phải là chủ sở hữu. Với Bí tích Thánh Thể, cuộc sống của chúng ta là thật, đó là một cuộc sống của sự nhận biết, tức là sự hiểu biết suy ngẫm về điều chân thật.

Bí tích của cộng đồng nhân loại cần xây dựng

Cuối cùng, hãy nhấn mạnh rằng nếu Chúa Kitô ban cho chúng ta làm thức ăn, đó là để chúng ta được đoàn tụ trong cộng đồng anh em. Không phải vì tôi đã nhấn mạnh nhiều về việc Chúa Kitô tự trở thành thức ăn cho mỗi người mà chúng ta sẽ bỏ qua biểu tượng của bữa ăn, tức là một thức ăn mà chúng ta cùng nhau nhận lấy chứ không phải mỗi người một góc, riêng biệt. Khía cạnh cá nhân và khía cạnh cộng đồng đều rất quan trọng. Chúa Kitô đã thiết lập Bí tích Thánh Thể, dấu hiệu của Giao Ước Mới, vào lúc Ngài công bố điều khoản duy nhất của Giao Ước Mới này : «Hãy yêu thương nhau như Ta đã yêu thương các ngươi.» Điều khoản về sự hiệp nhất với Thiên Chúa là sự hiệp nhất anh em giữa con người với nhau, tức là xây dựng liên minh cộng đồng nhân

loại. Không có giao ước với Chúa nếu không có sự liên kết giữa con người với nhau.

Biểu tượng của bánh và rượu đã được giải thích từ những thế kỷ đầu tiên, chúng ta vẫn còn thấy dấu vết của nó qua một số lời cầu nguyện thánh thể : «Cũng như, ô Thiên Chúa của chúng con, những hạt lúa mì đã được rải rác trên các đồng bằng và được xay thành một bột duy nhất, cũng như những chùm nho đã được rải rác trên các đồi và được ép thành một rượu duy nhất, xin cho chúng con đều được tập hợp thành một cộng đồng anh em duy nhất.» Thánh Augustin nói : «Khi chúng ta ăn Mình Thánh Chúa Kitô, chính toàn thể nhân loại được chúng ta kết hợp.»

Khi chúng ta hiểu rằng miếng bánh thánh mà chúng ta nhận được là một phần của miếng bánh khổng lồ đó, là toàn thể nhân loại được thần thánh hóa bởi Chúa Kitô, chúng ta sẽ không còn cảm thấy chán nản nữa. Đó là lý do tại sao chúng ta có thể trang trí lễ kỷ niệm Thánh Thể bằng các yếu tố văn hóa. Thánh lễ phải là một buổi lễ hội nhưng nó sẽ không bao giờ trở thành một buổi biểu diễn nhạc kịch ! Thánh Thể thực sự là điều kiện của mọi lễ hội vì nếu không có Thánh Thể, sẽ không có hy vọng phục sinh và lễ hội nhân loại sẽ bị giam cầm trong vòng tay của cái chết.

Một cộng đồng không chỉ là một tập thể. Nó chỉ tồn tại khi có những mối liên kết tương hỗ của tình yêu hoặc tình bạn, khi mỗi người vì người khác nhiều hơn vì bản thân mình. Người làm cho chúng ta trở thành «một» chính là Chúa Kitô. Đó là lý do tại sao Ngài chỉ ban Thân Thể của Ngài khi nó được chia sẻ. Bánh Thánh Thể là bánh được bẻ ra, thánh lễ là «bẻ bánh», tức là xây dựng cộng đồng. Khi tôi cầu nguyện trước bữa ăn, tôi rất cẩn thận không nói : «Lạy Chúa, xin chúc phúc cho thức ăn mà chúng con sắp dùng và ban bánh cho những người không có.» Tôi sẽ quá sợ rằng Chúa sẽ trả lời tôi : «Làm ơn hãy cho họ.» Tôi luôn nói: «Xin hãy dạy chúng con cách chia sẻ.»

Đó là việc chia sẻ cùng một Bánh mì có nghĩa là chúng ta phải chia sẻ với những người khác tất cả những gì chúng ta có thể chia sẻ : tiền bạc của chúng ta, thời gian của chúng ta, văn hóa của chúng ta, v.v. Chắc chắn rằng, đôi khi, dù đã chia sẻ cùng một chiếc bánh, người ta vẫn nói xấu hàng xóm, từ chối giúp đỡ, v.v., nhưng đó là tội lỗi. «Người đó, Bossuet viết, nhận Thánh Thể với lòng thù hận trong tim đối với anh em mình, làm tổn thương đến Thân Thể của Đấng Cứu Thế.» «Khi bạn dâng lễ vật của mình lên bàn thờ, nếu anh em có điều gì đó với bạn, hãy để lễ vật lại đó, đi hòa giải với anh em và sau đó hãy trở lại dâng lễ vật của bạn» (Mt

5, 23), nếu không thì nó hoàn toàn vô nghĩa. Tôi luôn mơ ước, khi đến nhà thờ lúc mười một giờ, được một ai đó đi ra khỏi nhà thờ xô đẩy và nói : «Tôi nhớ rằng tôi đang có mâu thuẫn với một thành viên trong gia đình, tôi sẽ hòa giải, hy vọng tôi sẽ kịp thời trở lại nhà thờ.» Nếu chúng ta thực sự nhận thức rằng việc chia sẻ bánh này là dấu hiệu cho thấy chúng ta phải chia sẻ mọi thứ, thì nền văn minh sẽ có một nền tảng vững chắc. Thánh Thể là bí tích của sự hiệp nhất nhân loại.

Đó là điều quan trọng cần hiểu rõ : những bữa ăn của chúng ta không thể diễn đạt một nhân loại hoàn toàn hòa giải trong tình yêu. Những bữa ăn mà chúng ta dùng, ở nhà, với gia đình và bạn bè, chỉ có thể mang ý nghĩa của một tình huynh đệ rất phần nào, chúng ta chỉ là tám hay mười hai người chia sẻ cùng một thức ăn, chỉ có vậy thôi ! Hơn nữa, chúng ta không mời kẻ thù đến bàn ăn của mình. Không có sự tụ họp của con người nào mà không có sự loại trừ. Chúng ta thậm chí có thể đi xa hơn và nói rằng, trong bữa ăn của con người, miếng mà tôi ăn, bạn không ăn. Nhận xét này có thể có vẻ trẻ con nhưng nó không phải vậy. Bởi vì, trong khi chúng ta ở Pháp sống trong một nền kinh tế thịnh vượng, thì ở các châu lục khác, có những dân tộc hoàn toàn không có đủ thức ăn để no bụng. Chắc chắn rằng những vấn đề này là đa dạng và phức tạp, liên quan đến kinh tế,

thị trường, và sự ích kỷ của các quốc gia thịnh vượng, nhưng chính từ đó chúng ta cần suy nghĩ để hiểu rằng nhân loại vẫn chưa đoàn kết.

Tôi rất thích cử hành các thánh lễ «gia đình» trong phòng ăn của một gia đình : chúng tôi bắt đầu bằng bữa ăn thân mật, tiếp theo là một suy ngẫm về Tin Mừng và kết thúc bằng việc cử hành. Có điều gì đó rất cảm động ở đó vì thực sự chúng ta chạm tay vào một mối quan hệ thực sự giữa dấu hiệu bí tích Thánh Thể và trải nghiệm về tình huynh đệ nhân loại. Nhưng có một nhược điểm: những người được tập hợp lại đã là anh em với nhau. Đó là những nhóm bạn bè, nam và nữ, họ quen biết nhau, thuộc cùng một nền văn hóa, có nhiều sự đồng điệu với nhau. Nguy cơ là Thánh Thể có thể chỉ đơn giản xuất hiện như sự thánh hiến của một tình huynh đệ đã được thực hiện.

Một trong những kỷ niệm đẹp nhất trong đời tôi là cuộc gặp gỡ của một nhóm các ông chủ, kỹ sư, nhân viên và công nhân cùng làm việc trong một công ty, tất cả đều là người Kitô hữu. Trong hai giờ, cuộc họp rất căng thẳng: quan điểm của các ông chủ, kỹ sư và công nhân đối lập nhau. Cuối cùng, chúng tôi sắp chia tay thì một công nhân đứng dậy và nói : «Chúng ta là những người Kitô hữu, chúng ta không thể chia tay mà không

nói Kinh Lạy Cha.» Những người đàn ông đã đối đầu nhau một cách gay gắt trong suốt hai giờ, đã cùng nhau đọc Kinh Lạy Cha. Chúng ta đã có thể cử hành Thánh Thể: ở đó, nó sẽ mang lại ý nghĩa trọn vẹn. Bởi vì nó không phải là sự tôn vinh của một tình huynh đệ đã được thực hiện mà là yêu cầu của một tình huynh đệ mà chúng ta cần phải xắn tay áo lên làm việc, mỗi người theo nghề nghiệp và khả năng của mình. Đó là toàn bộ biện chứng của «đã có đó» và «chưa có đó».

Thánh Thể là sự *chỉ trích* các bữa ăn của chúng ta, những bữa ăn hợp pháp nhưng lại loại trừ nhiều hơn là tập hợp. Thức ăn, chúng ta chiếm hữu nó. *Chỉ có Thân Thể của Chúa Kitô* phục sinh không thể bị *chiếm hữu*, vì Ngài vượt lên trên giới hạn của tự nhiên và lịch sử. Ngài chính là Sự Tước Đoạt Tuyệt Đối, là Tình Yêu Thương, là Đấng không có bất kỳ loại tài sản nào. Chúng ta không thể chiếm hữu một sự tước đoạt, điều đó không có nghĩa gì cả. Mọi bữa ăn của con người chỉ là một *chiến thắng tạm thời* [98] trước sự hung hãn, thù hận, và ích kỷ ; không bữa nào có thể tự hào là một chiến thắng vĩnh viễn. Bữa ăn duy nhất có nghĩa là sự hòa giải toàn cầu là việc chia sẻ Mình Thánh Chúa Kitô. Chính

98 C. Duquoc, « Bí tích Thánh Thể là bí tích của sự hòa giải », Ánh sáng và Sự sống, số 94, tr. 51-62 ; toàn bộ số này được dành riêng cho Bí tích Thánh Thể.

Thánh Thể là điều nhắc nhở chúng ta, từng ngày, rằng ngoài cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô, không thể có tình huynh đệ phổ quát.

Không phải ngẫu nhiên mà trong nhiều thế kỷ, Giáo hội đã bắt buộc các tín hữu tham gia vào buổi lễ Thánh Thể, ít nhất một lần mỗi tuần. Ngày nay, Giáo hội nhấn mạnh điều này ít hơn nhiều, vì người ta không còn thích những hành động quyền lực quá ngoại lai. Điều mà Giáo hội hy vọng là sự tiến bộ trong những năm tới sẽ đến mức các tín hữu Kitô không còn cần một mệnh lệnh cụ thể để tham gia thánh lễ.

Bởi vì Bí tích Thánh Thể là Bí tích tuyệt vời nhất. Nó là Chúa Kitô bị hy sinh, người mà, với tư cách là con người, hoàn toàn hướng về Thiên Chúa và, với tư cách là Thiên Chúa, hoàn toàn hướng về con người. Đức Kitô là sự ôm ấp, tôi dám nói là sự kết tinh của hai xu hướng này. Nụ hôn của Rodin là một khối đá cẩm thạch duy nhất ; người phụ nữ chỉ là chuyển động về phía người đàn ông, người đàn ông chỉ là chuyển động về phía người phụ nữ. Đó chỉ là một hình ảnh nhưng có thể giúp chúng ta hiểu được thực tế của tình yêu giữa Thiên Chúa và con người. Bánh thánh được hiến là cả món quà của con người dành cho Chúa (tức là Hy tế) và món quà của Chúa dành cho con người (tức là Bí

tích). Cuối cùng của tất cả những điều này, có điều mà tôi kiên quyết gọi là sự thần thánh hóa cuối cùng của chúng ta, tức là đối tượng của hy vọng của chúng ta : tự do hoàn toàn và trọn vẹn trong niềm vui. «Thầy muốn rằng nơi Thầy ở, các con cũng ở với Thầy.» (Ga 17, 24). «Chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có» (1 Ga 3, 2). Đó là điều mà Chúa Giê-su Ki-tô mang đến không thể thay thế.

Lời kết

Tôi muốn kết thúc bằng một nốt lạc quan và hy vọng. Nếu bạn đã hiểu đúng các bài giảng mà tôi đã đề xuất, điều chiếm ưu thế trong bạn phải là hy vọng và niềm vui. Dù cuộc sống có nặng nề thế nào, dù nỗi đau mà chúng ta không thể không cảm nhận trước sự chia rẽ của các tín hữu Kitô giáo, Giáo hội chắc chắn đang trong quá trình đổi mới mạnh mẽ. Nhưng chúng ta phải tất cả cùng đóng góp vào đó và điều đó không thể thực hiện được nếu không có công sức.

Như những lời cuối cùng của Jeanne d'Arc trên giàn hỏa (của Claudel) được Arthur Honegger chuyển thể thành nhạc một cách tuyệt vời :

«CÓ HY VỌNG LÀ MẠNH NHẤT !

CÓ NIỀM VUI MẠNH NHẤT !

CÓ TÌNH YÊU LÀ MẠNH NHẤT !»

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu 4
Lời Mở Đầu 27

Phần giới thiệu
BẢN CHẤT CỦA ĐỨC TIN

Ý NGHĨA VÀ PHI NGHĨA 40

Cuộc sống có ý nghĩa không ? 42
Điều cốt yếu của điều cốt yếu 51
Đức Kitô tiết lộ con người là ai và Thiên Chúa là ai. 59
Các đặc điểm của tình yêu 73

TỬ NẠN VÀ PHỤC SINH 86

Biến đổi 87
Ba Lễ Vượt Qua hoặc những cuộc chuyển mình biến đổi 98

Phần một
ĐỨC KITÔ
Thiên Chúa thật, Con Người thật

TRÁI TIM CỦA GIÁO HUẤN CỦA CHÚA GIÊSU : 118

Ý NGHĨA XÁC NHẬN : «ĐỨC KITÔ ĐÃ CHẾT VÌ CHÚNG TA» LÀ GÌ ? 148

Trình bày sơ lược về mầu nhiệm cứu chuộc 150
Đề xuất các suy tư thần học 163

SỰ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KITÔ CÓ PHẢI LÀ MỘT SỰ KIỆN LỊCH SỬ KHÔNG ? 174

CHÚA KITÔ ĐÃ SỐNG LẠI TỪ CÕI CHẾT VÀ ĐÃ LÊN TRỜI 204

Sự phục sinh 204
Lễ Thăng Thiên 216

Phần hai
ĐÓN NHẬN HỒNG ÂN THIÊN CHÚA

ĐỨC MẸ MARIA 229

GIÁO HỘI, SỰ HIỆN DIỆN HỒNG ÂN THIÊN CHÚA 239

Tính hiển hiện Hồng ân Thiên Chúa 240
Ba nguồn gốc của Giáo hội 246

Phần ba
ĐỨC KITÔ,
Thiên Chúa thật, Con Người thật, mặc khải Thiên Chúa là ai và con người là ai

Giới thiệu 264

THIÊN CHÚA BA NGÔI : sự gần gũi của một Thiên Chúa chỉ là tình yêu 268

THIÊN CHÚA TẠO CON NGƯỜI SÁNG TẠO 290

Trải nghiệm của một tình yêu giải phóng, một động lực giải phóng 293

Loại Bỏ Ba Từ Nguy Hiểm 301
Các cách tiếp cận khả thi đối với bí ẩn
của sự sáng tạo 308
Bí ẩn của hành động sáng tạo 313

TỘI TỔ TÔNG : tất cả mọi người đều là kẻ tội lỗi
từ cội nguồn của sự tồn tại của họ 327

Đề xuất những suy tư thần học 331
Tín điều về tội nguyên tổ là điều thiết yếu cho sự thật
trong mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa 343

SỰ PHỤC SINH CỦA XÁC THỊT hay sự
thần thánh hóa của con người và vũ trụ 351

Không phải bất tử của linh hồn mà là sự phục sinh
của con người toàn diện 353
Giá trị của cơ thể. Không có linh hồn thì không có
thân thể, không có thân thể thì không có linh hồn 359
Trong cô đơn của cái chết, gặp gỡ Chúa Kitô
phục sinh 367
Thân thể hiện tại của chúng ta không hoàn toàn
là thân thể 378
Tính vĩnh cửu và thần thánh hóa của toàn con người
và toàn vũ trụ 386

GHI CHÚ 1 : MẶT TRÁI CỦA VIỆC THẦN THÁNH HÓA : ĐỊA NGỤC 390

GHI CHÚ 2 : LUYỆN NGỤC 409

Phần bốn
MỘT SỐ TIÊU CHÍ PHÂN ĐỊNH ĐỂ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CON NGƯỜI

SỐNG LÀ HY VỌNG 420

Những hy vọng của con người 422
Những hy vọng nhân loại có thể trở nên hy vọng Kitô giáo 436

PHÚC ÂM, MỘT LỜI KÊU GỌI ĐẾN ĐỨC TIN VÀ TỰ DO 454

Sống Phúc Âm trong toàn bộ ý nghĩa 454
Sống Tin Mừng, tức là sống bằng đức tin : năm bước của đức tin 462

CẦU NGUYỆN 493

Cầu nguyện thế nào ? 494

Rủi ro của một lời cầu nguyện ngoại giáo 502
Tại sao cầu nguyện ?
Những nền tảng của sự cần thiết phải cầu nguyện 512

ĐÁNH BẠI ĐIỀU ÁC VÀ NỖI KHỔ 531

Ô nhục của điều ác... 532
... có thể trở thành một bí ẩn của sự thanh tẩy 544

KẾT LUẬN

THÁNH THỂ TÓM TẮT MỌI SỰ 557

Sát nhập vào Chúa Kitô,
Đấng tự hiến làm lương thực 558
Dấu hiệu hiệu quả của nhiệm vụ con người
đã hoàn thành 564
Lễ Tạ Ơn 577
Bí tích của cộng đồng nhân loại cần xây dựng 582

Lời kết 590